

# VIÊN GIÁC



SỐ - NR. **104** TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*  
NĂM THỨ 20 ■ THÁNG 4 ■ JAHRGANG 20. ■ APRIL 1998 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH





**M**ùa Xuân đã đến rồi, mang lại bao hy vọng cho đất trời, vạn hữu, chúng sanh; trong đó có con người đang sinh hoạt trên quả địa cầu này.

Trong thời gian qua tại Âu Mỹ cũng như Á Châu và Úc Châu, ngay cả Phi Châu đang xôn xao bấn loạn, thường thức, chiêm nghiệm và cổ động cho phim Kundun của Tây Tạng rất nhiều. Đây là một cuốn phim vừa có tính cách Tôn Giáo, vừa có tính cách chính trị. Phim được 4 giải thưởng Oscar và đang được trình chiếu khắp nơi trên thế giới, kể cả tại xứ Đức này.

Giá trị của phim này bao gồm nhiều ý nghĩa thực tại của đời sống. Do vậy mà chữ Kundun cũng mang ý nghĩa như thế. *Kun* tiếng Tây Tạng có nghĩa là Phật và *dun* có nghĩa là ngay bây giờ, ở tại đây. Dịch chung có nghĩa là Phật Tại Thế. Phim được đóng bởi những tài tử không chuyên nghiệp diễn tả lại cuộc đời của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, từ khi đi tìm hóa thân của Ngài, cho đến khi được lên ngôi, điều hành Phật sự cũng như thế sự. Rồi chủ nghĩa cộng sản đã nhậm đồ Tây Tạng, cho đến khi Ngài tìm cách trốn đi lánh nạn khỏi Tây Tạng và việc hội kiến với Mao Trạch Đông để thương lượng về 17 điều khoản mà không thành công. Nên cuối cùng Ngài đã đi đến Ấn Độ để tỵ nạn từ năm 1959.

Chắc chắn chính quyền Trung Quốc hiện tại sẽ không vui về phim này. Vì những người ở thế giới tự do khi nghe đối thoại giữa Mao và Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng như bóng dáng của những lá cờ đỏ và đoàn quân xâm lược, chắc chắn Trung Quốc sẽ bị phê phán nặng nề và bị thất lợi trên mặt trận ngoại giao trong hiện tại. Nhưng sự thật bao giờ cũng là sự thật. Lịch sử chỉ ghi lại những trang sử trung thực; những gì mà đã xảy ra, chứ lịch sử không chạy tội, hay không thay trắng đổi đen như lòng người đã chủ trương và biện minh cho một chủ nghĩa của một dân tộc.

Về phần đạo, các diễn viên tuy không phải là diễn viên điện ảnh; nhưng đã diễn xuất một cách độc đáo, tuyệt vời, lột tả hết được mọi sự sâu thẳm của nội tâm và niềm tin của Tôn Giáo, nhất là về sự tái sinh của một vị Phật sống, hiện thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát theo truyền phái Phật Giáo Tây Tạng.

Cuối cùng rồi những Mạn Đà La làm bằng cát đủ màu rất công phu; nhưng cũng bị xóa đi, không còn một dấu vết gì cả. Điều ấy để chứng tỏ cho sự vô thường của nhân thế và sự vật. Nếu là Phật Tử chúng ta dễ chấp nhận việc đó và ngay cả những người bàng quan, sau khi xem phim cũng liễu ngộ được điều này. Vì Ngài, từ một chú bé nhà quê, sau

khi được nhìn nhận là tái sinh của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 thì cha mẹ đã được dự vào hàng quý tộc; nhưng khi quân Trung Quốc đến, cha Ngài bị giết. Rồi Ngài lên ngôi, được bao nhiêu người cung kính, lễ bái, chúc tụng; nhưng ngài vàng đối với Ngài không quyến rũ mấy bằng tình thương và trí tuệ của một vị Bồ Tát, để rồi Ngài phải từ già tất cả, sống một cuộc sống lưu vong 40 năm tại xứ người. Đó không phải là vô thường sao ?

Phim thứ 2 không được chiếu trên các rạp chiếu phim của Âu Mỹ; nhưng trong giới người Á Châu, nhất là Phật Tử Trung Hoa đã xem qua. Đó là phim Phật Quang Sơn tại Đài Loan, kỷ niệm 30 năm có mặt trên quả địa cầu này. Phim diễn tả về sự thành lập Phật Quang Sơn và vị khai sơn ra hệ phái này. Đó là Ngài Tinh Vân Đại Lão Hòa Thượng.

Ngài cũng chạy nạn cộng sản từ Trung Hoa lục địa sang Đài Loan kể từ khi Mao Trạch Đông thắng Trung Hoa Quốc Dân Đảng năm 1949. Suốt mấy mươi năm trường ấy Ngài đã cố gắng từ hai bàn tay không, bây giờ đã có Chùa viện và Tăng Ni khắp mọi nơi trên thế giới. Ngài là tác giả của quyển: *Thiên Kim Tiểu Thủ, Vạn Kim Hòa Thượng*, mà Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã dịch tác phẩm nổi tiếng này thành "*Thoát Vòng Tục Lụy*".

Nhiều người đã ví Ngài là tiền thân của Vị trời Đế Thích. Vì lẽ nhờ làm phước mà ngày nay Ngài đã thọ hưởng vinh hoa phú quý như một ông vua ở cõi Dục Giới này. Nhưng Chùa viện do Ngài xây nên tại Mỹ Châu, Úc Châu và Á Châu to lớn, bề thế không khác gì chốn Hoàng Cung của những triều đại huy hoàng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Mỗi lần Ngài đi đâu và thuyết giảng cũng có cả hàng hàng lớp lớp người theo nghe pháp cũng như hỗ trợ những công việc Phật sự của Ngài; nên tiếng tăm của Ngài cũng lan xa đi khắp quả địa cầu này; nhưng đồng thời sự thị phi như nghĩa cũng không phải là không có. Vì tâm lý chúng sanh khi thấy người khác nghèo thì khinh, giàu thì ganh, đẹp thì ghen, sang thì ghét v.v... nhưng dưới mắt của Ngài có lẽ tất cả bấy nhiêu đó cũng giống như: Phiền não tức bờ đề.

Cuốn phim thứ 3 được các Phật Tử Việt Nam xem trong thời gian qua. Đó là cuốn phim Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc. Phim gồm có 2 phần. Phần đầu nói về sự hình thành của ngôi chùa và phần hai ghi lại những pháp bảo và các lễ hội tại chùa trong thời gian 20 năm qua tại xứ người. Phim được ra đời, đã có người xem. Người cảm động, hiểu biết, hỗ trợ cũng không phải là ít; nhưng đồng thời những lời phê bình, chỉ trích cũng không phải là không có. Nhưng dầu dờ, dầu hay, tất cả cũng chỉ là: bóng câu qua cửa sổ, ánh trăng nơi mặt nước mà thôi.

Phim của Tây Tạng kỷ niệm 40 năm Đức Đạt Lai Lạt Ma sống tại ngoại quốc và đang hoạt động cho một nền Hòa Bình, Độc Lập cho Tây Tạng. Phim thứ 2, kỷ niệm 30 năm hoàng hóa Phật Pháp của một bậc Đại Sư Trung Quốc và phim thứ 3 kỷ niệm 20 năm người Phật Tử Việt Nam hiện diện trên nước Đức nói riêng và trên khắp năm châu lục này. Cả 3 phim ghi lại cái mốc của thời gian 40 năm, 30 năm và 20 năm, tất cả dường như có một điểm chung. Đó là mang giáo pháp từ bi, trí tuệ và lợi tha của Đức Phật ra bên ngoài thế giới của Á Châu, đồng thời cũng để ghi dấu lại sự vươn lên của Phật Pháp, khi bị người cộng sản đàn áp tại quê hương của mình.

Xin chấp tay cầu nguyện cho quê hương, đất nước và tình người được thể hiện khắp nơi trên hoàn vũ này.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

# TÔN GIÁO

## Bí ẩn về Tiền Kiếp và Hậu Kiếp

● Tác giả ĐOÀN VĂN THÔNG

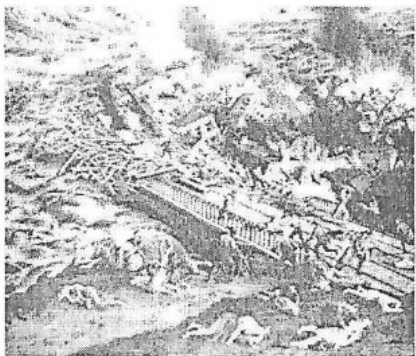
### CHƯƠNG VII

#### HIỆN TƯỢNG LUÂN HỒI: GIẢI THÍCH MỘT SỐ THẮC MẮC CỦA CON NGƯỜI TỬ CỐ ĐẠI ĐẾN NAY

(Tiếp theo VG 102)

##### ■ Chu kỳ lịch sử và thời đại có liên hệ đến sự chuyển sinh

Nghiên cứu lịch sử văn minh thế giới, các nhà sử học, địa lý học, xã hội học, phong tục học... nhận thấy có những giai đoạn thời gian liên quan đến sự phát triển hay suy thoái về nhiều mặt: Dân số, phong tục, nền văn minh... cũng như cả về mặt khí hậu, thiên tai (động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, đất trượt, hạn hán).



Hàng ngàn người chết khi những đập nước ở thành phố Johnstown bị vỡ. (Ảnh tư liệu của The Worth Book Encyclopedia, USA, 1961)

Đối với các nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi, qua các tài liệu thu thập từ cổ đại đến nay, họ đã tìm hiểu và phân tích một số trường hợp đặc biệt có liên quan giữa những sự chuyển sinh của hàng loạt linh hồn với những thời gian và thời đại tương ứng.

Từ lâu nhiều người đã thắc mắc rằng nếu quả thật có số mệnh, có luân hồi thì tại sao lại có trường hợp hai trái bom nguyên tử của Mỹ đã tiêu diệt hai

thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản và giết chết một lúc hàng chục vạn người? Tại sao hàng triệu người dân Do Thái bị đưa vào phòng



Hàng loạt người bị tàn sát một cách dã man dưới tay bọn Đức Quốc Xã (Tài liệu trong World Book - USA - 1961)

hồi ngục của Đức Quốc Xã để chết một cách tức tưởi? Chỉ riêng ở trại giam Auschwitz cũng đã có trên một triệu người bị giết. Nhưng trường hợp ấy thuyết luân hồi quả báo giải thích ra sao?

Trở lại trường hợp một người Hoa Kỳ có khả năng biết được tiền kiếp của người khác khi ông đưa họ vào giấc ngủ thôi miên - ông Edgar Cayce - đã thu thập được vô số trường hợp khác nhau về những gì liên hệ tới hiện tượng đầu thai và quả báo mà tài liệu có khoảng 30.000 hồ sơ còn lưu trữ tại viện nghiên cứu các hiện tượng siêu hình ở Virginia Beach thuộc tiểu bang Florida. Chính nhờ các tài liệu này mà nhà biên soạn Gina Cerminara đã có thể viết lời giải thích - tuy không phải là tất cả và hữu lý tuyệt đối - cho những câu hỏi trên. Câu trả lời sẽ là có những nhóm linh hồn đầu thai hàng loạt trở lại để sống trên quả đất và theo thời gian đã định, theo hoàn cảnh thời đại, môi trường, những con người ấy sẽ gặp nhau cùng một nơi chốn nào đó để một lần hay lần lượt chịu quả báo. Điều này giải thích được nguyên nhân nào có sự chết đồng loạt: Như trận động đất ở Nhật năm 1923 đã giết hại hơn 140.000 người (đó là chỉ riêng ở thành phố Tokyo thôi). Hay trận động đất ở Lisbon,

Portugal, năm 1755 đã khiến 60.000 người chết... Riêng ở Ý, trận phun lửa của hòa diệm sơn Vesuvius chôn vùi toàn bộ thành phố Pompeii với hàng vạn dân cư. Tro nóng của núi lửa đã khiến cho nhiều người chết nhanh đến độ có người vẫn còn giữ nguyên dáng điệu đứng, ngồi hay biểu lộ các cử chỉ hết hoàng, kinh hoàng... Sau này khi khai quật thành phố trở lại mới thấy điều đó.



Trận động đất khủng khiếp tại Tokyo (Nhật Bản) năm 1923 giết hại hơn 140.000 người. (Tư liệu từ The World around us - Reader's Digest - USA 1977)

Trận động đất ở Lisbon năm 1755 đã giết hại 60.000 người chỉ trong một giờ (lúc 9 giờ 40 phút sáng). Ảnh tư liệu của Reader's Digest Book of Facts - The Reader's Digest Association Inc. New York - 1987)

Tuy nhiên cần lưu ý rằng, trong những trường hợp gọi là chết đồng loạt ấy thật sự đôi khi vẫn còn một số người hoặc duy nhất còn một người sống sót. Trường hợp này được giải thích qua nhiều lập luận:

Thứ nhất có thể những người còn sống sót chưa đến hạn kỳ phải chịu đại nạn. Có người còn sống sót nhưng đôi khi họ lại còn bị khổ đau dày dora hơn những loạt người đã chết trước đó. Trong một trại giam người Do Thái của Đức Quốc Xã, có lần hai tù nhân vượt trại trốn vào rừng. Sau bao gian nan nguy hiểm, một người bị quân Đức bắt lại, người thứ hai thoát được. Khi chờ về trại thì những người bị giam trong các căn trại ấy đã bị vào lò hơi ngạt hết. Bọn Đức liền đẩy người này vào nhóm người Do Thái thứ hai ở những trại kế tiếp để chờ đợi ngày vào phòng hơi ngạt.

Khi ngày ấy đến, trong lúc đoàn người bị đưa lên xe cây chuẩn bị di chuyển thì một người Do Thái nổi điên xông vào đám lính Đức cầu xé. Nhân cuộc

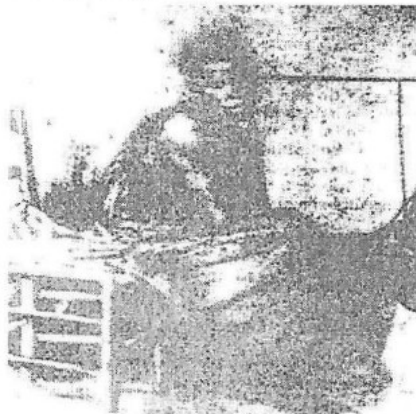
lộn xộn xảy ra, người này trốn khỏi đám đông chạy vào ẩn trong một nhà kho. Tuy nhiên lính canh bắt được và người này bị lính Đức đánh đập vô cùng tàn nhẫn và cuối cùng anh ta cũng bị đưa vào phòng hơi ngạt.



Cô Helen Hix, được coi như người "chưa tới số" khi bị đưa lên ghế điện xử tội buôn ma túy đã không chết mặc dù luồng điện 10.000 volts đã được truyền vào ghế điện.

Hồ sơ người này đã được quân Đức lưu trữ và thường dùng để làm gương cho những người trốn trại. Qua hồ sơ ấy ta thấy rõ ràng người này tưởng là may mắn nhưng quả thật anh ta không may mắn chút nào nếu so với những người Do Thái trước đó đã vào lò hơi ngạt. Những người ấy chết một lần, còn anh ta, trước khi chết lại phải vào sanh ra tử bị dày dạn khổ đau cả tinh thần lẫn thể xác. Tuy nhiên có khi người sống sót lại được an toàn cho đến tận đời, ấy là do nghiệp quả của họ phải chịu sự lo sợ kinh khiếp nhưng không phải chết ngay được. Như trường hợp cô Helen Hix, 33 tuổi bị chính quyền Tân Gia Ba buộc tội buôn lậu ma túy và đã bị đưa vào phòng xử tử bằng phương thức ngồi ghế điện. Cô Helen Hix kính sợ đến độ chết đi sống lại nhiều lần trước khi bị đưa lên ngồi ghế điện. Khi dòng điện 10.000 volts truyền vào ghế thì cô này thét lên những kỳ lạ thay điện cao thế ấy lại không giết được cô mà chỉ làm cháy xém một vài nơi ở tay và chân thôi. Điều kỳ lạ này cho ta một giải thích mỗi theo ý nghĩa quả báo luân hồi là tội nhân phải chịu hình phạt ghê rợn làm khổ đau khiếp đảm tử cả tinh thần đến thể xác nhiều lần. Về chu kỳ lịch sử, thời đại và sự xuất hiện của những nhân vật lịch sử vào những thời kỳ tương ứng chính là hạn kỳ, giai đoạn mà những linh hồn nào đó được luân hồi tái sinh trở lại. Có những linh hồn

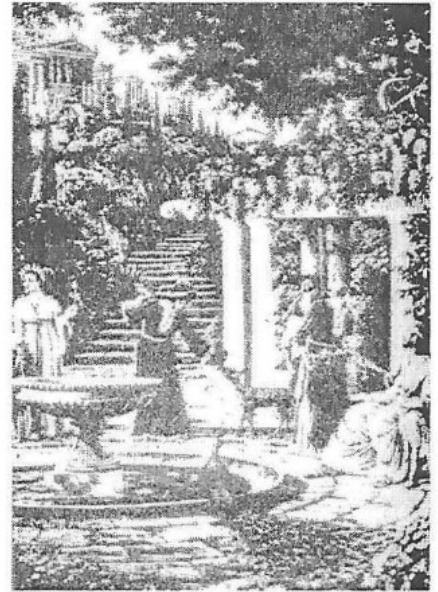
chờ đợi hoàn cảnh sự kiện thích ứng cho mình để nhắm đúng thời gian để đầu thai. Những nhà thông thái, những người làm nên lịch sử, sáng chế, phát minh, phát triển văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, tạo cuộc cách mạng, làm thay đổi thể chế chính trị nào đó v.v... đều là những người mà trước đây có thể họ cũng đã có những tài năng tương ứng và sự luân hồi là cả một sự tiến hóa, hơn nữa có thể họ chưa đạt ý nguyện về những công việc, những hoài bão từ tiền kiếp nên họ sẽ mong chờ được chuyển sinh trở lại để hoàn tất những gì của mình đang bỏ dở chưa hoàn thành. Xét về mặt khoa học kỹ thuật, câu hỏi được đặt ra là những nhà khoa học, phát minh tài ba xuất hiện ở những thế kỷ trước và những thế kỷ hiện nay như Galilée, Einstein... có phải là cùng phát xuất chỉ từ một vài người thông minh nào đó ở thời đại xa xưa và qua sự tiến hóa của hiện tượng luân hồi mà giờ đây họ lại tái sinh và có lẽ trong những thế kỷ kế tiếp họ lại tái sinh ?



- Người duy nhất được sống sót (Léon Compère - Léandre, người da đen 28 tuổi). Sau khi hỏa diệm sơn Pélée phun lửa tiêu diệt cả thành phố và dân cư tại đây vào năm 1902. Phải chăng đây là số mệnh an bài hay là vấn đề có liên quan đến thuyết nghiệp báo luân hồi? (Ảnh tư liệu trong The People's Almanac của David Wallechinsky và Irving Wallace - Bantam Books - 1978 - USA).

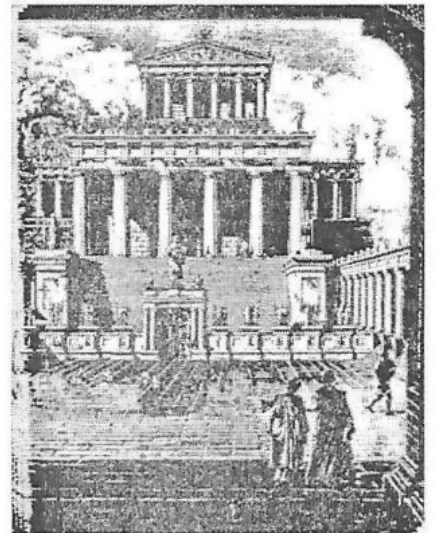


- Edgar Cayce, Hoa Kỳ người đã thấy tiền kiếp qua giấc ngủ thôi miên. (Ảnh tư liệu trong Mystic Place - Time life Books, Alexandria, Virginia - 1987).



- Châu Atlantic xuất hiện cách đây hơn mười nghìn năm đã có một đời sống văn minh phát triển. (Ảnh tư liệu trong Mystic Places Time.

- Đền đài cung điện ở châu Atlantic.



Theo sự tìm hiểu của ông Edge Cayce khi ông khám bệnh theo phương thức thôi miên để đưa bệnh nhân về quá khứ xa xăm hay tiền kiếp của bệnh nhân, ông được biết xưa trên quả đất chúng ta đang sống có những đất nước, những dân cư, những nền văn minh phát triển. Nhưng qua những đợt biến bất ngờ của quả địa cầu như núi lửa, động đất, đại hồng thủy v.. v. mà nhiều quốc gia, nhiều nền văn minh bị xóa tên và biến mất trên bản đồ thế giới. Chẳng hạn Châu Atlantic là một vùng đất rộng lớn có nền văn minh và lịch sử vô cùng phát triển. Không 10.000 năm trước công nguyên, do một cuộc đại biến về địa chất mà lục địa này bị chìm xuống đáy đại dương. Hiện nay các nhà hải



- Một trận động đất cùng với núi lửa phun làm chôn vùi toàn thể nền văn minh của châu Atlantic xuống đáy Đại Tây Dương. (Ảnh tư liệu trong Mystic Places - Time - Life Books, Alexandria, Virginia, USA).

đường học thình thoàng vẫn còn tìm thấy những vật dụng lạ lùng về châu này, những dấu tích kỳ bí cao siêu chúng tỏ xưa kia dân của Châu này có nền văn minh phát triển còn hơn cả nền văn minh của con người ngày nay. Cuộc đại biến lớn lao ấy đã khiến cho gần như hầu hết dân cư của Châu Atlantic bị tiêu diệt. Đây cũng có thể xem như sự hủy diệt đồng loạt những nhóm, loài nào đó ở một giai đoạn thời gian và hoàn cảnh nào đó. Rồi qua sự tái sinh những người ở Châu này sẽ lại đầu thai vào những thời đại tiếp theo cho đến ngày nay. Dĩ nhiên những linh hồn thông minh, tài năng của Châu Atlantic xưa cổ này sẽ lại trở thành những người tài giỏi của các quốc gia sau đó và hiện nay cũng như tưởng lại qua sự tái sinh luân hồi. Khi trình bày về vấn đề này, ông Edgar Cayce gặp sự nghi ngờ của nhiều người vì thắc mắc của họ lại gia tăng về một nền văn minh vượt bậc lại xuất hiện trước nền văn minh bây giờ. Làm sao lại có được điều kỳ lạ đó khi các nhà địa chất, sinh vật học, xã hội học, sử học lại xác định sự xuất hiện của nền văn minh loài người chỉ xuất hiện ở một giai đoạn thời gian nào đó không xa lắm nghĩa là mỗi đây thôi, trong khi nền văn minh của Châu Atlantic lại ở khoảng thời gian còn xưa cổ hơn nữa. Thật ra, những khám phá và xác định của con người từ trước đến nay về quá đất, về sinh vật, về con người về nền

văn minh không hẳn là hoàn toàn chính xác. Nhà bác học nổi danh Pierre Lecomte du Nouy đã ghi nhận về những nền văn minh xuất hiện vào thời xưa cổ như sau:

"Lịch sử đã cho chúng ta biết về nhiều nền văn minh đã có một trình độ vượt trội nền văn minh của chúng ta hiện nay. Nhưng tất cả chúng đã sụp đổ vào giai đoạn sắp đạt tới mục đích mà đời sống đã quá thuận lợi và tuyệt hảo đến độ những người cầm đầu lại đi vào cuộc sống đam mê nhu nhược và sa đọa khiến họ mất đi những gì về đức độ phẩm hạnh và làm họ biến thành những kẻ hèn yếu, dâm man, tàn bạo, vô lương chỉ biết có xa hoa trụy lạc. Quàn chúng khi ấy nhận thức được nguy cơ của sự suy vong nên với những phương tiện có sẵn, dọn đường cho những con người mới xuất hiện, những con người có đủ đức tính mà những người trước đã đánh mất.

Như vậy, chính đời sống tiện nghi cực độ sẽ dẫn đến sự suy tàn..."

Nếu xét về những thời đại lịch sử không xa lắm chúng ta cũng thấy được một vài sự kiện chứng minh về nhận định trên như sự hủy diệt của toàn bộ thành phố Pompei có nền văn minh phát triển.

Một số nhà khoa học cho rằng sở dĩ từ lâu thế giới ca ngợi nền văn minh Ai Cập cổ đại là vì họ đã tìm thấy ở đó những dấu vết, hình ảnh từ kim tự tháp và trong kim tự tháp có những thứ còn may mắn tồn tại qua thời gian, những vật dụng nói lên sự tiến bộ của loài người thời đó.



Hàng vạn người chết đồng loạt tại thành phố Pompei khi tro hoà sơn chôn vùi cả thành phố. (Tài liệu trích từ Our World of Mysteries - của Suzanne Lord - USA, 1991).

Nhưng nếu nghĩ thêm rằng sở dĩ người Ai Cập có được sự văn minh tiến bộ, chắc hẳn họ phải được kế thừa bởi những nền văn minh nào đã có trước đó. Nhưng không may là những nền văn minh trước đó đã bị hủy diệt bởi nhiều lý do. Ta không thể loại trừ lý do về những đại thiên tai ghê gớm mà

ngày xưa Kinh thánh có nhắc lại hay những hiện tượng đại biến của quả địa cầu như Cuvier đã nêu ra.

Baron Cuvier là một nhà sinh vật học nổi tiếng của nước Pháp, ông sinh năm 1769 và mất năm 1832. Thuyết nổi tiếng của ông là thuyết đại biến địa chất (geological catastrophe). Theo ông thì quả đất từ khi được thành lập đến nay trải qua nhiều cuộc đại biến vì thế làm thay đổi diện mạo mặt đất và nhất là khiến cho nhiều loài sinh vật bị diệt vong và nhiều loài sinh vật khác xuất hiện. Điều này giải thích nguyên nhân vì sao các sinh vật cổ xưa nay không còn tiếp tục phát triển. Những tác nhân gây nên tai biến là những trận động đất khủng khiếp, những sóng thần, những trận phun lửa của hỏa sơn xảy ra rộng khắp cả quả địa cầu. Cũng theo Cuvier thì những cuộc đại biến này thường xảy ra theo từng chu kỳ. Mọi sinh vật sẽ chịu sự biến đổi theo từng chu kỳ ấy. Sinh vật phát sinh, phát triển rồi đồng loạt bị tiêu diệt vì một thảm họa lớn lao nào đó.

Như vậy thì thuyết cho rằng có những thời đại văn minh xuất hiện trước đây trên quả đất và nay bị tận diệt cũng không có gì là vô lý hay quá đáng. Trở lại châu Atlantic mà nhiều tài liệu đã xác nhận và mỗi đây sau khi nhiều nhà hải dương học nghiên cứu những vết tích dung nham do núi lửa phun ra bám lên sợi dây cáp đặt ngầm ở đáy biển, các nhà nghiên cứu đã dùng cầu lặn để thám hiểm và chụp hình đáy Đại Tây Dương nhiều lần, họ thấy nơi đây có những đường nứt toạc rất lớn. Ngoài ra những mẫu dung nham được xác nhận là lúc đầu ở đất liền sau đó mới chìm xuống đại dương, điều này chứng tỏ trước đây Đại Tây Dương là một lục địa lớn. Mỗi đây, một số báo chí, nhất là tại Hoa Kỳ cho rằng nhờ máy quang tuyến cực mạnh trang bị từ những vệ tinh, đã phát giác ra được những đường ngầm rộng từ 400 đến 500 yards cao độ 50 feet nằm ngay trên vùng được mô tả là Châu Atlantic. Phải chăng đây là những đường nứt toạc ở đáy Đại Tây Dương hay là những con đường đi đến Châu Atlantic. Theo các nhà khoa học thì đường ngầm này đủ sức để một phi thuyền không gian đi qua. Điều này cũng giải thích thêm nguyên nhân nào từ lâu các tàu bè hay máy bay khi qua vùng Bermuda (tam giác quỷ) phần lớn đều bị "hút" mất xuống tận Atlantic.

Vấn đề dù sao vẫn còn trong vòng bàn cãi. Tuy nhiên đối với thuyết luân hồi tái sinh thì vẫn khẳng định rằng có những nhóm linh hồn đồng loạt được chuyển sinh vào những thời đại, hoàn cảnh, môi trường nào đó thích hợp cho nghiệp quả của họ. Vì thế mà đôi khi có những trường hợp lạ lùng hàng loạt người chết một lần vì những tai nạn nào đó như thiên tai, bão lụt, rớt máy bay, tàu chìm, bị pháo kích, oanh tạc. Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều ngôi làng mà dân chúng bị tàn sát tử người già đến con trẻ không còn một ai. Sự chuyển sinh hàng loạt và để thường, phạt, trả quả một lần đôi khi thể hiện rất rõ ràng.

Ngay cả trường hợp bệnh lý cũng vậy như trường hợp dưới thời đại vua Charles I ở nước Anh, các báo cáo về y học cho thấy có vô số người dân Anh bị sạn trong ống dẫn tiểu hoặc bị sạn thận. Trong lịch sử nhân loại có nhiều giai đoạn phát sinh những chứng bệnh lạ lùng, riêng biệt, chứng ôn dịch v.v.. loạn trong thế kỷ 20 bị bệnh ung thư rất nhiều và chuẩn bị qua thế kỷ 21 là chứng bệnh AIDS phát triển và sẽ đồng loạt tấn công loài người ở một tương lai không xa nếu không có phương thuốc nào có khả năng chặn đứng. Trong thời kỳ ở Việt Nam có phong trào vượt biển, nhiều ghe tàu đi song suốt nhưng cũng có nhiều chiếc bị chìm kéo theo vô số người trên tàu xuống biển. Trong một chuyến vượt biển như vậy thường quy tụ rất nhiều người có lứa tuổi khác nhau, phải tính, trình độ trí thức, khác nhau và đặc biệt họ ở những nơi khác nhau, người ở Huế người ở Quy Nhơn, người ở Sóc Trăng người ở Quảng Trị. Họ cùng bỏ hết mọi việc để tập hợp lại một nơi đó rồi cùng xuống tàu và cuối cùng đôi khi tất cả cùng chết theo tàu.

Phải chăng những linh hồn này cùng trả quả đồng loạt? Tuy nhiên ở kiếp



Hiroshima thành bình địa khi quả bom nguyên tử thả xuống thành phố này, Hàng vạn người chết một lượt. (Ảnh tài liệu của tạp chí Awake! (Tháng 12 - 1991 - USA)

chuyển sinh tiếp theo không phải họ đồng loạt đầu thai vì kiếp hiện tại mỗi người đã tạo những nghiệp quả khác nhau nên sẽ đầu thai tiếp theo những hoàn cảnh và thời gian khác nhau để trả báo tương ứng. Sự chết đồng loạt của những người này chỉ có thể nói lên rằng ở kiếp trước họ đã có những hành động tàn ác tương tự nhau như tàn hại ai khiến họ phải chết vì những nguyên nhân thuộc về sông biển, về nước và khi hoàn cảnh, thời gian, môi trường, sự kiện đang xảy ra, thuận hợp cho việc thực hiện sự trả thì những người này tự nhiên có ý hướng đi tìm điều kiện thuận lợi cho quả báo tiến hành. Cũng theo lý luận của triết gia Schopenhauer thì với cái sâu xa vi diệu của thuyết luân hồi, con người có thể thấy lại được mình ngay mặc dù như ẩn trong cái vòng sinh tử và nhờ sự chuyển sinh mà những người sống đồng thời với ta có thể lại tái sinh cùng ta với những thái độ, tình cảm cũng như trước đó.

**Khi tìm hiểu về vấn đề tái sinh đồng loạt tưởng cũng nên xét về mặt dân số thế giới và vấn đề sinh sản.**

Xét về mặt dân số thế giới và vấn đề sinh sản:

Theo Casper (năm 1835) khi viết về vấn đề: Luận theo kỳ hạn của kiếp nhân sinh cũng đã cho rằng mỗi quốc gia, số sinh và số tử của dân số liên hệ nhau và sự thụ thai của một số dân tộc nào đó có một ảnh hưởng lớn đối với số sinh và số tử của dân tộc đó. Theo Schopenhauer thì có một sự liên quan giữa sự sinh ra của những sinh vật mới cùng với cái chết của những sinh vật không còn sống nữa và cũng theo triết học này thì sự liên hệ này có thể thấy rõ qua những hiện tượng xảy ra trên thế giới như: sau những thảm nạn ghê gớm xảy ra trên quả đất như các trận ôn dịch, các trận thế chiến... thì nhân loại lại sinh sản nhiều hơn để bù trừ cho số lượng người bị mất đi. Điềm qua lịch sử thời Trung cổ thấy những nạn ôn dịch hoành hành làm mất đi một số lớn dân số, nạn dịch hạch lúc đó được xem như một thảm trạng khủng khiếp đối với nhân loại, hàng ngàn người chết mỗi ngày và bệnh dịch lan tràn nhanh như cơn lốc qua nhiều tỉnh, nhiều quốc gia... Sau nạn dịch ấy, tự nhiên sinh suất của nhân loại tăng lên một cách mau

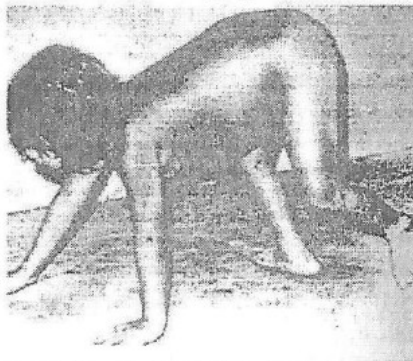
chóng và đặc biệt, số trẻ con sinh đôi cũng rất nhiều. Điều đặc biệt kỳ lạ là đồng thời với sự gia tăng số lượng trẻ con ra đời, các cháu bé về sau đều thiếu răng nếu so với các trẻ ở thời đại khác cùng lứa tuổi. F. Schnurrer đã trình bày rất rõ vấn đề này trong cuốn Chronik der Seuchen (năm 1825) và đã nêu câu hỏi: Phải chăng thiên nhiên, qua sự cố gắng để cố bù trừ số lượng người trên quả đất này bị mất đi, đã xử dụng quá nhiều sinh chất cấu tạo nên cơ thể gây sự thiếu hụt một vài phần tử nào đó? Qua thuyết luân hồi, giữa những người mỗi sinh ra và những người mỗi chết đi có liên hệ ràng buộc nào đó. Điều này, theo Schopenhauer thì rõ ràng thấy rõ khi suy nghĩ, phân tích những thiên tai, ôn dịch, số người chết quá nhiều thì tự nhiên số sinh sản lại gia tăng nhất là số trẻ con sinh đôi tự nhiên nhiều lên một cách lạ lùng (điều này đã nói đến trong những phần khác ở cuốn sách này). Triết gia Arthur Schopenhauer đã từng phát biểu như sau: "Sự luân hồi tái sinh là hình thức phổ biến thể hiện sự luân chuyển theo vòng tròn của vòng sinh tử và tử sinh, nhờ đó mà có được đời sống trường tồn, một bản chất bất chấp sự tuần hoàn không ngừng nghỉ của thời gian cũng như nội dung của nó. Mỗi khi cá nhân bị tiêu diệt bởi cái chết thì cá nhân mới lại sinh ra do sự sinh dục, và những người chết đi có thể lại xuất hiện ngay trong số những người mới sinh ra...". Đặc tính của cha và mẹ sẽ được thấy lại nơi con cái họ "Mỗi khi cái chết làm tiêu diệt sinh vật thì sự sinh dục lại tái tạo những sinh vật mới. Schopenhauer đã trình bày trong cuốn siêu hình sự chết về vấn đề sau đây: "nếu quan sát tìm hiểu khái quát hệ thống sinh vật từ loài thủy sinh vật cho đến loài người theo thứ tự cấp bậc ý thức, ta sẽ thấy nhờ có sợi dây sinh dục phát sinh trong chúng loại mà các sinh vật từ cấp thấp đến cấp cao vẫn được duy trì qua thời gian mặc dù cái chết vẫn không ngừng làm mất đi các cá thể sinh vật..."

Tuy nhiên đôi khi có thể thấy được sự tái sinh luân hồi thể hiện qua những hiện tượng hay hình ảnh trung gian khi xét đến trường hợp những trẻ con sống với thú rừng.

**Trường hợp những trẻ con sống với thú rừng :**

- Khi xét về những trường hợp lạ kỳ đặc biệt về những em bé sống với thú trong rừng sâu núi thẳm thì câu hỏi được đặt ra là tại sao trong hàng triệu con trẻ sinh ra lại có những đứa bé chịu cuộc sống man dã với loài thú có khi đến cả mười mấy năm trời. Trên thế giới không hiếm trường hợp trẻ con bị thú rừng bắt đi, đôi khi may mắn hay một lý do nào đó mà cho đến nay các nhà khoa học vẫn chưa thể giải thích được là có những cháu bé bị beo, gấu bắt mang vào rừng nhưng không bị ăn thịt mà để cho sống theo đàn.

Năm 1973 báo Sunday Time ở Hoa Kỳ (ngày 26 tháng 8) có đăng tải một tin liên quan đến một em bé 12 tuổi sống chung với đàn khỉ trong rừng tại miền nam Sri Lanka. Dân làng sống gần đó đã trông thấy cháu bé này và mang về làng. Đây là một đứa bé trai, khi di chuyển chỉ bò và nhảy xồm như khỉ chứ không đi được. Vì khi sinh ra được 6 tháng thì em bé này bị đàn khỉ bắt theo chúng. Từ đó, trong suốt 11 năm, em bé này hoàn toàn sống chung với khỉ nên cách phát âm giống khỉ chứ không nói được tiếng người.



Em bé sống với đàn khỉ được tìm thấy tại vùng hoang dã thuộc miền nam Sri Lanka. Em bé này di chuyển bằng 4 chân. (Ảnh tài liệu trong The World's most Incredible Stories - Avon Books - USA, 1992)

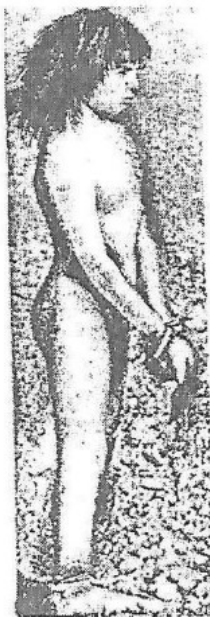
Mới đây tại một vùng hẻo lánh ở Ấn, một nhân viên kiểm lâm đã gặp một em bé sống lẫn lộn trong đàn sói rừng. May mắn là em bé này chỉ mới bị sói bắt vài tháng nên khi cha mẹ em đem em về nhà săn sóc chu đáo, em đã trở lại đời sống bình thường của một con người.

Cách đây 9 năm (1980) tại Úc một em bé đã bị chó sói bắt vào rừng. Em bé này mới sanh được 3 tuần lễ nhưng thay vì nuôi em bé, chó sói này đã giết em. Lúc đầu dân làng không biết rõ chuyện này nên khi thấy xác em lại tưởng là người mẹ đã giết em rồi đem bỏ vào rừng. Nhưng sau đó, qua sự

điều tra cẩn thận của cảnh sát, người ta mới biết rằng em bé đã bị chó sói loại Dingo, một loại sói rừng du tợn ở Úc Châu giết chết. Thế là người mẹ của em bé được minh oan.

Ngày 11 tháng 12 năm 1954 tại Tân Đề Li cảnh sát Ấn bắt được một em bé sống lẫn lộn trong rừng. Họ gọi em là "em bé sói" vì em sống với một đàn sói rừng. Tên em là Ramy (khoảng độ 16 tuổi). Em bé được đưa về bệnh viện săn sóc nuôi nấng đàng hoàng nhưng đã qua nhiều năm vẫn không bỏ được tính sói và thích chạy 4 chân hơn là đi bằng 2 chân. Tháng 2 năm 1977, tại Indonesia, một em bé đã lạc trong rừng khi theo mẹ đi hái nấm. Em bé này đã sống chung với một đàn sói và mãi đến 6, 7 năm sau người ta mới phát hiện ra em và đem về nhà. Em bé quên hết cả tiếng người, quên cả cách ăn uống và cách đi đứng. Tại Ấn Độ, trong một cuộc hành quân, một binh sĩ Ấn bắt gặp một em bé lẫn trong đàn sói. Khi sói phóng mình vào rừng sâu thì em bị bỏ lại bên bờ suối. Bé sói này được đem về nuôi cẩn thận nhưng em chết một năm sau đó (năm 1944). Người mẹ ruột của em đã nhận ra con mình nhờ trên mình em bé có một vết sẹo.

Tuy nhiên, đặc biệt nhất về chuyện các em bé sói là 2 chị em cô gái sống chung với đàn sói đã nhiều năm trong rừng ở Ấn Độ, vào năm 1920.



⇒ Em bé này đã sống chung với đàn sói rừng một thời gian (Tài liệu trong Science et Vie - 1963)

giả nhân. Khi nhìn kỹ, mục sư thấy rõ ràng đây là 2 người con gái tóc tai xòa dài, móng tay dài, thường nhe răng ra để hăm dọa. Khi thấy mục sư lại gần, 2 cô gái nhảy ngay xuống đất và chạy

bằng 4 chân để chạy theo 5 con chó sói đang ở gần đó. Mục sư thấy làm lạ, liền yêu cầu cảnh sát Ấn tìm cách vây bắt 2 cô gái. Khi vòng vây siết chặt, 2 cô gái và cả bầy sói chống lại rất hăng. Cảnh sát phải nổ súng khiến tất cả 2 cô gái và 5 con sói bỏ chạy nhưng 2 cô gái tuy đã sống quen với đàn sói nhưng vẫn không chạy theo kịp đồng bọn và cuối cùng bị bắt. Mục sư đưa 2 cô gái về nuôi ở một trại cô nhi và đặt tên cho cô gái lớn độ 7, 8 tuổi là Kamala còn cô gái 6 tuổi là Amala. Mặc dầu được nuôi nấng và chăm sóc tận tình, 2 cô gái sói vẫn không bỏ được tính sói, thường tru lên vào mỗi đêm khuya khiến mọi người ở trại cô nhi rất sợ. Chỉ một năm sau Kamala chết vì cuộc sống không thích hợp. Còn Amala thì chết 10 năm sau đó. Suốt trong 10 năm được chăm sóc nuôi dạy, Amala đã tập được nhiều tánh người như tự mặc quần áo, ăn uống và tập đọc tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn như có ý muốn trốn chạy vào rừng...

Khoảng năm 1985, ở Kenya, một nhóm người Anh đi săn bắt gặp một đứa bé khoảng 9 tuổi đang di chuyển bằng 4 chân theo một đàn voi rừng. Một người trong nhóm đi săn tìm cách rình bắt đứa bé khi nó tách ra khỏi đàn voi đến bên bờ suối gần đó. Đứa bé có lớp da sần sùi, nâu đen và có nhiều vết sẹo lớn. Các bác sĩ ở Nakuru hết lòng săn sóc và nuôi nấng. Bác sĩ Batshavre Devoie ghi nhận những cử chỉ lạ lùng của đứa bé vì hầu hết các hành động của nó đều rập khuôn đúc với loài voi. Bác sĩ Devoie cho rằng: có lẽ đứa bé này đã bị voi bắt theo sống với chúng ít nhất là 2, 3 năm, và bác sĩ cũng đã kết hợp với sự kiện xảy ra trước đó khoảng 3 năm khi có một báo cáo cho biết có một đứa bé tên là Miru Gabon con của hai vợ chồng người Kenya bị hổ tha mất trong khi cha mẹ nó đang đi đào các loại củ trong rừng. Các dấu vết trên người đứa bé chứng tỏ nó đã bị thương vì móng vuốt của hổ. Nhưng có lẽ một đàn voi rừng đã tấn công khiến cặp phải tha đứa bé và sau đó đứa bé được voi đem về chăm sóc và dẫn dắt theo đàn.

Đối với các nhà khoa học, thì những trường hợp có thật vừa kể trên chỉ là trường hợp tình cờ, ngẫu nhiên nhưng đối với các nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi, tái sinh, thì đây không phải là vấn đề ngẫu nhiên. Không phải

vì tự nhiên mà trong số hàng triệu trẻ con mỗi có một trường hợp có trẻ bị thú rừng bắt theo chúng và sống theo đàn với chúng. Phải có một nguyên nhân sâu xa nào đó mà thuyết luân hồi quả báo gọi là nghiệp. Những trẻ con ấy đã có một liên hệ ràng buộc nào đó trong quá khứ (mà quá khứ ở đây phải được hiểu là tiền kiếp) với loài thú nào đó nên ở kiếp hiện tại còn phải tiếp tục liên lạc qua hình thức sống chung theo đàn... một thời gian nào đó và thời gian ấy chính là giai đoạn mà đứa bé phải trả nghiệp. Thường thì những đứa bé này không sống được lâu. Một số sau khi đã sống một thời gian với thú, được đem về sống lại với người chúng cũng khó gột rửa được tính thú và chỉ sống được vài năm rồi cũng qua đời. Như thế những trẻ này tuy được sinh ra nhưng rồi cũng không sống được kiếp người như mọi trẻ khác. Có lẽ chúng phải hoàn tất cho xong một kiếp mà kiếp đó chưa thể là kiếp người?

4. Một câu hỏi khác được đặt ra: do đâu mà dân số thế giới ngày nay lại đông lên trong khi thời cổ đại lại không nhiều?

Câu giải đáp của những nhà nghiên cứu về thuyết luân hồi lại nêu thắc mắc ngược lại: "biết đâu ngày xưa, vào những thời đại xa xăm, có những vùng đất rộng lớn đông dân cư và vì những đại tai biến nào đó như trận Đại Hồng Thủy chẳng hạn làm tất cả bị tiêu diệt?" Câu trả lời cũng có thể dựa vào thuyết đột biến của Cuvier như đã trình bày từ trước. Rằng qua những cuộc đột biến ấy mà một số rất đông các loài vật, những cổ sinh vật đều bị tiêu diệt. Một số lượng lớn lao các sinh vật xưa cổ ấy chết đi, chúng mất hẳn hay đã đi đâu? khi đứng về mặt luân hồi tái sinh thì phải chăng nhờ sự tiến hóa trong dòng sinh tử, tử sinh hay nói cách khác là sự luân hồi chuyển sinh mà chúng có thể tái sinh tiếp tục những xuất hiện ở dạng khác và qua dòng thời gian dài đằng đẵng của nhiều đời sinh vật, sự tiến hóa đã giúp một số lớn thành người?



# Tâm tình gởi Huế

## ■ Dữ Thị Diễm Buồn

*Huế ơi Huế, đã bao mùa lá đỏ  
Là mấy mùa xa cách Huế thân yêu  
Huế hôm ni còn duyên dáng mỹ miều  
Trong đêm đẹp trăng rằm soi khắp lối*

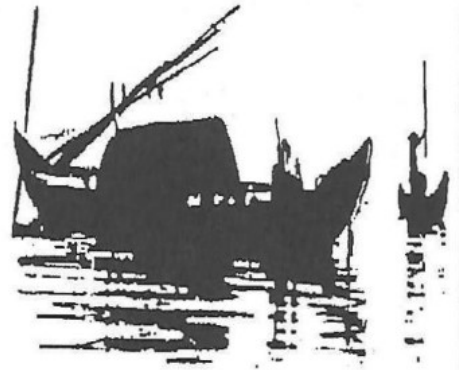
*Huế thương ơi, bây chừ khu Thành Nội  
Hồ Tịnh Tâm còn sen nở ngát hương ?  
Vàng hồng lên chiếu sáng lối mờ sương  
Quanh cấm điện, trong hoàng thành cổ kính*

*Cửu Vị Thần Công có còn cố định ?  
Điện Thái Hòa tám mươi cột sơn son  
Đâu sân châu, Điện Cần Chánh, Ngọ Môn  
Giữa triều đại huy hoàng trong lịch sử ?*

*Chúa Nguyễn Hoàng dựng xây chùa Thiên Mụ ?  
Núi Ba Tàng nhờ mãi trận Đống Đa  
Phụ Văn Lâu, thời vang bóng tân khoa  
Bầy lăng tẩm nguy nga triều nhà Nguyễn*

*Dòng An Cựu qua bao mùa chinh chiến  
Nắng dục mưa trong tuổi mát đợt mầm  
Lúa chín vàng vùng Hương Thủy xa xăm  
Chiều bảng lảng trên dòng sông Văn Xá*

*Ở Thừa Thiên, rừng nhờ thường chỉ lạ  
Lăng Cô nằm tĩnh lặng dưới Hải Vân  
Đảo Tiên trà, lồng bóng nước băng khuâng  
Bình minh giục thuyền buồm ra biển cả*



*Viếng La Chử rời về thăm Đập Đá  
Yêu Cố Đô đẹp cổ kính dịu hiền  
Tà áo bay, vành nón lá nghiêng nghiêng  
Quên mô được o nữ sinh Đồng Khánh ?*

*Thương Mẹ Quảng Điền quản vai nặng gánh  
Vạn sự thay chồng đời linh hồn ba  
Chuyến tàu đêm còi rúc lạnh sân ga  
Nổi cô quạnh theo bước người đưa tiễn*

*Đụn Cát, Hà Trung.. cảnh tình lưu luyến  
Sáng hừng đông qua Thừa Phủ dò ngang  
Chu chọa ơi, tui e thẹn ngô ngang  
Bởi anh nở nhìn tui cười ngượng ngập*

*Răng dị rứa! Trái tim tui khê đập  
Ánh mắt ai, ôi dễ mến chưa tề !  
Đêm mưa buồn, bên ni nhớ bên tê  
Hưởng tình ái thoáng nhẹ vào tuổi ngọc*

*Mất tha thiết chàng nam sinh Quốc Học  
Lay hồn tui chút xao động băng khuâng  
Rồi năm tê quốc nạn Tết Mậu Thân  
Người xưa nở nửa đời chưa gặp được*

*Yêu Huế lắm trong tình yêu non nước  
Với chút tình thơ dại thuở học sinh  
Bao đổi thay, bao năm tháng vô tình  
Tình yêu Huế luôn mặn nồng tha thiết*

(Trích thi tập: "Những Ngày Xưa Thân Ấi")



# Luận về ĐỜI TIẾP NỖI ĐỜI

Nguyên tác:  
Reflections on Life After Life  
Tác giả:  
Dr. Raymond A. Moody, Jr.  
Người dịch:

**HOÀNG-PHI LỮU HOÀNG-NGUYỄN**

(Tiếp theo VG 102)

## CHƯƠNG VII. LỖI BẠT

Trong quyển VII của "Nền Cộng Hòa" (The Republic) triết gia Plato (428-348 trước Công Nguyên) đưa ra một ẩn dụ mạnh mẽ, xinh đẹp, từ đó được biết với cái tên "Huyền Thoại của Một Hang Động". Nó được viết dưới dạng một cuộc đối thoại giữa Socrates (Sư phụ của Plato) và một người tên Glaucon. Tôi trích dẫn chuyện ngụ ngôn này và không phê bình. Tự nó đủ nói lên rồi:

"Hãy hình dung có những người đang sống trong hang dưới đất với một lối ra vào dài có cửa hang mở rộng ra ngập tràn ánh sáng. Chân và cổ họ bị xiềng xích gông cùm từ tấm bé, nên họ chỉ đứng yên một chỗ, cổ cứng ngắc, không thể xoay đầu. Có ánh lửa cháy ở trên cao và xa xa đằng sau lưng họ. Giữa đồng lửa và đám tù nhân và bên trên họ là một con đường dọc theo một bức tường thấp, giống như sự ngăn cách giữa người trình diễn múa rối và đám khán giả; họ trình diễn múa rối bên trên đám khán giả đó.

Tôi chỉ thấy bấy nhiêu thôi.

Rồi tôi thấy có những người mang đi ngang qua bức tường dù thủ đồ đặc cao hơn bức tường, và cả hình ảnh người, thú vật làm bằng gỗ, đá hay vật liệu khác. Bọn này có người nói năng, có người im lặng.

Hình ảnh kỳ lạ và đám người kỳ lạ.

Tôi nói họ giống như chúng ta. Nay nhé, xin cho biết ông có nghĩ rằng

những tù nhân đó có thể thấy chỉ của chính họ hay của ai khác ngoài trừ hình bóng do ánh lửa chiếu lên vách động trước mặt họ? Làm sao họ thấy bởi bị buộc không được nhúc nhích cái đầu suốt đời. Và có phải họ chỉ thấy các đồ vật mang ngang qua trước mắt họ?

Chắc mềm mà.

Nếu họ có thể trò chuyện với nhau, ông không nghĩ là khi nêu tên các vật họ thấy, họ đang nêu tên đồ vật đi ngang qua?

Hẳn nhiên rồi.

Và nếu nhà tù này có tiếng vang từ bức tường đối diện họ, khi một đồ vật đi qua phát ra âm thanh, ông có nghĩ họ cho rằng chính một vật chỉ khác chủ chẳng phải hình bóng đang đi qua phát ra âm thanh?

Từ dĩ, tôi không nghĩ thế.

Cho nên dù sao thì các tù nhân này xem hình bóng những vật nhân tạo là thực tại.

Không thể tránh được.

Rồi ta thử đoán xem những gì xảy ra nếu họ được giải tỏa. Nếu thoát khỏi gông cùm, đột nhiên một người đứng lên, quay đầu xung quanh, bước đi và ngược nhìn ánh sáng, đồng thời cảm thấy đau nhức và không thể phân biệt các đồ vật mà trước kia hẳn chỉ thấy bóng của chúng bởi ánh sáng chói lòa. Ông cho rằng hẳn sẽ trả lời sao nếu có ai bảo rằng cái mà trước đó hẳn được xem chỉ là ảo ảnh và lừa dối, những giờ đây được gần thực tại hơn, nhiều đồ thực hơn, hẳn sẽ thấy nhiều sự thực? Và nếu có ai chỉ cho hẳn thấy mỗi đồ vật đi ngang qua và buộc hẳn nói đó là cái gì, ông không nghĩ rằng hẳn sẽ bối rối và hẳn xem những gì trước kia trông thấy chúng thực hơn các đồ vật hiện đi ngang qua.

Thực quá đi chứ.

Nếu buộc hẳn nhìn ánh sáng, hẳn không thấy nhức mắt, quay lưng đi và chạy về phía các hình bóng chủ chẳng phải về phía các đồ vật?

Là thế đấy.

Nếu có ai lôi hẳn lên dốc gồ ghề, dựng đứng và không buông ra trước khi hẳn đắm mình trong ánh nắng chan hòa, ông không nghĩ rằng hẳn cảm thấy đau đớn khi bị kéo lôi và không câu tiết, và khi ra ngoài ánh sáng, mắt hẳn chói lòa không thể thấy bất cứ vật gì mà ta bảo đó là vật có thực?

Không, không thể thấy ngay được.

Cần phải quen dần thôi, tôi đồng ý, để hẳn có thể thấy những vật trên cao. Thoạt tiên hẳn dễ nhận ra các hình bóng, rồi bóng phản chiếu dưới nước của người và vật, sau đó thấy các đồ vật. Từ đó hẳn sẽ nhìn ngắm các ảnh hiện trên thiên đàng và cả thiên đàng, nhìn ánh trắng sao ban đêm dễ dàng hơn là nhìn mặt trời và ánh nắng ban ngày.

Lẽ dĩ nhiên.

Và cuối cùng tôi nghĩ hẳn có thể nhìn lên mặt trời, thấy được bản thể của nó chứ không phải thấy bóng nó phản chiếu dưới nước hoặc ảo ảnh do ai đó tạo ra.

Cần thiết lắm.

Và đến lúc đó, hẳn sẽ suy xét và kết luận rằng chính mặt trời tạo ra các mùa, năm tháng cũng như ngự trị trên vạn vật ở cõi hữu hình và là nguyên nhân của vạn vật mà họ đã thấy.

Hiển nhiên đó là bước kế tiếp.

Và rồi nếu hẳn hồi tưởng nơi hẳn từng ở lúc ban đầu, những gì hẳn cho là trí tuệ và các bạn nô lệ, ông không nghĩ rằng hẳn tự thấy vui và thưởng hại cho đám nô lệ kia?

Hẳn vậy rồi.

Và nếu họ kính trọng, tán dương, tôn kính người nhanh nhẹn nhất đã nhận ra các hình bóng khi chúng ngang qua và có thể nhớ được những gì đã qua trước đó, các cảnh tiếp nối, những thủ cùng hiện hữu cũng như đoán trúng những gì sắp xảy ra, ông có nghĩ rằng hẳn rất thích được trọng đãi và hẳn cũng ganh tị, tranh đua với những ai được đám nô lệ này kính trọng, lên mặt ta đây, hay là lúc sống trên đời này hẳn sẽ cảm thấy với Homer, mong muốn làm nô lệ kẻ khác, không tác đất cắm dùi, chịu đựng tất cả chứ không phát biểu gì với họ và sống một cuộc đời như vậy?

Vâng, tôi nghĩ là hẳn sẽ chọn lựa chịu đựng tất cả hơn là có cuộc sống như thế đó.

Và cũng xét thêm điều này. Nếu kẻ đó lại đi xuống, trở về chỗ cũ, mắt hẳn sẽ không ngập tràn bóng tối vì đột nhiên ra khỏi vùng ánh sáng?

Dĩ nhiên hẳn sẽ như vậy.

Giờ nếu hẳn được yêu cầu thi đua với những tên tù chung thân trong việc "lượm giá" các hình bóng trong khi thị giác của hẳn còn mờ mịt và trước khi mắt hẳn quen với bóng tối (thời gian để cho mắt được quen không phải ngắn lắm đâu) hẳn không làm trò cười cho thiên hạ cho rằng sau khi trở

xuống, mắt hẳn bị hồng rờn và chuyên toan đi lên như vậy không đáng làm? Và nếu có thể hành hung, giết chết kẻ toan giải phóng họ, dắt họ đi lên, họ sẽ không giết hẳn à?

Chắc chắn họ sẽ giết.

## Chương VIII. Phục lục:

### Vấn đề phương pháp

Tôi được những người muốn khảo cứu hiện tượng cận tử hỏi về các phương pháp. Hơn nữa chính tôi cũng suy nghĩ nhiều về vấn đề này vì tôi thích các phương pháp hợp luận lý và khoa học. Các câu hỏi này có thể được xếp thành 4 loại: Sự phân loại, kỹ thuật phòng vấn, phương pháp khoa học, đề nghị cho những cuộc khảo cứu sau này. Tôi muốn trình bày vài cảm nghĩ cá nhân hầu giúp ích cho những ai muốn khảo cứu về cận tử và cho cả quý độc giả có tinh thần khoa học và luận lý, chắc cũng có những thắc mắc riêng tư.

#### I.- Sự phân loại

Như tôi đã thừa, không phải ai chết hụt cũng đều báo cáo là đã kinh qua chuyện này. Nhiều người cho biết họ chẳng còn nhớ chi. Vài người được xem là đã chết nhưng sau đó hồi sinh, họ không nhớ đã có kinh nghiệm gì trong khoảng thời gian đó. Mặt khác có những người báo cáo đã kinh qua những chuyện mà tôi mô tả dù họ đâu có chết hụt hay ốm đau gì. Hơn nữa các kinh nghiệm thuộc loại tôi nghiên cứu đã xảy ra trong rất nhiều hoàn cảnh khác biệt với sự cận tử.

Các yếu tố đó có thể gây nhầm lẫn trong thuật ngữ dùng để thảo luận các báo cáo này. Vì vậy tôi xin đề nghị vài phương thức định nghĩa và phân loại, hy vọng giảm bớt nhầm lẫn.

Trước hết người ta có thể định nghĩa "kinh nghiệm cận tử" là một kinh nghiệm ý thức có được lúc chết hụt. "Chết hụt" là một biến cố trong đó một người có thể chết một cách dễ dàng (và cận kề với cái chết đến độ được xem là hay được xác nhận rằng đã chết) nhưng y lại hồi sinh và tiếp tục sống.

Tôi cho rằng sự phân loại các kinh nghiệm cận tử được triển khai từ danh sách các yếu tố thông thường của những kinh nghiệm cận tử như sự phân loại tôi đã trình bày trong quyển sách trước, quyển "Đời Tiếp Nối Đời". Sự "chết hụt" có thể ít ra được xếp vào các trường hợp sau đây:

A.- Một người thấy mình lâm vào hoàn cảnh có thể chết hay bị giết một cách dễ dàng, dù sau đó y đã thoát nạn mà không hề hấn chi. Y báo cáo là đã có cảm giác chắc chắn sắp chết đến nơi rồi. Thế nhưng chẳng hiểu sao y kinh qua thời kỳ này và bình an vô sự.

B.- Một người bị bệnh hay bị thương nặng đến độ các bác sĩ lắc đầu. Tuy nhiên y không bị xem là đã chết và sau đó được bình phục

C.- Một người bị bệnh hay bị thương nặng đến độ hội đủ một số tiêu chuẩn của việc bị xem là đã chết. Thí dụ tim ngừng đập, ngừng thở. Các bác sĩ lúc đó có thể cho rằng y đã chết. Nhưng người ta đã thực hiện ngay các phương pháp cấp cứu và không có ai tuyên bố rằng y đã chết. Việc cấp cứu có kết quả và y sống lại.

D.- Một người bị bệnh hay bị thương nặng, và cũng giống trường hợp "C" vừa nêu, đến độ hội đủ một số tiêu chuẩn của việc bị xem là đã chết. Các phương pháp cấp cứu được áp dụng song dường như không có kết quả nên họ bỏ cuộc. Các bác sĩ cho rằng y đã chết và vào một thời điểm nào đó, y bị công bố là đã chết. Có thể y được ký giấy khai tử. Nhưng sau đó, ngay cả sau khi bị công bố là đã chết, người ta lại tiếp tục các phương pháp hồi sinh và y sống lại.

E.- Một người bị bệnh hay bị thương nặng đến độ hội đủ một số tiêu chuẩn của việc bị xem là đã chết. Các phương pháp hồi sinh không được áp dụng vì người ta cho rằng không chút hy vọng gì. Các bác sĩ tin rằng y đã chết và vào một thời điểm nào đó, y bị công bố là đã chết. Có thể y được ký giấy khai tử. Nhưng sau đó, ngay cả sau khi bị công bố là đã chết, các phương pháp hồi sinh mới được đem ra áp dụng và y sống lại.

F.- Một người bị bệnh hay bị thương nặng đến độ hội đủ một số tiêu chuẩn của việc bị xem là đã chết. Các phương pháp hồi sinh có thể được áp dụng hoặc không được áp dụng, nhưng nếu có áp dụng thì sau đó lại thôi. Y bị xem hoặc bị công bố là đã chết. Sau đó tự nhiên y sống lại dù không có áp dụng phương pháp hồi sinh.

Tôi đã sưu tập những thí dụ về kinh nghiệm chết hụt từng xảy ra thuộc các loại nêu trên, trừ loại "F". Như vậy không một đối tượng nghiên cứu nào của tôi chớ biết y đã "chết" rồi tự nhiên

sống lại. Tuy nhiên "tự nhiên sống lại" là chuyện có thể xảy ra. Tôi từng nói chuyện với một người tự nhiên "tỉnh dậy" sau khi bị xem là đã chết, dù y không nhớ là có một kinh nghiệm gì trong thời gian đó.

Thiên hạ có thể hỏi rằng việc thiếu vắng các trường hợp "tự nhiên hồi sinh" trong bộ sưu tập của tôi không hàm ý rằng các kinh nghiệm chết hụt chỉ là kết quả của kỹ thuật hồi sinh, nghĩa là một cái gì được tạo ra do tác dụng của kỹ thuật hồi sinh lên óc hay thân thể người đó. Tôi không tin như vậy, lý do đơn giản là các kinh nghiệm cận tử đã xảy ra trong những vụ chết hụt loại A và B mà các phương pháp hồi sinh đâu được áp dụng.

Việc mô tả các loại D và E khiến có người thắc mắc là tại sao các phương pháp hồi sinh lại bắt đầu hay tái áp dụng sau khi một người bị công bố là đã chết. Các lý do đều khác nhau trong những trường hợp tôi sưu tập. Chẳng hạn trong một vụ người ta thấy ngón tay của bệnh nhân co giật nhiều phút sau khi bị công bố là đã chết. Người ta bắt đầu cấp cứu và y sống lại. Trong một trường hợp khác bác sĩ đành bỏ cuộc và nói với y tá: "Hãy viết giấy khai tử vào lúc ba giờ mười lăm và tôi sẽ ký tên". Nhưng sau đó ông thấy khó thể giáp mặt với vợ con của bệnh nhân, bởi ông quen với gia đình này. Ông cảm thấy phải thử lần nữa. Ông làm ngay và sau một lúc cấp cứu, bệnh nhân sống lại. Trong một trường hợp khác, một nhân viên y tế nài nỉ bác sĩ nên thử cấp cứu lần nữa. Bác sĩ đồng ý và lần này sự cấp cứu có kết quả.

Về tất cả các loại từ A đến E, thiên kiến của tôi như sau: Nhìn chung theo tôi dường như có sự phát triển về chiều sâu và "tính chất đầy đủ" của các kinh nghiệm chết hụt từ loại A đến loại E. Chẳng hạn một người chết hụt thuộc loại A thường chỉ cho biết y thoáng thấy chiếu lại cuộc đời mình hoặc có cảm giác là đã xuất hồn trong giây lát, trong khi các người thuộc loại kia kể lại nhiều yếu tố hơn.

Những kinh nghiệm sống động và đầy đủ nhất mà tôi được biết đều thuộc loại D, E. Mặt khác:

(1) Nhưng tôi có thể nói là không nhất thiết có mối tương quan, dù trong bộ sưu tập của tôi, bởi tôi đã gặp những người từng bị xem là đã chết rồi được hồi sinh, song họ nhớ rất ít hay không nhớ gì về kinh nghiệm chết hụt,

cũng như gặp các người có kinh nghiệm đầy đủ hơn dù họ thuộc loại A hay B.

(2) Thành lập mối tương quan tổng quát giữa "loại chết hụt" và "chiều sâu" của kinh nghiệm chỉ có thể được thực hiện qua các công trình nghiên cứu khoa học thuộc loại mà tôi không làm, nhưng tôi sẽ cố gắng mô tả ở phần sau của chương Phụ Lục.

## II.- Kỹ thuật phỏng vấn

Có thể nói không ngoa rằng thủ tục phỏng vấn là một phương pháp chẳng đáng tin để thu thập tin tức khoa học cho nên không lấy làm lạ khi tôi thường được nhiều người thuộc y giới hỏi: "Ông phỏng vấn họ như thế nào?".

Giờ nghĩ lại thấy câu hỏi này có nhiều ý nghĩa, ít ra là hai và tôi muốn thảo luận về chúng. Ý nghĩa thứ nhất là: "Há chẳng phải là bằng cách lựa những câu hỏi khéo léo, ông có thể gieo mồi chuyện này vào đầu họ?".

Khi được thốt ra, câu hỏi này nêu lên một điểm rất thực và đáng chú ý. Câu hỏi thường ám thị câu trả lời. Thiết nghĩ rất cần đưa ra vài nhận xét tổng quát về quan niệm của một câu hỏi. Thực vậy câu hỏi có những vai trò phức tạp trong ngôn ngữ. Có lẽ khó tìm thấy một câu hỏi mà chẳng có tính cách giải bày (Thí dụ: truyền đạt tin tức) đặt thẳng ra hoặc hàm chứa trong câu hỏi.

Cho nên tôi muốn thưa điều này. Về phương diện nào đó, kỹ thuật phỏng vấn có khuyết điểm về mặt khoa học: bởi phải đặt câu hỏi và câu hỏi truyền đạt tin tức, cho nên người ta có thể thắc mắc là tin tức có vẻ phát xuất từ người được phỏng vấn biết đâu lại bắt nguồn từ nhà điều tra qua cách đặt câu hỏi hay các hành động khác.

Bởi thích luận lý học và phương pháp học, nên từ lâu tôi muốn trả lời câu hỏi trên theo nghĩa thứ nhất mà tôi vừa đề cập. Thế nhưng câu trả lời của tôi dường như đôi khi không làm các sinh viên y khoa hay bác sĩ thỏa mãn. Giờ nghĩ lại khi biết rằng nhiều vị trong y giới cũng như tôi rất quan tâm về đề tài Tử Vong, cho nên có lẽ họ muốn hỏi như thế này:

"Làm sao ông có thể đề cập một chuyện ghê tởm như vậy với một người về chính cái chết của y?"

Vi thế câu hỏi ban đầu có thể được phân tích ít ra thành hai câu. Câu thứ nhất thiên nhiều về luận lý. Câu thứ

nhì nặng về tình cảm. Các kỹ thuật phỏng vấn của tôi được triển khai nhằm thỏa mãn cả hai mặt.

Xin thưa là khi bắt đầu khảo cứu tôi thấy đây là chuyện mà chỉ có rất ít người làm. Do đó đầu có sách viết về cách phỏng vấn những người về tử côi chết. Tôi đành nhờ kinh nghiệm dạy mình (và quả vậy tôi vẫn còn học hỏi), nhưng tôi đã soạn ra vài quy tắc tổng quát và nguyên tắc chi đạo. Tôi hoàn toàn tin tưởng, hy vọng là chúng sẽ được các nhà khảo cứu khác chỉ giáo cho.

**Quy tắc thứ nhất:** Hãy tỏ ra thông cảm. Người ta rất ái ngại thổ lộ mấy chuyện này bởi sợ bị chế giễu hoặc chẳng ai thêm tin. Tôi chắc rằng mình sẽ không đi đến đâu nếu có thái độ bất thân thiện, hạch hỏi bằng cách nêu ra những điểm mâu thuẫn trong những gì họ nói, v.v...

**Thứ hai,** nếu bạn cảm thấy không được thoải mái khi nói chuyện với người khác về các kinh nghiệm cận tử của họ, có thể vì chính bản thân bạn lại sợ chết. Tôi thấy rằng những ai trải qua kinh nghiệm cận tử thường ít khi sợ chết, trong khi nhiều người như chúng ta thì lại sợ.

**Thứ ba,** về vấn đề khó khăn khi đặt câu hỏi, tôi nghĩ cách tốt nhất là nêu những câu thuộc thể mệnh lệnh và giảm thiểu các câu nhằm truyền đạt tin tức càng nhiều càng tốt. Ta nên bắt đầu phỏng vấn với những câu có tính cách mở ngõ và dành những câu đặc trưng về sau này.

Tôi luôn bắt đầu với một câu hỏi càng vô tư càng tốt, chẳng hạn: "Xin ông (hay bà, cô, cậu, em...) cho biết chuyện gì đã xảy ra?". Trong vài trường hợp tôi hỏi những câu rõ hơn. Bởi họ còn nằm bệnh viện, đang hồi lực sau cơn bệnh đã khiến họ "chết". Họ đang đau đớn lắm và hiển nhiên rất muốn trò chuyện. Thú thực là tôi có hướng dẫn họ một tí vì muốn xong cuộc phỏng vấn càng nhanh càng tốt để họ thấy thoải mái hơn. Trong những trường hợp này tôi hỏi họ là các yếu tố nào trong kinh nghiệm cận tử đã hiện diện trong kinh nghiệm của họ. Nhưng nếu không nhớ thì họ cho biết là không nhớ. Dù sao tôi cũng thấy được khích lệ ●

(Còn tiếp)

## ■ THƠ VI KHUÊ

# PHẬT và Chùa

*Lâu rồi vẫn nhớ vạt Prakeo (1)  
Ngôi chùa xưa mái cong veo giữa trời  
Thuyền rồng mũi vút xanh khơi  
Mái chùa xưa cũng cong lối mũi thuyền*

*Giữa vùng hoa cỏ thanh yên  
Có trăm pho tượng bụt thiêng quay quần  
Trăm pho tác phẩm tuyệt trần  
Tay người sao khéo tạc thần thể kia*

*Người, thần biết có phân chia  
Hay chung một niệm hưởng về vô biên  
Mơ cùng một giấc bình yên  
Nên trăm pho tượng mặt hiền như hoa*

*Ai sao chân phác thật là  
Tạc trăm pho tượng hóa ra một người  
Một người trăm tốt nghìn tươi  
Trái tim như nguyệt, nụ cười như sen*

*Bàn tay như búp măng em  
Đang ngồi như núi, điệu thiền như sông  
Đại hùng bửu điện mênh mông  
Chở trăm pho tượng bụt đồng nguy nga*

*Vạt Prakeo, mái chùa xưa  
Vi sao lồng lộng giữa trưa nắng Lèo  
Vi sao có mái cong veo  
Vươn vươn như thể muốn trèo lên cao*

*Vi sao dưới cội xoan đào  
Cà sa áo nghệ người trao bát vàng  
Vi sao những bước chân trần  
Dẫm trên đất đỏ thì thềm nổi chi*

*Vi sao có tượng Phật đi  
Tôi, như chưa tôi, lui thì cũng không  
Vi sao có tượng Phật nằm  
Ôi, làm sao hiểu chuyện thần tiên xưa*

*Nhưng, đâu phải chuyện tình cờ  
Hai ngàn năm lẻ mái chùa vẫn cong*

*Prakeo với sông Mê Kông  
Phật còn im lặng, đời giông bão rồi  
Tuổi thơ tôi, tự lên mười  
Hãy còn vương nặng dáng người  
Phật xưa...*

(1) Vạt Prakeo: Chùa Prakeo tại thành phố Vientiane, xứ Lào.

# Tỉnh thức trong hiện tại sát na

• Tâm Trạng Ngô Trọng Anh

## 1. TỈNH THỨC TRONG HIỆN TẠI THỂ TỤC NHỊ NGUYÊN

*Tỉnh thức trong hiện tại* là một phương thức xử thế rất phổ biến, có thể áp dụng cho nhiều trường hợp tùy theo căn cơ mỗi người, từ thấp đến cao như sau: Đang say sưa trong giấc ngủ ngon bỗng nghe đồng hồ reo báo thức dậy đi làm, ấy là *tỉnh thức trong hiện tại* khá phũ phàng. Trong khi lái xe đi làm lại suy nghĩ công việc quên đèn xanh đèn đỏ bị còi hụ cảnh sát phạt, ấy là *tỉnh thức trong hiện tại* khá đau khổ cho túi tiền. Đang mài miết công việc bỗng nghe chuông tan sở, ấy là *tỉnh thức trong hiện tại* rất thoải mái, dễ chịu. Quân nhân trong trại lính đứng phác nghiêm chào cờ tại chỗ khi nghe tiếng kèn, ấy là *tỉnh thức trong hiện tại* nghiêm túc kỷ luật sắt nhà binh. Đài KQED phóng sự một dòng tu Phật giáo Nhật Bản có chiếu đoạn hai hàng tu sĩ ngồi đối diện, tọa thiền. Các Ngài đang nhắm mắt *tỉnh thức trong hiện tại*, có lẽ ở cảnh giới cao (từ Sơ thiền đến Tứ thiền hay từ Sắc giới đến Vô sắc giới). Đặc biệt có một vị đứng ở giữa kiểm soát, vị này chắc chắn phải *tỉnh thức trong hiện tại* thể tục, để có thể mở mắt kiểm soát tăng sinh và lâu lâu cầm gậy đánh khê vào đầu những tu sĩ quên *tỉnh thức trong hiện tại*, mở mở màng màng ngủ. Hồi chuông Thiên Mục trên sông Hương, cũng cảnh tỉnh đấy, những thơ mộng, siêu thoát, và thoải mái hơn.

Ngoài ra quý vị cũng nên lưu ý rằng việc *tỉnh thức trong hiện tại* của các bậc văn nghệ sĩ quen sống bằng trực giác sáng tác ở cảnh giới bằng lai tiên cảnh khác hẳn việc *tỉnh thức trong*

*hiện tại* của phàm phu tục tử ăn chắc, mặc bền. Sau đây là một vài thí dụ:

Trong hồi ký nhạc sĩ Mozart có đoạn: *Khi đi đường, ví dụ đi bằng xe, hay khi đi dạo sau một bữa cơm ngon, hoặc khi đêm đến mà không ngủ được, chính lúc ấy tư tưởng đến tốt nhất và dồi dào nhất... Bản nhạc rõ ràng, gần như đã hoàn thành trong đầu tôi, đầu cho dài đến mấy cũng vậy, rõ cho đến nỗi sau này tôi chỉ có thể liếc sơ là thấy ngay nó trong óc như một bức tranh đẹp hay một nhân vật khả ái; tôi muốn nói rằng: trong lúc sáng tác, tôi đâu có nghe đoạn này sau đoạn kia theo thứ tự phải theo: tôi nghe tất cả một lần. Giây phút thần tiên! Phát minh và sáng tạo, tất cả đến nỗi tôi như một giấc mơ đẹp, rất tỉnh thức. Những cái đẹp nhất là sự kiện nghe như vậy, tất, đồng trong một lúc...*

Họa sĩ Van Gogh viết thơ cho người em tên Theo như sau: *Trong đời tôi, lúc sáng tác tôi có thể không cần đến Thượng đế, nhưng với thành tôi đau khổ này, tôi không thể bỏ qua một việc vượt quá sức tôi vì đó là cả cuộc sống của tôi, tôi muốn nói sức mạnh của sáng tác. (Lettres de Vincent Gogh à son frère Theo).*

Cùng chung một cảnh ngộ đau thương, Hàn Mặc Tử chàng thi sĩ bạc mệnh nhất của Việt Nam vẫn *tỉnh thức trong hiện tại* thì ca để sáng tác bài thơ:

*Cứ để ta ngất ngủ trên vũng huyết  
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh  
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang viết  
Cả lòng ta trong mỏ chữ rung rinh*

Trái lại, với bài *Chùa Hương*, thi sĩ hào hoa phong nhã Chu Mạnh Trinh đã *tỉnh thức trong hiện tại* phong lưu siêu thoát với đoạn:

*Thỏ thẻ rũng mai chim cúng trái,  
Lững lờ khe nước cá nghe kinh,  
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh  
Khách tang hải, giạt mình trong giấc mộng  
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng  
Này am Phật Tích, này động Tuyết Sơn...*

Giới văn nghệ sĩ trung thực, xin nhấn mạnh ở chữ trung thực, là những nhân vật đã nắm được lý duyên sinh trong tay nên xem thường định mệnh, xem trời bằng vung, xem cái chết nhẹ như lông hồng, họ luôn luôn *tỉnh thức trong hiện tại* để thay tạo hóa sáng

tác. Thi sĩ Quách Thoại chết tại nhà thương bố thí Hồng Bàng Sài Gòn ngày 7 tháng 11 năm 1957 để lại một bài tạm biệt làng thơ:

*Lỡ một ngày mai tôi chết trần trường  
không còm áo,  
thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng  
sao để nhìn các anh  
như vừa gặp buổi hôm nào  
và trong câu chuyện, tôi sẽ cười nhắc  
bảo:*

*Còn sáng tạo, ta hãy còn sáng tạo.*

Nhân đây tôi xin được phép cùng quý vị tưởng nhớ đến những bậc văn nghệ sĩ khinh thường cái chết, họ luôn luôn *tỉnh thức trong hiện tại* để sáng tạo một cách trung thực với chính mình nghĩa là ngay cả ở ngục tù cộng sản như Khái Hưng, Vũ Hoàng Chương, Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Côn, Trần Dần, Phùng Quán, Hiếu Chân, Quảng Độ, Tuệ Sỹ, v.v....

## 2. TỈNH THỨC TRONG HIỆN TẠI VỚI TRIẾT LÝ HIỆN SINH

Triết lý hiện sinh rất khó trình bày vì ngay bốn bậc triết gia hiện sinh thượng thặng như Martin Heidegger, Jean-Paul Sartre, Gabriel Marcel và Karl Jaspers không những học búa khó hiểu với sinh viên đại học mà ngay đối với các triết gia cũng không mấy ai thẩm thấu; mỗi vị dùng một ngôn ngữ riêng, tư tưởng lại tùy căn cơ, không ai giống ai cả. Thiên hạ hiểu lầm danh từ hiện sinh là của chung và cho rằng các thuyết hiện sinh giống hệt nhau làm cho các Ngài cãi chính, giải thích biện minh dài dài.

Có thể nói họ vì nghề nghiệp giáo sư đại học nên buộc phải trình bày tư tưởng hiện sinh bằng những phương pháp triết học, tâm lý học, khảo cổ học, phân tâm học, v.v... khá rõ ràng đấy nhưng chỉ những nhà chuyên nghiệp mới hiểu được phần nào. Thực tình mà xét, tư tưởng hiện sinh không mới mẻ gì đối với làng văn. Tất cả là những vấn đề nhân thế mà các đại văn hào hiện sinh quốc tế đã trình bày từ lâu bằng văn chương hấp dẫn những thiếu mạch lạc. Ví dụ Dostoevski (1821-1881, ở Nga), Unamuno (1861-1937, ở Tây Ban Nha), Raier Maria Rilke (1875-1926, ở Đức), và trước đó một thế kỷ có cụ Tiên Điền Nguyễn Du (1765-1820, Việt Nam). Có thể nói đó là những bài thơ siêu hình nhân loại bao gồm

những vấn đề như sinh tử trọng đại, nguyên lý đầu tiên, hữu thể, vô thể, hữu vô, nỗi niềm nhân thế, v.v...

Những thắc mắc nội tâm được mỗi vị trình bày dựa theo kinh nghiệm tâm linh của riêng mình bằng ngôn ngữ đặc biệt. Có thể nói rằng chỉ có chính họ mới hiểu họ mà thôi. Do đó xin tạm định nghĩa đại khái một số danh từ thông thường gặp kể từ giờ phút này, để độc giả khỏi bỏ ngỡ với *ngôn ngữ hiện sinh*, qua *Krishnamurti* trước khi đến với *Phật giáo*. Phần lớn chỉ có thể định nghĩa theo phương pháp tác dụng (*définition opérationnelle*), nghĩa là phải thấu kinh nghiệm qua nhiều lần sử dụng. Đối với những danh từ của *Krishnamurti* hay của *Phật giáo*, độc giả phải thực tập hành trì mới thẩm thấu được phần nào.

### 3. MỘT VÀI DANH TỪ CẦN THIẾT

- *Nhị nguyên* = phân hai, đối đãi, nhị giá, chỉ có hai giá trị đối lập như: đúng/sai, xấu/tốt, thường/đoạn, sống/chết v.v... Ví dụ ngoài luận lý Aristote, có luận lý tam giá (đúng, sai, phi tưởng), luận lý nhân minh tử giá (hữu, vô, diệc hữu diệc vô, phi hữu phi vô), luận lý cái nhiên (đúng sai theo tỷ lệ xác suất). Luận lý cũng được sử dụng như phương tiện (ngón tay) không phải để chỉ Sự Thật (mặt trăng) mà để chỉ hình ảnh của Sự Thật (ánh trăng dưới nước).

- *Phản lý* = không phù hợp với một luật luận lý chọn lựa.

- *Bất nhị* = có tên gọi Bát Nhã, có giá trị đặc biệt không phải nhất nguyên. Có thể tạm nói rằng Bát Nhã đem lại Sự Thật bằng trực giác phi lý luận.

- *Hữu thể* = cái gì hiện hữu có giá trị luận lý vĩnh viễn hay giai đoạn. Ví dụ vật chất, linh hồn, quan niệm, lý thuyết, chủ nghĩa, giáo điều, hiện tượng chết v.v... (tạm hiểu như *vô tình*, danh từ *Phật giáo*). Không gian và thời gian là hai hữu thể đặc biệt.

- *Ngoan không* = không có gì hết ráo, phủ định hiện hữu.

- *Vô thể* = cái gì hiện hữu không có giá trị luận lý, trái với hữu thể về phương diện luận lý.

- *Hiện thể* = cái gì sống động trong hiện tại, có thể là con người hiện sinh, cái đang là, trái với hữu thể chết khô, do đó có thể là vô thể về phương diện

luận lý (Sartre) hoặc về phương diện sống động với thời gian (Heidegger).

- *Thế, Tánh Không, Hư Vô, Chân Không* = bất khả tư nghị, bao gồm vũ trụ, chỉ trực nhận bằng tín tâm bất nhị nghĩa là biết tình thức trong hiện tại.

- *Không gian* = Hữu thể đặc biệt thành phần vũ trụ, chứa đựng tất cả hữu thể, có giá trị *Tĩnh* (yên lặng, tịch tĩnh).

- *Thời gian* = Hữu thể đặc biệt tràn ngập vũ trụ, có giá trị *Động* (sống động, biến chuyển) *nhị nguyên trong dĩ vãng nhưng bất nhị trong hiện tại phi thời gian*, thường đi đôi với Không gian. Thời gian được xem như liên tục đi từ quá khứ đến hiện tại, rồi tương lai. Tương lai là cái chưa biết, còn dĩ vãng thì đã biết mà hay quên, chỉ còn hiện tại. Danh từ hiện tại rất quan trọng vì nó đi đôi với tình thức. Hiện tại là gì? Là một khoảng thời gian dài ngắn tùy theo tâm lý cá nhân. Ví dụ đối với trẻ em, *hiện tại* thông thường là hôm nay, *hiện tại* đi học là 9 tháng, *hiện tại* nghỉ hè là 3 tháng. Người ta thường nói giây phút *hiện tại*, ngày tháng *hiện tại* và đời sống *hiện tại*. Đặc biệt *hiện tại* lý toán học là *điểm di động* (moving point). *Điểm* không gian hạt bụi, có cũng như không, *di động* là tuy gọi là ở đó nhưng trên thực tế không còn nữa. *Hiện tại* lý toán là *hạt bụi không thời* (spaceless, timeless). Chúng ta có thể xem hiện tại lý toán tương đương với danh từ *đương xứ* Phật giáo. *Krishnamurti* gọi hiện tại của tình thức là Không thời (timeless).

- *Vũ Trụ* = Không/Thời nhất phiến (Continuum Space/time) Hư không.

Vũ là không gian, Trụ là thời gian (Tự điển Đào Duy Anh: Vũ là mái nhà, không gian, nghi dung, Trụ là cột kèo nhà, thời gian, Vũ trụ là không gian/thời gian, thế giới).

- *Chân Không, Tánh Không, Hư Vô* = Vượt ra khỏi Kiến Văn Giác Tri, không thể định nghĩa. Chỉ những bậc tu thường có trí tuệ Bát Nhã mới thẩm thấu được.

*Sát Na* = Một giây lát, một thời gian thoáng qua mau lẹ vô cùng (Phạn ngữ Ksana) Giá trị bất nhị trong giây phút, sát na hiện tại của thời gian sẵn có trong ngôn ngữ Việt Nam: Thành linh tức Bất thành linh, Bất Chợt tức Chợt...

(Sau nửa thế kỷ bị nạn biện chứng pháp duy vật nhị nguyên làm điều

đứng non sông, làm cạn tâm bất nhị của tư tưởng dân tộc *tam giáo đồng qui*. Do đó đi đâu cũng gặp toàn bọn tuyên vận cò mồi đối thoại tư tưởng (? Làm gì có), giao lưu văn hóa (văn hóa gì?), hòa giải hòa hợp (ai với ai?), làm chuyện hòa mù để cộng đồng quên cái nhân chính hiện tại. Nhân chính ấy là độc đảng đang chuyên chính công an với điều 4 Hiến Pháp, đang chủ trương đấu tranh giai cấp và đang chia rẽ để trị. Chúng đang bán nước trong hiện tại. Chúng ta không hận thù cộng sản quá khứ, đồng ý; không chống cộng sản đến chiều trong tương lai, đồng ý; nhưng với tấm thân tỵ nạn tha hương phú quý, phải đồng ý cùng nhau *tình thức trong hiện tại cộng nghiệp* chống tuyên vận cộng sản). Chúng có đầy âm mưu và thủ đoạn, nếu mình thờ ơ không tình thức tất bị mắc mưu. Ví dụ: Vụ giải tán tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam bằng những sự kiện theo thủ tục thời gian:

- Trung Hiếu, cán bộ Dân Vận Cao Cấp, được giao phó công tác Phật Giáo Việt Nam năm 1981, tố cáo: *Nội dung đề án thống nhất của Đảng và Ban Dân Vận Trung Ương là biến hoàn toàn Phật Giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn vì chỉ có Tăng Ni, không có Phật tử.*

- Thông Tư số 01-TT/TGCP do ông Vũ Quang, Trưởng Ban Tôn Giáo Chính Phủ ký ngày 3.5.95 ra lệnh dẹp bỏ phong trào GDPT/VN để sáp nhập vào tổ chức Nam Nữ Phật Tử do Ban Tôn Giáo Chính Phủ điều hành.

- Văn kiện số 44 HD/TUĐTN ngày 14.5.1996 của Ban Chấp Hành Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh giải thể phong trào GDPT để biến thành một Chi Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Việt Nam.

- Từ 1996 đến nay, 300.000 đoàn viên GDPT trong nước phản ứng và 200 Huynh Trưởng ghi tên xin tự thiêu để phản đối.

- Năm 1996 một số Huynh Trưởng ở hải ngoại (Ban Điều Hợp Trung Ương) cho in tác phẩm Gia Đình Phật Tử Việt Nam 50 Năm Xây Dựng.

- Năm 1997 tác phẩm được long trọng giới thiệu phát hành mặc dầu có sự phản kháng của GDPT hải ngoại vì sự nhẹ dạ của một số Huynh Trưởng kỷ cựu có uy tín.

## 1. Tư tưởng dị biệt giữa các triết gia hiện sinh

Chúng ta phải chấp nhận những dị biệt trong thuyết hiện sinh vì đó là một thuyết mà không phải thuyết, là sáng tạo của hiện thể cô đơn thay vì giáo điều của hữu thể thần tượng. Sau đây lấy thí dụ dị biệt về vấn đề hữu thể tối cao đối với bốn triết gia hiện sinh thượng thặng nói trên.

a) Jean-Paul Sartre, mặc dầu với óc duy vật (có lần ủng hộ cộng sản) nhưng khi quán về hữu thể, vật tự thân (ensoi), ông thấy bất tịnh, buồn nôn (La Nausée)

b) Karl Jaspers, hiện sinh gốc duy thần, khi quán về hữu thể tối cao mà con chiên gọi là Thượng Đế, ông nhận thấy rằng đó chỉ là biểu tượng, mặt số (Cypher), một phương tiện trung gian, ngón tay chỉ trăng, trăng là sự siêu việt (Transcendance) (hàm ngụ của Thượng Đế/ngón tay, thua sự Siêu Việt/mặt trăng).

c) Gabriel Marcel, cũng hiện sinh duy thần nặng hơn Karl Jaspers nhiều, xem Thượng Đế có giá trị siêu việt tổng hợp bao quát (englobant) nhưng không chấp nhận giá trị Thượng Đế/biểu tượng, mặt số của Jaspers và cho rằng triết lý ông này đã phạm tục hóa những quan niệm tôn giáo (Sa philosophie procède à une sorte de laicisation induite à des notions religieuses).

d) Ngược lại, Sartre duy vật ghét siêu việt, chê Jaspers không dứt khoát vì đứng sự tuy hạ thấp Thượng Đế xuống thành biểu tượng nhưng âm hiểm muốn làm sống lại cái siêu việt..., ông không làm gì khác ngoài việc bình luận sự phụ của ông là Kierkegaard (... à une soumoise volonté de ressusciter le transcendant... In n'a rien fait d'autre que de commenter son maître Kierkegaard. Critique de la Raison Dialectique, tome 1).

e) Heidegger cũng quán về ẩn ngữ nguyên ngôn. Việc này làm thiên hạ hiểu lầm ông đồng quan điểm với Karl Jaspers. Ông cải chính điều này vì ẩn ngữ nguyên ngôn trong thi ca hiện sinh khác với mật ngữ tôn giáo như Jaspers, ông không đặt vấn đề hữu thể khai thiên lập địa (Bông hồng không có tại sao. La rose est sans pourquoi) nhưng lại đặt vấn đề hư vô thay vì hữu thể. (Tại sao lại hữu thể thay vì vô thể. Pourquoi l'Être plutôt que Rien?)

## 2. Sơ lược những điểm chính của triết lý hiện sinh

1. Con người không phải con người chung chung mà là con người ái, nộ, hỷ, lạc đang sống hiện tại ngay bây giờ được gọi là con người hiện sinh, hoặc hiện thể, hay thể đang là (Dasein, existence, Être pour soi), tương đương phần nào với hữu tình hay nghiệp thức trong Phật giáo. Con người hiện thể, hữu tình sống chung với thế giới vô tình hữu thể (Seiende, étant, être en soi). Thế giới vô tình gồm ngoại cảnh và tha nhân. Tha nhân ở đây là con người chung chung, con người máy, con người có nhân hiệu, như cán bộ, quân nhân, công nhân, công chức v.v... Đó là con người tuy sống thân xác nhưng chết tâm hồn, không sống động với hiện tại, mất khả năng sáng tạo.

2. Con người hiện sinh tự sáng tạo lấy, hoàn toàn tự do, tự mình làm do mình chịu. Con người có thân xác hữu thể và tâm hồn hiện thể (tức hiện sinh vô thể). Chính câu nói thâm sâu của Sartre dùng khi giải thích hiện thể: Vô thể hiện hữu (le néant existe), đã làm cho phái thực nghiệm luận lý (positivisme logique) chế nhạo vì họ thấy phi lý và mâu thuẫn.

3. Vô thể hiện sinh không phải là ngoan không mà theo Heidegger Vô thể hiện sinh là thời gian, còn đối với Sartre, vô thể hiện sinh là vậy. Ông viết "Trong khi đặc tính của vật thể (hữu thể) là thế nào thì nó hiện hữu như thế ấy, thật giản dị, con người (hiện sinh) đang là cái gì không phải nó là, cũng không phải đang là cái gì nó là"... con người hiện sinh, có nghĩa luôn luôn vượt ra khỏi cái nó đang là, mãi mãi đổi mới. Hiện sinh là vượt ra khỏi, theo nguyên nghĩa (Tandis que le propre d'une chose est d'être ce qu'elle est, tout simplement, l'homme est ce qu'il n'est pas et n'est pas ce qu'est, ... et existe c'est-à-dire échappe toujours à ce qu'il est, indéfiniment se renouvelle. Exister, au sens étymologique, c'est sortir de). Một câu nói khó hiểu tưởng đứng với câu: bất đồng diệc bất dị Phật giáo. Câu ấy chỉ có giá trị trong giây phút sát na hiện tại của con người hiện sinh sống động nên không hiểu được nội tâm họ. Đó là lý do thâm sâu tại sao đó Sartre từ chối phần thưởng Nobel, lý do của một hiện sinh vô thể không phải thần tượng hữu thể. Quan điểm

Sartre có phần khác với con người chung chung như chúng ta.

Những tư tưởng về vô thể và hư vô được phổ biến trong triết học Âu Châu là một cách mạng tư tưởng to lớn. Những khám phá nói trên không tạo thành giải đáp mà chỉ trình bày những vấn đề. Bộ Sein und Zeit (Thể và Thời gian) của Heidegger tuy không có đoạn kết nhưng đối với tòa nhà triết học Âu Châu là những tia chớp chiếu sáng màn đêm siêu hình để đem lại cho nhân loại niềm hy vọng rằng con người hiện sinh/thời gian cùng hư vô có thể mở rộng chân trời chân lý. Vào khoảng cuối đời Heidegger viết tiếp với nhan đề đảo ngược Thời gian và Thể tạo thêm nhiều vấn đề mới. Trên căn bản, các triết gia hiện sinh không tạo ra chủ nghĩa chính trị, mặc dầu cá nhân có thể bị lôi cuốn hay bị lợi dụng, nên chúng ta có thể gọi triết lý hiện sinh đã đóng góp rất nhiều cho hòa bình nhân loại.

5. Tiếc thay, các tư tưởng gia hiện sinh sống trong khuôn khổ Âu Châu nhị nguyên, khó khăn lắm mới vượt ra khỏi Aristote nhưng lại có thành kiến cho rằng đời người chỉ có trăm năm, chết là hết. Do đó họ bị ảnh hưởng duy vật như Sartre để bị cộng sản lừa gạt, hoặc tin vào sự cứu rỗi nên không nắm được lý duyên sinh để mà từ đó đắc lý bất nhị Bát Nhã.

6. Triết lý hiện sinh như đã trình ở trên, tuy không mấy ai hiểu được nhưng lại được tuyệt đại đa số thanh niên, phần đông là sinh viên Âu Châu, hưởng ứng để chống đối bậc phụ huynh say mê hữu thể, suy tôn thần tượng. Chính những ý thức hệ hợp lý nhưng không hợp với thực tại của triết học giáo điều, đã tạo ra những đệ tử chính trị độc tài tội phạm gây thế chiến.

7. Tuy sự phản kháng của tuổi trẻ là đáng quý, nhưng họ lại nhân danh triết lý hiện sinh mà hành động tai hại với những chủ thuyết mệnh danh hiện sinh như hư vô chủ nghĩa (nihisme) không tin tưởng gì hết, đập phá lung tung, hay khoái lạc chủ nghĩa, và truy lạc chủ nghĩa, sống với hiện tại dục giới bất cần đời, theo chằm ngôn

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt

Còn hơn buồn le lói suốt năm canh

Hiện nay chủ nghĩa hiện sinh được thay thế bằng tư tưởng Krishnamurti cao hơn. Tư tưởng càng cao lại càng

khó tinh thức. Vì thấy quá đông người chạy theo mình mà không mấy ai tinh thức cho ra hồn nên Krishnamurti buộc phải đóng cửa giảng đường, bỏ lâu đài, bỏ dòng tu *Ngôi Sao*. Người vượt biên chạy trốn, lang thang sang Tây Hoa Kỳ tỵ nạn đệ tử.

#### 4. TỈNH THỨC TRONG HIỆN TẠI VỚI KRISHNAMURTI

Có thể nói rằng Krishnamurti là *tỉnh thức trong hiện tại* hiện thân vì toàn bộ những bài giảng của ông trong suốt đời trên 70 năm lang thang đây đó, chỉ dạy có mỗi một vấn đề: *tỉnh thức trong hiện tại* để giải nghiệp. Giải nghiệp theo lối thiền đốn ngộ, nghĩa là tức thời, ngay trong hiện tại, không trì hoãn vì hiện tại theo ông là *không thời*, phi thời gian. Ông cho rằng chúng sanh không thể nào an trụ tâm bằng hành trì, bằng khuôn khổ. Chỉ có sự trực thức (awareness, ý thức trực tiếp, không chọn lựa) về những phản ứng do suy tư và cảm giác của chính mình tạo ra, mỗi đem lại sự định tâm. Nghiệp là một quá trình thời gian, chuỗi thời gian là đường đi của tư tưởng. Tư tưởng là kết quả của thời gian. Và chỉ khi nào ý niệm chấm dứt, khi ấy mới xuất hiện cái không thể nào đo được, ấy là *không thời*. Giải nghiệp không phải là một vấn đề thời gian; vì với thời gian (tồn tục), *không thời* không xuất hiện (*Karma is the process of time; this chain is the way of thought. Thought is the result of time, and there can be that which is immeasurable, timeless, only when the process of thought has ceased. Stillness of mind cannot be induced, it cannot be brought about through any practice or discipline... With the understanding of its conditioning, with the choiceless awareness of its own responses as thought and feeling, tranquillity comes to the mind. This breaking of the chain of karma is not a matter of time: for through time, the timeless is not.* (Krishnamurti. *Commentaries on living*, second Series, pages 80-81).

Vào những thập niên 60, 70 triết lý hiện sinh của Heidegger và tư tưởng của Krishnamurti được phổ biến trong tập san *Tư Tưởng*, Đại Học Vạn Hạnh nên phong trào *tỉnh thức trong hiện tại* được giới sinh viên Phật Khoa và Văn Khoa đặc biệt chú ý. Tư tưởng của Krishnamurti được nhiều giới trí thức thượng lưu suy tôn mặc dầu họ không

hiểu gì ráo. Krishnamurti thất vọng vì khi thấy tư tưởng của mình trở thành giáo điều có thể làm nền tảng cho một tổ chức thường mại buôn thần bán thánh. Chính vì trung thực với mình nên việc đầu tiên của Krishnamurti là đóng cửa các cơ sở to lớn của Dòng Ngôi Sao (Ordre de l'Etoile) do hàng triệu tín đồ, phần lớn gồm các bậc khoa bảng và quý tộc, tổ chức cho ông, quảng cáo ông thành hữu thể thần tượng và biến tư tưởng của ông thành hữu thể giáo điều. Ông giải tán Dòng Ngôi Sao vì không đệ tử nào biết *tỉnh thức trong hiện tại* với *hiện thể*, cái đang là *sống động* mà chỉ biết suy tôn hữu thể chết khô với giáo điều và thần tượng.

Vì những bài giảng, hầu như vô tận, tuy liên quan đến mọi vấn đề, nhưng chung quy cũng hướng về một điểm: làm sao để có thể *tỉnh thức trong hiện tại*. Đó là một sự kiện vô cùng khó khăn, vì đa số chúng sanh thời mạt pháp chỉ biết mỗi hiện tại ái dục, hiện tại hạnh phúc thể tục, hiện tại lý luận cũng như hiện tại tình cảm nhị nguyên, yêu thương giận hờn, hòa hiếu an vui. Tất cả là *"hiện tại dài hạn và hiện tại triển hạn"*. Không phải hiện tại sát na.

Phải *"giải quyết"* những vấn đề *"dài hạn"* nói trên mới có thể trung thực tỉnh thức trong hiện tại. Sau đây xin trích làm thí dụ một vài đoạn ông giảng về cái *"tôi vô ngã"*, sự đối đãi nhị nguyên năng tri sở tri (subject, object), sự chạy trốn sự trống rỗng tâm trí và sự sợ hãi trước cái chết.

##### • *"Tôi vô ngã"* và lý bất nhị

Khi mà cái *TÔI* vẫn là kẻ giám định quan sát, kẻ thu góp kinh nghiệm, củng cố bản thân bằng kinh nghiệm thì cuộc thay đổi, biến đổi toàn triệt, sự giải phóng sáng tạo, vẫn không thể nào thành hình được. Cuộc giải phóng sáng tạo này chỉ hiện đến lúc nào con người tư duy *LÀ* sự tư duy, cả hai làm một, đồng nhất... Khi tâm trí ý thức rằng bất cứ sự suy tưởng nào cũng chỉ là củng cố tăng trưởng cái *TÔI*, khi tâm trí thấy rằng sự giới hạn, sự xung đột của tinh thần nhị nguyên không thể nào tránh được nếu chừng nào con người tư duy vẫn hiện hữu biệt lập với tư duy. - Khi ý thức được như thế, liền khi ấy tâm trí trở nên nhanh nhạy *TỈNH THỨC*... Tâm trí theo đuổi ý thức càng sâu thăm rộng rãi thêm mà không tìm kiếm cứu cánh mục đích, lúc ấy một trạng thái tâm tử xuất hiện, trong tâm thái ấy, con người tư duy và sự tư duy nhập nhau làm một. Trong

*tâm thái đồng nhất này, không còn ý thức thành đạt, không còn tham vọng đổi thay, trong tâm thái này cái TÔI không còn nữa, vì một cuộc biến chuyển đã thành hình mà không còn lệ thuộc vào tâm trí.* (Krishnamurti, *The First and Last Freedom*, bản dịch của Phạm Công Thiện trang 305-306).

##### • *Tâm trí trống rỗng nông cạn và tâm trí trống rỗng tỉnh thức*

Chỉ lúc nào tâm trí trống rỗng thì mình mới có khả năng sáng tạo; nhưng khi nói về sự trống rỗng này, tôi không muốn ám chỉ trạng thái trống rỗng thông thường mà phần đông chúng ta đều trống rỗng một cách nông cạn hời hợt và điều ấy đủ lộ chân tướng qua lòng ham muốn đi tìm sự giải trí tiêu khiển. Chúng ta muốn vui đùa giải trí; do đó; chúng ta đã tìm đến những quyển sách, máy phóng thanh; chúng ta chạy đến tìm những buổi diễn thuyết, những uy quyền thế lực; tâm trí thường xuyên tìm cách tự lấp cho đầy. Tôi không muốn nói đến sự trống rỗng vừa kể trên, vì sự trống rỗng này chỉ là một sự lơ đãng, vô ý, vô tâm. Ngược lại, ở trên, khi nói về sự trống rỗng, tôi muốn nói đến sự trống rỗng đặc biệt, sự trống rỗng xuất hiện khi ta trầm tư mặc tưởng, chu đáo, chính chắn, khi tâm trí đã ý thức được động lực của nó trong việc tạo tác ảo tưởng và vượt qua được tất cả ảo tưởng ấy.

Sự trống rỗng mang tính cách sáng tạo không thể thực hiện khi con người tư duy còn chõ chực, ngắm nghía, quan sát để thu góp kinh nghiệm, để tăng trưởng củng cố bản ngã.

Tâm trí có thể nào trống sạch hết cả biểu tượng, tất cả chủ nghĩa và cảm giác do những chủ nghĩa ấy mang đến, để mà không còn kẻ thí nghiệm nào để tích trữ, chôn cất kinh nghiệm? Tâm trí nào có thể xóa bỏ qua một bên Trọn vẹn tất cả những lý luận, những kinh nghiệm, những củng cố bách, những uy quyền, để mà tâm trí có thể đạt tới trạng thái trống rỗng, hủ tâm?

Các Ngài sẽ không thể nào trả lời được câu hỏi này; điều ấy quá hiển nhiên; vì đó là một câu hỏi mà các Ngài không hề biết, chưa từng thử bao giờ.

Nếu các Ngài muốn thể nghiệm sự mới lạ, các Ngài chỉ sa lầy chìm ngập trong ảo ảnh huyền mộng; nhưng nếu các Ngài bắt đầu quan sát, bắt đầu ý thức về những sinh hoạt riêng của chính các Ngài từng ngày một, từng ngày này sang ngày khác, từng giây phút này sang giây phút khác, chú ý trọn vẹn tiến trình bản thân như tự

ngắm mình trong mặt kính soi, chỉ có lúc ấy, lúc các Ngài đã đi lúc càng sâu thăm hân, các Ngài sẽ đi tới vấn đề tối hậu, tức là sự trống rỗng và sự lạ chỉ thể xuất hiện ở trong sự trống rỗng ấy (Krishnamurti, *The First and Last Freedom*, bản dịch của Phạm Công Thiện trang 307-308).

#### • Sự sợ hãi trước cái Chết

Trước khi bàn về sự chết phải hiểu thế nào là THỜI GIAN, vì tính chất vô cùng quan trọng của nó trong đời sống chúng ta. Chính tư duy của ta tạo ra nó rồi để nó chế ngự chúng ta. Tôi không bàn chỉ ở đây về thời gian niên đại mà còn thời gian tâm lý mà tư duy sáng chế ra để làm phương tiện để tự thành tựu, tự phát triển, và tự duy trì...

Nếu chúng ta hiểu thế nào là sống và chết, những công thức, những quan điểm có từ trước về chúng phải được bỏ đi vì chúng ta chưa biết sống là gì. Con người sống hoàn toàn không sợ hãi thì không có những "quan điểm" về sự sống. Tư duy họ là hành động và hành động họ là tư duy, đó không phải là hai sự kiện riêng biệt. Những bởi vì sợ cái người ta gọi là chết nên phân chia cái chết ra khỏi cái sống... tâm trí bị đánh lạc hướng như vậy nên không bao giờ ý thức được ý nghĩa thâm sâu của chết và sống và biết được sự thật...

Muốn biết vấn đề chết lạ lùng này, tâm trí phải sáng suốt, không được vướng vào một quan niệm, một ý tưởng nào cả. Cái chết mà chúng ta muốn tự lừa dối, sợ hãi, thật sự chỉ có thể huyền diệu mà thôi. (Krishnamurti, *Les Entretiens de Saanen 1963*, page 85).

Muốn tư duy nghiêm túc, không phi tưởng, không hốt hoảng, không ảo tưởng, cần phải biết rõ tiến trình sinh hoạt của tâm thức mình, được THỜI GIAN, được quá khứ định đoạt và nuôi dưỡng. Và chúng ta có thể nào sống không dĩ vãng? Vâng chính vậy, đó là sự chết. Các Ngài có hiểu không? Chúng ta sẽ trở lại câu hỏi hiện tại là gì khi nào chúng ta mỗi người tự mình thấy thế nào là cái chết...

Chúng ta muốn có một sự liên tục sau cái chết. Chỉ mong được chuyện ấy thôi, chúng ta không muốn biết chết là gì, không muốn biết cái phép lạ huyền diệu, cái đẹp, cái sâu xa, cái bao la của sự chết... với điều kiện nếu có ai bảo đảm sống tiếp thì chúng ta mỗi chịu khó hỏi chết là gì, và bảo đảm sự lạ lùng ấy có thật.

Chỉ ai có bộ óc già giặn mới thoát khỏi mọi sợ hãi và mọi ảo tưởng. Họ không cảm thấy có lòng ham muốn

ngủ dần được khẳng định cho bản thân và kéo dài sự tồn tại của mình. Nhờ vậy họ có thể hiểu chết là gì vì họ biết sống trong hiện tại.

Xin các Ngài chú ý việc này, sống trong hiện tại là sống không thất vọng, vì chúng ta không bám vào quá khứ và cũng không trốn tránh nó, và chúng ta không hy vọng vào tương lai mà cũng không mù quáng về vấn đề này. Cái hôm nay là đầy đủ cho nó rồi, vì chúng ta đã bao gồm trọn vẹn tâm thức, vừa cá thể vừa tập thể. Bây giờ không còn cái TÔI cách biệt tha nhân. Một khi đã hiểu trọn vẹn bản ngã mình. chúng ta hiểu được biệt nghiệp và cộng nghiệp, nhờ vậy chúng ta chối bỏ mọi cao vọng, mọi ý tưởng về uy tín cá nhân. Mọi chuyện đó không tồn tại trong lòng của bất cứ ai khi đang sống trong hiện tại, mà chết đối với tất cả những gì biết đến từng phút, từng ngày. Được như vậy, các Ngài có thể thấy rằng sống và chết chỉ là một. Khi ấy các Ngài sống hoàn toàn trong hiện tại, chú tâm mà không lựa chọn, không phí sức; tâm trí rỗng không, và tử rỗng không, quan sát và thấm thấu. Cho nên sống tức là chết. Người nào kẹt với liên tục thì không bao giờ sáng tác được. Chỉ có chấm dứt mới hiểu thế nào là sáng tạo. Khi nào cái sống và cái chết là một, tinh thuần, chân lý, sáng tác mỗi hiện diện. Vì cái chết là Huyền Bí, và chân lý, tinh thuần và sáng tạo cũng như vậy...

Sau khi ra về, các Ngài chết với gì mà bạn thích. Ví dụ chết ghiền hút thuốc, chết thèm khát tình dục, chết say mê cao vọng để thi thố tài năng. Hãy buông thả thế thôi, hãy bỏ rơi những dục vọng ấy như bỏ những ngu dại, một cách dễ dàng, không so đo, khỏi cần lấy quyết định gì cả. Nếu các Ngài chết trọn vẹn -không phải chỉ bỏ thuốc và nhịn rượu mà các Ngài xem như bị kịch rắc rối- khi ấy các Ngài sẽ rõ ý nghĩa của sự sống từng giây phút tối thượng, thoát mái của quý Ngài một cách đầy đủ. Và biết đâu, cánh cửa đưa vào cái huyền bí sẽ hé mở (Krishnamurti, *es Entretiens de Saanen 1963*, trang 90-92). Tôi xin tạm dừng nơi đây vì kho *tĩnh thức trong hiện tại* của Krishnamurti là vô tận. Ông giảng rất nhiều nhưng thích cô đơn, không muốn thành thần tượng. Mặc dầu không theo bất cứ tôn giáo nào kể cả đạo Phật nhưng ông có một quan niệm về tín độ như Phật dạy: Thần tượng cũng như cây cổ thụ, nếu số đệ tử quá đông sẽ làm ngã cây.

..... (Còn tiếp)

## CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc: Chồng, Anh, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại và Cụ chúng tôi là:

### Cụ BUI VĂN BẢO Bút hiệu BẢO-VĂN

sau một đời tận tụy dâng hiến cho nền giáo dục trẻ em Việt Nam, đã mệnh chung vào lúc 11 giờ 45 đêm ngày 25 tháng 3 năm 1998 tức ngày 27 tháng Hai năm Mậu Dần tại Toronto, Ontario, Canada. Thượng thọ 82 tuổi.

- Vợ: Cụ quả phụ Bùi Văn Bảo  
nhũ danh Phạm Thị Mỹ

- Các em:

Gđ. Bà Bùi Thị Miến

Gđ. Ông Bùi Lý Hồng

Gđ. Ông Bùi Quang Minh

Gđ. Ông Chu Đức Nhuận

- Các con:

Bùi Mỹ Dương, Bùi Bảo Trúc, Bùi Bảo Sơn, Bùi Bảo Thạch, Bùi Mỹ Trang, Bùi Bảo Đồng, Bùi Đoàn Trang, Nguyễn Như Chương, Lê Thị Kim Liên, Phan Mỹ Sương, Trần Thị Thủy Liễu, Cathy Bùi, Trần Mộng Cưng, Phạm Thị Hồng Vân, Phạm Quang Cú.

- Các cháu:

Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh, Phan Gia Quang, Nguyễn Anh Hoàng, Nguyễn Hoàng Việt, Bùi Bảo Kim, Vũ Đình Thụy Khanh, Bùi Bảo Khanh, Bùi Tử Văn, Bùi Bảo Lâm, Bùi Linh San, Bùi Bảo Tùng, Bùi Thị Thủy Tiên, Bùi Tam, Samantha Richardson, Bùi Liêm, Trần Tường Đan, Trần Tường Nam, Bùi Bảo Lộc, Bùi Bảo Mạc, Bùi Bảo Đan, Phạm Ngọc Thúy, Phạm Kim Oanh, Phạm Hà Ly.

- Chắt: Phan Ngọc Quỳnh An.

Tang Gia Đồng Khấp Báo  
Xin Miễn Phúng Điếu

## PHÂN ƯU

Được tin

### Cụ Ông BUI VĂN BẢO Bút hiệu BẢO VĂN

đã mệnh chung vào lúc 11 giờ 45 đêm, ngày 25.3.1998 nhằm ngày 27 tháng Hai năm Mậu Dần tại Toronto, Ontario, Canada.

Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng tang quyến và nguyện cầu cho Hưởng Linh Cụ Ông Bùi Văn Bảo sớm vãng sanh về Miền Cực Lạc.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác



# AUF DEUTSCH

## Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen  
versehen von Meister Thich Thien Tam;  
Copyright der deutschen Übersetzung  
Tu Xung Roland Berthold)

### ANHANG

(Auszüge aus „Buddhism of Wisdom  
and Faith“ von Meister Thich Thien Tam)

(Fortsetzung)

#### C) Diskussion über „Dämonische Bereiche“

Wie oben gesagt wurde, werden die  
Übenden der Buddha-Rezitation manchmal  
Merkmale und Formen schauen, die  
tatsächlich dämonische Bereiche sein  
können. Dies sind Fälle, wo Ursache und  
Wirkung nicht übereinstimmen. So mag  
beispielsweise ein Übender, während er die  
physischen Merkmale des Buddha  
visualisiert, stattdessen plötzlich die  
Merkmale einer schönen Frau sehen. - Ein  
anderer Übender, der in der Hoffnung,  
glückverheißende Szenen des Lauteren  
Landes zu schauen, fleißig rezitiert, wird  
unerwartet ein Elendsviertel mit hin- und  
hereilenden Männern, Frauen und  
Haustieren sehen. - Wieder ein anderer  
Übender wird statt kostbarer Lotusblüten im  
Lauteren Land plötzlich einen kleinen  
Karren sehen. Dies sind dämonische  
Bereiche, da Ursache und Wirkung nicht  
übereinstimmen.

Es gibt fünf Kriterien, anhand welcher wir  
bestimmen können, welche Geschehnisse  
wirklich sind und welche dämonischen  
Bereichen zugehören.

1. Fälle, in denen Ursache und Wirkung  
einander nicht entsprechen (wie ein  
Merkmal zu visualisieren, aber dann ein  
anderes zu schauen; einen Bereich  
schauen zu wollen, stattdessen aber einen  
anderen zu sehen), wie auch alle Szene  
und Bereiche, die nicht den in den Sūtras  
beschriebenen ähneln, sind dämonische  
Bereiche.

2. Buddhas und Bodhisattvas haben reines  
Mitleid. Deshalb sollten wir uns auch dann  
ruhig, friedvoll und rein fühlen, wenn sie die  
Erscheinung von „Dämonen“ annehmen,  
um uns zu prüfen. Dämonen andererseits,  
sind von Grund auf übel und böseartig.  
Deshalb fühlen wir uns erregt, zornig und

unbehaglich, selbst wenn sie die  
Erscheinung von Buddhas und  
Bodhisattvas (d.h. von guten und  
moralischen Personen) annehmen.

3. Das Licht des Buddha beruhigt und  
erfrischt uns. Es wirft weder Schatten, noch  
blendet es das Auge. Das Licht der  
Dämonen dagegen greift unsere Augen an  
und macht uns erregt statt ruhig und  
friedvoll. Es wirft auch Schatten, wie dies  
im Lankāvatāra-Sūtra beschrieben wird...

4. Die Belehrungen durch Buddhas und  
Bodhisattvas befinden sich in  
Übereinstimmung mit den Sūtras und der  
Wahrheit. Die Worte der Dämonen  
widersprechen der Wahrheit und sind nicht  
in Übereinstimmung mit den Lehren der  
Sūtras.

5. Wenn glückverheißende Zeichen  
erscheinen, muß sich der Übende, der  
diese überprüfen will, nur auf die Rezitation  
des Herz-Sūtra mit lauterem Geiste  
konzentrieren oder ein Mantra oder den  
Buddha-Namen mit der Einspitzigkeit des  
Geistes rezitieren. Wenn das Zeichen  
wirklich glückverheißend ist, wird es, je  
mehr er rezitiert, umso klarer, denn echtes  
Gold fürchtet das Feuer nicht. Wenn es  
dagegen einem dämonischen Bereich  
zugehörig ist, wird es verschwinden, wenn  
man rezitiert, denn Böses kann niemals  
das Wahre und Glückverheißende  
beschädigen.

Wir sollten alle Erscheinungen nach allen  
oben genannten fünf Kriterien überprüfen,  
nicht nur nach nur einem oder zwei. Denn  
es gibt viele himmlische Dämonen und  
fremde Gottheiten und Unsterbliche, die  
uns auf ihren Weg führen wollen und  
deshalb die Gestalt von Buddhas und  
Bodhisattvas, die den Dharma lehren,  
annehmen. Obwohl ihr Übungsweg nicht  
der höchste, zur Befreiung führende Weg  
ist, besitzen sie günstiges Karma oder eine  
recht hohe Stufe der Konzentration.  
Deshalb kann auch ihr „Licht“ uns  
erfrischen und friedvoll fühlen lassen.  
Darüberhinaus ermutigen ihre Lehren zur  
Praxis guter Taten, zum Beachten der  
Sittenregeln, zum Vegetarismus und zur  
Buddha-Rezitation. Dennoch weichen sie in  
gewissen Punkten von den buddhistischen  
Sūtras ab. Wir können dies nur durch  
sorgfältige Beurteilung und durch  
Verstehen des Dharma in seiner Tiefe  
erkennen.

So drängen uns gewisse fremde Gottheiten  
zu Vegetarismus und Buddha-Rezitation,  
lehren aber, daß die heiligen Worte als  
durch den Körper zirkulierend visualisiert  
werden sollen, um Blockierungen des  
Energiesystems zu lösen. Sie nennen dies  
„Drehen des Dharma-Rades“. Aber es ist  
die Lehre fremder Dämonen.

Es gibt auch Dämonen, welche die  
Erscheinung von Großmeistern annehmen,  
und dann sagen: „Statuen des Buddha aus  
Bronze und Zement können das Wasser  
nicht besiegen, denn sie versinken im

Wasser. Statuen des Buddha aus Holz  
können das Feuer nicht besiegen, denn sie  
sind brennbar. Nur der Geist-Buddha kann  
von nichts zerstört werden. Du mußt nur  
den Geist-Buddha kultivieren und danach  
streben, ihn zu läutern. Es ist nicht  
notwendig, Körper und Sprache zu  
kultivieren. Deshalb haben auch Fleisch  
essen und Wein trinken, Sinnenlust und  
Kinder zeugen keine Folgen. Den Körper  
und die Sprache durch das Einhalten der  
Sittenregeln, durch Vegetarismus, durch  
Rezitation der Sūtras, von Mantras und des  
Buddha-Namens zu kultivieren, sind  
restriktive, asketische Praktiken, die  
nutzlos sind und zu keinem Erfolg führen!“  
Dies ist eine typische Lehre einiger alter  
Geister und Dämonen der sexuellen Lust.

Es gibt einige Arten von Dämonen, die eine  
ziemlich hohe Ebene der Verwirklichung  
erreicht haben, und ihre Kräfte der  
Konzentration benutzen können, um dem  
Übenden zu helfen, in einem Zeitraum von  
7 oder 21 Tagen einen Samādhi-Zustand  
zu erlangen. Dennoch führt ihre Lehre nicht  
zur höchsten Befreiung und kann letztlich  
auch nicht den Kreislauf der Ich-  
Verstrickung überwinden.

Die alten Meister haben gesagt: „Wenn wir  
Dämonen sehen und dennoch ungestört  
bleiben, zerstören sich die Dämonen  
selbst. Wenn wir Geister sehen und  
dennoch ungestört bleiben, verschwinden  
die Geister von selbst.“ Diese Aussage  
bedeutet: wenn wir Dämonen und Geister  
sehen und unser Geist dennoch unbewegt  
und furchtlos bleibt und an rechten  
Gedanken festhält oder aufrichtig den  
Buddha-Namen rezitiert, können uns diese  
Dämonen und Geister auf keine Weise  
verletzen, und sie werden uns aus eigenem  
Antrieb verlassen.

Nicht nur, wenn wir Dämonen sehen,  
sollten wir uns auf diese Weise verhalten.  
Auch wenn wir während des Kultivierens  
gewisse Ergebnisse erlangen oder  
glückverheißende Merkmale schauen,  
sollten wir weder von Traurigkeit noch von  
Erstaunen oder Freude bewegt werden. Es  
ist, als ob wir einen Diamanten auf dem  
Grund eines Sees verloren hätten und wir  
wegen des trüben Wassers nicht in der  
Lage waren, ihn trotz aller Anstrengungen  
wiederzufinden. Jetzt, da das Wasser ruhig  
und klar ist, haben wir ihn wiedergefunden.  
Warum sollten wir überrascht und  
überglücklich sein, da uns der Diamant  
ursprünglich gehört hat? Wenn der Geist  
des Übenden nicht still und friedvoll ist und  
sich stattdessen leidvollen Gedanken  
hingibt, wird er von dem Dämonen des  
Leidens verletzt und allezeit weinen. Wenn  
er sich andererseits zuviel der Freude  
hingibt, wird er vom Dämonen des Glücks  
verletzt und allezeit lachen, als ob er  
verrückt sei.

Obwohl der Übende des Lauteren Landes  
auch glückverheißende Szenen schauen  
wird, sollte er sich weder danach sehnen  
noch von ihnen allzu viel träumen, denn  
allein Rezitation bedeutet schon Streben.  
Er sollte still sein und „streben, jedoch nicht  
streben; nicht streben, jedoch streben“, um  
Verwirrungen seines Geistes zu vermeiden.  
Er sollte nur ernsthaft den Namen des  
Buddha rezitieren. Und mit der Zeit, wenn

die Kraft seiner Rezitation rein ist, wird er eine Antwort erhalten und glückliche Bereiche erfahren. Ständig nach diesen zu streben und sie zu erhoffen, ist verblendetes Denken, das Leid nach sich zieht.

Vor langer Zeit gab es in China einen Laienanhänger, der über 30 Jahre lang meditiert hatte. Eines Tages erlangte er plötzlich die Fähigkeit des „Himmlichen Auges“. Am Anfang konnte er durch Wände sehen. Später konnte er Dinge, die viele Dutzend Meilen entfernt waren, so klar sehen, als ob sie vor seinen Augen waren. Als er erkannte, daß er das „Himmliche Auge“ erlangt hatte, war er sehr überrascht und glücklich. Nach einiger Zeit war er nicht nur in der Lage zu „schauen“, sondern auch die Stimmen der weit entfernten Menschen und Tiere zu „hören“. Dies ist das „Himmliche Ohr“, das sich nach dem „Himmlichen Auge“ entfaltet. Nach einiger Zeit konnte er Dinge sehen und hören, die sich viele tausend Meilen entfernt ereigneten. Noch später konnte er künftige Ereignisse „voraussagen“... So „wußte“ er einen Krieg zwischen zwei benachbarten Königreichen im voraus und „wurde Zeuge“ des mitteleiderregenden Anblicks zahlloser Toter und Sterbender unter der Bevölkerung. Er war so bewegt, daß er jedem gegenüber, den er traf, weinte und klagte: „Eine große gewaltsame Erhebung wird geschehen. Es wird Massaker und unendliches Elend geben. Die Menschen bedürfen des Mitleides und des Erbarmens. Wie kann man ihnen helfen?“

Zu jener Zeit dachte jeder, der ihn so reden hörte, er sei wahrsinnig. Doch später ereigneten sich Krieg und Aufstand, ganz so wie er es vorausgesagt hatte. Als dies dann vorüber war, klagte er weiter. Die alten Meister kommentierten dies so: „Dies ist ein Fall von Besessenheit durch die ‚Dämonen von Kummer und Traurigkeit‘. Der Übende, der eine gewisse hohe Stufe der Praxis erreicht hat, entfaltet plötzlich das ‚Himmliche Auge‘. Er sollte darüber in Hinblick auf die Selbst-Natur nachdenken und weltliche Formen und Merkmale seinen Geist nicht erregen und stören lassen. Er sollte erkennen, daß er diese psychischen Kräfte stets besessen hat und deshalb nicht übermäßig glücklich oder erstaunt darüber sein und sie nicht als fremdartige und wunderbare Geschehnisse bewerten...“

## Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche  
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und  
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der  
Bundesrepublik Deutschland

Verlag  
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519  
Hannover  
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963  
Herausgeber:  
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V.  
Redaktion:  
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-  
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)  
Erscheinungsweise: 6 mal Jährlich  
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.  
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung  
der Redaktion erlaubt.

## „D - Verschiedene Arten von Dämonen

Der Autor hatte gerade die vorhergehenden drei Kapitel niedergeschrieben, als er von einem Dharma-Bruder besucht wurde, der ihn zum Nutzen der anderen Übenden um eine Unterweisung über die verschiedenen Arten von Dämonen bat. In den vorhergehenden drei Kapiteln hat er allgemeine Erläuterungen der verschiedenen Bereiche, einschließlich jener der Dämonen, gegeben. Wenn der Übende jene grundlegenden Ideen verstanden hat, kann er seinen Geist ungestört bewahren und allen schädlichen Geschehnissen entgegenwirken. Um jedoch der genannten Bitte nachzukommen, wird der Autor die verschiedenen Arten von Dämonen detaillierter beschreiben.

„Dämonen“ werden in Sanskrit „māra“ genannt. Im Chinesischen wird das Wort als „Mörder“ übersetzt, denn die Dämonen rauben die Tugenden und ermorden das Weisheitsleben der Übenden. „Dämonen“ repräsentieren auch jene zerstörerischen Bedingungen (d.h. Funktionen und Einflüsse), die Übende zurückfallen lassen. Dämonen können Übende Wahnsinnig machen, sie ihr rechtes Denken verlieren, irrige Ansichten entwickeln, unheiliges Karma wirken und am Ende in die niederen Bereiche sinken lassen.

Jene Aktivitäten, die Tugend und Weisheit entfalten und die Lebewesen zum Nirvāna führen, werden Buddha-Wirken genannt. Jene Aktivitäten, welche die Wurzeln des Heilsamen zerstören und die Lebewesen zum Leiden und zum Versinken im Kreislauf von Geburt und Tod führen, werden dämonisches Wirken genannt. Je länger ein Übender praktiziert und je höher die Ebene seiner Verwirklichung ist, desto mehr entdeckt er, wie bösartig, listig und erfolgreich die Dämonen sind. Obwohl es zahllose Dämonen gibt, können sie in drei Arten eingeteilt werden: Dämonen der Befleckungen, äußere Dämonen und himmlische Dämonen.

### a) Dämonen der Befleckungen

Diese Dämonen repräsentieren die Befleckungen von Begehren, Zorn, Groll, Verblendung, Mißachtung, Zweifel und falschen Ansichten. Sie schließen auch die Dämonen der Fünf Skandhas (Hindernisse, die durch unsere körperlichen und geistigen Funktionen verursacht worden sind), die der Sechs Sinnesorgane, die der Zwölf Grundlagen (Augen, Formen, Ohren...) und die der Achtzehn Elemente ein. Diese Dämonen werden auch als „innere“ bezeichnet, da sie aus verwirrten und verblendeten Geisteszuständen entstehen. Deshalb müssen sie durch den wahren, erleuchteten, hellen Geist vernichtet werden.

Der Geist der Menschen wird leicht bewegt und entwickelt Befleckungen nicht nur wegen des persönlichen Karma, sondern auch aufgrund des gemeinsamen Karmas, wenn man in einem Umfeld mehrheitlich böser Wesen lebt. Manche können der Anziehungskraft der fünf Arten des Staubes nicht widerstehen und fallen deshalb auf üble Wege. Andere, die auf entgegengesetzte Bedingungen treffen,

werden betrübt und traurig verlieren ihre Entschlossenheit, voranzuschreiten. Solche Entwicklungen können den Übenden unter Umständen verzagend, unwillig und krank machen, manchmal, was noch schlimmer ist, ihn aus dem Orden austreten oder sogar aus Verzweiflung Selbstmord begehen lassen. Noch schlimmer ist es, wenn sie den Verlust von Achtung und Wohlwollen anderen Übenden gegenüber, manchmal sogar Haß und die Ablenkung von Sangha und Laiengemeinschaft hervorrufen. Das schließliche Resultat sind dann der Verlust des Glaubens an die Gesetzmäßigkeit von Ursache und Wirkung, übles Karma und dann der Abstieg auf die drei üblen Pfade.

Um diesen Dämonen entgegenzuwirken, sollte der Übende darüber meditieren, daß alle Befleckungen illusorisch, verwirrend, erstickend, bindend und übel sind und zum Leiden für sich und andere führen. Die Befleckungen auszurotten, bedeutet, zum Wahren Geist zurückzukehren, der frei und ungebunden, frisch und still, leuchtend und klar, glücklich und friedlich, transzendent und wunderbar ist. Der Übende sollte auf die gleiche Weise über alles Anhaften meditieren, von den Fünf Skandhas bis hin zu den Achtzehn Elementen. Im Lotus-Sūtra sagt der Buddha: „Ihr solltet nicht begehren und an groben und gemeinen Formen, Tönen, Gerüchen, Geschmacksempfindungen, Tastempfindungen und Dharmas haften. Wenn ihr dies tut, werden sie euch verbrennen.“ Der Bodhisattva Manjusri fragte einst eine weibliche Gottheit: „Wie siehst du die 18 Elemente?“ Die Gottheit erwiderte: „Sie gleichen einem ewigen Feuer, das die ganze Welt verbrennt.“ Die sind Worte der Warnung, die uns ermahnen, die Dämonen der Befleckungen zu vernichten.

Wenn die Dämonen der Befleckungen (innere Dämonen) nicht besiegt werden, werden sie „äußere Dämonen“ anziehen, die dann Verwüstungen anrichten. Die Alten haben gesagt: „Wenn mittelmäßige Menschen vor der Tür stehen, werden mittelmäßige Menschen hereintreten. Wenn tugendhafte, vortreffliche Menschen vor der Tür stehen, werden edle, vortreffliche Menschen hereinkommen.“ Wenn Diebe ein Haus durch den Hintereingang betreten wollen und der Eigentümer sie in innerer Ruhe mit lauter Stimme schilt, werden sie erschrecken und verschwinden. Wenn er sie jedoch ängstlich und zitternd bittet, davon abzulassen, wird er sie ungewollt in sein Haus einladen.

(Fortsetzung folgt)





# Hai ngày với chánh pháp

■ Huy Giang

“... ”

*Ưu đàm bình nữ Diệu Hoa  
Hào quang Diệu Pháp chan hòa thế gian*

(Trích trong Tủ Diệu Đế - Nữ sĩ Vân Nương  
thi hóa theo tài liệu cụ Đào Hữu Đĩnh)

Thời gian trôi qua nhanh quá. Nó hững hờ không kêu gọi, không chờ đợi ai. Những những gì đã qua, quả là không bao giờ trở lại được. Mà dẫu có lập lại đi chăng nữa, lần sau không bao giờ giống lần trước. Có nhiều người phí thời gian cho bao nhiêu mục đích và câu chuyện khác nhau; những tôi thì rất trân quý nó. Vì vậy tôi vẫn hay nói: Bây giờ cái gì tôi cũng có; những không có thời gian. Thời gian dẫu có tiền; người ta vẫn không mua được; dẫu có quyền cũng không thể kéo dài thời gian thêm; dẫu có phép lạ cũng không thể làm cho thời gian dừng lại. Nó vẫn đến và đi không vô tình không hữu ý; những con người thì có trẻ, có già, có bệnh, có chết. Có ai thoát được ra khỏi cái nhị nguyên này, cái đối đãi này không? Ta không chờ lỗi; những thân thể cũ lờn ra, ta không chờ già; những tóc bạc càng ngày càng nhiều và bệnh hoạn, rồi sau đó cái chết sẽ đến; những sống thế nào trong thời gian năm bảy chục năm ấy có ý nghĩa, mỗi là điều đáng quý mà thôi.

Ai sinh ra trong cuộc đời này rồi cũng phải bị thời gian và hoàn cảnh xung quanh chi phối; những cũng có lắm người sống vượt thời gian và không gian vô tận ấy như các bậc đã giác ngộ trong cuộc đời...” (1) Vâng, thật đúng như vậy, thời gian là chuyển xe vô hình của tạo hóa; những chắc chắn rằng sẽ đưa đẩy trí tuệ cùng thể xác nhân sinh từ chỗ tối tăm (trí tuệ), và non nớt (thể xác) đến chót đỉnh thăng hoa của sự trong sáng, hay tận cùng của đầy vục cuộc sống thực tại -

già nua, bệnh hoạn; để chờ đợi - có lắm lúc bắt buộc gặp gỡ sự đau đớn, khắc khoải... trước khi quay về với nguyên thủy của cát bụi. " *Thật ra Địa ngục, Thiên Đàng, Cực Lạc và Ta Bà không có hai cửa ra vào, mà chỉ có một. Một cánh cửa duy nhất mở ra khi đó ta vào và cũng chính cánh cửa ấy đóng lại khi chính chúng ta đã ra khỏi nơi ấy. Có nhiều người đi tìm an lạc và hạnh phúc ngoài cái gì mình đang có. Điều ấy hẳn sai. Vì an lạc chỉ có trong khổ đau. Ngoài khổ đau không có an lạc. Niết bàn cũng thế, không ngoài thế gian này mà có được. Nó ở ngay trước mắt, trong ta; những vì vô minh vọng tưởng nên ta không nhận ra nó. Chúng ta không nhận Phật tánh làm bạn, mà cứ nhận vô minh làm bạn; nên luân hồi sanh tử, tử sanh cứ mãi mãi cận kề, khiến cho ta không thoát ra khỏi cái cảnh trần lao phiền não đầy thôi." (1)*

...  
ngày ngày điệp khúc chiều tan vội  
búp môi trở xanh, thoáng... búp già  
ngắn ngủi đời người như chớp mắt  
thân hoàn cát bụi phủ mờ qua

(trích trong: Chiều 2  
- Thơ Huy Giang)

Tự thoát ra khỏi ranh giới thiên đường trong sạch của tuổi thơ vô tư rạng rỡ, tôi hăm hở lao mình vào chốn bụi trần sân si, chấp ngã đặng đặng suốt khoảng thời gian có hơn 30 năm. Tâm, Ý nhỏ nhóp thét gào, vật vã cùng ngoại cảnh hào nhoáng giả tạo chập chờn, lung linh ma quái; tôi quên đi ánh dương quang biên biệt. Nỗi niềm thương đau thể củ mài quanh quẩn, chông chất lên vai gánh nặng mỗi ngày mỗi thêm hơn, trong khi sự sung sướng thoáng đến rồi đi tựa như làn hương mỏng bay qua tầm mắt. Bán loạn thần kinh trong những đêm dài thao thức, tôi lẫn lộn với cơn nhức nhối nghiệt oan do chính tôi tạo nên; "Búp

môi trở xanh, thoáng... búp già", tôi có còn được những gì sau gần nửa kiếp người với hoạt cảnh sân si, chấp ngã, ngoài một thể xác già nua bệnh hoạn, và một tâm linh u tối dần dần, rã rời!

Những rồi một ngày kia, không chờ đợi, bỗng nhiên khung cảnh hiền hòa của tuổi thơ bất chợt quay về thật dịu dàng. Với tôi "nó" vô cùng âu yếm, đưa đôi bàn tay mịn màng ví tựa như người Mẹ hiền xoa lên những vết thương lở loét tanh hôi vì bụi trần ô nhiễm, cùng với ánh mắt chan chứa nhíp vông xa xưa ru êm xạc xào hoa biển, sâu rộng như màu xanh lồng lộng của bầu trời trong sáng mùa trăng Rằm tháng 8. Tâm hồn tôi phút chốc nhẹ nhàng lâng lâng, vết thương tưởng chừng như đau nhức tan biến đi vợi vợi, tâm thật "tịnh" trước sự yên tĩnh màu nhiệm đó khiến cho tôi quên hết, quên hết; và tôi thấy sáng rực lên ánh hào quang của Đức Phật chói rạng sắc ở phương đông vàng tuổi lông lánh, nhiệm màu.

Bao la ví tựa Thái Bình  
Sóng đưa nhịp sóng nghĩa tình triền miên  
Vòng tay Từ Mẫu thiêng liêng  
Ấm nồng hơi thở dịu hiền sắc hoa  
Võng ru vãn khúc mặn mà  
Ca dao chan chứa thiết tha ý lời  
Hạc đêm vọng tiếng rã rời  
Sao hôm đi vắng bỏ trời mộng mệnh

...

(Trích trong: Cảm Tác  
Thơ Bùi-Thị Rau-Dzènh)

Sau hơn ngàn ngày vui sống trong niềm tinh lặng tuyệt vời yêu thương đó, cánh cửa trí tuệ cũng cùng lúc hé mở ra cho tôi thấy tia hào quang nhiệm màu của Ánh Đạo Từ Dung. Tôi như con chim sẽ non nớt lạc đàn sau lúc hứng chịu cơn mưa bão dập vùi, bay về đậu trước thềm Phật điện Chùa Viên Giác, sớm chiều chấp cánh, tịnh lòng lắng nghe chuông mõ hòa theo dòng Kinh Sám Hối. Hạt chuỗi thời gian củ thể mà liên kết "ngày qua ngày" tuy rằng âm thầm, những ẩn nhẫn mở thêm cho tôi biết bao nhiêu là ngăn cửa sổ để đón nhận hào quang Chánh Pháp. Từng ngụm nước Cam Lộ mát rượi, từng nụ bông Bạch Liên trong ngần thanh thoát nở nhẹ nhàng theo lời giảng trầm trầm nêu lên ý tứ cao siêu Đạo Pháp của người Thầy khả kính; Thầy của tôi, Thượng

Tọa Thích Như Điển. Văng vẳng đâu đây còn tỏ rạng dòng chữ của Đại Sư Chogyam Trungpa, mà tôi đã được đọc từ lâu lắm: "Con người trải qua vô lượng kiếp sống, đã chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần, đã thấy được chân tâm bao nhiêu lần, nhưng đã mấy ai biết nắm lấy cơ hội để giải thoát này? Giáo Pháp của Đức Thế Tôn đã được giảng dạy từ bao ngàn năm nay, người có duyên được nghe, được học cũng nhiều nhưng đã mấy ai biết áp dụng nó để phá tan lưới sinh tử? Phải chăng tai tuy nghe, mắt tuy thấy nhưng vì không tinh thức, bị nghiệp lực chi phối nên họ không thể làm gì hơn là tiếp tục trôi nổi trong sinh tử luân hồi". Và, giữa mùa giáp đông trên đỉnh đồi hoa cỏ chưa phai hết màu xanh biếc, tôi sa nước mắt qui danh Lễ trước bệ Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhận lộc Thầy Viên Giác gia ân Quy Y Tam Bảo - tháng 11. Phật lịch 2537. "Khi các yếu tố thuộc về bản ngã tan rã, khi không còn bị mây mù của vô minh chi phối nữa thì chân tâm bắt đầu hiển hiện." (theo Tủ Thư Tây Tạng).

Giông tố sân, si mê nào nề  
 Đã bao nghiệp chướng kéo lê thê  
 Lên tâm tĩnh lặng nêu gương ngọc  
 Thiện ý quay cuồng lạc bến mê  
 Dấy bụi hồng trần gieo vọng động  
 Khua mờ danh lợi bùa sơn khê  
 Tiếng chuông thức tỉnh, Từ Bi gọi  
 Vực tối Trầm luân... sáng nẻo về.

(Trích trong: Vực Trầm Luân  
 Thơ Huy Giang)

Giờ đây, cũng địa phương này, Reutlingen - nói mà tôi qui chấp tay, cúi đầu danh lễ khi được Thầy Bốn sư Thích Như Điển ban cho Pháp danh Thiện Chánh, ấy mà thời gian gần 3 năm trôi qua; tôi lại trở về sau khi nhận thêm tuổi đời, với cơn bệnh triền miên ngặt nghèo chưa dứt khỏi. Sự kính mừng đầy ắp tâm tử, dâng lên theo dòng nước mắt hoen mi lúc được gặp lại Thầy Bốn Sư, và có thêm Thượng Tọa Liễu Quán Thích Quảng Bình (từ Đan Mạch) đến chứng minh, thuyết giảng, phụ lễ có các Chú Hạnh Vân, Hạnh Hòa với Hạnh Định trong mùa Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật Cầu An 2 ngày 08 và 09 tháng 11 Phật lịch 2541, cùng tất cả Đạo Hữu dù phía ngoài trời hơi thu lạnh căm căm nền

mây xám ngất trĩu xuống nặng nề giăng giăng và trên hàng cây trở vỏ nhánh bên hiên Hội trường St. Andreas.

Hôm nay Thầy về đây  
 Chúng con xin kính chào Thầy  
 Trong giờ phút vui này  
 Chúng con biết làm gì đây  
 Chúng con nguyện tinh tấn  
 Diệt tan tham sân hận  
 Ánh Đạo hằng mong tiến đến dần  
 Dù bao nhiêu gian khổ  
 Dù gặp nhiều nguy khó  
 Lý tưởng chúng con vẫn tôn thờ

....

(Trích trong Nhạc phẩm  
 Kính Mến Thầy)



91 Giới Tử (57 Nữ & 34 Nam) từ các Chi Hội Phật Tử Rottweil-Tuttlingen, Karlsruhe, Heidelberg, Mannheim... Reutlingen & VPC, trang nghiêm đứng thành đôi hàng phân chia Nam Nữ nơi Phật điện, chấp tay cung thỉnh Nhị vị Thượng Tọa Thích Như Điển và Thích Quảng Bình, cùng các chú Sa Di ra trước bàn thờ Phật, mở đầu buổi Lễ Thọ Bát Quan Trai & Lễ Phật Cầu An (phụ thêm Lễ Quy Y Tam Bảo cho chín Giới Tử Nam, Nữ).

Trong phần thuyết pháp, Thượng Tọa Thích Như Điển giảng một phần (20 bài trong số 423 bài) của Kinh Pháp Cú. Điểm chánh trong phần giáo lý Kinh Pháp Cú, Thầy đã phân tách rõ ràng về Tâm - Ý và Thức; theo Thầy, Tâm là sự nhận thức qua hình ảnh bên ngoài đi sâu vào ý nghĩ của mình, nằm phía ngoài; còn Ý nằm giữa Thức và Tâm. Ý dẫn đầu các Pháp, còn Thức là phân biệt mọi sự vượt qua nhận thức của mình, vạn Pháp đều quy vào A Lợi Gia Thức - tức là Thức thủ tám, Tâm vũ duy. Lòng trong phần thuyết giảng, Thầy cũng kể lại những Phật tích, di tích, thắng cảnh tại Trung Quốc sau chuyến hành hương. Nhân dịp, Thầy cũng cho biết: hiện nay tại Hoa Kỳ có 6 triệu người theo Đạo Phật, Đức có 1 triệu người. Riêng tại quốc gia Đức có

được 220 ngôi chùa nằm rải rác khắp nơi. Cuối phần thuyết giảng, Thầy khuyên các Giới Tử nên tu học; vì tu mà không học là tu... mù! Còn học mà không tu thì như cái túi đựng sách. Thầy cho biết, lúc xả giới, Thầy sẽ trả bài Sám Phát Nguyễn.

Không hiểu tất cả Đạo Hữu tham dự Lễ Thọ Bát Quan Trai ngày 08 tháng 11 Phật lịch 2541 có thuộc hết bài Sám Phát Nguyễn hay không; chỗ riêng tôi thì... chỉ vồn vện có 2 câu đầu bài Sám Phát Nguyễn giữ trong Tâm mà thôi! Đây cũng là nỗi khổ lòng không ít, do bản tính ngu ngốc của tôi từ nhỏ đến nay vậy.

Đệ tử hôm nay quý trước điện  
 Chí tâm danh lễ Đấng Từ Tôn  
 Trái bao phen sanh tử dập dồn  
 Trôi lăn mãi trong vòng lục đạo

Thế Tôn đã định ninh di giáo  
 Mà con còn đắm đuối mê say  
 Mắt ưa xem huyền cảnh hằng ngày  
 Tai thích tiếng mật đường dưa nịnh

Mùi quen ngửi mùi thơm bất tịnh  
 Lưỡi dẹt thèm lắm chuyện cay go

....

(Sám Phát Nguyễn)

Buổi trà đàm tối cùng ngày 08.11, do Thầy Thượng Tọa Thích Quảng Bình giảng giải về Niệm Phật và hành trì; theo Thầy thì chữ Niệm, Hán tự gồm có chữ Kim và Tâm ghép lại, tức là để Tâm trong hiện tại. Thầy giảng thêm: có Niệm Phật thì Tâm mới định, khi Tâm đã định thì trí tuệ mới phát sanh; mỗi phát Bồ Đề Tâm được. Là như vậy mới phá được chấp ngã. Một Đạo Hữu bạch cùng Thầy: Có người, họ không thấy chấp ngã của chính mình, mặc dù họ cứ tưởng là đúng. Thì phải làm thế nào cho họ thấu hiểu? Thầy cười, nhí nhòm trả lời: Vì người đó Tu chưa đúng cách. Là cô hồn sống! Do đó cần phải Niệm Phật là phép nhiệm màu, và phát triển nhẫn nhục, trí tuệ sáng suốt.

Đêm cùng ngày 08.11, Chi hội PT/ Reutlingen & VPC cũng đã tổ chức cúng vong cho một số hương linh do Nhị vị Thượng Tọa Thích Như Điển, Thích Quảng Bình chủ Lễ; trước phần trà đàm, chỉ tịnh.

Qua ngày 09.11.1997, sau giờ Công Phu, dù rằng thời tiết mùa thu buổi lạnh, nhưng Thầy Thích Quảng Bình

cũng đã hướng dẫn các Đạo Hữu thiên hành qua một khu đất tiếp nối chen nhau những mảnh vườn còn đọng sương long lanh phía sau khuôn viên nơi tổ chức Thọ Bát Quan Trai. Tiếp đến, là Lễ Phật Cầu An định kỳ, do Nhị vị Thượng Tọa đồng chủ lễ với gần 250 Phật Tử thành tâm cầu nguyện. Xong phần Lễ Phật, Thượng Tọa Thích Như Điển hướng dẫn bầu tân Ban Chấp Hành Chi Hội PT/ Reutlingen & VPC nhiệm kỳ 1998-2000; theo tôi nhận thấy thì không có gì thay đổi nhiều, nghĩa là Bác Đạo Hữu Thiện Hậu Trần Xuân Hiền vẫn là Hội trưởng, Đạo Hữu Thiện Vũ Lê Thọ Hạng vẫn giữ tiền cho Chi Hội (Thủ Quỹ), nhưng có ba khuôn mặt mới đầy Đạo tâm mà tôi quen biết từ lâu trong những lần về Reutlingen Lễ Phật, hay những lần tổ chức các cuộc thiện nguyện khác như: Đạo Hữu Thiện Ngộ Trần Văn Huyền giữ chức Phó Nội Vụ, Đạo Hữu Thiện Danh Hàn Cường Phó Ngoại Vụ và Đạo Hữu Thiện Diệu Trần Thị Lệ Hương Thư Ký...

Sang đến phần thuyết giảng, Thầy Thích Quảng Bình giảng một đề tài ngắn gọn về sanh tử của con người: "...Về cuộc sống, tức là Sanh; theo Thầy cần phải Tu học để chuyển 6 căn ra khỏi làm mê, không đắm đuối trong ngũ dục; cần phải kết hợp Thân chặt chẽ với Tâm, không nên rời rạc; lấy Trí Tuệ làm sự nghiệp, lấy Chánh Niệm duy trì để trao đời cuộc sống cho thêm tuyệt hảo. Về Tử, Thầy giải thích cận kề là lúc phần thức ra khỏi thân xác; đối với người mỗi lâm chung, cần phải được trợ niệm vắng sanh để nguyện cho hưởng linh sớm thoát khỏi con đường sinh tử luân hồi". Cuối cùng, Thầy khuyên tất cả Đạo Hữu hiện diện cần phải cố gắng tu học thường xuyên hơn, và Thầy cũng nhiệt liệt tán dương tinh thần tu học của các Phật Tử tại địa phương.

Hai buổi Lễ Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật Cầu An định kỳ tại Reutlingen do Chi Hội PT/ Reutlingen & VPC tổ chức được hoàn thành viên mãn và kết thúc lúc 14 giờ sau phần ngộ trai ẩm tình đạo vị.

(phố nhỏ, ngày đầu Xuân Mậu Dần 1998)

(Tham khảo theo tài liệu Giáo lý của bác Đạo Hữu Thiện Hậu)

Ghi chú: (1) Trích trong *Bất Lễ Quán Vườn - Bất Lễ Phụ Mẫu* của Thượng Tọa Thích Như Điển, đăng trên Viên Giác số 102, Xuân Mậu Dần 1998 ■



- Trời ơi, tại sao tôi khổ quá? Làm sao cho hết khổ, trời ơi!!!

Người đời thường than khổ vì nghèo khó, vì bệnh tật, vì thất nghiệp, vì thất tình... Cũng có không ít người giàu có, khỏe mạnh, có sự nghiệp, có tình yêu... nhưng vẫn kêu khổ! Người già than khổ, người trẻ cũng than khổ. Người ngu dốt khổ, người thông minh cũng khổ! Già trẻ bé lớn, nam phụ lão ấu sống ở đời đều có nỗi khổ riêng. Những người không tin ngưỡng kêu khổ đã đành, thậm chí những người có tín ngưỡng vẫn cứ kêu khổ dài dài. Đời là bể khổ. Tại sao vậy? Làm sao cho bớt khổ, cho hết khổ? Thực ra, nói chung chúng ta ở đời có hai cái khổ: khổ về vật chất và khổ về tinh thần.

Khổ về vật chất chẳng hạn như: nghèo khó, bệnh tật, thất nghiệp... thì có thể giải quyết được bằng cách này hay cách khác trong một thời gian nào đó. Thí dụ để giải quyết chuyện nghèo khó, chúng ta phải làm việc cần cù hơn, biết tiết kiệm hơn trong một thời gian. Để giải quyết chuyện bệnh tật, chúng ta phải biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh công cộng, phải đi khám bác sĩ định kỳ, dùng thuốc men đúng liều lượng chỉ dẫn, ăn ngủ điều độ, tập thể dục thường ngày. Để giải quyết chuyện thất nghiệp, chúng ta phải biết cách giữ gìn việc làm, siêng năng chăm chỉ, cải tiến nghiệp vụ cá nhân, tăng năng suất.

Cái vấn đề nan giải chính là cái khổ về mặt tinh thần. Chúng ta hãy thử tìm hiểu nguồn gốc của cái khổ về mặt tinh thần này để tích cực tìm cách tạo dựng cho chúng ta một cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay tại thế gian hiện đời. Còn chuyện thiên đàng, cực lạc là chuyện đời sau. Tại sao chúng ta lại phí phạm đời sống quý giá hiện hữu, chỉ tiêu cực chờ đợi hưởng phúc ở kiếp sau mà thôi?

Chúng tôi xin nói ngay, thông thường khi gặp cảnh ngộ khổ sở về mặt tinh thần hay tâm linh, chẳng hạn

## NGUỒN GỐC CỦA KHỔ ĐAU

• Cư Sĩ Chính Trực

như cuộc sống cá nhân hay gia đình không được hạnh phúc, không được như ý, chúng ta thường cầu nguyện các đấng thiêng liêng giúp đỡ, phù hộ hoặc đi nhờ thầy bói xem quẻ, cúng kiến thần linh xin giải hạn, giải tai, giải nạn! Thành thực mà nói, có ai hết khổ nhờ các cách này chẳng? Các đấng thiêng liêng hiện đang ở đâu, liệu có nghe lời cầu khẩn để đến giúp chúng ta chẳng? Thí dụ các đấng thiêng liêng đó là người Do Thái, người Ấn Độ, người Trung Hoa, v.v... có nghe hiểu thấu lời cầu khẩn bằng tiếng Việt của chúng ta chẳng? Còn các ông bà bói tử tướng có bói được ngày hôm nay có bao nhiêu khách đến nộp tiền cho họ tiêu xài chẳng? Họ có khả năng gì, từ cách gì để có thể cầu khẩn hay sai khiến thần linh nào đó để hóa giải tai nạn cho chúng ta, linh nghiệm như thần như họ thường khoe khoang, trong khi họ cũng đang gặp cảnh rắc rối về tiền bạc, về hạnh phúc trong gia đình của chính họ? Họ bảo xoay cái giường, thay cái cửa, sửa cái bếp, là có hạnh phúc sao? Hạnh phúc đâu dễ tìm tử bên ngoài như vậy được. Thực sự, hạnh phúc ở ngay trong tầm tay của chúng ta, ở ngay trước mắt của chúng ta mà chúng ta không nhận thấy đó thôi, lại mất công chạy đông chạy tây, tìm thầy tìm thuốc để mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc là do chính chúng ta có biết cách xây dựng và gìn giữ hay không. Tìm được nguyên nhân gây ra khổ đau là chúng ta tìm được hạnh phúc vậy.

Nguồn gốc của cái khổ về mặt tinh thần chính là "sự cố chấp" của chúng ta. Chúng ta chấp hai thứ: "chấp ngã và chấp pháp". Khi nào hiểu được và phá được hai nguyên nhân chính gây ra khổ đau về mặt tinh thần này là chúng ta tìm được hạnh phúc thực sự trong cuộc sống hiện tại vậy.

Trước hết, "chấp ngã" có nghĩa là chúng ta chấp cái thân và cái tâm vô thường, giả tạm này, lại cho là "thực" cho nên mới khổ đau.

Nói về cái thân mấy chục kí-lô này chỉ do các chất: đất, nước, gió, lửa tạo nên mà thôi. Chất đất là những thứ cứng trong thân người như: tóc, lông, răng, móng, xương, thịt... Khi còn sống, chúng ta mượn những thứ từ đất mà ra để bồi bổ hằng ngày như: cơm, bánh mì, trái cây... Đến khi chết, những thứ này trở về với đất. Chất nước là những thức lỏng trong thân người như: máu, mủ, nước miếng... Khi còn sống, chúng ta mượn những thứ từ nước mà ra để bồi bổ hằng ngày như: canh, sữa, nước giải khát... Đến khi chết, những thứ này trở về với nước. Chất gió là những thứ hơi trong thân người. Khi còn sống, chúng ta mượn những thứ từ không khí thở ra và hít vào để bồi bổ hằng ngày. Đến khi chết, những thứ này trở về với không khí. Chất lửa là những thứ ấm trong thân người. Khi còn sống, chúng ta mượn những thứ sanh nhiệt để bồi bổ hằng ngày như: gừng, chất đạm... Đến khi chết, những thứ này trở về với hư không. Cái thân mấy chục kí-lô này của chúng ta gồm bốn thứ nói trên, được gọi là thân tứ đại, không phải "thực" là của chúng ta. Tại sao vậy? Nếu cái thân tứ đại này "thực" là của chúng ta, thì nó phải tuân lệnh và tùy thuộc quyền sử dụng của chúng ta. Chúng ta muốn cái thân tứ đại này trẻ mãi không già, khỏe mãi không đau, còn mãi không hoại, nhưng có được như vậy đâu! Vậy mà ai động đến nó thì chúng ta nổi xung, nhất định ăn thua dù, không nhịn nổi, để bảo vệ cái thân tứ đại vốn giả tạm, không "thực" này, để rồi một ngày kia, chúng ta phải bỏ lại, dù muốn hay không, để đi sang thế giới khác. Đời người chẳng qua chỉ là hơi thở, khi thở ra mà không hít vào nữa thì ô hô tử vong! Đời người chỉ là tạm vay mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài để bồi bổ cho đất, nước, gió, lửa bên trong thân từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây. Không vay mượn nữa thì con người không còn tồn tại được. Chỉ vì con người mãi quay cuồng với cuộc sống, nên lúc nào cũng cứ tưởng "đời còn dài" nên mãi lo tranh chấp, giành giật miếng ăn, danh lợi phù du, hơn thua từng câu từng lời, cho nên mỗi khổ đau. Con người quên rằng ở ngoài nghĩa trang đâu phải chỉ có mộ phần của các cụ già mà thôi. Hiếu như vậy, chúng ta không còn chấp cái thân tứ đại mấy chục kí-lô này là "thực" của chúng ta nữa thì sự

đau khổ chắc chắn sẽ giảm bớt. Cái thân tứ đại không còn là "thực" của chúng ta nữa thì những thứ phụ thuộc như: nhà cửa, tiền bạc, danh vọng, địa vị... có nghĩa gì nữa đâu mà tranh chấp và đấu tranh cho đời thêm đau khổ? Người hơn thì thêm oán. Kẻ thua ngủ chẳng yên. Hơn thua hai đều bỏ. Tức được an giấc ngủ. Khỏe re!

Cái thân tứ đại mấy chục kí-lô của chúng ta là như vậy đó. Còn cái tâm của chúng ta thì sao? Cái tâm có phải "thực" là của chúng ta chăng? Có câu rằng: *Người buồn cảnh có đâu vui bao giờ?* Nghĩa là cùng một cảnh, nếu chúng ta có tâm sự buồn phiền thì thấy cảnh không vui, còn nếu chúng ta có tâm trạng hân hoan, vui vẻ thì dù cây khô trụi lá, cảnh vẫn đẹp vui như thường. Nếu chúng ta đang cần sự giúp đỡ thì viên cảnh sát chính là ân nhân, còn nếu chúng ta đang vi phạm luật pháp thì bóng dáng của viên cảnh sát không đáng ưa chút nào cả. Cùng một câu chuyện, nếu chúng ta ưa thì cho là đúng, ngược lại không ưa, chúng ta cho là sai. Cái tâm thay đổi bất thường như vậy "thực" là của chúng ta sao? Cùng một câu nói, nếu tâm của chúng ta vui vẻ thì cho là đúng, ngược lại khi tâm của chúng ta đang bức bối, thì cho là nói xiên nói xỏ, nói hành nói tỏi, nói bóng nói gió. Chúng ta là người có tâm tốt hay không tốt? Đối với người thân, người ưa thích thì chúng ta có tâm tốt, mặc dầu chưa chắc hẳn lúc nào cũng là như vậy. Còn đối với người oán, kẻ thù thì chúng ta có tâm không tốt, sẵn sàng gây đau khổ cho họ. Bởi vậy, cổ nhân có câu: *"tùy tâm biến hiện"*. Nghĩa là mọi sự việc trên thế gian này biến hiện như thế nào, tốt hay xấu, lành hay dữ, đúng hay sai... đều do tâm của chúng ta biến hiện ra cả, cái cảm thọ tùy theo tâm trạng của chúng ta, của từng cá nhân, không ai giống ai, không lúc nào giống lúc nào.

Lại thêm nữa, tâm của chúng ta luôn luôn giàu sự tưởng tượng nên mỗi giây đau khổ. Có người nói một câu vô thường vô phạt, chúng ta tưởng tượng thêm ra, suy diễn thêm ra để rồi bức bối, khổ đau. Chuyện này xảy ra rất nhiều trong cuộc sống của mọi gia đình ở khắp mọi nơi. Trong mọi cuộc nói chuyện, thảo luận, thường dễ xảy ra mịch lòng chỉ vì một câu nói hiểu lầm nào đó của một người, cộng thêm tâm trí tưởng tượng của các người

khác. Tâm tưởng tượng của người vợ hay người chồng thường dẫn tới chuyện ghen bóng gió, làm giảm hạnh phúc gia đình.

Tâm suy nghĩ của chúng ta luôn luôn tiếp nối không ngừng, từ chuyện này đến chuyện khác, từ việc này đến việc khác, từ người này đến người khác, từ nơi này đến nơi khác, từ đời này đến đời khác, từ xứ này đến xứ khác... tạo thành một dòng tư tưởng kéo dài vô cùng vô tận, gọi là tâm hành. Những lúc tâm của chúng ta có những dòng tư tưởng tiếp nối liên tục như vậy, chúng ta thử dừng nó lại, xem có được không? Lúc đó,, dừng nó lại không phải dễ, mới biết rằng chúng ta không làm chủ được tâm của chính chúng ta vậy.

Tâm thức của chúng ta cũng luôn luôn khởi vọng niệm đẹp hay xấu khi trông thấy một hình sắc nào đó, khởi vọng niệm dễ nghe hay khó nghe khi nghe thấy một âm thanh nào đó, khởi vọng niệm thơm hay thú khi ngửi thấy một mùi nào đó, khởi vọng niệm ngon hay dở khi nếm thấy một vị nào đó, khởi vọng niệm trơn hay nhám khi xúc chạm một vật nào đó, để rồi đưa đến một kho tàng tâm thức vui hay buồn, thưởng hay ghét. Chính những vọng thức này là nguồn gốc của khổ đau. Tại sao vậy? Bởi vì những vọng niệm đẹp hay xấu, dễ nghe hay khó nghe, thơm hay thú, ngon hay dở, trơn hay nhám... đâu có phải lúc nào cũng đúng đâu. Chẳng hạn như cùng một người, chúng ta khen đẹp, người khác chê xấu thì mịch lòng, đưa đến đấu tranh, cãi cọ, cuối cùng là khổ đau. Chẳng hạn cùng một món ăn, lúc bắt đầu ăn, vì đói bụng, chúng ta khen ngon, đến lúc no rồi thì thấy dở, hết còn ngon miệng nữa rồi. Cùng một món trái cây như sầu riêng, một món ăn như mắm, người khen ngon thơm béo để, người chê hôi thúi, khó nuốt, khó ngửi thì sẽ sanh phiền não, tranh cãi, đưa đến khổ đau. Như vậy các vọng thức chính là nguồn gốc của sự khổ đau vậy.

Cái thân tứ đại là hình sắc, cái cảm thọ, cái tưởng tượng, cái tâm hành, cái vọng thức, nói chung là "*ngũ uẩn*". Cổ nhân có dạy: *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*. Nghĩa là nếu chúng ta, quán sát, thấu hiểu "*ngũ uẩn*" là không thực, không thường còn, không vĩnh viễn, không cố định, không đáng để chúng ta quan tâm thì chắc

chấn chúng ta sẽ qua hết thảy mọi khổ ách trên đời, sẽ sống một cuộc đời hạnh phúc không nghĩ ngờ gì cả. Lúc đó, lòng tự ái của chúng ta giảm bớt bao nhiêu thì chúng ta sẽ được an vui trong cuộc sống bấy nhiêu tương ứng.

Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu thế nào là "chấp pháp". Đối với tất cả mọi sự, mọi việc trên đời chúng ta thường chấp chặt ý kiến, suy nghĩ của mình, không muốn thay đổi, cái thiện dù cho có người khuyên bảo. Thí dụ, có hai anh chàng vào rừng kiếm củi, cả hai mỗi người được một gánh củi đem về. Trên đường về, hai anh chàng gặp được quế. Anh thứ nhất bỏ củi, gánh quế đem về vì biết quế có giá trị hơn, bán được nhiều tiền hơn. Anh thứ hai tuy cũng biết như vậy, nhưng chấp cái công gánh củi từ nãy giờ, không chịu thay đổi. Trên thực tế, lắm khi chúng ta biết là đi sai đường, làm sai việc, nói lỗ lòi, nhưng đã lỗ rồi, cho lỗ luôn, sửa lại thì què quá, xin lỗi thì chạm tự ái, nhất định là không được, tới đâu thì tới, việc gì phải ngán ai chủ. Lòng cố chấp nặng nề như vậy thường dẫn chúng ta đến chỗ đấu tranh bằng lời, đấu tranh bằng võ lực, tức nhiên dẫn đến khổ đau. Những người có chút ít học thức thì lòng cố chấp càng tăng thêm, ít khi chịu thấy sự thực, chịu nhận lỗi lầm, trong sách gọi đó là sở tri chuồng. Nghĩa là cái sở tri, cái hiểu biết, cái kiến thức đã có từ bấy lâu nay thường làm chuồng ngại, ngăn cản chúng ta nhận ra lẽ phải, nhận ra chân lý. Có câu chuyện một nhà học giả đến xin hỏi đạo với một thiền sư. Thiền sư mời nhà học giả ngồi, rồi mang trà ra tiếp đãi. Thiền sư chậm rãi rót trà ra trước mặt khách và tiếp tục rót đến khi tràn ra ngoài vẫn không dừng. Nhà học giả không còn nhịn được bèn lên tiếng hỏi lý do. Thiền sư từ tốn đáp rằng: Ngài đến đây với đầy ắp kiến thức trong tâm trí, đâu còn chỗ để thu nhận lý thiền, lẽ đạo, cũng như tách trà đã đầy, không còn nhận thêm nữa vậy. Trong cuộc sống chúng ta chứa đầy ắp những thành kiến trong tâm trí, cho nên khó mà chấp nhận ý kiến của người khác. Trong cuộc sống vợ chồng, ai cũng chấp chặt ý kiến của mình, không chịu nghe giải thích, bàn luận thì làm sao có được hạnh phúc! Đổi cái cửa, sửa cái bếp, xoay cái bàn, trở cái giường, chỉ tốn công sức, hao tiền của vô ích. Điều phải sửa chính là cái lòng cố chấp của chúng ta. Trong

sách cũng có kể một câu chuyện năm anh mù sờ voi đáng để chúng ta suy gẫm. Có năm anh mù được dẫn tới sờ một con voi và cho biết ý kiến. Anh sờ được cái vòi thì nhất định cho là con voi giống như con trùn thật lớn. Anh sờ được cái chân thì nhất định cho là con voi giống như cái cột nhà. Anh sờ được cái tai thì nhất định cho là con voi giống như cái quạt thật lớn. Anh sờ được cái bụng thì nhất định cho là con voi giống như cái trống thật lớn. Anh sờ được cái đuôi thì nhất định cho là con voi giống như cái chổi. Thế là cả năm anh đều chấp chặt cái sở tri, cái sự hiểu biết của riêng mình, có chúng nghiệm rõ ràng, cho nên cãi vã nhau, không ai muốn nghe, muốn tin điều người khác nói ra, dẫn đến chỗ ấu đả và khổ đau. Chúng ta cũng thường mắc phải lỗi lầm như thế trong cuộc sống cho nên khổ đau. Chúng ta thường nghe một câu chuyện truyền miệng rồi kết luận vội vàng là người này tốt, người kia xấu, người này phải, người kia quấy. Chúng ta không có thời gian, không có khả năng, không có hoàn cảnh, không có điều kiện để tìm hiểu nguyên hình con voi mà đã kết luận thì nhất định không sai nhưng cũng nhất định không đúng vậy. Chúng ta có thể chỉ đúng một phần thôi, hãy lắng nghe ý kiến của người khác. Thực hiện được như vậy có phải chúng ta tránh được những cuộc tranh cãi vô ích trong gia đình cũng như trong xã hội. Thực hiện được như vậy, chắc chắn chúng ta tránh được khổ đau, nhất định chúng ta được an lạc và hạnh phúc không nghĩ ngờ gì nữa cả.

Cái khổ đau trong các gia đình thường là do sự chấp chặt của cha mẹ và con cái. Cha mẹ thì nhất định phải như vậy, như vậy thì mới đúng, khác đi là không được. Con cái thì nhất định phải như vậy, như vậy thì mới được, khác đi là không đúng. Hạnh phúc làm sao có trong những gia đình như thế và như thế! Chúng ta đừng than phiền con cái đời nay khó dạy, thực ra con cái đời nào cũng vậy thôi, chỉ có chúng ta biết cách dạy con cái và dạy chính chúng ta hay không mà thôi. Hai thế hệ khác nhau thì có những khác biệt trong lẽ lối suy nghĩ và hành động, nếu biết thông cảm, dung hòa thì hạnh phúc, nhưng nếu cố chấp, bảo thủ ý kiến thì khổ đau. Cái cửa, cái giường, cái bàn đâu có giúp chúng ta được hạnh phúc. Hạnh phúc là do chúng ta

bỏ được bao nhiêu lòng cố chấp của chính chúng ta thì được hưởng bấy nhiêu, chỉ đơn giản vậy thôi.

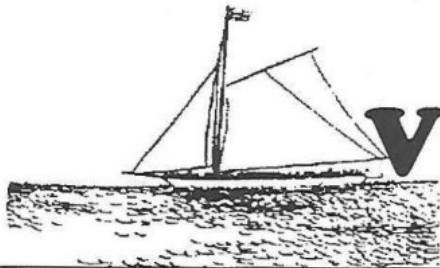
Để đúc kết, chúng tôi xin kể câu chuyện về một ông trưởng giả có bốn bà vợ. Ông trưởng nhất là cô vợ bé nhí, nên đi đâu ông cũng mang theo, không bao giờ thiếu vắng, nhất định chặt không đứt, bứt không rời. Ông vẫn thương bà vợ thứ ba nhiều lắm, nên đi đâu ông cũng thường mang theo, tuy cũng có lúc quên. Ông vẫn còn thương bà vợ thứ hai, nên thỉnh thoảng nếu nhớ, ông đem ra khoe. Ông hầu như quên lửng bà vợ cả một thời đầu ấp tay gối, mặn nồng xưa kia. Đến lúc ông sắp theo tổ tiên, ông hỏi có bà vợ nào muốn đi theo ông hay không? Cô vợ bé nhí trả lời: dù khi còn sống, ông cũng chiều, săn sóc tôi hết mức, chăm lo ngày cũng như đêm, không thiếu thứ gì cả, nhưng nếu ông có ra đi thì ra đi một mình, khi ông hết thở, tôi sẽ bỏ ông tức khắc, không thể đi theo ông được đâu! Bà vợ ba thì trả lời: khi ông hết thở, tôi sẽ sang tay người khác tức thì. Bà vợ hai thì trả lời: tôi sẽ theo ông tới nắm mồ thôi, không thể theo xa hơn được! Tới phiên bà vợ cả trả lời: ông đừng lo, dù ông có để ý đến tôi hay không, ông đi đến đâu, tôi sẽ theo ông tới đó như bóng với hình vậy!

Câu chuyện trên ngụ ý rằng: cô vợ bé nhí chính là cái thân tử đại mấy chục người khiêng, bỏ ông trưởng giả ra đi trước nhất; bà vợ thứ ba chính là tiền bạc, của cải sang tay người khác ngay khi ông trưởng giả hết thở; bà vợ thứ hai chính là danh vọng, chức tước theo ông trưởng giả tới nắm mồ trong các diếu văn và trên mộ bia; còn bà vợ cả chính là các nghiệp báo ông trưởng giả đã làm, sẽ theo ông, dẫn ông tái sanh vào cõi lành hay cõi dữ tùy theo ông trưởng giả đã làm lành hay dữ khi còn sanh tiền chủ không có ai, không có thần linh nào cứu rỗi hay trừng phạt ông trưởng giả cả. Khi sanh tiền, con người chỉ biết lo săn sóc, cúng chiều, cung phụng tấm thân tử đại cho đầy đủ, sung túc, lo kiếm tiền bạc cho thiệt nhiều, có tiền rồi thì dùng tiền kiếm tí danh, dù chỉ là danh hào cũng được, làm việc thiện để dành cho mai sau. Vậy, để tích cực tạo dựng an lạc, hạnh phúc đời này và đời sau, chúng ta hãy tích cực dẹp bỏ hai thứ "chấp ngã và chấp pháp" ● (Toronto-Canada)



■ Phù Vân phụ trách

# Vườn Thơ



# Viên Giác

## THÁNG TƯ, nhìn về phương Đông

**T**háng Tư bây giờ không còn là một tháng bình thường theo chu kỳ biến chuyển của thời gian kể từ ngày Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam và các cấp lãnh đạo chỉ huy của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã âm thầm di tản vào năm 1975.

Tháng Tư bây giờ là dấu ấn thời gian xót đắng và tiếc thương khắc sâu vào tâm thức của người dân miền Nam, là nỗi ân hận tiếc nuối mãi mãi khôn nguôi của dân miền Bắc khi đất nước thống nhất trong màu cờ đỏ thắm máu và nước mắt.

Tháng Tư bây giờ, gần một phần tư thế kỷ, vẫn là nỗi tủi hổ của người chiến binh buộc phải buông súng quy hàng; là nỗi nhục nhằn của những người tù cải tạo tập trung với chính sách khoan hồng nhân đạo, hoà giải dân tộc lừa bịp dối gian; là nỗi đớn đau đứt ruột của những đứa con khi phải đoạ lia đất mẹ; là nỗi thao thức miên trường của những kẻ tha phương mong chờ một ngày trở về.

Tháng Tư, lời thương lời nhớ, trăm đắng nghìn cay, hưởng vọng về tổ quốc, mong có một ngày đổi thay...

\*

Trong miên man hoài tưởng đó, tôi nhận được thư của nhà thơ Hoàng Sa Võ Huỳnh Kiếm tại Calgary thuộc xứ tuyết Canada. Ngoài niềm vui về cái duyên văn nghệ, chúng tôi còn rất hân hoan khi nhận được nhau là đồng nghiệp cùng xuất thân dưới một mái trường- Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Bảo Lộc, mặc dù khi tôi nhập

khóa Cao Đẳng thì anh đã tốt nghiệp. Tôi chỉ nội trú nơi này chưa trọn một năm để rồi phải dời về "học chạy" tại các Trường Đại Học Khoa Học, Dựợc Khoa hay ở các Nha, Sở thuộc Bộ Canh Nông Sài Gòn trong những năm còn lại vì tình hình an ninh. Những hình ảnh của mái trường thân yêu với hơn 600 mẫu đặc ruộng trong một khung trời rừng đồi hoang vu nhiều sương buông vượn hú của những năm đầu thập niên 60 vẫn là những kỷ niệm không bao giờ phai mờ trong tâm khảm.

Cảm ơn anh Hoàng Sa đã gợi nhắc cho tôi về Blao, về phố chợ nghèo nàn ven đường tỉnh lộ Sài Gòn- Đà Lạt, về những nương trà, những khu rừng hoang sơ, những ruộng ấp... mà mỗi sáng trong sương lạnh có tiếng chuông nhà thờ ngân nga, mỗi buổi tối trong mù mịt rừng đêm nghe như có tiếng khèn của người dân thiểu số. Phải chăng nơi đó ta đã phiêu bồng theo gió ngàn, theo suối nguồn hay thác lũ để trở về với thiên nhiên, để quên hay không còn muốn nhớ đến phần bụi kinh thành:

*Đồi núi nghiêng mình suối áo xanh  
Hoa lau trắng xóa bóng kinh thành  
Ôi dòng nước lạnh hồn du tử  
Nghe gió ngàn lên lòng thênh thênh*

...  
*Đốc ngược lưng trời còn bỏ ngõ  
Phiêu bồng năm tháng thế nhân ở  
Hưởng xưa phong nhụy linh hồn đó  
Bồng chốc thành hoa tím, hoa rơi.*

*Từng cánh hoa rơi từng cánh nhạt  
Phưởng trời nào áo trắng tung bay  
Nướng trà vàng nắng tô xanh ngắt*

*Suối hiện hình vòng tóc đôi tay*

*Hồn tiêu sở đường cao chất ngắt  
Mà thường mây lũng quện lũng đèo  
Thăm yêu hoa trắng cài lên áo  
Nhịp thở hòa đồng suối nhạc reo*

...  
*Ta đã nguyện hình tìm hạnh ngộ  
Yêu thường không biết tuổi bao giờ?*

(Mây Lũng Sướng Đèo Blao)

Blao hay Bào Lộc, một địa danh chẳng xa lạ đối với những người sinh trưởng tại miền Trung. Nhà thơ Hoàng Sa sinh tại Quảng Bình, năm 1935, học Trung Học tại Đồng Hới, Huế, rồi Chu Văn An Saigon. Tốt nghiệp Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Bảo Lộc 1960. Anh giới thiệu về Blao với:

...  
*Đèo cao, đèo cao gió lộng  
Rừng vàng điểm giắc sơn nhân  
Bờ sương u hoài cổ lý  
Thường yêu vẹn kiếp phong trần*

...  
*Ai vô miền Nam hắng ấm  
Trông vởi miền Trung xa xôi  
Ràng đây, ràng đây gió thổi  
Mênh mang tiếng hát lòng đời*

*Về đây mà nghe núi gọi  
Đêm nằm vắng vắng rừng ca  
Dữ âm giọng khèn bộ lạc  
Luyến lưu tiếng trống trắng tà*

*Về đây mà nghe suối kể  
Chiều buồn chết cả hoàng hôn  
Về đây mà trông mây trắng  
Mênh mang nhỏ gọi vào hồn*

*Về đây mà yêu trọn vẹn  
Núi rừng hoa ngắt quê hưởng  
Đèo mây nặng tình xứ sở  
Ở người con gái tha phương*

*Chân mây hoen màu đất đỏ  
Nao nao cánh gió dâng triều  
Sướng đêm phai nhòa áo trắng  
Nghiêng nghiêng nắng đổ lòng chiều.*  
(Tiếng Hát Lòng Chiều)

Nhà thơ thực sự nghe vọng tiếng hát từ những chiều rừng nắng đổ, hay anh mừng tượng những lời dấu ái. Từ cái cảm hoài tự nhiên của nhân thế trước sương khói hoang liêu của núi đồi trùng điệp, của tiếng chim gọi nhau về tổ gác tận trời cao, ta sẽ thấy mình lạc lõng giữa buông ấp buồn hiu, bỏ vớ giữa miền sương lạnh thấm nhẹ vào từng thớ thịt, lênh đênh giữa mộng và thực để ta cảm nhiễm với thiên nhiên, với:



Núi nghiêng soi bóng chim ghènh  
Lang thang tiền sử, buồn tênh bản  
chiều  
Rừng loang sương khói hoang liêu  
Hoa lan điểm trắng đời chiều ngẩn ngơ  
Vị âm còn ngọt đường tơ  
Mưa giăng ngọc tỏ sừng sờ giấc nai  
Biên cường rét muối canh dài  
Trời khuya động lá hiên ngoài băng  
khuâng

(Băng Khuâng)

Núi rừng đã đi vào thơ của Hoàng  
Sa, đã thấm nhập thành hình tượng  
của những cuộc tình lãng mạn vóc  
dáng liêu trai với những hình dung từ  
"chạm cung ngà", "biển trầm ngọc  
bích", "run bóng ma", "ngọc thủy tan  
thành khói", "đàn trắng hồ rượu"... , bởi  
trong thơ anh mang chỗ:

Mây trắng bay về giăng núi xa  
Biển trầm bích ngọc chạm cung ngà  
Vòng tay nam hải trời thưởng nhỏ  
Bóng đổ cây ngàn run bóng ma

Thuở ấy trinh nguyên vừa chớm hiện  
Đầu thu không hẹn cuối thu gầy  
Buồn không hưởng lửa phai màu mắt  
Sướng lặng chân đèo núi tiếp mây

Tóc rối đan mưa tròn tiếng hát  
Nôn nao tỏ chuốt một đường ngời  
Rừng gieo ngọc thủy tan thành khói  
Nước trở quay buồm lữ lượt trôi

...  
Bốn mắt giao nhau tự thuở nào  
Biển hoa tiền kiếp nhập chiêm bao  
Vào thu kết tóc làm hoa bươm  
Suối mát hoàng hôn chảy ngọt ngào

U tịch rừng trầm đêm cao nguyên  
Xôn xao lỗi gấm, một câu nguyên  
Đàn trắng hồ rượu lung linh sáng  
Trọn vẹn tình thu đứng lặng yên.

(Thấp Thoảng Thu Rừng)

Sau khi tốt nghiệp, 1960, với tư cách  
là chuyên viên Khuyến Nông và Hợp  
Tác Xã và ngay cả trong cuộc đời binh  
nghiệp, Hoàng Sa đã phiêu bồng trên  
mọi miền đất nước, nhưng tiếc thay với  
Quảng Bình là nơi chôn nhau cắt rốn,  
anh chưa một lần về thăm, vì quê anh  
nằm bên kia sông Bến Hải chia cắt hai  
miền ruột thịt, nên anh chỉ mong gọi  
gấm nổi lòng luyến nhỏ:

Ái qua Bến Hải?  
Có đến Quảng Bình  
Cho tôi gọi với tấm tình quê hương!

(Văn La Thôn)

Hỏi là hỏi vậy chứ nào ai muốn trở về  
sống với chế độ vô nhân của Cộng

Sản Việt Nam. Trong thư anh viết cho  
tôi có đoạn: "... Chúng ta có một  
nghiệp duyên nào đó nên đã đến được  
với nhau, băng ngang đại dương, nằm  
trên hai lục địa Âu Mỹ. Tôi vẫn cảm  
hoài với Huế, dù tôi chỉ là bán tử chi  
tình...Huế vẫn triền miên cỏ hàn với  
nắng hè, gió Nam Lào hừng hực và  
mưa dầm gió bắc". Thế cho nên với  
Huế, Hoàng Sa có nhiều kỷ niệm:

...  
Đêm rời thanh khiết hồn tiên nữ  
Trắng dầm dòng Hưởng tự thuở nào  
Hử ảnh nào phai màu nguyên thủy  
Chuông ngân còn ngỡ giấc chiêm bao

Ai dưng sóng biếc về đêm nhĩ  
Cho gió thu sang phải ngậm ngùi  
Muôn mảnh trắng tan thành dử lệ  
Lá vàng đầy giấc vẫn reo vui.  
(Phiêu Lãng)

Hoặc:

...  
Mộng nhạt chiều đường đã hết rồi  
Vân Lâu hồn trúc Cố Đô ơi  
Nam Giao dải bóng đời thông ngự  
Em vẫn là thơ của cuộc đời.  
(Hòa Âm)

Huế vẫn mãi là thơ của cuộc đời mặc  
dù đã trải qua bao nhiêu dâu biển, qua  
bao nhiêu biến cố tang thương. Để  
tưởng niệm 30 năm Tết Mậu Thân  
1968, Hoàng Sa gởi bài "Hoa Xuân  
Quên Nở" (VG số 102) có kèm thư cho  
tôi, trong đó có đoạn: "...Tôi vẫn còn  
muốn chảy nước mắt khi ôm con trai  
duy nhất qua cầu lần đầu tiên sau  
chiến nạn mà mảnh ván chành vênh  
đưa chúng tôi qua nhịp cầu Trường  
Tiền gây sục. Dòng sông Hương như  
bị người tình phụ. Sông chử nước mắt  
về đâu sông đi ?!...". Thư anh viết  
nghe như có tiếng nấc nghẹn ngào!

Không riêng gì ở Huế, anh đã lưu  
bước chân giang hồ ở nhiều nơi khác;  
và dù ở đâu hầu như anh cũng ghi lại  
những dòng thơ kỷ niệm. Đối với Cần  
Thơ, tức là Tây Đô với bến Ninh Kiều,  
anh mừng tượng:

...  
Cung đã lên rồi cung Tưởng Như  
Tây Đô thuyền buộc bến Ninh Kiều  
Huyền Lan điểm mộng trao hò hẹn  
Thành áo khinh cừu ta tưởng tử  
(Hòa Âm)

Và Quảng Ngãi với núi Thiên Ấn và  
sông Trà Khúc:

...  
Ấn Sơn Thiên Bút dù hai nẻo  
Nước biếc Trà Giang vẫn một dòng  
(Khúc Vân Hòa)

Đó là hai câu thơ rất đẹp cũng giống  
như mấy dòng lục bát mượt mà nước  
mắt của dòng sông mang tên định  
mệnh:

...  
Sướng pha Nhật Lệ cuối ngày  
Bóng chiều thấp thoáng lá bay ven  
rừng  
Giọng trầm suốt khóc rưng rưng  
Thác ngàn im tiếng xin ngừng nơi đây  
(Đôi Bờ)

Để tạm chấm dứt phần của Hoàng  
Sa, tôi xin ghi hai câu thơ phản ánh  
tâm tình của người tha hương:  
Nằm nghe điệp khúc tình ca gọi  
Trăng khuyết, trăng tròn trời một  
phương.

(Khúc Vân Hòa)

Điệp khúc tình ca, trăng khuyết, trăng  
tròn, trời một phương... cũng là những  
biến chuyển về lẽ vô thường của tạo  
vật, của cuộc đời. Ta nương theo,  
chấp nhận và cảm thọ để mong đạt  
được một cái "tâm mềm dịu, rộng lớn  
và cời mờ". Bởi sự tương quan giữa ta  
và sự vật thường có ảnh hưởng đến sự  
cảm thọ. Ta muốn bắt giữ hay quyến  
luyến, xua đuổi hay lẩn tránh. Cả hai  
cảm quan đều mang lại cho ta nhiều  
nỗi khổ đau, bởi vì tâm ta vẫn còn ý  
niệm chống đối. Hãy chấp nhận và  
dành một không gian rộng lớn cho nó  
an trú. Mọi sự kiện tự nó đến rồi cũng  
tự nó đi. Hình như ta chẳng cần vọng  
động, mời gọi, bắt giữ, buông bỏ.  
Buông bỏ, buông bỏ hết. Buông bỏ tư  
tưởng, buông bỏ cảm xúc, buông bỏ  
nỗi đớn đau...

Tôi nhận được thư của lão thi hữu  
Hoàng Dục trong tình huống này. Tôi  
biết bác ở Krefeld, Đức Quốc, từ lâu,  
nhưng chưa có nhân duyên để tương  
kiến. Thế nhưng tôi đã đọc được khá  
nhiều thơ của bác đăng trên các báo ở  
Đức. Bác viết thư cho tôi, hẳn cũng  
trong cảnh "tâm mềm dịu và rộng lớn"  
với lời lẽ khiêm nhường đáng quý: "...  
Thú thật tôi chỉ làm thơ tài tử, chẳng  
bao giờ nghĩ mình là một thi sĩ, mặc dù  
làm thơ từ hồi còn trẻ...".

Là một công chức của Bộ Tài Chánh  
VNCH suốt đời tận tụy với công việc từ  
lúc vào nghề cho đến khi đến định cư  
ở Đức. Thế cho nên tấm lòng của  
người quốc gia lưu lạc luôn hướng về  
tổ quốc đã được nhà thơ Hoàng Dục  
thể hiện trong nhiều bài thơ đấu tranh.  
Sau cuộc đổi đời, thân phận người  
chiến bại phiêu bạt theo vận nước nổi

trôi, hồn sông núi cũng vật vờ theo thể  
cuộc tang thương:

*Núi vẫn còn kia  
Sông vẫn còn kia  
Hồn sông núi vật vờ đâu đó  
Ôi, một mùa xuân đổ vỡ  
Phủ quân vào giày xéo quê hương!  
Và từ đó hồn núi sông lang bạt*

*Về đâu trôi giạt?  
Hải ngoại hay chiến khu?  
Hồn không tìm những nơi đô thị  
Nói người ta dễ dãi ăn chơi  
Nói chấp chồn ánh mắt nụ cười  
Để cam phận lãng quên.*

*Không! Hồn đi tìm nơi cao cả  
Có rừng sâu, núi hiểm thâm u  
Có suối thẳm, cây già, sỏi đá  
Nơi sớm chiều chẳng thấy trời xanh.*

*Hồn gọi về bầu con trôi giạt  
Sau những ngày đất lở trời nghiêng  
Để tôi rèn ý chí, mài lại guồng thiêng  
Chờ ngày mai quật khởi  
Khôi phục lại ngôi nhà hưởng hỏa  
Đã truyền nhau từ Quốc Tổ Hùng  
Vương.*

*Ngày mai trang sử lật sang  
Việt Nam hai chữ vinh quang chói lòa!  
(Hồn Sông Núi)*

Ai cũng ước mong một ngày lịch sử  
sang trang. Nhưng ước mong và kết  
hợp đấu tranh là điều cấp thiết để  
chống lại chế độ độc tài đảng trị của  
cộng sản Việt Nam hiện nay, mới  
mong có ngày đất nước thanh bình,  
thịnh trị trong tự do, nhân bản. Bên  
cạnh chúng ta, trong lực lượng tự nạn,  
hiện đã có quá nhiều dấu ấn của  
những thành phần bội phản, vì danh  
lợi hão huyền đã chạy theo hay làm  
tay sai hòa hợp hòa giải, vì lợi nhuận  
riêng tư nên đã tổ chức văn nghệ giao  
lưu văn hóa trá hình, nhân danh "tinh  
tự dân tộc" nhằm tuyên truyền cho chế  
độ vô nhân.

Ôi tinh tự quê hương, lòng luyến nhỏ  
vô vãn, nhưng ta nên cảnh giác ngay  
cả với lòng ta. Lang bạt xứ người, lòng  
luôn hướng về phương đông với quê  
cha đất tổ, thân nhân, bạn hữu, những  
kỷ niệm của một đời người. Ai mà  
chẳng mềm lòng trước nỗi nhỏ, trước  
nỗi xót xa. Những dòng thơ lục bát  
thường rất dễ diễn đạt tấm lòng hoài  
hưởng, những ân tình cũ. Lão thi hữu  
Hoàng Dục đã nói được tiếng lòng của  
mình về nỗi nhỏ, nỗi buồn hay chỉ là  
lời vấn vương thăm hỏi mà ngoại cảnh

thường là chất xúc tác cho những vần  
thơ thêm nhiều thi vị:

*Mùa thu đã quá nửa rồi  
Cây gầy trút lá, rừng phôi sắc hồng  
Gió mùa hiu hắt trong lòng  
Nỗi buồn khơi dậy một dòng nhớ mong  
Đò xưa bến cũ còn không  
Người quen năm trước lấy chông hay  
chứa?  
Hay là tháng đợi năm chờ  
Một lần tao ngộ bây giờ giạt trôi  
Cách xa biết mấy chân trời  
Mấy mùa thu lạnh ngậm ngùi tuyệt  
sống.*

(Tàn Thu)



Nỗi buồn đó, nỗi nhỏ đó, nhà thơ  
muồng tưởng lại những kỷ niệm đầu  
yêu, những ân tình cũ. Đau đớn thay,  
người vợ đã về miền vĩnh quyết, nhưng  
người thơ vẫn luôn cứu mang nỗi niềm  
luyến nhỏ, nên đã dành một góc tìm  
để ghi sâu hình ảnh yêu thương, để  
đêm đêm mong tìm lại được giấc mơ  
tưởng phùng:

*Thời gian có một dòng xuôi  
Hai mươi năm nữa em ngồi soi gương  
Mắt em với vợ sâu vũng  
Âng khuâng lòng gửi một phương trời  
nào  
Chờ em mở cửa bước vào  
Nhẹ nhàng vuốt má, hỏi sao em  
buồn?*

*Ngoan hiền em nhận chiếc hôn  
Môi em rung động nhưng hồn không  
say.*

Từ khi vĩnh biệt đến nay

*Em ơi, anh chẳng có ngày nào quên  
Mà quên sao được hồi em  
Hình em khắc một góc tìm không mờ  
Chữ anh không đợi, không chờ  
Đêm đêm mong một giấc mơ tưởng  
phùng.*

(Giấc Mơ Tưởng Phùng)

Bài thơ đẹp quá, lời thơ dịu dàng thiết  
tha quá. Những dòng lục bát luân  
chuyển quện chặt lấy nhau như ân  
nghĩa tròn đầy của mối chung tình sâu  
sắc hiếm hoi.

Ngoài ra, nhà thơ Hoàng Dục cũng  
gởi cho tôi một số bài Đường thi khi số  
Viên Giác chủ đề đã lên khuôn, nên tôi  
không thể giới thiệu trong Vườn Thơ  
Viên Giác số trước. Nhân tiện tôi xin  
ghi lại hai bài để đọc giả tưởng làm.  
Chưa kể trình độ thi phú, Hoàng Dục  
còn có tài chơi chữ, như "Rừng Á Ân  
còn ân ái mãi, Hồ Than Thở vẫn thở  
than dài" và "...ai nhỏ ai" trong bài  
"Về Thăm Đà Lạt":

*Đà Lạt quê hoa mong nhỏ hoài  
Bây giờ lại thấy cảnh bông lai  
Hàng tùng rủ rủ làn mây vướng  
Thác nước long lanh ánh ngọc cài  
Rừng Á Ân còn ân ái mãi  
Hồ Than Thở vẫn thở than dài  
Hỏi cô má đỏ hồng tươi nắng  
Mai một ta về ai nhỏ ai?*

(Về Thăm Đà Lạt)

*Mấy chục năm dài bút vẫn khai  
Năm nay vừa thấy báo tin mai  
Thở để chưa ráo niềm tâm sự  
Rượu tình còn vũng mối cảm hoài  
Món nợ gió trắng còn nặng trĩu  
Khối tình non nước có riêng ai  
Từng phen nhuộm lại màu năm tháng  
Mà đến ngày nay phai vẫn phai!*

(Đầu Năm Khai Bút)

Người phụ trách cũng mạo muội họa  
lại bài "Đầu Năm Khai Bút" của Hoàng  
Dục, gọi là chút duyên văn nghệ để  
đáp lại tấm thịnh tình của người thơ:

*Tâm đã thuần, hoa cũng mãn khai  
Lòng xuân thanh khiết tựa sống mai  
Hưởng nồng kinh điển còn thơm mãi  
Sắc nhuộm trời mây vẫn đẹp hoài  
Có cỏ, không không từ mộng ảo  
Thường thường, nhỏ nhỏ giữa trần ai  
Bồi theo vận nước nên lưu lạc  
Nhưng tấm tình quê chẳng nhạt phai!*

(Tùy Anh - Lòng Xuân)

Nhà thơ Hoàng Dục đã nhiều phen  
nhuộm lại màu năm tháng, muốn kéo  
lại quãng đời xưa cũ, nhưng màu thời  
gian vẫn vô tình phai. Tuy thời  
gian có biến chuyển, tình đời có đổi  
thay, nhưng lòng người vẫn xu theo  
vận nước nổi trôi vẫn luôn hưởng vọng  
về cố hương, về những kỷ niệm của  
tuổi thanh xuân trong cuộc sống an  
bình hoan lạc. Trong khung cảnh thơ  
mộng đầy tình tự yêu thương đó, tôi  
nhận được thi tập "Dư Ảnh" của Hoàng  
Huy Thiện do Trung Tâm Văn Hóa Xã  
Hội Việt Nam tại Bruxelles Vương  
Quốc Bỉ tái bản năm 1998.

Hoàng Huy Thiện, tức Nguyễn Khắc  
Sơn, sinh năm 1944 tại Sài Gòn, sáng  
lập viên Thi Văn Đoàn Nam Đô trước

năm 1975, thơ đăng trong Tập san Taberd và trên các báo ở Sài Gòn, hiện đang định cư tại Bruxelles, Vương Quốc Bỉ.

Chút duyên văn nghệ giữa Hoàng Huy Thiện và tôi qua sự giới thiệu của Giáo Sư Vũ Kỳ và Linh Mục Nguyễn Hùng Lân. Tôi với anh chưa có nhiều giao tình, nhưng tôi tìm trong thơ anh những gởi gắm, những lời tâm tình, những cảm xúc của một thời thanh xuân cũ:

*Tuổi thơ trôi dạt trôi khờ*

*Xác thân hoang phí tồn thờ tình yêu*

*Vấn vường cho nhỏ nhưng nhiều*

*Hồn lên tiếng gọi hoang liêu trở về*

...

Thương người, nhỏ người mà chẳng dám tỏ tình. Ấu đó cũng là tâm trạng của rất nhiều người ôm mỗi tình lặng câm, để cuối cùng bàng hoàng nhìn người yêu lên xe hoa và hoàng hốt than trách:

...

*Trần gian còn sót mình tôi*

*Đắm say sao vẫn trọn đời nín câm!*

(Đại Khò)

Thế rồi, người đã đi, hình hài đã khuất. Anh còn lại gì, chút dư hương, chút dư ảnh vẫn mãi chập chờn trong giấc ngủ hoang mê. Kỷ niệm mù sương chuyển mình trở giấc, dáng em cười dấu xưa hiển hiện. Em là thần tượng ta đã trót đắm say. Ôi hương sắc níu giữ hồn ta. Thế mà ta nào hay, ta sẽ mất em một ngày em khôn lớn má thắm môi hồng!

*Tình trót lỡ theo tháng ngày câm nín*

*Anh còn gì dang hiến nữa dấu em*

*Thân xác đó với sương mù vây kín*

*Em vô tình cho dáng ngỡ ngàng thêm.*

*Vùng kỷ niệm vụt chuyển mình thức giấc*

*Dấu xưa xưa hiển hiện bóng em cười*

*Hương sắc nào ru hồn anh ngây ngất*

*Nhạc vang lừng thần tượng chột lên ngôi.*

*Trót say đắm anh mở hoài quá khứ*

*Tuổi đại ngày-xưa hai đứa vui đùa*

*Mắt biếc môi hồng xui anh vào nhưng nhỏ*

*Mộng tràn tim mà câm lặng đó thôi.*

*Gót chân nhỏ soi mòn lòng đại lộ*

*Trời ưu tư nặng trĩu trọn phượng này*

*Ánh đèn khuya đêm nay mờ hay tỏ*

*Anh vẫn tìm dư ảnh sót dấu đây.*

(Dư Ảnh)

Trong ánh đèn khuya hẳn người thơ đã tìm được dư ảnh, thấy lại đại khờ về tình yêu câm nín, thành một thử tình yêu đơn phương. Không hẳn mỗi ngày anh vẫn đi học về trên con phố quen, trên con đường cũ là em có thể theo anh trọn đời. Anh không tỏ tình. Em phải tính cho em tưởng lai. Anh trách em vô tình không thấy, không nghe anh thầm gọi tên em. Mà thôi, có cuộc tình nào không sóng gió, có cuộc tình nào trọn vẹn, không tan. Thế cho nên:

...

*Tôi sợ hãi nghe linh hồn chời vời*

*Hoang mang về hành hạ xác thân tôi*

...

*Tình câm nín chưa một lần dám tỏ*

*Tôi vẫn đi học mỗi buổi học về*

*Đường phố này dư âm còn ngân đó*

*Em vô tình trời đất chột du mê*

*Tình yêu đơn phương nào không nhưng nhỏ*

*Tôi gọi tên em từng phút từng giây*

*Mắt rưng rưng theo niềm tin tan vỡ*

*Ôm giá băng thân xác tự lưu đây*

Để rồi kẻ thất tình than thở một mình:

...

*Tôi lạc lõng giữa vòm cung tinh tú*

*Vẫn âm thầm nghe vũ trụ buồn lây.*

(Tự Đây)

Và trách mình:

*Quen em hai mùa phượng thắm*

*Hồn cô dịu lắng cô liêu*

*Mắt xanh vườn mầm hy vọng*

*Hoa lòng tỏa ngát hương yêu*

...

*Ngỡ ngàng dang cay dáy mắt*

*Hoài mong nhạt cánh chim xanh*

(Câm Lặng)

Để rồi trách người:

*Tôi chỉ làm thơ riêng tặng em*

*Lời ân ái đó kết hoa đèn*

*Đưa em vào hội tình yêu nhé*

*Nhạc tấu vang lừng muôn ý khen*

*Đắm say tôi nức mộng tràn tim*

*Năm tháng vùi chôn cả nỗi niềm*

*Tủi hờn thân phận nhiều câm nín*

*Em vẫn vô tình duyên dáng thêm*

...

*Tôi sẽ làm thơ ca ngợi em*

*Tóc mây chảy suối đáng u mêm*

*Xiêm y phôi phôi trời giăng ngọc*

*Dù biết tình em hay lãng quên*

(Vô Tình)

Dù mỗi tình dở dang, những thơ tình của Hoàng Huy Thiện rất đẹp với những mở ước dễ thương:

...

*Chợt phút giây nào anh xa vắng*

*Em có nghe buồn lúc tiễn đưa?*

(Thương Hoài)

Hoặc:

...

*Trời đêm nay ai cài tinh tú*

*Minh thường nhau đường phố vui mừng*

(Tô Tinh)

Hoặc:

...

*Minh thường nhau cỏ bên đường thôi úa*

*Phút ban đầu trời đất dát kim cương*

(Cung Chúc)

Rồi ước mong mai sau pháo cưới rượu nồng:

...

*Kiếp phong sương sao anh nhiều mở ước*

*Chuyện ngày sau xác pháo ngập*

*đường đi*

*Phố phường hai bên ghé mặt thăm thì:*

*"Kìa chú rể, cô dâu vừa đôi quá!"*

Chờ Đợi)

Nhưng, vẫn là cái những đáng ghét, kỷ niệm thoáng qua, thơ đại chẳng còn mà nhà thơ vẫn hằng cầu xin ơn trên cho mình một lần trở về với bàn ghế chân như, về với cuộc tình ngây thơ xa xưa nào đó của thập niên 60:

*Xin cho tôi ngày xưa*

*Đón em giờ tan học*

*Tình yêu còn ngây thơ*

*Nên nào dấu dăm tỏ*

*Xin cho tôi tuổi đại*

*Đường ngập lá me bay*

*Minh điu nhau bước nhỏ*

*Trời hoa bướm giăng đầy*

*Xin cho tôi câm nín*

*Và em vẫn vô tình*

*Buồn ỏi vậy len lên*

*Ngày vàng trời lung linh*

*Bây giờ em phường đó*

*Tôi kể ở miền xa*

*Mưa chiều gieo biển nhỏ*

*Ồi ngày thơ đã qua!*

(Xin Cho Tôi)

Để kết thúc phần giới thiệu thơ của Hoàng Huy Thiện, người phụ trách cũng xin có bài thơ cảm đề để tặng tác giả thi tập "Dư Ảnh". Những chữ trong vòng ngoặc kép là tựa đề của những bài thơ trong thi tập:

Tóc đã bạc môi thấy mình "duyên  
muộn"

Mà tình xưa vẫn nặng mối "tưởng tử"  
Chẳng dẫn do em đã vội "chối từ"  
Tôi "câm lặng" ôm niềm đau đang dở

Cho tôi "nhấn" bằng trăm thương ngàn  
nhỏ

Lời "tỏ tình" thành cơn gió heo may  
Em "vô tình", lòng ta lại đắm say  
"Tự dưng" đọa, không một lời "bào  
chữa"!

Ta "chờ đợi" một ngày nên đôi lứa  
Lòng "dại khờ" tử thuở biết "có thưởng"  
Để "thưởng hoài" thưởng mãi vẫn còn  
thưởng  
Nên "dư ảnh" còn vương trong mắt  
biết

"Sao em khóc"? "Mai em về Phan  
Thiết"

Trả lại em lời "cung chúc" đẹp đôi  
"Xin cho tôi" "kéo ngược" lại cuộc đời  
Chút sóng gió say "linh hồn thủy thủ"

"Anh xin kể" mà làm sao kể đủ  
"Tình yêu hồ ly", "đoạn khúc cho L."  
Mà em ơi cứ "hãnh diện đi em"  
Dù rất ngắn trong "những giờ phép  
cưỡi"!

(Tùy Anh - Chuyện Ngày Xưa)

Từ năm 1994, tôi được đọc một số  
bài thơ đăng trên tạp chí Làng Văn và  
Viên Giác của nhà thơ EP. EP, cái tên  
hay cái bút hiệu gọi cho tôi một chút tò  
mò. Tôi viết thư liên lạc và được người  
thơ giải thích: "Bút hiệu EP không phải  
là mật mã hay điệp viên mà đơn giản  
là tên nàng và tên chàng viết tắt ghép  
lại với nhau để cho thiên hạ tưởng  
tượng một tên nào đó cho dzui!".

Thơ của EP gọi trong tôi một chút xao  
xuyến, một chút cảm xúc, một chút  
luyến nhớ, một chút thiên vị. Thơ đập  
vào nhịp đập của trái tim, len lén đi  
vào tâm hồn, đọng ở tâm thức và cho  
tôi những rung cảm.

Qua địa chỉ ở Tòa soạn, tôi gọi điện  
thư cho tác giả, K.Phương Lê, ngoài  
những lời thăm hỏi làm quen, tôi đề  
nghị "anh" gọi cho tôi một số bài thơ  
để tôi có thể giới thiệu với độc giả  
trong Vườn Thơ Viên Giác. Tôi nghĩ  
gọi EP bằng "anh" cho thân mật. Đã  
gần hai tháng, tôi chẳng thấy hồi âm.  
Tôi nghĩ, mình đã viết những gì sai trái  
làm phiền lòng người nhận chẳng. Khi  
tôi không còn cố ý mong đợi nữa thì  
K.Phương Lê gọi thư và thơ cho tôi.  
Đọc thư, rất vui, có đoạn "anh" EP

viết: "... Tôi đa đoan nhiều việc nên  
không viết được trước Tết ta, đành  
"mang nợ" đến nay. Trước hết xin cảm  
ơn anh đã "thay thế" Đức Dực Sĩ Lưu  
Ly Quang Như Lai giúp bỏ thân nữ để  
biến thành thân nam có đủ hình tướng  
trượng phu. Câu này tôi mạn phép  
chép của chị Lê Thị Bạch Nga trong  
cuốn Chiếc Lá Cửa Rừng Cây. Vì thừa  
anh, tôi đang làm mẹ của hai anh cu  
bắt đầu tuổi dậy thì và làm bà nội... trợ  
cho ba đáng "niên ông" trong nhà!..."

Đọc thư chị, tôi tự cười mình, tự trách  
mình. Nhưng làm văn nghệ, có cái vui  
văn nghệ và cũng có cái nhàm  
lẫn...văn nghệ để nhỏ đời! Tuy nhiên  
cái nhàm lẫn của tôi không phải là  
không có lý do. Vì, qua một số bài thơ,  
"chị" đã nhân danh "anh" để bộc lộ  
tình yêu người và tình yêu quê hương.  
Thêm vào đó là nét bút rờng bay  
phượng múa của chị làm tôi cứ liên  
tưởng đến hiệp khách Trương Thúy  
Sơn đã múa phán quan bút khắc trên  
vách núi đá ở hải đảo Bàn Sơn khi đấu  
với Kim Mao Sĩ Vương Tạ Tố trong  
tác phẩm Kiếm Hiệp Cô Gái Đồi Long  
của Kim Dung.



Chị cho biết, chị "vượt biên năm  
1977, sau hai năm sống và biết chính  
sách của cộng sản. Từ đó đến nay tôi  
luôn nhớ vì sao mình phải bỏ quê  
hương ra đi và vì sao mình thà chết  
trên biển cả".

Chị còn bà mẹ già sống ở quê  
hương. Bà nhắc nhủ chị, qua bài "Thư  
Nhấn Con Lăn Cuối" làm tôi chấn  
động. Tôi đọc được tâm tư, tình cảm,  
tử tưởng và sĩ khí của chị qua bài thơ  
này. Chị đã khẳng định được giới  
tuyến giữa bạn và thù, giữa liêm sỉ và  
đê hèn, giữa người quân tử và kẻ tiểu  
nhân. Nói đây đã có nhiều người khom  
lưng trước kẻ thù xin nguyện làm kẻ  
giao lưu hòa hợp phản lại cộng đồng,  
phản lại anh em, đã có nhiều người vì  
chút lợi danh đã quy hàng kẻ địch,  
quên mất trong những năm tù ngục

trước đây họ đã bị chúng hành hạ cực  
kỳ dã man:

Này con yêu quý  
Thư này đến con  
Không biết mẹ còn sống bao ngày  
Nghiệp đời mẹ sắp trả xong  
Dù bao gian truân  
Kiếp người hiu quạnh  
Cám ơn con đã luôn nuôi dưỡng  
Tiền con gửi về mẹ sống bình an

Phần ba con  
Khi mãn tù, mắt sẫm  
Mở tro đời  
Mẹ trả lại sông Giang  
Sống thời nay  
Cơm chẳng đủ ăn  
Người chết chẳng yên phần  
Thi sá chi một chúng tích?

Mai kia mẹ mất  
Con chôn về  
vì một mảnh khăn tang  
Thưởng mẹ cha  
Hay nhờ quê nhà  
Con ôm ấp trong tim  
Chỗ nghe lời phỉnh ngọt  
Mang thân về "xây dựng quê hương"  
Tâm luôn giữ lập trường

Như lúc ra đi  
Mẹ thà mất con  
Chứ không chấp nhận  
Một "Việt kiều yêu nước"  
Non nước gì thử chế độ vô nhân  
Chủ nghĩa đã sai từ căn bản  
Họ nào muốn xây dựng cho dân  
Mẹ không dạy con mang thù hận  
Chỉ mong con hiểu rõ trắng đen  
Người quân tử, kẻ đê hèn  
Nói gương tổ tiên  
Không lườn cúi  
Không vì danh  
Không vì lợi  
Mà bán đi nhân phẩm con người  
Nên nhớ con ơi  
Bao nhiêu người còn tù tội  
Bao nhiêu người đang sống kiếp lưu  
vong!  
Những lời yêu thương cuối  
Mẹ mong con nằm lòng  
Hãy đoàn kết  
Quyết tâm xây dựng  
Cho quê hương  
Cho thế hệ mai sau  
Cuộc sống thanh bình  
Nhà nhà an lạc

Và con trở về  
Tìm đến dòng sông  
đã mang theo tro tàn huyết thống!

(Thư Nhấn Con Lăn Cuối)

Hai câu kết đã gói trọn lại ý tưởng của bài thơ. Tôi muốn tượng một ngày chị sẽ trở về- trở về nguồn, trở lại dòng sông Giang, hồi tưởng vong linh thân phụ. Mỏ tro tàn đã tan trong dòng sông quê hương. Ngày đó hẳn không xa và chị sẽ được sống lại trong vòng tay yêu thương của mẹ

Tôi cũng mong ước như chị, vì tôi còn mẹ già trên 92 tuổi còn ở Việt nam. Cuối năm rồi, tôi điện thoại chúc Tết bà cụ. Bà nhắn nhủ tôi, chỉ về thăm gia đình lúc nào tình hình an ổn. Tôi xúc động muốn khóc. Vâng, chỉ có mẹ mới hiểu rõ lòng con. Giọng mẹ tôi vẫn trong, mạnh, rõ ràng và mạch lạc như hồi bà còn trẻ. Tôi rất vui mừng vì mẹ tôi vẫn khỏe, vẫn còn sáng suốt. Tôi biết, cuộc đời ly xú vẫn còn nổi tiếp. Bao nhiêu người nhắn hỏi, tại sao mình không về bình thường như bao nhiêu người khác đã trở về thăm quê hương, thân nhân, bằng hữu? Mấy đứa em tôi cũng viết thư hỏi tôi như vậy. Tôi đã trả lời nhiều lần, nhưng hẳn không thấm thiết đầy tình lý, tròn ân nghĩa như trong thơ của chị. Cảm ơn EP, cảm ơn người thơ. Tôi bàng hoàng xúc cảm. Tôi đăng trọn bài thơ, không trích đăng như thường lệ, bởi trong chúng ta hẳn có nhiều người cùng một tình huống và tâm trạng này:

*Thử em hỏi  
Sao tôi không về thăm nhà  
Dù đã hai mươi năm qua?  
Có người đi  
Chứng độ vài ba năm  
Đã trở về.  
Còn tôi hẳn là "mất gốc"  
Hay quê hương không còn gì  
Để nhớ thương?  
Cha mẹ già  
Đàn em, tình yêu đã ắp  
Anh sợ gì  
Cuộc đời "đổi môi" từ lâu.*

*Ôi lời thư em cay nghiệt  
Đốt nát tâm tôi  
Quê nhà, em ơi  
Mỗi sáng dậy cùng nỗi nhớ  
Nụ cười em xưa  
Tôi mang theo giấc ngủ buồn  
Mỗi cuối năm về  
Tôi đếm thầm từng cái Tết  
Khóc đời mình vẫn tha hưởng!  
Ý thức trong tim nung nấu  
Thật sự thanh bình  
Tôi sẽ hồi hương!*

*Hồi em yêu  
Đừng nên để tâm so sánh*

*Hãy nhớ vì sao mất nước?  
Vi ai tôi phải lìa quê?  
Chỗ mau quên  
Bắt tôi phải nhớ lời thề.  
Tâm tôi gói trọn tình quê  
Cùng một lập trường  
Van xin em  
Suốt đời cho tôi được giữ!*

(Tôi Sẽ Hồi Hương)

Thơ của chị, thơ từ tâm thức mang chỗ tinh thần tự trọng, danh dự và nhận lãnh trách nhiệm những vẫn chứa chan tình cảm.

Trong vai trò của "chàng", của người tình thuở xa xưa, vì theo mệnh nước nổi trôi nên cam đành xa nhau; nay hỏi lại em- sau thời gian khốn khổ dưới chế độ vô nhân, em còn mất biếc môi hồng hay nhan sắc đã phai tàn theo năm tháng? Nhưng nếu mai kia người về thăm quê cũ, em vẫn còn chờ đợi như lời hẹn ước hay em cũng đổi thay theo cuộc đời! Không, không dám trách em, không dám trách ai bởi chính cuộc sống tầm gửi trên xú người cũng lắm truân chuyên, nhưng tấm lòng trung kiên vẫn không biến đổi:  
*Nếu mai kia tôi trở về quê cũ  
Em có còn tươi như lúc tôi đi  
Hay thời gian hai mươi năm lặn dận  
Mất môi em phai nhạt nét xuân thì?*

*Nếu mai kia tôi về thăm xóm cũ  
Em còn chờ như lời hứa năm xưa  
Hay cuộc đời đã bắt em "đổi môi"  
Vướng vấn chỉ lời nguyện ước dưới  
mưa?*

*Hỏi em chớ chú tôi nào dám trách  
Tự bản thân cũng tan nát theo đời  
Sống nơi đâu cũng chẳng ngọt-đắng-  
cay-bùi  
Chỉ mong giữ tấm lòng không thay đổi!*  
(Hỏi Em)

Vâng, lòng không thay đổi, chỉ chẳng đổi thay, nên mỗi lần tháng Tư trở lại là một lần xót đau, ngó ngác nhìn nhau như lần đầu nhìn thấy "bộ đội cụ Hồ" dép râu nón cối lời thối lếch thếch tiến chiếm thành phố Saigon. Mỗi lần tháng Tư trở lại là mỗi lần khắc khoải, nên chỉ:

...  
*Riêng ta ôm nỗi nhớ  
Tháng Tư trời phướng Đông  
Người nhìn nhau ngó ngác  
Mắt lệ nhòa rừng rưng!*  
(Một Tháng Riêng Ta)

Tháng Tư, hoa đào nở ở Âu châu, mùa hội hoa muôn màu muôn sắc,

nhưng lòng người viễn xứ vẫn trĩu nặng nỗi buồn riêng:

*Em ơi tháng tư anh đào nở  
Rừng muôn cây tỏa sắc hưởng nồng  
Khách trả hội xem hoa rực rỡ  
Anh chột nhìn riêng nỗi cô đơn!*  
(Cô Đơn)

Trong phần chủ đề của Vườn Thơ Viên Giác số này, tôi không thể giới thiệu thêm những bài thơ tình ý nhẹ nhàng mang chỗ thiên vị của nhà thơ EP hầu như được viết trong những lần hành thiền quanh hồ Aegeri, nơi an trú của chị ở Thụy Sĩ...

\*

Tháng Tư, nhìn về phương Đông, quê hương ngút ngàn diệu vợi, nhưng lại rất gần trong trái tim người, nên lòng ta mới thương mới nhớ.

Tháng Tư, nghe từ bên kia bờ Thái Bình Dương, tiếng oán than của người dân lành, nên khổ đau về quê hương vẫn còn hiện hữu trong tâm thức của người ly xú.

Tháng Tư, gọi thầm những kỷ niệm buồn vui của hơn nửa đời người còn bỏ lại trên quê cũ, nên xót xa vẫn hẳn trên nỗi nhớ.

Tháng Tư, ăn năn hối cải, sáng lòng tình ngộ.

Tháng Tư thấp sáng ngọn lửa đấu tranh, nung đúc diễn biến hòa bình để hy vọng một ngày trở về xây dựng đất nước thực sự tự do, dân chủ, nhân bản, đa nguyên...●

(Tháng 4.98)

## Thông Báo

Đã nhận được và sẽ giới thiệu trong các số báo Viên Giác sắp tới các thi tập:

- Bao Giờ Anh Đi của Bích Xuân, Tổ Hợp Âu Châu xb.1997

- Nắng Chiều, tập 2 của Trinh Chung, Gia Định xb.1997

Chân thành cảm tạ (PV)

### Chủ đề cho các số báo tới:

- VG. 105 (Tháng 6.98): Những dòng thơ lục bát. (Gửi bài cuối tháng 4.98)

- VG. 106 (Tháng 8.98): Hương mùa thu cũ (Gửi bài cuối tháng 6.98) ●



# trang HOA PHƯỢNG

■ Hồng Nhiên phụ trách

Các em Hoa Phượng thân mến,  
Một cái Tết Tây (Dương lịch), sau đó đến Tết mình tiễn đưa năm con Trâu (Đinh Sửu) đã đi qua. Trời Âu Châu vào cuối Xuân bắt đầu thấy ấm áp, những tia nắng vàng chiếu sáng tan đi cái lạnh buốt của đông về ở những ngày qua, gọi lên cho các em niềm vui tuổi, hồn hồ của tuổi học trò.

Các em đang hướng về tương lai, đang tiếp tục cuộc hành trình của mình trong xã hội hiện hữu vẫn minh, tân tiến và đầy xa hoa. Tuy nhiên ca dao, tục ngữ của mình cũng có câu:

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong, dù đục ao nhà vẫn hơn...

Ý tưởng của hai câu trên thật là thâm thúy và chắc chắn rằng đối với các em nó có nhiều hiệu lực. Bởi các em là những người đang xa lìa quê hương, cố quốc.

Nói đây các em thạo tiếng nước người, học điều hay, lẽ phải của người là sự cần thiết cho các em để hội nhập, dễ hòa đồng để mà tạo dựng tương lai hay sự nghiệp. Tuy vậy các em phải luôn đừng quên rằng mình vốn là người Việt Nam, mình đang có một quê hương. Quê hương ấy dù gặp chiến chinh lâu dài hay nghèo nàn đi chăng nữa, nhưng không vì thế mà mình bỏ quên đi tiếng nói, tập tục và văn hóa của quê hương mình.

Các em phải ý thức rằng, trong cuộc sống ở hải ngoại bấp bênh và bồng bềnh này, có một ngày nào đó các em sẽ trở lại quê hương mà sự giao thiệp, tiếp xúc cùng người đồng loại, cùng dòng họ với nhau các em không hiểu họ hay không nói được lời nào, thật là điều thiếu sót đáng tiếc và buồn tủi lắm đó các em ạ!...

Quê Mẹ lúc nào cũng đẹp, nơi đó chính là cái Ao nhà. Ao nhà cho dù không bằng Ao người, nhưng ở đó vẫn là của chúng ta, vẫn luôn có tự do và thoải mái hơn phải không các em?!...

Hoa Phượng

\*

## ● Chuyện sáu tám

### Công Chúa Kim Cương

■ Hồng Nhiên

Thuở ấy đức Phật ở nước Xá Vệ, tại vườn cây của ông Cấp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà. Đức vua Ba Tư Nặc có vợ là Mạt Lợi phu nhân, sanh được nàng công chúa tên Kim Cương, tướng người xấu xí, da mặt sần xù trông thật dị hợm. Đức vua thấy con như vậy thì đau lòng lắm, bèn giao cho bà nữ mẫu nuôi dưỡng ở một nơi kín đáo. Đến tuổi trưởng thành vua định gả chồng cho con, vua nghĩ bá quan văn võ trong triều đình ai thấy mặt công chúa cũng phải khiếp đảm, vì thế phải tìm cho công chúa một người đàn thường nhưng phải thuộc dòng quý phái. Vì vậy vua bèn gọi quan đại thần vào nói rằng, trẫm nhờ khanh vào thôn quê tìm cho trẫm một chàng thanh niên tuổi độ đôi mươi, có học thức và thuộc dòng quý phái. Sau đó vị đại thần tìm được một chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú, bút nghiên kinh sử đem về diện kiến thánh hoàng.

Nay ta mời khanh vào đây, vì ta có nàng con gái hình dung xấu xí, trong triều không thể sánh duyên cùng ai được cả, nhưng khanh là dòng hào tộc vậy ta gả công chúa cho khanh, khanh có bằng lòng không?

Dạ muôn tâu Thánh thượng, con thật diễm phúc vô cùng nên được Thánh thượng gả con cho thật là vạn hạnh biết bao, con xin tuân mạng.

Thế rồi hôn lễ được cử hành trong âm thầm lặng lẽ. Sau đó đôi vợ chồng ở riêng tại tư thất nơi hậu viên bảy lần cửa khóa, chung quanh cây cối um tùm trông thật kín đáo. Đức Vua dặn Phò Mã luôn luôn để vợ trong cung cấm, nếu có đi đâu phải khóa cửa và chó cho ai thấy cả.

Trong hoàng cung bá quan văn võ thường tổ chức những cuộc vui, ai

cũng đem vợ đến dự, nhưng riêng Phò Mã chỉ đi có một mình nên mọi người tò mò thắc mắc. Ông Phò Mã này đi dự tiệc không bao giờ dẫn vợ theo, một là vợ đẹp quá, hai là vợ xấu quá, vậy hôm nay chúng ta phải tìm cách để xem vợ hắn vì lý do nào mà không tới dự.

Hôm đó Phò Mã bị phục rượu say, họ trộm chìa khóa rồi sai mấy người tới nhà của Phò Mã.

Giữa lúc Phò Mã đi dự hội, công chúa một mình trong nhà thờ thần buồn bã than rằng: kiếp trước không biết ta tạo tội gì, kiếp này hình thù xấu xa, suốt tháng quanh năm giam giữ trong nhà kín không thấy được mặt trời, khác chi cá chậu chim lồng, thật là khổ sở. Bỗng cô liền tưởng đến đức Phật ra đời cứu giúp chúng sanh, muôn loài đều được thoát khổ. Ta muốn tới nơi để chiêm ngưỡng Ngài, cầu Ngài cứu khổ cho ta nhưng ta không đến được.

Nói xong, Công chúa bèn đốt hương trầm, hướng về núi Linh Sơn nơi đức Phật ngự, chí thành cung kính mà đánh lễ, khẩn nguyện rằng: kính lạy Đức Từ Phụ xin mở lượng từ bi thương xót đến con, chiếu cố đến con mà hoan hỷ tới đây để con được cúng dàng và giáo hóa cho con, với lòng thành kính thiết tha cầu nguyện của nàng cảm được Phật, nên Phật dùng thần thông hiện đến chỗ nàng ngự. Công chúa nhìn thấy dung nhan Phật như vàng trắng tỏ sáng, tướng hảo quang minh, mắt sáng, miệng tưới như hoa nở, thật đẹp vô cùng. Nàng vui mừng quá liền lạy đấng Pháp Vương với lòng thành kính, sám hối tội đã qua và do lòng thành phát khởi, vì thế bộ diện sần xù của nàng biến thành tiên nga. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho nàng nghe, những điều kiêu mạn sân si nên bỏ, khởi lòng từ bi khiêm tốn cứu giúp muôn loài...

Nàng nghe lời giáo hóa như người được uống nước Cam lồ. Cũng bởi tâm thanh tịnh nên tiêu trừ ác nghiệp mà nàng đã tạo từ đời quá khứ. Ngay phút ấy tâm trí nàng được sáng tỏ và chúng quả Tu Đà Hoàn. Đức Phật thấy nàng đã thoát nghiệp và chúng quả nên ẩn hình về Linh Sơn. Vừa lúc đó thì có mấy người mở cửa bước vào.

Họ liền hỏi: Thưa cô, có phải cô là vợ của Phò Mã không? Chúng tôi có việc muốn gặp Phò Mã.

Nàng đáp: Hôm nay Phò Mã đi dự hội không có ở nhà. Mọi người nghe vậy nên từ giã cáo lui. Họ trầm trồ khen ngợi quả nhiên vợ Phò Mã đẹp

thật nên không dẫn đi dự hội và họ trả chìa khóa cho chàng. Sau đó Phò Mã tỉnh rượu về nhà không thấy vợ, chỉ thấy cô gái đẹp. Chàng bèn hỏi: Xin lỗi cô tôi đây có việc chi?

Thưa chàng, em là Kim Cương đây.

Phò Mã vô cùng hoang mang thì nằng kể rõ ra tự sự cho chồng nghe. Phò Mã vô cùng mừng rỡ, bèn đưa vợ đến yết kiến vua cha.

Vua cha và mẫu hậu thấy nàng xinh đẹp thì vui mừng khôn tả, bèn sửa soạn lễ vật rồi cùng nhau đi yết kiến Phật. Vua bạch rằng: Kính lạy Đức Thế Tôn, chẳng hay con gái con thuở quá khứ làm phước gì nay được sanh vào nhà tôn quý? Và không rõ tạo nghiệp ác gì mà phải chịu hình hài xấu xí? Kính xin Ngài chỉ bảo cho chúng con được biết nguyên do.

Phật nói: Ông muốn biết tội căn và phước báo của Kim Cương thì ta sẽ nói cho.

Thuở quá khứ, bấy giờ có một nước tên là Ba La Nại, nước ấy có ông trưởng giả giàu có, ông biết tôn kính ngôi Tam Bảo, cúng dường chư tăng. Ông nguyện suốt đời cúng dường cho vị Bích Chi Phật. Vị ấy hình dáng thô kệch, xấu xa, vì vậy con gái ông trưởng giả sanh lòng khinh mạn rồi nói: Ông này thân thể nhỏ nhớt trông thật ghê tởm làm sao! Song vị này vẫn lặng thinh và thường đến nhà để nhận các món cúng dường của ông trưởng giả.

Cho đến một hôm khi sắp tịch vào Niết Bàn muốn cho những người tin theo Tam Bảo, phát khởi lòng thành tinh tiến tu hành nên Ngài bay lên hư không để hiện các phép thần thông. Nàng con gái lúc bấy giờ biết mình có tội nói xấu Ngài, kiếp sau quyết bị quả báo nên nàng vô cùng sợ hãi, ăn năn, chấp tay quỳ thưa với Ngài rộng lượng khoan dung cho con, trước đây vì không biết Ngài là bậc thánh nên đem lòng phỉ báng khinh mạn, ác tâm, kính xin tôn giả xá tội cho con. Vị Bích Chi Phật cũng thể lòng từ bi cho cô sám hối. Đại Vương nên biết người con gái ấy là Kim Cương con của ông, lúc đó ác tâm che gièm bặc thánh nhân cho nên sinh vào thế giới nào cũng bị thân hình xấu xí, vì biết hối lỗi nên nay được thân đoan chính tốt tươi và cũng do sự cúng dường vị Bích Chi Phật nên đời đời sinh vào nhà tôn quý mà hưởng giàu sang và cũng do nhân duyên này mà được giải thoát. Nay Đại Vương, tất cả chúng sanh nên giữ gìn thân, khẩu, ý, chớ nên khinh chê mắng

chửi, sau sẽ bị quả báo đau khổ, khó mà thoát khỏi, không phải nhờ ở những lời khen của thế nhân mà ta được giải thoát, mà cũng chẳng phải vì lời gièm chê của thế nhân mà ta rơi vào địa ngục, mà chính những ý nghĩ, lời nói, hành động của ta sẽ quyết định đưa ta vào cõi thiện hay cõi ác mà thôi.

Vua cùng đại chúng nghe Phật nói căn do quả báo của Kim Cương như vậy ai nấy đều sợ hãi và phát tâm kính tin, nên có người chứng được sơ quả cho đến tứ quả...●

## CHIM thiên đường

■ T.T. Lê Ngọc

Gần chín giờ, Thảo đứng dậy kéo hai cánh màn cửa sổ, nhìn ra ngoài... Chúa nhật hôm nay sương mù sao mà dày đặc, che phủ cả mặt chiếc đồng hồ của ngôi nhà thờ nằm bên kia cánh đồng. Chờ chuông đổ, đếm đủ xong chín tiếng, từ lâu trở thành thói quen, Thảo mời xếp mền gối cho ngay ngắn trước khi rời phòng. Chợt điện thoại reo, Thảo vội chạy đến, nhắc ống nghe, vừa áp lên tai, xúng tên... nhận ra ngay giọng Hân ở đầu dây bên kia "Thào ơi, Yến mất rồi, bị tai nạn xe hơi..."

\*

Bây giờ Thảo ngồi thu mình trong ghế, để mặc dòng nước mắt chảy dài xuống đôi gò má theo từng ý nghĩ về người bạn gái tử nay không còn nữa! Sự quen biết của hai đứa thật tình cờ. Đó là một buổi sáng ghi danh khóa Đức Ngữ. Đang đứng giữa đám bạn trẻ ngoại quốc xí xỏ tiếng Thổ, tiếng Hy Lạp, tiếng Ý... muốn ù tai luôn, thì nghe gọi cái họ và tên rất Việt Nam mà không phải tên mình, Thảo hỏi ngay vì cứ tưởng chỉ có mình người Việt duy nhất. Bỗng từ đằng sau bước tới một cô Á Châu, tóc dài ngang lưng, giơ tay nhận giấy tờ điền. Thảo cảm thấy vui, hết sợ lẻ loi, chưa kịp mở miệng làm quen... Yến đã cười, tự giới thiệu, bảo sẽ chờ Thảo xong cùng về. Trên chuyến xe điện đường dài, hai đứa tíu tít kể chuyện ở Sài Gòn, đứa quận Một, đứa quận Ba, càng thấy thông cảm, mến thích nhau thêm. Biết mỗi lần nhắc Ba Má, anh chị em... đứa

nào cũng mắt cay cay đỏ, mũi sứt sứt, tay cầm khăn lau... vẫn thích nhắc, rồi cười hi hi, tự an ủi "cô ai bắt đuổi mình lên máy bay qua đây đâu mà giờ than buồn với nhỏ!"

Mùa đông thú nhất ở quê người đến bất ngờ, lạnh cảm như trong hầm đá. Mặc hai, ba áo len, áo khoác dày cộm chẳng đủ ấm, hai đứa run cầm cập, ra đường không dám nói chuyện sợ cái lạnh chun vào cổ vào bụng. Đứa này níu tay đứa kia, đi từng bước chậm chạp, lừ đừ y như hai bà lão chỉ thiếu gậy chống, cầu trời đừng bị té u đầu. Yến nói "hồi xưa mỗi lần đi xi-nê, phim nào có cảnh tuyết rơi thấy ham quá hé? Bấy giờ thò tay ra bóc rờ tuyết được nó lại chẳng ưa chút nào..." Vậy chứ, rồi cũng bắt chuốc Thảo ngẩng mặt lên trời, nhắm mắt, hà miệng chộp những hạt tuyết vừa rơi, nếm thử... Yến nhà ra chê "chẳng ngon!", và hai đứa lại mở uốc thêm những cục nước đá nhận xịt xi-rô, thêm vào mấy giọt chanh muối.

Đêm Giáng Sinh tổ chức nhà người quen, lần đầu bắt gặp Yến đứng khoanh tay, nét mặt suy tử, hỏi thì Yến trả lời "tự nhiên nhớ năm ngoái còn tụ họp bạn bè náo loạn khu nhà thờ Đức Bà...". Sau đó vài tuần dự Tết Nguyên Đán, hai đứa xí xọn rủ nhau mặc áo dài gấm nổi. Ai khê đùa, đề nghị "hai cô lát nữa lên sân khấu đóng góp một màn văn nghệ hí?", Thảo rụt vai, Yến khúc khích tránh "dạ không được đâu, tại chẳng đứa nào biết hát, chỉ biết hét, sợ khán giả bỏ ghế ra về thôi!"

Xuân đến dịu dàng. Sau giấc ngủ dài mùa đông, cây cỏ bắt đầu thức dậy, đâm chồi nảy lộc. Yến chỉ Thảo cây này cây kia ít bữa sẽ trở bông tên gì và màu nào. Đây hoa Forsythie sắc vàng rực rỡ gọi nhỏ hoa mai, đó hoa Anh Đào Nhật hồng thắm đẹp cả lối đi cứ xá con gái mình thích rẽ vào, chụp hình cho nhau gửi về Việt Nam khoe...

Sang Hè, nắng không nồng nàn để khỏi cần thêm áo khoác, lại nhỏ thành phố Sài Gòn và những chiều mưa mát mẻ, dễ chịu. Sau giờ học hẹn nhau ra dạo một vòng bờ hồ, kéo máy mua đồ thả cho mấy con ngỗng, vịt lội tới ăn, ngồi nghỉ trên băng ghế, ngắm ông đi qua bà đi lại "sao hồng thấy ai quen để chạy tới ôm mừng?"

Trời chuyển vào Thu, chưa kịp đợi đủ tiền mua vé xe lửa lên miền Bắc thăm đôi thạch thảo xem "mùa thu chết", Yến báo "sẽ đi xa vì muốn đổi ngành, dưới này e thiếu chỗ" làm Thảo buồn cả ngày hôm đó.

Lần dạo phố cuối cùng, không còn nghịch chọc bà bán hàng xề xòa vui tính, ly kem ba màu chảy thành nước vì chẳng đứa nào đựng tối ăn. Tất cả đều trở thành lạt lẽo, vô vị khi nghĩ đến mai này không còn nhìn nhau nữa, chỉ còn lại những kỷ niệm để lòng bùi ngùi nhớ. Hai đứa trao đổi địa chỉ, hứa sẽ liên lạc sau khi ổn định việc vào trường. Ngày tháng trôi, loay hoay dời đổi nhà ở, tính sẽ dành dịp lên thăm thật bất ngờ, chưa kịp thực hiện thì nhận tin Yến ra đi vĩnh viễn...

Ngoài trời sương mù đã tan biến. Nắng lên cao rọi vào phòng, chiếu qua tấm kệ gỗ đặt chung bình hoa với những cánh chim thiên đường vườn khoe cánh màu cam lộng lẫy, Thảo chợt nghĩ "Yến sẽ là loài chim thiên đường đẹp nhất sống mãi trong tâm hồn của Thảo đó, Yến ơi!" ●

(85375 Neufahrn/FS)

## Trịnh - Nguyễn phân tranh

Giai Đoạn Thủ Tú  
Năm Mậu Tý (1648)

.. Có những em thơ tập vở ngoan  
Nói cười vui bước tới trường làng  
Sen thơm gót nhỏ, hồn trong trắng  
Tựa ánh trăng vàng soi bóng ngang  
(trích trong "Xóm Phụng" -  
Thơ Huy Giang)

### ■ Bé Ngọc

" **Năm Mậu Tý (1648)** - Chúa Trịnh Tráng cử Lê Văn Hiếu giữ chức Đô đốc - có nơi chép là Trịnh Đào, hay là Hàn Tiến - tức là Tiến Quận Công quyền Tổng chỉ huy, đem 2 đạo quân Thủy-Bộ vào đánh Chúa Nguyễn ở miền Nam; Bộ binh tiến lên đóng ở Nam Bố Chính, còn Thủy binh thì tiến vào cửa Nhật Lệ.

Lúc bấy giờ quân Chúa Nguyễn, có hai cha con Trường Phúc Phấn cố giữ lũy Trường Dục (Lũy Thầy) - do Đào Duy Từ lập nên đồn Trường Dục (năm 1630) ở huyện Phong Lộc - Quảng Bình; và xây lũy dài ở cửa Nhật Lệ (Đồng Hới), tức là Trường Thành (Quảng Bình bây giờ). Người ta thường gọi lũy ấy là Lũy Thầy. Cho nên quân

binh họ Trịnh đánh vào mãi mà không được.

Trong khi đó, Chúa Nguyễn sai con là Nguyễn Phúc Tần hội tập các Tướng lãnh lại bàn rằng: Quân kia tuy nhiều, nhưng mà người đánh giỏi thì ít. Nếu đến đêm ta cho voi xông vào rồi đem đại quân đến đánh chắc là phá được. Đoạn cho Thủy quân đi phục sẵn ở sông Cẩm La để chặn đường quân Chúa Trịnh rút về; một mặt sai Nguyễn Hữu Tiến đem 100 con voi chõ canh năm, lợi dụng đêm tối trời thỉnh linh xông vào đánh trại quân Trịnh. Quả nhiên quân Trịnh thua to, phải rút quân theo đường Đồng Hới về Bắc, nhưng bị phục binh ở Cẩm La (chỗ đường bộ qua sông) giết hại rất nhiều. Sử của Nguyễn triều chép rằng, trong các trận chiến của hai quân Nguyễn - Trịnh qua nhiều trận đánh, chưa trận nào khốc liệt bằng trận này, khiến một câu tục ngữ còn nhắc lại:

Hiểm nhất Lũy Thầy  
Thứ nhì đồng lầy Võ Xá

bởi ở đây quân binh Chúa Nguyễn nhờ có ưu thế của sông núi thiên nhiên. Cho nên trong trận này đã bắt được mấy người Tướng và 3000 quân của Chúa Trịnh.

Chúa Trịnh Tráng thua trận, cho nên sai Lê Văn Hiếu, cùng với Trần Ngọc Hậu thống lĩnh một vạn quân đóng ở Hà Trung; Lê Hữu Đức cùng Vũ Lũng đóng quân ở Hoàng Sơn, và Phạm Tất Toàn đóng quân ở đất Bắc Bố Chính để phòng giữ quân Chúa Nguyễn.

Lúc bấy giờ, trong miền Nam thì Công Thượng Vương (Chúa Thượng) đi đốc chiến từ khi khởi chiến giữa Trịnh - Nguyễn, tới làng Trung Chỉ, cách Quảng Trị độ 10 cây số thì bị bệnh nguy kịch, phải đưa bằng đường thủy về Thuận Hóa; nhưng đến phá Tam Giang ngày 19 tháng 3 năm Mậu Tý thì vua mất trên thuyền. Truyền ngôi Chúa lại cho con là Nguyễn Phúc Tần, còn được gọi là Chúa Hiền 1648-1687. Ở ngoài Bắc thì vua Lê Chân Tông (1634-1649) mất, không có con nối nghiệp. Trịnh Tráng rước Thái Thượng Hoàng Lê Thần Tông (giữ ngôi vua lần thứ nhất 1620-1628) về giữ ngôi vua lần thứ hai 1649-1662.

Chúa Trịnh ngoài Bắc cứ mang quân vào miền Nam gây hấn cùng Chúa Nguyễn đã mấy phen đều bại trận, hao binh tổn tướng thế mà không chịu từ bỏ mộng xâm lăng. Đến năm Ất Tý 1665 Chúa Trịnh lại thêm lần nữa mang quân vào đánh đất Nam Bố Chính. Bấy giờ Hiền Vương (Chúa Hiền - Nguyễn Phúc Tần) mới quyết

định mang quân ra chống cự quyết liệt cùng quân Chúa Trịnh. Đó là trận chiến sau này tại Nghệ An, vào năm Ất Tý 1665." (\*)

- Cẩm... Bé Cẩm, em nói chuyện gì mà lảm bảm trong miệng vậy... C... ă...m...?

- Ái... Anh Hai; anh làm em hết hồn hết vía hà. Em đâu có nói chuyện. Em đọc bài Việt sử: Trịnh - Nguyễn Phan Tranh, Giai đoạn thủ Tú, năm Mậu Tý 1648 mà.

- Hèn chi... Em cứ lo ngồi ôn bài, cho nên chỉ dăm có được 8, 9 cây cải bẹ xanh à! Trong khi đó, thấy không, anh đã rào, cắm cây làm giàn cho mấy gốc khổ qua, bầu, bí rồi nè. Ủa mà... em đọc thàm như vậy trong miệng từ này giờ, thì đã thuộc bài Việt sử chưa, Cẩm?

Bé Cẩm hai tay vẫn cẩn thận, nhưng đều đều dăm những cây cải xanh non xuống luống đất xốp mà ba chúng nó vừa xối lại chiều qua; cô bé dăm cải con hay lảm, không sáu lảm, mà cũng không cạn lảm; độ sâu khoảng chừng 2, 3 cm mà thôi, miệng thì trả lời anh trai:

- Em thuộc rồi, anh Hai. Hồi này, ở trong nhà thì em thuộc bài ít ít thôi; ra tới ngoài vườn em đọc lại có 2 lần là không sót, không vấp vấp một chữ nào hết. Ngộ ghê vậy đó!

Ngồi xuống bên bé Cẩm, với tay lấy mấy cây cải con còn lại đang nằm lẩn lóc bên luống đất dăm tiếp em; thẳng Toàn thông thả nói như lời giải thích triu mến:

- Ủa, lúc còn trong nhà thì em cố gắng gò, ép vào đầu óc để mau thuộc bài; vì thế mà... lâu thuộc! Ra tới ngoài này không khí, quang cảnh cây cỏ đẹp đẽ, xanh tươi, tinh thần thoải mái dễ chịu hơn; cho nên em đọc lại bài học vài lần là thuộc, đó là chuyện không phải ngạc nhiên lắm. Em không nhớ tuần rồi sao? Lúc anh học bài để thi đó, anh ngồi đọc thàm hơn nửa buổi mà không thuộc, cũng vì cố gắng gò, ép vô trí nhớ như em vậy! Cuối cùng anh phải hỏi ba phởng thủc đọc sách, cũng như học bài cho mau thuộc, mau lĩnh hội vào trí óc...

- Ba dạy anh như thế nào, vậy... Anh Hai? Bé Cẩm nghiêng đầu, mắt nhìn anh lên tiếng hỏi khi thẳng Toàn chưa dứt câu nói.

- Ba dạy anh nên đọc từng đoạn ngắn, ngắn vừa đủ trí óc mình lĩnh hội, hiểu biết được mà thôi; nhất là đừng nên bắt buộc trí óc mình "phải" lĩnh hội



cho bằng được. Đọc chậm rãi vài lần một câu, và thoải mái ghi nhận.

- Hèn chi... Hồi đó tôi giờ em học bài, là... lúc nào em cũng đọc hết bài một lần; rồi đọc lại lần nữa, thêm lần nữa. Cho nên lâu thuộc là vậy!

- Ba nói thêm: Đọc sách, hay học bài cũng có thể đều giống như nhau cả. Phải có *hứng thú* thì *tinh thần* mới phát triển cũng như *thân cây* hoặc *lưu động* cũng như *dòng nước*. Còn *nhựa* thì *cây* còn *lớn*; còn *suối* thì *nước* còn *chảy*. Khi *nước* gặp *một tảng đá* thì nó *chảy vòng quanh*; khi nó gặp *một thung lũng* tuổi tốt thì nó *chậm lại, uốn khúc*; khi nó gặp *một hồ sâu* trên núi thì nó *ngừng lại một thời gian, gặp thác* thì nó *cuồn cuộn đổ xuống*. Không *mệt nhọc*, không có *mục đích nhất định*, mà *một ngày* khi *thế nào* nó cũng *tối biến*. (\*)

- Hay quá... Đùng quá, hà anh Hai? Bé Cẩm reo lên.

- Ba còn đưa ra nhiều thí dụ dễ dàng để dẫn dắt cho trí óc anh hiểu nhanh hơn. Nhất là không bao giờ nên cố gắng gò, ép trí tuệ mình "phải" mau lĩnh hội, khi "nó" chưa đủ sức lĩnh hội được theo ý của mình mong muốn! Ba nhắc lại một câu chuyện tích, trong một cuốn sách nào đó đã viết, như thế này: *Đời Đường bên Trung Hoa, hồi xưa có đến chín chục giống hoa Mẫu Đơn, mỗi giống là một tên rất nên thơ. Vũ Tắc Thiên (tức Vũ Hậu) khi lâm triều rồi, có lần nảy ra cuồng hứng, hạ chiếu các hoa trong vườn Thượng Uyển, tối một ngày nào đó trong mùa đông, phải cùng nở một lúc; các loài hoa đều tuân lệnh cả, trừ loài Mẫu Đơn, nở trễ mất vài giờ. Vũ Tắc Thiên nổi giận, hạ chiếu đày mấy trăm chậu Mẫu Đơn trong vườn Thượng Uyển ở Tây An, tức ở kinh đô xuống trấn Lạc Dương; vì vậy về sau này mà loài hoa đó rất thịnh ở Lạc Dương* (\*).

Bé Cẩm chớp chớp mí mắt, gật đầu.

- Dạ em hiểu. Lý do xảy ra, là vì bà Vũ Tắc Thiên cuồng hứng cho nên ép buộc giống hoa Mẫu Đơn quá đáng, đúng không anh Hai?

Thằng Toàn ngừng tay dăm cái con chút xíu, nhìn em gái và nói:

- Đùng rồi đó bé Cẩm. Ba cũng còn nói thêm với anh nữa, là: *Sự đọc sách để làm phong phú tinh thần, đòi hỏi sự tập trung tư tưởng vào vấn đề học hỏi, với - thành thạo - sự ngừng lại để kiểm tra tinh thần về các điều đã đọc trong sách... Về phương diện đọc sách để tự giáo dục, thưởng thưởng người ta nghiệm thấy rằng sự mơ mộng thường xuyên là một trong những nguyên do chính của sự thất bại. Sự mơ mộng vô*

*ý thức làm cho chúng ta vừa nhìn sách và đọc những chữ, đồng thời gắn chặt trí óc chúng ta vào đời sống tưởng tượng trong sách. Trí óc tưởng tượng của người đọc sách cần phải có kỷ luật để cho các tư tưởng hão huyền, mơ mộng không trà trộn với những ý kiến có kết quả ích lợi hiển nhiên, hoặc ý thức hay vô ý thức* (\*). Bé Cẩm, em thấy chưa? Cũng như những dây khổ qua, bầu, bí... mà ba má mỗi năm trồng vậy. Ở đây, vào những ngày của mùa thu, mùa đông, mùa xuân thì thời tiết lạnh lùng giá rét; dù chúng ta có ủ phân kích thích đi nữa, hoặc trồng trong nhà kiếng đi nữa; thì những giống đó không thể nào mạnh mẽ tăng trưởng dây, lá, bông, trái như vào đời ba tuần lễ cuối mùa xuân, sang mùa hè khí hậu của thiên nhiên ấm áp; mà ngược lại ẻo ợt, hay héo vàng không còn đầy đủ hưởng vị đặc sản của giống khổ qua, bầu, bí... đó nữa! Đúng không, bé Cẩm?

Bé Cẩm hân hoan, chấp nhận lời anh vừa giải thích:

- Dạ, đúng như vậy, anh Hai. Ủa mà, hồi trước Tết Việt Nam ba má qua Strasbourg mua bánh trái, vật dụng của Quê hương mình về trước là cúng Phật Trời, ông bà; sau mừng Xuân mới. Em thấy má có mua được mấy trái khổ qua lớn hơn bắp tay em nữa; bữa đó má dạy em nấu canh khổ qua dồn thịt; anh có ăn rồi khen ngon thiệt là ngon, anh nhớ không? Em không biết khổ qua đó, người ta trồng ở đâu mà trái tốt quá như vậy, anh Hai?

Thằng Toàn gật đầu như đã hiểu từ lâu chuyện bé Cẩm hỏi, nên vội đáp lời, khi em gái vừa dứt câu hỏi.

- Những đại lý bán thực phẩm Á châu ở Pháp, hay Đức, người ta đặt những món hàng như trái cây, hoa quả bên... Á châu! Vì chỉ có vùng Á châu mới trồng được những giống như bầu, bí, khổ qua, khoai mỳ, ổi, mít v.v.. Điều dễ hiểu Châu Á là vùng nhiệt đới, khí hậu ôn hòa; nhất là những hoa trái đó phát nguồn từ... Á Châu.

- Á há, em hiểu rồi.

Thằng Toàn hỏi khéo lại em gái:

- Em mới vừa nói, hồi trước Tết má dạy em nấu canh khổ qua dồn thịt. Bà nội với ba có khen ngợi là ăn ngon miệng lắm; thiệt tình, anh ăn cũng cảm thấy ngon nữa. Cách thức má dạy em nấu như thế nào nói cho anh nghe với, Cẩm?

Bé Cẩm cười tươi, lắc đầu:

- Bộ anh tính học nấu ăn, hà anh Hai?

Thằng Toàn chối biếng:

- Đâu, anh có định học nấu ăn đâu à! Anh muốn biết là tại sao hồi đó, tôi giờ má nấu ăn cho cả nhà; món nào cũng vậy, đều... ngon thiệt là ngon.

- Bà nội dạy má nấu món chay, lần món mặn. Nhưng, những món chay, phần nhiều má đọc nơi mục "Gia Chánh Chay" trong Tập san Viên Giác mỗi kỳ phát hành, rồi ghi lại cho mỗi khi cần dùng đến.

Thằng Toàn nhăn mặt.

- Ủa, anh hiểu rồi. Nhưng, anh đang hỏi em, má dạy cách thức nấu món canh khổ qua dồn thịt cho em học như thế nào kia?

Bé Cẩm phân bua:

- Bữa má dạy em, thì má nấu nước với xương heo hay gà súp gì đó trước rồi. Em chỉ phụ má xắt nắm mè, cắt bún tàu với lo vớt bọt cho nồi canh khỏi đục nước thôi; còn má xấy thịt heo, thịt gà ướp muối, tiêu, hành, bột ngọt... Mỗi khi má làm đến phần nào, má dạy em đến phần đó. Vậy thì, coi như tất cả má đều nêm nếm, nấu nung hết, em có mó tay vào được đâu! Lên mâm cơm, má nói em hầm món khổ qua dồn thịt, cho... em thích vậy thôi mà, anh Hai.

Chắc thằng Toàn có ý định học lại bé Cẩm món canh khổ qua dồn thịt để khoe khoang với nhỏ Tuồng Vi nhà ở kế bên; mà bây giờ thì nghe bé Cẩm giải thích rằng má chúng nó chỉ "truyền nghề" bằng miệng, chỗ chưa bao giờ bé Cẩm được thực hành. Cho nên nó nhìn em gái với ánh mắt không vui gì cho lắm, trong tiếng thở nhẹ, nó nói:

- Á... Thi ra là vậy à! ●

Trích trong:

(\*) Việt Nam Lược Sử - Trần Trọng Kim

(\*) Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn

(\*) Một Quan Niệm Về Sống Đẹp - Lâm Ngữ Đường

(\*) Fautes De Votre Vie Succès - J. Brun Ros.



● THIÊN CĂN phụ trách

Các em Đoàn sinh thân ái,

Cái câu "*Mái chùa che chở hồn dân tộc*" thật là có ý nghĩa. Tại sao? Các em có biết không? Dĩ nhiên những em đã về chùa Viên Giác tại Hannover vào đêm giao thừa đầu năm

con Cọp (Mậu Dần) thì đã biết, còn các em ở tại địa phương xa xôi, gặp mùa đông lạnh lẽo không về chùa được nên chẳng biết tình hình đêm đó tại chùa như thế nào.

Đại để tình hình và quang cảnh tại chùa đã diễn ra như những năm trước, nhưng đặc biệt năm nay ngày ba mươi và mùng một Tết lại nhằm vào ngày thứ ba và thứ tư giữa tuần (27 và 28.01.1998), ngày mà mọi người còn phải đi làm ở hãng, sò, hơn nữa thời tiết đang mùa đông nên rất lạnh, cái lạnh làm buốt giá da người. Ấy thế mà chiều ba mươi, tức chiều thứ ba, người ta đã về đây đông đủ. Bãi đậu xe trong chùa và cả những lề đường của các con đường phía ngoài chung quanh chùa xe của họ cũng đã đậu choáng chạt cả. Người ta đã về đây để tìm về quê hương, với cái Tết của dân tộc. Gặp gỡ những người cùng tiếng nói, màu da. Lễ Phật, xin xăm, bói quẻ v.v... Hàn huyên và sưởi ấm với nhau. Thật là không ngờ đã có sự đông đảo như vậy nên Hội trường của chùa phải chừa chật ních cả người. Phần Văn Nghệ giúp vui do Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tại Hannover đảm trách, hợp tác cùng với các Huynh Trưởng thuộc các Gia Đình Phật Tử khác và các cá nhân thiện nguyện đóng góp đã trình diễn mang đầy màu sắc dân tộc và hướng xuân tại quê nhà, khiến cho những người thường thức ai nấy đều vui tươi và hài lòng. Sau phần Văn Nghệ mọi người đã nghỉ xả hơi để chờ đến giờ Giao Thừa.

Giờ Giao Thừa đã đến, những tràng pháo nổ vang, đi dưng dòn đã ngoài sân chánh điện hòa lẫn với tiếng chuông trống Bát Nhã của chùa mở đầu năm mới cùng với sự cung nghinh Thầy Trụ Trì và quý chú Tăng Ni vào chánh điện làm lễ Phật. Thầy Trụ Trì đã đứng làm Chủ lễ, nguyện cầu cho quốc thái, dân an, người và chúng sanh năm Mậu Dần thân tâm an lạc, phúc huệ tăng trưởng, mọi nguyện ước cá nhân đều được viên thành.

Sau thời tụng kinh lễ Phật, Thầy đứng lên chấp tay, quay mặt hướng về mọi người. Thầy đại diện cho Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức Quốc và Trụ Trì Chùa Viên Giác tại Hannover chúc mừng năm mới đến mọi người và Thầy cũng ra dấu cho mọi người cùng vỗ tay ba tràng để thay pháo, rồi bảo người đứng trước quay lưng lại nhìn và nắm tay người đứng sau hoặc người đang đứng bên cạnh mình để tỏ lòng thân ái chúc mừng năm mới với nhau.

Đội Lân của GDPT Tâm Minh tại Hannover, trống, phèn la, chấp chĩa... cũng đã trở lên từng bùng và lân múa rất đẹp mắt. Để thử tài nghệ của lân, Thầy Trụ Trì và một số người đang dự lễ có mặt tại chánh điện treo tiền đó đây để làm giải thưởng cho lân có dịp được trở tài. Nhờ vậy mà đội lân của GDPT Tâm Minh đầu năm đã làm ăn khấm khá.

Phần biểu diễn chấm dứt, mọi người tự động sắp hàng, lần lượt từng người đến nhận bao lì-xì và quà lộc Phật đầu năm nơi tay Thầy Trụ Trì trao phát. Khâu ấy kéo dài đến 3 giờ sáng và còn tiếp tục cho suốt ngày hôm sau.

Quầy hàng bánh tét, bánh chưng, bánh dày, bánh ú, kẹo, mứt... bánh xu-xê... của quý vị Phật Tử trong chùa bày ra phát hành nơi góc Hội trường để công quả cho chùa cũng đã tiêu thụ hết sạch. Kẻ mua ăn tại chỗ, người mua đem ra xe ăn hoặc đem về cho thân nhân chờ ở nhà.

Thật là từng bùng và tấp nập. Mọi hay rằng người Việt Nam của mình dù đi xa hay sống ở phương trời xứ lạ, đến khi Tết về vẫn nhớ lại quê hương, đến những tập tục cổ truyền và văn hóa của ông bà mình. Nhưng tìm đâu ra? - Phải chăng chỉ có mái chùa?! Chính mái chùa đã sưởi ấm tâm hồn họ và làm cho mọi người sống tha hương được gần gũi nhau hơn trong tình nghĩa đồng bào ●

Giao Thừa Viên Giác Tự - Hannover 98

## Trả lời câu hỏi

Vì một số em Đoàn Sinh (ĐS) thuộc các GDPT có thắc mắc đã gửi thư về hỏi Trang GDPT - Do đó nên chương trình Phật Pháp dành cho các em trên báo này tạm hoãn lại, để lần lượt trả lời những câu hỏi cho các em đó, đồng thời cũng để cho các em khác chưa biết đặng am tường hơn.

**Câu hỏi 1.** *Thưa anh, tượng Phật sáng tạo ra từ thuở nào? Ai là người sáng tạo?*

Trả lời: Lúc Phật còn ở đời, Ngài phải lên cung trời Đao-Lợi để thuyết pháp cho Phật Mẫu nghe, cho nên vắng mặt. Đức Hoàng Đế Ưu-Điền không thấy mặt Phật, lòng khát tưởng vô cùng, nên Ngài muốn lấy gỗ chiên đàn hương khắc tượng Phật để kỷ niệm, chiêm bái và cúng dường. Ngài Mục-Liên Tôn Giả biết tâm ý của vua

như vậy, bèn dùng phép thần thông đem 32 người thợ đến cung trời kia coi chôn tượng của Phật, rồi về chạm khắc, làm đi làm lại 3 lần mới thành. Đó là ban đầu có tượng Phật ở thế gian này. Từ đó về sau, đem số sánh theo sự lên cốt. Đời Hán Minh Đế, Phật pháp du nhập vào Đông Nam Á, kinh tượng đều đến. Căn cứ theo đó, tượng Phật khắc theo gỗ chiên đàn đến nay là lần thứ 4 vậy. (\*)

**Câu hỏi 2.** - *Thưa anh, đối với Pháp Bảo (Kinh, Sách, v.v...) cũng giống như việc cúng lạy Phật, Tăng đủ thấy là mình rất mực kính trọng rồi; nhưng hàng ngày để kính sách Phật nên để như cách nào và để ở đâu mới khỏi mất lòng thành kính ấy?*

Trả lời: Em nên để tại chỗ sạch sẽ, dùng vải hay giấy sạch bao lại cho hẳn hoi để khỏi bị hư rách, không để rơi đổng trên bàn, chẳng nên để lộn xộn trong các sách khác, không vứt bừa bãi trên bàn, ghế ngồi, đi-văng, giường nằm hoặc đem đến chỗ không sạch sẽ để xem, đọc rồi bỏ đó. Trái lại phải trang trọng, kính cẩn trước khi giờ ra đọc hoặc tụng, tay phải rửa sạch sẽ, thân ngồi ngay ngắn. Đọc giữa chừng muốn thôi, xếp kinh sách lại đàng hoàng, lấy vải phủ lên cho khỏi bị bụi bặm và lúc muốn cầm đọc thì bưng trên tay, chú không được kẹp vào nách. (\*)

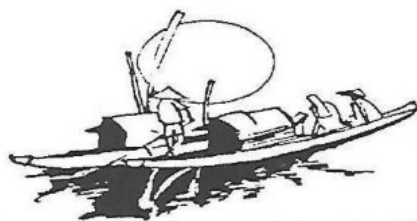
(\*) *Dựa theo sách thưa hỏi Phật Pháp của Ngài Hải-Thi đạo nhân do HT. Khánh Anh dịch.*

## Tin mừng cho Gia Đình Phật Tử Đức Quốc

Trong kỳ Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kỳ II tại Oslo, Na Uy, từ ngày 19 đến 21.12.1997. Tất cả quý chú Tăng Ni tham dự Đại Hội đã nhất tâm bầu Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh của chúng ta, tức Thượng Tọa Thích Như Điển, giữ nguyên chức vụ Tổng Thư Ký trong Ban Điều Hành GHPGVNTN/ÁC cho nhiệm kỳ 1998-2000. Ngoài ra còn bầu Thượng Tọa đảm nhận thêm chức vụ mới: Tổng Vụ Trưởng, Tổng Vụ Thanh Niên và GDPT thay thế Thượng Tọa Thích Trí Minh đảm nhận chức vụ khác. Để phụ tá cho chức vụ của Thầy còn có hai vị Đại Đức, đó là Đại Đức Thích An Chí và Đại Đức Thích Thông Trí.

● **Thiện Căn**

## Độc Sách của Mạnh Bích



# DÒNG SÔNG TRẦM LẶNG

● Đan Hà

**T** háng 10 vừa qua, tôi được GS Nguyễn Mạnh Bích gửi tặng cuốn *Dòng Sông Trầm Lặng* của Ông, do Nhóm Bạn Văn ở Paris xuất bản. Sách in rất trang nhã với tranh bìa và phụ bản của chính tác giả. Một cuốn sách mà sau khi đọc xong, đã để lại trong tôi một ấn tượng rất đậm nét về "quê hương và thân phận con người!"

Tác giả là nhân chứng của lịch sử được trải dài từ đầu thập niên 30 cho đến hôm nay. Giai đoạn đã xảy ra nhiều biến cố quan trọng nhất như: Thời kỳ thực dân Pháp đặt nền thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Những phong trào đứng lên chống Pháp để giành lại độc lập. Nhật đảo chánh Pháp năm 1945. Đất nước Việt Nam bị chia đôi ngày 20 tháng 7 năm 1954. Hàng triệu người dân miền Bắc di cư vào Nam tìm tự do. Cán bộ và bộ đội cộng sản lại tập kết ra Bắc. Tiếp đến là cuộc chiến tranh Quốc-Cộng (hay nói đúng hơn là cuộc xâm lăng miền Nam của tập đoàn cộng sản Bắc Việt). Đã gây ra nhiều thảm trạng cho toàn dân (Vụ tổng tấn công của cộng sản trong dịp Tết Mậu Thân năm 1968. Mùa hè đỏ lửa tại Quảng Trị năm 1972. Và sau 30 tháng 4 năm 1975 là cuộc đổi đời của miền Nam Việt Nam (Hàng triệu người bỏ nước ra đi tìm tự do, hàng trăm ngàn người bị vùi thây trên biển cả! Cho đến bây giờ vẫn còn hàng ngàn người dân Việt đang bị đày ải trong các trại cấm, vì lương tâm nhân loại đã đến hồi mệt mỏi!).

Tác giả được thừa hưởng hai nền văn hóa (Cổ học và Tân học) mà Huế là "Trung Tâm Văn Hoá" của miền Nam từ những ngày đầu tiên khi Vua Chúa nhà Nguyễn dừng chân trong "công cuộc mở mang bờ cõi Đàng Trong". (Về Cổ học thì tác giả được thừa hưởng từ ông bà, cha mẹ; từ những "công phu hàm dưỡng" trong chương Bài Học Võ Lòng. Rồi sau này

được chuyển qua Tân học tại Sài Gòn).

Tác giả tuy sinh ra và lớn lên ở Dinh (Thành phố Huế) nhưng cũng có một làng quê ở huyện Quảng Điền (thuộc tỉnh Thừa Thiên) mà cái tên làng lại là nguồn gốc của Tổ tiên mình từ ngoài miền Bắc. Nên khi mở đầu câu chuyện, tác giả đã đề cập ngay đến tên một con sông và giải thích: *Con sông ấy tên là Đông-xuyên ... Tổ tiên chúng tôi, vào quăng thế kỷ thứ 16 đã bị thời cuộc xua đẩy ra khỏi làng Đông-xuyên của họ ở Bắc-Ninh (Bắc Việt Nam) nên đã dùng lại danh xưng ấy cho chốn làng quê trú phủ đã dung dưỡng họ. Và sông chảy qua vùng này tự nhiên lấy tên là Đông-xuyên...* (Một chi tiết tuy nhỏ, nhưng đã khai mở một con đường rộng thênh thang, cho chúng ta trong việc tìm về với cội nguồn. Tìm về để không còn phân chia Nam-Bắc (nếu không muốn nói là kỳ thị!) khi biết rằng dân tộc Việt Nam không có người của miền này hay miền khác, mà chính là chung một cội nguồn, vì thiên nhiên có thể ảnh hưởng đến tâm lý và tình cảm con người, chứ không thể thay đổi nguồn cội của chúng ta được).

Tác giả được hấp thụ một nền giáo dục của gia đình nho giáo, nhưng đã trưởng thành trong một giai đoạn chuyển tiếp giữa Cổ học và Tân học, nên mới có thể uyển chuyển để tạo nên những tình tiết phong phú cho câu chuyện. Như trong chương Phật Độ, tác giả tâm sự: *Những nguyên tắc đạo đức mà tôi được tiêm nhiễm, nhập tâm trong quãng thời gian sống gần ông bà nội, cha mẹ tôi không bao giờ được giải thích, luận thuyết gì cả. Đức hạnh của bà tôi, nghĩa khí của ông tôi, không lúc nào được nói thành lời. Sự ôn nhu, hòa nhã trong tình thương yêu bao la của bà tôi, của mẹ tôi đã nằm sẵn trong mỗi cử chỉ, trong từng lời nói, qua ánh mắt dịu hiền, long lanh trong những giọt lệ thương cảm, thấm nhuần nhẹ nhàng, sâu đậm vào tâm trí tôi*

*như mật ngọt tôi được uống mỗi lần bị ho cảm, như làn nước mát lành mỗi khi tôi tắm trong dòng sông êm đềm nơi xóm làng nhỏ của tôi. Lòng thành khẩn tinh thần hướng thượng, cái cao đẹp của sự tôn trọng tín nghĩa cũng không bao giờ được ông tôi, cha tôi đặt thành phép tắc khắt khe. Đời sống thường ngày mẫu mực, khiêm hoà của ông tôi gồm có những hành vi đản đệt những ngày tháng, làm thành cuộc đời hiểu nghĩa của một kẻ sĩ biết sống với số phận của mình... Tôi chỉ biết sống theo gương ông bà nội của tôi, cố làm tốt để khỏi phụ ơn Trời đã đặt tôi vào cuộc đời, cho tôi được nghe tiếng cười, tiếng khóc, tôi được thấy ánh bình minh, ngấm bóng trăng xanh, tôi được thấy hoa đóm mật cho bướm, cho ong, được ngắm cỏ cây, ruộng lúa tươi tốt dưới cơn mưa. Tôi học cách sống ở đời với lòng biết ơn những người và vật đã làm cho lòng tôi rung động vì yêu thương...*

Những tâm sự ấy của tác giả, làm tôi chợt nhớ đến câu nói của người xưa, hình như trong Minh Tâm Bửu Giám thì phải: *(Để của cải lại cho con cháu, không biết chúng nó có giữ được không? Để chữ nghĩa lại cho con cháu, không biết chúng nó có thường đọc không? Để đức lại cho con cháu, tuy chúng ta không thấy được như thế nào, nhưng nó sẽ lưu truyền từ đời này qua đời khác).* Nếu điều này cho là đúng, thì tôi nghĩ, tác giả đã thừa hưởng tròn đầy cái "Gia tài" của Tổ tiên để lại?

Tác giả tuy là người miền Trung, nhưng đến tuổi trưởng thành thì được vào Sài Gòn sinh sống, nên khi nói chuyện với người Nam thì dùng tiếng Nam, khi nói chuyện với người miền Trung thì nói giọng Huế đều ngọt ngào như nhau, lại khéo chọn những từ ngữ địa phương nhưng có tính cách phổ thông, do đó mà câu chuyện trở nên duyên dáng và hấp dẫn.

Tác giả đã thâm nhập triết lý của Phật giáo, từ những ngày sinh hoạt trong gia đình Phật tử Chánh Tín tại Chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn. Hiểu được lẽ vô thường, thấu được lòng Từ Bi của Đức Phật, nên mới có một tấm lòng yêu thương tha nhân rộng lớn. Niềm tin là sức mạnh vô song, để dẫn dắt con người qua cơn hoạn nạn.

Tác giả đã sống những ngày giao động nhất của Miền Nam, của Sài Gòn trước và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Mặc dầu có cơ hội để xuất

ngoại, nhưng vì nặng gánh gia đình nên phải dành ờ lại! Đến lúc không còn chịu đựng được nữa, cũng phải trút gia tài vào một chuyến vượt biên, nhưng không may ghe hỏng máy, lại bị dầy ài trong các trại cải tạo của cộng sản như trại A.30 chẳng hạn! Những tháng ngày sống trong lo âu và kinh hoàng, nhưng tác giả tự tạo cho mình có một cuộc sống bình an tự tại, để vượt qua những thử thách, gian nguy! Cho thấy bài học về đức tin lại càng thêm vững mạnh (Ồ hiền thì gặp lành. Vì cuối cùng, tác giả cũng được đến một đất nước tự do!)

Tác giả và thân nhân trong gia đình là những nạn nhân của chiến cuộc. Từ chuyện chồng chị Nữ bị một người cùng làng theo Việt Cộng bắt đem đi thủ tiêu (trong chương *Cơn Gió Chướng*), đến việc "Có người đến báo tin anh Hanh chết trận..." (trong chương *Đất Lở*) là những biến cố đau thương nhất đối với gia đình tác giả, mà tôi nghĩ là chuyện rất thật!

Tâm lý chung của người Việt Nam chúng ta, nhất là đối với những người tha hương, thường hay mang một tâm trạng chung là hoài niệm, nên cho dù lịch sử đã sang trang, cho dù cuộc "đổi đời" của người dân miền Nam đến nay đã trải qua hơn hai thập kỷ, thế nhưng trong lòng họ luôn cảm thấy như mỗi hôm qua! Nên mỗi lần ai nhắc đến, ai nhớ về thì họ lại thấy như người "đồng hội đồng thuyền" (Người Việt chúng ta khác với người Tây phương ở chỗ: chúng ta không coi trọng ngày sinh nhật bằng những ngày kỷ niệm người thân quá vãng! Nhưng tinh thần yêu thương tha nhân, chuộng bình đẳng thì có lẽ như nhau, vì đó là bản chất chung của con người). Tinh cảm của người Việt Nam đã nằm trong sự hòa hợp giữa hai nền văn hóa Đông-Tây, do đó mà người Việt chúng ta ở hải ngoại đã có rất nhiều người thành công về nhiều mặt. Sự thành công ấy, dĩ nhiên phần lớn là nhờ "công ơn Tiên Tổ chúng ta để lại".

Vì có lẽ, trong thời niên thiếu tác giả đã từng xuôi ngược đến rã rời! Từ Huế đến Khe sanh, rồi Hội An vào Sài Gòn... Trong "Những chuyến đi" ấy, dĩ nhiên đã giúp cho tác giả nhiều kinh nghiệm sống, và có thể làm phong phú thêm những ước mơ, những mộng tưởng về tương lai?

Trong suốt mười hai chương ( Từ các chương: *Đông Xuyên - Huế - Bài*

*Học Võ Lòng - Khe Sanh - Những Chuyến Đi - Phật Độ - Cơn Gió Chướng - Đất Lở - Còn Lại Đêm Đen - Đối Đời - A-30 - Tổ Hồng*) trong tác phẩm *Dòng Sông Trầm Lặng* của Mạnh Bích, đã phác họa cho chúng ta những khái niệm trên rất rõ nét, có thể rút ra những bài học để đời, bài học "Luận cổ suy kim" để từ đó làm nền tảng cho việc "Công phu hàm dưỡng" (theo giải thích của tác giả thì: *Công phu là một sự rèn luyện lâu dài, suốt đời. Minh phải biết cái chính, cái khó của nó để mà tự rèn luyện. Rồi trong cuộc đời lúc nào mình cũng nhớ đến nó để ăn ở với người khác, cho nên mỗi gọi là hàm dưỡng...*). Những yếu tố như: Lợi lạc - Chân thực - Hấp dẫn - Sinh động ... (nội dung tác phẩm chứa đựng nhiều sử liệu quý báu như: Lịch sử Việt Nam thời cận và hiện đại - Những giao động tâm lý trong việc cải tổ nền văn học nước nhà - Tình hình kinh tế, chính trị, tôn giáo và sinh hoạt các đảng phái ... ) Đã bảo đảm cho giá trị của một tác phẩm, thêm vào đó với văn phong nghiêm túc của nhà giáo, pha chút lãng mạn của của nhà văn có tâm hồn nghệ sĩ, đã tạo cho tác phẩm có một chỗ đứng vững vàng trong dòng văn học hiện đại đầy nhân bản. (Trong thời gian còn là sinh viên, tác giả đã viết nhạc và phụ trách phần văn nghệ trên đài phát thanh Sài Gòn cho Gia Đình Phật Tử).

Giờ đây tác giả và gia đình đã được sống yên ổn, nơi một đất nước tự do và thanh bình, đã gặp những tấm lòng nhân ái, được xem hoa đem hưởng cho ong bướm, được ngắm những cánh đồng lúa vàng của một miền quê nước Pháp... Và một buổi chiều, hai vợ chồng ra ngồi bên cạnh một bờ sông, để tưởng nhớ về dòng sông nhỏ của quê xưa, dòng sông hiền hòa trầm lặng đã tắm mát tuổi thơ, đã tô bồi phù sa cho cánh đồng lúa quê thêm trĩu hạt... Và tình cờ tác giả nhặt một sợi tơ hồng bay lủng lổ đậu trên tóc vợ mình, để nâng niu, để hình dung lại một thời hoa mộng đã trôi xa... Rồi ước mơ cho quê hương Việt Nam được thanh bình, và con cháu được trưởng thành, sống an vui trong một xã hội hòa ái, đây tình người như từ xưa nay vẫn thường gọi là "tình đồng bào". Ước mơ thì vẫn vậy, nhưng thực tế vẫn khắc khoải đi tìm giây phút an nhiên tự tại. Như tác giả tâm sự trong chương cuối (chương *Tổ Hồng*):

*Cuộc tìm kiếm an bình cho cuộc đời, cho tâm hồn lại mỗi bắt đầu. Chỉ mỗi bắt đầu! Chỉ mỗi bắt đầu tất cả, với cái tuổi "thất thập cổ lai hy"? Nghe sao mà xót xa vô vàn!*

Cảm xúc dồn nén, thúc đẩy tôi viết lên những cảm nghĩ này, âu cũng là nói lên sự biết ơn đối với tác giả, đồng thời thêm một hân hạnh nữa là được giới thiệu đến quý đọc giả, một tác phẩm chẳng những có giá trị về văn học nghệ thuật, mà còn chứa đựng nhiều sử liệu quý báu, nhiều chi tiết chưa tìm thấy ở hải ngoại.

Địa chỉ liên lạc của tác giả:  
**Nguyễn Mạnh Bích**  
25 rue de Vancouleurs - 75011 Paris  
- FRANCE.

*Thơ Thanh Nguyên*  
**ĐÃ MÒN CON MẮT**



*Tháng ngày trĩu nặng hồn quê,  
Lòng nghe khắc khoải, đường về xa  
xăm.*

*Vương chi cho rớt sợi tầm,  
Đời người thắm thoát, trăm năm lâu  
gì?*

*Phong trần bận gót chân đi,  
Xa rồi mái ấm, còn gì vấn vương?  
Trần tồ đậm nét chân chướng,  
Vết nhân hằn dấu phong sương rã  
rời.*

*Men sầu còn đắng vành môi,  
Mắt còn hoen lệ, chưa tươi nụ cười.  
Chập chờn cánh bướm xa xôi,  
Chân trời mờ mịt, bóng trời ngả  
nào?*

*Còn đây một giấc chiêm bao,  
Bóng hình thoát đã tan vào trong  
mỏ.*

*Thưởng người quan ải trở vô,  
Đã mòn con mắt chứa mờ cổ hưởng!*

# Gặp gỡ

● Mạnh Bích

Hôm ấy, một buổi chiều cuối tuần như mọi buổi chiều thứ sáu khác. Bích Khuê đã đi làm về, đang xuýt xoa gọi xóa những mệt nhọc của một ngày đắm chìm trong bụi bặm của đô thị. Tôi ngồi cạnh cửa sổ, nhìn ra cái bao lớn nhỏ có mấy chậu cây cảnh vừa trở vài cành lá, rụt rè khoe màu xanh tái ngổ ngàng. Trời Paris năm nay vào mấy tuần đầu hè, đầy trái chướng: có nhiều mưa bụi đưa cái lạnh leo ray rứt của xứ sương mù Ái Nhĩ Lan về; có nhiều gió tấp tắp từ cõi Đại Tây Dương giông tố bán loạn đến. Tôi bỏ thờ lặt những trang giấy nhằng nhịt những ý nghĩ vừa nổi đuôi nhau, chen chúc nhau chạy nhảy, rối loạn, suốt buổi chiều.

Có tiếng chuông của interphone. Bích Khuê vừa từ phòng tắm đi ra, nhắc lên. Hơi nhíu mày, và quay về phía tôi, nhướng mày: Vâng, mời anh lên... lâu hai ạ.

Rồi nói với tôi: Có anh Huyền đến chơi. Anh Huyền nào thế nhỉ?

Tôi nói: Anh cũng chả hiểu.

Nhưng vừa mở cửa, chúng tôi đều buột miệng: "Tuồng ai, hóa ra anh Đan Hà!...". Mừng rỡ, vỗ vai, cười nói, nhắc chuyện, hỏi chuyện, tíu tít, lung tung. Bích Khuê và tôi nhìn nhau: Trông anh ấy vẫn vậy nhỉ, trầm lặng, chậm rãi, trang trọng. Tôi ngắm cái áo sơ-mi rộng màu tím sẫm hoa sen của anh mặc, và cái cà-vạt có vài nét chấm phá màu xanh da trời. Tôi nhớ lại lần đầu tiên gặp Đan Hà ở Việt Bình thanh trang. Tôi nhớ mấy lần nói chuyện với nhau, ở Reutlingen, trên xe của anh, trên đường về nhà trọ. Cũng vẫn con người ấy, nhân dáng rõ nét giữa đám đông: trầm tĩnh nhưng ân cần, ít lời nhưng thiết tha; rất nhiều chân thật, đậm đà ân tình. Tôi thấy Bích Khuê nói: Tất nhiên, nếu không, sao đến chơi với chúng ta? Tôi sung sướng gật đầu.

- Anh chị bận gì không? Minh đi chơi đi.

- Vâng. Sẵn sàng. Chúng tôi sẽ dẫn anh đi khắp Paris, để anh nhìn thấy rõ cuộc sống của những kẻ ly hương giữa chốn ta-bà bụi bặm như thế nào.

- Thôi! Anh đi chơi với anh Đan Hà đi. Cho em ở nhà sửa soạn cơm nước.

- Dạ, tùy ý chị.

\*

Chúng tôi bước đi giữa thành phố đông nghẹt những người lẳng xẳng, hốt hoảng. Hai kẻ ly hương gặp nhau trong một cuộc đời xa lạ. Hai tâm hồn biệt xứ tìm đến với nhau giữa một khung trời hờ hững. Trời vẫn mưa bay. Gió thổi từng cơn, làm rối mớ tóc bồng bênh của Đan Hà. Anh để mặc. Cũng như để mặc tôi giới thiệu "phố phường chật hẹp người đông đúc" của Paris. Cũng như không để ý đến giai nhân, xe cộ tạp loại dập diu. Anh lửng thừng đi bên tôi. Tôi mở miệng theo anh...

Một cơn gió tung chiếc cà-vạt của anh. Mảnh lụa bay lượn lũng lờ, ngập ngừng rồi đậu trên vai anh, nghỉ ngơi, yên ổn. Tôi nghe nói:

- Chiều Paris. Buổi chiều khắc khoải, bán loạn. Cũng như những buổi chiều đã đến với tôi, hằng chục năm nay rồi.

Và tôi trả lời:

- Vâng, qua tâm tưởng của chúng ta.

- Dạ, không, qua thần trí của riêng tôi... Như một ám ảnh. Như một sự hiện diện.

- Anh làm như anh là nàng Kiều vậy. Bao nhiêu năm luân lạc. Trước lâu Ngưng Bích khóa xuân... Buồn trông của bể chiều hôm.

- Dạ đúng vậy, anh Bích ơi! Thân phận của chúng ta là gì? Như thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa, Vở vắn, xa xăm. Như hoa trôi man mác biết là về đâu. Cảnh hoa gấm huy hoàng đô thị, trời xanh tươi ngời sáng xứ người có vui đẹp gì đâu! Mỗi khi chiều xuống, tôi nghe như có gió cuốn đầu ghèngh, như toàn thể tâm tư lay động, vang động. Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi, anh Bích à!

- Anh Đan Hà! Anh nhiều sầu muộn quá. Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng cũng làm cho lòng ta nhức nhối quá rồi. Còn đến chặng đường của chúng ta, nghĩ lại thấy "trăm năm còn có gì đâu"! Đủ buồn lắm rồi, anh à!

- Dạ không. Không phải nửa mà thôi. Còn nhiều hơn. Ở nơi tôi, nó tràn ngập, nặng trĩu, căng đầy. Cho nên nó hiện ra trong mỗi phút giây, trôi lên qua từng ý tưởng, rung chuyển với từng hơi thở. Miên man, mê mải... Nhất là những lúc chiều về. Đúng vậy. Không làm sao được, khi tuổi của mình đã xế chiều, cho nên trong khắp thơ tôi...

Tôi cười buồn:

- Anh nói về tôi thì được. Còn anh, anh đang thời "trí thiên mệnh", chưa được quyền tự xếp mình vào cái thể "xế chiều" như anh nói...

Đan Hà quay lại nhìn tôi:

- Cám ơn anh. Nhưng tôi chỉ là người của tình cảm thành ra yếu mềm, mê muội. Tôi không có cái sáng suốt của kẻ sĩ biết tìm kiếm trung dung.

- Anh đừng tự buộc tội như vậy. Nhiều tình cảm cũng có thể là đặc tính, là ưu thế của kẻ nặng ân tình. Mà ở anh, tôi chỉ thấy có ân tình, nghĩa cũ, chuyện xưa...

Đan Hà không nói gì. Tôi nghe tôi tự đứng ngập ngừng:

- Chiều về, hoàng hôn xuống, đêm đến, tuổi đời, ... nhiều nỗi băng khuâng.

- *Buổi chiều rời ngoài ngõ vắng. Nắng đã vàng theo bóng thu... nghe hồn buồn như chiều tận...*

- Vâng, *mênh mông* nữa. Tôi đồng ý với anh. Chiều lúc nào cũng buồn hơn vui, cũng làm náo nức cõi lòng người lữ thú.

- *Niềm riêng theo gió mây ngàn. Tháng ngày trôi đi rất vội, chưa dưng thăm hỏi chiều hôm...*

- Anh đừng vội tranh lấy làm "niềm riêng" của anh. Chiều về lúc nào cũng nhuộm về tịch liêu, và trong lòng người lữ thú...

Tôi dừng lại. Đan Hà vẫn không hòa vào ý của tôi. Tôi đổi giọng:

- Và lại, anh đừng trách tháng ngày vội vã, cũng đừng mong chúng dừng lại thăm hỏi...

- *Chiều xưa nghe dấu ái.*

Tôi cười nhẹ:

- Vâng. *Kỷ niệm xưa tràn ngập, cho nên anh nghe thòm ngát hương chiều. Vâng, chiều xưa êm đềm...*

Đan Hà vẫn không nhìn tôi. Giọng anh tha thiết:

- *Hỏi thử ăm, khói lam hiền bên bếp lửa chiều xưa...*

Tôi đọc tiếp:

- *Suối ấm tuổi đời ly xú, đã xanh xao tử đạo gió sang mùa. Hay quá! Đẹp lắm. Đạo ấy, có cơn gió chướng chuyển đất trời sang mùa ly loạn điều linh. Tâm tưởng làm sao không sầu muộn!*

Đan Hà nói như nói cho anh:

- *Còn đâu những buổi chiều nhẹ tựa như hồi thổ, gió chiều lên nhẹ xôn xao, những chiều xưa em đến, lá biếc ngửa tay chào, cát lạnh bỗng xôn xao...*

Tôi cũng tiếp lời:

- Ôi những chiều xưa cũ, lãng đãng mịn mờ, buồn ừ ừ đời tôi!

Đan Hà mở miệng hơn:

- *Anh không đến nên chiều thêm hoang vắng. Buổi thu về lòng bỗng thấy nao nao.*

Tôi chợt hỏi:

- Anh tự trách anh nuôi tiếc những dấu ái, một niềm yêu?

Đan Hà vẫn không nhìn tôi:

- *Mộng đã vỡ giữa chiều như nắng, hay lang thang khắp cả trùng khơi... Mộng cả. Tất cả chỉ là mộng. Cho nên mang về buồn man mác của ngày tàn, hằn sâu vết khắc khoải thường đau. Nắng chiều hôm xuống đỏ cảnh...*

Tôi quay lại nhìn rất lâu lên màu áo của Đan Hà:

- Nhưng, đã có lúc anh chợt thấy chiều đọng lại trong làn hương, trong tâm cảnh gọi chân phượng ngọc ngào... Như lúc tiếng chuông chiều êm êm như tiếng sáo diều ngàn mây.

Đan Hà không nói gì thêm. Anh bước đi những bước êm nhẹ, miên man. Yên lặng... Trong không biết bao nhiêu giây phút, chúng tôi bước đi bên cạnh nhau như vậy. Trong một nỗi buồn chung. Và trong những nỗi niềm có lẽ cũng giống nhau. Trời lắng mưa, sáng nhòa hiu hắt. Chúng tôi không ai bảo ai, đều muốn nâng niu những phút giây tĩnh lặng vừa sả xuống. Cả Đan Hà lẫn tôi dường như đều không dám nói, e rằng khê vin vào cũng đổ, động hồ sẽ tiêu. Không ai nói gì. Cho đến khi, tôi bỗng thấy đã vào đến một khu vườn. Cỏ nhẹ êm dưới bước chân. Cảnh lá ôm phủ yên lành. Không gian như đọng lại. Thời gian cũng dừng chân. Chúng tôi ngồi xuống, trên một phiến đá, dưới chân một cội tùng xanh mượt. Trên ngọn cao, vài sợi nắng hoàng kim nhún nhẩy, lung linh.

Tôi nhìn ra xa:

- Đây là vùng tịch liêu, khung trời tĩnh lặng. Đây là Ajanta với trời chiều vàng ánh Đạo. Đây là bên bờ sông Ni-Liên, nơi dừng ngựa một chiều bên rừng vắng... sông nước lặng mênh mông như biển giác...

Đan Hà ngửa cổ nhìn lên ngọn tùng:

- *Trong im vắng nghe đời như nhẹ hẫng, trôi lan man theo nỗi nhớ đầy vơi. Nhớ buổi ra đi, nhớ giờ lạ lắm, khúc hát nào ru lại hạnh phúc tôi.*

Tôi nhìn thẳng vào mắt anh:

- *Đấy, anh mâu thuẫn với anh, thấy chưa? Trong cái "im vắng" của buổi chiều, anh tìm thấy được "nhẹ hẫng" kia mà! Tôi không có ý chỉ trích anh. Tôi chỉ trách anh là con người quá bi lụy vì hoài niệm. Ai lại đi trách một người nặng ân tình, lòng chất chứa nhỏ nhưng, mãi mãi rung động với những khúc hát ân tình bao giờ. Nhưng không thể nào anh thấy con người nhẹ hẫng hoàn toàn - dù anh đã có cái cảm giác ấy, một buổi sáng trên sông Hằng - nếu anh không chịu dùng, không thích vin vào những ân tình để vẽ bóng chiều rồi, để ngắm cảnh chiều xuống.*

- *Nhưng tôi đã lang thang tận cuối trời, giờ đây ngồi nhạt bóng chiều rồi. Nửa đời mệt mỏi vì chinh chiến, còn nửa đời kia sống ngậm ngùi.*

- *Đấy, anh lại trở về với những bi lụy! Bi lụy làm cho mộng mơ nhạt nét ý thơ.*

Đan Hà vẫn không trả lời tôi:

- *Ngày tháng rộng những đời nghe đã hẹp, vì cô đơn khép kín buổi chia đời, còn đọng lắng trong hồn ta mãi khép...*

Tôi nhắc nhở:

- *Nhưng anh yêu cuộc đời, yêu mùa thu, mùa hạ, yêu làn gió lá lờ, yêu mưa rơi trên lá...*

- *Yêu nhiều cho nên nhớ nhiều. Tôi yêu thuở ban đầu, yêu ngày xanh, yêu khu vườn biếc; tôi yêu tiếng Huế, yêu bóng phượng gầy, yêu tiếng hát; tôi yêu lời mẹ ru, tôi yêu giống nòi...*

- *Nhưng anh tìm trong nỗi nhớ để cho thiên thu (hề!) xa vắng, nên nỗi nhớ ngút ngàn... Nhớ nhưng làm bi lụy, cho nên cuộc kiếm tìm của anh trở thành một cuộc trốn chạy khắc khoải vô vọng...*

- *Trong tôi tất cả là một toàn thể được gói chặt lại, là một tảng băng của mọi ý tình. Có những niềm vui, có*

nhiều dấu ái, có vài nỗi đau, có ít hận thù...

Tôi lại chen vào:

- *Anh đi tìm trong yêu dấu.*

- *Dạ phải.*

- *Đẹp lắm, còn gì hơn! Đi tìm là ý nghĩa của cuộc đời, là "công việc" trong cuộc đời. Anh đi tìm là anh nắm được hạnh phúc rồi, nhất là anh đi tìm với tấm lòng rộng mở, với tâm hồn thanh thoát của tin yêu, những tin yêu đã làm đẹp ngời hoài niệm, những tin yêu làm sáng lạn mộng đời...*

- . . . . .

- *Anh Đan Hà à! Yêu dấu làm người ngoài. Còn gì sung sướng bằng yêu những chiều buông hương thơm ngát tuổi thơ, tình quê hương mấy thu vàng nắng, đẹp tựa như hồn tấm ước mơ...*

- *Nghe yêu dấu muôn đời thánh thiện, ngát hương mùa, xanh tuổi vùa yêu...*

Tôi ngây ngất đọc theo:

- *Tiếng hát Mẹ ngọt ngào muôn thuở, đượm trong lòng mãi tiếng ca dao... Tình yêu đã là đẹp rồi, còn tìm yêu còn đẹp hơn.*

Đan Hà không nói gì. Tôi cũng không nói gì thêm.

\*

Trời đã sẫm tối. Mưa lại lất phất bay. Khu vườn chìm dần vào tĩnh tịch. Trời lạnh lạnh nhưng tôi thấy lòng nhẹ mát. Chung quanh chúng tôi, không khí u nhàn, thanh thoát.

Tôi vỗ vai Đan Hà:

- *Mình đi về đi. Vừa ăn cơm vừa nói chuyện tiếp.*

Đan Hà đứng lên, nhìn vào mắt tôi. Anh mỉm cười:

- *Cám ơn anh... và Chị. Để khi khác. Hôm nay tôi phải trở về.*

Tôi năn nì:

- *Nhà-tôi chưa được nói chuyện nhiều với anh mà!*

Đan Hà không đáp lại ý của tôi:

- *Cám ơn anh đã nói đến ân tình và tin yêu.*

Và anh nhìn tôi thật lâu, để chào tạm biệt. Rồi lững thững đi sâu vào khu vườn. Tôi đứng tần ngần nhìn theo. Màu hoa sen của chiếc áo tím hơn, như những tình cảm của tôi. Đậm đà hơn. Những tình cảm sẽ thành những vằn thổ đan kết bao nhưng nhỏ, cho bước chân về bất tịch liêu.

Bước chân của Đan Hà? Vắng, và cả bước chân của tôi nữa ●



# PHÙNG CUNG

■ Nguyễn Chí Thiện

**LTS:** Phùng Cung sinh năm 1928 tại Sơn Tây. Thời kháng chiến làm việc tại cơ quan văn nghệ Việt-Bắc. Năm 1956, tham gia Nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm với một truyện ngắn nổi tiếng "Con Ngựa Già của Chúa Trịnh". Phong trào Nhân Văn và Giai Phẩm bị cộng sản đàn áp. Văn nghệ sĩ bị đưa đi lao động cải tạo hay bị giam cầm. Năm 1961, Phùng Cung bị bắt và bị biệt giam ở Yên Bái, Lào Cai. Năm 1973, khi Hiệp định Paris được ký kết, ông mới được trả tự do sau 12 năm tù không xét xử. Cùng năm này, nhà văn Nguyễn Hữu Đang, người đứng đầu Nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm, và hầu hết những người bị bắt trong vụ Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh... cũng được trả tự do.

Năm 1995, tập thơ "Xem Đêm" của Phùng Cung mới được nhà xuất bản Thông Tin, Hà Nội, xuất bản.

Ngày 09.5.1997, nhà thơ, nhà văn Phùng Cung tử trần tại Hà Nội, hưởng thọ 70 tuổi.

## ● Viên Giác

Tôi mến và phục Phùng Cung ngay từ khi được đọc truyện "Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh" của anh đăng trên báo Nhân Văn. Trong tất cả các bài văn, bài thơ in trên tờ Nhân Văn, trong các tập giai phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Mùa Đông, tôi thấy "Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh" là đặc sắc nhất, về nghệ thuật cũng như về nội dung. Nó vừa thâm trầm, vừa tinh tế đúng như con người anh. Nó còn điểm đúng huyết của Đảng. Chính vì vậy, Đảng đã cầm gậy bòn tù anh không xét xử hơn mười hai năm. Nhiều người nhận định rằng truyện chĩa vào các văn nghệ sĩ có tài, nhưng vì đã ngoạm vào miếng dính chung Đảng ban phát, nên chẳng những tài tận, mà nhân cách cũng diệt. Điều đó đúng. Nhưng nếu chỉ đã mấy anh văn sĩ, thi sĩ cô đầu, những kẻ mà chính các "đồng chí bố" trong bụng cũng khinh rẻ, nhân dân cũng tòm lòm thì Đảng đâu có cay cú đến thế. Điều Đảng không thể không trừng trị nặng là anh đã dám nêu bật lên một sự thực nhục nhã: Văn nghệ sĩ, trí thức, toàn bộ dân tộc, giống như con

ngựa già của Chúa Trịnh, bị Đảng gắn vào hai bên mắt hai cái lá đa bằng da, chỉ được nhìn thẳng một hướng hạn hẹp, trời mây, sông núi hoa lá không được thấy gì hết!

Cái cảnh con chiến mã Kim Bông dưng mãnh tung vó, phi nước đại, vất lại sau mông cả một vùng Sơn Nam Thuộng, xông pha trăm trận, tung hoành là thế, mà khi thanh bình trở lại, nhàn nhã bước vào lâu đài cung điện Chúa, mới đặt chân lên nền đá xanh mát đã thấy bàng hoàng, rùng cả người; chợt nghe tiếng chim hót trong trẻo trên các lùm cây xanh tươi mà giật mình, ngớ ngác, Đảng cũng cho là chửi sò Đảng. Thực ra, đó chỉ là sự tha hóa tầm thường của những kẻ thiếu Tâm, thiếu Đức, khi được vinh hoa, phú quý, lo lắng bảo vệ cho địa vị của mình.

Mùa đông năm 1970, tôi rời Yên Bái lúc bốn giờ sáng. Sau 18 tiếng đồng hồ vừa đi ca-nô, đi xe tải, xe lửa, chen chúc nhau trong một toa đen kín mít, nhầy nhụa phân lợn, tay lại bị khóa số 8 khóa từng cặp hai người một, đoàn tù chúng tôi tới trại Phong Quang khoảng 10 giờ tối, người nào cũng nôn mửa, rữ rượi, kiệt lực. Ngồi xếp hàng trên sân đất, dưới mưa bụi, gió buốt, nghe điểm danh, nghe cán bộ quát nạt, huấn thị, rồi giúp mấy anh tù tự giác khám xét hành lý toàn đồ giẻ rách, hôi hám. Tôi tận gần 12 giờ đêm, chúng tôi mới được phân chia vào các phòng.

Trong tất cả các cuộc trừng phạt trên thế gian này, khó có cuộc trừng phạt nào có thể vui mừng bằng những cuộc gặp lại nhau trong tù của những người bạn tù. Tôi vừa bước vào phòng thì bốn, năm ông đã ập tới, cười nói, hỏi han, nắm tay, nắm vai, đỡ hộ túi quần áo, mời nước, mời thuốc. Tôi cũng vui không kém gì họ. Thôi thì dù thủ chuyện. Bao nhiêu mệt nhọc tan biến hết. Sức mạnh của tình cảm thực là kỳ diệu, không loại thuốc hồi sức nào sánh kịp! Các anh nói Phùng Cung cũng ở trại này, đang nằm bệnh

xá vì bị lao phổi. Mắt tôi sáng lên. May quá rồi, thế là tôi sắp được chuyện trò với anh, người tôi mến phục đã lâu mà chưa được biết mặt. Vài hôm sau, tôi lang vãng xuống bệnh xá tìm anh. Đó là giờ tù đang chia cơm, chiều hôm ấy lại ăn tươi, có "mếu ngạnh" (thịt trâu) nên việc chia bôi rất vất vả, mất nhiều thời gian. Thịt chia riêng, xương chia riêng, da chia riêng, nước dong từng thìa. Tất cả đều phải cân bằng một loại cân tự tạo, nhưng độ nhạy có lẽ chẳng kém gì cân tiểu ly. Chia xong lại phải viết tên từng người vào những mẩu giấy nhỏ, gập lại, trộn lẫn lộn, rồi đặt bên cạnh từng bát, mỗi phần không quá một lượng. Đọc đúng tên ai, người đó lấy bát đó. Tù nhân dùng vòng trong, vòng ngoài, "góp ý" cho người được cử ra chia, thường là người có uy tín, trung thực, không lèm nhèm. Mấy chục bệnh nhân ở bệnh xá cũng đứng xúm xít tham dự công việc chia chác thiêng liêng đó, trừ mấy người hấp hối. Tôi nhìn tất cả họ, từng khuôn mặt một. Không ai có vẻ là Phùng Cung cả. Tôi vòng ra phía sau bệnh xá. Một người trung niên mặc áo bông, đứng trước cây ớt chỉ thiên, nhưng đầu lại ngẩng nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt, xám nhợt bất động. Phùng Cung đây rồi! Tôi đoán vậy, và bước lại gần, khẽ hỏi:

- Xin lỗi, có phải anh Cung không?

Phùng Cung nhìn mặt tôi một thoáng, rồi đáp:

- Vâng, sao anh biết tôi?

Tôi cười:

- Tôi mới từ Yên Bái tới mấy hôm.

Nghe anh Lê Quang Dũng nói anh ốm, tôi tới hỏi thăm. Tôi tù tất cả đã hơn tám năm rồi.

- Anh kém tôi hai năm. Nhưng tù về tội gì vậy?

- Cần gì tội mới tù! Bao nhiêu người ở đây, tội gì? Nhưng chúng nó bảo tôi làm thơ phản động.

Phùng Cung hững hờ, có vẻ trích thượng:

- Làm thơ? Có thể đọc nghe vài câu không?

Sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là phải hết sức thận trọng. Bao người chỉ vì mắc bệnh "ngựa hợm" khi trà lá với bạn bè mà tan đời! Trong tù càng phải kín miệng hơn. Nhưng khi nhìn thấy Phùng Cung, tôi linh cảm anh không phải là người hại tôi. Tuy vậy tôi vẫn phân vân. Tôi chọn một bài "vừa phải", không quá "nặng dose".

- Anh đang nằm bệnh xá. Tôi đọc một bài về cảnh bệnh xá trong tù cho anh nghe.

*Mùa đông ập tới, đêm rừng giá  
Giỏ bắc, mưa phùn lất phất qua  
Củ khoai hà dím thành vô giá  
Bệnh cũ âm thầm lại phát ra  
Lũ tôi đã đoán bao người ngã  
Trong vụ đông này khó đứng qua  
Thân xác như hình nan, cốt mả  
Mong cầu Đông giá nổi tay tha!*

Tôi đọc hết bài, chờ đợi một câu phê bình của Phùng Cung. Nhưng anh im lặng. Một lúc, anh hỏi tôi:

- Anh ở toán nào?

- Tôi ở toán đan, gần ngay đây, toán mà lưu manh gọi đùa là "mầm non của nghĩa địa". Tôi cũng lao như anh, thỉnh thoảng lại ho ra máu, ít đi làm lắm. Hôm nào hứng, anh tới phòng tôi chơi. Vào ngày thường, đi làm hết, chuyện trò tiện hơn.

Đã bắt đầu đọc tên lấy thật. Tôi bắt tay anh Cung:

- Anh vào ăn đi. Hôm khác chúng ta gặp nhau. À, tôi là Thiện, Chí Thiện thiên sư. *Au revoir!*

Tôi không phải chờ lâu. Hai hôm sau, vào buổi sáng, khi trại đi lao động hết, vắng ngắt. Phùng Cung vào phòng tôi. Tôi mời anh leo lên sàn trên, chỗ tôi nằm. Anh vừa leo, vừa nói:

- Ốm yếu sao không nằm dưới, đồ leo trèo vất vả.

- Cái gì cũng có lý do của nó cả. Nằm sàn trên đun nấu đỡ bị lộ, đỡ bụi hơn, mùa đông lại ấm hơn nằm phía dưới.

Anh Cung ngồi xuống chiếu, móc trong túi ra một gói con con:

- Dừng nó bảo anh nghiện trà nặng lắm. Hôm nay mới tôi gặp anh là vì còn phải kiếm trà.

- Trà lúc nào tôi chẳng có, nhưng toàn là trà gói ba hào loại bét, chua loét.

Tôi mở gói trà của Phùng Cung ra, kêu lên: Trà búp, loại ngon!

Tôi đổ tất cả vào cái ca tráng men, lấy dấm cái dóm cật, đun độ hai phút là sôi, lấy miếng giẻ ướt lau sạch ca, lau tới đâu trắng tới đó. Tôi giải thích:

- Phải lau ngay khi đun xong, ca còn nóng bỏng mới sạch trắng được. Để nguội, cọ bằng cát cũng mệt mới trắng. Quàn giã mà thấy ca đen thì cùm. Cái gì cũng phải đánh nhanh, rút gọn! Bây giờ mình ngồi uống ung dung. Trời lại mưa, không sợ gì nữa.

Tôi lấy hai cái chén, tiện bằng ống nứa, rót trà vào. Chúng tôi đưa ly trà lên miệng, tận hưởng hương trà thơm ngát, rồi nhấp một hớp nhỏ. Khoan khoan, tỉnh táo hẳn. Tôi hỏi anh Cung:

- Anh có biết tại sao lại kiến hiệu nhanh đến thế không? Trà ngon không cần phải vào tởi dạ dày, xuống ruột, thấm thấu vào máu, rồi mới tác động tới chúng ta. Nó đi thẳng vào khẩu giác, vị giác lên thần kinh não, nên vừa mới nhấp một tí đã sàng khoái cả người rồi.

Chúng tôi mỗi người hút một điếu thuốc lào, uống một ly trà nứa, cho ấm người lên, rồi mới bắt đầu vào chuyện muốn nói:



- Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không?

Anh Cung lắc đầu:

- Mấy năm đầu rầu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. Đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài. Hôm nọ nghe anh đọc bài thơ về bệnh xá, tôi củ ngẫm nghĩ mãi. Tôi nằm bệnh xá nhiều. Những cảnh, những tâm trạng bi đát tôi thấy hàng ngày, sao tôi không làm được bài nào? Hiện giờ, chúng tôi đã đoán trước được có ba người sẽ không qua khỏi mùa đông này. Nhìn thấy chết đến tử tử mà không cứu được! Khoai sắn còn chẳng đủ, thuốc men thì vô vấn, kiệt dần, rồi gục. Mùa đông như một vị hung thần, chỉ biết cầu mong nó đỡ rét, nó nổi tay buông tha. Thơ anh thực lắm!

- Thật ra, lượng không quan trọng. Cuộc đời một thi sĩ mà có được vài trăm câu thơ hay đã là thành công lắm

rồi. Truyện Kiều hơn 3200 câu là cùng. Nhưng Việt Nam mình chưa ai bằng Nguyễn Du cả. Anh đọc nghe vài bài của anh đi.

Ngồi hút thuốc lào, uống trà ngon, nghe thơ, đó là những giờ phút hạnh phúc nhất trong tù. Hạnh phúc vì chúng tôi quên hẳn chúng tôi đang tù tội, ốm yếu, quên hẳn mọi ô trọc cuộc đời. Chúng tôi chìm đắm, hay đúng hơn, bay bổng trong say sưa: say trà, say thuốc, say thơ. Anh Cung đọc liền một lúc ba, bốn bài: giọng trầm nhẹ, nghe rất rõ. Càng nghe, tôi càng ngạc nhiên, càng bị cuốn hút vào dòng thơ anh. Tôi chưa từng được đọc thơ nào như thế. Nó mới tinh. Mới về ý, về tình, về ngôn ngữ, và nhất là về hình tượng, âm điệu. Thơ anh thực là đẹp. Anh đọc tôi đầu, tôi thẩm tới đó. Thơ đẹp, cũng như mọi vẻ đẹp trên thế gian này, đâu cần phải nghiên cứu nát óc mới thấy. Nó đi thẳng vào tim, vào óc ngay. Tôi biết anh tốn nhiều tâm huyết lắm mới tạo được những câu thơ như thế. Anh tìm tòi nhiều về chữ nghĩa, nhưng không mắc "ngữ bệnh" như Âu Dương Tu hàng ngàn năm trước đã than phiền. Anh tìm tòi nhiều về hình tượng, về âm điệu nhưng không trở thành cầu kỳ, quái gở, thậm chí tới mức ngớ ngẩn như một số người! Càng đọc nhiều thơ, tôi càng nể các vị thâm nho ngày xưa. Các vị đó nhận xét ngắn gọn, như muốn cô đúc chân lý vào một câu. Sau này gần Phùng Cung nhiều, thấy anh làm thơ quá khó nhọc, tôi thẩm thía câu nói của Lục Du: "Cái tận cùng của công phu là sự bình dị".

Khi anh Cung ngừng đọc, tôi hút thêm một hơi thuốc lào, nhà khói ra mù mịt, hãm một hớp trà, rồi đặt tay lên đùi anh:

- Anh quả là có tài, kỳ diệu lắm! Bài "Biển Cà" của anh có thể là một bài dạy về đạo lý làm người cho các vị đế vương. Tôi không bốc anh đầu, mà bốc cũng chẳng được. Hay dở nó rành rành ra đấy. Khen chê lung tung, người ta khinh! Nhiều câu thơ của anh tuyệt vời! Thí dụ như:

- *Trước mắt trẻ thơ, tình cầu chỉ là chấm nhỏ*

*Càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh*

- *Mắt phạm tục đâm đâm vướng chút lệ*

*Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người.*

- *Hồi biển cả*



*Diện tuy rộng, nhưng thiếu những  
giác quan cần thiết*

*Lòng tuy sâu, mà chứa đầy mầm  
xanh mận chát!*

*Bỏ mất mênh mông, chuốc lấy ồn  
ào*

*Tự thao túng cái thói hư nộ cuồng  
sóng vỗ*

*Trống trải, bỏ vợ, chiều quả phụ*

*Bình minh vô vọng phường mờ...*

*Ồi, bao im lặng thanh cao*

*Đều chìm lặn trong thét gào man  
rộ!*

*- Vây dẫu có vô cùng lôn lao gì đó  
Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa với vô  
cùng bé nhỏ mà thôi!*

Chỉ một bài "Biển Cả" đã nhiều câu  
hay thế rồi, tôi đâu có nói quá!

Anh Cung xúc động, nắm tay tôi:

- Cảm ơn, anh đã khích lệ tôi nhiều  
lắm.

Có tiếng mở cửa. Chúng tôi im  
lặng. Thiếu úy Võ, cán bộ trực trại đi  
vào phòng. Nhìn lên sàn, thấy chúng  
tôi, hấn quát:

- Ốm đau nghỉ nhà, lại tụ tập trà lá,  
văn thơ chủ chế độ. Ai cho phép đun  
nấu? Tôi cùm cổ các anh lại! Hấn đi  
cà giầy đầy bùn ướt, leo lên chiếu tôi:

- Đưa cái ca đây!

Tôi ôn tồn trình bày:

- Tôi xin nước sôi ở nhà bếp, không  
đun nấu. Anh Cung với tôi biết nhau từ  
ngoài xã hội. Anh đem cho tôi ít thuốc  
lào. Trời mưa rét, chúng tôi uống tí trà  
cho đỡ lạnh. Họ lao sắp chết cả, thơ  
văn gì nữa.

Võ trợn mắt:

- Im, không được chối. Tôi đừng  
ngoài nghe hết cả rồi!

Anh em ở trại đã cho tôi biết cán  
bộ Võ, người miền Nam tập kết đã  
nhiều tuổi, nghiện trà cực nặng, không  
ác, chỉ phải tỉnh hay nạt nộ nhưng lại  
thích người khác nói nhẹ nhàng. Tôi  
chống chế:

- Cán bộ ở ngoài nghe thì đã rõ là  
chúng tôi không nói xấu chế độ. Anh  
Cung theo Đảng chống Pháp từ 16  
tuổi, nhất thời lệch lạc về tư tưởng,  
Đảng cho vào đây để "uốn nắn" lại.  
Đời nào anh ấy nói xấu Đảng.

Võ trợn mắt nhìn anh Cung, quát to  
hơn:

- Về ngay bệnh xá!

Rồi quay sang tôi:

- Chiều đi làm ngay!

Thế là chúng tôi hết bay bổng. Rời  
tôm xuống thực tại.

Từ đó chúng tôi thỉnh thoảng gặp  
nhau. Khi có trà, khi không. Toàn nói

về thơ. Mấy tháng sau, anh Cung ra  
khỏi bệnh xá, vào toán đan lát. Cùng  
một toán, chúng tôi ở cùng một phòng,  
tha hồ chuyện trò.

Anh em tù cũng xếp Phùng Cung  
vào loại phạm binh, phạm cán, nghĩa  
là những kẻ "Hồng Kỳ sinh, Hồng Kỳ  
đuồng", lạc điệu một chút bị Đảng tống  
vào trại giam, nhưng vẫn còn tưởng  
đối "vùng lập trường", vẫn "cách  
mạng". Lúc đầu họ tưởng họ chỉ cải  
tạo ngắn hạn rồi Đảng sẽ "xét lại" cho  
về. Họ cũng ăn, ở, làm, y hết chúng  
tôi, nhưng họ vẫn tự hào tuyên bố là  
họ "Tù khác!" làm tôi phì cười. Số  
phạm binh, phạm cán này khá nhiều,  
Ban Giám Thị không ưu tiên hết được.  
Chỉ một số nhỏ được làm văn hóa, trật  
tự, trực phòng, toán trưởng các toán...  
Những năm đầu, chúng tôi khổ với họ.  
Những cuộc họp trong toán thường do  
họ điều khiển. Những phương pháp  
kiểm điểm, phê bình, tố giác, chụp mũ  
họ sử dụng thô bỉ, đếu cáng hơn ngoài  
xã hội nhiều! Những rồi ba năm, sáu  
năm, chín năm... Ăn hết "lệnh" này tới  
"lệnh" khác, vẫn tù (lệnh là "lệnh tập  
trung", ba năm một lệnh). Họ uất ức,  
lên án chế độ thạm tệ, và... đi cùm,  
tĩnh dần dần. Công bằng mà nói, cũng  
có một số phạm binh, phạm cán có tư  
cách, không cáo cò, không hành hạ  
bạn tù, mà thông cảm với số phận oan  
khổ của mọi người. Họ nhận thức được  
họ cũng cùng một kiếp, cũng là nạn  
nhân cả, không có "Tù khác" gì hết!  
Làm "ăng-ten" mà tù miền Bắc chúng  
tôi gọi là "Béc-giê", thành phần nào  
cũng có: Tư sản, địa chủ, công nông,  
sĩ quan, binh lính, viên chức thời chính  
phủ quốc gia Bảo Đại, trí thức... Chỉ  
riêng những người Công Giáo, Phật  
Giáo, những Linh mục, Tu sĩ, nhà Sư  
là rất hân hữu. Điều này chứng tỏ Tôn  
Giáo là vô cùng hữu dụng trong việc  
duy trì nhân phẩm, đạo đức loài người!

Phùng Cung là một trong số rất ít  
những kẻ "Cờ đỏ đề, cờ đỏ nuôi" nhìn  
suốt vấn đề, dứt khoát với Đảng với  
chủ nghĩa Mác Lê khá sớm. Nhiều  
đảng viên do tù tội lâu cũng chán  
Đảng, Bác. Nhưng tâm trạng họ vẫn là  
tâm trạng "*Dấu lia ngó ý, còn vướng tơ  
lông*". Anh Cung tâm sự với tôi là phải  
trải qua nhiều năm suy tư, nhận xét,  
phân tích nghiêm túc, anh mới khai tử  
được chuỗi mơ hồ, mới làm nổi những  
câu thơ như:

*Ngộ độc rồi, lại chuốc độc lẫn cho  
nhau!*

Độc đây là chủ nghĩa Mác Lê, là  
thiên đường Cộng Sản đầy ảo ảnh  
huyền hoặc như "Làm theo năng lực,  
hưởng theo nhu cầu", "Thế giới đại  
đồng không còn biên giới", "xã hội  
không còn giai cấp, không còn người  
bóc lột người", mọi bất công, áp bức  
đều tan biến, chỉ còn lao động sáng  
tạo và thưởng yêu. Để đi tới cái tương  
lai lấp lánh đó thì bạo lực phải là bà đỡ  
của cách mạng, giai cấp vô sản phải  
là kẻ đào mồ chôn giai cấp hữu sản,  
nông dân phải đập đầu địa chủ xuống  
bùn đen vạn kiếp, Đảng Cộng Sản  
phải là Đảng duy nhất lãnh đạo, Đảng  
kiểu mới, phải có nền chuyên chính  
bằng thép; văn hóa, nghệ thuật, giáo  
dục chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là  
xây dựng con người mới xã hội chủ  
nghĩa, nhà văn, nhà thơ phải là "kỹ sư  
tâm hồn", trái tim của nghệ sĩ phải  
thuộc về Đảng, phải coi Tôn Giáo là  
thuốc phiện, là phản động, và như Lê-  
Nin nói: "Không thừa nhận một thứ đạo  
lý nào khác. Cái gì có lợi cho Đảng,  
cái đó là đạo lý", "kẻ nào không đi với  
chúng ta, kẻ đó là kẻ thù", "chúng ta  
không qua đầu kẻ thù, mà chúng ta  
phải bóp vỡ sọ chúng!". Đến nỗi  
Maxim Gorki phải kêu lên:

"Nếu quan niệm đơn giản như thế,  
thì mọi giá trị bị phá hủy hết!"

Nhiều người nhiễm độc nặng đến  
nỗi như bị quỷ ám, không nhận ra rằng  
họ đứng xây con đường lên cái chân  
trời Cộng Sản mù mịt đó bằng thân  
người, bằng nước mắt, mồ hôi, rớt rã,  
cổ hàn, chiến tranh, lao tù, gian dối,  
thủ đoạn tàn bạo, bằng ngu tối, vô  
luân, vô sĩ, bằng nô lệ kèm kẹp, bằng  
hủy diệt tất cả những gì mang tính  
người! Chẳng khác gì muốn làm một  
bữa tiệc ngon mà dùng toàn đồ thiu  
thối, đầy giòi bọ, đầy chất độc. Phật,  
Chúa, Khổng Tử đều mong muốn  
nhân loại [yêu thương nhau], "hì xả tử  
bì", "bốn bể là anh em", và răn mọi  
người phải tu thân, phải làm điều thiện,  
phải có lòng lành ngay cả trong những  
việc nhỏ nhặt hàng ngày. Tóm lại là  
phải tu nhân tích đức. Cộng Sản lại coi  
những khuyến dụ đó là ru ngủ, là mê  
tín, là phản động, là lạc hậu.

Từ đầu thế kỷ này, Lê-Nin đã ngày  
thơ khảng định rằng chế độ tư bản  
đang giãy chết. Y hẳn không ngờ rằng  
nó giãy gần một thế kỷ rồi vẫn không  
chết, mà ngày càng cường tráng. Còn  
chế độ của y và Đảng y đầy công  
dựng lên thì chỉ ra đời mới có bảy mười  
năm đã chết không kịp giẫy! Các triều

đại phong kiến của một dòng họ cũng kéo dài 800 năm, 400 năm, 300 năm, 200 năm; chế độ tư bản cũng hình thành mấy thế kỷ rồi mà vẫn đầy sức sống. Tại sao chế độ Mác Lê lại chết yếu như vậy? Chính vì tính chất **Phi Nhân** của nó!

Phùng Cung vốn là một tín đồ Mác Lê, nhưng anh lại gọi chủ nghĩa Mác Lê là "học thuyết King Cobra", lại nhận xét về Đảng tính như thế này:

*Tổ chức rèn bằng đũa cho tôi thứ tính,*

*Bước quá độ vũng vàng để tiến lên Đảng tính!*

Để tẩy hết được chất độc, cho tâm hồn trong sáng, anh đã phải treo xác mình lên của quan biến hóa, như mấy câu thơ rất triết lý trong bài **Dòng Sông** của anh đã nêu rõ:

*Trong sông, những giọt nước nhỏ nhoi, tôi con của vô tận*

*Buổi du hành, lòng vũng sâu xử  
Nguyện treo xác mình lên cửa  
quan biến hóa*

*Hẹn bước trở về trong sáng ngàn thu...*

Giống như Khuất Nguyên, Phùng Cung vẫn thiên:

*Nhà thơ hỏi Không Trung*

*Hỏi đủ ba lần*

*Cả ba lần đều được trả lời bằng  
một màu xanh bất tận!*

Để đi tới một kết luận, Phùng Cung thường phải suy nghĩ gian nan lắm. Anh nói bằng một hình tượng dân gian rất quen thuộc, nhưng dưới ngòi bút anh trở thành mới lạ:

*Mỗi ý nghĩ trong ta đều trải qua lặn lội*

*Như phận chiếc cò lặn lội trong  
phong dao...*

Nằm trong tù, anh thấm hiểu rằng nuôi nấng anh, dạy anh làm người là người mẹ đầy yêu thương, đầy nghị lực, chủ không hề phải là Đảng, Bác:

*Mồ hôi mẹ tháng ngày đầm đẫm  
nhỏ giọt*

*Con níu giọt mồ hôi, đứng dậy làm  
Người.*

Hai câu thơ này, cũng như nhiều câu thơ khác của Phùng Cung, bộc lộ rõ tài sáng tạo chữ, sáng tạo hình tượng nghệ thuật của anh. Những chữ *đầm đẫm*, *níu*, toàn là những chữ bình thường hàng ngày, nhưng dùng đúng chỗ, đắc địa, chúng trở thành độc đáo, gợi cảm vô cùng: Hình ảnh người Mẹ lao động cực nhọc, làm lụi, bền bỉ, năm này qua năm khác. Người con bé bỏng níu vào giọt mồ hôi đầm đẫm chảy xuống của Mẹ, mà đứng dần lên

khôn lớn làm người, diễn tả một cách xúc động công lao dưỡng dục trời biển của Mẹ. Một hôm, tôi hỏi anh Cung:

- Anh có hối hận vì đã theo Đảng kháng chiến chống Pháp không?

Anh trả lời ngay lập tức. Chắc anh đã suy ngẫm nhiều về điều này:

- Theo Đảng thì hối hận. Kháng chiến chống Pháp thì không.

Tôi cười:

- Chống sự đô hộ của ngoại quốc là đúng. Nhưng nó chỉ được gọi là đúng khi thắng Pháp rồi, cuộc sống phải tốt đẹp hơn. Nếu anh biết trước cuộc sống người dân lại khổ nạn hơn nhiều lần thời Pháp thuộc, về cả vật chất lẫn tinh thần, thì anh có tham gia kháng chiến không? Thoát khỏi chiếc chảo bỏng để rơi thẳng vào than lửa, anh không hối hận sao? Tôi kính phục tinh thần yêu nước của dân mình khi dám hy sinh tất cả để giành độc lập. Nhưng dân mình đã bị lửa gạt, phản bội. Bị lửa phản ê chề như thế mà anh không hối hận? Nhìn cuộc sống trần trụi đều cáng, khủng khiếp bây giờ, tôi đã tự hỏi:

*Phải chăng đó giá công lao huyết hãn*

*Mấy ngàn ngày đánh Pháp những năm xưa?*

Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi kéo dài 10 năm cũng hy sinh, gian truân lắm! Nhưng nếu Lê Lợi bằng xương máu của dân, thắng quân Minh, lại thiết lập một triều đại tàn bạo hơn cả quân Minh thì lịch sử đánh giá Lê Lợi là có công hay có tội? Lê Lợi được coi là anh hùng dân tộc hay bạo chúa vô song? Giả sử những Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi sống lại, tôi sẽ hỏi các vị đó là nếu biết trước bị chặt đầu, bị tru di tam tộc bởi chính cái triều đình mà các vị là khai quốc công thần, các vị có vào Lam Sơn tìm Lê Lợi không? Hay các vị đã tìm nơi ẩn cư? Dù cuộc nổi dậy chống Minh là chói lòa chính nghĩa, người dân có cuộc sống tốt đẹp hơn nhiều dưới thời Minh Triều cai trị...

- Nhưng...


Anh Cung định nói. Tôi giơ tay ngăn lại:

- Anh đừng trả lời ngay. Đây chỉ là một ý kiến. Anh hãy suy ngẫm cái đã.

Trong cuộc đời 27 năm tù của tôi, tôi chơi với nhiều phạm binh, phạm cán. Nhiều bạn tù không bằng lòng về sự giao thiệp này. Tôi nghĩ họ chỉ là những công cụ mù quáng của Đảng, cần phải soi sáng cho họ bằng những

lý lẽ xác đáng, vô tư. Hơn nữa, có thực quyền quyết định tới vận mạng dân tộc chỉ có mấy chục tên trong Bộ Chính Trị, trong Ban Bí Thư. Tội lỗi với Tổ Quốc cũng chỉ những tên đó là **Chính Phạm**. Và lại, đã vào tù, thời những công cụ mù quáng kia đã trở thành nạn nhân, một điều kiện rất thuận lợi để giúp họ nhìn rõ sự thực mà họ đã thấp thoáng nhận thấy. Tại sao lại phải xa lánh họ? Nhất là khi lẽ phải ở về phía ta? Các cụ ngày xưa đã chẳng bảo là "*Nói phải củ cải cũng phải nghe*". Huống chi họ cũng là người, dù ngộ độc nặng! Trừ những tên tay sai đắc lực có nợ máu để trở thành đao phủ của dân lành. Trừ những kẻ quyền uy nghiêng ngả hưởng thụ thừa mứa đã biến thành Yêu, thành Quý! Chỉ những kẻ không thể gọi là người được nữa, mới có thể ra những nghị quyết bắn bỏ hàng vạn dân vô tội, tù đầy không xét xử hàng bao nhiêu vạn người lương thiện, phá tan nát bao gia đình, đẩy hàng triệu thanh niên nam nữ đi chết vì chết giập trong giải Trường Sơn, nhằm mục đích xây dựng một nước Việt Nam thống nhất trong lao ngục, xiềng xích, cớ hàn, tối tăm. Tôi thường trao đổi những suy nghĩ như vậy với Phùng Cung, với các bạn khác. Chẳng ai đánh giá tôi là cực đoan. Một số người còn coi tôi là quá dung thứ!

... (còn tiếp)



## Lời hay ý đẹp

Như mùa Đông u buồn lạnh giá mang lại sức sống tồn vinh. tô màu vẻ đẹp cho mùa Xuân. mùa Thu hay mùa Hạ: sự trầm lặng yên tĩnh nội tâm càng làm nảy nở tăng cường bao nghị lực. trau dồi ý thức con người. Ai không hay biết hoặc coi thường giá trị sự trầm lặng ấy. chỉ ưa thích những xô xao ồn ào náo nhiệt bên ngoài. thì chẳng bao giờ nghe rõ tiếng động từ cõi lòng mình.

\* **Sư Huynh Hà Đạm Đồng**



# Còn nhớ không Anh ?

■ VŨ THỊ DẠ THẢO

(Viết cho tất cả những chiến sĩ can trường trong QLVNCH, những người đã và đang tiếp tục hy sinh cho tự do của dân tộc)

**G**ọng nói trầm buồn của vị nguyên thủ quốc gia tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh khiến toàn dân sùng sốt. Mấy lời ngắn ngủi ấy đã kết thúc cuộc chiến kéo dài suốt hai mươi năm giữa hai miền Nam-Bắc. Một đoạn kết bất ngờ của câu chuyện dài mà chẳng có ai đoán được. Một ván cờ đã tàn cuộc mà kẻ thắng còn đang dụi mắt ngơ ngàng, không tin được những gì đã xảy ra.

Bà Trung Tá Cang nghẹn ngào đẩy nắp chiếc va-li đã gói ghém mớ quần áo và vật dụng cần thiết cho gia đình bà. Hành trang di tản chỉ có vậy. Bà cúi nhìn căn nhà còn nguyên vẹn đồ đạc. Thế là hết! Những ngày hạnh phúc trong mái gia đình ấm cúng này của vợ chồng bà và bốn đứa con trong suốt mười mấy năm qua sẽ không còn nữa. Có bao giờ bà thấm thía ý nghĩa của câu nói "Nước mất, nhà tan" cho bằng giờ phút này.

Nước mất bà nhỏ xuống. Không biết chồng bà, Trung Tá Cang, và những người lính Dù trong tiểu đoàn của ông bây giờ ra sao. Mỗi chiều hôm qua, bà còn hay tin Trung Tá Cang đang điều động tiểu đoàn của mình, lập một phòng tuyến chống quân Bắc Việt trên một ngọn đồi ở Long Khánh.

Đã hơn nửa năm nay, Trung Tá Cang đi biệt trong lửa khói mịt mù. Mỗi đầu tuần rồi ông còn ghé về thăm vợ và các con trong bộ đồ trận còn sắc mùi thuốc súng, với giày đinh, mũ sắt. Mặt ông hốc hác, mắt lờm sâu vì những ngày gian lao và thiếu ngủ. Mái tóc hoa râm của ông đã bạc thêm nhiều sợi. Bà nhìn thấy ánh mắt ưu tư trên gương mặt sạm nắng của chồng.

Trung Tá Cang giơ cái nón sắt đang đội trên đầu xuống, nói thật mau:

- Anh về thăm em và các con một chút rồi phải đi ngay!

Bà Cang ngạc nhiên nhìn chồng:

- Sao gấp vậy anh? Em tưởng anh được nghỉ phép chứ?

Trung Tá Cang lắc đầu:

- Tình hình nguy ngập lắm! Việt Cộng đang tập trung toàn bộ lực lượng, chuẩn bị đánh một trận sống chết.

Một thoáng lo âu trên mặt người vợ hiền:

- Liệu có sao không?

Trung Tá Cang lấy khăn lau những giọt mồ hôi đang lấm tẩm trên trán. Mắt ông thật buồn:

- Thắng bại chưa rõ ra sao. Không biết anh có còn trở về thăm em và các con nữa không. Nếu anh có mệnh hệ nào, em hãy thay anh mà chăm sóc chúng nó!

Câu nói như một lời trần trối khiến bà Cang rơi nước mắt. Giọng bà run run:

- Trầm trọng đến thế hả anh?

Trung Tá Cang khẽ thở dài:

- Hai Sư đoàn chính quy Bắc Việt đang dàn sẵn, chờ lệnh tấn công tiểu đoàn của anh.

Người đàn bà bỗng ôm mặt khóc. Trung Tá Cang vỗ nhẹ vai vợ, rồi lau nước mắt cho bà:

- Đáng lẽ anh không nên nói điều này, nhưng trước sau gì nó cũng xảy ra. Anh muốn cho em biết trước để liệu chừng cho các con.

Những lời trao đổi của hai vợ chồng chỉ ngắn ngủi có bấy nhiêu. Bà Cang gọi bốn đứa con lại cho chồng gập mặt. Trung Tá Cang dang rộng vòng tay ôm chúng vào lòng. Xúc động trào dâng, nơi khóe mắt ông long lanh giọt lệ. Ông nhìn các con, cố gắng cho mình đừng bật lên tiếng khóc:

- Mai một vắng mặt ba, các con phải ngoan ngoãn và nghe lời mà nghe không!

Thế rồi Trung Tá Cang cùng với người lính cận vệ vội vã leo lên chiếc xe Jeep ra đi. Bà Cang rưng rưng nước mắt nhìn theo chồng cho đến khi chiếc xe khuất bóng trong làn bụi mờ xa tít...

Có tiếng mở cửa khiến bà Cang giật mình trở về thực tại. Kỳ, người em ruột của bà, một nhân viên của cơ quan Hồng Thập Tự bước vào nhà:

- Em đã gọi tụi nhỏ cho ông Tom ở phi trường rồi. Chị đã thu vén xong đồ đạc chưa?

Bà Cang chỉ chiếc va-li gói ghém đồ đạc:

- Chị đem đi chỉ có cái này thôi.

Kỳ xách va-li cho chị, rồi vén tay áo xem đồng hồ:

- Mình còn khoảng năm tiếng đồng hồ nữa. Bây giờ em chở chị lên Long Khánh rước anh Cang về ngay kẻo không kịp nữa.

Bà Cang bồn chồn:

- Anh ấy đang lo phòng thủ, làm sao đón về được?

Kỳ khoát tay:

- Đầu hàng rồi, còn lo đánh đấm gì nữa. Bộ chị không nghe đài phát thanh sao?

Bà Cang vuốt ngực mình để trấn an những lo lắng trong lòng:

- Mấy bữa nay chị cảm thấy sốt ruột quá. Không biết có chuyện gì xảy ra cho anh ấy không?

- Thì mình cứ lên trên ấy xem sao. Hy vọng tiểu đoàn của anh ấy chưa chuyển đi nơi khác thì em còn nhỏ đường.

Bà Cang nhìn Kỳ cảm động. Người em trai tốt bụng đã lo lắng cho bà từng li từng tí lúc bình yên cũng như khi hoạn nạn.

Chiếc xe nhà phóng nhanh như bay trên xa lộ rồi quẹo ra quốc lộ 1. Dọc đường, từng đoàn xe vận tải chạy loạn, chở đầy nhóc người và đồ đạc, nối đuôi nhau đổ về hướng Sài Gòn. Có những gia đình, vợ chồng, con cái chờ nhau trên những chiếc Honda, với nét mặt kinh hoàng, sợ hãi.

Xe tới Long Khánh. Kỳ rẽ vào con đường mòn, xuyên qua khu rừng cây rậm rạp. Một cánh đồng bao la, cháy trở trụi, lộ ra những gốc rạ đen thui. Đây đó, những mảnh đất bị đạn bom cây nát, ngổn ngang những thân cây gãy đổ còn ngùn tàn than khét lẹt, dấu vết của những trận đánh hôm nào. Cảnh điêu tàn đó khiến lòng người đàn bà tê tái. Bà lo sợ không hiểu mấy ngày qua, chồng bà còn sống hay đã nằm xuống trong trận chiến nào đó với kẻ thù.

Một vòng kềm gai chặn ngang đường. Kỳ dừng xe lại. Vài bóng người lính Dù cầm M16 xuất hiện, chúng tỏ phòng tuyến của chồng bà hãy còn đây. Bà Cang lộ đầu ra khỏi xe, nói với một người lính gác:

- Tôi là vợ của Trung Tá Cang. Mấy chú làm ơn cho tôi gặp ông ấy.

Người lính Dù đưa mắt nhìn chiếc xe bóng láng, rồi nhìn hai người như dò xét. Đoạn anh ta ra hiệu cho bạn gọi máy liên lạc. Tất cả đều ổn thỏa. Bà Cang thở phào nhẹ nhõm, chông bà vẫn còn sống. Sau khi khám xét kỹ lưỡng, những người lính gác mở vòng kềm gai cho xe đi vào.

Chiếc xe nhà lại ịch bò lên ngọn đồi cao. Rải rác hai bên đường, bên những ụ cát, trong hầm hố cá nhân, những người lính đang hờm súng trong tư thế chuẩn bị chiến đấu. Cảnh tượng này đã làm Kỳ không khỏi ngạc nhiên. Khi lên đây, anh cứ đinh ninh là sẽ được chứng kiến cảnh dọn dẹp lều trại. Những người lính mũ đỏ đang khăn gói ra đi, già tử đời chiến binh để trở về kiếp sống dân sự. Nhưng sự thật trước mắt đã khác hẳn. Đoàn quân thiện chiến vẫn còn đây với khí thế oai hùng.

Xe được đưa tới trước hầm chỉ huy của tiểu đoàn. Trung Tá Cang đang đứng chờ nơi miếng đất trống, dưới chân cột cờ. Lá cờ vàng ba sọc đỏ vẫn ngạo nghễ, phần phật tung bay trong gió. Bà Cang bước xuống xe, tiến lại bên chông, mừng rỡ nói:

- Cảm ơn Trời Phật, anh vẫn bình yên!

Trung Tá Cang ngạc nhiên nhìn vợ:

- Có chuyện gì thế? Sao em lại lên chỗ nguy hiểm này làm gì?

Bà Cang ngó dáo dác chung quanh, khi yên trí rằng chẳng có người nào lảng vảng nơi đây để có thể nghe được những gì bà sắp nói với chông, bà khẽ lên tiếng:

- Em có chuyện quan trọng muốn nói riêng với anh.

Thấy điệu bộ khác thường của vợ, Trung Tá Cang lo lắng hỏi dồn:

- Ở nhà đã có chuyện gì xảy ra cho các con rồi hả em?

Bà Cang lắc đầu:

- Chú Kỳ đưa em lên đây để đón anh đi ngoại quốc! Bây giờ anh lên xe ngay đi!

Trung Tá Cang tròn xoe mắt:

- Em bảo anh bỏ cả đơn vị để mà đi sao? Không, không thể được!

Bà Cang cố thuyết phục:

- Chú Kỳ đã đưa hết xấp nhỏ vào phi trường rồi, chỉ còn chờ anh về là lên máy bay đi luôn thể. Bộ anh không nghe lệnh đầu hàng hả?

Trung Tá Cang ngửa mặt lên trời nhìn lá cờ thân yêu, nụ cười chua chát nở trên môi người tiểu đoàn trưởng Dù:

- Đầu hàng ư? Ông Minh có quyền ra lệnh đầu hàng, nhưng buông súng hay không là quyền của anh, và quyền của những chiến hữu đang cầm súng nằm chờ địch ở những hầm hố đằng kia. Ông Minh có quyền sợ chết, nhưng đừng bắt những người lính cả một đời hy sinh cho đất nước phải cúi gằm mặt xuống để sống trong tù nhục, căm hờn...

Ông chỉ tay về những công sự phòng thủ, nói tiếp:

- Em xem kia, những người lính của anh, họ cũng có cha mẹ, vợ con. Có thể gia đình họ hiện giờ đã ly tán, hay đang chịu khổ nỗi nơi vùng địch chiếm, nhưng họ vẫn cần rằng ở lại đây cùng chiến đấu với anh. Họ là những người đã cùng chia sẻ gian khổ với anh trong những trận khốc liệt nhất. Bây giờ đất nước sắp mất, họ vẫn còn can đảm ôm súng ở lại đây thì làm sao anh còn mặt mũi nào bỏ họ để ra đi.

Bà Cang bật khóc:

- Nhưng dù có chiến đấu, tiểu đoàn của anh làm sao có thể chống đỡ được trước số lượng đông đảo của quân thù?

Mặt Trung Tá Cang bỗng danh lại:

- Phải, ngọn đồi này tối nay, hoặc cùng lắm là sáng mai có thể bị nổ tung bởi đạn pháo của địch... Nhưng một điều chắc chắn, tiểu đoàn này sẽ không có một người lính Dù nào đầu hàng!

Bà Cang nức lên:

- Như thế là anh đã quyết định bỏ em và các con?

Vị Trung Tá Dù buồn bã nắm lấy tay vợ, mắt ông ươn ướt:

- Điều đó anh chẳng bao giờ muốn. Nhưng đã trót làm đời lính, em hãy vui lòng cho anh được chết giữa chiến trường; một cái chết hào hùng như những chiến sĩ đã nằm xuống trước anh. Họ đã hãnh diện được hy sinh vì tự do của dân tộc.

Người đàn bà ngược đôi mắt đăm lệ nhìn chông. Trung Tá Cang cố nén tiếng thở dài. Ông lau nước mắt cho vợ:

- Đừng khóc nữa! Hãy can đảm lên đi em. Thời gian mình nói chuyện với nhau chẳng còn được bao lâu nữa. Em hãy nói với anh những chuyện khác tho thõng hơn đi.

Giọng ông trở nên dịu dàng, mái tóc phất phơ trong gió, ánh mắt nhìn xa xăm như đang hồi tưởng lại thuở xa xưa:

- Chẳng hạn như chuyện ngày đó, lúc mình mới quen nhau. Anh gặp em ở đâu nhỉ?

Bà Cang cố gượng vui trả lời chông:

- Ở cổng trường Trưng Vương. Còn nhỏ không anh, lúc ấy anh mới đeo lon Chuẩn Úy?

- Anh leo đèo theo em từ trường đến nhà, rồi về tưởng tú, có đúng không?

- Còn nhỏ không anh? Con nhỏ Sướng cùng lớp, em gái anh, đã chuyển thư anh viết cho em.

- Và em đã vót nó vào sọt rác?

- Bậy nào. Em cất đấy chứ! Còn nhỏ không anh, đến cái thư thủ mười thì em tội nghiệp anh quá, đành viết thư trả lời!

- Lá thư đầu ngắn quá, nhưng dù sao nó cũng làm anh vui suốt cả tháng trời.

- Sau đó em đã chẳng viết nhiều thư cho anh là gì?

- Rồi sao nữa nhỉ?

- Chúng mình đã nhiều lần hẹn hò đi dạo phố, ăn kem, nghe nhạc, rồi đi xem phim với nhau. Còn nhỏ không anh? Cái đêm nào đó, em đến thăm anh thì trời đổ mưa thật to...

- Và em đã ở lại.

- Còn nhỏ không anh? Trong một trận đánh nào đó anh bị thương rất nặng. Em đã khóc sưng cả mắt để cầu nguyện cho anh mau bình phục.

- Rồi sau đó chúng mình làm đám cưới có phải không? Anh đã ước gì chúng mình sẽ sống bên nhau cho đến lúc bạc đầu.

- Nhưng trời đã không thương chúng mình.

- Hãy tha thứ cho anh! Nước nhà sắp mất, anh đã không làm tròn những gì đã hứa với em!

- Em hiểu chứ!

- Hãy cầu nguyện cho anh và những người lính Dù còn ở lại...

- Em sẽ làm.

- Nếu một mai con mình có hỏi, em hãy kể rằng cha nó, một người lính Dù đã ngã gục nơi chiến trường vì không quen đầu hàng trước mũi súng của kẻ thù.

Một phút im lặng trôi qua. Người đàn bà chợt ôm chặt lấy chông òa lên khóc nức nở:

- Em muốn ở lại để cùng chết với anh!

Trung Tá Cang nhìn thẳng vào đôi mắt đăm lệ của vợ:

- Đừng nói nhảm. Em phải sống để nuôi nấng và dạy dỗ các con. Mai đây,

tha phương nói xử lạ quê người, em hãy nhắc nhở con là đừng bao giờ quên quê hương của chúng nó.

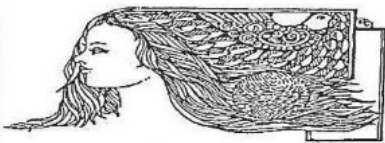
Hai người nghẹn ngào nhìn nhau một lần cuối. Trung Tá Cang giục vợ:

- Thôi em đi đi, kéo không kịp nữa. Chúc em lên đường bình yên!

Chiếc xe hơi lại từ từ chuyển bánh. Trung Tá Cang giơ tay chào vĩnh biệt. Người vợ đau khổ ngồi trong xe cố ngoái cổ lại nhìn cho đến khi hình dáng chồng xa dần, rồi mờ nhòe trong màn nước mắt.

Xe lại lần ra con đường cũ. Nơi giao thông hào, những người lính Dù vẫn lăm lăm tay súng. Có người đang thong thả nhai miếng cơm sấy nguội ngắt đựng trong bịch ny-lon. Có người đang nhìn lại tấm ảnh của vợ con mình trong chiếc ví cầm trên tay. Có người vẫn trầm ngâm hút thuốc lá. Những khuôn mặt phong sương, bình tĩnh lạ thường. Tất cả đã sẵn sàng chờ đón giờ phút định mệnh; giờ của Nguyễn Văn Đường trên ngọn đồi máu, hay giây phút cuối cùng của Nguyễn Đình Bảo trên đỉnh Charlie...●

THƠ Hà Huyền Chi



## tâm hư

Chút tâm cảm gửi em đường quá cũ

Gợn lọc tử lượng máu tái sinh  
Mạch lữ đừ, thời cuồng lưu thác lũ  
Tìm hiền khô như chẳng phải tìm mình

Mồ ký vãng cũng vàng phai, thép rỉ  
Tướng lai nào ở mờ mặt sương mưa?

Mực hiện hữu chày từng dòng lãng phí  
Gợn lòng chi khi người mãi thờ ở?

Em vội vã lúc cho, như khi nhận  
Nhớ ồn ào sao quên lãng mù khơi  
Vui rã ngu, khi buồn hoài lâm trợn  
Tuồng đôi khi em đòi lại tiếng cười

Vấn đêm thức tàn canh đùa với mộng  
Nhói từng cơn thầy kệ cái tâm hư  
Viết vô ích mà sao ta còn ráng  
Đập mà chi trăm triệu nhịp tim thừa?



# Con Mắt của sổ tâm hồn

■ Thiện Nghĩa

**C**húng ta thường nghe câu này khi bàn bạc hoặc viết lách về con mắt, người viết xin cùng quý vị đọc giả xét lại xem có đúng với sự thật không?

Câu gồm ba phần: Con Mắt, Cửa Sổ và Tâm Hồn.

Con mắt ai cũng biết là bộ phận của nhân quan, nhờ đó chúng ta thấy mọi sự việc. Cửa sổ ở đây là nghĩa bóng. Còn tâm hồn, chúng ta đã nghe nhiều, và tự cho là hiểu, tuy không ai biết rõ là gì, vì tâm hồn không có hình thức, không có một chất liệu. Xin lần lượt bàn về mấy phần kể trên.

Chúng ta đều biết hình thức của mắt phía ngoài và cả phần ở trong, như được trình bày trên các bảng lớn, treo trong lớp học, rất tinh vi như một máy chụp hình. Hình ảnh một vật để trước mắt phát ra tia sáng, tia sáng này chuyển đến mắt, xuyên qua mấy lớp kể như ống kính của máy chụp hình, rồi tụ lại một điểm duy nhất, tại đây dây thần kinh chuyển đến bộ óc, lúc đó chúng ta nhận thức thấy ngoại vật. Những mắt chúng ta hơn máy chụp hình nhiều, vì máy hình cần có phim, chụp rồi phải đem rửa, cho hình xuất hiện, sau đó mới in ra tấm ảnh. Còn con mắt, chúng ta chỉ cần mở, tức khắc thấy mọi sự việc, dù màu sắc. Chúng ta nói là cửa sổ tâm hồn, liệu có đúng không? Vì nếu mắt là cửa sổ, mở ra cho tâm hồn nhìn qua, thấy thế giới bên ngoài, thành ra mắt là một vật vô tri vô giác, không có một sự sống riêng biệt. Do đó chúng ta không được coi mắt là cửa sổ mà chính là một phần tâm hồn chúng ta xuất hiện: cao cả hay thấp hèn, hiền hòa hay hung dữ, yêu đương hay lãnh đạm v.v... bao nhiêu trạng thái khác biệt đều chuyển được ra ngoài cho mọi người chấp nhận. Và người ngoài, nếu tinh ý, nhìn vào mắt chúng ta, đoán được tư tưởng, tâm trạng chúng ta. Vì thế, có một vài người mang kính đen, không cho người đối diện thấy mắt!

Có lẽ chúng ta nên nói "con mắt phản chiếu tâm hồn", tâm hồn chúng

ta sao, mắt phản chiếu như vậy: tâm hồn mạnh mẽ, mắt mạnh mẽ, - tâm hồn nhu nhược, mắt sợ hãi...

Nhìn các sinh vật sống gần gũi chúng ta (hoặc chúng ta có dịp biết) chúng ta thấy mỗi loài có một cặp mắt riêng, xin nói qua:

- Mắt con chó quẩn quýt khi nó vẫy đuôi, mắt chú mèo lãnh đạm, mắt con ngựa chân thật, mắt thoi miên của rắn nhìn con cóc làm con này tự nhảy vào miệng rắn. Trong xã hội loài người, ông vua, ông tướng cầm quân đều có "con mắt của ông chủ sai khiến" thí dụ, xin nhắc lại mắt vua Quang Trung, mắt của Nã Phá Luân. Đời sống hàng ngày, chúng ta cũng được biết cái nhìn của nhà thoi miên, cũng như biết cách "nói chuyện bằng mắt" giữa hai nhân vật, trong một đám đông.

Biết sự thể như trên, chúng ta phải làm gì trong đời sống xã hội hàng ngày? Thông thường chúng ta đều mong muốn sống yên vui với mọi người, hoặc được người khác kính nể, phục tùng. Muốn được vậy, ai ai cũng công nhận cần có đức tính đáng yêu, đáng được kính trọng. Và phần này của tâm hồn chúng ta hiện ra mắt, chúng ta chỉ còn cách duy nhất: học tập và tu luyện, thực hành các điều căn bản của một nếp sống đạo đức, hòng tự đào tạo cho chúng ta được "một phần nào" một tâm hồn xứng đáng với danh từ này.

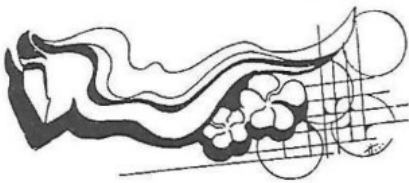
Đến đây, người viết xin bàn thêm về đề tài trên, đã không đả động tí gì về mắt đẹp hay không, một sự thể rất quan trọng trong đời sống hàng ngày. Vì vẻ đẹp của đôi mắt là một nét mà ai cũng để ý trước tiên, khi nói chuyện, mắt nhìn mắt. Nghĩ lại, nói về vẻ đẹp của mắt không phải dễ. Vì thế nào gọi là mắt đẹp? Lấy gì làm tiêu chuẩn, và đẹp đối với một người chưa chắc đã đẹp đối với người khác! Có một điều chắc chắn, đó là *số giờ giấc* mà quý bà, quý cô đã dành cho đôi mắt khi trang điểm.

Thêm nữa, muốn nhận xét về đẹp của một đôi mắt, chúng ta phải có thể

ngắm nghĩa đôi mắt này trong một thời gian, cũng như khi chúng ta đi xem trình bày tranh của một họa sĩ. Thực tế, chúng ta không thể ngắm nghĩa mắt của ai cả, dầu là người thân, vì lẽ, khi tiếp xúc nói chuyện, còn ai nghĩ đến ngắm, và lại muốn nhìn chăm chú cũng không được, vì đôi mắt rất linh động thay đổi hướng nhìn, trừ khi đứng trước ống kính của nhà nhiếp ảnh. Họa hoàn, lúc thân mật, chàng trai nhìn cô bạn thẳng vào mắt, cô này phải nói: "Ngó chi kỳ cục, làm người ta mắc cỡ!".

Tuy vậy chúng ta đều công nhận vẻ đẹp con mắt các em bé, thật dễ thương, ngây thơ, trong trắng. Vì chính tâm hồn các em ngây thơ và trong trắng! Các em nhìn mọi sự việc không so sánh, không bình phẩm trách móc, do các em yên vui, hồn nhiên. Chúng ta đã trưởng thành, không còn giữ được loại mắt này... họa chăng các nghệ sĩ, các nhà bác học... mãi miết theo đuổi lý tưởng hoặc vấn đề nghiên cứu, không hề bận tâm về đời sống vật chất, nên cũng được con mắt tươi sáng như các em.

Để kết luận, xin quý bạn, nhất là nữ độc giả, thử áp dụng phương pháp trên, xem có được đôi mắt đẹp chẳng?



Vài Vần Thơ Mới

## Tu thân

*Đêm tĩnh tịch tâm hồn ai nhay  
cảm,*

*Lấy vần thơ tự khám xét thâm tâm,  
Buổi bình minh rạng sáng chỗ sai  
lầm,*

*Vấn gọt giữa thành tâm ly chải  
chuốt.*

*Nhìn thế sự đang thì đua móng  
vuốt,*

*Đem gương xưa trong suốt để ai  
soi?*

*Kể anh tài thủ ngắm nghĩ mà coi,  
Khi thất thế đua đòi đầu được mãi!*

●Thiện Nghĩa

# Đức Tin và Khoa Học

■ Giáo sư LÊ VĂN MÃO

Lúc tôi còn trẻ, mỗi khi tôi đọc những chuyện nói về các vị Sư, vị Linh mục hoặc Di phước, suốt đời đem tất cả nghị lực cùng sức khỏe của mình để giúp nhân loại, tôi liên tưởng đến những người rất khác biệt đối với người thường, chẳng những về tinh thần mà cả về thể xác nữa. Đến khi tôi có dịp gặp một vài vị tu hành đó, tôi mới nhận thấy họ hoàn toàn không khác gì chúng ta, họ cũng có những lúc chán nản trước những khó khăn trong các sinh hoạt cứu rỗi của họ, họ cũng có lúc sợ hãi trước những kinh hoàng của thời cuộc chiến tranh. Họ chỉ khác với chúng ta về đức tin nơi Phật hoặc Chúa, nhờ đó họ không khi nào ngã lòng trước những biến chuyển bất lợi và không khi nào đặt lại vấn đề đối với đời sống trọn vẹn dành cho việc giúp người khác của họ.

Lớn lên, cũng như bao người Việt ở hải ngoại, tôi đã gặp phải những cảnh ngộ vui thì ít mà buồn thì nhiều, bắt buộc con người phải tự hỏi tại sao Thượng Đế dành cho mình quá nhiều khó khăn như thế.

Tôi đã chọn nghề làm khảo cứu khoa học. Do đó, hằng ngày tôi phải chạm trán với các quan niệm nào là khoa học là những môn chính xác, dựa trên sự quan sát và đo lường (thực nghiệm), nào là khoa học không thể dành một tấc đất nào cho những sự kiện trừu tượng không có chứng cứ rành mạch. Người thường cho rằng khoa học gia là những người chỉ biết suy nghĩ dựa trên những điều họ có thể giải thích bằng những đạo luật hoặc những phương trình toán học đã được chứng minh qua rất nhiều dữ kiện chính xác. Người ta đâu có ngờ rằng, đối với những khảo cứu gia gạo cội, càng làm nhiều khảo cứu bao nhiêu, họ cảm thấy sự hiểu biết của họ chỉ là hạt cát trong sa mạc. Họ trở thành hết sức khiêm nhường trước Tạo Hóa vì cái gì họ đã phát minh được phần lớn chỉ là những sự bất chuốt thô sơ đối với những gì đã có trong thiên nhiên. Họ đã hiểu rằng những sự phát minh khoa học có ảnh hưởng rộng lớn, đều do những nhà bác học dám phá bỏ những sự gò bó của chính môn khoa học của mình tạo ra, để cho trí của mình vượt qua tầm mắt thấy hiện

hữu. Vâng, họ đã thấy là những hiểu biết khoa học chỉ có tác dụng đẩy bức màn hiểu biết của họ rộng lớn hơn; tuy nhiên, vùng hiểu biết của họ rất giới hạn trước những sự tinh vi của vũ trụ, mặc dù nhân loại có những mãnh lực nguyên tử khinh khí và điện toán (nuclear and computer powers). Nhờ những bài học đó mà rất nhiều khoa học gia rất bức mình khi người đời thường nêu ra sự tương phản giữa Đức Tin và Khoa Học. Tuy nhiên, vì lẽ đã bị xã hội "chụp mũ" là những người khó bị "mê tín dị đoan" lung lạc, cho nên phần lớn những nhà khoa học nổi tiếng không dám lớn tiếng cho rằng mình có đức tin nơi Thượng Đế. Sau đây tôi chỉ nêu ra một vài suy nghĩ chứng minh tại sao phần lớn các khoa học gia tự đặt những câu hỏi siêu việt (transcendental) như thế, có thể mở đường cho những câu hỏi thần bí (mystic) hơn.

Trong quyển sách của Henri Laborit ("Dieu ne joue pas aux dés", Ed. Grasset et Fasquelle, 1987), nhà sinh vật học nổi tiếng này đã tả sự ưu tú của con người khi ta đi tìm nguồn gốc của vũ trụ và nhân loại. Con người đã từng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi đứng trước sự cấu tạo tinh vi của sự sống. Tuy không phải là một người sùng đạo, ông Laborit đã cho ta thấy sự cấu tạo của vũ trụ theo một chiều hướng mà người ta có thể định nghĩa như là trị vì bởi rất nhiều cách thức tổ chức và lựa chọn mà thuyết cái nhiên (probabilism) không thể giải quyết được. Thật vậy, chiếu theo giả thuyết "Big Bang" về sự cấu tạo vũ trụ, sự thống nhất các dạng lực lúc ban đầu (unification of force: gravitation, electromagnetism, strong and weak interactions), đã phải biến thể một cách quan trọng để cho vũ trụ có thể đi từ một điểm dày năng/chất lượng đến một vũ trụ bao la hiện trong tình trạng giãn dần, theo một chiều hướng thuận tiện cho sự xuất hiện của sự sống trên quả đất này (và có thể trên một vài hành tinh khác). Một chứng cứ khác cho ta thấy có sự lựa chọn trong sự phát triển của vũ trụ là, trong mấy năm gần đây, vì muốn cho thuyết "trọng lực" (gravity) ăn khớp với thuyết "cơ học lượng tử" (quantum mechanics), người ta đã đưa ra thuyết "siêu thừng" (superstrings hoặc supercords) cho rằng khái niệm vũ

trụ với bốn chiều (ba chiều không gian và một chiều thời gian) phải được nối rộng tới mười chiều (chín chiều không gian với sáu chiều vô hình, và đứng nhiên một chiều thời gian). Đối với những người phàm, nếu các giả thuyết trên được chứng minh hoàn toàn thì nó có nghĩa là vũ trụ (đúng hơn là một phần của vũ trụ mà ta có thể hình dung được) là một đại dương năng lượng và trái đất chỉ là một hòn đảo nhỏ tí hon. Vậy, sự sống không phải ngẫu nhiên mà có: nó là kết quả của sự sắp đặt từ lúc ban đầu và là một sự lựa chọn khôn khéo của Tạo Hóa.

Trên thế gian này, trong tất cả loài thú vật, Tạo Hóa đã gieo cho một bản năng hết sức quý giá là tình mẫu tử và phụ tử, để cho cha mẹ, vì thương con cái mà hết lòng chăm sóc và bảo vệ đàn con thơ. Riêng với con người, vì thời gian trưởng thành rất dài cho nên sự nuôi nấng con cái phải cực nhọc gấp bội. Theo thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin, loài thú vật cũng như các sinh vật khác, mạnh thì sống và yếu thì bị hủy diệt. Nhưng đối với con người, tất cả xã hội từ trước tới giờ luôn luôn bảo vệ những người già yếu, bệnh tật: đó là một bằng chứng hiển nhiên cho ta thấy là con người có tình người, có lòng tâm khác với các loài thú khác. Tất cả những người dù ác dù dữ như thế nào đi nữa cũng đều có những lúc thương người, thương cha mẹ anh em, hay những phút hối hận những việc quấy đã làm trong quá khứ. Ở đây, ta không bàn tới tầm quan trọng hoặc những giới hạn của việc phát biểu của lương tâm con người vì những sự việc đó có thể bị môi trường xã hội chi phối. Người khoa học chỉ muốn hiểu biết tại sao các loài thú và con người có thể có các bản năng và lương tâm để biểu lộ tình thương của kẻ làm cha mẹ hoặc việc nhận thức đâu là phải, đâu là trái, tại sao ta có thể biết cái gì là thiện, cái gì là ác... Có người cho rằng lương tâm là sự phát triển của bản năng bảo tồn nòi giống, và là khởi điểm cho những hành động và luật lệ đem lại trật tự xã hội cũng theo chiều hướng bảo tồn đó. Đối với những người khác, lương tâm là biểu thị của Tâm Phật hoặc ánh sáng Chúa. Chính các khoa học gia đến lúc này cũng không có sự trả lời dứt khoát. Điều mà họ phải chấp nhận là lương tâm con người phải được gieo bởi một quyền lực cao hơn con người. Lương tâm cho ta biết có một hướng đi được Tạo Hóa dành cho mọi ưu tiên: trí thông minh của ta là chất xúc tác và

cũng là phương tiện để cho ta có thể lựa chọn đường đi đó.

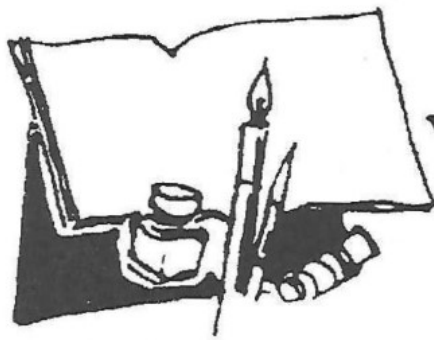
Những người theo chủ nghĩa duy vật (materialism) có khuynh hướng phủ nhận sự hiện hữu của linh hồn, một khái niệm (notion) được mọi tôn giáo đề cập tới. Họ cho rằng chết thì hết, còn gì phải thắc mắc nữa. Nhưng nhiều nhà vật lý học không đồng ý trên quan niệm đó. Thật vậy, nếu ta cho rằng sự sống xuất hiện không phải do một sự kết hợp năng lượng ngẫu nhiên, thì ta không thể nào cho rằng sự chết là sự phân tán năng lượng đơn giản (a simple energy dispersion): sự chết phải giống như là một biến thể năng lượng. Thật vậy, khoa học khó có thể chấp nhận sự kiện khi còn sống, con người trải qua nhiều biến thể đều đặn (monotonic transformation) như sự sinh ra, lớn lên, già và chết, mà phải chấp nhận sự chết như là một biến thể gián đoạn (discontinuous transformation). Tuy nhiên, khoa học phủ nhận một cách mạnh mẽ là khi con người còn sống (tôi xin nhấn mạnh trên hai chữ "còn sống" vì khi con người chết rồi thì khoa học bó tay không thể chứng minh gì cả), trong con người có hai thực thể (entity) riêng biệt là linh hồn và thể xác, theo sự giải đoán của một vài vị tu hành. Thậm chí có một phái thiên cho rằng có thể thiên đến độ xuất hồn ra khỏi thân xác! Theo tôi, trong Thánh kinh Ki-Tô hoặc lời truyền dạy của Đức Phật, không hề có việc phân chia rõ ràng như thế khi con người còn sống: Chúa và Phật, qua những điều giảng dạy cho chúng ta, chỉ lập một thang giá trị (scale of values) mà giá trị của các hành động cao thượng được định nghĩa có tương quan với linh hồn nhiều hơn. Theo tôi nghĩ, con người khi còn sống, có thể ví như một hệ thống mở (open system) trong đó năng lượng có thể sắp xếp theo nhiều cấp (levels) khác nhau. Vì con người phải sống trong thiên nhiên và trong xã hội, hệ thống đó bắt buộc phải trao đổi năng lượng với môi trường chung quanh. Năng lượng nhận từ bên ngoài phải qua một màn mỏng (membrane) do trí thông minh tạo ra: màn mỏng này có thể chứa một chất xúc tác (catalyst) là lương tâm, có tác dụng làm cho năng lượng thăng cấp, với kết quả là con người trở nên quân tử hơn. Đôi khi, vì trí thông minh bị ám ảnh bởi tư lợi chẳng hạn hoặc là, chính nguồn năng lượng từ bên ngoài ở thể rất xấu, chất xúc tác đó có thể bị ô nhiễm và tác động như là một chất phản xúc tác

(anticatalyst): do đó, một phần năng lượng bị xuống cấp và con người trở thành hèn hạ hơn trước. Nếu ta biết tu tâm dưỡng tánh thì ta có thể tự giải ô nhiễm cho chất xúc tác đó (self-regeneration) và tác động làm sao cho nhiều năng lượng nội bộ (internal energy) được thăng cấp.

Trí thông minh của con người đóng một vai trò quan trọng trong tất cả mọi việc lựa chọn hàng ngày hoặc lâu dài như là có hay không đức tin. Ở đây, ta không thảo luận việc trí thông minh, một bản năng cao cả mà Tạo Hóa đã cho loài người, có nhờ truyền nối hay được phát triển nhờ học hỏi. Gần đây, nhờ sự tiến bộ vượt bậc của ngành quan sát bộ não của người sống bằng phương pháp MRI (magnetic resonance imaging), Giáo sư Antonio Damasio thuộc Đại Học Iowa (Hoa Kỳ) cho biết là bộ óc của chúng ta hoạt động qua những cảm giác của ta. Có nghĩa là nhà bác học Einstein suy nghĩ không phải chỉ nhờ bộ óc của ông mà thôi, mà phải qua thể xác của ông. Có nghĩa là bộ óc con người không hoạt động giống như các máy điện toán (computer) hiện nay. Theo cơ chế của các máy này, các tin tức được dự trữ trong các khoản ký tính (memory) trong bộ máy và khi cần tính toán hay cho kết quả, thì bộ máy đối chiếu những tin tức nhận với những tin tức đã sẵn có. Theo GS Damasio, con người dự trữ trong tiềm thức (subconscious) những kinh nghiệm sống qua một cơ cấu mẫu (structural model) có thể thay đổi một cách tương đối quan trọng theo những cảm giác được nhận cùng một lúc với tin tức cần phải luận giải.

Để kết luận, phần lớn những người khoa học nếu có đức tin không phải vì có ý muốn dùng đức tin của mình để tự trấn an trước viễn ảnh phải chết một ngày nào đó. Người khoa học có đức tin cũng không phải vì không thể giải thích tất cả sự kiện xảy ra dưới vòm trời này. Người khoa học thấy phải có đức tin nơi Thượng Đế vì dù không thấy được Ngài, nhưng đã tiếp nhận những dấu hiệu chứng tỏ điều đó. Thật vậy, những dấu hiệu đó, đôi khi rất mờ mờ, nhưng nhập chung lại, trở thành một thông điệp (message) rất rõ ràng: "Ta hy vọng trí thông minh của Con giúp cho Con thấy con đường (Đạo) mà ta đã vạch sẵn cho loài người". Vậy Đức Tin không phải mù quáng; đó là sự sáng suốt chọn lựa một lối sống đáng để cho ta sống ●

(Montréal)



## Vài ý kiến của Vũ Hoàng Chương về thi-nghiệp NGUYỄN DU

■ Thiện Hỷ

**M**ùa hè năm 1964, sau khi đọc *Lửa Từ Bi* của Vũ Hoàng Chương (tập thơ này được ấn tống nên không được bày bán tại bất cứ tiệm sách nào tại Nam Việt Nam), tập thơ ca ngợi việc lấy thân làm đuốc hy sinh cho Phật Pháp, chống báng cường quyền bạo lực, của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, đồng thời ngợi ca trái tim Bồ-Tát bất diệt của Ngài, tôi tìm đến Vũ Hoàng Chương.

Tôi lắng nghe Thi sĩ nói về ý thơ trong *Lửa Từ Bi*. Thi sĩ ngâm cho tôi nghe đoạn kết của tập thơ ấy. Sau đó Vũ Hoàng Chương nói với tôi:

- Tập thơ *Cành Mai Trắng Mộng* của tôi cũng đang được in và cũng thuộc loại sách ấn tống. Để tôi tìm bản thảo *Cành Mai Trắng Mộng* ngâm cho anh nghe vài bài thơ đường luật.

Tôi lắng nghe Thi sĩ ngâm vài bài thơ trong *Cành Mai Trắng Mộng* nhuộm đầy đạo vị. Vũ Hoàng Chương nói:

- Anh nên nhớ kỹ rằng văn minh, văn hóa Việt Nam là văn minh, văn hóa Phật giáo. Văn hóa Phật giáo ấy đã thấm nhập vào tâm hồn dân tộc Việt từ cả ngàn năm về trước. Những tư tưởng của Khổng Tử, Lão Tử không in đậm nét trong văn hóa Việt Nam bằng triết lý Phật giáo.

Sau khi nhấp một tí trà, Thi sĩ hỏi tôi:

- Anh có giảng dạy triết lý Phật giáo ?

- Thưa bác có, đã từ hai niên khóa nay cháu giảng Phật Pháp cho học sinh Ban C (Ban Văn Chương, lớp 12) tại trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Trong chương trình ghi: Phật giáo: Tóm lược cuộc đời Đức Phật Thích Ca, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Cửu Cánh Niết Bàn.

Vũ Hoàng Chương lắc đầu:

- Chưa ăn thua, anh chỉ nghiên cứu vài tài liệu giáo khoa về Phật giáo rồi

đem giảng cho học sinh. Anh chưa thực sự sống và hít thở hương thơm của Thiên Tông, của Phật pháp. Tôi chỉ ngại anh củ loay hoay trong triết lý Tây phương rồi lạc đường lạc nẻo trong ấy.

Trầm ngâm giây lâu, Vũ Hoàng Chương nói:

- Tư tưởng và triết lý Phật giáo thấm nhuần trong tận tâm hồn của Nguyễn Du nên Nguyễn Du đã sáng tác, ngoài Truyện Kiều, hơn bốn trăm bài thơ phần nhiều là thơ đường luật trong *Thanh Hiên Thi Tập*, *Nam Trung Tạp Ngâm*, *Bắc Hành Tạp Lục*... Anh chỉ cần đọc kỹ *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*, *Truyện Kiều* cũng đủ thấy triết lý Phật giáo tràn ngập trong cõi thơ Nguyễn Du.

- Bác đã từng giảng về thơ Nguyễn Du trong lớp ?

- Vâng, từ hàng chục năm nay. Rất tiếc, trong lớp học vì còn phải giảng về vài thi sĩ Việt Nam khác nên tôi chỉ giảng khoảng chừng mười đoạn thơ trong Truyện Kiều, không có nhiều thì giờ để giảng kỹ về thơ Nguyễn Du.

Như đôi về cội xa xăm nào, Thi sĩ nói tiếp:

- Lúc tôi khoảng chừng mười sáu, mười bảy tuổi tôi rất thích hai câu thơ này của Nguyễn Du mà cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn quý trọng: "*Dã túc phùng tiêu giả, Tửng liên bất tại đồng*". Để tôi tóm tắt bài thơ ấy có nhan đề *Phượng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành* trong *Nam Trung Tạp Ngâm* cho anh nghe: "Người đi đường nghĩ đến đường dài trước mặt; đêm xuống sắc trời hazy còn mờ mờ. Khi trăng lặn có tiếng vượn hú từ xa vọng lại. Người đi dỗi theo dấu chân cạp. Sương khuya làm lạnh thân già; tóc tuy ngắn nhưng không ngại gió buốt thổi. Tối ngủ gặp người tiều phu. Hai người bỗng thương nhau tuy rằng không cùng cảnh ngộ".

Vũ Hoàng Chương nói tiếp:

- Vâng, hai người bỗng thấy thương nhau tuy rằng không cùng cảnh ngộ, không cùng chí hướng: một đang đi đốn củi, một đang lên đường nhậm chức quan. Nguyễn Du và gã tiều phu cùng chịu cảnh giá buốt, đều sợ cạp dữ, đều rợn mình nghe vượn hú nhưng cả hai cũng phải cùng đi cho hết đoạn đường... Những lúc tôi cùng bạn bè vui thú nơi miền Cao Bằng, Lạng Sơn vào những buổi xế chiều giá buốt, cái rét khô, lạnh đến xương, ngâm khe khe hai câu thơ cuối của bài *Phượng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành* mỗi thấy thấm thía... Tuổi đời càng chồng chất tôi càng cảm thấy hương thơm Phật pháp tỏa ra trong suốt bài thơ ấy nhất là trong hai câu kết. Còn nhiều nữa và nhiều nữa... Hôm nào tôi sẽ đọc và sẽ dịch cho anh nghe vài bài thơ đường luật thâm viễn của Nguyễn Du.

Vì sinh kế thúc bách, cái "*hôm nào*" ấy không bao giờ đến với tôi. Cho đến ngày hôm nay tôi rất lấy làm tiếc.

Bà Vũ Hoàng Chương chen vào:

- Anh biết không, ông nhà tôi đã có lúc muốn cưới một cô gái Thái miền thượng du Bắc Việt đấy!

Vũ Hoàng Chương cười xòa:

- Phải, tuổi trẻ của tôi rất lãng mạn và cũng rất bạt mạng. (Vài năm sau, nhân dịp phỏng vấn Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn có kể lại sự kiện này. Bài phỏng vấn này được đăng trên nguyệt san *VĂN* do Nguyễn Đình Vũ vọng làm Chủ nhiệm).

Lâu sau, tôi nói:

- Hai tập thơ *Lửa Từ Bi* và *Cành Mai Trắng Mộng* của bác cũng đượm nhuần Phật vị.

- Chưa ăn thua, chưa thấm vào đâu nếu so với Nguyễn Du. Anh để ý cái tựa của tập thơ *Cành Mai Trắng Mộng*: những bài thơ trong tập thơ này chỉ thoang thoàng hưởng mai. Còn toàn thể thơ Nguyễn Du đều dạt dào hương liên, mùi thơm thanh khiết, thoát tục của hoa sen.

- Bác khiêm tốn quá!

- Nhiều lúc tôi muốn sáng tác một truyện thơ như Truyện Kiều nhưng tôi không sao viết được. Tôi chỉ sáng tác được kịch thơ mà không sáng tác được truyện thơ. Vào đầu thập niên ba mươi tôi sáng tác được kịch thơ *Thăng Cuội*. Kịch thơ này đã được trình diễn tại nhà hát lớn Hà Nội vào khoảng năm 1932, Thi sĩ Đinh Hùng thủ vai Hằng Nga. Từ hai thập niên năm mươi và sáu mươi



tôi sáng tác được hai vở kịch nữ: *Vân Muội* và *Tâm sự Kế Sang Tần*. Hai kịch thơ này chưa được duyên may trình diễn trên sân khấu. Ngoài ra tôi chỉ sáng tác được một bài thơ lục bát khá dài vài trăm câu về lịch sử oai hùng của Việt Nam. Thế thôi. Như vậy chúng ta đủ thấy cái thiên tài, lỗi lạc xuất chúng của Nguyễn Du. Đọc *Truyện Kiều*, ngâm vịnh *Truyện Kiều*, đọc tất cả thơ chữ Hán của Nguyễn Du, đọc *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*, *Văn Tế Trương Lưu Nhị Nữ* chúng ta thấy rằng Nguyễn Du quả là một Thiên Sư, một đại Thiên Sư. Rồi cứ suy đi nghĩ lại cứ so sánh Nguyễn Du với thi sĩ này, thi sĩ nọ từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây thì không những Nguyễn Du là đại thi hào của Việt Nam mà còn của cả vùng Đông Nam Á Châu và cả thế giới nữa... Riêng *Truyện Kiều*, hơn ba ngàn năm trăm câu thơ, thực không có một câu nào "non".

- Còn bác, bác cũng là một thi sĩ lớn từ thời tiền chiến đến nay cũng có đến hàng chục năm rồi. Đầu đó bác đã viết: "*Ai là Thi Bá với Thi Vương?*"

Vũ Hoàng Chương khoát tay, cười rất giòn:

- Ấy, ấy, anh đừng phổ biến câu thơ ấy. Chỉ là câu thơ thù-tạc giữa tôi và Tchya và vài thi sĩ khác thôi mà! (Tchya là bút hiệu của văn sĩ và thi sĩ thời tiền chiến, tác giả truyện dài *Ai Hát Giữa Rừng Khuya*. Tchya là chữ viết tắt của *Tôi Chẳng Hề Yêu Ai* hoặc *Tôi Chưa Hề Yêu Ai*. Nhiều cô sửa lại: *Tôi Chẳng Hề Yêu Anh*, cho anh lủi thúi một mình đến trọn đời). Bông đùa chút chơi ấy mà chứ tôi đâu dám nhận mình là Thi Vương!

- Bác dặn cháu đừng phổ biến những mà Đình Hùng đã ngâm câu thơ ấy cách nay không lâu trong mục Tao Đàn trên đài phát thanh Sài Gòn.

-Ồ nhi, nhưng mà ít người để ý, ít người nghe mục Tao Đàn, còn người đọc sách, đọc báo thì nhiều.

Vào đầu thập niên bảy mươi nhà sách Khai Trí xuất bản tập tùy bút của Vũ Hoàng Chương trong đó có câu thơ: "*Ai là Thi Bá với Thi Vương?*".

Tiền tôi ra cửa, Vũ Hoàng Chương còn ân cần dặn dò, nhắc nhở một lần nữa:

- Anh nên nhớ rằng văn minh và văn hóa Việt Nam chính là văn minh và văn hóa Phật Giáo cho chí đến thế kỷ hai mươi và mãi mãi sau nữa.

(Carrollton, Texas tháng 11.1997)

## Thơ vần bằng



● Lê Thị Bạch Nga

## ĐÊM NGẤM QUỲNH HOA

*Ta ngồi bên hoa, hoa xinh tươi  
Rừng rùng hoa quỳnh đêm tươi cười  
Cầu kính gần xa lờ vang vang  
Đêm thien an nhiên hương miên toàn  
Chung trà hương thơm hòa hương hoa  
Nâng tay mời hoa lòng an hòa  
Bao năm mê man trong vơi đầy  
Đêm nay ngàn năm dừng nơi đây.*

## THĂM NUÔI

■ Đông Châu



*Từ Anh đi cải tạo  
Lá rụng đã ba lần  
Biền biệt không tin tức  
Mỗi ngày dài tựa năm.*

*Bỗng được tin thông báo  
"Chị được phép thăm chồng,  
Nhờ anh học tập tốt  
Nhờ Bác, Đảng khoan hồng..."*

*Ba ngày ngồi xe lửa  
Ra Bắc gặp người yêu  
Khử khử ôm quà, thuốc...  
Và hình ảnh hùng kiêu.*

*Nhưng than ôi, khi gặp  
Đâu có thể nhận ra  
Người xưa, nay ra thế...  
Hom hem quá cụ già.*

*Trong nửa giờ gặp nhau  
Chỉ thốt được đôi câu  
Phải ngồi xa mấy thước  
Bốn mắt đắm lệ sầu.*

Khi em hỏi: "Anh sao?"  
Anh ra dấu gạt đầu.  
Anh hỏi: "Em thế nào?"  
Em im lặng nghẹn ngào.

Chăm chú ghi hình ảnh  
Vào đáy lòng thật sâu  
Trước khi người cảnh vệ  
Bất mình lại xa nhau.

Trên xe về Nam bộ  
Ròng rã ba ngày đường  
Toàn nghe tiếng thút thít  
Khóc số kiếp thê lương.

Như trăm ngàn "vợ nguy"  
Em tàn tảo nuôi chồng  
Xác thân còn củ động  
Mà đã chết trong lòng.

Em chỉ biết vái Trời  
Phù hộ cho cả đôi  
Chịu đựng và sống nổi  
Đến kỳ tới thăm nuôi...

(Để kính tặng những người vợ  
và người yêu của các cấp  
Quán Dân Chính bị đi cải tạo)

# CAO BÁ QUÁT

## với cuộc "cách mệnh Thang, Võ"

### ■ Võ Thu Tinh

**C**ao Bá Quát người làng Phú Thị, tỉnh Bắc Ninh, Bắc Phần. Cha là Cao Bá Chiêu, dạy học, thuộc dòng khoa bảng, văn học. Đời Lê đã có ông Cao Bá Hiên làm Thượng Thư Bộ Binh, kiêm chức Tham Tán trong phủ chúa Trịnh.

Hiện nay, không ai biết rõ Cao Bá Quát sinh vào năm nào, vì ông can tội phản loạn, bị trảm quyết và bị tru di tam tộc, nên những tác phẩm và tài liệu có liên hệ đến ông không ai dám tàng trữ. Song theo tung tích và sự liên lạc giữa ông và các người đương thời, người ta đoán Cao Bá Quát ra đời vào khoảng 1800 đến 1803 tại làng Phú Thị, tỉnh Bắc Ninh, Bắc Phần.

Tức là ông ra đời vào thời Nguyễn sơ, và trưởng thành dưới các đời vua Minh Mệnh (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848-1883), lúc mà chế độ quân chủ Nho giáo đã bắt đầu có cơ sở vững vàng, Hán học phục hưng, thi cử cực thịnh và khoa bảng là con đường duy nhất của các sĩ tử để tiến thân.

Tưởng đây chính là lúc Nho gia gặp thời, gặp chúa, đem tài trí ra thi thử giúp vua, trị nước.

Những khốn nỗi, triều đình nhà Nguyễn lại thiên vị, có ý dè dặt các sĩ tử Bắc hà:

- Về việc phân phối các trường *thi hương* trong toàn quốc thì miền Bắc vốn đất rộng, dân đông, xưa nay nổi tiếng văn học, sĩ tử nhiều, thế mà chỉ có hai trường thi hương, trong khi miền Trung đất hẹp, dân ít, mới thiết lập mà có đến 4 trường, miền Nam khai thác chúa xong cũng có được 2 trường như miền Bắc.

- Về việc chấm bài thi: dưới đời Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, đã mở 27 khoa *thi hội* tại kinh đô Huế, lấy đậu hàng trăm người, mà trong số ấy, chỉ có 4 người Bắc phần mà thôi. Ngoài ra, sĩ tử Bắc hà thi hương đỗ được cử nhân, vào kinh đô Huế để thi hội, nhiều khi bài thi hay hơn mọi

người mà vẫn bị chìm xuống. Như ở khoa Mậu Tuất đời Minh Mệnh (1838), Phạm Văn Nghị điểm cao nhất, nhưng bị xếp xuống dưới để cho Nguyễn Cửu Trường, là người tỉnh Thanh Hóa quê hương nhà Nguyễn, lên Đình Nguyên, đứng trên Phạm Văn Nghị là người miền Bắc.

Tình trạng này đã gây sự bất bình mãnh liệt trong đám sĩ tử Bắc hà. Đến nỗi, ở khoa thi Nhâm Tuất đời Tự Đức (1862), một thí sinh Bắc hà là Hoàng Hữu Tài, trong bài văn sách hỏi về thời sự trong nước, đã đánh liều đem việc này ra tố cáo trong bài thi. Tuy vậy, vua Tự Đức chấm quyển của Hoàng Hữu Tài, không những không tỏ ý bất bình mà còn chấm cho đậu phó bảng. Và cũng ở khoa ấy, nhà vua lấy một sĩ tử Bắc phần đỗ Hoàng Giáp, và phê vào quyển thi: "*Như vậy để phá cái thuyết Hoàng Hữu Tài cho rằng trẫm dị thị hai kỳ!*".

Những cử chỉ riêng rẽ của vua Tự Đức chưa đủ để trấn an sĩ phu Bắc hà trong đó có cả Cao Bá Quát.

Tứ chất thông minh, Cao Bá Quát lên 5 đã đọc được sách Tam Tự Kinh, 14 tuổi đã làm được đủ các thể văn, nổi tiếng hay chữ. Thế mà, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), ông đậu á nguyên (thứ nhì) kỳ thi hương ở Hà Nội, nhưng khi quyển đưa về bộ duyệt lại thì bị triều đình đánh xuống hạng chót, chỉ vì lẽ làm bài hay nhưng lại sai với trường qui (là những khuôn phép qui định về hình thức, các thí sinh phải theo đúng để viết và trình bày bài làm ở trường thi). Năm sau, cũng vì tánh phóng túng ấy, nên khi vào kinh đô thi Hội, Cao Bá Quát bị đánh rớt, rồi bị đánh rớt liền vài khoa nữa.

Đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), Cao Bá Quát được quan tỉnh Bắc Ninh tiến cử, Triều đình cho lĩnh một chức quan nhỏ ở bộ Lễ.

Được cử làm sơ khảo trường thi hương ở Thừa Thiên, ông tiếc tài nhiều bài văn hay mà bị phạm húy (1), nên lấy muội đèn sửa giúp. Sau bị phát giác, ông bị cách chức và phát phối (bị đày đi xa) vào Đà Nẵng.

Hai năm sau, ông được cử giúp việc ở phái bộ Đào Tri Phú sang Tân Gia Ba (Singapore) để đài công chuộc tội. Lúc về, ông được phục chức, rồi thăng Chủ Sự làm việc tại Huế cho đến năm 1854.

Ông thường tự hào:

- Thiên hạ có 4 bề chữ, mình tôi chiếm 2 bề, anh tôi là Bá Đạt và bạn tôi là Nguyễn Văn Siêu giữ một bề, còn lại 1 bề phân phát cho mọi người trong thiên hạ.

Ông nổi tiếng thơ hay. Văn chương chữ Hán của ông được vua Tự Đức khen: "Văn như Siêu Quát vô tiền Hán" (Văn như Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát thì lấn át cả đời Tiền Hán) và người đương thời thường gọi là: "thần Siêu, thánh Quát". Cao Bá Quát được giới quyền quý ở kinh đô nể nang, hâm mộ. Nhưng ông lại thường làm cho nhiều người bất bình vì thái độ kiêu căng khiếm nhã của ông. Chẳng hạn, ông có hai câu "tặng" Thi xã Mạc Văn của Tùng Thiện Vương như sau:

"Ngán cho cái mũi vô duyên,

"Câu thơ Thi Xã, con thuyền Nghệ An!"

(Ngày xưa, thuyền tỉnh Nghệ An thường chở mắm đi bán khắp nơi, mắm có mùi thum thum khó ngửi)

Năm 1854, ông đổi ra làm Giáo Thụ ở Quốc Oai (một phủ ở biên giới tỉnh Sơn Tây). Ông mưu phản, giao kết với đầu mục đảng kín là Nguyễn Kim Thanh, nhằm phủ Lê Duy Cự (hậu duệ nhà Lê) làm minh chủ, để lật đổ Tự Đức và nhà Nguyễn.

Tháng 10 năm ấy, khởi nghĩa ở Mỹ Lương, trên cờ hiệu ông đề hai hàng chữ:

"*Bình Dương, Bò Bản vô Nghiêu, Thuấn,*

"*Mục Dã, Minh Điều hữu Võ, Thang*"

Nghĩa từng chữ: Ở Bình Dương, Bò Bản mà không có vua Nghiêu, vua Thuấn, thì ở Mục Dã, Minh Điều đã có Võ Vương và Thành Thang!

Ý nói ở triều đình, Tự Đức là một bạo quân, thì trong dân gian có Lê Duy Cự là một minh Chúa, theo gương Võ Vương, Thành Thang ngày xưa đứng lên để diệt trừ bạo quân.

Hai hàng chữ trên cờ hiệu này, Cao Bá Quát đã tự cho mình đứng lên "làm cách mệnh", dựa vào câu phê phán của Tư Mã Thiên, sử gia Trung Hoa ngày xưa:

"*Thang, Võ cách mệnh, thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân*".

Nghĩa là cuộc cách mệnh của Thành Thang và của Võ Vương đã thuận theo ý trời mà thể hiện ứng vào lòng, vào hành động của người dân:

Nguyên ngày xưa, vua Đại-Võ nhà Hạ (2205-1766 trước Tây lịch) có

đức lớn, được chú hầu tôn lên làm thiên tử, đóng đô ở Bình Dương. Truyền 17 dời đến vua Kiệt, hoang dân vô đạo, say đắm nàng Muội Hỷ, lập cung thất, ao vườn xa xỉ, thuế má nặng nề, hình phạt thảm khốc, nhân dân lầm than, oán giận. Một vua chú hầu tên là Thang hội các chú hầu khác, bố cáo chủ trương cách mệnh diệt bạo quân để cứu dân:

- Nhà Hạ có tội, Trời sai ta đánh nó. Ta sợ mệnh Trời, không thể không tuân.

Rồi vua Thang đánh thắng vua Kiệt ở Minh Điều và đuổi ra đất Nam Sào. Việc cách mệnh thành công, người đời sau tặng cho vua mỹ hiệu là Thành, xưng là Thành Thang.

Vua Thành Thang lên ngôi thiên tử lập lên nhà Thương (1766-1122 trước Tây lịch) đóng đô ở Bồ Bản, truyền 27 đời đến vua Trụ. Vua Trụ là người có dung lược, mưu trí, nhưng lại mê đắm nàng Đắc Kỷ, ăn chơi xa xỉ, sùng cao thuế nặng, hình phạt độc ác, hạ sát trung thần. Tây Bá là Phát hội 800 chú hầu, đánh thắng vua Trụ ở Mục Dã. Trụ vương rút lui về tự thiêu chết trong hoàng cung. Tây Bá Phát lên ngôi thiên tử, lấy hiệu là Võ Vương, và sáng lập ra nhà Chu.

Cuộc khởi nghĩa của Cao Bá Quát, (người đương thời gọi là "giặc châu chấu" vì lúc ấy có nạn châu chấu xuất hiện tàn phá mùa màng) bị quân triều đình dẹp tan ngay. Theo các bộ lão, thì sau đó Cao Bá Quát bị bắt đem về chém tại Phú Thị. Còn theo *Đại Nam Liệt Truyện* (quyển 4b, tờ 14, mục Nghịch Thần) thì Cao Bá Quát bị tử trận, vua sai đem đầu bêu và rao khắp các tỉnh Bắc kỳ, rồi đem giã nhỏ ném xuống sông.

\*

Vấn đề được đặt ra ở đây là:

1. Danh từ "cách mệnh" mà nghìn năm xưa, các sử gia Trung Hoa đã dùng, vốn nghĩa như thế nào?

Trong Hán ngữ, chữ "cách" là lột bỏ, tước bỏ (như ở chữ "cách chức"), chữ "mệnh" là sai khiến (chỉ "mệnh trời" hay "thiên mệnh"), tức là điều mà Trời đã sai khiến, ủy nhiệm bảo phải làm.

Theo Nho giáo, vua là "thiên tử" (con của Trời) được Trời ủy nhiệm công việc "*dạy bảo dân, vì dân hưởng các điều lợi, trừ các điều hại, không*

*phiền nhiễu dân, hết lòng lo cho dân được no ấm yên vui, mà không được kể công đức với dân*".

Nếu vua không làm tròn Thiên Mệnh đã ủy thác, mà ăn ở vô đạo, bạo ngược, làm cho nhân dân khổ sở, đói khát, đời sống lầm than, thì lòng dân sinh ra oán ghét, thù hận. Theo Nho giáo, "*nhân thuận, thiên mệnh qui*", dân muốn thì Trời cũng chiều theo ý dân, mà *cách bỏ*, thu hồi *thiên mệnh* đã giao phó cho. (Do đó xuất hiện danh từ cách mệnh). Trong dân gian, có người đủ tài đức, lòng dân qui phục, đứng lên lật đổ bạo quyền, tức là đã hành động thuận theo ý Trời, ứng hợp với lòng dân. Người ấy đã làm một cuộc cách mệnh!

Tóm lại, từ "cách mệnh", theo các sử gia Tàu, có nghĩa là "lật đổ một bạo quân để thay thế bằng một minh quân".

2. Ngày nay người ta dùng từ "cách mệnh" để dịch ra tiếng Hán-Việt từ "révolution" của Pháp ngữ, song hai từ ấy có hoàn toàn đồng nghĩa với nhau không?

Theo các sử gia Tây phương, "révolution" có nghĩa là xoay chuyển, là thay đổi chế độ, tức là thay đổi cơ cấu chính trị, xã hội, kinh tế, chỗ không phải chỉ thay đổi ông vua, thay đổi kẻ cầm chính quyền mà thôi.

Sự thay đổi ấy phải quyết liệt, nhanh chóng, và tận gốc rễ. Nếu chỉ thay đổi nhà cầm quyền mà không thay đổi chính sách, chế độ thì đó chỉ là một cuộc đảo chính, hay cải cách.

3. Vậy danh từ "cách mệnh" có thể áp dụng vào trường hợp Cao Bá Quát đến mức nào?

a. Theo định nghĩa của các sử gia Tây phương hiện đại, ta thấy ngay rằng cuộc "khởi nghĩa" của Cao Bá Quát chưa phải là một "cuộc cách mệnh" (révolution) đúng với danh vị ấy, vì mục đích của cuộc nổi dậy ấy chỉ nhằm lật đổ một ông vua mà Cao Bá Quát cho là bạo quân, để thay thế bằng một ông vua mà Cao Bá Quát cho là minh quân. Không nhằm thay đổi cơ cấu chính trị, xã hội, kinh tế một cách sâu xa.

b. Nhưng có người đã căn cứ vào định nghĩa từ "cách mệnh" theo Nho giáo và các sử gia Trung Hoa thời xưa, mà cho rằng Cao Bá Quát về tư tưởng cũng như về hành động, quả xứng đáng là một nhà cách mệnh.

Bằng chứng, từ nhỏ, qua hai câu thơ ứng khẩu, Cao Bá Quát đã từng nói lên cái mộng:

*"Ngã quân tử kiến cơ nhi tác,  
Dục vi Nghiêu Thuấn quân dân"*

Nghĩa là: Tôi đây, người quân tử, thấy thời cơ mà hoạt động, lòng muốn làm thế nào cho vua và dân trở thành vua và dân ở thời Nghiêu, thời Thuấn.

Và sau đó, trong bài "Đạo phùng nọ phu" (Giữa đường gặp người đời), Cao Bá Quát có mấy câu bằng chữ Hán bộc lộ lòng thương xót kẻ bị lộ vận lâm vào cảnh nghèo đói, dịch lại như sau:

*"Thửa rằng tình cảnh tôi,  
Nhà nghèo làm thầy thuốc...  
Ngày hai cố (a) chiếc tráp (b),  
Ngày ba nhịn đói dài..."*

**Chú giải** - (a) Cầm = bán đỡ, sau có tiền chuộc lại. (b) Tráp = hộp nhỏ bằng gỗ, phía ngoài có sơn, có bản lề khóa lại, các nhà Nho ngày xưa dùng để đựng giấy tờ, bút mực (như cái cặp da ngày nay)

Ông cũng có câu phản đối cái cảnh tàn bạo áp bức giữa người và người:

*"Trời nắng chang chang, người trói người!"*

Một việc đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, hành động của Cao Bá Quát là chuyến đi Tân Gia Ba (Singapour, lúc ấy là một thuộc địa của nước Anh) trong phái bộ Đào Tri Phú. Có dịp tiếp xúc với văn minh Tây phương, khi trở về nước ông lại càng thấy rõ những đồi tệ, hủ lậu của Triều đình và sự yếu kém của xã hội ta lúc bấy giờ, nên ông lại càng bất mãn hơn trước. Ông có làm bài thơ bằng chữ Hán, trích dịch mấy câu nhận xét về việc học văn chương nước ta ngày ấy, như sau:

*"Nhai văn nhá chữ buồn ta,  
Con giun còn biết đâu là cao sâu!  
Tân-Gia tử vượt con tàu,  
Mỗi hay vũ trụ một bầu bao la.  
Giật mình khi ở xó nhà,  
Văn chương chữ nghĩa khéo là trớ chôi.  
Không đi khắp bốn phương trời,  
Vùi đầu ánh sách, uống đời làm trail!"*

(Trúc Khê - dịch)

Và Cao Bá Quát cũng đã cực lực phản đối cái thói đời hay lòn cúi kẻ trên để cầu vinh, và hống hách khinh miệt và chà đạp lên nhân phẩm những kẻ dưới mình:

"Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn - Quân bao kẻ mang cái dằm danh, áo giải lân phủ dưới cổ phu, mỗi gối qui mòn sân tửng phủ."

"Khéo ứng thù những bác quan trên - Xin bái ngoảnh cùng anh hàng phố..."

Tuy nhiên, năm ba câu thơ đầy khẩu khí bộc lộ một nỗi niềm uất hận, bất mãn trên đây, đã đủ để chúng mình tinh thần "cách mệnh" của Cao Bá Quát chưa?

Từ xưa đến nay, các nhà cách mệnh cũng như các văn nghệ sĩ đều luôn luôn bất mãn với cuộc đời mà họ cho là chưa đúng với lý tưởng cao đẹp của mình. Họ đòi hỏi nhiều nhu cầu cho thế hệ, cho nhân sinh và họ uất ức, đau khổ vì thấy sự đòi hỏi của mình không bao giờ được thỏa mãn cho đầy đủ.

Sự bất mãn vốn là nguồn gốc của Thi Văn, là động cơ của Cách Mệnh.

Khác nhau là các văn nghệ sĩ bộc lộ nỗi niềm uất hận của mình qua thi văn, còn các nhà cách mệnh bộc lộ sự bất mãn của mình qua hành động.

Và khác nhau còn ở chỗ đối với văn nghệ sĩ, có khi ý tưởng trong các tác phẩm và hành động trong đời sống trái ngược nhau, nhưng độc giả thường chỉ thường thức tác phẩm mà không mấy khi chú trọng đến hành động trong đời sống của tác giả. Còn đối với nhà cách mệnh, nhân dân Phương Đông, thường đòi hỏi họ phải có những hành động phù hợp với tư tưởng, đạo đức cách mệnh của mình.

Về các văn nghệ sĩ, có thể kể trường hợp Jean Jacques Rousseau đã viết quyển *Emile* để cổ võ cho một phương pháp giáo dục trẻ em trong tình thương, nhưng chính ông lại bỏ các con mình vào nhà trẻ mồ côi. Hay trường hợp nhà vẽ băng (bandes dessinées) Hergé, cha đẻ của cậu bé Tintin, theo sự tiết lộ của P. Assouline trong tạp chí Express (số 2330, ngày 29.02.1996) thì ông lại là người ghét trẻ con, và có lần đã xua đuổi mắng nhiếc những đứa tìm đến chào hỏi mình, và đã kiện bắt một trường học gần nhà phải dời đi nơi khác vì học sinh quá ồn ào phiền nhiễu ông.

Tiếc rằng Cao Bá Quát cũng có hành động tương tự. Qua mấy câu thơ trên đây, Cao Bá Quát đã phản đối những hành động chà đạp lên nhân

phẩm kẻ khác, nhưng trong phạm vi giao tế, đầu các nhà thơ của nhóm Tùng Thiện Vương có dở đến đâu, từng cũng không đáng cho ông miệt thị một cách tàn nhẫn, và thô bỉ, làm xúc phạm đến phẩm giá của họ. Chưa kể, theo quan điểm của dân ta, một nhà cách mệnh bao giờ cũng có thái độ khiêm cung và hòa nhã, thế mà Cao Bá Quát lại tự phụ một cách vênh váo cho mình là đỉnh cao trí tuệ loài người, thiên hạ có 4 bề chủ, phần mình chiếm 2 bề, anh và bạn mình chiếm 1 bề, còn lại 1 bề phân phát cho tất cả mọi người trong nước!?

Thử hỏi nếu Cao Bá Quát có thành công trong cái gọi là "cách mệnh Thang, Võ" ấy, thì liệu dân Việt Nam chúng ta có thể chịu đựng nổi một loại nhà cầm quyền khinh người và kiêu căng đến như thế không?

#### Kết luận

Về vấn đề Cao Bá Quát đối với "cách mệnh", nếu có nhiều phán xét khác nhau, chẳng qua cũng chỉ vì người ta đã căn cứ vào định nghĩa của thời xưa hay định nghĩa của thời nay, vào quan niệm nhân trị của Đông phương hay quan niệm pháp trị của Tây phương, liên quan đến bản chất của *cuộc cách mệnh* cũng như liên quan đến tác phong đạo đức của *nhà cách mệnh* mà thôi.

Tác phong kiêu căng, tự hào vênh váo có xứng hay không với một nhà cách mệnh, hay một nhà lãnh đạo tương lai của đất nước; cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Lương có thành công hay thất bại trong thời điểm lúc bấy giờ; người đời nay hẳn không căn cứ vào đấy mà *luận anh hùng* hay thăng hoa *thi tài* của Cao Bá Quát.

Song không ai phủ nhận được chí hướng và hành động quật cường của ông trước những cảnh áp bức bất công, cũng không ai phủ nhận được cái giá trị văn chương của ông: "lời hùng, ý hùng, cả cách đặt câu xếp chữ cũng hùng, đọc lên như thấy cái khí phách lăm liệt bỗng hiện lên mặt giấy". (Ngô Tất Tố, *Thi văn bình chú*).

Cao Bá Quát vẫn đáng cho chúng ta ngưỡng phục: ông đã dám vượt ra khỏi cái tháp ngà của thi văn mà mạnh dạn bước vào trường hoạt động, cũng như gần đây nhà thi hào nước Anh là Biron đã xếp bút nghiên tình nguyện đi chiến đấu cho nền độc lập của Hy Lạp.

#### Chú Thích

(1) Phạm húy = Là một lỗi trong các lỗi "phạm trường qui". Những chữ húy đều là tên dòng họ nhà vua. *Trọng húy* là tên các vua, *khinh húy* là tên những bà vua, mẹ vua, hay là tổ tiên lâu đời của vua. Những chữ húy có rất nhiều và được yết trước cổng trường thi cho thí sinh biết. Những chữ *trọng húy* tức là húy nặng (trọng = nặng) thì cấm đọc, cấm viết, coi như là chữ bỏ đi, phải tìm chữ khác đồng nghĩa mà dùng. Còn những chữ *khinh húy* thì có thể dùng được vì thuộc về húy nhẹ (khinh = nhẹ), nhưng phải "kính khuyết nhất bút" nghĩa là cung kính mà bỏ sót đi một nét. Bài thi nào có những chữ trọng húy hay những chữ khinh húy viết mà không bỏ sót nét thì bị lỗi gọi là "phạm húy", bị đánh rớt, có khi còn bị tội nữa ●

### THƠ: Trình Chung



### ĐỜI HỦ ẢO

Có nghĩa gì đâu,  
Một kiếp nhân sinh  
Thân ảo ảnh,  
Hữu sanh, thì hữu diệt,  
Giọt nước cành dương,  
Đạo lý nhiệm màu,  
Mới rửa sạch, đắm chìm trong tội  
lỗi.

### BƯỚC VÀO CHÙA

Đường trần rửa sạch oan khiên  
Lòng ta thanh tịnh, hướng thiên từ  
đây  
Ngày đêm kinh kệ vui say  
Cửa chùa rộng mở, lành thay  
duyên phần



# Chắt chiu kỷ niệm

Hồ Trường An

**Q**ùa tặng có thú ăn được như bánh mứt, trái cây cùng các thực phẩm khác như con cá khô, hũ mắm, chum lạp xưởng, đòn giò lụa v.v... Trong văn giới, việc tặng quà cho nhau cũng chỉ là việc thường. Nhưng khi người được tặng lại đem việc tặng quà vào thế giới giấy mực thì nó không thường. Nó gọi cho độc giả nghĩ đến mối tình bút mực thắm thiết giữa kẻ tặng và người được tặng, hơn nữa, nó dội vào tâm hồn độc giả một cái gì êm êm, lạ lạ, lai láng một tình cảm du dương khó diễn tả.

Chẳng hạn, khi nhà thơ Bằng Bá Lân di cư vào Nam, nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội tặng cho ông một trái sầu riêng. Thiếu số người Bắc như thi sĩ họ Bằng mới có thể nuốt nổi sầu riêng, và từ đó ông lại ghiền sầu riêng.

Trước Bằng Bá Lân, có một vận sự tặng quà văn nghệ. Số là nhà thơ Tản Đà đã từng than:

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương  
Tiền dò ngại tốn, con đường ngại xa*

*Minh đi, ta ở lại nhà*

*Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.*

Nhờ bài thơ được đăng báo, nên ít lâu, Tản Đà tiên sinh nhận được một bưu kiện có gói một bó rau sắng chùa Hương, do nữ sĩ Song Khê tặng, lại kèm một bài thơ:

*Kính dâng rau sắng chùa Hương  
Tiền dò đỡ tốn, con đường đỡ xa  
Không đi thì gửi lại nhà*

*Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.*

Song Khê là em gái của nữ sĩ Tường Phố, làm thơ cũng nhiều, giao du với các bậc danh sĩ trong văn giới cũng lắm, nhưng không nổi tiếng bằng chị của mình. Khi thực hiện bộ sách "Nhà Văn Hiện Đại", Vũ Ngọc Phan tiên sinh có viết về nữ sĩ Tường Phố. Ông đòi tấm ảnh của nữ sĩ để đưa vào "Nhà Văn Hiện Đại". Thế là bà Tường Phố gửi cho ông tấm ảnh bà chụp với em mình (nữ sĩ Song Khê). Ông Phan

liền cắt bỏ ảnh bà Song Khê, chỉ đăng ảnh bà Tường Phố. Khi sách đã trình bày, thấy ở trang phụ lục chỉ có tấm ảnh của mình được đăng, nữ sĩ Tường Phố than bằng hai câu lục bát:

*Chàng Phan chia rẽ đôi ta  
Chị vào văn sử, em ra cõi ngoài.*

Cũng trước Bằng Bá Lân, có thêm một vài vận sự tặng quà văn nghệ. Khi đã quen thân với Mộng Tuyết nữ sĩ, nhà văn Nguyễn Tuân thường tặng quà cho bà luôn. Trước hết là hộp bánh Trung Thu ở tiệm Đông Hưng Viên ngon nổi tiếng ở Hà Nội. Ông Tuân gửi cho nữ sĩ đất Hà Tiên kia bằng bưu kiện. Bánh đựng trong hộp gỗ chạm trổ rất mỹ thuật. Khi tới tay người nhận bánh vẫn thơm ngon. Bánh tuy đã chui vào bụng người nhận, nhưng chiếc hộp vẫn còn. Sau đó, mỗi khi có quyển sách nào được xuất bản, ông Nguyễn Tuân vẫn gửi tặng người văn hữu phượng xa kia. Có lần ông gửi ấn bản quyển "Vang Bóng Một Thời" in trên giấy lụa Dó mà bà Mộng Tuyết cho là một thú giấy cao quý. Thuở đó sách in cũ 4 tờ dính liền nhau, người đọc phải dùng dao để rọc sách, xem sách tới đâu rọc sách tới đó mới thú. Nguyễn Tuân khuyên bà Mộng Tuyết dùng khăn thấm nước lên rìa sách rồi dùng dao cùn mà rọc thì rìa sách mới có *nhưng tờ óng mỡ* (sic). Ngoài ra, ông Tuân còn tặng cho nhà thơ Đông Hồ (về sau trở thành đảng trượng phu của bà Mộng Tuyết) một ấn bản in trên giấy *Bouffant impérial à la cuvé* có đóng triện son "Gió Đã Lên" với cánh buồm no gió dưới mảnh trăng liềm.

Sau ngày 30.4.75, Nguyễn Tuân vào Sài Gòn thường ghé thăm bà Mộng Tuyết. Do đó, mối duyên văn nghệ được nối lại sau 20 năm gián đoạn vì đất nước chia đôi. Bà thích gửi tặng buổi ổi cho ông Nguyễn Tuân, dặn khi ăn xong các múi ổi, nhỏ treo vỏ ổi trong nhà để không khí trong nhà có mùi thơm như rượu *Cointreau*.

Cũng có lần bà gửi ra Hà Nội tặng ông Nguyễn Tuân cây *Vạn niên thanh* (cũng có người gọi là cây *Trường sinh*). Và theo bà Mộng Tuyết: "Cây này thì người ta gọi là cây "phát xồi", tức là "phát tài" trước chỉ có bán vào dịp Tết. Cũng có người gọi là cây "Quang âm" có lẽ nó chấp ngày tháng củ xanh hoai. Nên cắm vào lọ thủy tinh trắng, không cần nước nhiều, chỉ độ 1 phần 3 cành. Rễ nó đâm ra dài rất đẹp, có thể chửi cả cành xanh và rễ trắng như thủy tiên mà không hoa..." (\*)

\*

Vận sự tặng quà chắc hẳn có nhiều trong văn giới. Nhưng theo sự hiểu biết của tôi, những trường hợp độc đáo thì hiếm hoi lắm.

Vào năm 1966, chị Thụy Vũ của tôi được nhà xuất bản Thời Mỏi do ông bà Võ Phiến chủ trương, xuất bản quyển tập truyện đầu tay tựa đề là "Mèo Đêm". Liền đó, nhà thơ Vũ Hoàng Chương nhờ ký giả Lê Phương Chi đưa đến nhà chị tôi để mở đầu mối giao du văn nghệ. Ông có đặt bài thơ tặng, mà tôi chỉ nhớ có hai câu đầu:

*Phưởng Nam có người đẹp  
Dùng văn thay phấn son*

Bài thơ sau đó được in trong thi tập "Ngôi Quán". Và sau đó, vào năm 1973, ông Vũ Hoàng Chương có chép thơ trên tờ giấy *blanc fin* bằng mực tàu, chữ vừa mềm như lá lệ liễu vừa sắc nét như lá phong lan, có đóng dấu triện son tươi thắm. Chị tôi cho đóng khung lộng kiếng treo ở phòng khách tờ thủ bút của thi hào họ Vũ kia.

Riêng chị tôi khi xuất bản quyển tập truyện "Lao Vào Lửa" và quyển truyện dài "Thú Hoang" chị dùng giấy *buvard* để in các ấn bản đặc biệt dành để tặng các văn hữu. Giấy *buvard* tức là loại giấy dùng thấm mực ướt mà học trò thường dùng. Giấy *buvard* có màu hồng đào tươi rạng. Nhưng đặc sắc nhất là màu thịt cá hồi (*saumon*) tức là màu hồng pha một chút màu hoàng thổ xám vàng. Về sau, vì hà tiện, các ấn bản thường của chị thì được in trên giấy nhật trình, còn các ấn bản quý để tặng bạn bè đều được in trên giấy *blanc fin* trắng mịn. Giấy này được nhà văn Mai Thảo gọi là giấy *bạch vân*, được ông Đông Hồ gọi là giấy *ngọc cốt băng cổ* (xưởng ngọc da băng), được nhà thơ nữ Tuệ Nga gọi là giấy *ngọc lan*. Riêng cụ thân sinh tôi, tức là nhà thơ Mặc Khải, khi cho xuất bản tập thơ

"Phấn Nội Hương Đồng" cũng cho in các ấn bản đặc biệt trên giấy *blanc fin* mà cụ gọi là giấy *tổ vân*.

Các văn hữu tặng nhau thường bằng các ấn bản in trên giấy quý. Giấy *blanc fin* ở hải ngoại chỉ là loại giấy thường, nó thấm mực thua giấy nhật trình (thường được gọi là giấy báo).

Các văn hữu tặng sách cho nhau vẫn chỉ là việc thường. Đó là không kể trường hợp người được tặng không đọc sách tặng, và đó cũng là việc thường nhưng thật chua chát.

Khi ra hải ngoại, họa gia Thái Tuấn có tặng cho nhà văn Kiệt Tấn một bức tranh sơn dầu. Mỗi khi đến chơi nhà của Kiệt, tôi thích ngắm bức tranh ấy. Thái Tuấn cũng như Duy Thanh, Ngọc Dũng trong nhóm Sáng Tạo vẽ tranh sơn dầu rất tuyệt, vẽ minh họa cho sách báo cũng khá bắt mắt, nhưng nếu vẽ bìa cho sách thì lại chất ngất, tẻ ngắt. Cách chọn màu cho tranh sơn dầu của Thái Tuấn làm tôi có cảm tưởng ngờ ngợ. Màu xanh nhạt pha xám cùng màu tím pha xám kết hợp trên tranh của anh gọi chút gì u trầm, man mác. Màu thì nguội, ảm đạm nhưng khi lên tranh lại không u tối. Trái lại sự kết hợp của chúng lại sáng sủa, lại êm đềm, dù đó là một thủ pháp sáng lạnh lẽo của một buổi xế mùa thu. Hai màu xanh, xám tím kia còn làm tôi nghĩ đến ruột của củ khoai lang Dương Ngọc, một loại khoai ngon nhất Miền Nam Việt Nam chúng ta.

Vào hè năm 1986, tôi có đến vùng rợp cây ngô đồng nằm ven sông Loiret trong vạt diêm loáng thoáng bóng trắng những con thiên nga để viếng nhà Thái Tuấn. Anh ân cần mời tôi ở lại chơi vài ngày vì vào week-end tuần đó sẽ có họa sĩ Lê Tài Điển và họa sĩ Nguyễn Cầm từ Paris xuống chơi. Tôi từ chối. Khi ra về, anh tặng cho tôi tấm hình trái lựu xanh cẩm thạch trên nền màu hồng phấn. Đây là thủ pháp anh dùng giấy cứng vẽ hình trái lựu và chùm lá nhẵn nheo mềm mại rồi cắt dán lên nền cũng bằng giấy cứng. Khi về Troyes tôi lộng bức tranh này vào tập bìa cứng chung với một số thiệp Giáng Sinh và thiệp chúc Tết khác.

\*

Tôi là kẻ thích chất chiu kỳ niệm. Tôi giữ từng lá thư của các văn hữu và các độc giả. Tôi giữ luôn những món

quà tặng không ăn được mà họ đã trang tặng cho tôi.

Ồ đây, tôi chỉ nói về quà tặng của các văn hữu.

Trước hết là hai cái triện sơn do chị Trương Anh Thụy, nhà thơ nữ ở Washington D.C tặng. Triện làm bằng mica, có cái gù bằng gỗ cứng đánh bóng. Cái đầu mặt dulong khi thấm sơn tui đóng lên giấy trắng thì thấy một hình vuông trắng lồng chữ Hồ Trường An viết theo lối triện màu đỏ, nét chữ nhỏ như nét chỉ thêu. Cái thủ hai mặt âm khi thấm sơn tui in lên giấy thì hiện khung vuông màu đỏ nổi bật chữ Hồ Trường An màu trắng, giống như vuông nhiễu màu hồng quế thêu chỉ trắng. Chữ triện do cụ Tá Chi Trương Cam Khai, nghiêm phụ của chị Thụy vẽ.



Về sau bác sĩ y khoa kiêm nhà văn Lê Văn Lân có vẽ cho tôi năm chữ chiết tự của bút hiệu tôi. Đó là các chữ Cổ Nguyệt Trường Miên Nữ để cho họa sĩ Vũ Thái Hòa vẽ chữ lồng vào khung hình bầu dục. Khung hình bầu dục thu nhỏ để tôi làm cái triện sơn thủ ba.

Vào năm 1986, ông bà Võ Phiến từ California qua viếng nước Pháp. Bà Võ Phiến tặng cho tôi chiếc áo kimono màu thúy lam thêu con rồng vàng xen chỉ trắng và chỉ bạc. Mười một năm qua, áo hầy còn mới. Cũng vậy, những chiếc áo "săng-đai", áo pull do chị Nguyễn Thị Vinh, do cô Nguyễn Thị Thanh Bình, do cô Cao Bình Minh gửi tặng, tôi vẫn còn giữ mỗi nguyên. Đó là tôi không kể chiếc khăn quàng cổ màu gỗ giáng hương bằng len dệt thật mỏng, thật mịn của cô Cao Bình Minh. Cô Hoàng Du Thụy tự tay đan cho tôi chiếc áo sơ-mi tay ngắn nhưng vạt dài gần tới gối, nó vẫn còn nằm trong

rương ướp long não, cũng như bộ đồ cạo râu, chải tóc cùng lọ nước hoa của vợ chồng nhà văn Nguyễn Tấn Hưng gửi tặng từ tiểu bang North Carolina. Và trên kệ sách của tôi ở phòng khách vẫn còn bày tượng Ông Thọ bằng sành của Cao Bình Minh, cái tách sành nâu của cô Ý Lan (Penelope Faulkner), cái tách in bông hoa dulong đào của Nguyễn Tấn Hưng, cái vô uống bia với hàng chữ "Bà Già Trầu Hồ Trường An" do nghĩa muội của họa sĩ Võ Đình gửi tặng. Cô này tên là Thu Hương, hiện định cư ở Colorado, cũng là họa sĩ.

Bác sĩ Huỳnh Hữu Cửu vào năm 1988 có làm cuộc hành hương ở Ấn Độ, bặn về Cali có ghé qua Pháp và đến viếng Cổ Nguyệt Đường. Quà tặng bằng râu chuối bằng hạt bồ đề nâu đỏ và nhẵn nheo giống như hạt trái chùm ruột. Một tấm ảnh Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Một lá bồ đề ngâm nước cho tróc lớp thịt lá chỉ còn trơ gân lá trắng dệt theo kiểu mạng lưới reng thêu. Và sau hết là một quyển sách viết về quê hương Việt Nam cùng hình ảnh ở Việt Nam nhan đề là "Vietnam Opening Doors To The Words" của Rick Graetz. Tấm ảnh Đức Phật Thích Ca, tôi lồng chồng lên lá bồ đề trơ gân trắng kia và cho lộng kiếng để thờ chung với các tấm tranh Đức A-Di-Đà Phật, tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và tranh Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Cũng thế, cứ mỗi lần về thăm Việt Nam, anh Cửu tặng tôi khi thì tấm ảnh cây mắm mọc ven biển, khi thì tấm ảnh chùa Quán Sứ, khi thì bức địa đồ lãnh thổ tỉnh Vĩnh Long. Tết năm Bính Tý, anh Cửu gọi tôi 200 Mỹ kim gọi là quà Tết, tôi có thể mua rượu sâm-banh để thưởng xuân. Nhưng tôi không mua rượu sâm-banh mà mua sáu cái thổ hấp cơm lớn cỡ bụm tay, trên nền men thạch thanh có vẽ cặp lý ngư màu thúy lam. Sau đó, tôi mua một cái tiêm có đậy nắp dùng để đựng món xào, một cái đĩa cao cẳng, một cái đũa bình bụng phình cổ dài, một cái gạt tàn thuốc, hai ống cắm bút. Tất cả đều bằng sứ mỏng trắng men bạch ngọc và vẽ mặt vông màu uất lam.

Tôi còn nhớ vào năm 1990, khi tôi cho trình làng quyển "Thông Điệp Hồng" (viết về các nhà thơ nữ ở hải ngoại) thì nhà thơ nữ Như Chi có gửi tặng tôi một bộ đồ trà, gồm cái bình trà

tròn và lớn cỡ trái bưởi đào cùng sáu cái tách tròn cỡ trái cam hồng mật. Uống thay bình trà lại vỡ làm đôi, tôi phải mua keo và men để hàn gắn lại. Và tôi vẫn còn có thể ngắm nền men bạch ngọc in hình lá trúc màu xanh thùy ngọc tức là vừa xanh vừa sáng trên nền trắng mịn của men của bình trà và của bốn tách trà kia.

Kể làm sao hết niềm thân thương qua cà-vạt và áo may-ô do anh Lê Văn Lân tặng? Và hai cây bút máy của anh Anh Văn choáng lộn nét vàng kim chen nét ngân bạch nữa chi! Cà-vạt gồm hai chiếc đều bằng lụa tằm, một cái có sọc màu thùy lục mận mà chen màu tể thanh sáng như da trời ngày tạnh ráo do hãng Oleg Cassini chế tạo. Một cái nền đen in lông công có nét hoàng kim chen nét hồng đào, chen nét bích lục và nét ngân tuyến do hãng Colors Fomasini chế tạo. Hai cái áo may-ô trắng in hình bằng mực đen, một cái in cặp rồng lượn, một cái kẻ chữ New York - Manhattan. Và vào chớm thu năm 1996, nhà thơ nữ Dư Thị Diễm Buồn ở Illinois tặng tôi pho tượng Đức Di Lạc Bồ Tát và pho tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bằng ngọc thạch nhân tạo, đúc bằng khuôn chủ không đều khắc. Hai pho tượng coi vậy mà có một ý nghĩa riêng đối với tôi. Vì đó là lúc tôi bắt đầu trì hành môn Tử Vô Lượng Tâm (Tử Bi Hỷ Xả)... Đức Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho hỷ xả, nụ cười lúc nào cũng vui tươi, sắc mặt lúc nào cũng an lành như xóa bỏ mọi bợn phiền khỏi nội tâm nội giới của Ngài. Còn Đức Quán Thế Âm như các bạn đã biết, tượng trưng cho Tử Bi.

\*

Hè năm 1996, nữ ca sĩ Mỹ Hòa có cho tôi biết cô có làm nhiều thơ. Chôm hè năm nay cô gom thơ lại để hình thành thi tập "Đêm Thế Gian". Cô cho biết cô đã là môn đồ của học giả Võ Thu Tịnh, được ông chỉ dạy rất nhiều về phương diện đào luyện trí thức. Cô nhờ ông Võ viết tựa và nhờ tôi viết bạt. Ô kê! Chẳng có gì trở ngại đối với một kẻ quen viết bạt như tôi. Và lại thuở xưa, tôi đã yêu tiếng hát của cô trong ban Tam Ca Ba Con Mèo (The Cat's Trio) gồm có Mỹ Hòa, Uyên Ly, Kim Anh. Tôi cũng đã xem cô thủ vai then chốt trong phim "Hoa Mối Nở" do Lê Dân đạo diễn. Và khi ra hải ngoại, cả

hai thân thiết với nhau, tuy ít gặp mặt nhau, nhưng khi gặp nhau là cả hai véo von đầu láo vui như sáo sậu, sơn ca.

Viết bạt xong, tôi gửi cho Mỹ Hòa. Hai tuần sau, cô cao hứng đi xe lửa từ Paris qua Troyes để viếng Cổ Nguyệt Đường. Cô biểu cho tôi nem chua, giò lụa và nôi nấu cơm hiệu National. Trời đất! Cô đâu có biết ở Troyes có tới 6 tiệm bán thực phẩm Á Châu. Và lại tôi đang thời kỳ trai giới để cầu siêu cho hường linh mẹ tôi vừa thất lộc vào trung tuần tháng 3 dương lịch vừa qua. Và cô đâu biết tôi thích ăn cơm cháy nên thường nấu cơm bằng nôi gang hay bằng soong nhôm để có lớp cơm cháy vừa mỏng vừa giòn. Nhưng không lo! Nem chua và giò lụa đã có anh bạn ở chung nhà và ông bạn hàng xóm của tôi sẽ "độ" hết. Còn nôi National dù có đặt ngoài chỗ phơi phóng quần áo, nhưng vẫn là kỷ vật đánh dấu tình bằng hữu chúng tôi suốt 20 năm qua.



Ngày hè trong sáng trôi uể oải. Chúng tôi gồm có họa sĩ Vũ Thái Hòa, họa sĩ La Toàn Vinh, anh bạn ở cùng tỉnh Troyes, Mỹ Hòa và tôi ngồi uống trà Blao mạn sen, ấm mè xúng, ăn chè táo soạn, cùng ngắm bức tranh màu nước của La Toàn Vinh và bức ảnh phong cảnh phóng đại do Lê Quang Xuân chụp treo ở phòng khách. Tranh của Vinh là một cô gái cài tóc bằng đồ màu xanh lông chim công điểm chấm trắng, chấm đen; nụ cười cô e lệ. Còn bức hình chụp của Lê Quang Xuân là cô kiều nữ áo đỏ, tay cắp nón lá đứng dưới vòm tre rậm. Đó là bức ảnh mà anh Xuân dùng làm bìa cho quyển tiểu thuyết "Vùng Thôn Trang Diễm Ảo" của tôi (do Đại Nam xuất bản). Rải rác đâu đó là những bức tranh thủy mặc của Võ Đình vẽ theo những câu thơ của Nguyễn Thị Thanh Bình, những

câu thơ của Đặng Thị Quế Phượng và những câu thơ của Cổ Nguyệt Đường chủ nhân. Và xen vào đó là những bức ảnh màu của Lê Quang Xuân lớn cỡ các bức bưu ảnh cũng được lộng kiếng treo trên vách. Trong các tấm ảnh này, các người mẫu đều là các cô tố nữ, kiều nga, ngọc nữ xinh xinh chủ không lộng lẫy như các nàng Giáng tiên, không gợi dục như Thần nữ hay Vệ nữ. Họ tha thướt trong những chiếc áo dài choáng lộn sắc bướm màu hoa.

Sau đó, tôi cho khách xem những ảnh của các minh tinh điện ảnh, các ảnh ông hoàng bà chúa Tây Phương, mỗi thứ dán trong các tập giấy riêng bìa cứng. Lại còn những ảnh các chàng mỹ nam tử, các nàng Vệ nữ Tây phương khỏa thân nữa chi. Sau đó là những quyển album lộng ảnh các nam nữ nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại, những quyển album cùng những tập giấy bìa cứng lộng những tấm bưu ảnh, những tấm thiệp chúc Tết, những tấm thiệp chúc Giáng Sinh, phần lớn là do các văn hữu và các độc giả gửi tặng tôi suốt 15 năm qua. Lại còn những tập giấy dán các phong bì đẹp có trang điểm tem đẹp, trình bày đẹp. Tôi còn dán những tấm chương trình văn nghệ trình diễn, những thiệp mời xem triển lãm tranh ảnh, những thiệp cưới và những tấm ảnh chụp bông hoa do văn hữu gửi tặng. Có bốn tấm thiệp cưới đặc sắc nhất. Một là thiệp cưới do nhà thơ Đan Quế gửi khi ông làm lễ thành hôn cho trưởng nam của ông, hai là tấm thiệp cưới do nhà văn Nguyễn Văn Sâm gửi khi anh sắp thành hôn với chị Nguyễn Thị Long An. Hai thiệp đó bằng thủ giấy dày trắng bóng như lụa bạch có một cạnh được xé tả tơi một cách cố ý để có rìa nhưng tờ óng mỡ. Thiệp cưới thứ ba do nhà văn nữ Trần Thị Diệu Tâm gửi để báo tin lễ thành hôn cô trưởng nữ của chị. Thiệp màu trắng, vóc giấy óng à như vóc sa-teng tuyết nhưng, có đính thêm chùm tua chỉ tơ trắng, trông rất hào hoa và cổ kính. Và sau hết là tấm thiệp cưới do nhà văn kiêm y sĩ Trần Đại Sỹ gửi để báo tin lễ thành hôn trưởng nam của anh. Giấy thiệp mượt mà như vóc nhiễu trắng, tên cô dâu và chú rể được lồng trong khung hình trái tim có điểm hình nổi long lanh nét ngân nhũ, điểm những chấm hoa màu ngân hồng, những phiến lá màu ngân lục.

Vào năm 1988, chị Trần Thị Lai Hồng sáng lập tờ tạp chí Phụ Nữ Ngày Nay tại tiểu bang Washington (Tây Bắc Hoa Kỳ). Tôi có cộng tác với chị được một số báo thì tờ báo đình bản. Sau đó, chị xoay qua làm thợ, vẽ tranh và chụp ảnh. Chị gửi tặng tôi hai tấm ảnh, bức ảnh đầu chụp một đóa hoa quỳnh trong ngọc trắng ngà chói sáng giữa bóng lá màu rêu đậm, bức ảnh thứ hai chụp khóm hoa lan tím thật man mác, thật lãng mạn. Sau đó, khi trở thành bạn đời của anh Võ Đình, chị Lai Hồng có gửi cho tôi bức ảnh khóm hoa sen hồng mà chị chụp trên tà áo dài do chính tay chị vẽ. Ba tấm ảnh đó tôi còn giữ đủ.

Cô Cao Bình Minh có chụp một bông dâm bụt để gửi tặng tôi. Cô bảo bông hoa đó có màu hồng phấn, nhưng cô sao trên bức ảnh tôi chỉ thấy hoa có màu gạch non, màu ngói môi? Hoa dâm bụt có cái nhiều tên Tàu như thuấn anh, thuấn hoa, mộc thuấn, mộc cần. Và trên bức ảnh chụp kia dù có màu gạch non ngói môi chẳng nữa, hoa vẫn đẹp, cánh hoa trong ánh sáng mùa hè sao mà chập chờn hư ảo!

Có hai cô độc giả ở Cali tên là Kiên và Kim Oanh, khi đọc quyển "Phấn Bướm" của tôi, có gặp bông kim đồng và bông ngọc nữ. Hai cô tìm được hai thứ hoa ấy chụp ảnh để tặng tôi, và bảo rằng đó không phải là hai thứ hoa huyền thoại, hai thứ hoa giả tưởng do tôi bịa đặt. Hoa ngọc nữ gồm 5 cánh màu bạch phấn ốp thành búp sen bé tí tí cỡ đốt ngón tay, giữa 5 cánh trắng đó có một cánh màu hồng hạnh, đó một cách thẩm thiết. Còn hoa kim đồng giống như hoa cải màu hoàng yến kết từng chùm trên nhánh lá mềm mại.

Ít lâu, nhà văn Nguyễn Tấn Hưng gửi cho tôi bốn tấm ảnh chụp loại hoa trồng trong chậu đặt tại khuê phòng của anh. Và anh đổ hồ đó là hoa kim đồng. Hoa này có cánh phối trí như hoa kim đồng nhưng có màu đỏ như màu tấm màn nhung huyết dụ, nhánh kéo dài thành dây, lá to bản gấp ba gấp bốn lá kim đồng.

\*

Người ta bảo người già thích sống bằng hồi tưởng thời quá khứ, còn kẻ không thể làm đại sự nên mới ưa nhặt nhạnh những cái vụn vặt để cất giấu trong kho tàng kỷ niệm của riêng

mình. Người ta có lý khi nhận xét như vậy. Nhưng đối với tôi, nhận xét kia dù đúng hay sai ở trường hợp tôi, dù dựa trên khía cạnh tích cực hay tiêu cực, tôi cũng chẳng thấy nó có thể làm dao động hay làm tổn thương tự ái và niềm yêu thích của tôi.

Và tôi vẫn chất chiu kỷ niệm. Vẫn nhặt nhạnh, cất giữ từng món kỷ vật. Sách tặng của văn hữu, băng nhạc của Khánh Ly, đĩa nhạc của Quỳnh Giao, đĩa nhạc của Trọng Nghĩa, tất cả vẫn còn nằm trên giá sách (dành cho sách), trong hộc tủ (dành cho đĩa nhạc và băng nhạc). Phong bì thư, bưu ảnh, thiệp cưới vẫn được tôi dán vào tập bìa cứng, vẫn được tôi lồng vào các quyển album.

Cứ mỗi sáng sớm, tôi moi trong đồng rác của chung cư để nhặt nhạnh sách báo mà các ông Tây bà Đàm hàng xóm vứt bỏ. Tôi đưa về dưới mái Cổ Nguyệt Đường một đồng báo to. Sau đó tôi lựa ảnh các minh tinh điện ảnh, ảnh ông hoàng bà chúa Tây phương, ảnh các nhà văn, nhạc sĩ, họa gia, kịch tác gia thế giới. Tôi cứ cắt rồi dán vào tập bìa cứng. Đôi khi tôi chọn bất cứ ảnh nào có đôi chút giá trị nghệ thuật nhiếp ảnh để cắt dán luôn. Mười lăm năm qua, tôi đã làm như vậy. Và nếu trời cho tôi sống thêm 15 năm nữa tôi vẫn làm như thế. Đó là một phần đời tuy nhỏ, nhưng rất thơ mộng, rất kỳ thú trên dòng cuộc sống tràn đầy mơ hoa mộng ảo của tôi.

Và tôi vẫn mua các món ngoạn hảo bằng sành, bằng sứ để bày lên kệ sách, ở phía ngoài hàng sách xếp đống.

Làm những công việc vớ vẩn đó, tôi cảm thấy mình như được chia sẻ cùng ông Tản Đà, bà Song Khê, ông Nguyễn Tuân, bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, ông Vũ Hoàng Chương, bà chị Thụy Vũ của tôi những văn thoại, thi thoại thật đẹp đẽ, thật thi vị. Và có làm như vậy, tôi mới cảm thấy gần gũi các bạn văn hiện tử tán khắp bốn phương trời hải ngoại hoặc các bạn vẫn còn kẹt lại sau bức màn tre vẩy khắp quê nhà.

Cổ Nguyệt Đường,  
ngày 25.06.1997

#### Chú thích:

(\*) Trích ở bài "Mùa Dâm Thán Bấy" trong quyển tùy bút "Dưới Mái Tráng Non" của Mộng Tuyết do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản lần thứ nhất vào tháng 10 năm 1996.

THỎ

Dương Huệ Anh

Hoa Kỳ

## Hử, Xuân lại đến...



Hử, Xuân lại sắp đến rồi sao?  
Sóc vẫn kêu, như buổi sáng nào.  
Ngõ trước, vườn sau... vàng ngợp lá,  
Mùa dai dẳng, lạnh mấy tầng cao.

Ủ, Xuân lại sắp đến rồi đây  
Bạn nhắc bài, thư gửi mỗi ngày  
Chợ Tết, Hội Xuân, ra rả nói  
Radio, điện thị... nhắc tuần nay.

Thì Xuân mới... đến... khác gì đâu?  
Hăm mấy năm, ngỡ ngắn nỗi sầu.  
Hạc cử bay cao, tình vốn nặng,  
Chờ xem Tận Thế... hỏi bao lâu?

Thiên niên kỷ mới, có gì vui?  
Văn cảnh bon chen, áp bức người?  
Máu đổ thiên miên vì ngã chấp  
Chúa Trời, nếu có, cũng lơ thối!

Thực ra, Xuân đến hay Xuân đi  
Đối với ta, nào có nghĩa chi?  
Cứ sống, và vui theo Hiện tại  
Phương trời nào, cũng sẽ là Quê!

Tháng năm nào, cũng sẽ là Xuân  
Nếu chấp tranh, danh lợi chẳng cần  
Ba bữa một ngày, yên giấc ngủ  
Sen Vàng, trúc biếc mộng Toàn  
Chân...



# Tỏi Bắc - Kinh

Trần-Phong-Lưu

Hồi ngõ-ngang một chút lúc nhìn xuống mấy dãy nhà trệt, bê-tông trần, đèn leo lét như trại gia-bình, nằm rải-rác chung quanh phi-trường Bắc-Kinh, sau 2 giờ, rồi 9 giờ bay vòng phía Bắc qua địa-cầu, từ hai phi-cảng quốc-tế ở Âu-Châu. 7 giờ sáng trời đã đủ tỏ để nhìn ra vẻ thừa vắng của một sân bay tại thủ-đô một nước lớn đông dân nhứt thế-giới: dăm ba chiếc phi-cô bắc trung của mấy hãng hàng-không quốc-tế, còn lại chỉ là một số máy bay nội-địa của Bắc-phương Trung-Quốc Hàng-không. Chiếc xe buýt của công-ty Quốc-tế lữ-hành-xã đưa chúng tôi vào thành-phố, chạy cô-đơn trên cao-tốc đại-lộ với ba tuyến đường rộng gần hai chiều, dài khoảng 15 cây số, hai bên trồng toàn những rặng bạch-dưỡng. Cô hướng-dẫn viên Thành-Lộ-Lộ, đã tự nhận trùng tên với người thiếp của nhà văn-hào kiêm chính-trị-gia lỗi-lạc của Việt-Nam, cách nay khoảng 400 hay 500 năm, sẽ đưa chúng tôi viếng thăm những công-trình, có lẽ cũng được xây đồng thời với nhà văn-hào Nguyễn-Trãi này. Nhà cửa bắt đầu hiện rõ hai bên đường. Những cao ốc bê-tông cốt sắt cất vôi-vàng, những khối nhà cao-tầng lấp lánh màu với những vòng cung hậu hiện-dại vượt hẳn lên trên những mái ngói trắng men vàng chen lẫn trong vùng cây cảnh cổ xưa.

Thành-phố Bắc-Kinh rộng tới 16.000 cây số vuông chia ra 9 quận và 11 huyện, nằm trong một bình nguyên rộng lớn bị vây bọc bởi hai rặng núi cao, Yên-Sơn ở phía Bắc và Tây-Sơn. Từ 2000 năm nay Bắc-Kinh đã nhiều lần được các vua chúa chọn làm nơi đóng đô. Nhưng mãi đến khi Yên-vương Vĩnh-Lạc lên ngôi hoàng-đế Thành-Tổ nhà Minh, Bắc-Kinh mới thực sự được xây lên hàng trăm cung-điện, đắp lên ba lớp vòng thành, trở nên kinh-đô qui-mô bực nhứt của đại-quốc Trung-Hoa. Thành Thăng-Long của nước Đại-Việt đã được xây trước đó 400 năm. Vay kiểu kiến-tạo "Tam trùng thành quách" đã xuất-hiện ở

Việt-Nam từ thời Lý, thừa-hưởng ý-niệm qui-hoạch của thành Cổ-Loa. Trong khi các thành quách Trung-Hoa thời cổ từ An-dương đời Ân-Thương, qua Hạc-Kinh đời Chu và Hàm-Dương đời Tần cho đến Đê-Đô Trùng-An đời Đường và Nam-Kinh đầu triều Minh cũng chỉ được xây bọc quanh một hoặc hai lớp vòng thành. Vào thời Chiến-Quốc vùng phía Bắc này đã từng là Yên-Kinh. Khi Tần-Thủy-Hoàng đánh chiếm nước Yên vào thế-kỷ thứ 3 trước TL đã phá nát kinh-đô này. Từ thời nhà Thanh người ta đã nhận-dạng ra di-tích khu-vực này, ở góc Tây-Bắc ngoại thành Bắc-Kinh. Đến thế-kỷ thứ nhứt sau Tây-Lịch, thành-phố này mới được xây-dựng lại, nhưng cử luân-phiên thay đổi chủ, tùy thế mạnh của Trung-Quốc hay của các giống rợ Bắc-dịch. Như nước Liêu đã từng chiếm lĩnh vùng này vào năm 936 và thiết-lập thành Nam-Đô của họ. Sau khi phá hủy những công-trình cũ, toà Liêu-Thành ngày càng mở rộng về phía Tây và Nam. Rồi hoàng-đế nước Kim kế-tục phát-triển kinh-thành này về hướng Đông, từ năm 1125, và đặt tên là Đông-Đô hay còn gọi là Đại-sinh-Phủ. Khi người Mông-cổ xâm chiếm Trung-Hoa, họ đã đốt sạch các cung-điện của đế-đô này, hòa-hoạn đã cháy suốt 30 ngày. Nhưng nhà Nguyên cũng lại đóng đô tại đây năm 1264, và Đại-Hãn Kublai đã cho xây dựng cung-điện của mình tại phía Bắc Đô-thành cũ. Kinh-đô mới của Nguyên-Mông được đặt tên là Đại-Đô, với tên Mông-Cổ là Khanbalik (Đại-Hãn-Thành). Tuy-nhiên vẫn qui-hoạch theo nguyên-tắc cổ Trung-Hoa: "Tiền Triều, Hậu Thị", cung-điện Triều-đình xây phía trước, chợ búa phố-phường cất phía sau. Đô-thị đã được tạo-dựng thành một hình thể gần như vuông: Chiều Bắc-Nam dài 7 cây số, bề Đông-Tây rộng chỉ 6 cây số, khu-vực mà về sau đến đời nhà Minh được chọn làm khu Thành Nội của Bắc-Kinh. Đại-Đô đã được phân chia ra khu Cung-Thành, Hoàng-Thành và Ngoại-Thành. Khu Thành Ngoại này bao

gồm 50 Phường lớn, mà phần quan-trọng nhứt đã được giới quý-tộc dành lấy để xây các dinh-thự và trồng vườn cảnh, chỉ còn lại khu Tây-bắc Đô-thành mở ra những đường phố buôn-bán sầm-uất. Hai vòng tường thành còn đắp bằng đất, và đến năm 1359 người ta mới bắc những cầu gỗ qua các chiến-hào, ngay trước mười một lối vào thành. Đến lúc tường thành được dựng lên thì tại mỗi lối vào này, người ta xây tường gạch nhỏ ra theo hình chữ U để mở cổng ra vào và ngay bên trên còn xây tháp thánh. Tháp này cũng được xây bên trên những góc thành làm vọng canh.

Những con đường trong kinh thành, theo Marco Polo, được đặc-biệt mở rộng và phóng thẳng: "...tất-cả những thửa đất nhỏ để xây nhà cửa và phố-xá đều thẳng góc và xếp thẳng hàng...mỗi một thửa đất đều được những con đường đẹp liên-tục thẳng suốt giới-hạn và như thế toàn thành-phố đều chia ô thẳng góc như bàn cờ và đã được kiến-tạo theo một nghệ-thuật hoàn-mỹ, xuất-chúng, thật không thể nào diễn-tả được hết vẻ đẹp của Đô-thành này". Tại trung-tâm thành-phố vào năm 1272, người ta còn xây lên một tháp trống và một tháp chuông. Hoàng-thành Mông-Cổ đã được rào quanh bởi những bức tường thành bảo-vệ, đo được khoảng 9 tới 10 km; trong đó tọa-lạc những phủ hành-chánh cai-trị quan-trọng nhứt, những dinh-thự quý-tộc sang đẹp nhứt và cả những cung-điện Hoàng-gia về phía Tây bên các bờ hồ. Chỉ tiếc khi Chu Nguyên-Chương khởi-nghĩa thành-công, đánh đuổi quân Nguyên-Mông chạy hết về phía Bắc Vạn-Lý Trường-Thành, lại cũng theo gót Tần-Thủy-Hoàng phá nát Yên-Kinh, Hạng-Vô đốt sạch thành Hàm-Dương, mà hủy-hoại thành bình-địa hoàng thành Đại-Đô! Năm 1368 vị Hoàng-đế đầu tiên này của nhà Minh đã đổi tên thành-phố mới chiếm được là Bắc-Bình-Phủ, sau khi đã đóng đô ở Nam-Kinh và đang cố gắng xây-dựng thành-phố này lên hàng thủ-đô một đại quốc. Mãi đến đầu thế-kỷ 15, khi Minh-Thái-Tổ băng-hà, mà Thái-tử cũng mất hồi còn trẻ, nên triều-đình theo di chiếu tôn người cháu đích-tôn là Chu-Sùng-Văn lên nối ngôi hiệu là Huệ-Đế. Vị tân hoàng-đế nghe theo lời khuyến-nghị của Triều-thần muốn tước bớt binh quyền của các người chú đã được nội-tổ

Hồng-Vũ phong-vương ở khắp bốn phương. Yên-Vương Vinh-Lạc thế-lực hùng mạnh nhất, ra tay trước, kéo đại-đội binh mã của mình từ Bắc-bình-Phủ về cướp ngôi của cháu và lên làm vua tự xưng là Minh-Thành-Tổ. Vì thế ông không được lòng dân. Nhất là Triều-đình và các quan lại ở Nam-Kinh luôn tỏ dấu bất phục-tùng vị vua oai-hùng nhất của triều-đại nhà Minh này. Tình-thế bất buộc ông phải tìm hậu-thuần trong giới Hoạn-quan, những người đã giúp nhà vua đoạt được ngôi báu và tin dùng người ngoại-tộc. Mọi công-tác quan yếu như bảo-vệ Thái-Tử, quyết-định ra quân dẹp loạn, đề-cử quan chức phụ-trách ngoại-thương, thủ kho hay quản-lý tài-chánh, vua Vinh-Lạc đều tham-khảo các Thái-Giám người Giao-Chi. Cho nên Minh-Thành-Tổ chẳng những đã giao trọng-trách tái-thiết, mở rộng các cung-điện, phủ-bộ ở thủ-phủ Bắc-Bình cho Nguyễn-An, mà còn phong chức "Tổng-công-trình-Sứ" cho người cựu tù-nhân An-Nam này, thuộc đoàn thợ khéo, thanh-niên ưu-tú và các chiến-lợi-phẩm mà Trương-Phụ sau khi diệt nhà Hồ đã mang về, để xây-dựng Đế-đô Bắc-Kinh mới, cho Hoàng-đế lập cơ-đờ mới với Triều-thần mới tại lãnh-địa quen-thuộc cũ và nhân-tâm vốn đã thuận-phục của mình.

Trước năm 75, để tìm lý lẽ phản-bác lời phê-bình của mấy học-già Tây,"Thành Nội Huế chỉ là bản sao chép vụng-về của kinh-thành Bắc-Kinh", tôi đã tìm đọc được một tài-liệu viết đại-khái rằng: ... Công-trình-sứ thiết-kế và trông coi xây-dựng Thành Bắc-Kinh là một người Việt-Nam, trong nhóm Cha con Hồ-quý-Ly bị Trương-Phụ bắt chung với đám thợ khéo và các chiến-lợi-phẩm đem về Tàu... Nhưng tài-liệu không ghi rõ xuất-xứ, chỉ cho biết tên tuổi tác-già công-trình còn khắc lại trên văn bia tại Hoàng-Thành Minh-Thanh. Khiến lâu nay tôi vẫn ngỡ nhân-vật đó là Hồ-Nguyên-Trùng, một người con giỏi về cơ-khí của Hồ-Quý-Ly. Hiện nay đứng trước quần-thể cung-điện huy-hoàng tráng-lệ, lợp mái ngói tráng men vàng lóng lánh, sắp thành hàng đàng-đối theo trục chính và xếp quanh những sân rộng thênh-thang lát đá hoa trắng, du-khách khắp năm châu đều nghiêng mình thán-phục, các sách báo Âu, Á, Mỹ đều không tiếc lời ca-ngợi, nhưng mấy ai để ý tìm hiểu tác-già thiết-kế

và xây-dựng nên công-trình. Tôi đã nêu câu hỏi với cô hướng-dẫn, nhưng cô thực chưa biết người công-trình-sứ nguyên là người Giao-Chi. Tôi cũng đã để ý tìm kiếm, hỏi thăm nhưng vẫn chưa gặp được tấm bia nào ghi lại tên tuổi người đã có công lớn trong việc xây-dựng này! Nhưng mới đây tôi đã được đọc bài của ông Khương-Bửu đăng trên Văn-Nghệ Tiền-Phong, trích-dẫn quyển "The Cambridge History of China" (Vol. 7, page 241), chuyển dịch sang Việt-ngữ: Công-trình kiến-thiết Bắc-Kinh cần một sự động-viên lớn lao thợ thuyền và lao công, thường được lấy từ hàng ngũ các đơn-vị Quân-đội hay từ những kẻ tội phạm khó trị bị kết án khổ sai, cũng như sự trưng-dụng vật-liệu xây-dựng từ khắp nơi trong nước, kể cả những nơi xa xôi như xứ An-Nam vừa mới được sáp nhập. Số lượng của lực-lượng lao-động, không được biết, nhưng phải lên tới hàng trăm nghìn người. Người kiến-trúc-sứ trưởng là một Thái-giám An-Nam, tên Nguyễn-An (chết 1453), ông này cũng đã đóng một vai-trò quan-trọng trong công-trình tái-thiết Bắc-Kinh dưới thời Hoàng-Đế Chính-Thống (Anh Tôn)".

Cuốn "Thủy-Đông nhật-ký" của Diệp-Thịnh thời Minh viết rằng: "Nguyễn-An cũng gọi là A-Lưu, người Giao-Chi, thanh-khiết, giỏi tính toán, có biệt tài về kiến-trúc. Trong các công-trình xây-dựng thành-trị Bắc-Kinh và 9 cửa lâu, hai Cung ba Điện, năm Phủ, sáu Bộ ở Kinh-Đô đều có nhiều công-lao to lớn".

Minh Sử quyển 304 phần phụ-lục "Truyện Kim-Anh" có đoạn:"Nguyễn-An người Giao-Chi, đầu óc minh-mẫn, kỹ-thuật tài giỏi hơn người, vâng-mệnh vua Thành-Tổ xây-dựng thành-trị, cung-điện và các dinh-thự của các phủ, bộ, mắt đo bụng nhắm tính đâu ra đó, kết-quả đều đúng kế-hoạch. Công-bộ chỉ biết tuân theo chấp-hành".

"Chính-Thống thực-lục" đời Anh-Tôn, quyển 54,....,130 cũng ghi: "Ngày 10 tháng 2 năm thứ 6 Chính-Thống (1441) hai Cung ba Điện hoàn-thành, vua ban thưởng cho Nguyễn-An 50 lạng vàng, 100 lạng bạc, 8 tấm lụa, một vạn quan tiền..."

Cách nay đúng 50 năm, Trương-Tú-Dân, một nhà sử-học Trung-Quốc, liên-tiếp viết một số bài ghi nhớ công-lao của Nguyễn-An trên báo chí với

những đầu đề như: "Dân chúng Bắc-Kinh nên kỷ-niệm Nguyễn-An, vị công-trình-sứ dời nhà Minh, người An-Nam". (Đăng ngày 11 tháng 11.1947 trên Tuần-san Sứ-Địa báo "Cái Thế" xuất-bản ở Thiên-Tân).

Qui-hoạch Bắc-kinh, theo Nguyễn-An, gồm một vòng thành hình chữ nhật bao quanh cả thành-phố, về phía Bắc thu nhỏ hơn Đại-Đô 2km, trái lại về phía Nam lại mở rộng hơn 500 thước. Như vậy chiều Bắc Nam kinh-thành mới chỉ còn chưa đầy 5 cây số rưỡi, còn chiều Đông-Tây lại mở rộng thêm nửa cây số, nên đo được 6 km 500. Như trên đã ghi, bốn phía thành-trị được mở 9 môn-lâu, giữ vai-trò quan-trọng đặc-biệt trong những sinh-hoạt của cả Kinh-Thành: Ba cổng ở chính-diện phương Nam, Tiền-Môn ở giữa, bên phải là Chung-văn-môn và bên tả là Hoàn-vũ-môn. Hai cổng ở phía Đông là Đông-Chinh-môn và Kỳ-hoa-Môn, chuyên-trách tiếp-tế lúa gạo. Hai cổng phía Tây là Tây-chinh-môn và Phổ-tuyên-môn. Hai cổng hậu ở phía Bắc là Tề-Thượng-môn và An-Định-môn, giữ nhiệm-vụ phòng-thủ trọng-yếu. Theo quyển "Kỷ-niên lịch-sử Bắc-Kinh", chính Nguyễn-An đã xây 9 cửa lâu của nội thành Bắc-Kinh. Mỗi cửa đều xây một tiểu bán nguyệt thành, trên xây lầu một hoặc hai tầng, đề bảo-vệ cổng thành, lại kiến-tạo nên về hùng-vĩ, nguy-nga, đã trở thành những thắng-tích của chốn Đế-Đô thời bấy giờ. Chỉ tiếc những người Cộng-Sản khi chiếm được thành quách này lại cũng phá đi hết 8 cửa.

Phi-cơ chúng tôi cất cánh vào ngày 1 tháng 10, nhằm ngày Quốc-Khánh Trung-Quốc. Lúc sắp đáp xuống phi-trường đã sang tờ-mờ sáng ngày 2, chúng tôi còn kịp nhận-dạng một góc Kinh-Thành, trong đám cây xanh rải rác, các mái ngói vàng cổ-kính nằm xếp thành hàng, quây quần thành khóm, rồi chen-chúc lổn-ngổn những ngôi nhà kiểu Tây, kiểu mới.

Qua ngày 3, chúng tôi mới đặt chân tới quảng-trường lịch-sử Thiên-An-Môn, chen giữa biển người mặc quần áo đủ màu và hàng trăm thú hoa kiểng trang-trí khắp mọi nơi. Du-khách từ bốn phương đổ về xem, dân chúng ở các tỉnh kéo tới dự lễ vì còn trong 3 ngày nghỉ. Khiến quảng-trường rộng nhất thế-giới trở nên chật chội. Thật khó khăn hết sức mới chụp được một kiểu ảnh. Thời-gian dừng lại ở quảng-

trường lại quá eo hẹp. Mỗi một bồn hoa, khóm cây hay một khoảng trống, đủ để nhìn thấy bối-cảnh một phần của Thiên-An ở đằng xa, thì đã có năm, bảy người đang đứng làm điệu cho người thân chụp hình, chưa kể đám ba người đang chực sẵn để chen vào. Mà ngẩng sớ, vừa kịp bấm máy, thì đã có ngay vài cặp thân-nhiên bước qua che mất ống kính! Nhìn kỹ chỉ có vài bồn hoa lớn trồng trên đất thật còn tất-cả chỉ là bồn hoa, đôi hoa tạm thời vì trồng trong các chậu đất để ngay trên sàn lát đá, lát gạch bê-tông của quảng-trường nghĩa là họ đã khéo-léo xếp vòng lớn ở ngoài rìa những chậu cò kiếng đặt thật khít nhau để cò cây che gần khuất hết mấy chậu đất, rồi kể đó đặt sát một vòng chậu kiếng hơi cao hơn, tiếp theo một vòng chậu hoa màu vàng cao hơn nữa, rồi đến một vòng hoa đỏ càng cao lớn hơn. Các vòng chậu hoa kiếng củ được tiếp-tục đặt cao lên dần trên một dàn sắt được đan uốn thành hình một mô lớn, đến khi phủ kín bằng các chậu hoa sẽ trở nên một đồi hoa thoải-thoải. Họ còn khéo sắp xếp các màu sắc hoa để hiện lên những đại tự, những hoa-văn. Hỡi tiếc! trên đỉnh đồi hoa, họ lại đặt một lăng hoa vĩ-đại, như một viên-đỉnh màu đỏ thếp lên những hình trang-trí vàng nhũ. Phía trên còn cắm lên những nhánh bông hoa to lớn bằng giấy, bằng vải đủ màu, chỉ tạo ra một sự đối chọi tỷ-lệ khác thường, tiếng chuyên-môn gọi là mất tỷ-lệ. Khiến từ xa nhìn vào các toà công-trình quan yếu như Viện Bảo-Tàng Cách-Mạng và Lịch-sử, Đại-sảnh Nhân-dân, lăng Mao chủ-tịch... bỗng trở nên nhỏ bé. Vài bồn hoa khác còn trình-diễn những hình ảnh truyền-truyền như công-nông-binh xây-dựng đất nước. Họ muốn phô-trưởng thành quả Cách-mạng to lớn bằng cách ghép những chậu hoa-vàng thành những hạt lúa to, kết từng hai hàng song song thành bông lúa thật lớn, rồi để buộc lại thành bó lúa vĩ-đại! Du khách Tây-phương thấy kiểu trang-trí mới lạ, chen nhau chụp hình. Người biết chuyện nhìn nhau cười mấy chiếc bánh vè.

Một hiện-tượng thật đặc-biệt, trong những ngày lễ Quốc-Khánh của Đại Quốc Trung-Hoa Cộng-sản, còn nhiều mặt bảo-thủ, giữa Quảng-Trường Bình-An do Trời cao ban xuống này, bỗng nhiên lại được dựng ngay bên tháp đài kỷ-niệm Anh-hùng Nhân-dân một dàn

sắt to, chung quanh đều đặt đèn chiếu, căng hình ảnh lớn của nhà đại Cách-mạng Trung-Hoa có công lật đổ triều đại phong-kiến cuối cùng Mãn-Thanh để sáng-lập Dân-Quốc: Tôn-Dật-Tiên! Vị Quốc-Phụ của Trung-Hoa Dân-Quốc đang đối mặt, chiếu mắt nhìn về bức hình họ Mao, thần-tượng của đảng Cộng-sản, nay có vẻ như nhỏ hơn dù vẫn được treo y nguyên trên cửa cuốn chính Thiên-An-Môn, giữa hai bảng đồ mang hàng đại tự tuyên-truyền từ thời Mao còn sống: "Cộng Hòa Nhân-Dân Trung-Quốc Vạn-Tuế" và "Nhân-Dân Thế-Giới Đoàn-Kết Vạn-Tuế". Tôi tìm cách hỏi ngay cô hướng-dẫn viên. Nhưng cô chỉ ậm-ừ, rồi nhắc nhở mọi người bám chặt đoàn giữa biển người đông-dúc này để khỏi lạc. Khác với lúc hỏi cô về biển cổ đẫm máu xảy ra tại quảng-trường Trời cho bình-an, nay phủ đầy hoa đỏ này. Cô đã trả lời, lúc đó cô còn là học-sinh và đã hăng say tham gia vào làn sóng đấu-tranh như mọi người. Bỏ trường, bỏ nhà hết ngày này sang ngày khác, nếu không ở đây hỗ-trợ cuộc biểu-tình, thì cũng theo đoàn học-sinh đi quyên tiền hỗ-trợ cuộc tranh-đấu. Nhiều hôm trưa nắng khát khô cả cổ, ốm cả đồng tiền mà chẳng dám rút ra một đồng để mua cây cà-rem! Tiếc rằng về sau mấy anh chị sinh-viên cầm đầu phong-trào đã ôm cả khối tiền chạy qua Mỹ sống phè-phỡn. Lúc đó và ngay cả bây giờ chúng tôi chẳng có đủ thời-giờ và phương tiện để kiểm-tra xem chuyện thực-hư thế nào. Vì biết đâu cô hướng-dẫn đã được học-tập để trả lời du-khách như vậy. Còn việc treo hình-tượng Tôn-Trung-Sơn trong ngày Quốc-Khánh giữa quảng-trường Thiên-An-môn, có lẽ còn quá mới cô chưa được chỉ-thị giải-thích.

Chúng tôi nắm tay nhau hoặc đi sát khít nhau từng hàng năm, ba người, chen nhau với từng đoàn người dày đặc, lên xuống cầu thang, mắt phải luôn dõi theo lá cờ xanh của Quốc-tế Lũ-hành cuộc, chun dưới đường hầm ngang qua đại-lộ Trường-An, đại-lộ dài 15 cây số, dài nhất Bắc-Kinh, nơi vẫn thường được tổ-chức những cuộc diễn-hành lớn nhất nhân các ngày đại-lễ như Quốc-Khánh... Đường hầm rộng, sạch và đông người hơn các đường hầm Métro Paris. Ai cũng ngại lạc khỏi đoàn. Mà lạc hay "đậu phọng" ở đây thật vất-và gấp

mười lần ở Paris. Lên khỏi cầu thang của đường hầm, ánh sáng mặt trời sắp đứng bóng đã tràn ngập khắp khoảng sân gạch rộng nằm giữa hai dãy bồn hoa đỏ trải dài ra hai bên trồng theo dọc theo chân tường thành. Bỏ lại sau lưng đại-lộ Trường-An đầy xe buýt chạy xuyên qua Thành-phố, năm cầu Ngọc-Đài bắc qua hào Ngân-Hà với hai trụ cột Hòa-Biểu bằng Hán bạch-ngọc, tượng-trưng cho Đệ-quyền, điêu-khắc hình rồng quấn quanh, chạm nổi những đám mây, và trên đầu cột còn trang-trí hai cánh giương ra, chúng tôi đã đứng trước cổng chính vào Hoàng-Thành mang ba cái tên lịch-sử Thiên-An-Môn, nơi mà xưa kia các chiếu chỉ của các Hoàng-đế Trung-Hoa được trong hộp phụng-hoàng, đã được thông dây thả xuống ở đây để quan Khâm-sai quý năng hai tay đón nhận. Trên bề thành gạch đỏ cao 10 thước này lại xây lên một tòa phụng-lâu cao 24 thước, lợp hai tầng mái ngói đỏ chồng lên nhau. Giữa hai mái lại gắn chặt một quốc-huy to cũng nền đỏ. Bên dưới còn treo một hàng đèn lồng đỏ nữa giữa những vài cột sơn son. Thêm hàng cờ đỏ phất-phới bay. Ôi! Dù có đổ thêm máu của Sinh-viên và Nhân-dân loáng khắp mặt Quảng-trường cũng không thể đua thắm hơn quá nhiều màu đỏ ở đây!

Trong khi chờ cô hướng dẫn-viên đi lấy vé vào cửa, tôi chạnh nghĩ đến người tác-giả công-trình đồng-hướng sống và thiết-kế xây-dựng nơi này cách nay năm sáu thế-kỷ, mà hàng vạn du-khách đang trầm-trồ chiêm ngưỡng ở đây, mấy ai để ý đến. Tôi muốn vịnh lại hai câu thơ chữ Hán của thi-hào Nguyễn-Du, mà tiếc mình không đủ sức:

*"Bất tri ngũ bách dư niên hậu,  
Thiên-hạ thủy nhân luận Nguyễn-An"*

Cũng theo ông Khương-Bửu, Tổng kiến-trúc-sư Nguyễn-An đã chỉ-huy lực-lượng một triệu nhân-công thực-hiện công-trình vĩ-đại này suốt 17 năm liền từ 1404 đến 1420. Phi-tốn về nhân-lực và vật-liệu thật lớn-lao, như gỗ quý phải vận chuyển từ miền Hoa Nam và cả từ đất Giao-Chi mới thuộc quyền cai-trị của nhà Minh. Lại động-viên được nhiều thợ khéo ở khắp nơi, trong đó có trên 7000 người Giao-Chi do Trương-Phụ đã vó-vét hết gửi về. Chương-trình xây-dựng đại-khái diễn-tiến như sau:

- Năm 1404, xây thành quách bao quanh Hoàng-thành và Đại-nội, mở ra bốn cửa: Ngọ-Môn, cửa chính ở mặt Thành Nam, Thần-Vũ-Môn phía Bắc, Đông-Hòa-Môn và Tây-Hòa-Môn ở hai mặt bên. Phía trong Ngọ-Môn lát đá một quãng trường rộng hình vuông, giữa đào một con sông nhỏ uốn khúc chảy qua mang tên Kim-Thủy, trên bắc qua 5 chiếc cầu bằng Hán-Bạch-Ngọc, đặt tên chung là Kim-Thủy-Kiều.

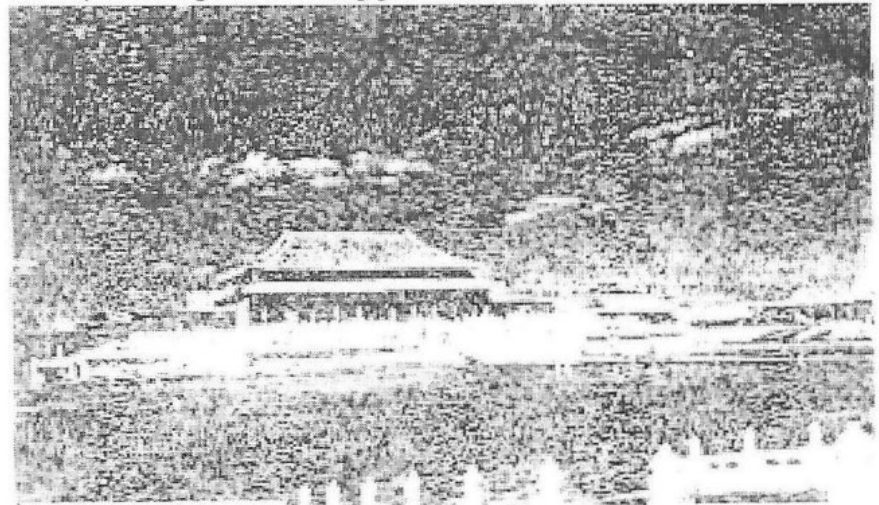
- Từ năm 1406 đến 1420, thực-hiện xong các công-trình bên trong Đại-Nội: cung-điện, nghi-môn, đường sá, sân lát đá, vườn hoa cùng nhiều cung thất ở hai phía Đông Tây. Các cung-điện quan yếu và các đại môn lâu đều tọa-lạc ngay trên trục chính Bắc Nam chạy xuyên suốt đường trung-trục của Kinh-thành, ngăn cách nhau bởi các sân rộng lát gạch đá. Tất cả các công-trình, các thành phần trong quần-thể kiến-trúc này đều đối-xúng lẫn nhau, để thể-hiện tinh-thần công-bình chính-trực của nhà vua.

Hoàng-cung hay Cố-cung được khởi công vào năm 1406, tu sửa, canh-tân vào thế-kỷ 16. Phần lớn lại được tái-thiết và trùng-tu từ thế-kỷ 17 đến thế-kỷ 19. Các hoàng-gia Minh Thanh đã thay nhau trú-ngụ cho đến năm 1924 và nay đã được biến cải thành Bảo-làng-viện. Khu Tử-cấm-Thành này (Tử là tím, nhưng chúng tôi thấy thành-tri cung-điện ở đây đều sơn màu đỏ tía) chiếm một hình chữ nhật khổng-lồ dài gần cây số theo hướng Bắc-Nam, còn chiều ngang Đông-Tây rộng 760 m, chiếm một diện-tích hơn 720.000 thước vuông, được bao quanh một bức tường thành cao hơn 7 m và một hào rộng. Như hai cổng chính nằm trên trục giữa Nam-Bắc, hai cổng Đông-Hòa-Môn và Tây-Hòa-Môn cũng gồm ba cửa cuốn vòng cung, nhưng nằm lệch sâu xuống phía Nam, mở lối vào cho bá quan và dẫn đến những điện hành lễ đều nằm ở khu Nam. Bốn góc Hoàng-Thành đều xây vọng-lâu, soi bóng mái ngói xuống hào nước, lập riêng thành những trại ngự-tiền thị-vệ với những kho lẫm để phục-vụ các toán lính canh này. Qua Thiên-An-Môn, chúng tôi phải đi trên một khoảng sân dài được bao kín bằng những lang-vũ, đình, môn, xưa nay vẫn được dùng để thao-diễn hay duyệt binh. Cổng Đoan-Môn phân đôi sân này: Phần ngắn ở bên ngoài, phần dài hơn ở phía trong chạy tới tận Ngọ-

Môn, cổng chánh của Hoàng-Thành được xây qui-mô nhứt, gồm ba lâu thành kết-hợp lại theo hình chữ U, bắc qua hào nước rộng. Như vậy ngoài lâu thành ở giữa xây 9 gian (dài 126 m) và nóc hai mái chõng lợp ngói trắng men vàng như các cổng khác, cũng dựng cột, vách gỗ, cửa nẻo sơn son, đá sơn xanh vàng tím, nhưng lại thêm 4 vọng-lâu ba gian hình gần vuông cũng lợp hai mái ngói vàng nằm ở hai đầu hai cánh chữ U, được nối lẫn nhau bằng các dây trụ-lang lợp một mái. Đứng từ ngạch cửa chánh của Ngọ-Môn, chúng ta đã nhìn thấy sân trước rộng 600 thước, hình gần vuông của Đại-Nội, giới-hạn phía trước mặt bởi Thái-Hòa-Môn, không xây trên thành cao 7 m như các cổng trước mà chỉ xây trên nền đá chỉ cao độ 2 thước. Giữa sân lát đá này, dòng Kim-Thủy hà uốn khúc ngăn đôi, hai vách bờ cũng được cẩn đá hoa, phía trên dùng lan-can đá hoa trắng. Muốn qua phải đi trên năm chiếc Kim-Thủy-Kiều, dùng lan-can Hán bạch ngọc chạm trổ ở hai bên. Nhưng chiếc cầu ở giữa dẫn theo chính-lộ đưa thẳng đến cầu thang giữa

toàn bộ công-trình và trồng những cây đại tùng ở giữa. Trước cổng Thái-Hòa nổi bật hai tượng đồng sư-tử thật lớn, ngồi trên hai bệ đá hai bên, vẫn được biểu-tượng cho Tử-cấm-Thành. Sư-tử được đặt trên quả cầu tròn tượng trưng cho vũ trụ quyền bao trùm hoàn-vũ. Sư-tử cái đạp hồ một chân lên sư-tử con tượng-trưng cho quyền cai-quản tam cung lục viện.

Ba cầu thang dẫn lên tòa cung-môn hai mái chõng lên 9 gian, mà gian giữa thật rộng, hai gian cuối hẹp dùng vách hoa gỗ. Từ đó giăng ra hai bên hai dây trụ lang dài đến tận hai vọng gác vuông cũng lợp hai mái ở hai góc sân, chỉ gián đoạn ở giữa bởi hai tòa nhà ba gian một mái. Cầu thang giữa tuy cũng mở rộng hơn theo gian giữa, nhưng lại phân ra hai bên xây các bậc thang chỉ vừa đủ chỗ cho các kiệu phu đi, chừa hết bề rộng còn lại để cẩn nguyên tảng cẩm thạch trắng chạm rồng mây, dựng thành thang xiêng, để xa giá Hoàng Đế hay Long kiệu được khiêng lên xuống. Từ đây vào trong đại nội tất cả các nghi môn, cung điện chính đều được thực hiện 3 cầu thang



Thái-Hòa điện

lên sân thượng Thái Hòa Môn, chỉ dành cho Hoàng-Đế xử-dụng. Các cầu hai bên dành cho bá quan văn võ tùy theo phẩm-trật. Hai phía tả hữu sân được đóng lại bằng hai dây trụ-lang chỉ chừa hai cửa Đông,Tây mở ra Thái-Miếu thờ các đấng Tiên-vương, nằm trong một vườn cây cảnh đẹp và Thần Miếu thờ các vị Thần bảo vệ Hoàng-Thành. Thái-miếu ở phía đông cũng được Hoàng-đế Vĩnh-Lạc giao cho Nguyễn-An xây dựng vào năm trị-vị cuối cùng của nhà vua. Về sau được vua Càn-Long nhà Thanh cho trùng-tu lại, xây hai lớp thành dày bao quanh

lên xuống như vậy tạo thành Long đạo lát Hán bạch ngọc cho vua đi, băng qua các sân, xuyên suốt Cố cung, nằm trên trục chính Bắc-Nam của Tử-cấm-Thành.

Đại Nội được chia thành hai phần: Một nửa về phía Nam để tiếp-xúc với bên ngoài, gọi là Triều-Ngoại hay Tiền-Triều, nửa trong phía Bắc chỉ dành riêng cho Hoàng-Gia, được gọi là Hưởng-Đình hay Nội-Đình.

Khu Triều Ngoại gồm Tam đại điện lớn nhứt hoàng thành, xây trên ba tầng sân thượng cao rộng với những lan-

can Hán bạch-ngọc bao quanh, kể từ cổng Ngọ-Môn vào trong mang các:

*Tên cũ đời Minh:* Phụng-Thiên, Hòa-Khải, Cấn-Thần.

*Tên mới đời Thanh:* Thái-Hòa, Trung-Hòa, Bào-Hòa.

Sân bao quanh khu Triều-Ngoại đều được lát 15 tầng gạch đá, củ một lớp lát gạch ngang, lại lát lên một lớp gạch dọc, rồi tiếp-tục lát nhiều lớp như vậy cho đến mấy tầng bên trên lát đá cũng tréo ngang dọc và lớp trên cùng mới lát đá hoa trắng cắt từng tầng hình chữ nhật, được khai-thác từ trên rặng Yên-Sơn. Đặc-biệt trên sân Triều rộng mênh mông này, cũng như sân trước Thái-Hòa-Môn và cả một phần sân trước Ngọ-Môn đều không trồng một bóng cây: Các Hoàng-đế trải hai triều-đại đều sợ các thích khách leo núp sẵn trên tàng cây để chờ dịp nhay xuống hành-thích nhà vua! Sân Triều ở giữa khoảng Thái-Hòa-Môn và Thái-Hòa-Điện rộng tới 180 m. Vào những ngày đại lễ hay lúc vua lâm-triều, bá quan văn võ đã đứng xếp hàng tại đây phân thành 18 nhóm, tùy theo phẩm-trật từ nhất phẩm triều-đỉnh ở phía trong cho đến cửu phẩm ở ngoài cùng.

Thái-Hòa-Điện xây trên ba tầng sân thượng, được cấn và dừng lan can chạm trổ bằng loại Hán bạch ngọc thượng đẳng và lợp hai tầng mái bằng ngói lưu-ly trắng men nhũ vàng, đã được xem là tòa cung-điện cao rộng nhất nước. Đài-cổ (nền cung, nền nhà) ba tầng, màu vàng mái ngói và hai tầng nóc chõng lên nhau là những biểu-tượng cung triều Hoàng-đế. Dân chúng lên đến các bậc đại thần đều chỉ được phép xây nhà cửa, dinh-thự một tầng nền, một tầng mái. Nhà dân thường được cất tới 3 gian, quan được 5 gian. Chỉ các Vương-hầu, Thừa-tướng mới được cất dinh 7 gian. Tầng sân thượng dưới cùng đắp cao nhất. Ở ngay chính giữa mỗi tầng sân thượng đều có ba cầu thang dẫn lên. Đặc-biệt cầu thang giữa luôn-luôn dài hơn hai cầu thang bên, vì các bậc thang dành cho các kiệu phu xây thấp hơn do kiêng nặng, bước thấp và cũng để ăn khớp với thang xiên ở giữa dựng thoải-thoải hơn. Ở mỗi tầng, hai bên cầu thang giữa đặt sẵn hai lũ đồng, hai cầu thang bên mỗi cái một. Tầng sân thượng giữa cũng đặt 4 lũ đồng như vậy, nhưng ở hai đầu còn để thêm hai vại đồng lớn mạ vàng có khoen hai bên và chân đứng, đựng đầy nước, dù

mùa đông tháng giá nước đóng băng, cũng có thể đun lửa, để lúc nào cũng có sẵn nước cứu hỏa. Nguyên do vào thời nhà Minh, đã có lần đại điện này phát hỏa, phải lấy nước từ xa nên thiệt hại rất nặng. Tầng sân trên cùng đặt thêm hai lũ đồng trước hai gian phụ ở cuối dãy thành 6 cái. Góc phải còn dựng một đồng-hồ bằng đá tròn, giữa cắm một trụ nhỏ để mặt trời rọi bóng định giờ. Bên góc trái dựng một trụ đá hoa trắng chạm thành nhà lồng nhỏ như đèn lồng đá, nhưng đó lại là học lúống, dụng-cụ đo thể-tích lúa gạo và hai hình tượng hạc và qui bằng đồng, hai con thú sống lâu để chúc thọ nhà vua vạn-tuế. Ngoài ra trước cửa mỗi gian Thái-Hòa-Điện còn đặt một giá chiêng, giá trống, giá chuông, hoặc đồ Lộ-bộ và dưới mỗi trụ lan can đều gắn một thỏi bạch ngọc chạm hình đầu long nhĩ, một trong 9 con rồng con làm máng thoát nước trên các sân thượng.

Tiền-diện đại-diện này đo được 63,96 m phân 11 gian, nhưng chỉ tính 9 gian chánh mở 4 cánh cửa và gian giữa thật rộng với 4 cánh cửa lớn hơn, còn hai gian cuối hai bên là các gian phụ chỉ mở hai cánh cửa vào một hành lang hẹp. Trong cung-diện vua thường dùng số 9 vì đứng ngôi Cửu ngũ, bốn mạng là 9 vì tinh-lú trên trời. Nền trên 4 góc mái đều dựng 9 tượng nhỏ thú thủy và tượng tôn thú lớn hơn, ở cả hai tầng nóc, mà trên nóc đình bên ta quen gọi là các con sô, con giao. Hai đầu sóng nóc giữa, trên cao thì dựng hai con si-vĩ thật lớn tức là con Kim của đình ta. Tất cả những hình tượng này đều bằng sành trắng men nhũ vàng. Tả và hữu-điện rộng 37,17 m phân 5 gian. Công-trình từ chân cột lên sóng nóc cao 26,92 m vướn hai chái mái cong vút như cánh chim bay. Thật đúng như lời miêu tả trong bài "Tú Vu" để ca-tụng một cung điện đẹp: "Như diều tứ cách, như huy tứ phi" theo nghĩa như chim tung cánh bay, như chim bay vút. Thuộc loại "Mộc-cấu kiến-trúc", phần trong nội ốc còn 4 hàng cột chịu chính đối-xứng hai hàng trước với hai hàng sau qua trục song song với đòn dông. Mỗi hàng gồm 8 cột sơn son nguyên thân gỗ lớn cả người ôm. Ngay trong gian giữa hơi lùi vào phía hai hàng cột trong, nơi mà sáu cây cột cao lớn bao quanh đều thếp vàng, chạm nổi hình rồng quấn quanh, tọa-lạc một Ngai vàng, bằng gỗ quý sơn mài mạ vàng, trang-hoàng

chín con rồng chạm thật lộng-lẫy, đặt trên hai lần sập. Sập nhỏ hai bậc thếp vàng để ngay giữa sập lớn bày bạc trải thảm, cho dù cửu-trùng, chín tầng. Phía sau ngai vàng dựng 7 bức bình-phong ghép lại như ôm đỡ ngai vua. Sáu bức chia ra xếp đều hai bên, mỗi bức trên dưới đều chạm một rồng và cao lớn dần đến bức ở giữa cao lớn nhất, trên dưới đều chạm ba con rồng, con giữa nhìn trực diện, hai con kia châu hai bên. Như vậy bình phong chạm đủ Cửu-Long hộ thể. Hai bên còn đặt tượng hạc châu, voi mang độc bình. Trước mặt chúng 4 lũ hương lam ngọc kê trên đôn gỗ 5 chân chạm trổ, đặt giữa hai lan can, để phân các bậc thang ra làm ba, ở giữa rộng dành cho vua, hai bên hẹp cho các Thái-giám, hay Cận-thần lên xuống trao chiếu chỉ của Hoàng-đế hay đón nhận các biểu-chương. Các tượng hạc, voi, lư-hương, độc bình nghi-lễ đều tượng-trưng cho trường-thọ và những điều may mắn. Đầu cùng, nơi các cột kèo tiếp giáp nhau, chạm-trổ, khắc vẽ và sơn son thếp vàng tầng tầng, lớp lớp những con sơn chõng đầu chống đỡ không biết có-mạn nào là đòn ngang, đà dọc. Tượng ý hình rồng mây trang-trí khắp nơi từ khiêu tiêm ở đầu kèo, qua ngang chùy ở óc cửa, lên mã trách đầu đòn tay, tới từng ô vuông trần cung-diện.

Đặc biệt trên trần ngay trung-tâm gian giữa đại-diện, chừa một giàn bảo cái lớn gồm nhiều khung vuông chõng chéo lên nhau, ngoại tiếp một hình tròn ở giữa, chạm trổ hình một con rồng lớn uốn khúc trong các đám mây, miệng ngậm dây treo một dàn đèn bằng 7 viên trân châu lóng lánh ánh bạc, mà viên chính giữa thật to lớn quá mức. Ngay phía trên Ngai vua còn lắp một tấm minh kính, phản chiếu toàn bộ Ngai vàng, tượng-trưng cho Quang-minh Chính-đại. Thời đầu Dân-Quốc, nhà chí-sĩ cách-mạng Tôn-Trung-Sơn vì muốn lấy lòng nhóm quân phiệt miền Bắc, nên đã nhường chức Đại Tổng-Thống cho ông tướng Viên-Thế-Khải. Ông trùm quân phiệt này liền lợi-dụng cơ-hội, lên luôn ngôi vua, tự xưng là Hoàng-đế, tiếm-dụng các cung vàng điện ngọc của nhà Thanh bỏ lại. Nhưng cứ mỗi lần lâm triều, ngồi lên Ngai vàng, ông cứ thấy bút rứt, hết xoay đầu lại trở mình, vì nhìn lên tấm gương trên trần cứ soi rõ cái đầu trọc của chính mình, coi thật là dị hợm.

Bên sai quân hầu dời lệch Ngai vàng ra phía trước, để khuất mắt khỏi thấy tấm minh kính. Nhưng như vậy đã mất thể "Chính-đại Quang-Minh". Ông lại không phải là Chánh vì Vương nên chẳng bao lâu đã bị lật nhào khỏi ngôi báu. Trải qua hai triều-đại, các Hoàng-đế Trung-Hoa từ Minh-Thành-Tổ cho đến vua Phổ-Nghi nhà Thanh đều thiết Đại-Triều tại Thái-Hòa-Điện và tổ-chức các đại lễ như lễ đăng-quang vị tân Hoàng-đế, Tết Nguyên-Đán, ngày Đông-chí, lễ Thành-hôn, lễ Khánh-thọ nhà vua, lễ phong Nguyên-soái, trao guồng lệnh, ấn-tín, để ra quân dẹp giặc và Tuyên-chỉ, ban-hành những luật-lệ quan trọng.

Trung-Hòa-Điện nằm trên khoảng hẹp ở giữa nền sân thượng ba tầng, chỉ lợp một lớp mái như tòa điện trung-gian nối liền hai đại-điện nằm trước và sau. Tòa cung điện hình vuông này mỗi cạnh dài 16 thước với 4 thân cột trong phân ra ba gian với gian giữa luôn rộng hơn, thêm hàng cột ngoài chịu riềm mái che hành-lang bao quanh, cùng chống đỡ một tầng nóc hình bán nguyệt những bốn mái vàng cong lôm vào. Trong nội điện cũng đặt ngai vàng nhưng chạm-trổ đơn-giản hơn và chỉ đặt trên một sập lớn một bậc. Phía trước vẫn đặt 4 lư

đồng kê trên các đôn 5 chân sơn son viền vàng. Bình-phong hộ thể chỉ chạm rồng phía trên. Hoàng-đế thường tiếp kiến các Sứ-thần, các quan Đại-thần tại nơi làm việc thường xuyên này. Vua cũng hay nghỉ ngơi, thay Hoàng bào, mặc Long bào tại đây, để chuẩn-bị ra điện Thái-Hòa dự các đại lễ, hay qua Thái-miếu cúng tế các đấng Tiên vương. Sau hết mỗi năm vào đầu mùa gieo trồng, các quan chức trông coi nông-nghiệp sẽ trình bày các dụng-cụ cây bừa và hạt giống mới ngay trên sân thượng phía trước điện Trung-Hòa.

Bảo-Hòa-Điện rộng thênh-thang, cũng được xây dựng đồng thời, cùng một kiểu-thức, theo cùng bình-đồ và cũng lợp hai lớp mái chõng như Điện-Thái-Hòa, nhưng chỉ còn 7 gian chính và 2 gian phụ, kích-thước cũng nhỏ

hơn: 49 x 23 m. Thay vì 2 mái vồng ở hai mặt bên, tầng nóc trên lại dùng hai đầu hồi tam giác với hai mái cong nhỏ. Bên trong bày ngai vàng và bình-phong chỉ chạm rồng thép vàng bên trên, đặt trên một sập cao 7 nấc trải nhung vàng, nhưng nấc đầu tiên rất thấp. Cầu thang lên ngai cũng được các lan-can và 4 lư-đồng chạm nổi hoa văn sơn vàng trên nền xanh lam, kê trên đôn gỗ cao, chia ba. Điện Bảo-



Tử Cấm Thành

Hòa là nơi Hoàng-đế thiết-yến đãi các Quốc-vương chủ-hầu đã nhận sắc phong, các sứ-giá nước ngoài đến dâng cống-phẩm, các vị Hoàng-thân quốc-thích và Văn Võ quần-thần quý-tộc. Về đời nhà Thanh, Điện này được dùng làm nơi mở các cuộc Đình-thí, tuyển chọn các quan chức sung vào viện Hàn-Lâm.

Rào đóng bốn phía sân Triều-ngọai, bao quanh tam đại-điện nghi-lễ này là các dây trụ-lang, đỉnh-các và các tường ngăn có cửa thông, làm nơi treo mào, gác roi, tụ-tập châu-hầu của bá quan, nơi chờ-chực của nhóm Thái-giám và đám phụ kiệu và trạm canh phòng của đội ngự-tiền thị-vệ. Riêng hai tòa đình ba gian ở hai đầu tường ngăn phía Nam được bố-trí thành thư-viện Hoàng-gia và văn-khố tàng-trữ các biểu-chương. Khu Hưởng-

Đình cũng gồm ba tòa cung-điện nằm trên trục chính được thiết-kế tương-tự như ba tòa đại điện ở khu Tiền-triều, nhưng kích thước nhỏ hơn và chỉ xây trên một tầng sân thượng, nằm lọt gọn về phía sau một sân vuông dài, hẹp hơn sân trước. Các dây trụ lang bao quanh 4 mặt sân với cổng lớn ở hướng Nam, ba cổng nhỏ ở các mặt Đông Tây và hai cửa phụ thông qua lục viện ở hai bên. Ngay sau khu này thông với

cửa Bắc còn lưu lại vườn Thượng-Uyển với những rặng tùng bách, cây cảnh. Bước trên những bậc thang phía sau điện Bảo-Hòa, đi xuống dọc theo hai bên thang xiềng dành cho kiệu vua đi chuyển, thực-hiện bằng nguyên tảng Hán bạch thạch dài 16,57 m, rộng 3,07 m và dày tới 1 thước 7, chạm nổi tượng Ngũ Long tranh Châu uốn khúc trong các đám mây. Đây là tảng phù-điều bạch ngọc lớn nhất trong các cung-điện, đã được điêu-khắc dưới triều nhà Minh và được chạm khắc lại vào năm 1761, tức Càn-Long nhị thập lục niên. Tiếp-tục đi qua sân đá hẹp, trải rộng theo chiều ngang, ngăn hai khu Triều-ngọai và Hưởng-Đình, du khách sẽ bước tới cầu thang được phân ra ba bởi hai tượng sư-tử và hai vại đồng, đều dẫn lên sân thượng, để vào cổng chính Càn-Thanh-Môn, giăng hai bên hai bức tường dày màu đỏ tía, dưới có đế, trên lợp mái che với ngói vàng. Qua cung-môn

này, mọi người sẽ nhìn thấy ba tòa hậu điện xếp thành hàng trên sân thượng hình chữ I: Càn-Thanh-Cung là Tả-cung của các Hoàng-đế triều Minh và Thuận-Trị, vua Thế-Tổ nhà Thanh. Sang đời vua Khang-Hi đã bắt đầu tiếp các quan Đại-thần và các sứ-thần các nước chịu triều cống tại gian giữa ngôi biệt điện vẫn được sử-dụng làm phòng ngủ của nhà vua. Ngai vàng chạm trổ Cửu-Long triều đường, mà mặt trời được khắc trên tấm dựa lưng bằng gỗ sơn mài mạ vàng, đặc biệt được đặt sau một án thư ●



# Tìm lại mùa Xuân đã mất

● Nguyễn Quý Đại

**T**rong khi chuyển Pháp Luân ở thành Ba-La-Nại, Đức Phật có dạy về Tú Diệu Đế, trong đó có Khổ Đế với "sinh lão bệnh tử". Chúng ta sinh ra và phải chấp nhận định luật chung hay là lẽ vô thường của tạo vật. Vào kỷ nguyên của Đức Phật có lẽ không có nhà tù; nên Ngài đã không nói đến chữ tù. Sau năm 1975 tại miền Nam Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản đã có hàng trăm ngàn tù nhân chính trị, sống trong các trại tù cơ cực không đủ ăn, làm việc nặng, bệnh không có thuốc uống. Từ đó phát sinh ra nhiều bệnh có nhiều người đã bỏ mình trong các trại tù. Những người còn sống được trở về với gia đình ít nhất cũng mang một chứng bệnh trong người.

Tôi cũng một là một tù nhân chính trị, trải qua trại cải tạo tại miền Nam, bị cưỡng bức lao động, làm việc nặng, khiêng vác quá sức của mình. Đã một lần tôi bị trượt xuống sống, không có thuốc thoa xức. Lúc ấy may lắm mới có dầu Nhị Thiên Đường, Khuynh Diệp thoa bóp ngoài da. Nếu không có dầu, lấy nước muối thoa vào chỗ đau, tiếp tục đi lao động vì không được phép nằm nhà nghỉ bệnh. Lán trại không có giường để nằm, tối nằm ngủ dưới nền đất ẩm ướt...

Với đời sống hiện tại, có đôi lúc tôi vui kể lại chuyện cũ bên quê nhà, và tại sao chúng tôi có mặt tại nước Đức với những người bạn Đức. Họ đã là lối lác đầu khó tin, vì ở vào cuối thế kỷ 20 này mà vẫn còn có cuộc sống không có tình người. Tôi đã đưa bạn tôi đọc tác phẩm "Echo aus dem Abgrund" thơ Nguyễn Chí Thiện, do Dr. Bùi Hạnh Nghi dịch sang Đức ngữ. Họ biết được một phần nào đời sống trong trại tù hay cải tạo dưới chế độ Cộng sản đã đối xử tàn bạo với những người đối lập chính trị...

Thời gian trong trại tù vì làm việc quá sức nên tôi đã bị đau lưng. Sau khi được trả tự do về nhà, được bồi dưỡng nên sức khỏe phục hồi lại bình thường. Đi vượt biên được tàu Cap Anamur vớt, nên tôi được nhận định cư tại Đức vào năm 1980. Thịnh thoàng tôi cũng bị đau lưng trở lại, đi Bác sĩ chụp quang tuyến X không thấy triệu chứng nguy hiểm về cột xương sống và phỏng đoán là bị phong thấp. Được chích thuốc, hơ nóng lưng, thoa kem vào lưng để giảm bớt cơn đau. Tôi khỏe mạnh đi học, đi làm việc nhẹ, sau giờ làm việc nghỉ ngơi, chạy jogging, bơi lội.

Vào ngày khi ngủ dậy tôi nhảy mũi 2 lần, lưng bị đau buốt, khó đứng lên, trên bắp đùi hơi đau nhẹ và từ từ xuống chân đau nhức. Lúc ấy cuối tuần người bạn Telephone gọi tôi chạy jogging và đến vườn bier nhậu. Trời tháng tư nắng ấm, có hoa Anh đào nở rộ, ngồi ở vườn bier thường thức cảnh đẹp màu hồng của hoa nổi bật trên nền trời xanh tuyệt vời. Người bạn bảo tôi: "biết đâu trúng gió độc nên thoa dầu cạo gió sẽ khỏi!". Tôi được nhà tôi cạo gió, chân đỡ ùng, nhưng vẫn không hết cơn đau. Uống thuốc chống đau nhức, rồi tôi ráng đi đến vườn Bier để thường thức cảnh đẹp của hoa lá.



Ngày hôm sau thứ Hai, tôi đến sở làm việc, với những cơn đau nhẹ và khó đi. Chân bên phải có cảm giác bị liệt, đến Bác sĩ của sở Siemens Betriebsarzt, tôi được chuyển đến Bác sĩ chuyên khoa về xương Orthopaedie để chuẩn bệnh. Được chụp quang tuyến X, nhưng không thấy gì, chỉ nghi là triệu chứng Bandscheibenvorfall (đĩa sụn đệm giữa các cột xương sống bị bể xi ra đè lên các dây thần kinh xuống chân) tôi được chích thuốc và cấp toa mua các thuốc viên loại Voltaren Dispers Geigy, Mobiforton... uống trị đau nhức. Nhưng sau khi thời gian hiệu nghiệm của thuốc, tôi bị đau nhức vô cùng. Sau một đêm không ngủ mất thâm sâu, chân bước đi không vững, tôi trở lại phòng mạch của Bác sĩ. Tôi là bệnh nhân đầu tiên được chuyển ngay đến phòng quang tuyến để chụp theo hệ thống Kernspintomographie. Nằm trong lò hơn 15 phút, chụp toàn bộ cột xương sống. Nhờ qua hệ thống này đã phát hiện được những đĩa sụn bị bể ở các đoạn xương sống ngang hông gọi là (L5,L4 Bandscheibenvorfall). Tôi mang film và hồ sơ trở lại phòng mạch Bác sĩ Orthopaedie và được đưa cấp cứu vào bệnh viện chuyên khoa Neurochirurgische

Klinik khám nghiệm tổng quát, lấy máu, chụp hình phổi, đo nhịp tim, nhin ăn để ngày hôm sau lên bàn giải phẫu. Tôi Telephone về sở thông báo bị nằm Klinik chờ giải phẫu. Bạn đồng nghiệp củ tưởng tôi đùa, sau đó khuyên tôi không nên có quyết định giải phẫu sớm, nguy hiểm có thể bị liệt ngồi xe lăn...

Thật ra khi nghe Bác sĩ Oberarzt chef khoa giải phẫu giải thích về bệnh trạng, tôi cũng đã toát mồ hôi hột, bên cạnh nhà tôi cấp mắt lưng tròn. Bác sĩ để cho tôi 5 phút suy nghĩ vì đĩa sụn đã đè lên trên các dây thần kinh để lâu ít ngày đường dây thần kinh dẫn xuống chân bị chết đi, có thể một chân bị liệt vĩnh viễn... Người ta đã nói "ra trận cầu nguyện một lần lấy vợ cầu nguyện 3 lần" nhưng lần này tôi chưa cầu nguyện. 3 phút sau tôi đã đồng ý giải phẫu. Chân bên phải đau nhức gần như bất khiển dụng. Nếu người đứng trước cầm 2 tay, tôi nhón chân đi tới bằng 10 đầu ngón chân, nhưng ngược lại không thể bước lui. Trong thời gian điều trị, những bệnh nhân cùng phòng còn cho tôi biết thêm: khi bị Bandscheiben, thường đau lưng buổi sáng ngủ dậy; phải đi nẩy ngựa, đi cúi xuống như một con Tôm, khi bị Bandscheibenvorfall thường đau nhức liệt chân, bị bí đường tiểu...

Qua những cơn đau bị giải phẫu. Nói về bệnh đau lưng thuộc chuyên môn của các vị y khoa Bác sĩ. Tôi không dám đi xa vào lãnh vực ấy. Sự hiểu biết của tôi bé nhỏ như một hạt cát bên dòng suối. Viết về cái tôi của một người bệnh chả có gì hấp dẫn. Nhưng trải qua kinh nghiệm một lần đau với cơn bệnh nguy hiểm, bên quê nhà ít nghe nói đến, cũng như có nhiều người nghe tôi bệnh thăm hỏi vấn an, và đã hỏi:

- Có bao nhiêu cái bù lon trong lưng, cây sắt trong lưng dài bao nhiêu cm?

Thấy tôi đã bị què một chân và bắt buộc ngồi luôn thẳng lưng, họ vô tình nói:

- Nửa đời thương đau hay hết nửa mùa xuân!...

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh đã viết "xuất sinh nhập tử. Sinh chi đồ thập hữu tam, tử chi đồ thập tam chi nhân chi sinh động chi tử địa diệc thập hữu tam" (ra đời gọi là sống vô đất gọi là chết, cứ 10 người ra đời thì 3 người bầm sinh sống lâu. 3 người bầm sinh chết yếu, 3 người có thể sống lâu được nhưng chết sớm vì không biết dưỡng sinh. Cộng lại 9 người chỉ còn một người biết dưỡng sinh mà thẳng được số mà thôi. Hy vọng chúng ta sẽ là người thứ 10 có thể khắc phục được cuộc sống một cách đơn giản có nghĩa là biết sống cho mình).

Bốn tháng nghỉ và dưỡng bệnh, khi đi làm trở lại tôi đã viết một đề nghị (Verbesserungsvorschlag) nhân viên làm

việc trong sở trên lãnh vực phát minh hay sản xuất, nên có chương trình học về sức khỏe, tham dự một vài giờ học về bảo vệ cột xương sống, trong khi ngồi làm việc. Thủ đề nghị của tôi được chuyển đến Bác sĩ (Betriebsarzt). Hai tháng sau được chấp thuận, đã có chương trình học về Rüsckenschule, Wirbelaeulengymastik. Nhân viên hãng Siemens Muenchen Neuperlach có thể tham dự chương trình về sức khỏe dành cho mọi người sau giờ làm việc không phải trả tiền, vì nhân viên khỏe mạnh ít bệnh, làm việc nhiều sẽ đem lại lợi tức cho sở. Mọi người đi làm tại Đức thời gian nghỉ bệnh được sở chỉ trả lương cho 6 tuần lễ, sau đó nhận 80% tiền lương do hãng bảo hiểm sức khỏe trả... Người bị bệnh luôn bị thiệt thòi...!

Trong phạm vi bài này tôi xin đóng góp với độc giả ai đã bị đau lưng, nên tránh xảy ra trường hợp như của tôi đã bị giải phẫu. Nên ngăn ngừa và làm thế nào để phục hồi được sức khỏe, vượt qua tàn tật, chỉ cần áp dụng một vài phương pháp dưỡng sinh ai cũng có thể làm được trong sinh hoạt đời sống hằng ngày.

Trong kinh Majjhima Nikaya chép Đức Phật nói "có sinh có tử và có những nỗi khổ ta chỉ dạy cho biết cái căn nguyên làm đau khổ và trò con đường đi đến giải thoát..." Nếu con người không chết, sống mãi thì trái đất này không có chỗ để sinh sống. Nhưng sống phải được khỏe mạnh biết và tránh khổ đau về bệnh tật, học được con đường giải thoát. Nếu một người

lưng và 5 phần ngang hông. Được đệm vào khoảng cách các cột xương sống có tất cả 23 đĩa sụn to nhỏ, tùy theo từng đoạn trong cột xương sống. Bệnh Bandscheibenvorfall (hernie discale) trường hợp này có thể xảy ra với mọi người. Cuối xuống bưng một vật nặng 10 kg, nếu không đúng thế thì đoạn xương phần 5 ngang hông chịu một trọng lượng 727,7 kg. Ngược lại nếu bưng một vật nặng 50 kg đúng phương pháp lưng chỉ chịu trọng lượng nhẹ 206 kg.

Con người sau 35 tuổi xuống bị yếu đi, nếu đã bị cụp xuống sống một lần cũng như một cành hoa bị bẻ cong, dù hoa vẫn nở nhưng cành hoa đã bị tì vết. Theo thống kê chung hiện nay 80% bệnh nhân bị bệnh đau lưng, với mọi trường hợp khác nhau dù không làm việc nặng, hằng ngày ngồi làm việc trước máy Computer cũng bị đau lưng, vì ngồi quá lâu... Các bà nội trợ làm việc nhà rửa chén, lau nhà, phơi quần áo nếu đúng không đúng thế có thể làm đau lưng. Làm sao biết đúng sai? phòng bệnh hơn chữa bệnh?

Theo tuần báo Stern số 42, ngày 9.10.97 đã nói về 48 bộ môn Thể dục, Thể thao, phân tích ưu và khuyết điểm, giúp cho Độc giả có thể chọn cho mình một môn hợp với túi tiền cũng như thể lực tuổi tác.

Đau lưng không nên đi Bác sĩ "chợ" phải đến Bác sĩ chuyên môn khám nghiệm. Lúc còn khỏe tôi rất lười đi Bác sĩ chuyên môn. Chỉ đến bác sĩ nhà

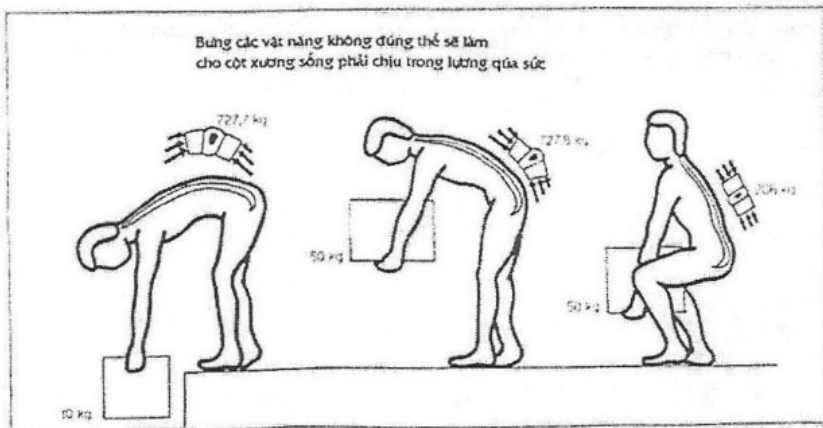
như khom lưng lấy các vật nặng dù một kết nước sôi hay một trái dưa hấu sau xe. Khi bưng một vật gì nên xuống tẩn. Góc hơi cong lưng phải thẳng khoảng 90 độ, bưng các vật sát vào bụng. từ từ đứng lên khi để xuống cũng làm như vậy.

"Thiên Chúa đặt con người trong vườn Địa đàng để con người trông tọt trồng coi. ( Gn 2,15) được Thiên Chúa ban cho trí khôn ngoan để suy tư, hiểu biết sáng tạo và hành động một cách tự do và trách nhiệm. Đời sống vốn phức tạp lại càng phức tạp hơn, nếu không tự khắc phục được mình để vượt qua mọi khổ đau phiền toái; học hỏi về Trí dục cũng như Thể dục, giống như vườn hoa nếu được chăm sóc kỹ sẽ mang lại cho ta nhiều bông hoa tươi đẹp. Chúng ta thường nghe nói nếu sống không đạo đức, chết xuống Âm phủ sẽ bị bỏ vào hỏa ngục, hay bị bỏ vào vạc dầu đang nấu. Tả cảnh địa ngục chưa thấy nghe qua cũng đủ nóng lạnh, nhắm mắt tưởng tượng nghe tiếng rên la của nạn nhân bị bỏ vào vạc dầu sôi thật khủng khiếp. Nhưng địa ngục không xa, và có thật khi chúng ta bước vào bệnh viện. Có đau nhức mới hiểu được nỗi khổ của một căn bệnh. Một mụn nhỏ cũng làm cho ta khó chịu... Tôi đã ở khu giải phẫu và đã thấy hằng ngày. Người bị tai nạn của tay, chân. Người bị ung thư chờ mổ cắt bỏ. Người đeo bình chống nặng. Người rên la đau đớn trong một nỗi cô đơn, không có người thăm viếng an ủi. Lúc khỏe mạnh bon chen vì tiền tài, danh vọng, tham-sân-si, nhưng lúc ốm đau tất cả trở nên đều vô nghĩa... Dù khoa học tân tiến nhưng cũng không thể cãi mệnh trời với những khổ đau của con người.

Sau khi được quyết định mổ vào sáng hôm sau, dù được cho uống thuốc an thần, nhưng đêm ấy tôi cầu nguyện xin Thiên Chúa ban cho tôi bình yên, vượt qua những lo âu thử thách. Đồng hồ trên tường, chỉ 7g30 phải tự tắm rửa thay áo màu trắng đã khủ trùng và mang đôi vớ tối đùi, nằm trên giường có chồng hồ sơ bệnh lý và film quang tuyến X. được đẩy đến phòng giải phẫu.

Trong phòng giải phẫu, 8g sáng vừa hít thuốc mê tôi thấy màu trắng thành màu xanh tối mù... Đến 12 giờ trưa tôi tỉnh dậy thấy chung quanh mình có các ống, dây, tiếng máy đo mạch kêu nhẹ, mỗi lần in ra đồ biểu. Người tôi mệt mỏi miệng khô, lưỡi đỏ không nói nên lời, bên cạnh nhà tôi với đôi mắt lo âu, Bác sĩ đến đưa tay sờ chân tôi có cảm giác, và chân đã hết đau nhức. Được biết có kết quả tốt không bị tê liệt...

Ngày hôm sau tôi được đỡ ngồi dậy, rửa quanh vết mổ thay băng khác và tập đi từng bước nhỏ. Được vị Bác sĩ trẻ khá ái ông ta cho biết: "vết mổ dài chừng 4 cm,



triệu phú nọ giàu có kia bị liệt cặp chân, có thể bỏ ra tiền triệu để mua một cặp chân lành mạnh, sẽ không bao giờ mua được, có ai dại gì đi bán đôi chân lành mạnh của mình. Nếu chúng ta hôm nay không giàu, đã mất hết sự nghiệp, địa vị ngày xưa bên kia bờ Đại Dương, nhưng bù lại chúng ta có sức khỏe và sống tự do, chúng ta có thể vui với cuộc đời hướng thượng...

Bệnh đau có một căn nguyên, xương sống con người được nối kết lại với nhau: gồm có 7 đốt xương ngang cổ, 12 ngang

(Hausarzt) chích mũi thuốc, lấy toa mua thuốc là xong, Bác sĩ nhà xem hồ sơ cá nhân thấy tôi ít đến khai bệnh xin thuốc, cho nên không chú ý hay khuyên bảo một điều gì.

Bị đau lưng triệu chứng Bandscheiben, nhưng tôi không biết đã chạy bộ Jogging và bơi sấp, không làm cơn bệnh giảm, ngược lại còn tăng thêm. Bệnh này chỉ được phép bơi ngựa và hồ nước ấm, không được chạy bộ, tránh mọi trường hợp: cúi xuống bưng các vật nặng không đúng thế,



chỉ lấy phần sụn bị bể nhỏ đè lên các hệ thần kinh xuống chân, thời gian giải phẫu khoảng 45 phút". Không có bù lon hay sắt dài ngắn như người ta tưởng tượng. Đến hôm nay theo sự phát triển của y học, không cần giải phẫu, Bác sĩ xem qua Film và đo khoảng cách, sau đó đục một lỗ nhỏ đưa ống vào hút phần sụn bị bể xi ra.

Sau 1 tuần nằm trên giường được tắm và xuống hồ nước ấm để tập cử động nhẹ, ngày hôm sau đến tiệm hớt tóc, tôi yêu cầu cạo đầu. Người thợ đứng nhìn tôi e ngại, nhưng rồi mái tóc hoa râm của tôi cũng đã được hớt trọc. Trả tiền, trở về phòng tôi cảm thấy đầu mình nhẹ nhàng khoan khoái như vừa mới dứt bỏ được phiền toái nợ đời. Dù tóc tôi không dài nhưng 1 tuần lễ trôi qua như một cục hình, Tăng sĩ bên Phật giáo cạo đầu, các vị ấy đã có được sự thanh thoi hằng ngày...

Người Việt mình thấy cạo đầu cứ ngỡ là thề một điều gì chăng? quan niệm ấy sai lầm. Đưa tay rô đầu làm tôi nhớ lại trong lịch sử, qua các phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục (từ năm 1906) các nhà Tân học đứng lên bài trừ hủ tục, hô hào cắt tóc ngắn, đánh dấu một cuộc cách mạng lớn đối với Dân tộc Việt Nam cho đến ngày nay.

Hai tuần lễ điều trị tại klinik uống, chích thuốc không còn đau nhức, vết mổ lành được xe hồng thập tự cho nằm, chở đến bệnh viện chuyên về xương và thần kinh điều dưỡng, tập theo các phương pháp vật lý trị liệu. Chân tôi bị què, đi cà thọt, lưng hết đau nhức, nhưng một bên vai bị xệ. Mọi di chuyển hoạt động trong ngày phải học và áp dụng cho suốt đời. Nơi này toàn là bệnh nhân đã lành bệnh nhưng phải chống gậy, ngồi xe lăn. Có nhà Nguyễn lúc nào cũng đông người dâng lễ cầu nguyện, với hy vọng được phép lành nào đó để bỏ cặp nạng, xe lăn. Riêng tôi không tin ở phép lành, tôi có Đức tin với Thiên Chúa. Nếu bệnh nhân lười biếng nằm trên giường, hằng ngày không lo tập cho sức khỏe chính mình, rồi cầu nguyện Chúa ban phúc lành, theo tôi nghĩ Chúa hay Đức Phật sẽ không bao giờ chấp nhận ban ơn cho một kẻ lười biếng như vậy. Cầu nguyện và tập luôn phải đi đôi. Có người bảo tôi tập "chữa trị theo nhân điện". Tôi tin trong cơ thể con người có điện, nhưng không tin một con người trần tục khác, học phương pháp nhân điện vô vấn đầu đó, có thể mở được các luân xa trong cơ thể người khác. Tôi không phê bình, tuy nhiên không nên dựa để tin người khác, để tiền mất tật mang. Trong thời gian điều trị tại đây tôi đã từng sống chung với bệnh nhân khác. Người cùng phòng 50 tuổi, ngoài những giờ bắt buộc tập thể dục thời gian ngắn 15-20 phút về căn bản, ông ta

chỉ yêu nàng *Yên Thảo Linh* (Nicotine) xem hình Playboy, chiều về sau 18 giờ đến quán ngồi nhậu. Bệnh này Bác sĩ khuyên không nên ngồi nhiều và tự tập thể dục, co giãn các bắp thịt để cơ thể có thể làm việc điều hòa trở lại. Thời gian 4 tuần dưỡng bệnh trôi qua, sức khỏe của ông ta không khá hơn chút nào...

Trong suốt thời gian tại đây, có nhiều thì giờ rảnh tôi đến thư viện mượn sách về đọc để biết thêm về bệnh lý, đến nghe các chuyên khoa Bác sĩ nói về sức khỏe, điều trị. Buổi chiều hết giờ làm việc, hồ nước vắng người, tôi thường đến đó bơi, và tập cử động dưới nước, buổi tối trước khi đi ngủ, tập ôn lại những động tác trong ngày luyện hít thở và cầu nguyện.

Tôi nhớ lại câu chuyện một vị Thiền sư bên Việt Nam ngài kể cho các môn đệ của ngài câu chuyện: "Một cụ bà 60 tuổi sống bên bờ sông, mua 2 con heo con hằng ngày cho heo ăn rồi bồng 2 con heo ra bờ sông tắm, ngày này sang ngày nọ heo lớn dần sức lực bồng 2 con heo cũng tăng theo như thói quen. Một năm sau khi bán 2 con heo người lái buôn nọ không mang nổi 2 con heo ra thuyền, trong lúc cụ bà ôm 2 con heo bên hông đến thuyền đậu dưới mé sông trước sự ngạc nhiên của người lái buôn". "Uebung macht Meister".

Trong tiếng Đức có câu "Man lernt nie aus". Những thời gian rảnh, tôi cố gắng tập thể dục theo các phương pháp đã học, ghi tên học Tai Chi là môn Thể dục của người Trung Hoa, Hatha-Yoga của người Ấn Độ. Người Tây phương với đời sống khoa học kỹ nghệ cao. Nhưng họ đã tin và học những phương pháp trên của người Á Châu.

Môn Tai Chi hợp với mọi lứa tuổi chỉ cần yên tĩnh, cơ thể thoải mái tập những động tác nhẹ nhàng, hít thở điều hòa, vận hành lưu thông cơ thể. Yoga đòi hỏi cơ thể phải dẻo dai khó tập lúc khởi đầu, nhưng nó chứa đựng một triết lý cao xa. Trong vấn đề dinh dưỡng khuyên nên ít ăn thịt, nên dùng rau trái cây. Ăn thịt nhiều có các độc tố Harnsaere, Cholesterin trong máu. Nếu trong máu có lượng Harsaere từ 8,5 mg /100 ml sẽ sinh bệnh Gicht (các khớp xương ngón tay hay trên ngón chân cái bị đau nhức sưng đỏ). Mỗi lần ăn không nên ăn quá đầy bao tử. Một phần nửa bao tử chứa thức ăn, một phần tư chứa nước, còn một phần tư kia để trống cho dễ hoạt động. Hít thở là một phương pháp một kỹ thuật tập luyện cần thiết trong đời sống. Chúng ta đã có kinh nghiệm lúc đi vượt biên, có thể nhịn đói cả tuần lễ, nhịn khát vài ba ngày có thể sống. Nhưng nếu thiếu không khí chúng ta chết ngay. Hít thở mang dưỡng khí vào phổi, giúp tạo ra các

phản ứng sinh hóa tổng hợp, phân hủy các chất hữu cơ, giải phóng năng lượng. Hỗ trợ cho hệ tuần hoàn làm việc, gián tiếp nuôi sống toàn bộ cơ thể.

Tôi đã học căn bản các môn trên, và tập luyện thấy tinh thần thư thái, không còn bị mất ngủ. Trước khi đi làm tôi đã bỏ ra 30 đến 50 phút tập luyện. Đến hôm nay 10 tháng tôi đã hoàn toàn phục hồi sức khỏe, chân đã trở lại trạng thái bình thường vai hết xệ. Trong khi những người khác bệnh giống tôi, vẫn còn những cơn đau nhức, chân đi còn khập khễnh.

Những người đau lưng nên mua cuốn Lehrbuch der Rueckenschule của tác giả Dr. Bruno Schulz đọc để biết thêm về căn bản. Mùa đông lạnh nên mặc quần lót dài đủ ấm chân, lái xe có thể mua một cái gối loại lót sau lưng (Lendenwirbel-kissen). Giường ngủ nên chọn loại nệm có độ dày và mềm hay cứng phải phù hợp với trọng lượng cơ thể, các loại này khá đắt tiền! Đến AOK mua một trái banh (Gymnastikball) trong đó có chỉ cách tập, và có thể ngồi trên banh xem Tivi... Nên học tập thể dục đúng phương pháp, luôn làm nóng cơ thể trước khi tập và không nên ăn no lúc tập... Các tiệm sách các thư viện đều có bán hay cho mượn các sách Film Video nói về sức khỏe tham khảo, từ đó tìm cho mình một phương pháp tập luyện. Trên chương trình đài ZDF hàng tuần từ 9g45 -10 giờ. Đài Bayern lúc 8g45 - 9 giờ có các chương trình về thể dục (Tel-Gym.), chúng ta có thể thu lại và tập theo. Ngày xưa tôi rất lười tập thể thao, bây giờ tôi thường tập luyện để tìm lại "mùa xuân đã mất".

Cộng đồng người Việt mình ở khắp mọi nơi, các vị đã lớn tuổi con cháu đi làm, ở nhà một mình cô đơn buồn phiền, thay vì tụm nhau đánh bài, nên ghi tên theo các khóa học tại các hội thể thao địa phương Sport Verein, để được học, tập đúng phương pháp. Từ đó ngồi lại với nhau trao đổi và tập thể dục dưỡng sinh Yoga, Thiền.

Giới trẻ thay vì đến các nơi tụ tập Karaoke uống rượu, "tẩu nhậu ngôn xuất" đánh lộn kéo nhau ra hầu tòa, ở tù ảnh hưởng không tốt cho cả đời nên tham dự các khóa học võ thuật như: Vovinam, Taekwon Do, tập tại các Fitness giúp cho cơ thể cân xứng nở nang, cường tráng. Dem lại được phần nào thoải mái của thể xác và tâm hồn.

Xuân về mang nhiều hy vọng. Hy vọng bài viết này góp phần nào hữu ích với độc giả nào đã và đang bị bệnh Đau Lưng hay một chứng bệnh nào khác tìm lại được "mùa xuân đã mất"●

từ rừng núi miền đông  
hoa kỳ xa xôi...

## Nói về tổ tiên anh hùng nguồn gốc họ Trần

■ Yên Tử Cũ Sĩ TRẦN ĐẠI SỸ

(Tiếp theo VG 102)

Nói rồi ông bỗng nạn nhân vào khoang nhỏ cùng với mấy thuyền phu cấp cứu. Lát sau nạn nhân đã tỉnh táo hẳn. Tử Tuệ dẫn nạn nhân ra hành lễ với sử phụ.

Tự Kinh an ủi nạn nhân:

- Tội nghiệp quá! Ông là ai? Năm nay niên kỷ bao nhiêu? Tại sao ông bị trôi sông?

Người đàn ông đó định hành đại lễ, thì Tử Tuệ sẽ để tay lên vai ông, rồi nói:

- Ông vừa mới chết hụt, sức khỏe chưa bình phục hẳn, không nên đa lễ.

Người đàn ông đó nói bằng một giọng thanh thoát nhỏ nhẹ:

- Tôi họ Đoàn tên Thông, năm nay sáu mươi ba tuổi, quê ở lộ Hồng Châu, làm thầy địa lý.

Tự Hấp bật lên tiếng á, rồi hỏi:

- Phải chăng thầy tự là An-Dương, đã mười đời làm thầy địa lý. Thầy từng được triều đình mời về Thăng Long để an vị xây một số cung điện không? Dương như đó là hành cung Ngự-Thiên; điện Thụy Quang; hai gác Ánh Vân, Điện Phú; cửa Thanh Hòa; hai thềm Nghi Phục, Ngọc Lam; đình Thưởng Hoa; hồ Kim Liên; cầu Minh Nguyệt?

(Ghi chú của thuật giả:

Việc xây các cung điện trên, chép trong ĐVSKTT, Lý kỷ, Anh-Tông kỷ, niên hiệu Đại Định thứ 19, Mậu Dần, DL.1156.)

- Vâng, đúng thế.

Trong khi Đoàn Thông nói thì Tử Tuệ vẫn cầm tay ông ta để đỡ chân khí vào.

- Thầy tiếp đi.

Tử Tuệ nhắc: Rồi tại sao thầy lại bị trôi sông?

- Nguyên khi tôi xem đất, định hưởng, biệt mạch, thì được đặt dưới quyền quan Cần Chính điện thuyết thư Nguyễn Cố, là người được chỉ định chỉ huy xây cất các công trình trên. Trong lúc tra dư tửu hậu, tôi có kể cho ông nghe về những bí mật của thuật Phong-thủy Đại Việt, trong đó có thể đất Thái-Đường. Thế đất này không những phát đế vương, mà còn được thánh nhân giáng thế, mạnh đến nỗi thiên hạ bất khả đương.

Trong năm đệ tử của Tự Kinh, thì Tử Đức là người rất giỏi về Tử Vi, Nhâm Độn, bói Dịch và Địa Lý (Phong Thủy); ông hỏi:

- Chắc Nguyễn Cố xin thầy để cốt tổ tiên vào đấy, hầu sau này con cháu thành thánh, thành đế vương, phải không?

- Vâng!

- Rồi thầy không chịu, nên bị Nguyễn Cố cho trôi sông chứ gì?

Tử Đức nói tiếp: Nhưng phúc nhà thầy to lớn, do vậy thầy gặp chúng tôi cứu mà thoát chết!

- Thưa, không phải vậy. Việc như thế này, trước khi để xương của thân phụ Nguyễn Cố, thì ông ta hỏi tôi rằng với thế đất như vậy, tại sao tôi không để xương cốt tổ tiên tôi vào đó? Tôi trả lời: Nếu thầy địa lý nào cũng có thể tự để lấy phần mộ tổ tiên mình, thì cái nghề này sẽ tuyệt diệt, vì chỉ cần để mộ xong, ít năm sau trở thành giàu có rồi... giải nghệ.

Tử Đức tán thành:

- Tôi hiểu. Phàm khi gặp thế đất tốt, muốn táng mộ tổ tiên vào đấy, thì phải xem lại phúc đức tam căn, ngũ đại nhà mình, liệu có xứng với địa vị tướng lai không đã. Bằng bất xứng, thì chẳng những hồn phách tổ tiên bị nguy hại, mà con cháu còn bị liên lụy nữa. Có phải thế không?

- Dạ, đúng thế

Bạch Hạc hỏi:

- Thưa thầy, tam căn, ngũ đại là gì vậy?

Đoàn Thông thấy Bạch Hạc còn nhỏ tuổi, ông ta độ chừng nàng là tiểu thư con của ân nhân cứu mạng, cho nên ông ta lễ phép trả lời:

- Thưa tiểu cô nương, đó là phải xét cái ân, cái phúc, cái đức của ngũ đại nhà mình. Ngũ đại là đời cụ, đời ông, bản thân mình cùng anh em mình, con mình, cháu mình. Các câu hỏi thuộc tam căn là: Ân đức có đủ trải ra ở đất nước không? Gia đạo có hòa hợp với hưởng đảng (làng xóm) không? Bản thân, gia nhân có hòa mục, trên dưới có tôn ty không?

Đoàn Thông ngừng lại một lát để thở rồi tiếp:

- Trở lại với ông Nguyễn Cố, tôi có hỏi ông về ngũ đại tam căn, ông cứ thực thà trình bày. Sau khi nghe qua, tôi thấy dòng họ nhà ông không đủ phúc đức hưởng cái thế đất Thái-đường phát đế vương, này sinh thánh hiền này. Bởi chỉ nguyên việc ông a dua với Đỗ Anh Vũ cũng đủ thất đức di hại tới con cháu ít nhất năm đời, thì còn đâu là đức nữa mà hưởng? Nhưng tôi không dám nói thẳng ra. Trong khi ông cứ nài ép. Tôi đành nhận lời.

Tự Kinh hỏi:

- Ông ta có hứa tạ cho thầy bao nhiêu vàng, bạc không?

- Dạ có. Ông hứa rằng sau khi để mộ xong, ông sẽ tạ mười nén vàng (100 lượng ngày nay). Ông còn nói: Tướng lai, được thiên hạ, sẽ cất đất phong vương cho tôi. Thế rồi công việc bắt đầu. Nhưng sau khi tôi cải táng mộ ông thân sinh ra Nguyễn Cố, đem táng vào thế đất Thái-đường xong, thì ông sai gia nhân trói tôi lại, nhét giẻ vào miệng mà nói rằng: *Tử đời vua Lý Thái-Tông, vì sợ dân chúng táng mồ mả tổ tiên vào thế đất phát đế vương, rồi tranh giành sơn hà Lý, nên trong triều thường ban chỉ nhắc các quan địa phương: Nếu ở đâu thấy có thế đất đế vương thì phải tâu về triều; triều đình sẽ sai người đến ếm đi. Nay ông để mả cho dòng họ Nguyễn của tôi, mà tin này lộ ra ngoài, thì chẳng những mồ mả ấy sẽ bị đào lên, mà còn bị giết cả nhà. Vì vậy tôi phải giết ông để phi tang.* Sau đó ông sai gia nhân ném tôi xuống sông. Khi ném họ quên gỡ cái túi hành lý đeo trên lưng tôi, nên tôi chỉ bị trôi lênh bênh, bị ngộp nước mà không chết ngay. Giữa lúc tôi sắp chết vì lạnh, vì ngộp nước thì gặp chủ vị ân nhân cứu mạng.

Quách Tử Minh hỏi:

- Theo như thầy biết, thì trong nước Đại Việt ta, hiện nay, dòng họ nào đủ ngũ đại, tam căn hưởng thế đất Thái-đường?

Đoàn Thông đáp ngay:

- Theo như kiến thức nông cạn của tôi thì có ít nhất năm dòng họ. Trong năm dòng họ này, thì dòng họ Trần ở Hải Ấp, thuộc trấn Thiên Trường đứng đầu. Nhưng người trưởng tộc là đại hiệp Trần Tự Kinh lại không muốn cho con cháu mình làm đế, làm vương.

Nghe Thông nói, Tự Kinh giật mình hỏi:

- Này thầy, vì lý do nào mà nhà thầy lại cho rằng dòng họ Trần ở Thiên Trường xứng đáng nhất?

- Thưa, vì gần hai trăm năm nay, sấm đã truyền rằng, họ Trần sẽ kế họ Lý làm vua cõi trời Nam.

Vũ Tử Mẫn hỏi:

- Bài sấm đó ra sao, mong thầy đọc cho chúng tôi nghe thử?

Đoàn Thông móc một tấm thẻ đồng trong túi ra đọc:

- Về thời vua Lê Long Đĩnh (1005-1009) vào một ngày không mưa, tự nhiên có tiếng sấm nổ, rồi sét đánh vỡ đôi cây gạo ở châu Cổ Pháp ra. Mảnh gỗ giữa cây gạo có chữ, chép một bài sấm như sau:

*Mộc căn diểu diểu,  
Mộc biểu thanh thanh.  
Hòa đao mộc lạc,  
Thập bát tử thành.  
Đông-a nhập địa,  
Dị mộc tái sinh.  
Chấn cung xuất nhật,  
Đoài cung ẩn tinh.  
Lục thất niên gian,  
Thiên hạ thái bình.*

Nay tôi xin giảng: *Mộc căn diểu diểu* nghĩa là gốc cây kia héo, để chỉ triều Lê sắp hết vận số như cây mà rễ bị héo. *Mộc biểu thanh thanh*, là cành cây xanh xanh. Khi gốc héo, mà cành lại mọc xanh, thì có nghĩa là vua mất ngôi, mà ngôi đó lại thuộc về bầy tôi. Câu này ứng với vua Lê ngọa triều sắp băng, và người thay thế là bầy tôi. *Hòa đao mộc lạc*, chữ hòa, chữ đao, chữ mộc là chữ Lê, lạc là rơi xuống; vậy câu này có nghĩa nhà Lê hết số. *Thập bát tử thành*, chữ thập, chữ bát, chữ tử là chữ Lý; câu này chỉ người bầy tôi thay vua Lê họ Lý, sau ứng với Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sử Lý Công Uẩn. *Đông-a nhập địa*, nghĩa là dòng họ Đông-a sẽ lên thay họ Lý. Chữ Đông với chữ A thành chữ Trần.

Anh Hoa hỏi:

- Thế còn các câu sau?

- Thưa phu nhân, kẻ hèn này chưa giải nổi. Xét như sấm truyền thì tưởng

lai dòng họ Trần sẽ lên thay họ Lý, vì vậy tôi mới quyết tặng thế đất Thái-đường cho đại hiệp Trần Tự Kinh.

Ghi chú của thuật giả:

*Sự thực nghĩa các câu ấy như thế này: Dị mộc tái sinh nghĩa là một cây mỗi kỳ lạ tái sinh để chỉ kế tục nhà Trần là nhà Lê. Chấn cung xuất nhật nghĩa là vầng Đông mặt trời mọc, để chỉ nhà Mạc thay nhà Lê. Đoài cung ẩn tinh nghĩa là phương Tây có ngôi sao ẩn để chỉ nhà Tây Sơn sẽ nối tiếp. Lục thất niên gian, thiên hạ thái bình là trong vòng 6 + 7 = 13 năm nữa sẽ có thái bình.*

Nghe Đoàn Thông luận, tất cả mọi người trong thuyền đều đưa mắt nhìn Tự Kinh.

Cao Tử Đức hỏi:

- Từ hơn năm trăm năm nay, thế thế lưu truyền rằng có thế đất Thái-đường, đã bị Cao Biền yểm đi mất rồi, nhưng nào có ai tìm ra nó đâu? Thế đất ấy ra sao?

Đoàn Thông cúi đầu, chấp tay vái Tự Kinh cùng các đệ tử của ông rồi nói:

- Thông này đã xuống quỳ môn quan, được các vị cứu sống, thì dù gan, dù ruột cũng xin giải bày với các vị.

Lão móc trong bọc ra mấy cái thẻ đồng, trên khắc chằng chịt đầy chữ, rồi nói:

- Niên hiệu Hàm Thông thứ tư, đời Đường Ý-Tông (Giáp Thân, 864), quan Thái-sử lệnh tâu rằng tại Giao Châu có nhiều thế đất phát đế vương, chiếu hào quang lên đến trời, tưởng lai có thế này sinh ra chúa thánh, tôi hiền. Nhà vua cùng quần thần triều nghị rồi quyết định: Giao Châu xưa nay là đất rồng nằm hổ phục; thời Đông Hán đã này sinh ra vụ chị em nhị Trưng cùng 162 anh hùng nổi dậy làm nghiêng ngựa Trung Nguyên. Bây giờ các thế đất phát đế vương chiếu sáng như vậy thì phải mau ếm đi, bằng không, thì tưởng lai Trung Nguyên khó mà chống nổi. Nhà vua bèn sai Cao Biền (713-756) sang làm Đô-hộ tổng quản Kinh-lược, và ban dụ rằng: "*Giao Châu hiện có nhiều thế đất vượng đế vương, khanh sang ếm hết đi, rồi vẽ bản đồ tâu về cho trẫm xem*". Biền đến đất Việt, thấy thế đất nào có linh khí thì ếm hết; duy núi Tản, vì thánh Tản quá linh, y ếm không xong mà suýt bỏ mạng. Sau khi hoàn tất, Biền vẽ bản đồ tưởng thuật chữ sự thành bộ sách

*Cao Biền đi cảo tâu về triều. Bộ sách này, sau lọt vào tay Tể tướng Cao Hoài Đức đời Tống Thái Tổ. Vua Thái Tổ sai chép ra thành nhiều bản trao cho Khu mật viện, Bình bộ, Lễ bộ, mỗi nơi một bộ. Nguyên bản thì cất trong ngục thư phòng, truyền cho các vua kế vị. Trong sách có nói đến thế đất Cổ Pháp phát tích ra triều Lý trên hai trăm năm và ngôi đất Thái-đường. Đến đời vua Nhân Tông, thì Kinh Nam vương...*

Cao Tử Đức đưa mắt nhìn sứ phụ, như ngờ ý xin phép rồi nói:

- Giai thoại này chúng tôi có biết: Vương lấy trộm được bộ Cao Biền di cảo, đem về Đại Việt. Chính vì vậy mà hai thánh tăng Đạo Hạnh, Minh Không mỗi căn cứ vào đó mà biết rõ vụ Cao đem linh khí Đại Việt bỏ vào bụng ba mươi sáu con trâu, chôn ở núi Thái Sơn... rồi mang trở về. Nhưng ngay đương thời, hai thánh tăng Đạo Hạnh, Minh Không cũng không tìm thấy cái đất Thái-đường ở đâu. Người ta cho rằng lâu ngày, thế đất này đã bị tiêu tan rồi.

Ghi chú của thuật giả

Tôi đã thuật về hai vụ này:

*Chi tiết về ngôi mộ phát tích ra triều Lý, xin đọc Anh Hùng Tiêu Sơn, do Xuân Thu Hoa Kỳ xuất bản. Chi tiết về việc hai thánh tăng Đạo Hạnh, Minh Không, trâu vàng v.v... xin đọc Nam Quốc Sơn Hà do Đại Nam Hoa Kỳ xuất bản.*

Đoàn Thông tiếp:

- Thế đất Cổ Pháp thì do Bồ tát Định Không triệt yểm, mà nhà Lý chiếm được thiên hạ. Còn thế đất Thái-đường thì chưa ai triệt yểm được cả. Cái thế đất Thái-đường này sỏ dĩ không ai tìm được, vì trải qua hơn bốn trăm năm, long mạch đã di chuyển đi, nên không ai biết nó ở đâu. Bởi trong sách Cao Biền chép rằng nó ở dãy núi Tổ Sơn, trên vùng Tam Đảo, dần dần trong hơn trăm năm nó di chuyển xuống vùng Cổ Bi ngoại ô Thăng Long. Trăm năm sau nữa, nó di chuyển tới xã Kệ Châu, Cai Xá (nay thuộc Hưng Yên). Hơn trăm năm sau nữa, nó di chuyển đến xã Phương Trà (nay thuộc Nam Hà). Cuối cùng, khi hai thánh tăng Minh Không, Đạo Hạnh xây tháp Phổ Minh, thì nó bị linh khí ở tháp kêu gọi nên di chuyển về ngay gần trang Thiên Trường. Tôi đây, nó gặp trở ngại vì Cao Biền yểm. Nếu như không có ai đem xương cốt táng vào, cùng gỗ yểm ra, thì nó sẽ chết.

Nhưng, hồi tiên phụ còn tại thế, người kiên nhẫn, mà tìm ra vết tích; rồi đến đời tôi, tôi đã tìm ra trọn vẹn.

Đoàn Thông móc trong bọc ra một trục lụa, trên vẽ bản đồ bằng sơn, nên tuy bị ướt, mà không bị mờ, lão chỉ vào bản đồ:

- Đây, huyết nằm chỗ này, ngay cạnh Hải Ấp, trông ra sông Phú Lương (nay thuộc Mỹ Lộc, Nam Định). Kìa là cửa sông Tuần Vàng, phía sau có núi Voi Phục. Hai bên huyết có hai hàng gò đồng đá đất. Hình những gò bên trái này giống như nghiên, như bút, như mực, tức vẫn quan châu. Hình những gò bên phải như hình mười tám loại vũ khí, tức võ quan châu. Chỗ huyết là *thổ phúc tàng kim* tức cái chỗ đất như cái bưng giấu vàng, ngồi ở phương Càn trông sang phương Tốn.

Lão tấm tắc nói một mình:

- Tiếc thực là tiếc, huyết nằm gần ngay tổng đường phái Đông A. Phải chỉ cụ Trần Tự Kinh chịu cho con cháu làm thành, làm để thì để ngay vào đây. Nếu để trúng toàn vẹn thì nó chính là thế đất:

*Phấn đại dưỡng mi chiếu,  
Yên hoa đối diện sinh.*

*Dĩ nhan sắc khuynh quốc  
Đắc thiên hạ thái bình.*

*(Son phấn chiếu giữa mi,  
Mây, hoa sinh trước mặt,*

*Dùng nhan sắc nghiêng nước,  
Lấy thiên hạ thái bình).*

Tử Đức gật đầu công nhận lời Thông nói đúng. Ông hỏi:

- Trong *Cao Biên di cáo*, y chép về thế đất này, rồi tâu lên vua Đường như sau: *Thần dĩ trục lộ lập tử yểm chi*. Nghĩa là đất này thần đắp một con lộ trồng trúc mà yểm. Thế con đường trúc đó đâu?

Đoàn Thông chỉ vào bản đồ:

- Chính là chỗ này.

Tự Hấp nhăn mặt:

- Đây là rừng tre, chủ có phải con đường trồng trúc đâu?

- Thừa đại hiệp, hồi xưa khi Biên trồng, thì nó chỉ là con đường nhỏ. Nhưng trải qua hơn bốn trăm năm, nay nó trở thành rừng.

Cao Tử Đức tự chửi thầm:

- Hồi ới, bấy lâu mình củ lên vùng Tam Đảo tìm thế đất, có ngờ đâu sau hơn bốn trăm năm nó đã di chuyển về đây.

Ông hỏi:

- Nay, theo thầy thì long huyết chạy từ Tam Đảo về. Thế thì hồi đó

huyết đâu có ở đây, mà Biên trồng trúc để yểm?

- Thừa đại hiệp vấn đề như thế này. Khi Biên khám phá ra long huyết, thì y cũng tìm ra con đường mà rồng sẽ chuyển thân. Y đoán trước nó sẽ tới đây, nên yểm để rồng không còn đường đi, rồi sau ít năm sẽ mắc kẹt vào rễ tre mà chết.

Tất cả củ tọa đều kinh hãi, vì thế đất nằm ngay trong phạm vi Thiên Trường, mà Nguyễn Cố với Đoàn Thông đào bới, để mộ, khá ồn ào, sao không ai chú ý?

Tự Kinh đưa mắt nhìn Tô Trung Sách như phiên trách: *Con thay ta trồng nom, cái quản trang Thiên Trường mà sao cái vụ Nguyễn Cố, Đoàn Thông đến để mộ, phá rừng lại không biết?*

Trung Sách biết ý sử phụ, ông trình:

- Cách nay hơn tháng, có lái buôn tôi hỏi mua hết rừng tre. Họ nói rằng sẽ chặt hết tre, cùng đào cả gốc đi. Con thấy cái rừng này xưa nay tối vô ích, chim cò tụ về làm tổ, gây hại cho việc chăn nuôi trồng tía, con định phá đi từ lâu. Nay có người mua, lại còn chặt tre, đào gốc dùm, nên con đã bán với giá rẻ. Nào ngờ, Nguyễn Cố mua để táng mộ...

Đoàn Thông chấp tay vái Tự Kinh:

- Xin lão gia thứ lỗi, chính tiểu nhân đã bày ra mưu này, để có thể phá thế yểm độc của Cao Biên.

Lão lại cầm thẻ đồng lên đọc:

- Đây, nguyên văn đoạn Biên chép về thế đất này như sau:

*Khi mạch chính nguyên dưỡng,*

*Lục long bàn khuất khúc.*

*Thất đầu hiện châu trang,*

*Điệp điệp lai hòa án,*

*Điều điều lai tụ dưỡng.*

*Hỏa hổ tầm cuồng lũng,*

*Tê dưỡng vọng đại giang.*

*Tả hữu biên loan bão,*

*Chu tửc thị đích tàng,*

*Tam cấp càn khôn định*

*Đốc sinh đại thánh hiền*

*Tam bách dư niên tộ,*

*Phúc cổ hưởng thọ khang.*

*(Mạch khí chính nguyên dưỡng,*

*Rồng đất nằm che kín,*

*Bảy sao châu chiếu sáng*

*Lộp lộp cùng tộ án.*

*Chuyển chuyển cùng tụ dưỡng.*

*Hỏa, hổ châu bảo vệ.*

*Phía trước thấy đại giang.*

*Phải, trái chim loan vọng,*

*Chu tửc ẩn ở trong  
Ba bậc càn khôn định,  
Sẽ sinh đại thánh hiền.  
Ba trăm năm đất ấy,  
Phúc, lộc lạ thọ khang).*

Đoàn Thông có vẻ mệt mỏi lắm rồi, y nhìn Trần Tự Kinh:

- Hồi ới! *Thiên mệnh an bài*, có trời khó biết! Khi tìm thấy, tôi định đi Thiên Trường tìm đại hiệp Trần Tự Kinh để dâng cho dòng họ Đông A. Nhưng nay sự thể đã như thế này thì thực là *mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên*. Trước đây ngôi đất Cổ Pháp, các thiền sư Tiêu Sơn canh giữ hơn trăm năm, để tìm người phúc đức mà ban cho. Chung cuộc, ông thân sinh ra vua Lý Thái Tổ đi làm ruộng về, mệt quá, nằm nghỉ tại đây, rồi hóa, mà hưởng, lập ra nhà Lý trên hai trăm năm. Còn thế đất Thái-đường, tôi định dâng cho dòng họ Đông A, sau lại về Nguyễn Cố. Nguyễn Cố giết tôi mà không thành, thì ra trời dành thế đất này cho các vị. Nay tôi xin dâng cho các vị.

Tự Duy hỏi:

- Ông đã đem thế đất Thái-đường cho Nguyễn Cố, đã táng xương cha Nguyễn vào rồi, thì ông có cho chúng tôi, e cũng vô ích.

Đoàn Thông cười bí hiểm:

- Khi sắp để mộ cho Nguyễn Cố, tôi thấy con mắt ông ta luôn hiện ra nét xảo quyệt, nên tôi có phục sẵn một cơ mưu để phòng khi họ trở mặt thì còn có cách đối phó.

Tự Hấp hỏi:

- Mưu ấy như thế nào?

- Sau khi để huyết xong, tôi dặn Nguyễn Cố rằng "*Kiểu đất này sau tất phát đế, phát vương, nảy sinh thánh nhân, thì phải chăm lo đề phòng cẩn thận. Vậy nội trong một trăm ngày, nếu thấy mưa gió, sấm sét thì xem trên mộ có gì lạ không? Nếu lành ỉt, dữ nhiều thì phải dời mộ đi ngay*".

Cao Tử Đức ngồi nhòm người dậy:

- Tôi biết rồi. Phạm khi để mộ vào huyết phát đế vương, thì sau ba ngày, xương cốt bắt đầu thông với long mạch; đất trời giao hội mà có mưa, sấm sét. Nếu ta nhân đó làm cái gì quái dị trên mộ, ắt Nguyễn Cố sợ mà dời mộ đi nơi khác. Bấy giờ ta đem xương cốt dòng họ khác táng vào. Có phải vậy không?

- Quả đúng thế.

Nói đến đây Đoàn Thông quá mệt mỏi, người lắc lư. Phạm Tử Tuệ với

vực ông ta vào khoang thuyền, truyền đắp chăn, cho nằm nghỉ.

Ngoài khoang thuyền, Tụ Kinh suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Các con ạ! Dòng họ Trần nhà ta vào thời Hồng Bàng, sinh sống ở vùng Khúc Giang, quận Nam Hải, nay thuộc lộ Quảng Đông. Đến thời vua An Dương, tổ Trần Tự Minh giúp vua dựng nghiệp, được phong tước Phướng Chính hầu, giữ chức Tế Tể Tướng. Sau Nam Hải bị Tần chiếm, tổ mới di đến vùng Thiên Trường này mà lập nghiệp. Về thời Bắc thuộc, ngôi mộ của Khai Tổ Tự Viễn để vào thế đất *Hổ phục, Ưng phi*, cho nên từ mấy đời nay chúng ta đều được hưởng *Vương bất vi vương, bá bất vi bá* quyền *khuyh thiên hạ*, nghĩa là vua chẳng phải vua, bá chẳng phải bá, mà quyền nghiêng thiên hạ. Từ hồi ấy đến giờ, đời nào nhà ta cũng hưởng cái uy đó. Chỉ duy thời Thuận Thiên (1010-1028), tổ Tự Mai vì làm Phò mã Tổng, để bảo vệ đất Việt mà phải xuất chính làm quan. Về cuối đời, người hối hận đã bỏ ra bao nhiêu năm ngồi trên mình ngựa mà chung cuộc cũng trắng tay. Vì vậy người có di chúc cho con cháu rằng sau này không nên vì chút công danh mà tranh giành với đời. Bây giờ Đoàn Thông muốn tặng ta thế đất này, ta chỉ nên tạ ông ta rồi bảo vệ tính mạng ông ta mà thôi. Đối với triều Lý ta sẽ dùng hết lực bảo vệ ngôi vua cho họ.

Năm đại đệ tử, hai con trai, hai con dâu, một đệ tử út của Tụ Kinh cùng đưa mắt nhìn nhau, rồi Quách Tử Minh hưởng sự phụ nói bằng giọng tha thiết:

- Sự phụ! Khi mệnh trời đã an bài, thì chẳng nên tử chối. Con thấy khí số họ Lý sắp hết rồi, ta có giúp, e cũng uống phí tâm cơ mà thôi. Kia, Gia Cát Vũ Hầu, thân là nho sĩ, mà lặn lội sáu lần xuất Kỳ Sơn, cuối cùng mửa ra máu chết ở Ngũ Trượng nguyên. Gần đây, bọn Hàn Thế Trung, Ngô Giới, Ngô Lân, Nhạc Phi đem hết tài trí ra giúp Triệu Cấu lập lại nhà Nam Tống, cuối cùng đi đến kết quả là Hàn Thế Trung bị cách; anh em họ Ngô phải bỏ quan đi ở ẩn; Nhạc Phi với con bị giết; đầu, thân thể đem phơi nắng phơi mưa cho dân chúng xem, cho ruồi bọ đục khoét. Xin sự phụ chẳng nên bỏ ra ngoài thiện ý của Đoàn Thông.

Cha con thầy trò cùng bàn luận phân vân chưa dứt, thì Đoàn Thông từ trong khoang thuyền bước ra, ông thụp

lạy Tụ Kinh. Tụ Kinh phát tay một cái, kinh lực nhu hòa đỡ ông ta, khiến ông ta không quý được. Đoàn ngồi xuống cạnh Tụ Kinh, nói bằng giọng tha thiết:

- Thì ra Ngài là đại hiệp Tụ Kinh, chuông môn phái Đông A đấy. Còn các vị đây đều là cao đồ cả. Hèn chi phong thái khác thường. Từ này đến giờ, Thông này được nghe những lời nghị luận của các vị, trong lòng càng phục thêm. Như tôn ý của đại hiệp, thì đại hiệp không muốn cho con cháu phát đế vương, thì cũng dễ thôi. Bởi thế đất Thái-đường này vốn lưỡng tính; một là phát đế vương, hai là thánh nhân giáng thế. Vậy thì thế này: tiểu nhân xin để mộ lệch đi một chút, thì không phát đế vương nữa, mà chỉ có thánh nhân giáng thế. Như vậy hân đại hiệp vui lòng?

Cao Tử Đức thấy trong khi nói, con mắt Đoàn Thông thoáng một nét giảo hoạt, ông nghĩ thầm:

- Ta cứ yên lặng xem y định làm gì? Tính mệnh y, cùng gia quyến đang bị Nguyễn Cổ đe dọa, hoàn toàn trông vào sự che chở của chúng ta, chắc y không thể hại chúng ta.

Nghĩ vậy, ông ngồi im.

Tụ Kinh nghe Đoàn Thông nói, thì mừng chi siết kể. Ông đứng dậy chấp tay xá Đoàn Thông ba xá:

- Xin đa tạ nhà thầy. Kinh này không muốn cướp thế đất của Nguyễn Cổ. Vậy chỉ khi nào Nguyễn Cổ tự di chuyển mộ ông thân sinh của y đi, thì Kinh này mới đồng ý táng mộ thân phụ vào đó. Kinh này xin hứa trước với thầy hai điều: Một là ngay sau khi an vị ngôi mộ, dù thành, dù bại, Kinh này cũng xin tạ thầy ba mươi nén vàng. Hai là môn phái Đông A xin đón gia quyến thầy về sống trong trang Thiên Trường; dù Nguyễn Cổ, dù vua Lý cũng không đụng đến cái lông, cái tóc gia quyến thầy.

Ông đưa mắt cho con trưởng là Tụ Hấp:

- Cái việc vợ chồng con với Vũ Tử Mẫn, Phạm Tử Tuệ đi Thăng Long điều tra nên để ra Tết. Bây giờ con hãy cùng sự đệ Cao Tử Đức tiếp Đoàn tiên sinh, lo đem gia quyến tiên sinh về trang mình hầu bảo vệ.

Đến đây, thuyền đã cập bến, đợi mọi người đều lên bờ, trong thuyền chỉ còn mấy đệ tử làm thuyền phu, Tụ Hấp hỏi Cao Tử Tuệ:

- Sự đệ nghĩ sao?

Tụ Tuệ nói với Đoàn Thông:

- Đoàn tiên sinh, cái vụ chi an mộ cho thánh nhân giáng sinh, mà không phát đế vương, tôi e không thể thực hiện nổi. Đường như tiên sinh có gì giấu giếm sự phụ tôi. Mong tiên sinh giải cho.

Đoàn Thông chấp tay vái dài:

- Đại hiệp thực minh mẫn. Trong khi tiểu nhân nói với lão đại hiệp, tiểu nhân thấy trán của đại hiệp chau lại rồi mỉm cười thì biết rằng đại hiệp đã hiểu ý tiểu nhân rồi.

- Tôi thử nói ý tiên sinh xem có đúng không nhé. Tiên sinh nghĩ: Thế đất quý như thế mà bỏ thì uổng quá. Chỉ bằng tiên sinh đổi sự phụ tôi rằng để lệch đi một chút, sẽ không phát đế vương, mà này sinh thánh nhân, sự thực tiên sinh để đúng huyết. Sự phụ tôi đâu có biết gì? Sau đây mấy chục năm, khi mọi sự ứng nghiệm thì cả sự phụ tôi với tiên sinh đều đã ra người thiên cổ rồi. Phải không?

- Quả như đại hiệp đoán.

Tụ Hấp hỏi:

- Bây giờ chúng ta phải làm gì?

- Tôi an mộ cho nhà Nguyễn Cổ đã hai ngày. Nội đêm nay thì xuống với long mạch sẽ bắt đầu nổi với nhau, trời đất giao thoa, sấm chớp phát sinh. Vậy ngay tối nay, đại hiệp sai người lấy tô mộc nấu ra trộn với bột giã làm máu. Lại sai đem chín cái búa đồng chờ sẵn. Khi sấm chớp nổ trên trời thì sai người đem nước tô mộc đổ lên mộ nhà Nguyễn Cổ, đem mấy cái búa đồng này cầm xung quanh. Khi trời sáng, Nguyễn Cổ sai người ra thăm mộ thấy xung quanh đầy máu, lại có búa đồng thì y tưởng đầu mình làm ác, bây giờ trời đánh vào mồ mà ông cha. Như vậy y kinh hoàng, tất di chuyển cốt cha y ra khỏi thế đất. Sau đấy ít ngày ta mời lão đại hiệp tới thăm, thì thấy huyết trống không. Lão đại hiệp tất vui lòng cho cải táng cốt tiên nhân an vào.

Cao Tử Đức hỏi:

- Nguyễn Cổ có biết tuồng chữ của ông không?

- Thừa y biết. Ý đại hiệp muốn?! ?!

- Để trị cái tội Nguyễn Cổ vô ơn bạc nghĩa, ăn cháo đá bát... Ông đã để mộ cho nhà y, mà y giết ông, ta phải dọa làm y chết khiếp một bữa cho bỏ ghét.

Đoàn Thông mừng chi siết kể, y hỏi:

- Thừa đại hiệp dọa như thế nào?

- Bây giờ tôi đưa cho ông tấm ván nhỏ, ông viết lên đấy một bài văn, kiện y ở cửa trời. Tôi sẽ đem miếng ván để lên mộ cha y. Khi y thấy máu, thấy bùa đã kinh hãi, nay lại thấy tờ sớ kiện lên trời, chắc y sợ đến té đái vãi phân ra.

Đoàn Thông mừng chí siết kể, y cầm bút viết liền, rồi trao cho Tử Đức. Tử Đức xem xong, bật cười:

- Thế nay, sáng mai gia nhân Nguyễn Cố đem về cho y, cùng báo cáo tỵ sự, thì y đến chết khiếp.

Ghi chú của thuật giả.

Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, có nhắc đến việc Cao Biền yểm các thế đất linh của Đại Việt cùng viết bộ *Cao Biền di cao*. Tôi đã ra tìm hầu hết các thư viện Thượng Hải, Bắc Kinh, Trường Sa, nhưng không tìm ra bộ này. Trong khi đó tại Đài Loan, Hưởng Cảnh lại xuất hiện tôi bảy bản khác nhau, do bảy người chú giải. Những người chú giải này đa số đều là thầy địa lý cả. Các ông thầy này đều nói rằng bản của mình là do gia truyền. Nhưng tôi đọc kỹ, thì thấy có rất nhiều điều nghi ngờ như: Văn phong là văn đời Minh, đời Thanh hoặc đời Dân-Quốc; những điều nói về Việt Nam thì hầu hết sai. Do vậy tôi không tin rằng đó là chính bản.

Hồi này thuật nguồn gốc viễn tổ của Hưng-Đạo vương. Tôi phối hợp quốc sử, gia phả của tiền nhân để lại cũng như gia phả của con cháu Trần Ích Tắc hiện sống tại Trường Sa, thì sau này các vua Trần truy phong cho tổ tiên như:

1. Khai Tổ hoàng đế Trần Tự Kinh (1103-1190)

2. Ninh Tổ hoàng đế Trần Tự Hấp (1132-1210)

3. Nguyên Tổ hoàng đế Trần Lý (1151-1215)

4. Khai Vận, Lập Cực, Hoàng Nhân, Ứng Đạo, Thuần Chân, Chí Đức, Thần Vũ, Thánh Văn, Thủy Dụ, Chí hiếu Hoàng đế Trần Thừa, miếu hiệu Hy Tông (1183-1234)

5. An-Sinh vương Trần Liễu, miếu hiệu Hiến Hoàng (1210-1251)

6. Thái sư, Thượng phụ, Thượng quốc công, Lao công, Thịnh Đức, Vũ Liệt, Hùng Huân, Nhân Võ, Hưng Đạo đại vương (1226-1300)

Về nơi phát xuất ra họ Trần, thì có hai thuyết: Một là họ Trần lập nghiệp lâu đời tại Thiên Trường (Mỹ-Lộc,

Nam-Định); Hai là từ vùng An Sinh ở Hải Dương đi xuống.

Bộ *Trần đại vương bình Nguyên thực lục* tại đền Bảo Lộc, Nam Định, thì:

Nguyên thế tổ họ Trần từ An Sinh, thuộc Đông Triều, tỉnh Hải Dương (nay tại đây còn nhiều lăng tẩm nhà Trần), di đến ở xã Túc Mạc (xưa gọi là Hải Ấp), huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Tôi không mấy tin thuyết này. Bởi bộ sách trên dường như viết vào thời Hưng Đạo vương băng (1300). Khi Trương Phụ sang đánh giặc Hồ Quý Ly, đã mang về Kim-lăng (1407). Sau khi vua Lê giành được tự chủ, bộ sách này cũng không được viết lại, vì vua Lê sợ dân chúng tưởng nhớ đến Trần triều. Mãi tới niên hiệu Hồng Thuận thứ ba (1511) đời vua Lê Tương-Dực bộ này mới được viết lại trong trường hợp như sau: Nhân bốn vị tướng kết nghĩa huynh đệ là Tráng Tiết đại tướng quân Kiên Thành vương Nguyễn Vũ, Trung vũ tướng quân Tín Nghĩa công Vũ Chi, Bình Nam tướng quân Hoài Đức hầu Phạm Cập, Thiên tướng Nghĩa Hòa bá, Hoàng Gia. Nguyên sau khi bốn vị lập công lớn, đã nguyện bỏ công lao, chức tước để xin vua ân xá cho Nguyễn Vu cái tội khi quân; bởi ông họ Trần, cháu đời thứ 12 Hưng Đạo vương, dòng Hưng Vũ vương. Trong dịp này, bộ sách trên được viết lại, nên có rất nhiều điều khác với gia phả.

Sau khi được ân xá, Trần Vu, Vũ Chi, Phạm Cập, Hoàng Gia được ban cho đất phía Nam sông Linh Cô. Bốn Ngài đem tông tộc xuống đây khai hoang lập ra tổng Quần Anh, nay là các xã Phạm Vị, Quần Phường Trung, Quần Phường Đông, Quần Phường Thượng, Quần Phường Hạ, thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Tại các xã này đều có những nhà thờ thờ tổ, chứ không thờ riêng rẽ.

Để thi hành chính sách xóa bỏ văn hóa, văn minh cổ của Việt Nam, hầu thực hiện chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa; vào thời Lê Duẩn, nhà thờ thờ tổ tại xã Quần Phường Trung (nay là xã Hải Trung) cũng như đền thờ Hưng Đạo vương, bị chính quyền ra lệnh phá hủy.

Thuyết thứ nhì, do gia phả của tiền nhân tôi để lại. Thuyết này thì chép rằng, nhân An Sinh vương Trần Liễu là anh vua Trần Thái Tông được phong ở vùng Yên Bang, nên đã xây lăng mộ giả, để tế vọng các vị tiên vương nhà Trần. Do vậy mà có lăng mộ, chứ lăng

mộ thực sự thì chôn rất bí mật, chỉ con cháu dòng thời biết được mà thôi.

Về nguồn gốc họ Trần, thì gia phả nói rằng tổ tiên vốn thuộc dòng dõi Phường Chính hầu Trần Tự Minh, ở vùng Khúc Giang (nay thuộc Quảng Đông). Ngài giữ chức Tế Tổng thời vua An Dương. Nhân vùng Khúc Giang bị nhà Tần chiếm mất, Ngài mới đi xuống vùng Thiên Trường.

Trong những năm 1977-1995, khi theo phái đoàn Pháp sang Trung Quốc trao đổi y học, tôi đã tìm ra được tôi tám chi khác nhau của con cháu Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, hiện sống rải rác ở Trường Sa, Hồ Nam, Quế Dương, Linh Lăng, Liễu Châu (Trung Quốc). Nguyên Chiêu-Quốc vương Trần Ích Tắc cùng gia thuộc phẫn vua Trần theo Mông Cổ, lưu lạc bên Trung Nguyên. Các đời sau rất thịnh. Cuối thế kỷ thứ 14, cháu của vương là Trần Hữu Lượng hô hào anh hùng Trung Nguyên nổi lên đuổi Mông Cổ, thế lực rất lớn, đã chiếm được quá nửa Trung Quốc. Giữa lúc ông sắp thành công lên làm vua, thì bị Chu Nguyên-Chưởng đánh bại. Vì vụ Trần Hữu Lượng cùng với Chu Nguyên-Chưởng tranh giành con hươu, mà sau đó triều Minh truy lùng con cháu Chiêu Quốc vương rất ngặt. Họ phải dời ra họ khác. Mãi đầu đời Thanh, đám này mới trở lại họ Trần. Hiện hậu duệ của Chiêu Quốc vương khoảng năm vạn người.

Năm 1990, tôi được mời tôi dự buổi họp của tám chi họ Trần này tại Linh Lăng, để chỉnh đốn lại những sai lầm trong gia phả. Sau khi tra xét, họ tìm ra được ông Trần Định Nhân, là thống tôn đời thứ 27 của Chiêu Quốc vương thuộc chi ở Trường Sa. Ông Nhân là một viên chức lớn của Trung Quốc. Dịp này tôi có trao đổi gia phả với các chi, giúp tài liệu cho họ về họ Trần từ sau khi Chiêu Quốc vương vong quốc tôi nay. Ông Nhân cho biết, hiện con cháu Chiêu Quốc vương đến nay hai người làm Bộ Trưởng, sáu người trong Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản. Bùn là khi đàm luận, ông cứ tự hào mình là người Hoa, coi Đại Việt như một tỉnh của Trung Quốc.

Tháng 8 năm 1991, tôi đi trong phái đoàn Pháp sang Trường Sa, trao đổi y học, vô tình thời gian ở đây đúng vào ngày giỗ Hy Tông (Trần Thừa) hoàng đế. Tôi với Bác sĩ Trần Thị Phường Châu có rủ ông Trần Định Nhân cùng với một số là hậu duệ của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, giỗ

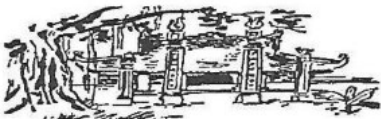
chung (dĩ nhiên tài chánh do tôi với Phường Châu đài thọ). Ông tử chối. Chúng tôi vẫn tiếp tục giỗ như thường. Tôi nhờ một nhà hàng lớn của Nhạc Dương lâu làm cỗ. Để tỏ cho các bạn Pháp, Trung Quốc biết rằng tuy tôi mang Pháp tịch, được nước Pháp trọng đãi nhưng vẫn không quên nguồn gốc, Châu với tôi có mối toàn thể phái đoàn Pháp, cũng như một số chức sắc địa phương Trung Quốc. Ông Định Nhân đến dự với phái đoàn chính quyền địa phương. Giữa bữa tiệc, ông đứng lên phát biểu ý kiến: Rằng đất Việt Nam từ xưa là lãnh thổ Trung Quốc. Rằng hiện nay, và mãi mãi cũng vẫn là của Trung Quốc. Rằng mảnh đất Việt Nam hiện bị thế lực quốc tế tách khỏi tổ quốc như Hồng Cảng, như Đài Loan. Rằng tương lai sẽ phải trở về với tổ quốc. Lập tức ông bị cử tọa (phái đoàn Trung Quốc) la ó, phản đối. Sau vụ này ông bị mất chức, rồi trở thành chủ quán cà-phê ở Tưởng Âu, ngoại ô Trường Sa. Từ đấy, dù có nhiều dịp gặp lại, mà tôi với ông không nói chuyện riêng với nhau.

Câu chuyện tôi đây thì ngừng lại, vì trời đã về khuya. Rừng núi Louisville chìm vào bóng đêm. Xung quanh chúng tôi, tiếng đế nỉ non, thỉnh thoảng vọng lại tiếng chim ăn đêm. Mười tám người trẻ vẫn chưa muốn chấm dứt, chưa muốn đi ngủ.

Tôi mỉm cười:

- Lịch sử anh hùng của tộc Việt, nói không bao giờ hết, viết không bao giờ cùng. Mười năm sau, trăm năm sau, nghìn năm sau, biết đâu con cháu chúng ta, cũng như cháu của anh em chúng ta trong nước, sẽ có dịp hội ngộ với nhau. Việc của chúng ta, là phải tự nhắc nhở, nhắc nhở người thân, nhắc nhở con cháu rằng: Đừng quên nguồn gốc Việt của mình, quyết không để một người trở thành Trần Định Nhân. Ta có thể mang quốc tịch Hoa Kỳ, Canada, Trung Quốc, Pháp, Ý, Đức... nhưng chúng ta vẫn thuộc tộc Việt, vẫn là con Rồng, cháu Tiên...

(Viết dành riêng cho tuổi trẻ Việt, dự trại hè Về Nguồn tại Atlanta, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ, tháng 9.1997 mang tên Tấn Viên).



## Bí Kịch Của Một Tâm Hồn Vĩ Đại

Thiện Xuân Inna Malkhanova & Thiện Mẫn Nguyễn Minh Cần

(Tiếp theo VG 102)

Tất cả những nghi vấn này mà hiện nay tôi đủ khả năng nói ra ít nhiều mạch lạc thì lúc đó tôi chưa trình bày được. Lúc đó tôi chỉ cảm thấy rằng dù những kết luận của tôi về tính hư không của cuộc đời mà các nhà tư tưởng vĩ đại nhất đã khẳng định, đã tỏ ra có tính lô gích thế nào đi nữa, thì chúng vẫn có cái gì đấy không ổn. Không ổn trong bản thân lập luận hay là về cách đặt vấn đề, thì tôi không hiểu. Tôi chỉ cảm thấy rằng về mặt lý trí thì cách lập luận rất hoàn thiện, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Tất cả những lý lẽ trên không thể nào thuyết phục được tôi để tôi làm điều kết luận rút ra từ lập luận của tôi, tức là để tôi tự tử. Và tôi sẽ nói dối, nếu nói rằng bằng lý trí tôi đã đi đến kết luận của tôi mà vẫn không tự giết mình. Lý trí đã hoạt động, nhưng đã có cái gì đấy khác nữa cũng đã hoạt động, mà cái khác ấy thì tôi chỉ có thể gọi là ý thức của cuộc đời. Tức là còn có một lực bất tôi phải quan tâm đến điều này, chủ không phải điều kia, cái lực ấy đã hoạt động và chính lực này đã kéo tôi ra khỏi tình trạng thất vọng và bất lý trí tôi hưởng về phía hoàn toàn khác. Cái lực đó đã bắt tôi phải chú ý rằng tôi và hàng trăm người giống tôi vẫn chưa phải là toàn thể nhân loại, và rằng cuộc đời của nhân loại thì tôi vẫn chưa biết.

Khi nhìn lại những người chung quanh thân cận tôi và cùng trạc tuổi, tôi chỉ thấy các loại người như sau: hoặc là không hiểu vấn đề, hoặc là đã hiểu mà cố làm át vấn đề bằng cách nghiện rượu, hoặc là khi đã hiểu rồi thì chấm dứt cuộc đời, hoặc là đã hiểu mà do nhu nhược vẫn cứ sống nốt cuộc đời thất vọng. Và tôi không thấy loại người khác. Lúc đó tôi nghĩ rằng nhóm người ít ỏi có học vấn, giàu có và nhân rồi mà tôi đã thuộc loại đó, là toàn thể nhân loại, còn hàng tỉ người đã sống và đang sống thì không đáng kể, họ giống súc vật hơn là con người. Còn hiện nay, tôi thấy rất lấy làm lạ, hết sức lạ và không thể nào hiểu được,

làm sao khi lập luận về cuộc đời mà tôi lại có thể làm ngơ cuộc sống của nhân loại nhận nhịp khắp chung quanh tôi, làm sao tôi có thể sai lầm một cách lộ bịch đến thế, làm sao tôi nghĩ rằng cuộc đời của tôi và của những Salomon và những Schopenhauer là cuộc đời thực sự, cuộc đời bình thường, còn cuộc đời của hàng tỉ người chỉ là một tình tiết không đáng quan tâm đến. Dù hiện nay tôi cảm thấy rằng điều đó hết sức lạ lùng, nhưng lúc ấy tình trạng đúng như đã nói trên. Khi trí tuệ của mình làm lạc và tự cao tự đại, tôi tin chắc rằng tôi, Salomon và Schopenhauer, chúng tôi đã đặt vấn đề hết sức đúng đắn và phù hợp với chân lý đến nỗi không thể nào nghĩ khác được và tôi cũng tin chắc rằng hàng tỉ con người ấy chưa đủ trình độ để hiểu thấu toàn bộ sự sâu sắc của vấn đề, tôi đã từng tìm ý nghĩa cuộc đời mình mà chưa hề nghĩ ra rằng: Ờ Thế thì hàng tỉ người đã sống và đang sống trên thế gian này, đã và đang nghĩ gì về ý nghĩa cuộc đời của họ? Ừ

Tôi đã sống khá lâu trong tâm trạng điên rồ ấy (không phải trên lời nói mà trên thực tế) thật đặc trưng đối với chúng tôi - là những người có học vấn và có tinh thần tự do nhất. Nhưng nhờ lòng thương yêu về thể xác lạ lùng nào đó của tôi đối với nhân dân lao động chân chính, lòng thương yêu này bắt tôi hiểu được nhân dân lao động và thấy rằng họ không phải ngu si như chúng tôi tưởng. Hay là nhờ lòng tin của tôi là tôi không thể biết gì cả, thế thì điều tốt nhất mà tôi có thể làm được là tự treo cổ mình, nên tôi vẫn cảm thấy là chừng nào tôi muốn sống và muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời thì phải tìm ý nghĩa cuộc đời này không phải ở những người đã mất ý nghĩa cuộc đời rồi và muốn tự tử, mà phải tìm ở hàng tỉ con người đã sống và đang sống, là những người tạo thành cuộc sống và đang gánh vác cả cuộc đời của họ lẫn cuộc đời của chúng tôi nữa. Khi tôi đã nhìn lại khối lượng khổng lồ những

người đã sống và đang sống là những người bình thường không có học vấn, không giàu có, thì tôi đã thấy được những điều khác hẳn. Tôi đã thấy rằng hàng tỉ người đã sống và đang sống ấy, tất cả họ - trừ một số người rất ít - đều không phù hợp với cách chia của tôi. Vì tôi không thể nào coi họ là không hiểu vấn đề, bởi vì bản thân họ đã từng đặt câu hỏi này và từng trả lời câu hỏi đó hết sức rõ ràng. Coi họ là những người huồng lạc cũng không được, vì cuộc đời của họ phần lớn là thiếu thốn, đau khổ hơn là huồng lạc. Còn coi là họ đang sống nốt cuộc đời vô nghĩa thì lại càng không thể được. Vì bất cứ hành động nào trong cuộc đời của họ và sự chết của họ thì họ đều giải thích cả. Còn việc tự tử thì họ coi đó là một tội đại ác. Té ra toàn thể nhân loại có sự hiểu biết nào đó về ý nghĩa cuộc đời mà tôi không chấp nhận và khinh miệt. Té ra tri thức duy lý (12) không đem lại ý nghĩa cuộc đời, mà loại trừ cuộc đời. Còn ý nghĩa cuộc đời mà hàng tỉ con người, toàn thể nhân loại, gán cho cuộc đời thì dựa vào một loại tri thức bị khinh bỉ và giả tạo nào đó.

Tri thức duy lý của các nhà bác học và các hiền triết phủ nhận ý nghĩa cuộc đời, còn vô số người, toàn thể nhân loại thì thừa nhận ý nghĩa ấy qua tri thức không duy lý. Và tri thức không duy lý ấy chính là tín ngưỡng mà tôi không thể không từ bỏ được. Đó là Thượng đế nhất thể và ba ngôi, đó là việc sáng thế trong sáu ngày, là quỷ sứ và thiên thần, và tất cả những thứ mà tôi không thể thừa nhận được, nếu tôi chưa bị mất trí.

Tình trạng của tôi kinh khủng thật. Tôi đã biết rằng trên con đường tri thức duy lý, tôi sẽ không tìm được gì hết, ngoài sự phủ nhận đời sống, còn trong tín ngưỡng - không tìm được cái gì ngoài việc phủ nhận lý trí, mà sự phủ nhận này thì càng không thể nào chấp nhận được, so với sự phủ nhận đời sống. Theo tri thức duy lý thì cuộc sống là tai họa; con người biết được điều đó, con người có khả năng không sống nữa, thế mà họ đã sống và đang sống, và bản thân tôi cũng đang sống, mặc dù tôi đã biết từ lâu rằng cuộc đời là không có ý nghĩa, cuộc đời là tai họa. Theo tín ngưỡng thì: muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời - tôi phải từ bỏ lý trí, mà chính lý trí ấy đang cần hiểu biết ý nghĩa cuộc đời.

\*

Như thế là đã nảy ra mâu thuẫn. Chỉ có hai cách giải quyết mâu thuẫn này: hoặc là cái mà tôi gọi là hợp lý thì không phải là hợp lý trí đến mức như tôi tưởng; hoặc là cái mà tôi cảm thấy không hợp lý thì không phải là không hợp lý trí đến mức như tôi nghĩ. Và tôi bắt đầu kiểm nghiệm cách lập luận của tôi về tri thức duy lý của tôi.

Khi kiểm nghiệm cách lập luận về tri thức duy lý thì tôi thấy rằng nó hoàn toàn đúng. Kết luận rằng cuộc đời là hư vô thì không thể tránh khỏi. Nhưng tôi đã thấy chỗ sai. Sai ở chỗ là tôi lập luận không đúng theo câu hỏi mà tôi đặt ra. Câu hỏi như thế này: tôi phải sống để làm gì, nghĩa là cuộc đời hư ảo, hữu tận của tôi sẽ đem lại cái gì có tính chất thực sự và bất diệt, sự tồn tại hữu tận của tôi trên thế giới vô cùng này có ý nghĩa gì? Và để trả lời câu hỏi này, tôi đã nghiên cứu đời sống.

Như thế, rõ ràng là câu trả lời cho tất cả các câu hỏi về cuộc đời tất nhiên không thể làm tôi hài lòng, là vì câu hỏi của tôi - dù ban đầu có vẻ rất đơn giản - đòi hỏi chúng ta phải giải thích sự hữu tận bằng phạm trù vô cùng và ngược lại.

Tôi đã hỏi: cuộc đời của tôi có ý nghĩa gì trong phạm trù ngoài thời gian, ngoài nhân quả, ngoài không gian? - Thế mà tôi đã trả lời câu hỏi như sau: cuộc đời của tôi có ý nghĩa gì trong phạm trù thời gian, nhân quả và không gian? Thế là sau khi tư duy thật lâu và vất vả, tôi đã trả lời: không có ý nghĩa nào cả.

Trong lập luận của tôi, tôi luôn luôn đặt dấu bằng (và không thể làm khác được) giữa phạm trù hữu tận với phạm trù hữu tận và phạm trù vô cùng với phạm trù vô cùng, do đó đã rút ra kết luận không tránh được là: lực lượng là lực lượng, vật chất là vật chất, ý chí là ý chí, tính vô cùng là tính vô cùng, hư vô là hư vô, rồi sau đó không rút ra được kết luận nào nữa.

Tình trạng này hơi giống trong toán học khi ta muốn giải một phương trình thế mà lại giải đồng nhất thức. Cách lập luận thì đúng, nhưng rồi cuộc ta chỉ được giải đáp là:  $a = a$ , hoặc là  $x = x$ , hoặc là  $0 = 0$ . Cách lập luận của tôi về ý nghĩa cuộc đời của tôi cũng lâm vào tình trạng như vậy. Vì những câu trả lời của toàn bộ khoa học cho câu

hỏi trên đều chỉ là những đồng nhất thức.

Và đúng như vậy, tri thức duy lý nghiêm ngặt, tức là tri thức bắt đầu từ sự hoài nghi hoàn toàn về tất cả, bác bỏ mọi tri thức dựa vào tín ngưỡng, xây dựng lại tất cả dựa vào quy luật lý trí và thực nghiệm - như Descartes (13) đã từng làm - thì tri thức đó không thể đưa ra câu trả lời khác được cho câu hỏi về cuộc đời ngoài câu trả lời mà tôi đã nhận được - tức là câu trả lời vô định. Lúc đầu tôi chỉ mới có cảm giác rằng tri thức đã cho câu trả lời tích cực - câu trả lời của Schopenhauer: cuộc đời không có ý nghĩa, cuộc đời là tai họa. Nhưng, sau khi phân tích kỹ tôi đã hiểu rằng đó không phải là câu trả lời tích cực, rằng chỉ có cảm giác của tôi mới diễn đạt câu trả lời theo cách như vậy. Còn câu trả lời diễn đạt chính xác giống câu trả lời đã diễn đạt cả của các vị Bà la môn, cả của Salomon, lẫn của Schopenhauer, thì chỉ là câu trả lời vô định, hay là đồng nhất thức:  $0 = 0$ , cuộc đời mà tôi cho là hư vô chính là hư vô. Như vậy tri thức triết học không phủ định gì hết, mà chỉ nhận xét rằng nó không thể trả lời câu hỏi này, rằng đối với tri thức triết học câu trả lời vẫn còn có tính chất vô định.

Sau khi hiểu được điều này, tôi cũng đã hiểu luôn rằng trong tri thức duy lý không thể nào tìm được câu trả lời cho câu hỏi của tôi, rằng câu trả lời do tri thức duy lý đã đưa ra chỉ có tính chất chỉ dẫn là câu trả lời đó chỉ có thể tìm được khi đặt câu hỏi theo cách khác, chỉ khi đưa tương quan giữa cái hữu tận và vô cùng vào lập luận của mình. Và tôi cũng hiểu rằng dù những câu trả lời của tín ngưỡng là vô lý và kỳ quặc thế nào đi nữa, nhưng chúng có một ưu điểm là chúng đưa tương quan giữa cái hữu tận và cái vô cùng vào mỗi câu trả lời - nếu không làm như vậy thì không thể nào tìm được câu trả lời. Dù tôi đặt câu hỏi theo cách nào: tôi phải sống như thế nào? - thì vẫn được trả lời: sống theo luật của Thượng đế. - Cuộc đời của tôi sẽ có kết cục thực sự như thế nào? - Đau khổ vĩnh viễn hay là phúc lạc vĩnh viễn. - Ý nghĩa nào không bị cái chết tiêu diệt? - Sự hòa nhập với Thượng đế vô cùng, thiên đường.

Như vậy, ngoài tri thức duy lý mà trước đây tôi coi là tri thức duy nhất, tôi không thể tránh khỏi phải thừa nhận



rằng toàn thể nhân loại sống còn có một thứ tri thức nào khác nữa, tri thức không duy lý, tức là tín ngưỡng, nó tạo nên khả năng sống. Tôi vẫn thấy rõ như trước toàn bộ tính chất không hợp lý trí của tín ngưỡng, nhưng tôi phải thừa nhận rằng chỉ một mình nó mới cho nhân loại những câu giải đáp về cuộc đời, và do đó tạo nên khả năng sống.

Tri thức duy lý đưa tôi đến việc phải thừa nhận rằng cuộc đời vô nghĩa, cuộc đời của tôi đã dừng lại, và tôi muốn tự tiêu diệt mình. Khi nhìn lại những con người, toàn thể nhân loại, tôi đã thấy là người ta đang sống và quá quyết rằng họ biết ý nghĩa cuộc đời. Tôi nhìn lại mình: tôi đã từng sống chừng nào tôi đã biết ý nghĩa cuộc đời. Giống như những người khác, tín ngưỡng đã cho tôi ý nghĩa cuộc đời và khả năng sống.

Khi nhìn lại xa hơn những người ở các nước khác, tức là những người đồng thời với tôi và những người quá khứ, tôi cũng đã thấy một điều như vậy. Ở đâu có đời sống thì ở đấy có tín ngưỡng. Kể từ khi có nhân loại, thì chỉ một mình tín ngưỡng tạo khả năng sống cho nhân loại mà thôi, và những nét chủ yếu của tín ngưỡng khắp mọi nơi và mọi thời đều như thế cả.

Dù bất cứ tín ngưỡng nào đưa ra những câu trả lời như thế nào đi nữa cho bất cứ người nào, thì mỗi một câu trả lời của tín ngưỡng đều gắn ý nghĩa của cái vô cùng cho sự tồn tại hữu tận của con người - ý nghĩa này mới không bị tiêu diệt bởi sự đau khổ, khốn cùng và cái chết. Như vậy, chỉ một mình tín ngưỡng mới đem lại ý nghĩa và khả năng sống. Và tôi đã hiểu rằng tín ngưỡng trong ý nghĩa cơ bản không chỉ là "vật chất hóa những vật vô hình", v.v... không phải là thiên khải (đó chỉ là một trong những đặc trưng của tín ngưỡng), không phải chỉ là thái độ của con người đối với Thượng đế (cần phải xác định tín ngưỡng rồi mới xác định Thượng đế, chứ không phải thông qua Thượng đế mà xác định tín ngưỡng), không phải chỉ là sự chấp nhận những điều mà con người được nghe, như người ta thường hiểu về tín ngưỡng, - tín ngưỡng là sự hiểu biết về ý nghĩa cuộc đời của con người, nhờ đó con người không tự tiêu diệt mình, mà sống. Tín ngưỡng là sức sống. Nếu con người đang sống, thì anh ta đang tin cái gì đấy. Nếu anh ta không tin

rằng phải sống vì mục đích nào đó, thì anh ta sẽ không sống nữa. Nếu con người không thấy và không hiểu tính chất ảo tưởng của cái hữu tận thì anh ta đang tin ở cái hữu tận ấy; nếu anh ta hiểu tính chất hư ảo của cái hữu tận thì anh ta phải tin ở cái vô cùng. Không có tín ngưỡng thì không thể nào sống được.

Và tôi nhớ lại toàn bộ diễn trình trong nội tâm mình mà tôi đắm ra khiếp sợ. Bây giờ tôi mới rõ rằng để con người có thể sống được, thì anh ta cần phải hoặc là không thấy sự vô cùng, hoặc là tìm được câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời trong đó cái hữu tận có dấu bằng với cái vô cùng. Tôi đã từng có sự giải thích như vậy, nhưng tôi không cần dùng nó chừng nào tôi tin ở cái hữu tận và tôi bắt đầu kiểm nghiệm sự giải thích ấy bằng lý trí. Và trước ánh sáng của lý trí, toàn bộ câu trả lời cũ đã bị vỡ tan. Nhưng thời gian đã đến và tôi không còn tin ở sự hữu tận nữa. Và lúc ấy, dựa trên nền tảng duy lý và bằng những hiểu biết của tôi, tôi bắt đầu xây dựng lối giải thích có thể đem lại cho tôi ý nghĩa cuộc đời. Nhưng rồi tôi không xây dựng được gì hết. Giống như những trí tuệ ưu tú nhất của nhân loại, tôi đã rút được kết luận rằng  $0 = 0$ , và rất đỗi ngạc nhiên khi được trả lời như vậy, và dĩ nhiên, không thể có câu trả lời nào khác được.

Tôi đã làm gì, khi tìm câu trả lời trong những tri thức thực nghiệm? - Tôi muốn biết tôi sống để làm gì, nên đã nghiên cứu tất cả những thứ nằm ngoài bản thân tôi. Tất nhiên, tôi có thể biết được rất nhiều, nhưng đều không thuộc những thứ mà tôi cần đến.

Tôi đã làm gì, khi tìm câu trả lời trong những tri thức triết học? Tôi đã nghiên cứu tư tưởng của những chúng sinh cùng ở trong một tình trạng như tôi, cũng như tôi, những chúng sinh này đã không có câu trả lời cho câu hỏi: tôi sống để làm gì? Rõ ràng tôi không thể nào biết được gì khác ngoài những điều mà bản thân tôi đã biết rồi, tức là không thể nào biết được cái gì hết. Tôi là cái gì? - một bộ phận của cái vô cùng. Thế mà câu trả lời ngắn ngủi này đã chứa đựng toàn bộ vấn đề. Chẳng lẽ nhân loại mới đặt ra câu hỏi này từ ngày hôm qua ư? Chẳng lẽ trước tôi chưa hề có ai đặt ra cho mình câu hỏi này - một câu hỏi hết sức đơn

giản mà mỗi người hiểu biết chút ít đều muốn đặt ra?

Câu hỏi này người ta đã đặt ra từ khi có con người. Và từ khi có con người, rõ ràng là để giải quyết vấn đề này mà đặt dấu bằng giữa cái hữu tận với cái hữu tận và giữa cái vô cùng với cái vô cùng thì đều là chưa đủ, và từ khi có con người, người ta đã tìm được và thể hiện được mối tương quan giữa cái hữu tận với cái vô cùng.

Tất cả những khái niệm này trong đó người ta đặt dấu bằng giữa cái hữu tận và cái vô cùng và tìm được ý nghĩa của cuộc đời, tức là khái niệm Thượng đế, tự do, điều thiện, chúng ta đều nghiên cứu về mặt lô gích. Thế mà những khái niệm này không đứng vững được trước sự phê phán của lý trí.

Điều này đáng buồn cười thì ít mà thực ra là đáng kinh khủng nhiều hơn: giống như trẻ con, chúng ta, với thái độ tự hào, tự cao tự đại, tháo mở chiếc đồng hồ ra lấy dây cốt làm đồ chơi, rồi sau đó lại tỏ vẻ kinh ngạc là chiếc đồng hồ không còn chạy được nữa.

Điều cần thiết và đáng quý là giải quyết mâu thuẫn giữa cái hữu tận với cái vô cùng và tìm được câu trả lời cho câu hỏi về cuộc đời, và câu trả lời này phải cho phép tiếp tục cuộc đời. Mà cách giải quyết duy nhất này chúng ta tìm được khắp mọi nơi và khắp mọi thời và ở tất cả các dân tộc - cách giải quyết từ xưa đến nay, từ xưa từ xưa trong lịch sử của nhân loại; cách giải quyết khó khăn đến nỗi tự chúng ta không thể tìm được cách giải quyết này - chính là cách giải quyết này chúng ta đang phá hoại một cách nhẹ dạ để rồi sau đó lại đặt câu hỏi ấy ra một lần nữa, câu hỏi mà mỗi người tự đặt cho mình, và chúng ta không có câu trả lời.

Khái niệm về Thượng đế vô cùng, về tính chất thánh thiện của linh hồn, về tương quan giữa hành động của con người với Thượng đế, khái niệm đạo đức về điều thiện và điều ác là những khái niệm do nhân loại đã tìm ra trong quá khứ xa xôi của lịch sử - chính là những khái niệm mà không có chúng thì sẽ không có đời sống, không có bản thân tôi nữa. Thế mà tôi, sau khi bác bỏ toàn bộ công việc này của toàn thể nhân loại, lại muốn tự tay mình làm tất cả theo cách mới, theo cách của mình.

Hồi đó, tôi không nghĩ như vậy, nhưng mầm mống của những ý nghĩ

ấy đã nảy ra trong tôi rồi. Tôi đã hiểu rằng 1) bất chấp trí anh minh của chúng tôi, tình trạng của tôi và của Schopenhauer và Salomon, thật là ngu xuẩn: chúng tôi hiểu rằng cuộc đời là tai họa thể mà vẫn cứ sống. Tình trạng này rõ ràng là ngu xuẩn, vì nếu cuộc đời ngu xuẩn - mà tôi thì rất yêu tất cả những điều hợp lý trí, - thì cần phải tiêu diệt cuộc đời, rồi không còn ai để phủ nhận nó nữa. 2) Tôi đã hiểu rằng tất cả những lập luận của chúng tôi đang loay hoay trong vòng luẩn quẩn giống như một bánh xe quay tít mà không dính vào bánh răng cửa. Dù chúng tôi lập luận rất giỏi và rất lâu đến thế nào đi nữa, chúng tôi vẫn không thể nào tìm được câu trả lời cho câu hỏi và kết quả luôn luôn vẫn là 0 = 0, và do đó con đường của chúng tôi chắc chắn là sai lầm. 3) Tôi đã bắt đầu hiểu rằng chính là những câu trả lời của tín ngưỡng chúa đựng trí anh minh hết sức sâu sắc của nhân loại, và tôi không có quyền phủ nhận chúng khi dựa trên lý trí, và điều chủ yếu là chỉ có những câu trả lời này mới giải đáp được câu hỏi về cuộc đời.

#### Chú thích:

12. **Duy lý (rationnel)** - dựa trên lý trí, bằng lý trí, hợp lý trí.

13. **Descartes** (1596-1650), triết gia, nhà toán học, nhà vật lý học, nhà sinh lý học Pháp. Trong học thuyết về nhận thức, ông được coi là người sáng lập chủ nghĩa duy lý.

\*

*Đọc xong đoạn trích này, chắc ai cũng đều thấy rõ: đây quả thật là một bi kịch lớn của một tâm hồn vĩ đại. Bi kịch là ở chỗ con người đẩy nhân tính này lâm vào cuộc khủng hoảng tâm linh nghiêm trọng giữa lúc mọi việc của ông đều tiến triển tốt đẹp. Bi kịch là ở chỗ ông gặp phải bế tắc về mặt nhận thức, không thấy được ý nghĩa cuộc đời của con người, giữa lúc chính ông đang làm việc hết lòng cho cuộc sống của con người. Bi kịch là ở chỗ ông biết cuộc đời là đau khổ nhưng ông không tìm được con đường giải thoát khỏi sự khổ đau, suýt nữa thì ông chọn nhầm đường.*

*Qua tác phẩm này, chúng ta thấy rằng cuối cùng Tolstoi đã nhận rõ là tín ngưỡng có khả năng đem lại cho con người tri thức nào đó về cuộc đời, đem lại cho con người khả năng sống trong cuộc đời đầy khổ đau. Đối với tín*

*ngưỡng truyền thống của ông là Chính thống giáo thì ông rất trân trọng, dù rằng, như ông đã viết ở phần cuối tác phẩm, có nhiều điều ông không tin hoặc phê phán. Về những điều này thì chúng tôi không bàn đến ở đây.*

*Những chúng tôi nghĩ rằng hồi đó, giá mà Tolstoi có cơ hội được biết giáo lý của đức Phật thì chắc là ông không bị lâm vào cuộc khủng hoảng tâm linh trầm trọng đến như vậy, vì giáo lý đạo Phật thực sự có khả năng giải đáp được nhiều câu hỏi về thế giới quan cũng như nhân sinh quan của con người. Độc giả có thể bảo: vì chúng tôi là những Phật tử nên mới nghĩ như vậy. Chúng tôi không phủ nhận. Nhưng khách quan mà xét, ngay bản thân Tolstoi cũng đã cảm thấy chỗ trống đó trong kiến thức tâm linh của ông và sau đó ông đã cố tìm hiểu sâu về đạo Phật. Vì thế, nhiều năm sau cuộc khủng hoảng đó, khi ông bắt tay viết **Bộ bạch tâm tử** hồi năm 1879, lần đầu tiên ông đề cập đến đức Phật trong tác phẩm này, dù ông vẫn chưa thấu triệt nhiều điều trong giáo lý của Ngài. Sau đó, ông càng trau dồi thêm kiến thức về đạo Phật, và đến cuối đời, ông được coi là một trong số những người am hiểu nhất về đạo Phật ở nước Nga hồi đó. Chẳng những am hiểu đạo Phật, mà ông còn cố áp dụng nhiều điều trong giáo lý của đức Phật vào đạo lý và cách sống của ông. Và như thế mỗi thật là đáng quý!*

*Qua tác phẩm của Tolstoi, chúng tôi thấy cần nêu lên và bàn đến một vài vấn đề sau đây mà theo chúng tôi có ý nghĩa lớn về mặt tâm linh:*

*Trước hết, xin nói đến **quan điểm về nhận thức** của nhà văn. Khi ông bị khủng hoảng, chính là lúc nhận thức của ông hoàn toàn chỉ dựa trên lý trí, cho nên nó rất phiến diện. Do đó, ông lập luận rằng một khi hiểu được cuộc đời là đau khổ, là vô nghĩa thì ông đi đến kết luận phải chấm dứt cuộc đời, nghĩa là tự tử. Nhưng rồi ông suy nghĩ, ông thấy rằng cách giải quyết đó có cái gì không ổn, dường như bên cạnh tri thức duy lý còn một thứ tri thức nào đó nữa do tín ngưỡng đem lại cho nhiều người - giúp cho họ có niềm tin, có ý niệm nào đó về vũ trụ và nhân sinh, về ý nghĩa cuộc đời, tạo cho họ khả năng sống. Chính sự phân vân đó làm ông không tự tử. Nhưng ngay cả khi viết tác phẩm này, quan điểm về nhận thức của ông cũng vẫn chưa hoàn toàn thanh thoát. Lối suy luận của ông về cách đặt mối tương quan*

*giữa cái hữu tận và cái vô cùng, v.v... thì thực ra, cũng là một lối tư duy tư biện, không thể giúp con người tìm được giải đáp chính xác.*

*Trong đạo Phật, vấn đề nhận thức, vấn đề trí tuệ đặt ra khác hẳn. Đạo Phật cho rằng những tri thức do lý trí con người đem lại dù phong phú đến đâu cũng vẫn là 'những hiểu biết của những người mù sờ voi', nghĩa là phiến diện, cục bộ, không thể phản ánh được bản thể sự vật. Ngay nhà triết học Pháp Bergson cũng nói rằng không thể hiểu nổi đời sống, nếu chỉ dùng lý trí mà thôi. Hơn nữa, theo chúng tôi nghĩ, nếu chỉ dựa vào lý trí con người, hoặc chỉ tin vào kiến thức sách vở thì ta có thể sa vào một thứ mê tín, chẳng khác gì sự mê tín của những người si mê, không hiểu biết. Nói thế không phải là đạo Phật không coi trọng tri thức, không coi trọng khoa học, những đạo Phật cho rằng trí tuệ con người được tạo nên không phải chỉ nhờ lý trí, chỉ nhờ sự học tập trong sách vở mà thôi, mà nó còn được tạo nên nhờ sự tuân theo nghiêm ngặt những điều giới luật, tức là trau dồi đức hạnh, diệt trừ phiền não, nuôi dưỡng tâm tử bi, và nhờ sự kiên trì thiền định, quán tưởng, suy tư, tóm lại nhờ sự tu tập, tu luyện lâu dài của con người, nhờ tâm thanh tịnh của con người.*

*Chắc nhiều độc giả đã biết giai thoại về một học giả muốn đến tham vấn một vị thiền sư già để học hỏi thêm. Thiền sư đưa khay trà ra đãi khách. Ấm trà đã đầy nước cốt, nhưng thiền sư vẫn cứ thản nhiên rót thêm nước sôi vào ấm. Thấy nước tràn cả ra ngoài, học giả thốt lên: Bạch sư cụ, ấm trà đã đầy nước rồi ạ! Thiền sư bình tĩnh nói: Đúng rồi, phải đổ bớt nước trong ấm ra rồi mới rót nước sôi vào được! Điều này ngụ ý cần phải vứt bỏ những tri thức cũ, có sẵn trong đầu óc mình mỗi hòng tiếp thụ được tri thức do tuệ giác đem lại.*

*Chính trí tuệ siêu việt của đức Phật, 2500 năm trước, đã vạch rõ bản chất của vũ trụ vô cùng nhỏ bé, cũng như của vũ trụ bao la vô cùng vô tận, và nhiều điều đức Phật đã nói ngày nay vẫn còn làm kinh ngạc biết bao nhà khoa học, biết bao trí tuệ lớn của loài người. Mà những điều Ngài nói so với những điều Ngài biết thì chỉ như nắm lá trong tay so với số lá cây trong rừng.*

*Chúng tôi xin nhắc lại chỉ vài điều thôi để thấy trí tuệ rút ra từ tu luyện*

tâm linh có ý nghĩa lớn như thế nào đối với nhận thức. Từ thế kỷ 17, sau khi Descartes, Képler, Leibnitz, Galilée, Newton, v.v... đã đưa ra những phát kiến vô cùng quan trọng mở rộng tri thức của loài người, giới khoa học hồi đó đã tỏ ra khá lạc quan cho rằng chẳng bao lâu nữa họ sẽ tìm được bí ẩn cuối cùng của vũ trụ, tức là tìm ra và nắm bắt được cái hạt cở bản cuối cùng. Hàng thế kỷ đã trôi qua các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra được cái hạt cuối cùng đó, và càng ngày họ thấy nó càng vi diệu biến ảo, không thể nào nắm bắt được. Thậm chí nhà bác học nổi tiếng Wheler đã nói: 'Vật chất là gì? Vật chất là không có thật. Nó chỉ là ánh sáng mắc bẫy'. Trong khi đó thì đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Già (Lankavatāra Sūtra): 'Cho đến vi trần, phân tích tìm cầu trọn không thể được...'. Sau đây là một đoạn trong sách Chân Thiên (Le Vrai Zen) của Thiền sư Nhật Bản Taisen Deshimaru. Ông viết: '... Về vấn đề này, tập san Sự Sống (Life) ở Mỹ có xuất bản tác phẩm Vật Chất của G.S.Lapp, trong đó tác giả viết: 'Nhờ chuyển đổi bên trong hạt nhân, các nhà bác học đã nhận biết được 34 phân tử căn bản, trong đó có nhiều phân tử tỏ ra không bền vững ngay khi phát sinh, và biến thành những phân tử khác. Hôn nữa, kiến thức chúng ta ngày càng tiến bộ thì bức màn huyền bí càng dày thêm. Thật vậy các nhà vật lý học giờ đây không còn dám khẳng định proton (đường điện tử), neutron (trung hòa tử) và electron (âm điện tử) là những vật thể choán một không gian nào đó. Theo một số lý thuyết, các phân tử này chỉ là những sóng, những điểm không khối lượng, hoặc như một nhà vật lý học điển tả: 'Đây là những ma số toán học âm ảnh không gian'. Rồi Thiền sư kết luận: "Cách đây 2500 năm, đức Phật đã từng có quan niệm đó rồi - Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc... Người đời thường tưởng các hình thể vật chất được cấu tạo từ những thành phần bền vững và thường hằng. Vì lẽ đó, người ta tin vào tình trạng tồn tại của mình và của vật chất, và họ đã ăn ở, xử sự theo niềm tin ấy. Từ đó nảy ra tình trạng băn khoăn, bối rối. Lo sợ và nghi ngờ cũng bắt nguồn từ cách suy nghĩ này. Cách suy nghĩ đó khiến người ta lầm tử gốc".

Còn về cái vũ trụ lớn thì tuệ giác siêu việt của đức Phật cũng đã từng nêu rõ là nó vô thủy vô chung, vô cùng vô tận. Gái quan niệm về tam thiên đại

thiên thể giới được nói đến nhiều lần trong kinh sách đạo Phật, tức là quan niệm cho rằng thế giới ta đang sống không phải là duy nhất, không phải là trung tâm vũ trụ, mà là một phần trong muôn ngàn thế giới khác. Ngày nay, với những phát kiến mới của khoa học, quan niệm đó đã được xác nhận rõ ràng. Thậm chí, đến các hình trạng khác nhau của các thế giới được nói rõ trong Kinh Hoa Nghiêm (Lalokavistara Sūtra), phẩm Thế Giới Thành Tụ, cũng được khoa học chứng minh.

Sở dĩ chúng tôi nhắc đến những điều trên để thấy rõ quan điểm về nhận thức, cũng như cở sở từ đó phát sinh trí tuệ có vị trí lớn lao như thế nào cho việc rút ra những kết luận đúng đắn, nhất là về mặt tâm linh. Như vậy, việc trau dồi trí tuệ để có được nhận thức đúng đắn phải được đặt trên căn bản tri giới, nuôi dưỡng lòng tử bi, hỷ xả, thiên quán, tu tập, chứ không phải chỉ bằng sự tích lũy tri thức.

Điểm thứ hai, chúng tôi muốn nói đến là quan niệm về con đường giải thoát khỏi khổ đau. Trước tiên, chúng tôi xác nhận cái tầm nhìn khoáng đạt của Tolstoi trong cách đặt vấn đề: trong lúc đại đa số tín đồ Chính thống giáo chỉ chú tâm đến việc giải thoát khỏi tội lỗi, thì chính ông đã nhận thấy vấn đề rộng hơn, là giải thoát khỏi khổ đau, giải thoát khỏi cuộc đời. Nhưng khi bị khủng hoảng tâm linh, Tolstoi đã không được biết về con đường giải thoát khỏi khổ đau, khỏi vòng sinh tử luân hồi mà đức Phật đã nêu ra, nên lúc đầu ông tưởng rằng "giải thoát mình khỏi cuộc đời" dường như chỉ có nghĩa giản đơn là tự giết mình.

Con đường giải thoát khỏi khổ đau, khỏi sinh tử luân hồi, đức Phật đã chỉ rõ trong Bốn chân lý màu nhiệm (Tứ Diệu Đế) và Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên). Khi đức Phật bắt đầu chuyển bánh xe Pháp, thì trước hết Ngài thuyết giảng cho năm người đệ tử đầu tiên của Ngài về Bốn chân lý màu nhiệm, trong đó Ngài nói rõ đời là khổ, phân tích nguồn gốc của khổ là lòng tham sống, dục vọng, sân hận và si mê, mà xét cho cùng là ý niệm sai lầm về ngã, rồi nhấn mạnh là phải diệt những nguồn gốc đó và cuối cùng nêu rõ tám con đường chân chính để diệt khổ, cụ thể là: 1/ có cái nhìn đúng để hiểu mình và sự vật; 2/ có tư duy đúng để gạt bỏ tham lam, dục vọng, thù hận, ganh ghét, mê muội, cố chấp, nhờ đó tạo được tâm ý

tử bi, hỷ xả, tình thương yêu; 3/ có lối nói đúng đắn, chân thật; 4/ có hành động chính đáng tạo nên thiện nghiệp; 5/ có đời sống trong sạch, thanh cao; 6/ có những cố gắng diệt trừ nghiệp xấu xuất phát từ thân, miệng và ý; 7/ có suy niệm đúng đắn để tận diệt những quan niệm sai lầm về cuộc sống, như cho cuộc đời đầy đau khổ này là hạnh phúc, cho mọi vật vô thường trên thế gian này là thường còn; 8/ có chính định để hiểu được thực tướng của vạn hữu, tức là thấy được "Hết thảy các pháp đều là vô ngã". Như vậy rõ ràng là khi đức Phật dạy cuộc đời là biển khổ thì Ngài không hề khuyên con người kết liễu cuộc đời một cách tiêu cực bằng cách tự tử vì con đường đó không đem lại sự giải thoát cho con người, trái lại Ngài đã chỉ hướng đi tích cực để giải thoát khỏi khổ đau.

Để sự giải thoát khỏi khổ đau được rõ ràng, triệt để, đức Phật nhấn mạnh đến sự giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, nói một cách khác để không còn tái sinh nữa. Và Ngài đã thuyết giảng Mười hai Nhân duyên. Chúng tôi nghĩ rằng đây là phần uyên thâm nhất của giáo lý đức Phật diễn tả được sự luân chuyển không ngừng của vòng sinh tử luân hồi trong chuỗi dài các nhân duyên. Nhân duyên đầu tiên là Vô minh, tức là sự u tối, không hiểu được Giáo Pháp, không biết được Bốn chân lý màu nhiệm, nó đã làm điều kiện cho nhân duyên thứ hai là Hành, tức là những hành động tạo nên đủ loại nghiệp. Hai nhân duyên trên thuộc về đời đã qua. Do nghiệp lực của những hành động mà mầm nối cho nhân duyên thứ ba là Thức, cụ thể là tâm thức khởi lên trong giây phút thụ thai. Như vậy, Vô minh làm điều kiện cho nghiệp lực mà con người đã tạo tác trong kiếp trước, còn Thức sẽ tạo nên con người. Xét về nhân quả thì Hành là nhân, còn Thức là quả. Nó là điều kiện bắt đầu cho cuộc đời một con người. Cũng vì có tâm thức đầu tiên ấy mà nhân duyên thứ tư là Danh Sắc xuất hiện, đó là tượng hình trong bào thai với đầy đủ mọi phần tử của Thân và mọi yếu tố của Tâm. Rồi từ Danh Sắc này mà nhân duyên thứ năm phát sinh là Lục Nhập, tức là những giác quan, như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, được phát triển dần lên. Lục Nhập làm điều kiện cho nhân duyên thứ sáu là Xúc, tức là sự tiếp xúc của những giác quan (Căn) với những đối tượng của

chúng (Trần), như mắt với màu sắc, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với cảm giác, ý với tư tưởng. Xúc đòi hỏi sự có mặt của ba yếu tố: Căn (giác quan), Trần (đối tượng của giác quan) và Thức (sự nghe được, thấy được, ngửi được, nếm được, cảm giác và suy nghĩ). Khi Căn với Trần tiếp xúc nhau thì phát sinh ra nhân duyên thứ bảy là Thọ, tức là cảm giác, như buồn, vui, mừng, giận... Có Thọ nên mới nảy sinh ra nhân duyên thứ tám là Ái, tức là lòng yêu thương, ham muốn, dục vọng. Ái là điều kiện phát sinh ra nhân duyên thứ chín là Thủ, tức là giữ, chiếm giữ, lấy làm của mình. Vì Thủ mà con người lại tạo nghiệp, gây quả, tiếp tục những hành động trước đây đã từng tạo nên Thức có năng lực tái sinh. Thủ lại làm điều kiện cho nhân duyên thứ mười là Hữu, tức là tồn tại, sống, lại tiếp tục tạo thêm nghiệp, tạo năng lực cho hạt giống luân hồi, là Thức tái sinh cho kiếp sau. Từ nhân duyên thứ ba (Thức) đến nhân duyên thứ mười (Hữu) là thuộc về đời hiện tại. Như vậy, do nghiệp lực mà lại có nhân duyên thứ mười một là Sinh. Có Sinh thì có nhân duyên thứ mười hai là Tử, từ Sinh đến Tử thì thường có Bệnh và Lão. Hai nhân duyên sau cùng, Sinh và Tử, là thuộc đời sắp tới.

Chính cái vòng luân quần tiếp nối của các nhân duyên làm cho con người trôi lăn mãi trong vòng sinh tử luân hồi, không thoát ra khỏi sự khổ đau được. Vấn đề đặt ra là phải phá tan được cái dây xích này. Nhiều người cho rằng diệt được Vô Minh, nhân duyên đầu tiên, thì có thể lần lượt phá tan các mắt xích khác để cuối cùng không còn sinh tử luân hồi, tức là tận diệt được khổ đau. Một số người khác lại cho rằng Thọ là tâm hành cơ bản, nếu phá tan mắt xích này thì con người đang sống có thể cắt đứt được sợi dây xích nhân duyên, cắt đứt vòng sinh tử luân hồi. Điều quan trọng là con người phải có được chánh niệm, tỉnh thức và trí tuệ để giữ cho cảm thọ không khởi sinh ái dục nữa. Như thế sẽ không có Thủ, không có Hữu, không có Sinh, tức là ra khỏi vòng sinh tử luân hồi.

Đạo Phật là đạo giải thoát chính vì nó chọn hưởng đi tích cực cho con người thoát khỏi khổ đau, thoát khỏi sinh tử luân hồi bằng cách như vậy. Giá mà Tolstoi biết rõ điều đó khi viết tác phẩm Bộc bạch tâm tử thì cách

giải quyết vấn đề của ông sẽ khác hẳn.

Điểm thứ ba chúng tôi muốn nói đến là đạo Phật hiểu thế nào về vai trò của con người. Trong Kinh Hoa Nghiêm (Avatusaka Sùtra), đức Phật có dạy rằng Con người là hơn cả (Nhân thị tối thắng). Ngài nói vậy vì tin ở con người có thể thực hiện được những điều tốt đẹp ở đời. Dù rằng con người mang trong thân mình bao nhiêu mầm xấu xa độc hại, dục vọng, tham lam, ích kỷ, sân hận, thù tính, độc ác có thể gây ra nhiều tội ác, làm điều đứng chững sinh, làm hủy hoại thiên nhiên, nhưng so với các loài khác, con người có những điều kiện đặc biệt để có thể trở thành ưu việt, nếu có ý chí hưởng thượng, hưởng thiện. Trong Kinh Ưu-bà-tắc có nói: "Trong tất cả các loài, con người đủ điều kiện hơn, như về trí khôn ngoan chẳng hạn. Nhất là hoàn cảnh con người không quá khổ như địa ngục, không quá vui như thiên đường, không quá ngu si như các loài thú vật". Như vậy là con người có nhiều điều kiện và khả năng để phá bỏ mê lầm mà vươn lên. Dựa vào lòng tin đó, đức Phật mới nói trong Kinh Phạm Võng (Mahavagga Sùtra) rằng: Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Câu đó không những nói lên lòng tin của đức Phật vào Phật tính trong tâm của mỗi người, mà còn nói lên giá trị của con người, vai trò của con người mà đạo Phật rất đề cao. Theo chúng tôi nghĩ đó chính là tính tích cực, tính nhân bản cao của đạo Phật. Đức Phật nêu rõ cái hưởng phấn đấu cho con người để không còn sinh tử luân hồi trong các kiếp sau, còn trong kiếp này, con người phải cố vươn lên theo con đường hưởng thượng, hưởng thiện để thành Phật, chứ không phải là con đường hủy diệt thân xác của mình, vì Một khi mất thân người rồi thì muôn kiếp khó trở lại (Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục).

Trên đây chỉ là một vài điều suy nghĩ của chúng tôi sau khi đọc xong tác phẩm này của Tolstoi. Chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên để cùng chia sẻ với bạn đọc. Chắc chắn rằng độc giả còn có nhiều ý kiến khác, điều đó là lẽ dĩ nhiên, phản ánh tính chất muôn màu muôn vẻ của nhận thức con người, và điều đó thì thật đáng hoan nghênh vì nó giúp cho chúng ta tiến gần đến chân lý hơn.

(Moskva 14.11.1997.)

## Thiếu mùa trăng quê hương

● Tùy Anh



Trong màn đêm tĩnh lặng  
Trăng vàng vọt giữa trời  
Nghe trong niềm quạnh vắng  
Còn vang vọng tiếng cửi.

Thức đêm căng lòng mắt  
Môi thấy lòng quạnh hiu  
Ngắm trăng thanh vắng vạc  
Lại mở tiếng sáo diều!

Vẫn hưởng mùa lúa chín  
Nồng đượm mùi thân quen  
Giờ chân trời góc biển  
Thèm nghe tiếng đế mèn.

Đêm trầm trong sóng nước  
Người trầm trong lãng quên?  
Nổi trôi vì thế cuộc  
Xót tiếng vạc kêu đêm!

Gió reo trên biển rộng  
Lồng lộng giữa màu chiều  
Nhìn chìm âu trái cánh  
Lại nhỏ tiếng thủy triều.

Nghe trong hồi kinh sớm  
Có lạnh lòng sống mưa  
Đứng bên thềm gió lộng  
Mong ngóng tiếng chuông chùa.

Đã nửa đêm về sáng  
Trời mịt mùng hơi sống  
Trên bước đường phiêu lãng  
Thiếu mùa trăng quê hương!

01.3.98

# Việt Nam : Một bình minh kinh tế và nhiều bóng tối về xã hội

• V. K.

**N**ếu bộ mặt ngoài được trét lớp phấn giả tạo từ bàn thi toàn thể thân xác Việt Nam còn giữ những ghê lở của một bệnh nghèo đói kinh niên. Trong sự chạy đua đến phồn thịnh, Việt Nam đi như rùa bò, chậm trễ vô cùng và có nhiều lý do.

\*

Việt Nam có đủ phương thức và điều kiện để tiến đến một tương lai đầy hứa hẹn như mọi người ước đoán? Sau khi lao đầu vào con đường cải cách kinh tế, nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa này bây giờ lại phải tìm thêm một hơi thở mới - một cuộc đổi mới thứ hai - chậm rãi và từ từ theo nhịp điệu của nó. Làm như nhà cầm quyền Việt Nam tin chắc rằng họ phải đưa đất nước ra khỏi tình trạng cô lập từ bao lâu nay cho nên họ nhất định phải nắm chắc vận mệnh Đất Nước mà làm chủ tình thế trước đã để tiến hành chính sách một cách có hiệu quả.

Do đó, họ lo lắng thiết lập trước hết cho được một tình trạng ổn định về chính trị và xã hội, nhưng điều này lại không phải là một bằng chứng cần thiết để phát triển kinh tế. Phương thức này tuyệt nhiên không làm phấn khởi những nhà đầu tư Tây phương là luôn luôn nhắc nhở nhà cầm quyền Việt Nam rằng tất nhiên mọi chính sách phải có lợi cho những nhà đầu tư ngoại quốc nhưng cũng phải làm sao cho có được một sự cởi mở với bên ngoài, để phát triển song hành Đất Nước và trừ tiệt gốc một sự nghèo đói càng ngày càng lan rộng một cách trầm trọng. Tình trạng tệ hại, suy đồi của Đất Nước đó là bao nhiêu lý do, cơ hội và bằng cớ để tố cáo sự ịch nặng nề của bộ máy chính quyền Việt Cộng, tệ nạn bóng lặc, quà cáp và nhất là căn bệnh hối lộ trầm kha cùng những vụ tai tiếng xấu xa về quản trị tài chính và những lạm rất phổ biến; tóm lại các nhà đầu tư ngoại quốc đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Cộng phải dẫn thân tích cực và cương quyết, chẳng những vào những cải cách chính trị mà nhất là vào những cải cách về phương diện giao dịch, thương mại và hành chính thực sự sâu rộng hơn nữa.

Giới chóp bu Việt Cộng hiện nay trẻ tuổi lại gồm nhiều thành phần chuyên viên hơn phải thấu hiểu các yêu cầu và mong ước to lớn ấy về dân chủ và kinh tế. Nhưng rồi người ta không thể nào tin cậy vào.

Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, vừa mới được đắc cử chính là do sự lựa chọn và chỉ định của Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam. Quả thực là một cuộc bầu cử giả dối thiếu hẳn tinh thần tự do dân chủ.

## • Miền Bắc và Miền Nam

Việc đưa Phan Văn Khải lên làm Thủ Tướng chúng tỏ nhà cầm quyền CSVN muốn đi vào chiều hướng cải cách. Bởi vì Khải là người của Miền Nam. Và đó không phải là một sự tình cờ. Nước Việt Nam, một vùng có nhiều khác biệt về địa chất mà cũng là vùng có nhiều tưởng phản về xã hội và kinh tế cả hai miền. Hà

Nội, thủ phủ Miền Bắc, "giữa 2 làn nước" không chút gì giống với thành phố Hồ Chí Minh của Miền Nam. Còn ở biên giới Hoa-Việt thì là cả một miền hoang dã, chưa có ánh sáng văn minh chợ lầm, mới chập chững bước vào con đường kinh tế thị trường. Ở giang khẩu Mékong, hỗn độn nhưng có cả một sự phồn thịnh của cảnh phát triển kinh tế dâng lên như nước hải triều. Giữa 2 miền, là cả một thế kỷ cách biệt quá xa và dàn trải ra những vùng đất rộng, đó còn là những ổ nghèo đói kinh niên khủng khiếp, sống ngoi ngóp đa số dân miền núi khôn khổ. Cảnh tượng vô cùng thê thảm ấy bắt buộc nhà cầm quyền CS vốn tôn thờ chính sách kinh tế chỉ huy phải bán linh hồn cho kẻ thù! mà tiếp nhận làm kẻ chiến bại thi hành chính sách kinh tế thị trường để cứu nạn cứu khổ phần nào cho dân chúng. Và riêng họ cũng có chút gì đó để bỏ túi riêng, làm giàu phi pháp. Tập đoàn cán bộ này lợi dụng chính sách ấy, nhưng từ một thập niên nay, sự nghèo đói đã giảm bớt, chính sách đổi mới, chủ trương 1986 đã có chút hiệu quả là lạm phát giảm bớt, sự tăng trưởng kinh tế khá quan hơn. Việt Nam là một trong những nước xuất cảng nhiều gạo nhất thế giới và là một tâm điểm thu hút sự đầu tư nước ngoài. Nhưng mâu thuẫn và ác hại thay dân trong nước ở miền quê vẫn còn đói nghèo!

Theo chính quyền Việt Cộng thì đa số dân thôn quê trên tổng số 77 triệu dân vẫn còn sống trong tình trạng nghèo đói. Theo "Chương trình Liên Hiệp Quốc về Cứu trợ phát triển" thì trước kia 70% dân số là bần hàn nay đã giảm bớt nhưng vẫn còn trầm trọng. Những cải cách kinh tế đầu tiên đem lại một số hậu quả thì bây giờ đây nó chìm mò và gần như giảm hết hiệu lực rồi. Bây giờ chương trình ấy của Liên Hiệp Quốc lại phải hà hơi tài trợ một số nhiều dự án khác để cứu đất nước khỏi cảnh lầm tham, còn tồn tại quá nhiều tệ nạn vì cán bộ ngu dốt, tham nhũng, mặc kệ đói rách của dân lành

Chương trình cai ma túy - Chương trình này có tham vọng chữa bằng trà thuốc các cây cỏ - Đang thực hiện từ vài năm nay.

Chương trình thiết lập một hệ thống luật pháp toàn bộ cho quốc gia (Việt Cộng từ lâu nay áp dụng luật rừng để cai trị độc đoán, để đàn áp, bóc lột, giết chóc những ai chống lại họ). Có người còn nói mai mỉa bằng câu nói lịch sử: Rừng còn có luật, cầm thú còn có luật của chúng, chủ trong xã hội Việt Cộng Sản thì đâu có luật. Còn thua tập thể cầm thú nữa là khác.

Muốn sự đầu tư có hiệu lực và gây tin tưởng cho người ngoại quốc, Việt Cộng đành phải chấp nhận sự viện trợ của Liên Hiệp Quốc cho việc xây dựng luật pháp quốc gia theo thể chế các nước tự do nhưng liệu những bộ óc rừng rú này có tôn trọng luật pháp không, đó là điều khác.

Nước Việt Nam bây giờ tìm mọi phương thế mở rộng ra bên ngoài và mời đón các nước ngoài vào Việt Nam giao dịch, làm ăn, hội họp, du lịch v.v... để tạo cho mình một bộ mặt quốc tế như bao quốc gia tiền tiến ở Đông Nam Á (hòng giảm bớt sắc diện độc tài sất máu, bạo tàn của một loại Stalin-nit họ thiết lập trước đây, một chế độ mà nhà báo Olivier Todd đã kết án là hải hùng, khủng khiếp!).

Từ tháng 7.1995, họ đã gia nhập Khối ASEAN (Liên phòng các quốc gia Đông Nam Á Châu) rồi van nài Mỹ bang giao. Và đã có Tòa Đại Sứ Mỹ tại Hà Nội với viên Đại Sứ đầu tiên là Douglas Peterson. Ông này đã tuyên bố "Sự nghèo đói, cảnh bần cùng, khổ cực ở thôn quê và ở thành thị là những vấn đề tiên quyết cần phải giải quyết khẩn cấp bằng một sự phát triển kinh tế kịp thời ở Việt Nam". Ông nói tiếp: Các nhà cầm quyền Việt Nam loay hoay có tìm những mô hình kiểu mẫu xung quanh họ: Đại Hàn? Nhật Bản? Mã Lai?... quốc gia nào tốt hơn hết đây? Và liệu họ có bắt chước nổi không?

(Đặc phái viên PASCAL MARTIN -  
Báo Le Soir 11.1997)



# Diễn Đàn Dân Chủ

## SỨC MẠNH LIÊN KẾT

• Hà Văn Hôn

**Đ**ặc tính nổi bật của truyền thống dân tộc Việt Nam chúng ta là sinh hoạt tập thể thường gọi là tinh thần cộng đồng. Người Việt dù sống bất cứ đâu đều có khuynh hướng sống quây quần và xây dựng những tập hợp cộng đồng dưới nhiều hình thức khác nhau. Điểm nổi bật nhất của cộng đồng người Việt hải ngoại là xuất hiện nhiều lực lượng, hội đoàn, tổ chức với nhiều hình thức đấu tranh nhưng nhìn chung vẫn là chống chế độ độc tài CSVN đòi tự do dân chủ và nhân quyền cho quê hương Việt Nam.

Trong bối cảnh rạn nứt và tranh giành quyền lực của đảng CSVN hôm nay có lẽ đã đến lúc các tổ chức chính trị nhìn thấy nhu cầu liên kết là bức thiết trong giai đoạn đấu tranh hiện nay. Không có một tổ chức riêng lẻ nào đủ có khả năng đến đâu cũng không thể làm xoay chuyển được tình thế. Cuộc cách mạng dân chủ hóa Việt Nam nhất định phải là cuộc cách mạng của quần chúng. Chỉ có sức mạnh liên kết của nhiều tổ chức đấu tranh trong và ngoài nước mới có thể thực hiện được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam là xóa bỏ chế độ độc tài CS và xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên đa đảng ở Việt Nam.

Trong lúc nhà cầm quyền đảng CSVN ra sức bịt miệng các thành phần đối lập thì trong nước nhiều nhân tố đối lập mới với những tiếng nói dũng cảm của những đảng viên CS, của những nhà trí thức yêu nước nổi lên khắp nơi dưới nhiều hình thức chỉ trích đảng CSVN thì ở hải ngoại bắt đầu hưởng ứng. Khởi đầu là những tác phẩm văn học của nhà văn Dương Thu Hương, của nhà nghiên cứu Nguyễn Kiên Giang, những bài viết về dân chủ của Giáo sư Phan Đình Diệu rồi người ta khởi lại vụ án đàn áp nhân quyền: vụ Nhân Văn Giai Phẩm và Xét Lại Chống Đảng, những lá thư đòi công bằng xã hội của Lê Hồng Hà, La Văn Lâm v.v... nhiều bài viết góp ý với Đảng và Nhà nước CSVN đặc biệt là bài "Nhân quyền khát vọng ngàn đời" của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang. Bức thư gửi Quốc Hội, Bộ Thông Tin Văn Hóa của nhà văn Hoàng Tiến đòi thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận. Các ông Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc vẫn tiếp tục viết bài, gửi bài, trả lời phỏng vấn liên hệ với nước ngoài và mời đây Hội Trí Thức Yêu Nước Thăng Long ở trong nước gửi bức thư cho đồng bào ở nước ngoài chứng tỏ một số trí thức trong nước đã kết hợp để nhập cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền và tin cậy vào ảnh hưởng của áp lực từ bên ngoài nhằm ngăn cản nhà cầm quyền đảng CSVN đàn áp tiếng nói của lương trí. Các cuộc phỏng vấn các nhân vật đối lập như Hà Sĩ Phu, Nguyễn Hộ được thực hiện của đài VOA, RFI với phóng viên Thái Phong, rồi các chương trình truyền thông đại chúng từ bên ngoài như các buổi phát thanh tiếng Việt của đài tiếng nói Hoa Kỳ, Chân Trời Mới, RFI, BBC, đài Á Châu Tự Do v.v... và các phương tiện khác có khả năng thu nhập và loan truyền thông tin nhanh như sách báo, tài liệu, fax, điện thoại, internet v.v... đã đóng vai trò tích cực trong việc thông tin liên lạc trong và ngoài nước. Nhờ vậy tin tức quan trọng xảy ra trong và ngoài nước đã được truyền đi nhanh chóng và chính xác. Đây là cơ hội thuận lợi cần khai thác đúng mức để chấp cánh cho phong trào đấu tranh trong và ngoài nước tăng tốc độ. Phương tiện thông tin hai chiều nhanh chính xác giúp cho nhân dân trong nước nhận thức được thời cuộc khiến nhà cầm quyền đảng CSVN không còn tuyên truyền lừa bịp họ được nữa. Và tin tức cho biết tình hình hiện nay trong nước nhân dân đã thay đổi khá nhanh so với thời gian trước đây. Cuộc nổi dậy của nhân dân tỉnh Thái Bình vào tháng Tư vừa qua và của Giáo dân Xuân Lộc Đồng Nai vào tháng 11 cũng như hàng chục cuộc đình công, lân công của công nhân nhà nước xảy ra một cách liên tục trong suốt năm 1997. Đây là dấu hiệu chuyển động lớn của phong trào dân chủ hóa tại Việt Nam.

Tình hình hiện nay cho thấy đây là thời điểm thuận lợi nhất để mở rộng thể liên kết các lực lượng, tổ chức, hội đoàn trong và ngoài nước nhằm gia tăng sức mạnh đấu tranh. Hoàn cảnh trước mắt rất thuận lợi nếu khai thác đúng mức sẽ đưa cuộc đấu tranh đến thành công. Cụ thể phải tích cực ủng hộ đồng bào quốc nội trong các

cuộc đấu tranh cho dân sinh, dân quyền đồng thời liên kết các lực lượng đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền trong và ngoài nước hình thành một sức mạnh tổng hợp để xóa bỏ chế độ độc tài CS và xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên đa đảng cho Việt Nam ■

## PHẢI LẬT ĐỔ CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI ĐẢNG TRỊ

• Nguyễn Văn Tân

Willostr. 13  
49377 Vechta

**D**ân tộc Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt lịch sử và cầm lấy luôn quyết định về số phận của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN). ĐCSVN gắn liền với cái cũ lỗi thời, bảo thủ và hậu tiến. ĐCSVN đang cạn về tư tưởng và chiến lược phát triển. Chính sách kinh tế thị trường đang đụng vào những giới hạn chính trị, không chấp nhận tự do và dân chủ đa đảng nên đã cản trở sự phát triển kinh tế ở VN. Từ sau những biến động ở các tỉnh Thái Bình, Đồng Nai v.v... cho dù có dè dặt mà nhận định rằng đây chỉ là những vụ tự phát, chỉ đòi hỏi về dân sinh thì tình hình chính trị ở VN không thể xem là còn ổn định nữa. Ngày nào còn chế độ độc tài Đảng trị của CSVN thì ngày đó sự biến động bùng nổ của nhân dân sẽ càng phát triển.

Chính quyền CS Hà Nội đã dùng biện pháp cô lập để giới hạn việc đi lại của một số nhà ly khai hay lãnh đạo Tôn Giáo như Hòa Thượng Thích Huyền Quang (lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất) hiện đang bị quản chế hành chính. Hay bắt bỏ giam cầm một số người chỉ vì họ bày tỏ chính kiến khác với lãnh đạo đường quyền như Giáo sư Đoàn Viết Hoạt hay Bác sĩ Nguyễn Đan Quế vì dám công khai đòi dân chủ và nhân quyền.

Hiến Pháp CSVN đảm bảo quyền tự do báo chí và ngôn luận nhưng trong thực tế đều nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của ĐCS và Nhà nước. Trong số 450 ghế Đại biểu Quốc Hội bầu hồi tháng 7/97 thì có 66 người không có Đảng tịch, tuy nhiên trước đó đơn của họ phải được Mặt Trận Tổ Quốc là một tổ chức ngoại vi của ĐCS thông qua. Như vậy đây chỉ là trò cưỡi cái gọi là quyền tự do bầu cử tại VN của ĐCSVN.

Chỉ có lật đổ được chế độ độc tài Đảng trị của ĐCSVN để có cuộc bầu cử tự do dân chủ đa đảng, tập hợp mọi nhân tài yêu nước thì mới có thể đưa VN thoát khỏi vùng bùn lầy của ĐCSVN gây nên để đem lại thực sự tự do dân chủ và trao lại quyền làm người cho dân tộc VN. Và tôi khẳng định sự sụp đổ của chế độ CSVN này là tất yếu ■

## ÂM MŨU CỦA C.S.V.N TRÊN MẶT TRẬN VĂN HÓA

• Lê Minh Huy, Bad Harzburg

**T**ừ trước đại hội VI đảng CSVN (1986), đất nước đang ngày càng kiệt quệ dưới sự cai trị bạo tàn, bắt tài của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam và cũng vì hai cuộc chiến tranh tại biên giới phía Bắc và phía Tây Nam Việt Nam với tham vọng bành trướng thế lực nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đã xâm chiếm Cao Miên đã gây ra sự công phẫn trên dư luận quốc tế dẫn đến tình trạng Việt Nam bị cô lập, cấm vận kinh tế, đời sống người dân Việt Nam ngày càng nghèo đói gây ra sự bất mãn trong lòng dân. Và từ khi một loạt chế độ cộng sản tại Đông Âu tan rã và sau đó là sự sụp đổ của nhà nước cộng sản Liên Bang Xô Viết, thì các nước CS trên thế giới lâm vào tình trạng khốn đốn vì với một nền kinh tế bao cấp, trì trệ không phát triển chỉ trông chờ vào sự ban bố, viện trợ của ông anh CS Nga Xô.

Trước tình hình đó, chế độ cộng sản Việt Nam cũng không ngoài số phận ở trên đã suy vong, những kẻ lãnh đạo nhà nước CSVN vội vã rập theo khuôn mẫu của ông anh cộng sản Trung Quốc, đã hô hào tuyên bố sẽ "cởi bỏ và đổi mới". Phát triển nền kinh tế thị trường kêu gọi cầu xin sự đầu tư vào Việt Nam của các công ty, hãng xưởng ở nước ngoài, thực chất đó là một nền kinh tế chấp vạ và dựa nôi. Cho đến nay, sau 12 năm thực hiện công cuộc đổi mới thì vẫn chưa có dấu hiệu khả quan nào cho nền kinh tế Việt Nam. Về mặt chính trị với bản chất tham quyền, cố vị giới lãnh đạo đảng CSVN vẫn duy trì chế độ độc tài, đảng trị và họ đã bị dư luận thế giới cũng như các tổ chức, đoàn thể trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại lên án về hành động đàn áp tự do, dân chủ và vi phạm

nhân quyền tại Việt Nam. Để bưng bít, lừa bịp dư luận quốc tế và đánh bóng cho một chế độ cộng sản độc tài, bảo thủ nhà nước CSVN đã không ngừng tuyên truyền rằng Việt Nam kể từ sau khi thực hiện công cuộc "cởi mở và đổi mới" đã có nhiều thay đổi, họ đã đưa những đoàn ca nhạc, văn công ra nước ngoài trình diễn dưới chiêu bài gọi là "Giao lưu Văn hoá" và các văn, nghệ sĩ trong đoàn ca nhạc, văn công nói trên là những công cụ tuyên truyền của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội. Họ là những nạn nhân bị chính CSVN lừa bịp như những người đã từng hy sinh trong công cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ giành lại độc lập thống nhất nước nhà, mà đảng cộng sản đã tuyên truyền sẽ đem lại "Tự Do, Hạnh Phúc" cho đồng bào Việt Nam, nhưng thực tế nó hoàn toàn trái ngược với những lời họ đã hứa. Những kẻ lãnh đạo đảng CSVN đã quên hoặc đã cố quên đi khát vọng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam dù ở nước ngoài hay tại trong nước là Tự do, Dân chủ.

Hôm ngày 5/ 2/ 1998 vừa qua, ông Trần Độ một cựu tướng lĩnh trong quân đội CSVN, và đã từng phụ trách về vấn đề tư tưởng của ủy ban Văn hóa và Nghệ thuật đã hồi hưu. Ông tuyên bố là đảng CSVN đang bị nguy cơ đe dọa tan rã nếu không chấp nhận những "cải tổ tận gốc về chính trị", ông còn cho biết là vào tháng 12/ 97 đã gửi thư cho giới lãnh đạo đảng CSVN gồm : nhân vật số một của đảng là Đỗ Mười và người kế nhiệm là Lê Khả Phiêu, cho Thủ tướng Phan Văn Khải và người tiền nhiệm là ông Võ Văn Kiệt, cho Chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh và cho tất cả những ai quan tâm đến Việt Nam. Trong lá thư ông nhận định rằng: "Những cải tổ về kinh tế hiện nay đòi hỏi những cải tổ chính trị tận gốc rễ, vì sự tập trung mọi quyền hành (trong tay đảng CSVN) dẫn đến tình trạng thoái hóa của chính đảng này". Ông còn kêu gọi bầu cử tự do và yêu cầu "ban hành một bộ luật về tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và do đó tất yếu là phải tự do báo chí và tự do xuất bản". Tuy nhiên, tình hình hoàn toàn trái ngược người ta thấy lãnh vực ngôn luận ngày càng bị siết lại. Như vậy, sự hô hào "cởi mở, đổi mới" của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã tuyên truyền được thực hiện ra sao? Khi mọi quyền tự do căn bản của người dân đều bị tước đoạt, các tác phẩm và sách báo bị kiểm soát trên phương diện chính trị một cách gắt gao.

Cải chiêu bài được gọi là "Giao lưu Văn hóa" của CSVN chỉ nhằm mục đích ru ngủ tinh thần và lòng nhiệt huyết đấu tranh vì Tự do, Dân chủ và Nhân quyền cho Việt Nam của cộng đồng người Việt. Và đảng CSVN còn có âm mưu gây mất đoàn kết, chia rẽ trong các tổ chức, đoàn thể trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại ■

## DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

● Nguyễn Ngọc Lai , Kyllburg

Ngày nay, những quốc gia phồn thịnh, phát triển, văn hóa cao đồng nghĩa với tự do dân chủ. Trong xã hội đó, nhân quyền được triệt để tôn trọng. Người dân được tự do bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình. Dù nó trái ngược với quan điểm của giai cấp thống trị. Quyền tự hữu được tuyệt đối tôn trọng.

Ngược dòng lịch sử, các quốc gia Châu Mỹ có thời điểm lập quốc tương tự như nhau. Tại sao Hoa Kỳ, Canada trở thành cường quốc? Trong khi đó các quốc gia Nam Mỹ tới nay vẫn luôn chậm tiến về mọi mặt: chính trị, kinh tế, xã hội luôn bất ổn, đời sống công dân cực khổ. Phải chăng Hoa Kỳ, Canada chấp nhận chế độ tự do, dân chủ. Còn các quốc gia Nam Mỹ vì chủ trương chế độ độc tài?

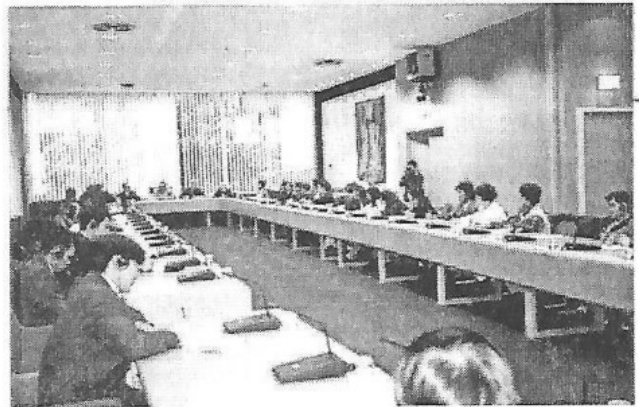
Chúng ta, cùng nhau tìm hiểu nền dân chủ, tự do Hoa Kỳ, nguyên nhân của những thành công vượt bậc, đưa Hoa Kỳ trở thành siêu cường về kinh tế lẫn quân sự. Ngoài những điều kiện thuận lợi tự nhiên do đất đai, khí hậu, khoáng sản, con người. Yếu tố quan trọng bậc nhất đó là thể chế chính trị tốt lành. Ngay từ khi lập nước, trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập, chân lý hiển nhiên được công bố: "Mọi người sinh ra đều được bình đẳng. Tạo hóa sinh ra con người cho họ một số quyền bất diệt. Trong đó quyền sống, quyền hưởng tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc". Chính phủ lập ra là để đảm bảo các quyền đó. Chính phủ nắm quyền hợp lý là do sự ưng thuận của người dân. Chủ không phải do sự áp chế độc tài của một nhóm người nào đó, hòng áp bức làm giàu trên thân phận đói khổ của dân chúng, của dân tộc. Vì thế bất cứ hình thức cai trị nào đi ngược lại lợi ích của nhân dân, dân tộc, thì nhân dân có quyền đòi hỏi, sửa đổi hoặc hủy bỏ hình thức cai trị đó. Và lập ra một chính phủ mới, đặt nó trên những nguyên tắc, tổ chức theo những hình thức mà nhân dân xét thấy khả dĩ đảm bảo được an ninh và

hạnh phúc của nhân dân. Một nguyên tắc bất di bất dịch đã được người ta ghi trong văn kiện Bills of Right (bản dân quyền) nhắc lại những nguyên tắc dựa trên tư tưởng của Locke trong bản tuyên ngôn độc lập. Nguyên tắc ấy là quyền hành của chính phủ phải được giới hạn chặt chẽ bởi quyền của công dân bị trị. Trên thực tế những quyền đó gồm quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, những đảm bảo chống lại mọi sự bắt bớ độc đoán. Quyền cho phép bị cáo được một bồi thẩm đoàn xét xử. Quyền không phải trả một thủ thuế nào ngoài những thủ thuế mà quốc hội đã thông qua. Như vậy là tại Việt Nam dưới chế độ độc tài đảng trị hiện nay, quyền lực của một nhóm lãnh đạo gia tăng một cách vô biên, quyền sinh, quyền sát trong tay những kẻ lãnh đạo. Thì tại Hoa Kỳ quyền hành của các hội đồng nhân dân tối cao điều khiển quyền Lập Pháp, Hành Pháp. Tư Pháp được tách biệt. Quyền Lập Pháp được giao cho 2 viện, quyền hành pháp được giao cho Thống Đốc do nhân dân bầu ra. Vậy thì ở Việt Nam hiện nay sự lạm dụng quyền hành của các cấp lãnh đạo có quan, điều hành các cấp do cấp lãnh đạo cao hơn đề cử. Để tránh tình trạng trên lối ra khả hữu là bầu lãnh đạo tương lai nhiệm kỳ một năm thôi và tuyệt đối không có quyền phủ quyết. Cũng vậy là để nhắc nhở "Dân là Chủ". Người ta bầu cử thường xuyên (thường là một năm một lần) trên tinh thần nguyên tắc dân là tối thượng.

Chế độ độc tài đảng trị, Đảng CS nắm trong tay mọi quyền lực; hiến pháp, quyền tư pháp chỉ tờ điểm thêm cho chế độ trên thực tế xã hội không có quyền tự do thật sự. Đó là nguyên nhân Việt Nam là một quốc gia nghèo nhất thế giới, thu nhập đầu người mỗi năm không quá 200 Mỹ kim. Một trong 10 nước có "thành tích" vi phạm nhân quyền nặng nhất. Trong tinh thần dân chủ hiện nay, chúng ta đã chậm trễ so với các nước dân chủ 200 năm. Chúng ta đâu có lý do gì để mà tiếp tục tụt hậu nữa. Chúng ta đã lỡ chuyến tàu dân chủ quá nhiều rồi. Chỉ còn 2 năm nữa là nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ 3. Nhân dân Việt Nam ta nhất định sẽ vùng lên đòi lại những quyền tự do chân chính của mình ■

## KHOẢNG CÁCH CÒN LẠI

● Nguyễn Anh Quân  
(Saarburg)



Nguyễn Anh Quân trong cuộc hội đàm tại Tòa nhà Quốc Hội Nhân Quyền Âu Châu 10.12.97 ở Straßburg - Pháp)

Chúng ta sinh ra và lớn lên trên mảnh đất bốn nghìn năm lịch sử. Dân tộc Việt Nam, từ đời ông cha chúng ta đã chịu đựng lầm than, khổ cực dưới sự thống trị của giặc Tàu, giặc Tây. Cho đến ngày nay, thế hệ trẻ chúng ta sống dưới cảnh nghèo đói, mất tự do dưới sự thống trị của Đảng Cộng Sản. Cảnh gia đình tan tác vợ xa chồng, con xa mẹ, anh xa em, mỗi người một phương để đi tìm tự do, người ở bên kia bờ lục địa Thái Bình Dương, người ở Paris sống mù mây phủ, sống trong cảnh tha phương, đất khách, quê người. Nỗi đau này đau phải của riêng ai, chúng ta đã sống và tiếp xúc với nhiều xã hội, tự do, tiến bộ trên thế giới. Chúng ta ai cũng cảm thấy buồn khi nhìn về Việt Nam, một đất nước đang phải sống trong cảnh gông cùm, mất tự do của chế độ Cộng Sản. Đã đến lúc mỗi người Việt chúng ta phải có trách nhiệm, chỉ ra cho mọi người và thế giới thấy rằng bộ mặt của một chế độ Cộng Sản thối nát, đã đưa đất nước ta lâm vào cảnh tan thương, cuộc chiến tranh vô nghĩa làm hàng ngàn, hàng triệu người con em chúng ta ngã xuống, cảnh gia đình tan nát, đất nước bị tàn phá. Tất cả sự hy sinh

đó, đối lại cảnh nghèo đói, làm than, sống trong cảnh đọa đày, tàn phá, đó là sự hy sinh vô nghĩa của những người dân vô tội. Cuộc chiến đã chấm dứt 27 năm qua, những người dân vô tội vẫn sống trong cảnh đói nghèo dưới chế độ độc tài, đảng trị, tất cả quyền lợi của người dân đều bị cấm đoán, đàn áp, bóc lột, một chế độ không thể tồn tại trên thế giới, nó như một căn bệnh của loài người.

Do vậy khoảng cách còn lại, đã đến lúc mỗi người dân Việt Nam chúng ta phải biết đoàn kết lại thành một khối vững chắc, đấu tranh quyết liệt để từ bỏ chế độ độc tài Cộng Sản. Chỉ có như vậy chúng ta mới đưa đất nước Việt Nam hòa nhập vào sự phát triển, tiến bộ chung của loài người. Như vậy mỗi người dân Việt Nam chúng ta mới được hưởng một cuộc sống tự do, dân chủ, bình đẳng xã hội, tự do tôn giáo, mưu cầu hạnh phúc như các dân tộc tiến bộ trên thế giới ●

## Việt Nam! Quê Hưởng Tôi

Đặng Thanh Hoài - Hannover

Mọi người không ai có thể ngờ được giữa cái khí hậu lạnh giá cuối đông tại Tây Đức, giữa trung tâm thành phố Braunschweig, chúng tôi những người Việt Nam tỵ nạn tại khắp mọi miền của Cộng Hòa Liên Bang Đức đang chuẩn bị cho buổi biểu tình tuyệt thực lại có nhiệt độ "lý tưởng" như thế. Thật vậy, với ánh nắng yếu ớt trong cái lạnh buốt giá của ngày 02.02.98 làm cho mọi người có mặt liên tưởng đến sự cảm thông của trời đất với nỗi đau khổ của dân tộc Việt Nam, cũng như tấm lòng người Việt Nam hải ngoại.

Từ sáng sớm, mọi người đã đến và bắt tay vào công việc, người dựng lều bạt, người treo cờ, người căng biểu ngữ và thiết kế hệ thống âm thanh. Những người ngoại quốc qua lại vô cùng ngạc nhiên và cảm phục khi nhìn những bàn tay buốt lạnh và run rẩy khi làm việc ngoài trời, nhưng họ cũng hiểu ngay khi những tấm biểu ngữ được căng lên: "24 tiếng Tuyệt Thực", "Tự do & Dân Chủ cho Việt Nam", và đúng 12g30 cuộc biểu tình tuyệt thực bắt đầu.

Vào ngày này 67 năm về trước đảng CSVN được thành lập và cũng chính từ đó, nó đã đưa dân tộc Việt Nam đến cảnh khốn cùng. Với chế độ độc tài cai trị của đảng CSVN, chính quyền CSVN đã chà đạp lên quyền Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền, cùng với sự Tội Do Tôn Giáo và Tín Ngưỡng của người dân Việt Nam. Tôi, cũng như tất cả anh chị em có mặt ngày hôm đó ngồi tuyệt thực thành hàng, thành dãy trong lều bạt và lắng nghe các bài phát thanh bằng Đức ngữ do các đại diện của Ban Tổ Chức, đồng thời bên ngoài, các Ban Vận Động & Thông Tin chạy đi, chạy lại thu thập chủ ký và phát các bản thông tin cho những người qua đường.

Đến chiều, nhiệt độ xuống dần, mặc dù các máy sưởi đã mở, nhưng không khí ngoài trời rất lạnh, và đêm đó tuyết rơi. Tuyết rơi phủ kín khắp mọi con đường, mang theo cái lạnh tê tái như muốn thủ thịch những con tim nóng bỏng của người Việt Nam tại nơi tuyệt thực này. Tôi thầm nghĩ, khi nhân loại loài người đang tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do dân chủ, kỷ nguyên của hòa bình và sự tiến bộ. Thì chính tại quê hương tôi, chế độ độc tài cộng sản lại đang hoành hành và gia tăng đàn áp Tôn giáo, bắt bỏ giam cầm các tu sĩ, các trí thức, các chính trị gia...

Cuộc biểu tình tuyệt thực của chúng tôi ngày hôm nay nhằm mục đích:

1. Tố cáo trước dư luận Đức và thế giới chính sách chà đạp nhân quyền, đàn áp tôn giáo, đàn áp tự do của chính quyền CSVN.
2. Yêu cầu chính quyền CSVN phải từ bỏ quyền lãnh đạo độc tài.
3. Yêu cầu chính quyền CSVN phải trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho các tù nhân chính trị và các tu sĩ.
4. Yêu cầu chính quyền CSVN phải trả tự do cho người dân Việt Nam cũng như quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận...  
Việc làm nhỏ bé của chúng tôi ngày hôm nay là để ủng hộ và nâng cao tinh thần tranh đấu của đồng bào trong nước tại các tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa, Đồng Nai... và mong muốn quê hương của chúng tôi sẽ là một nước Việt Nam có tự do dân chủ vì đó cũng là sự mong muốn của thế giới loài người ●

## Hòa Thượng Thích Thiên Định viên tịch

Lễ tiễn đưa kim quan và trà tỳ nhục thân cố Hòa Thượng Thích Thiên Định được cử hành trang nghiêm trọng thể sáng ngày 2.4.1998 tại chùa Pháp Hoa và tại nghĩa trang Marseille, Pháp quốc.

Hơn 50 vị Tăng, Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và các chùa khác ở nước Pháp, ở Canada và khoảng 500 Phật Tử đã thành tâm tụng niệm trước giờ đi quan tỳ chùa cũng như trước lễ trà tỳ nơi hỏa táng.

Nhiều vị đại diện các tôn giáo và thành phố Marseille đã đến ngỏ lời phân ưu. Nhiều điện tín, điện thư gửi đến từ các Giáo hội, các Chùa, các Tổ chức Phật giáo thế giới chia buồn với môn đồ pháp quyến chùa Pháp Hoa cũng đã được tuyên đọc, sau buổi lễ an vị linh cốt của cố Hòa Thượng tại chùa Pháp Hoa vào buổi trưa ngày 2.4.98.

Được biết cố Hòa Thượng Thích Thiên Định, sinh năm Giáp Tý (1924) hạ lạp 53, viên tịch lúc 7 giờ sáng ngày 30.3.98 nhằm ngày 3 tháng 3 năm Mậu Dần, hưởng thọ 75 tuổi. Cũng nên nhắc lại cố Hòa Thượng Thích Thiên Định hiện là Phó Chủ Tịch Tăng Già Thế Giới, Phó Chủ Tịch Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới, thành viên Hội Đồng Giáo Phàm GHPGVNTN tại hải ngoại và cũng là Cố Vấn chứng minh đạo sư của GHPGVNTN Âu Châu. Trước 1975, ở trong nước, Ngài đã giữ chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh và Kiến Thiết trong Hội Đồng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Tại thành phố Marseille cố Hòa Thượng đã khai sơn xây dựng chùa Pháp Hoa từ năm 1976 và là thành viên sáng lập Hội Liên Tôn của thành phố này có tên là Marseille Espérance.

Vẫn biết rằng lễ vô thường, có sinh tất có diệt, nhưng sự ra đi đột ngột của cố Hòa Thượng trong lúc này vẫn là một sự mất mát to lớn cho GHPGVNTN nói chung và là một niềm đau buồn luyện tiếc sâu xa cho toàn thể tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam nhất là tại hải ngoại.

GHPGVNTN Âu Châu đã thống báo tin buồn này đến tất cả các đơn vị thành viên, các Chùa, các Niệm Phật Đường, các GDPT tổ chức lễ truy niệm công đức và cầu nguyện cho Giác Linh cố Hòa Thượng được cao đăng Phật quốc, thượng phẩm thượng sanh, chúng vô sanh pháp nhãn.

## Cung Tiễn Giác Linh

Đại Diện cho Tăng Ni và Tín Đồ Phật Giáo thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu gồm các nước: Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch, Ái Nhĩ Lan, Đức, Hòa Lan, Áo, Nga, Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ... chúng con được biết:

### Cố Hòa Thượng Thượng Thiên Hạ Định

Sinh năm Giáp Tý (1924)  
Viên tịch ngày 30 tháng 3 năm 1998.  
Thọ thế 75 tuổi.

- Phó Chủ Tịch Hội Phật Giáo Tăng Già Thế giới
- Phó Chủ Tịch Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới
- Cố vấn chứng minh đạo sư của GHPGVNTN Âu Châu
- Khai sơn và Viện Chủ Chùa Pháp Hoa, Pháp quốc.

Chúng con xin chấp tay cầu nguyện cho Giác Linh của Hòa Thượng được cao đăng Thượng Phẩm, đồng thời chúng tôi cũng xin chia sẻ sự mất mát này với môn đồ pháp quyến của Hòa Thượng.

Thay mặt toàn thể Tăng Ni và Tín Đồ Phật Giáo tại Âu Châu.

Trưởng Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu  
Hòa Thượng THÍCH MINH TÂM





# Thế Thao

Người Giám Biên

## ● GIẢI VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI WORLD CUP '98



Trên hai năm đá vòng loại, chỉ còn 32 đội cầu khoác áo đại diện cho 32 quốc gia sang Pháp tham dự giải Vô Địch Thế Giới từ 10.6 đến 12.7.1998.

Ngày 3.12.97, một cuộc bốc thăm may rủi để chia Toán đã tổ chức tại Stade Velodrome (Marseille, Pháp). Kết quả như sau:

**Toán A** : Brasil (Đường kim vô địch thế giới), Schottland - Maroc - Na-Uy

**Toán B** : Ý - Chile - Kamerun - Áo

**Toán C** : Pháp (nước Tổ chức) - Nam Phi Arabi-Saudite - Đan Mạch

**Toán D** : Spanien - Niegéria - Paraguay Bulgari

**Toán E** : Hòa Lan - Bỉ - Nam Hàn - Mexico

**Toán F** : Đức (Đường kim - Vô địch Âu Châu) - Mỹ - Nam Tư - Iran

**Toán G** : Rumani - Kolumbien - Anh - Tunesien

**Toán H** : Argentina - Nhật - Jamaika - Kroatien

## ● LỊCH TRÌNH CÁC TRẬN ĐẤU

■ **Vòng I** : Vòng này, mỗi đội trong Toán phải đấu 3 trận để chọn hai đội nhất và nhì.

Ngày 10.6.98 Sân St. Denis - 17g30  
Trận khai mạc : Brasil - Schottland  
Montpellier - 21g00 : Maroc - Na Uy

Ngày 11.6.98 : Bordeaux - 17g30 : Ý - Chile. Toulouse - 21g00 : Kamerun - Áo

Ngày 12.6.98 : Montpellier - 14g30 Paraguay - Bulgari. Lens - 17g30 : Arabi-Saudite - Đan Mạch. Marseille - 21g00 : Pháp - Nam Phi

Ngày 13.6.98 : Nantes - 14g30 : Spanien - Nigeria. Lyon - 17g30 : Nam Hàn - Mexico. St. Denis - 21g00 : Hòa Lan - Bỉ

Ngày 14.6.98 : St. Etienne - 14g30 : Nam Tư - Iran. Toulouse - 17g30 : Argentina - Nhật. Lens - 21g00 : Jamaika - Kroatien

Ngày 15.6.98 : Marseille - 14g30 Anh - Tunesien. Lyon - 17g30 : Rumani - Kolumbia. Paris - 21g00 : Đức - USA

Ngày 16.6.98 : Bordeaux - 17g30 : Schottland - Na Uy. Nantes - 21g00 : Brasil - Maroc

Ngày 17.6.98 : St. Etienne - 17g30 : Chile - Áo. Montpellier - 21g00 : Ý - Kamerun

Ngày 18.6.98 : Toulouse - 17g30 : Nam Phi - Đan Mạch. St. Denis - 21g00 : Pháp - Arabi-Saudite

Ngày 19.6.98 Paris - 17g30 : Nigeria - Bulgari. St. Etienne - 21g00 : Spanien - Paraguay

Ngày 20.6.98 : Bordeaux - 14g30 : Bỉ - Mexico. Nantes - 17g30 : Nhật - Kroatien Marseille - 21g00 : Hòa Lan - Nam Hàn

Ngày 21.6.98 : Paris - 14g30. Argentina - Jamaika. Lens - 17g30 : Đức - Nam Tư. Lyon - 21g00 : Mỹ - Iran

Ngày 22.6.98 : Montpellier - 17g30 Kolumbia - Tunesien. Toulouse - 21g00 : Rumani - Anh

Ngày 23.6.98 : St. Denis - 16g00 : Ý - Áo Nantes - 16g00 : Chile - Kamerun. St. Etienne - 21g00 : Schottland - Maroc. Marseille - 21g00 : Brasil - Na Uy

Ngày 24.6.98 : Lyon - 16g00 : Pháp - Đan Mạch. Bordeaux - 16g00 : Nam Phi - Arabi-Saudite. Lens - 21g00 : Spanien - Bulgari. Toulouse - 21g00 : Nigeria - Paraguay

Ngày 25.6.98 : Paris - 16g00 : Bỉ - Nam Hàn : St. Etienne - 16g00 : Hòa Lan - Mexico. Montpellier - 21g00 : Đức - Iran. Nantes - 21g00 : Mỹ - Nam Tư

Ngày 26.6.98 : Lyon - 16g00 : Nhật - Jamaika. Bordeaux - 16g00 : Argentina - Kroatien. St. Denis - 21g00 : Rumani - Tunesien. Lens - 21g00 : Kolumbia - Anh

■ **VÒNG II** (Achtelfinale) : Kể từ vòng này, áp dụng thể thức K.O. Đội nào thua sẽ phối áo!

Ngày 27.6.98 : Marseille - 16g30 - Trận 1 : Đội nhứt Toán B - Đội nhì Toán A

Paris - 21g00 - Trận 2 : Đội nhứt Toán A - Đội nhì Toán B

Ngày 28.6.98 : Lens - 16g30 - Trận 3 : Đội nhứt Toán C - Đội nhì Toán D. St. Denis - 21g00 - Trận 4 : Đội nhứt Toán D - Đội nhì Toán C

Ngày 29.6.98 : Montpellier - 16g30 - Trận 5 : Đội nhứt Toán F - Đội nhì Toán E Toulouse - 21g00 - Trận 6 : Đội nhứt Toán E - Đội nhì Toán F

Ngày 30.6.98 : Bordeaux - 16g30 - Trận 7 : Đội nhứt Toán G - Đội nhì Toán H. St. Etienne - 21g00 - Trận 8 : Đội nhứt Toán H - Đội nhì Toán G

Qua vòng này chỉ còn lại 8 đội vào vòng Tứ Kết.

## Vòng Tứ Kết (Viertelfinale)

Ngày 3.7.98 : St. Denis - 16g30 - Trận 1 : Đội thắng Trận 1 - Đội thắng Trận 3. Nantes - 21g00 - Trận 2 : Đội thắng Trận 2 - Đội thắng Trận 4

Ngày 4.7.98 : Marseille - 16g30 - Trận 3 : Đội thắng Trận 6 - Đội thắng Trận 8. Lyon - 21g00 - Trận 4 : Đội thắng Trận 5 - Đội thắng Trận 7

## ■ Vòng bán kết (Halbfinale)

Ngày 7.7.98 : Marseille - 21g00 : Đội thắng Trận 2 - Đội thắng Trận 3

Ngày 8.7.98 : St. Denis - 21g00 : Đội thắng Trận 1 - Đội thắng Trận 4

Ngày 11.7.98 - Tranh hạng 3 : Paris - 21g00

Hai đội thua ở vòng Bán Kết sẽ tranh hạng 3.

## ■ CHUNG KẾT (Finale)

Ngày 12.7.98 đúng 21 giờ 00, trận Chung Kết sẽ xảy ra tại vận động trường St. Denis, Paris, trước 80 ngàn khán giả và trên hằng trăm triệu người trước máy TV.

Hai đội nào vừa có tài vừa được may mắn vào đến vòng này? Trên sân cỏ thường xảy ra những chuyện bất ngờ, những dù sao căn cứ vào thành tích những đội mạnh chúng ta cũng có thể dự đoán được một phần nào. Theo ý kiến Người Giám Biên thì các đội sau đây sẽ có nhiều hy vọng vào Chung Kết hay tệ lắm thì cũng mò đến Tứ Kết hay Bán Kết.

- **Đội Brasil** (Ba Tây) đường kim vô địch thế giới. (Nhưng trong giải Golden Cup do Mỹ tổ chức vừa qua, đội Ba Tây đứng hạng 3 sau đội Mexico và đội Mỹ. Một điều bất ngờ, nhưng mà là sự thật).

- **Đội Đức** đường kim vô địch Âu Châu.

- Đội Ý hạng nhì giải vô địch thế giới 1994.

- Đội Pháp, đội chủ nhà.

- Đội Nam Phi - Đội Tây Ban Nha - Đội Argentina.

Đặc biệt đội cầu Đức được may mắn nằm trong Toán F gồm có Mỹ, Nam Tư, Iran. Hai đội Mỹ và Iran chắc chắn không phải là đối thủ của đội Đức rồi. Chỉ còn đội Nam Tư. Do đó 100% đội Đức sẽ lọt qua Vòng I, vì không đứng đầu bảng thì cũng đứng hạng nhì.

Vào Vòng II (Achtelfinale) đội Đức sẽ đụng hoặc đội Hòa Lan hoặc đội Bỉ ở Toán E. Vì trong Toán E gồm có Hòa Lan, Bỉ, Nam Hàn, Mexico. Đội Nam Hàn và Mexico có thể sẽ bị loại. Còn lại đội Hòa Lan và Bỉ. Đội Đức đụng một trong hai đội này. Chưa biết sẽ ra sao. Vì đội Hòa Lan và Bỉ tài nghệ không thua gì đội Đức, gặp ngày sung sức vẫn hạ được đội Đức để vào Tứ Kết.

Đội Đức hiện đang bị khủng hoảng về cầu thủ. Phần lớn cầu thủ của đội tuyển Đức đều nằm trong hai đội Bayern München và Borussia Dortmund. Đội Bayern trong 4 trận đấu vừa qua, thì 3 trận thua, 1 trận hòa! Tài nghệ cá nhân thì giỏi, vì giỏi nên tự cao tự đại, xem thường Huấn Luyện Viên, không có tinh thần đồng đội. Ai được banh cũng muốn làm bàn để nêu cao tên tuổi! Còn đội Dortmund thì đang đứng hạng thứ 8 trong 18 đội của hạng I (Bundesliga). Cầu thủ phần đông thì lớn tuổi (trung bình 30,8 tuổi) kinh nghiệm thì có, mà thể lực thì kém, làm sao ngăn cản được những cầu thủ trẻ như Ronaldo của đội Ba Tây, Mark Fisch của Nam Phi v.v...

Chỉ còn khoảng 2 tháng nữa là đến ngày khai mạc, liệu ông bầu Berti Vogts còn đủ thời giờ để tuyển chọn các cầu thủ nữa không. Dù sao cũng là đội đương kim vô địch Âu Châu, đừng để rớt ở vòng ngoài thì buồn 5 phút! Hãy chờ xem.

Ngày 25.3, đội tuyển Đức, đương kim vô địch Âu Châu gặp đội tuyển Ba Tây đương kim vô địch thế giới trong một trận đá giao hữu tại vận động trường Gottlieb-Daimler, Stuttgart. Đây là một trận đá giao hữu nhưng cũng được coi như là trận chung kết của một giải mini vô địch thế giới. Vì hai đội này đều được đánh giá là có nhiều triển vọng vào đến chung kết tại Pháp.

**Đội Đức gồm có:** Thủ môn Köpke. Hậu vệ Thon - Heinrich - Köhler - Worns - Ziege. Trung vệ Hamann -

Möller - Helmer. Tiền đạo (Trung phong) Bierhoff - Klinsmann (Đội trưởng).

**Đội Ba Tây:** Thủ môn Taffarel. Hậu vệ Carlos Roberto - Cafu - Aldair - Baiano. Trung vệ Dunga (Đội trưởng) - Demilson - Rivaldo - Sampaio. Tiền đạo (Trung phong) Ronaldo - Romario.

Tiếng còi vừa bắt đầu, đội Đức đã ào ạt tấn công như vũ bão gây áp lực thường xuyên trước khuôn thành Ba Tây. Vào phút 12, Heinrich thọc banh sâu qua hàng hậu vệ Ba Tây, Möller núng đã chạy theo banh qua khỏi hàng hậu vệ những đá vào tay thủ môn Taffarel. Vào phút 26, anh Tarnat vào thay Ziege. Ba Tây vùng lên phản công, đến phút 27, Đức bị một quả phạt góc, Rivaldo đá, anh Sampaio đội đầu banh bay vào góc gôn phải tuyệt đẹp, ghi 1 : 0 cho Ba Tây.

Tốc độ đội Đức bắt đầu chậm lại, đến phút 35, anh Köhler banh không đá mà lại đá vào chân của Denilson làm anh này ngã quy rên la; Trọng tài, ông David Elleray người Anh, móc thẻ đỏ đuổi ra sân. Đây là một lỗi hết sức nặng cho một cầu thủ thường hay chơi xấu. Mãn hiệp một, Ba Tây vẫn dẫn trước 1 : 0.

Sang hiệp 2, anh Kirsten thay Klinsmann, Möller lên làm đội trưởng. Đội Đức chỉ còn 10 người, nhưng cũng cố vùng lên để sang bằng cách biệt. Đến phút 58, anh Dunga cản anh Worns trái phép và có tánh cách nguy hiểm nên bị thẻ vàng đỏ ra sân. Như vậy là hai bên 10 : 10 đồng cân lượng. Đến phút 65, Kirsten núng theo một trái banh thọc sâu của Möller, anh vượt qua hậu vệ Baiano ghi bàn thắng thật đẹp gỡ huê cho Đức 1 : 1. Đến phút 80, Bebeto thay Romario. Đến phút 88, hàng hậu vệ Đức có vẻ lơ là, không còn chú ý anh Ronaldo nữa, vì sắp hết giờ rồi, bất ngờ anh Denilson thọc một trái banh qua hàng hậu vệ Đức, núng đã Ronaldo chạy như tên bay đem banh qua khỏi thủ môn Köpke đá xéo vào góc lưới, ghi tỷ số lên 2 : 1 cho Ba Tây.

Đức thua vì thiếu cảnh giác. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm cho những ai thiếu cảnh giác. Nhưng nhìn chung thì phải nhìn nhận là đội Ba Tây từ nghệ thuật nhồi bóng cho đến thể lực đều vượt hơn đội Đức. Nhưng bất ngờ bao giờ cũng hứa hẹn trên cầu trưởng. Hy vọng trận chung kết tại Pháp sẽ là hai đội Đức và Ba Tây để khán giả lẫn người ủng hộ được xem một trận phục thù.

## ■ RONALDO "QUẢ BÓNG VÀNG 97"

Sở lược tiểu sử cầu thủ thượng thặng Ronaldo. Anh tên thật là Ronaldo Luiz Nazario de Lima, sanh năm 1976 và lớn lên tại một khu phố nghèo nàn ở thủ đô Rio (Ba Tây), cha anh làm công nhân bốc xếp, mẹ anh làm thu ngân viên cho một siêu thị. Anh có hai anh trai. Năm 1980 lần đầu tiên được tiếp xúc với trái banh và từ đó anh mê nó như bóng với hình.

Năm 13 tuổi, anh dự định tới Câu Lạc Bộ Flamengo để tìm dịp may, nhưng rất tiếc là gia đình không đủ tiền cho anh đi xe Bus, mặc dù cậu thiếu niên 13 tuổi đời này đã hoàn thành tất cả những bài kiểm tra do thủ môn Cantarelli đưa ra. Nhờ sự hưởng dẫn của hai ông bầu A. Martins và R. Pitla, Ronaldo được chơi cho đội hạng 2 ở Rio là Sao Cristovao dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên A. Sampaio. Tài nghệ Ronaldo mỗi ngày một phát triển vượt bậc đến nỗi anh được coi là một cầu thủ có tài năng ngoại hạng. Lần lượt anh về đầu quân cho CLB Botofogo, Sao Paulo rồi Cruzeiro Belo Horizonte. Cuộc đời chuyên nghiệp của anh bắt đầu từ CLB này với hai lần đoạt Copa America và Super Copa Nam Mỹ. Ba Tây chưa phải là đất lành chim đậu mặc dù nơi đã nuôi dưỡng và đào tạo anh nên người. Anh sang qua Âu Châu đầu quân cho đội PSV Eindhoven (Hòa- Lan), năm 1996 anh sang qua đội Barcelona và mùa banh 96-97 anh chơi dưới màu áo Inter-Mailand cho đến nay. Tánh tình hòa nhã không bị tai tiếng. Chưa bị thẻ vàng.

*Quả bóng vàng và danh hiệu xuất sắc nhất thế giới năm 97 được trao tặng cho Ronaldo. Anh là cầu thủ trẻ nhất (21 tuổi) từ trước tới nay đoạt giải này với thành quả là cùng đội tuyển Ba Tây đoạt cúp thế giới 1994, Copa America 97, Cúp liên đoàn châu lục 97, cùng CLB Barcelona đoạt Cúp Tây Ban Nha, đồng thời vua phá lưới mùa bóng 96-97 với 34 bàn. Ronaldo về đá cho Inter-Mailand kể từ 96-97 với giá chuyển nhượng kỷ lục là 32 triệu đô-la cho năm đầu, chưa kể tiền thưởng và các năm sau mỗi năm tăng 1 triệu đô-la. Đứng là cặp chân vàng. Nhất nghệ tinh nhân thân vinh.*



■ Nữ

Về phái nữ, những cây vợt đang lên phải kể đến là cô Martina Hingis (Thụy Sĩ/17 tuổi). Cô V. Williams (Mỹ/16 tuổi). Cô A. Kurnikowa (Nga/16 tuổi).

Agassi. Nhưng thật ra thì tài nghệ của anh chưa đủ để đáp ứng lòng mong mỏi của người ủng hộ. Trong trận đấu luôn luôn mất bình tĩnh, nóng tánh, lúc nào cũng muốn dứt điểm đối phương.

là lần đầu tiên anh thắng một giải lớn như vậy. Hoan hô tinh thần vươn lên của anh!



Anh Thomas Haas (19/34) cây vợt số 2 của Đức hiện nay

Anh N.Kiefer cây vợt số 1 của Đức hiện nay

Cô Martina Hingis 17 tuổi, cây vợt số 1 thế giới kể từ 31.3.97 sau khi đoạt giải Grand Slam Australia

Cô L. Davenport (Mỹ/19 tuổi). Đặc biệt cô Hingis được bầu là vận động viên số 1 năm 1997. Cô đã phá tất cả các kỷ lục mà các bậc đàn chị của cô đã đoạt được từ trước tới nay. Trong năm 97, mới 16 tuổi, cô đã vào chung kết 4 giải Grand Slam, thắng 3, thua 1, như sau:

- Grand Slam Australia hạ cô Sanchez (TBN/10) 6:2, 6:3.
- Grand Slam French Open thua cô Majoli (Kroatien/8) 4:6, 2:6.
- Grand Slam Wimbledon hạ cô Novotna (Tiệp/3) 2:6, 6:3, 6:3.
- Grand Slam US Open hạ cô V. Williams (Mỹ/70) 6:0, 6:4.

Sang năm 1998, giải Grand Slam Australia từ 19.1 đến 1.2.98, cô đã giữ vững chức vô địch là hạ cô Martinez (TBN/8) với tỷ số 6:3, 6:3. Bước chân vào nhà nghề lúc 15 tuổi, cầm vợt tung hoành trên các sân cỏ, vừa 16 tuổi đã đoạt được chức nữ vương quần vợt (cây vợt số 1 thế giới). Vừa đúng 17 tuổi cô đã đoạt được 16 lần vô địch trong đó có 4 giải Grand Slam. Tài sản chìm nổi của cô hiện giờ trên 20 triệu Mỹ kim! Với tài nghệ và phong độ của cô, chắc chắn cô sẽ giữ vững ngôi vị nữ hoàng ít lắm là đến năm 2001.

#### ■ Nam

Bên phái nam thì ít có cây vợt nào trẻ nổi bật cả. Riêng dân Đức thì đang hy vọng ở anh Nicolas Kiefer (19 tuổi/29) sẽ vùng lên thay đàn anh là B. Becker và M. Stich. Anh có hình dáng và ăn mặc gần giống như anh André

Do đó anh bị thua những trận không đáng thua. Điển hình là trận tứ kết giải Grand Slam Australia, anh gặp anh Escude (Pháp/81) anh đã dẫn trước hai ván đầu là 6:4, 6:3. Ai cũng tưởng anh thừa thắng xông lên hạ luôn ván thứ 3 để vào bán kết. Nhưng anh đã để thua liên tiếp 3 ván sau là 4:6, 1:6 và 2:6 ổng thật! Tại sao? Tại vì anh thiếu kinh nghiệm mà nhất là nóng tánh đó là yếu tố đưa đến sự thất bại. Không biết anh có rút ra được bài học này không; hay tánh nào vẫn tặc đó!

Còn anh Sampras cây vợt số 1 thế giới thì khi trời khí sục không còn đầy đủ phong độ như một hai năm trước đây. Sức khỏe của anh bị giảm sút rõ rệt. Lẽ tự nhiên vì mỗi năm mỗi tuổi đời chông chất, hơn nữa sức người có hạn, có trận anh đánh một cách uể oải và thua một cách lảng xẹt.

Riêng anh Petr. Korda (Tiệp/6) cây vợt lão làng vẫn luôn luôn cố gắng vươn lên. Phương châm của anh là: "Còn nước, còn tát". Thật đúng như vậy, trong giải Grand Slam Australia vừa qua, anh đã lần lượt hạ những cây vợt sau đây để vào chung kết:

- Portas (TBN/35) 6:3, 4:6, 6:1, 6:4
- Draper (Úc/76) 7:6, 6:3, 6:3
- Spadea (Mỹ/79) 6:2, 7:6, 6:2
- Pioline (Pháp/21) 6:4, 6:4, 3:6, 6:3
- Björkman (T.Điển/4) 3:6, 5:7, 6:3, 6:4, 6:2
- Kucera (Tiệp/20) 6:1, 6:4, 1:6, 6:2

Vào chung kết anh đụng anh Rios (Chile/8) anh hạ Rios dễ dàng với tỷ số 6:2, 6:2 và 6:2! Anh Korda là người đầu tiên trong làng banh nỉ với số tuổi 30 đã thắng giải Grand Slam mà cũng

#### ● Đôi Nữ:

Cặp Hingis/Lucic (T.Sĩ/Kroa.) hạ cặp Davenport/ Zwerewa (Mỹ/Bạch Nga) 6:4, 2:6, 6:3

#### ● Đôi Nam

Cặp Björkman / Elting (T.Điển/H.Lan) hạ cặp Woodbridge/Woodforde (Úc) 6:2, 5:7, 2:6, 6:4, 6:3

#### ● Đôi Nam Nữ

Cặp Williams(Gimelstob (Mỹ) hạ cặp Sukowa/Suk (Tiệp) 6:2, 6:1

1. Rusedski (Anh) 239,8 cây số/giờ
2. Philipponis (Úc) 229
3. Stark (Mỹ) 222
4. Ivanisevic 221,2
5. Krajicek (Hòa Lan) 220,4
6. Stich (Đức) 215,6
7. Radulescu (Đức) 214
8. Moya (Tây Ban Nha) 214
9. Sampras (Mỹ) 214
10. Rosset (Thụy Sĩ) 214
11. Kiefer (Đức) 213
12. Becker (Đức) 210,8

### 10 cây vợt đứng đầu thế giới (giá trị đến 1.4.98)

#### ■ NAM

1. M. Rios (Chile)
2. P. Sampras (Mỹ)
3. P. Korda (Tiệp)
4. P. Rafter (Úc)
5. G. Rusedski (Anh)
6. J. Kafelnikov (Nga)
7. A. Corretja (Tây Ban Nha)
8. J. Björkman (Thụy Điển)
9. R. Krajicek (Hòa Lan)
10. G. Kuerten (Ba Tây)

Sau 102 tuần lễ, cây vợt số 1 thế giới, anh Peter Sampras bị anh Marcelo Rios đoạt chức vua quần vợt. Tổng Thống Eduardo Frei dự định sẽ đón tiếp anh tại "Palais de la Moneda". Thật là một vinh dự to lớn mà M. Rios không bao giờ mơ ước tới. Anh đã tuyên bố với báo chí như vậy.

#### ■ NỮ

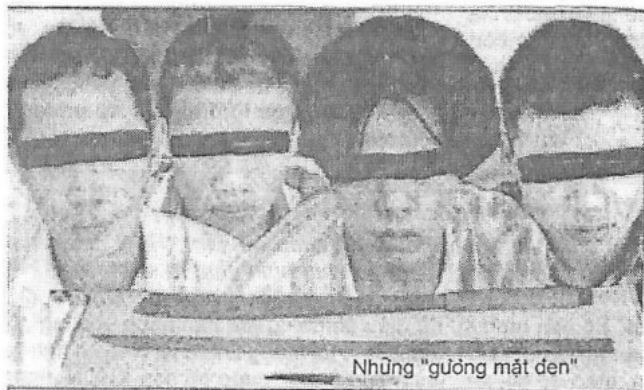
1. M. Hingis (Thụy Sĩ)
2. L. Davenport (Mỹ)
3. J. Novotna (Tiệp)
4. A. Coetzler (Nam Phi)
5. A. Sanchez (Tây Ban Nha)
6. M. Seles (Mỹ)
7. M. Pierce (Pháp)
8. I. Majoli (Kroatien)
9. C. Martinez (Tây Ban Nha)
10. V. Williams (Mỹ)

# Thời Sự Thế Giới

• Phan Ngọc

## ■ VIỆT NAM

- Đã từ lâu, chế độ cộng sản xem vấn đề phạm tội như một hiện tượng lờn hồi biến mất. Nhưng hiện nay, vấn đề này trở thành một bài toán khó giải.



Những "gương mặt đen"

Trong một xã hội biến đổi không ngừng nhất là sau sách lược "đổi mới" công an tỏ ra bất lực trước tội phạm. Phạm pháp ngày càng gia tăng. Sự tăng gia này chưa được đánh giá đúng mức vì người ta không phân biệt rành mạch giữa thi hành pháp luật sai lệch, khinh tội và trọng tội. Tuần nào có quan ngôn luận chính thức cũng loan tin những vụ phạm tội gọi là cơn đờ mắt dạy vượt quá "kỷ cương xã hội chủ nghĩa" hoặc giết người hãm hiếp, những vụ phạm tội kinh tế (tham nhũng, đầu cơ, buôn lậu, lũng gặt chiếm đoạt tài sản). Những vụ phạm tội liên quan đến tình dục (hiếp dâm, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ con) cũng gia tăng không kém. Ở vùng biên giới, người ta ghi nhận hiện tượng phạm tội dính dáng đến buôn lậu ma túy, tặc khẩu quốc tế được tổ chức quy mô (vùng Kỳ Sơn, Nghệ An, giáp ranh với Lào). Ngoài ra, còn phải kể đến những tội linh tinh như lờn lòi kê hồ luật pháp, cờ bạc, xỏ dề, trộm vặt cũng như những vụ phạm tội kinh tế

dính liú đến cán bộ cao cấp. Điều sau cùng có thể giải thích tại sao năm nào chế độ cũng thông báo tình hình phạm tội khả quan hơn đồng thời phát động phong trào chống tham nhũng như vừa

mới gần đây nhà nước công bố Sắc Lệnh "Cán bộ, công chức chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm".

Từ 1975 đến 1986, tội phạm giảm vì cơ quan công an hình sự, bộ phận - kiêm nhiệm phận sự bắt

bỏ kết tội tống giam các thành phần phạm pháp ở những nơi cố định trong một thời gian không giới hạn. Công an không cần nường tay, không cần tôn trọng luật pháp bởi chế độ yêu cầu công an phải triệt để kiểm soát quần chúng và truy nã "kẻ thù của chế độ".



Chính phủ làm việc với các nhà đầu tư

Tình hình tội phạm thay đổi hẳn sau sách lược "đổi mới". Nhiều yếu tố - dân chúng đi lại tương đối dễ dàng hơn, sự bó buộc về mặt ý thức hệ lỏng lẻo hơn, chủ nghĩa cá nhân lộ liễu hơn, khẩu

hiếu "tất cả hãy làm giàu" - tạo cơ hội cho hành động phạm pháp nở rộ, nhất là sự chênh lệch giữa ham muốn quá mức và thỏa mãn lòng ham muốn quá ít tạo nên môi trường nuôi dưỡng tốt cho những hành vi phạm pháp.

Trước vô số biến động như thế, chế độ hầu như bó tay. Nhiệm vụ của công an càng khó khăn vì 2 lý do: lờn lỏi làm việc độc đoán sanh ra tham nhũng và trình độ nghề nghiệp tồi tệ. Tham nhũng, tống tiền, cấu kết với con buôn dính dáng đến công an xảy ra thường bữa. Tình hình càng phức tạp hơn vì chế độ giao nhiệm vụ chống tham nhũng cho công an. Cũng vì lẽ ấy mà nhân ngày gắn cấp bậc Thượng Tướng cho Bộ Trưởng Nội Vụ Lê Minh Hương, Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu khích lệ ngành công an "lực lượng nòng cốt của chuyên chế vô sản, phải tránh xa viên đạn bọc đường", phải đấu tranh với sức cám dỗ của đồng tiền. Tiền lệ cho biết nhiều chế độ suy vong vì tham nhũng.

- Từ từ năm 1997, vốn đầu tư ngoại quốc nhều vào Việt Nam giảm thiểu thấy rõ. Trong năm 1998, tình hình chưa có dấu hiệu nào sáng sủa hơn. Việt Nam mất sức hấp dẫn vì 2 nguyên nhân:

1. Vi cuộc khủng hoảng kinh tế tài chánh Á Châu chưa hẳn chấm dứt, một mặt các nhà đầu tư quốc tế xem các nước Đông Nam Á như những nơi có nhiều nguy hiểm, một mặt họ rút vốn về để kiến thiết lại nền kinh tế quốc gia cũng như mang vốn đến nơi nào an toàn hơn, Mỹ chẳng hạn.

2. Luật pháp Việt Nam rất mập mờ. Cấp dưới và quan liêu hành chánh muốn diễn giải luật pháp cách nào cũng được. Đối với đầu tư ngoại quốc, được giấy phép đầu tư rất dễ, nhưng

sau đó phải đương đầu với khó khăn không bao giờ chấm dứt. Trung ương đã chấp thuận dự án đầu tư, ngược lại các Bộ các Ngành ra quyết định không phù hợp với dự án. Ví dụ Hải Quan ngăn cấm không cho nhập khẩu trang thiết bị được ghi trong đơn xin cấp giấy phép.

Do đó, qua cuộc gặp mặt 800 đại diện các Công ty ngoại quốc đang hoạt động tại Việt Nam, Thủ Tướng Phan Văn Khải hứa hẹn trong tương lai Việt Nam sẽ sửa đổi (!) luật đầu tư, thông báo chính phủ sẽ có những quyết định về phân cấp ủy quyền cho địa phương trong việc cấp giấy phép đầu tư, sẽ đưa ra mô hình đầu tư gián tiếp như nước ngoài đóng góp cổ phần, mua cổ phần các doanh nghiệp nhà nước, nay mai xây dựng một số khu thương mại tự do gọi là "Khu kinh tế xã hội trọng điểm" (Sàigòn, Bà Rịa, Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương).

Kế hoạch này nhằm thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật kỹ nghệ ngoại quốc, thúc đẩy các vùng kinh tế, mở rộng mạnh xuất cảng. Rồi đây chế độ sẽ có ra những quy định biến cải các vùng kinh tế trọng điểm thành những địa phận lạ lốt giữa lòng lãnh thổ: bộ máy hành chính nhẹ nhàng hơn, quyền hạn địa phương rộng rãi hơn, vì thế sẽ để lộ ra nhiều sơ hở như cơ hội vi phạm luật lệ quốc gia liên quan đến việc thu nhận hoặc sa thải công nhân sẽ gia tăng, như tùy tiện ấn định giá cả. Các xí nghiệp quốc doanh hoặc hợp doanh sẽ có nhiều thuận lợi về mặt thuế má. Sản phẩm nhập cảng trong khuôn khổ rập rỏi, làm gia công sẽ được miễn thuế quan - chế độ sẽ dành cho địa phương trọn quyền sử dụng số lời ngoại tệ. Vùng kinh tế trọng điểm ví như một bài học về mặt quản lý xí nghiệp để sau đó chế độ rút tía kinh nghiệm cho toàn quốc về tự do mậu dịch, tiến đến kinh tế tự do và mở mang thị trường nội địa.

- Vì kinh tế Nam Hàn xuống dốc, các công nhân Việt Nam hiện đang lao động tại Nam Hàn cũng gặp khó khăn, chỉ 30 - 40% còn giữ được việc làm. Nhưng lương bổng giảm 30%, giá sinh hoạt tăng 30%, giá đô-la lên vùn vụt. Thị trường lao động Nam Hàn sẽ co lại làm cho lao động nước ngoài "hợp tác" khó chen chân vào. Một mặt chính quyền Nam Hàn sẽ cắt giảm phần lớn lao động nước ngoài (tổng số 220.000), một mặt trả những người làm

thuê bất hợp pháp về nước như một biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp. Tin cho biết trong đợt đầu, khoảng 13.500 công nhân trở về Việt Nam, nhưng chưa biết họ có tìm được việc làm hay không. Chưa lấy lại "sở hụi", nay trở về làm kẻ ăn không ngồi rồi gây thêm gánh nặng cho gia đình.

## ■ TRUNG QUỐC

Đúng vào lúc Đảng Cộng Sản Trung Quốc khuyến khích toàn quốc hưởng về thị trường, nhà nước phải làm gương cho mọi người. Đây là tham vọng của đảng CS Trung Quốc qua khóa hợp thường niên của Quốc Hội Nhân Dân, phần phụ của đảng CS.

Trong bài diễn văn khai mạc, Lý Bằng, người sắp sửa rời chức vụ Thủ Tướng và giữ ghế Chủ Tịch Quốc Hội đặt ưu tiên trên việc dọn dẹp sạch sẽ bộ máy hành chính quá nặng nề không đủ khả năng đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế xã hội thị trường. Lý Bằng còn kết án Nhà nước còn toa rập với cơ quan thư lại, với xí nghiệp đưa đến những thái độ bê bối như tham nhũng, đầu cơ ngoại tệ gây ảnh hưởng xấu đến nền tài chính quốc gia.

Giờ thất lũng buộc bụng đã diễn và đảng CSTQ dự định từ đây đến năm 2000 sẽ hủy bỏ 11 Bộ, từ 40 xuống còn 29. Trên phương diện chuyên môn, chế độ nhắm vào 2 mục tiêu: giới hạn lãng phí và nhất là cải tổ xí nghiệp quốc doanh bằng cách tách rời bộ phận kiểm soát khỏi bộ phận quản lý. Về mặt chính trị, giảm bớt kích thước bộ máy hành chính quan liêu phong kiến tham nhũng như thể tô vẽ lại cái mã chính quyền đang mất lòng dân. Cụ thể, Ủy ban Kế hoạch nhà nước sẽ trở thành Bộ Phát Triển, và gạt ra 1/4 nhân viên, Bộ Hóa Học Kim Khí sẽ trở thành Liên hiệp Tài chính tự tài trợ bằng cách bán cổ phần. Cùng lúc chế độ thành lập Bộ An Sinh Xã Hội với nhiệm vụ giải quyết nạn thất nghiệp (12 triệu của năm 97, cộng thêm 11 triệu của năm 98), và Bộ Tài Chánh với nhiệm vụ thanh toán hệ thống ngân hàng thua lỗ, chuẩn bị thiết lập thị trường chứng khoán. (Hà Nội cũng vừa có dự định tương tự).

Qua việc thanh lọc này, Trung Quốc sẽ hy sinh 1/4 trên tổng số 8 triệu công chức, đảng viên, loại bỏ 60 chức vụ lãnh đạo có đặc quyền ngang hàng với Bộ Trưởng, Thủ Trưởng. Kế

hoạch có thể sa lầy trước thái độ tiêu cực của hệ thống thư lại hoặc trước sự cấu kết giữa phong kiến và phe cánh bảo thủ cực đoan. Hình như Tân Thủ Tướng Zhu Rongji sẵn sàng giữ vai trò bạc bèo của người vừa đập đổ cái cũ vừa xây dựng cái mới. Giang Trạch Dân và Lý Bằng không chường mặt ra hầu bảo vệ tướng lai. Zhu là cầu chì an toàn lúc nguy biến. Nếu ông thành công, chắc chắn sự phân chia quyền hành tốt đỉnh sẽ thay đổi toàn bộ. Nhưng không phải vì số công chức giảm bớt mà những vụ tranh chấp trong cung cấm bớt phần quyết liệt.

## ■ Á CHÂU

Ngoài ảnh hưởng trầm trọng đến nền kinh tế thế giới, cơn lốc tiền tệ Á Châu đặt ra 2 vấn đề lớn.

**1. Vấn đề mở mang phát triển.** Từ 1/4 thế kỷ, Á Châu thành công về mặt kinh tế nhưng không đầu tư đúng mức vào ngành giáo dục. Giới thượng lưu Á Châu, từ Nhật đến các nước Cộng Sản như Trung Quốc (bây giờ đến lượt Việt Nam) chỉ biết đưa con em sang học tại các Đại Học Âu, Mỹ. Á Châu không cần cải tổ hệ thống giáo dục sao cho kịp đà tiến hóa. Á Châu thiếu óc sáng tạo, điều kiện tiên quyết cho kỹ thuật khoa học này nở. Các nhà khoa học Á Châu chiếm giải Nobel đều là những người sống xa quê hương. Điều này chứng minh Á Châu chưa thích ứng với hiện đại. Á Châu phát triển vượt bực nhờ vào xuất cảng và tiêu dùng. Nhưng người ta không thể kiến trúc kinh tế bằng xe du lịch lộng lẫy và các cao ốc đồ sộ. Á Châu thật sự phát triển và sẽ tiếp tục phát triển nhờ vào năng lực lao động, sức sinh động, thể uyển chuyển trước vận rủi, sự ưa thích phiêu lưu mạo hiểm, những phẩm tính mà Tây Phương không có. Nhưng những sơ hở này không cân bằng được các sơ hở, nguyên nhân sự sa lầy hiện tại: tham nhũng, phe đảng, phân chia không đồng đều cơ may bởi giới cầm quyền, giới thượng lưu nắm độc quyền tiếp xúc với khoa học kỹ thuật hiện đại. Bao nhiêu yếu tố gây cho khối dân hạ lưu cảm tưởng như người ta phình lừa họ. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính đã va chạm đến mối tương quan giữa lãnh đạo và công đoàn và rất còn sớm để đoán biết mối tương quan hóc hiểm này có thể chấm dứt hay không. Nếu người ta

cổ duy trì mối tương quan không cân bằng ấy, khủng hoảng sẽ trầm trọng thêm hơn.

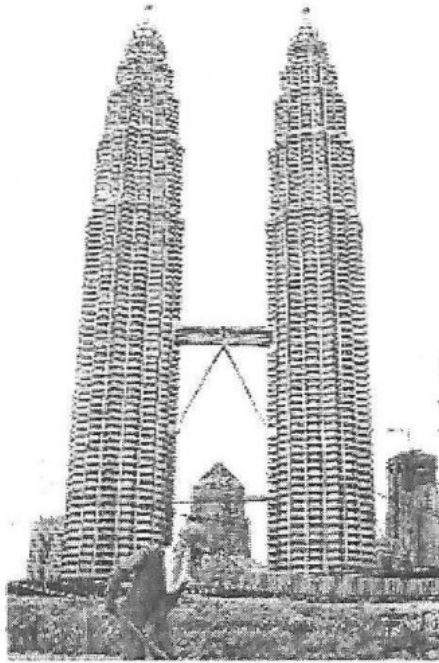
**2. Vấn đề tín nhiệm.** Nếu người ta muốn tìm một mẫu số chung cho cơn khủng hoảng bắt đầu từ mùa Hè 97 lúc tiền Thái Lan mất giá, người ta phải tìm mẫu số ấy trong căn nguyên chính trị. Khắp nơi từ Nam Hàn, Nam Dương đến Nhật, cơn xoáy tiền tệ hoặc tài chánh đều che đậy một cơn khủng hoảng khác, khủng hoảng về mặt tín nhiệm. Như tân Tổng Thống Nam Hàn nhận định, nguyên nhân chính của khủng hoảng Á Châu là người ta đặt ưu tiên kinh tế trên ưu tiên dân chủ. Dân chủ không tiến triển đồng bộ với phát triển kinh tế và hiện giờ chu kỳ kinh tế cùng chấm dứt một lượt với chu kỳ chính trị.

Xét dưới khía cạnh thiết chế, đa số các nước Á Châu (trừ Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn) là những nước dân chủ, những dân chủ không hoàn toàn. Dù các nước này bầu cử cấp lãnh đạo - tinh túy của nền dân chủ -, cuộc bầu cử không kèm theo chế độ phân quyền, tự do đoàn thể giống như ở các chế độ dân chủ thật sự. Dĩ nhiên các chế độ dân chủ không tự do không phải là đặc điểm của Á Châu. Nhưng tại Á Châu, người ta cố tình hiểu lệch lạc khái niệm dân chủ: độc đoán cởi mở (Nam Dương, Tân Gia Ba, Mã Lai Á), dân chủ nửa chừng (Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan), Nhật xích gần đến tự do dân chủ hơn cho dù có nhiều khuyết điểm. Hòn nhân giữa chế độ do một đảng phái mạnh khống chế kèm hậu quả đầu sỏ, tham nhũng với tự do kinh tế cho phép các nước Á Châu đẩy cửa tiến vào tòa nhà phồn vinh. Nhưng bây giờ cỗ xe phát triển trượt bánh và khế ước xã hội từng cho phép nhà cầm quyền điều khiển phát triển theo ý muốn của mình với điều kiện dân có phần ăn bây giờ tan thành mảnh vụn. Muốn thoát khỏi khủng hoảng và nối lại nhịp cầu phát triển, các chế độ dân chủ nửa vời ấy phải cần đến tín nhiệm của công dân. Nhưng công dân đang nghi kỵ chính quyền quá liên hệ với tiền bạc.

Tại Nam Hàn, công nhân chống sa thải nại lý do họ không thể trả giá sự quản lý mập mờ của các công ty kỹ nghệ. Tại Nhật, sự ngờ vực quy mô hơn trước số nợ khổng lồ của các ngân

hàng, trước mưu mẹo quanh co của chính phủ.

Trầm trọng hơn hết là dân Nhật mất tin tưởng vào nền kinh tế Nhật, càng ít tin tưởng hơn vào các tổ chức tài chánh cho dù nền kỹ nghệ Nhật còn vững chắc và có thể cạnh tranh với bất cứ nền kỹ nghệ tiên tiến nào.



Hai tháp cao nhất thế giới tại Mã Lai Á

Những nhân vật quan trọng cúi gập người khóc lóc xin lỗi, một số tù nghi như trẻ con vào tù choán trọn màn ảnh TV. Sau các cuộc trình diễn này, còn có bóng dáng một trong những nguyên nhân của cơn khủng hoảng tín nhiệm. Từ khi các giám đốc Nhà chứng khoán Nomura bị bắt, khoảng 40 nhân viên cao cấp các công ty tài chánh bề thế cùng cam chịu số phận ấy, trong số có 30 can tội chuyển giao bất hợp pháp hàng tỉ Yen cho Mafia. Tai tiếng không những chấm dứt mà còn bùng nổ thêm. Ngân hàng, cửa hàng lớn, công ty tài chánh, nhà chứng khoán dính líu đến thành phần xã hội ám muội, danh sách ngày càng dài thêm. Gây xôn xao hơn hết là nhân viên cao cấp Bộ Tài Chánh bị bắt, một số tự sát vì can tội nhận quà cáp của các ngân hàng mà họ có bổn phận kiểm soát. Trước tình hình đen tối như thế, làm sao công dân còn tin tưởng vào giới lãnh đạo, chính trị gia, chủ hãng, giám đốc ngân hàng? Do đó phần lớn tiết kiệm chui vào các ngân kéo. Công dân không dám đầu tư vào thị trường chứng khoán, không

dám ký gởi tiền vào ngân hàng và một khi mà chính phủ chưa thành công xóa tan mối ngờ vực của công dân, nền kinh tế Nhật khó phục hồi mau chóng.

Lần đầu tiên dân Nam Hàn bầu chọn Tổng Thống thuộc cánh đối lập. Không riêng gì Nam Hàn đang tiến hóa. Trong vòng 10 năm gần đây, phát triển kinh tế sinh ra giai cấp trung lưu ở các nước tiên tiến nhất của khu vực.

Tại Đài Loan, dân chúng bài bác độc quyền lãnh đạo của Trung Hoa Quốc Dân Đảng.

Tại Phi Luật Tân, dư luận bắt buộc Tổng Thống Ramos phải từ bỏ ý định tái ứng cử.

Tại Nam Dương, giai đoạn sau Suharto bắt đầu cho dù Tổng Thống giữ ghế ngồi thêm lần thứ 7 và bề ngoài tỏ vẻ như không biết đến tầm kịch thể hiện qua số thất nghiệp cao, qua căng thẳng xã hội. Có thể chẳng cuộc khủng hoảng sẽ chặn đứng tiến trình tiến bộ tốt đẹp vì người ta thói phồng tự ái dân tộc, ủng hộ bài bản quốc túy độc đoán và vì người ta sẽ thực hiện một vài điều chỉnh không quan trọng không làm cho sự cấu kết giữa quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế sứt mẻ?

## ■ ÂU CHÂU - ĐỨC

Sau cuộc bầu cử tại Tiểu bang Niedersachsen, Đảng Dân Chủ Xã Hội (SPD) thắng đậm chiếm đa số tuyệt đối: 47,9% (44,3% năm 94) giữ 83 ghế (+2), Đảng Thiên Chúa Xã Hội (CDU) đạt 35,9% (36,4% năm 94) giữ 62 ghế (-1).

Thủ Tướng Tiểu bang Gerhard Schröder thắng đậm và chiến thắng này gây nên một tinh thế đặc biệt mở đầu cuộc bầu cử Liên Bang vào ngày 27.9.98. Tất nhiên chưa thể dự đoán kết quả bầu cử Liên Bang sẽ ra sao, nhưng Thủ Tướng Schröder đã xây dựng một nền tảng khá vững chắc có thể đưa Đảng SPD trở lại nắm quyền sau 16 năm đối lập.

Thế cờ dễ nhận nhất là số phận của Thủ Tướng Kohl. Kết quả cuộc bầu cử Tiểu Bang là một thất bại cho cá nhân ông. Ông đã xuất hiện 10 lần trước công chúng để vận động cho gà nhà nhưng không lật ngược được tình thế. Ông không thành công ngăn cản Schröder ra tranh cử Thủ Tướng Liên Bang (Schröder từng tuyên bố nếu ông thắng nhưng mất 2 điểm, ông

không ra tranh cử). Đối với Thủ Tướng Kohl, Chủ tịch đảng SPD Oskar Lafontaine là một đối thủ ít lợi hại hơn Schröder.

Dù SPD ghi thêm được 4 điểm trên toàn quốc, nhưng SPD khởi xuất trên một nền tảng chưa vững chắc (36,4% số phiếu trong cuộc tổng tuyển cử năm 94). Nếu Đảng Tự Do (FDP) thuộc liên danh đang cầm quyền đạt 5% số phiếu giữ ghế trong Quốc Hội, Liên danh đang cầm quyền sẽ nắm quyền thêm một nhiệm kỳ nữa.

Ngoài ra có thể đưa ra một vài giả thuyết khác. Trước nhất SPD và Grüne sẽ liên kết để thành lập chính phủ bởi không có một đảng phái nào một mình có thể nắm đa số tuyệt đối. Những cánh tả sẽ gặp khó khăn nếu đảng PDS (Cộng Sản) chia phiếu. Bởi không một đảng nào muốn liên kết với PDS, có lẽ CDU và SPD sẽ thành lập Đại Liên Danh cầm quyền và có thể SPD sẽ lôi kéo Grüne gia nhập chính phủ, do đó FDP và PDS sẽ trở thành cánh đối lập.

Trong trường hợp không có một giải pháp nào khác, ai sẽ là người đứng đầu liên danh? Theo một quy tắc không thành văn, đảng nào đạt số phiếu cao nhất sẽ chỉ định Thủ Tướng liên bang. Nếu là SPD, Schröder sẽ giữ chức Thủ Tướng. Nhưng CDU thì sao? Đứng kiêu Thủ Tướng Kohl nhiều lần tuyên bố ông không bao giờ hợp tác với SPD. Như thế ghế Thủ Tướng sẽ rơi vào Wolfgang Schaeuble lãnh tụ khối đa số tại Quốc Hội. Được mời chọn lựa giữa Helmut Kohl và Gerhard Schröder, dân Đức cuối cùng đứng trước Thủ Tướng Schaeuble dù sao cũng là lãnh tụ CDU bình dân nhất. Trờ trên bầu cử!

## ■ BẮC PHI - ALGERIE



Hằng ngày người ta thi đua sát phạt lẫn nhau tại Algeria. Riêng trong tháng trai giới, người ta giết hại hơn một ngàn người. Trong lúc người ta tiếp tục tàn sát, làn sóng phần nộ càng cao bao nhiêu thì công việc làm ăn càng phát đạt bấy nhiêu. Thường giới và các tổ chức tài chánh quốc tế tiếp tục tài trợ bảo chứng cho một chế độ mất chính nghĩa. Từ khi Ủy Ban Tiền Tế Quốc Tế cho Algeria vay 1,8 tỉ đô-la với điều kiện Algeria phải tổ chức lại toàn bộ bộ máy sản xuất, nhiều công ty ngoại quốc chen lấn trước cửa Algeria. Ví dụ Công ty Daewo Nam Hàn ký thỏa ước đầu tư 2 tỉ đô-la vào lãnh vực kỹ nghệ và dịch vụ (trước cuộc khủng hoảng tiền tệ). Nhưng địa hạt dầu khí là địa hạt ngon ăn nhất. Các Công ty Mỹ, Á Căn Đình, Mã Lai Á, Tây Ban Nha, Đức, Pháp bu như ruồi vào số lượng 12 tỉ thùng dầu của Algeria.

Đối với Tổng Thống Zeroual, cho các Công ty ngoại quốc khai thác dầu khí mang đến 2 điều lợi: vừa vô hiệu hóa cộng đồng quốc tế nếu cộng đồng muốn đem trừng phạt kinh tế ra đánh cuộc với dầu hỏa (gương Negeria chứng minh nhân quyền nhẹ cân hơn dầu), vừa bảo đảm nguồn ngoại tệ. Bây giờ người ta sơn phết lá cờ Algeria bằng vàng đen máu đỏ. Algeria đã gây dựng một nền tài chánh sung túc giúp chính phủ thoát khỏi gọng kềm quốc tế. Trữ kim đạt kỷ lục 8 tỉ, cân bằng kinh tế, lạm phát giảm, phát triển cao sau bao năm đình trệ. Chế độ chỉ còn tái lập trật tự xã hội, ổn định chính trị nhưng không phải để cho dân Algeria sống trong hòa bình, cho 20% dân thất nghiệp hưởng cơn mưa dầu hỏa mà tạo thuận lợi cho đầu tư ngoại quốc, cho việc chuyển nhượng kỹ thuật kỹ nghệ cần thiết cho địa hạt tư nhân phát triển.

## ■ CUBA

Chuyến viếng thăm của Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ II là một biến cố quan trọng minh họa sự va chạm giữa người từng là mũi giáo nhọn chống cộng, một trong những người thắng chiến tranh lạnh và một lãnh tụ cộng sản độc tài khét tiếng, giữa thế giới tự do và độc tài, giữa 2 quan niệm về xã hội, chính trị, quyền hành, giữa con của Chúa và con của Các-Mác.

Đối với Đức Giáo Hoàng, người ta không thể chấp nhận mãi một ý thức

hệ chuyên đoán, một chế độ độc quyền tập trung quyền hành, một cơ quan an ninh lạm quyền với vô số tù nhân chính trị, một bầu không khí đạo đức băng hoại. Muốn thoát khỏi bế tắc, chế độ cộng sản phải làm quen với nhân ái vì nhân ái luôn phục vụ chân lý, vì chân lý mang lại tự do cho con người, vì mỗi con người đều nắm một phần chân lý. Như thế phải thực hiện dân chủ, vì dân chủ là một dự kiến chính trị thích hợp nhất với bản chất con người. Phải xem xã hội dân sự là một đoàn thể có thể đóng góp tích cực vào công việc thiết lập một chế độ dân chủ. Cho nên phải giải phóng xã hội khỏi sự kềm kẹp đội ngũ hóa, phải xem phẩm giá con người là nền tảng của mọi tổ chức xã hội, vì thế phải tôn trọng nhân quyền. Chuyến đi này chắc chắn sẽ hỗ trợ dân tộc Cuba hòa hợp đoàn kết hơn. Nói rộng hơn, tôn giáo dứt khoát sẽ trở thành một người đối thoại có cân lượng với nhà nước độc tài, sẽ là giải pháp thay thế giúp chế độ cộng sản biến thể.

Tuy Vatican nhận định cuộc viếng thăm này thuộc lãnh vực tôn giáo, nhưng người ta nghĩ cuộc viếng thăm mang ít nhiều màu sắc chính trị. Thế thì tại sao Castro mạo hiểm đón tiếp một người đã chiếm một vị thế quan trọng khó so sánh trên diễn đàn quốc tế từ 1978 đến nay, một người từng xem sự nghiệp chống cộng là cuộc tranh đấu quan trọng nhất trong cuộc đời? Castro không quá ngây thơ những Castro cá cược với hy vọng đạt lợi nhuận nhiều hơn. Bởi ông đang cần một chỗ dựa trong nước và muốn điều đình với tôn giáo. Đang cô lập trên chính trường thế giới, nhờ cuộc viếng thăm này, ông có thể chứng tỏ chế độ Cuba là một chế độ có thể giao du được. Tuy nhiên, đến Cuba, Đức Giáo Hoàng chẳng hề nghĩ đến Castro, mà chỉ nghĩ đến dân tộc Cuba. Tương lai của Cuba phải dính liền với khả năng của Castro xúc tiến trả tự do cho công dân, trước hết là tự do tín ngưỡng, vì tự do tín ngưỡng sẽ dẫn đến một sự đổi mới đáng nghĩ.

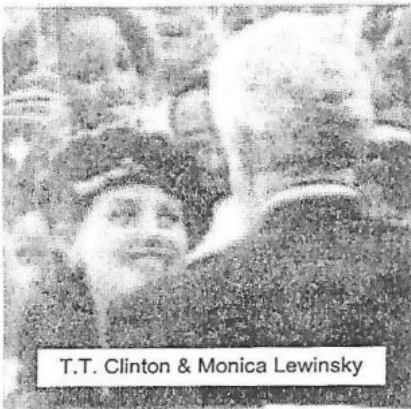
Trong cuộc họp tay ba Liên Xô - Anh - Mỹ tại Yalta 1945, Staline nhận xét ảnh hưởng của Vatican như sau: Giáo Hoàng có bao nhiêu sứ đoàn? Khi Karol Wojtyla được bầu làm Giáo Hoàng, Tổng Bí Thư Brejnev nhận định: người này có giá trị bằng nhiều sứ đoàn. Người lữ hành không biết một

này mang đến cho dân tộc Cuba những gì? Ý nghĩa đời sống, đạo đức và hy vọng. Khi được dịp, ông ra sức gieo những hạt giống tự do với nhiều thành công cho đến nỗi người ta phải công nhận sức mạnh tinh thần mới có thể lèo lái thế giới. Nhưng Gioan Phao Lồ II không phải là người duy nhất thể hiện sức mạnh tinh thần ấy. Đức Đạt Lai Lạt Ma, người được ký thác linh hồn Tây Tạng, đã và đang đối đầu với đảng Cộng Sản Trung Quốc. Trong nhà tù cũng như dưới nét vàng son của quyền hành, Nelson Mandela mãi mãi là lương tâm của Phi Châu. Nổi tiếng trong ngục tù cũng như vô danh ngoài đời, các Thầy vẫn là cái ngọn đuốc soi sáng hướng đi của dân tộc Việt Nam.

Con người luôn cần đến một đời sống tâm linh. Tôn giáo, tín ngưỡng, đạo đức, lễ phải có lý trước đức tài. Lời nói chạy nhanh và ảnh hưởng vạm lơn hơn Công an Bộ đội. Mọi cuộc gặp gỡ nào cũng đều có sự góp phần của tâm tử và huyền bí. Hy vọng màu nhiệm sẽ xui khiến có những cuộc hội ngộ khác trên những vùng đất độc tài khác.

■ MỸ

Phía sau cảnh ồn ào huyền ảo trên địa hạt thông tin truyền hình, tai tiếng Monica Lewinsky đặt ra 2 vấn đề, một về nội bộ, một liên quan đến nền ngoại giao Mỹ.



T.T. Clinton & Monica Lewinsky

**1. Tác hại ngoại giao.** Hiện tại, uy tín của Bill Clinton sút giảm trên chính trường quốc tế và chính trên chính trường này, Tổng Thống Mỹ muốn để lại dấu vết trong lịch sử Mỹ.

Sau khi Tổng Thống Iran kêu gọi Mỹ đối thoại và sau khi Đức Giáo Hoàng kết án sách lược phong tỏa Cuba, Tổng Thống Mỹ gặp cơ hội để lại dấu vết bằng cách xét lại đường

lối trước Teheran và La Havane. Đặt hai chế độ này bên ngoài cộng đồng quốc tế không có lợi gì cho quyền lợi kinh tế chính trị của Mỹ. Tổng Thống Clinton khéo léo chỉ trích đường lối cứng rắn của Đảng Cộng Hòa với Cuba và một vài dấu hiệu cho thấy Tổng Thống ủng hộ thuận đặt vấn đề quan hệ với Iran. Đây là hai vấn đề phức tạp vì cả hai đều nằm ngay khớp chính của nội bộ và ngoại giao Mỹ. Trước hai bài toán khó này, bắt buộc trong nhà phải êm thấm. Tổng Thống Mỹ đang thiếu điều này. Trước nhất vì Tổng Thống đang yếu thế không thể phiêu lưu chuốc lấy sự chống đối của một vài nguồn dư luận trong cuộc đi tìm một vài lợi lộc ngoại giao trong ngắn hạn không được bảo đảm lắm. Hơn nữa, đa số đảng viên Đảng Cộng Hòa và một vài đảng viên Đảng Dân Chủ không muốn tay dính chàm giải vây cho Tổng Thống thoát khỏi rắc rối khuê phòng với hậu quả chính trị và luật pháp.

Tổn hại thấy rõ ở Cận Đông. Do Thái không nhượng bộ, Palestine bất bình, phần nộ đang tập trung ở các vùng do Do Thái chiếm đóng. Người trung gian hòa giải đang bận tâm trí để khỏi sa vào lỗi pháp luật. Trầm trọng hơn hết là Tổng Thống đang yếu thế trong lúc căng thẳng leo thang ở Irak. Nên Tổng Thống dùng vũ lực ép buộc Irak phải tôn trọng quyết nghị của Liên Hiệp Quốc, Tổng Thống không thể ngăn cấm đó đây người ta nghiêm khắc kết án ông dội bom Irak để đánh lạc hướng dư luận.

**2. Biến chuyển nội bộ.** Dù cơn gió bụi Monicagate tan dần, dù số phận của Bill Clinton ra sao, Tòa Bạch Ốc không phải là thiết chế duy nhất đồ nghiêng vì tai tiếng phòng the. Toàn quốc tranh luận sôi nổi về vụ này, vì vụ này phơi bày nhiều biến chuyển trong dư luận Mỹ liên quan đến tiến trình chính trị, thông tin đại chúng và tư pháp tiếp theo vụ Watergate (vụ nghe lén chương trình vận động bầu cử của Đảng Dân Chủ buộc Tổng Thống Nixon, Đảng Cộng Hòa, phải từ chức vì vi phạm Hiến Pháp).

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy dân Mỹ phân biệt rõ ràng đâu là vai trò lãnh đạo quốc gia, đâu là đời sống riêng tư của Tổng Thống, cho dù hằng ngày cơ quan thông tin truyền hình nhồi nhét vào đầu óc những tin

tức không kiểm chứng, lắm lúc hoàn toàn thất thiệt. 61% dân Mỹ nhận xét Clinton không phải là gương tốt về mặt đạo lý đồng thời cho ông xứng đáng ở lại nhiệm vụ, 10% đòi ông từ chức nếu quả thật ông phạm tội ngăn cản luật pháp tiến hành, mua chuộc nhân chứng và nói dối sau khi tuyên thệ. Dân Mỹ biết chắc Tổng Thống nhiều lần sa ngã nhưng dân chúng dễ tha thứ vì họ rất bằng lòng với tình hình kinh tế cũng như muốn duy trì chế độ Tổng Thống chế ổn định, nhất là họ rất nghi kỵ những cuộc mặc cả ở Hoa Thịnh Đốn, những vụ đầu cơ chính trị.

Cơ quan ngôn luận thông tin truyền hình cũng bị kết án không giữ uy tín chỉ biết săn tin, đăng tin sốt dẻo, 55% dân Mỹ kết tội thông tin vô trách nhiệm, không tôn trọng quy chế hành nghề.

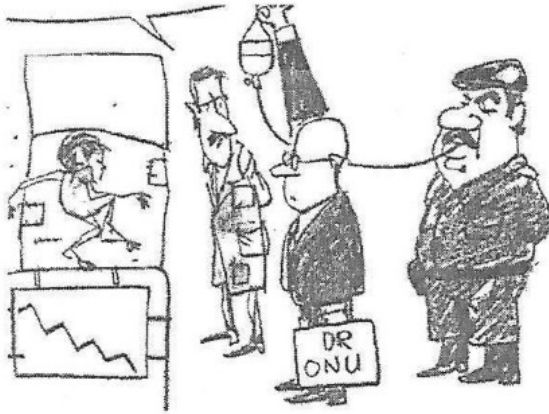
Sau cùng dư luận đánh giá xấu thế chế Biện lý độc lập trong công việc chặn đứng hoặc phòng ngừa hành pháp lạm dụng quyền hành. Dư luận quy trách Văn phòng Biện lý độc lập có nhiều trách nhiệm gây ra hiện tượng gọi là vớ đũa cà nắm, xem mọi thái độ, mọi cử chỉ nào dính dáng đến chính trị là những mưu mô tiềm tàng phạm tội. Dân Mỹ đang nghiêm túc đặt câu hỏi về chức vụ Biện lý độc lập và nghĩ rằng Biện lý độc lập chẳng những không đạt mục tiêu rửa sạch chính trị mà còn chịu ảnh hưởng của các âm mưu chính trị và chưa thành công phục hồi tín nhiệm của quốc dân đối với chính giới. Một ví dụ: Một Biện lý độc lập khác xài phí 12 triệu đô-la để ví bắt cộ Bộ Trưởng Canh Nông có tội nhận quà cáp trị giá 35.000 đô-la. Cho nên cuộc săn đuổi quá lộ diễn ra tại Hoa Thịnh Đốn gây tai hại cho nền dân chủ Mỹ hơn là việc làm trái phép của Tổng Thống Clinton. Ngay cả Tòa án Tối cao cũng không thoát khỏi lời phê bình phải chăng Tòa án đã khởi mào khủng hoảng khi cho phép Paula Jones tố cáo Tổng Thống đương nhiệm, sai lầm nhận định vấn đề này không ảnh hưởng chi mấy đến chức vụ Tổng Thống của siêu cường?

■ CẬN ĐÔNG - IRAK

Sau cuộc sinh hoạt ngoại giao con thoi tích cực, căng thẳng Irak - Liên Hiệp Quốc tạm thời lắng dịu, tuy nhiên còn để lại một câu hỏi: Tại sao lần này Mỹ không đánh Irak như thường lệ?



Giữa Bill Clinton và Saddam Hussein, kẻ yếu thế không phải là Hussein như người ta tưởng. Dù phải công nhận các chiến hạm Mỹ và hơn 300 phi cơ chắc chắn sẽ gây tổn thất nặng nề cho quân đội Irak, nhưng đây có phải là mục tiêu chính không? Mỹ có đầy đủ phương tiện kỹ thuật, tiếp vận để dội bom Irak tuần này qua tuần nọ, phá hủy tất cả vũ khí quy ước của Irak, nhưng một lần nữa có nên chơi ván cờ này không? Khi gió bụi rơi



xuống hết sau cuộc dội bom cuối cùng, Hussein có thể suy yếu đúng lúc để cho một nhà lãnh đạo hoặc một Tướng lĩnh Irak nào đó đoạt ghế ngồi của ông và chấm dứt chế độ độc tài không? Chưa chắc hẳn như vậy. Nếu như các vụ dội bom trước có giá trị như một trắc nghiệm thì kết quả trái ngược: Nội bộ đoàn kết sau lưng Hussein và ông vượt qua cơn thử thách vững vàng hơn.

Nếu mục tiêu là phá hủy tất cả vũ khí có tầm tàn phá quy mô rộng lớn, kết quả dội bom không bảo đảm cho lắm. Bởi cuộc hành quân "Bảo tố trên sa mạc" năm 91 không gây tổn thất bao nhiêu cho bộ máy chiến tranh Irak. Sau này Ủy Ban giải giới Irak phải bỏ ra 6 năm để vô hiệu hóa khả năng quân sự của Irak. Chính Mỹ cũng công nhận Ủy Ban kiến hiệu hơn cơn bão tố sa mạc.

Phải chăng dội bom một lần nữa để cưỡng ép Tổng Thống Irak phải cho Ủy Ban giải giới kiểm soát các vị trí thuộc chu vi Tổng Thống Phủ, nơi mà người ta nghi ngờ Irak sản xuất vũ khí hóa học vi trùng? Trong giả thuyết này, thất bại gần như chắc chắn. Chẳng hạn như sau một tuần dội bom, người ta dự đoán Hussein không những không nhượng bộ mà còn có thể ngăn cấm Ủy Ban giải giới thi hành phận sự. Vậy thì đánh vì Hussein còn

tại chức, đánh vì Hussein không thi hành quyết nghị của Liên Hiệp Quốc? Khó thực hiện mục tiêu nếu xét dưới khía cạnh ngoại giao chính trị. Trừ phi Mỹ chấp nhận nguy hiểm gây nên phong trào chống Mỹ ở Cận Đông.

Hussein đang ở vào thế thuận lợi khác với tình thế sau khi ông xua quân chiếm Koweit vào tháng 8.1990. Lúc ấy, các nguyên thủ quốc gia Ả Rập láng giềng Do Thái có cảm tưởng như bị Irak đe dọa. Tất cả đều gián tiếp hoặc trực tiếp tham dự cuộc hành quân chinh phạt Irak nếu Hoa Thịnh Đốn giữ lời hứa đặt bài toán Do Thái - Palestine trên bàn hội nghị. Dưới mắt khối Ả Rập, cả hai hồ sơ Irak, Do Thái - Palestine đều dính liền với nhau. Hiện nay, viễn ảnh hòa bình ở Cận Đông còn xa vời. Dù đúng dù sai, Cận Đông nhận định Tổng Thống Mỹ không biết hoặc không muốn gây áp lực

buộc Thủ Tướng Do Thái tôn trọng thỏa ước Oslo. Các nhà lãnh đạo Ả Rập tự hỏi tại sao người ta buộc Irak phải tôn trọng quyết nghị của Liên Hiệp Quốc nhưng ngược lại người ta không ép Do Thái phải thi hành quyết nghị rút khỏi các vùng chiếm đóng. Tại Cận Đông, cuộc dội bom Irak nếu xảy ra cộng với cuộc thương lượng Do Thái - Palestine bế tắc là một mồi lửa dẫn đến những hành động khủng bố chống Mỹ chống Tây phương.

Trước tình thế không thuận lợi ấy, Tổng Thống Clinton miễn cưỡng ủng hộ Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc sang Irak tìm kiếm giải pháp chính trị cho cuộc căng thẳng và Irak nhượng bộ. Nhưng những nhượng bộ này không đáng giá bao nhiêu nếu so sánh với những cam kết của Irak sau chiến tranh vùng Vịnh. Các chuyên viên thường hay nhắc nhở rằng Hussein chấp nhận sự trừng phạt với giá 100 tỉ đô-la để giữ lại một phần vũ khí hạt nhân, biểu hiện uy quyền của ông. Chắc chắn lần này ông cũng tìm cách đánh lừa quốc tế.

Vậy thì phải làm thế nào? Lật đổ Hussein ở ngoài tầm tay của Mỹ vì nếu muốn như thế, Mỹ phải tổ chức một cuộc hành quân đại quy mô, do đó Mỹ sẽ tự cô lập trên phương diện ngoại giao. Và lại Irak bất ổn là mối nguy cho cả vùng Cận Đông.

Nội chiến dai dẳng ở Afghanistan sau khi Liên Xô rút lui cho phép nghĩ đến một cuộc sống chung đầm máu giữa các hệ phái Hồi Giáo nếu chưa kể sự xung đột giữa những lãnh tụ Kurde với nhau. Ngược lại chính sách bao vây kiên trì có thể ngăn chặn Irak đe dọa các nước lân cận đồng thời khích lệ nội bộ Irak thay đổi về mặt chính trị có lẽ là một chiến lược hữu hiệu hơn. Để minh họa chiến lược bao vây nêu trên, người ta nêu lên ví dụ Liên Xô, một cách nhấn mạnh cuộc đối kháng Mỹ - Irak vừa rồi chỉ là một giai đoạn của cuộc chiến tranh lạnh mới với Irak.

THƠ Trần Thị Kim Chung

## Thưởng về cố quốc

*Thưởng về cố quốc dạ gai  
chông  
Chỉ cả, đời người, biến sắc  
không  
Hoạt động doanh trường dân  
dở khó  
Chen chân xã hội lấm người  
mong  
Trần gian những lạm tham mờ  
mắt  
Tiên cảnh trông về, ngán ngẩm  
không  
Thượng Đế ra tay trừng trị sát  
Lê đâu để vậy, chỉ ngồi trông,  
  
Ngồi trông bạo chúa hại dân  
lành  
Mạng sống tiền tài quét sạch  
sanh  
Những kẻ bơ vơ buồn đất nước  
Bao người khốn khổ réo trời  
xanh  
Cẩn môi, chẳng dám lòng kinh  
hoảng  
Hé miệng e dè, mắt ngó quanh  
Ái ngại, lòng e sa cạm bẫy  
Đêm trường thao thức, suốt tàn  
canh.*

# Tin Phật Sự

Trong hai ngày 14 và 15.3.98 Chi Hội Phật Tử Tuttlingen-Rottweil & VPC đã tổ chức Lễ Thọ Bát Quan Trai & Lễ Phật Cầu An định kỳ tại Chi Hội địa phương, dưới sự chứng minh và chủ lễ của Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác, và cùng về phụ lễ gồm có chú Sa Di Hạnh Hòa.

Ngày 14.3.98 là khóa Thọ Bát Quan Trai, Thượng Tọa đã truyền giới cho 65 giới tử tu Bát Quan Trai.

Ngày 15.3.98 là khóa Lễ Phật Cầu An cho đồng bào Phật Tử tại địa phương & VPC, Phật Tử đã về dự Lễ rất đông đủ, làm số tham dự tăng lên khoảng 150 người.

Trong số này gồm có đại diện Hội Phật Tử & các Chi Hội bạn như: Hội Phó Ngoại Vụ Hội Phật Tử, Chi Hội Reutlingen, Freiburg, Frankfurt & Mannheim.

Trong hai ngày Lễ Phật, Phật Tử tại địa phương cũng như vùng phụ cận đã làm công quả, cúng dường hết sức nhiệt tình và đã thể hiện được sự đoàn kết của những người con Phật nói tha hưởng và luôn hướng về Tam Bảo.

Buổi lễ viên mãn vào lúc 14 giờ 30. Phật Tử đã lần lượt chia tay trong niềm lưu luyến tình bạn đạo.

● (Thiện Như ghi)

## ■ Lễ Phật Đầu Năm, Mừng Xuân Mới Mậu Dần tại Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC

Vào ngày Chủ Nhật 08.02.98, Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn Mannheim & VPC có tổ chức một buổi Lễ Phật cầu an đầu năm và liên hoan mừng Xuân mới Mậu Dần.

Mặc dù không có dự định trước, buổi Lễ Phật đầu năm đã được Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác, Hannover, Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Viện chủ chùa Liễu Quán tại Đan Mạch và Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Trụ trì Chùa Linh Thủ, Berlin, về chủ trì và cùng vui Xuân mới. Thật đúng như lý nhân duyên của Nhà Phật và chúng tôi vững tin vào sự hộ trì hăng hũ của Chư Phật, Chư Bồ Tát.

Từ chiều ngày Thứ Sáu 06.02.98, nhị vị Thượng Tọa cùng với quý Thầy, quý Chủ và một số Phật Tử, tổng cộng gần 30 người đã đến tham quan khu triển lãm "Körperwelten" tại Landesmuseum, Mannheim. Trước một công trình khảo cứu, thực hiện hết sức công phu, chúng tôi xin cúi đầu ghi nhận sự đóng góp to lớn của các Khoa học gia vào đời sống, kiến thức của con người. Riêng về sự tu tập, chúng tôi nghĩ, đây cũng là một nhân duyên tốt để người Phật Tử chúng ta suy gẫm, quán tưởng đến những lời dạy của Đức Thế Tôn về sự khổ, vô thường, bất tịnh và vô ngã.

Ngày Thứ Bảy 07.02.98, Chư Tôn Đức đã đến chủ trì Lễ Phật cầu an và mừng Tết Mậu Dần tại Frankfurt; rồi trở về với Phật Tử Mannheim & VPC.

Trong phần Lễ Phật cầu an, nhị vị Thượng Tọa và Ni Sư đã niệm tụng bạch Phật, nguyện cầu cho Quốc thái, Dân an, Chúng sanh an lạc. Nhân dịp này, một số Phật Tử đã ghi tên xin cầu an, cầu siêu cho người thân quen của mình. Đặc biệt có Đạo Hữu Thiện Cửu Nguyễn Mạnh Diệp, vừa qua có một ca mổ rất quan trọng, đã đến dự buổi Lễ Phật. Anh đã kể với Thầy và Bạn Đạo: Trước khi vào ca mổ, anh đã viết lời nguyện, xin Chư Phật, Chư Bồ Tát hộ trì cho anh được tai qua nạn khỏi để anh tiếp tục tu học; còn như ca mổ không thành công, anh nguyện xin Đức Từ Phụ A Di Đà từ bi tiếp độ. Nhờ có chánh niệm và lòng tin son sắt đó, mà qua một ca mổ quan trọng như vậy, anh nói rằng anh không thấy lo sợ hoặc đau đớn gì hết và sức khỏe của anh hồi phục thật nhanh chóng. Cụ thể là chỉ mới hơn 2 tuần, anh đã đến dự buổi Lễ Phật cầu an đầu năm mới nói trên.

Thượng Tọa Liễu Quán đã ban Đạo Từ quý báu đến các Phật Tử, ngợi khen tinh thần tu tập của Phật Tử tại Đức Quốc nói chung và có những lời chúc Tết thật thân thương.

Trong phần thuyết pháp, Thượng Tọa Viên Giác đã giảng về đề tài "Một số tư tưởng về sự tu học" của cố Hòa Thượng Quảng Khâm (Tiếp theo phần trước, Thầy đã giảng tại Frankfurt hôm Thứ Bảy). Nội dung, khuyên chúng ta phải làm chủ tâm mình, trở về với bản lai diện mục của mình. Cố tu học, tụng kinh, niệm Phật, thiền định, sám hối. Đi sâu vào lời dạy của Chư Tổ và gắng sức thực hành để xứng đáng là người con Phật, cần cầu sự giác ngộ và giải thoát.

Tiếp theo, Thượng Tọa Viên Giác đã giới thiệu Ni Sư Diệu Phước trình bày về dự án xây cất Chùa Linh Thủ tại Berlin. Theo sự chỉ đạo của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng, Ni Sư đã có hợp đồng mua được một miếng đất 1.400 m<sup>2</sup> và trên đó có một ngôi nhà 150 m<sup>2</sup>. Số tiền mua là 510.000 Đức Mã. Đến nay đã trả được 330.000 Đức Mã (Trong số này có vay nợ 90.000 Đức Mã). Số tiền còn lại là 180.000 Đức Mã, sẽ phải trả vào cuối tháng 5.98 này.

Cũng như nội dung bức Tâm Thư của Ni Sư đã đăng trên báo Viên Giác số 102 vừa qua; Ni Sư kêu gọi Phật Tử góp phần công đức, cúng dường để có thể thanh toán số tiền còn lại nói trên đúng hạn định và mái chùa Linh Thủ mỗi sớm được hoàn thành.

Tiếp theo, Thượng Tọa Viên Giác đã phát lộc đầu năm cho các cháu, Thiếu nhi, quý Đồng hương và Phật Tử. Sau hết là buổi liên hoan mừng Xuân mới, với những thức ăn, bánh trái do quý Cô Bác, quý Đạo Hữu phát tâm đóng góp.

Tổng số đã có trên 100 Phật Tử và Đồng hương đến dự buổi Lễ Phật cầu an và liên hoan mừng Xuân mới Mậu Dần nói trên.

● (Nhật Trọng Trần Văn Minh ghi)

## ■ Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Đức Quốc (BBV) Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover và VPC

Năm 1998 đã trôi qua được ít tháng, tình hình chính trị và tỵ nạn nói chung cũng có ít nhiều biến đổi. Nhìn chung về toàn cục, ta đã thấy giảm đi về sôi động và náo động của nó. Tuy nhiên một số hoạt động quen thuộc ở một số tổ chức được tiến hành vẫn có kết quả với những cố gắng nhất định. Các buổi Hội Thảo, trao đổi về vấn đề nhận thức diễn ra khắp các địa phương của nước Đức, như: Trier, Frankfurt, Buchholz... Các thuyết trình viên là tầng lớp trí thức của nước Đức cũng như một số các nhà báo hay sáng tác văn học chuyên nghiệp đến từ nước Pháp v.v... đã cung cấp nhiều kiến thức thực tiễn bổ ích cho mọi tham dự viên, và phong trào.

Tại trụ sở của Ban Chấp Hành B.B.V chúng tôi đã nhận được những thông báo kịp thời về các hoạt động nói trên. Mặc dù gặp những khó khăn "đời thường", song Ban Chấp Hành cùng các Hội viên đã tới tham dự để học hỏi và tiếp thu những ý kiến kinh nghiệm quý báu. Sau buổi họp tổng kết của Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế; Ban Chấp Hành cũng có nhiều bàn bạc mong muốn sao cho phong trào chung ngày càng tiến triển đi vào trọng tâm và có kết quả hơn. Khi nào có những buổi biểu tình với số lượng đông mà trật tự kỷ luật; Đến bao giờ những người có trách nhiệm không phải nhắc nhở quá nhiều với các phóng viên "nghiep dư"... (?). Tất cả, có lẽ, người trả lời tốt nhất vẫn là chúng ta (!).

Bên cạnh mục tiêu đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo, Nhân Quyền là mục tiêu đấu tranh chung của mọi Hội Đoàn, vì vậy sự sắp đặt và tổ chức của Hiệp Hội Nhân Quyền là xác đáng và mới thực sự đi sát với tình hình hiện tại.

Tính thời gian từ đầu năm đến nay Ban Chấp Hành và các Hội viên của B.B.V đã tham dự bốn lần hội thảo (trong đó ở Trier tổ chức hai lần), ngoài ra là ở Laatzen, Frankfurt, Buchholz.

Với phương châm tự thân vận động, tổ chức B.B.V đã xin giấy phép và lập bản thông tin tại các địa điểm thành phố Hannover, Peine... mỗi buổi thường kéo dài ít nhất là bốn giờ đồng hồ, xin được hàng trăm chữ ký của quần chúng nhân dân tại địa phương.

Trong tháng Tư, là thời gian có nhiều sự kiện chính trị lớn, chúng tôi luôn luôn thu xếp, chuẩn bị cùng các Hội viên để tham gia với lực lượng và mong muốn đạt được hiệu quả tốt nhất.

● (Ban Chấp Hành B.B.V)



# Thông Báo

Ấn Độ, ngày 31 tháng 3 năm 1998

## TÂM THƯ

Trích yếu: v/v Mua đất và thành lập Trung Tâm Tu Học Phật Giáo tại Bồ Đề Đạo Tràng.

**Kính bạch Chư Tôn Đức, kính thưa quý Phật Tử,**

Trong ba năm qua sự phát triển nơi thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng đã đến mức khá kỷ lục. Khu vực chung quanh khuôn viên đại tháp đã được Nhật Bản tài trợ đại quy mô và các công trình sửa sang kiến thiết nơi này cũng đã và đang được xúc tiến. Khu vực bên ngoài, chùa viện Phật Giáo các nước như Tây Tạng, Thái Lan, Đài Loan vẫn tiếp tục đổ về và xây cất ngày thêm một nhiều, lượng người Phật Tử khắp nơi trên thế giới quay về Đạo Tràng để chiêm bái và tu tập ngày càng tăng. Trong những công trình Phật Giáo lớn lao hiện đang phát triển tại Bồ Đề Đạo Tràng, dự án xây dựng tượng đại Phật Di Lặc cao 152m là một công trình vĩ đại mang tầm vóc quốc tế và hiện đang chuẩn bị.

Là những người Tu sĩ trẻ chúng con (chúng tôi) đã từng tu học tại Ấn Độ trong 5 năm qua và thâm tâm luôn mang nguyện ước đóng góp sự tu học của mình cho đạo Pháp. Trong tâm niệm ấy chúng con (chúng tôi) trong những năm qua đã mong chờ một thiện duyên nào đó để có thể làm được một điều gì cho đạo và báo đáp ân đức của chư Thầy Tổ. Nhân duyên ấy đã đến khi cách đây gần hai năm có một vị thầy Tây Tạng gợi ý cho chúng con (chúng tôi) mua một khu đất gần tượng đại Phật tương lai để xây dựng một trung tâm tu học Phật Giáo. Đất nơi này hiện vẫn đang còn rẻ (US\$ 11 cho một mét hay US\$ 1463 một công 133 mét) so với khu vực gần tháp Đại Giác (US\$ 15.000 một công). Chi phí sơ khởi được ước tính cho công trình này khoảng Một Triệu Mỹ Kim, gồm chùa một cột là đại diện chánh, tầng phòng, thư viện, các dãy khách xá, vườn thiền, cây cảnh. Thời gian xây cất sẽ bắt đầu vào cuối năm 2000 và dự trù hoàn tất vào năm 2010.

Việc này trước đã được chúng con (chúng tôi) thỉnh ý Chư Tôn Đức, đầu tiên là Thượng Tọa Viên Giác vị Thầy Bốn Sư đã sang hành hương đất Phật cuối năm 96 và năm qua Thượng Tọa Minh Tâm viện chủ chùa: Khánh Anh, Pháp Quốc. Được sự tán trợ và khuyến khích của hai bậc Tôn Đức trên, nay chúng con (chúng tôi) đã hoàn tất bước đầu việc giấy tờ mua đất và ứng trước với số tiền US\$ 5.000 trong tổng số US\$ 110.180 cho khu đất rộng 75 công, tức 2,5 mẫu tây (10.000 m<sup>2</sup>), cạnh bên dự án tượng đại Phật Di Lặc tương lai và cách tháp Đại Giác khoảng 5 km. Số tiền còn lại sẽ được trả trong vòng bốn tháng và thời hạn sau cùng phải thanh toán số tiền là 27 tháng 7 năm 1998.

Việc này nay chúng con (chúng tôi) kính tưởng trình rộng rãi lên Chư Tôn Đức và quý vị Phật Tử khắp nơi và cầu xin sự hỗ trợ cùng như tùy hỷ trong dự án này. Chúng con (chúng tôi) xin mạn phép đưa ra hai giải pháp đóng góp để hoàn tất việc mua đất trước thời hạn tháng 7 năm nay.

1. Cho mượn không lời trong thời hạn từ một đến ba năm hoặc lâu hơn và mỗi cổ phần mượn là US\$ 5000.
2. Tùy hỷ cúng dường hay có thể góp phần công đức cho mỗi mét m<sup>2</sup> đất US\$ 11, một công đất (133m<sup>2</sup>) US\$ 1463.

Mọi sự cho mượn hoặc cúng dường mua đất và xây dựng dự án xin liên lạc:

### Tại Mỹ:

Cô Đồng Từ 1414 Sunshine St. San Jose CA 94122 -  
Tel. (408) 29 59 867.

### Ấu Châu:

T.T. Thích Như Điển, Chùa Viên Giác. Karlsruhe Str.6 - 30519  
Hannover - Germany. Tel. 49-511-879630. Fax 49-511-8790963  
E-Mail: pagode-vien-giac@oln.comlink.apc.org.

### Tại Ấn Độ:

Thích Hạnh Nguyễn. Sera Monastery. Ngari Khamtsen. H. No.42B.  
P.O Bylakuppe. 571104. Distt. Mysore. K.S. INDIA.  
Tel / Fax. 91 - 8276 - 74652. E-Mail: tenzin@giasbg01.vsnl.net.in.

Các phần cho mượn hoặc cúng dường của quý vị sẽ được hồi đáp bằng thư cảm tạ, biên nhận và phiếu công đức. Các chi tiết khác về tên họ, địa chỉ, ngày tháng cúng dường, số tiền bao nhiêu, vào mục gì sẽ được đưa vào lưu trữ trong các máy điện toán nhiều năm cho đến khi dự án hoàn tất. Ngoài ra những sự cho mượn hội

thiện, danh sách tên các vị cúng dường và những bước phát triển của dự án trong việc mua đất và xây cất cũng được thông báo đầy đủ qua các số báo Viên Giác. Nếu quý vị cần biết thêm những chi tiết khác, xin liên lạc thẳng về địa chỉ tại Tu viện Sera, Ấn Độ.

Dự án này sẽ được Chư Tôn Đức các hàng giáo phẩm trong Giáo Hội cổ vấn và minh chứng. Khi dự án hoàn tất viên mãn, chúng con (chúng tôi) nguyện sẽ hiến cúng toàn bộ công trình và tài sản này lên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Lời cuối chúng con (chúng tôi) xin kính chúc quý Ngài và quý vị thân tâm thường an lạc và đượm nhuần hồng ân chư Phật.

Cung kính

Thích Hạnh Nguyễn & Thích Hạnh Tấn

## Bên cạnh một công trình Phật Giáo vĩ đại nhất thế giới

### ● Thích Hạnh Nguyễn

**Bồ Đề Đạo Tràng**, vùng đất thiêng liêng của người Phật Tử ở khắp nơi trên thế giới đang có những sự đổi thay. Đổi thay vì những chuyển biến tâm linh mà mỗi ngày càng có tính cách cấp thiết hơn bao giờ hết, nhất là đối với sự băng hoại trầm trọng về mặt giá trị đạo đức trong những xã hội vật chất hiện nay. Người ta có thể lãng quên đời sống tâm linh để đuổi chạy theo đồng tiền, đầu tư và hưởng thụ các tiện nghi vật chất trong suốt cuộc đời, nhưng người ta không thể không ý thức sự khổ đau trong họ khi tai ương đổ ập đến, khi gặp sự ra đi của người thân hoặc khi cái nghiệt ngã dồn đau của bệnh tật và hấp hối đập vào họ ở một giai đoạn nào đó trong cuộc đời. Sự sống là một chuỗi nối dài liên tục của tâm thức và sự vận hành hợp lý của thể xác mà trong đó các trạng thái bất định của tâm và sự xung khắc của các nguyên tố trong thân hầu như không có một sự bảo đảm nào cả, vì khổ đau và bệnh hoạn có thể đến bất cứ lúc nào. Trong những lúc khủng hoảng ấy, đời sống tâm linh vẫn luôn luôn là một loại linh dược chữa khỏi được mọi chứng đau kinh khủng nhất trong đời sống của một con người. Và chính ở điểm này, Phật Giáo đang là một tôn giáo siêu tâm linh, đáp ứng và giải quyết được mọi bệnh chùng mà đường như tất cả con người trong nếp sống vật chất thời đại hiện nay đang mắc phải.

Phật Giáo không bao giờ nhận chân và tìm cách giải quyết các bệnh chùng của con người trong đời sống ngắn ngủi vài ba mươi năm. Phật Giáo không ca tụng và đưa người ta đến một cảnh giới thiên đường trong ảo tưởng vì thực tại của đời sống vốn dĩ đã bất toàn và tâm thức thường hằng mê muội của chúng sanh. Phật Giáo tập cho chúng ta học hiểu trí tuệ để nhận chân và chấp nhận thực tại của đời sống trong ý thức sáng suốt. Không học hiểu và sống được như vậy, ít nhất người ta cũng có thể tạo nhân duyên để một thời điểm nào đó trong đời hoặc ở một kiếp sống vị lai, người ta cũng sẽ sở hữu và toại nguyện được những điều mà họ mong muốn.

Bằng cái nhìn thâm sâu trí tuệ và đầy lòng từ bi của những bậc đã có tu có chứng, các bậc thầy danh tiếng là Lama Yeshe và Lama Zopa đã từng có ước nguyện xây cất một tượng Phật Di Lặc lớn để gây nhân duyên cho hàng Phật Tử trong các kiếp sống vị lai. Nhân duyên giác ngộ là một nhân duyên lành mà không một tâm thức si mê và chấp thủ nào có thể vun trồng được. Nhưng chỉ với sự tùy hỷ, niềm tin và lòng mong cầu, ai ai cũng đều có thể gieo hạt. Ước nguyện với vợ của hai bậc đạo sư này trong mười mấy năm qua đang sắp hình thành. Dự án đang thực hiện và công trình vĩ đại này được ước tính sẽ hoàn tất năm 2003. Theo bản tin và các tài liệu mỗi nhất về dự án mà tôi nhận được vào cuối tháng 3 năm 98, thì dự án gồm có các điều quan trọng đáng chú ý như sau:

\* Tượng đại Phật sẽ được làm bằng đồng để có thể tồn tại trên 1000 năm.

\* Cao 500 feet, 152,4 mét, tượng đứng với tòa cao ốc 52 tầng, được tạo dựng trên một khu đất rộng 40 mẫu.

\* Trong tượng sẽ được cất giữ hàng tỷ câu thần chú và các xá lợi.

\* Pháp tòa nơi tượng Phật Di Lặc ngồi có chiều cao tượng đứng với tòa cao ốc 17 tầng. Bên trong gồm có các phòng giảng pháp, thư viện, phòng phát hành kinh sách, Phật tượng. Bên ngoài pháp tòa là các điêu khắc, tạc về tiền thân của Đức Phật Thích Ca và chư vị Bồ Tát.

\* Trong khuôn viên chung quanh tượng đại Phật sẽ có ba đường kinh hành. Mỗi đường mọi người sẽ đi qua các hình tượng của chư Phật và Bồ Tát. Đường thứ ba sẽ có 100.000 ngôi tháp và những bánh xe pháp quay tay vĩ đại, bên trong cất giữ hàng triệu câu thần chú, được xây quay theo lối đi kinh hành.

\* Các Tầng viện, Ni viện, điện thờ chư vị Bồ Tát, khách sạn 5 sao, nhà trọ, nhà hàng, sở thú, sân chơi, ao hồ, vườn Nhật cũng sẽ được xây cất khi tôn tượng đại Phật chính hoàn thành.

\* Ngân khoản xây cất dự án này là 100.000.000 US\$ (Một Trăm Triệu Mỹ kim), tôn tượng hoàn thành năm 2003 và toàn bộ dự án năm 2007.

Đã nói về các nhân duyên liên hệ, nay tôi xin được lược ghi về những diễn biến của chúng tôi trong thời gian qua có liên quan đến dự án này.

Là người có được cơ duyên sang Ấn tu học vào khoảng 6 năm về trước. Tôi có dịp quen biết khá nhiều các bậc thầy Tây Tạng, cũng như từng được quý Hòa Thượng, Thượng Tọa quý mến nhờ hướng dẫn các phái đoàn sang Ấn hành hương chiêm bái đất Phật từ 5 năm qua. Tôi lấy làm hài lòng với những thuận duyên trong các quá trình tu học, hiểu biết mà trải qua thời gian đã thấu nhận được. Nhìn lại với chính mình, tôi có cảm nhận rằng như chính đất Phật này mới cho tôi những gì tốt đẹp nhất trong đời sống tu học, nên lòng luôn tâm niệm và nguyện rằng sẽ trọn đời ở lại đất Phật để tu và để học.

Tôi không biết sự tu tập và chủng đắc của một người có tùy thuộc vào các sinh hoạt và làm việc Phật sự trong cuộc đời hay không, hay chỉ có thể có được khi người ấy quyết chí rũ áo ra đi, tìm nơi ẩn thân nơi chốn rừng hoang núi lạnh. Tôi vẫn chưa hiểu rõ được điều ấy vì sự u u minh minh trong tôi còn quá nhiều. Tuy nhiên nếu vì một nhân duyên lành nào đó cho người, cho Giáo Hội hoặc Thầy Tổ, ở những người và nói mà tôi cứu mang trọng ân trong cả đời thì tôi có thể làm, có thể hy sinh trong một lý tưởng phụng sự đáng được chấp nhận.

Gần hai năm về trước, tôi được một bậc thầy Tây Tạng gợi ý mua khu đất gần bên dự án tượng đại Phật Di Lặc. Tôi cảm thấy rất thích vì như vậy sẽ có được cơ duyên sống đời tại thánh địa, nơi Đức Phật thành đạo và cũng sát bên linh tượng Di Lặc đại Phật. Được tu tập và thường được nghe pháp, gây duyên với Đức Phật Di Lặc quả là một phúc lành quý báu nhất trên đời; nhưng tôi lại lưỡng lự, một phần vì ngại sẽ vướng mình vào các công việc, một phần cũng ngại về khả năng và đức độ yếu kém của mình. Ấn Độ là đất Phật, nhưng lại không có một người Phật Tử đóng góp hay phụ vào các công việc quản lý và bảo trì. Khả năng đi khắp nơi trên thế giới để vận động kêu gọi thì dường như nói tôi là con số không. Tuy nhiên vì muốn hiểu rõ vấn đề và biết đâu tùy thuận theo một nhân duyên khó hiểu nào đó có thể xảy ra trong đời, tôi trình bày lên Thượng Tọa bốn sự là Thượng Tọa Như Điển, lúc ấy đang có dịp hành hương sang Ấn vào cuối năm 96. Tôi cùng Thầy đi xem đất với vị Lama Tây Tạng. Khu đất nằm không gần và cũng không xa lắm từ dự án tượng đại Phật tương lai (khoảng từ 15-20 phút đi bộ). Giá tiền đất lúc bấy giờ là 40.000 US\$ cho 2 mẫu tây. Xem đất xong trở về, tôi nói với vị Lama Tây Tạng, khu đất này cũng khá tốt nhưng để chờ một thời gian xem sao, vì tôi phải thỉnh ý các bậc Tôn Đức trong Giáo Hội.

40.000 US\$ để mua một khu đất rộng hai mẫu gần bên một công trình Phật Giáo vĩ đại nhất thế giới thì cũng không đắt lắm, nhưng tôi lại lưỡng lự. Chưa có một động năng rõ rệt nào thúc đẩy tôi thực hiện, và tôi cũng không muốn đón thân đứng ra gánh vác một công việc vượt quá sức mình. Thời gian một năm qua đi, các phái đoàn hành hương như phái đoàn Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Giác Nhiên, Thượng Tọa Viên Lý, Thượng Tọa Trí Lăng do tôi và thầy Hạnh Tấn hướng dẫn đến chiêm bái thánh địa Đạo Tràng, và nhân dịp này tôi thỉnh ý kiến Chư Tôn Đức về việc mua đất và xây dựng một Trung Tâm Tu Học Phật Giáo Việt Nam tại đây. Quý thầy ai cũng hoan hỷ và khuyến khích công việc này, công việc tuy mang tính bộc phát vì gặp nhân duyên, nhưng có nhiều ảnh hưởng chiều sâu và niềm si diện của người Phật Tử và Phật Giáo Việt Nam đối với Phật Giáo Thế giới trong vị trí ưu thắng cạnh bên một công trình Phật Giáo vĩ đại nhất của thế kỷ sắp sửa hoàn thành.

Bên trên là với các bậc Tôn Đức trong Giáo Hội, chúng con muốn trình bày rằng dự án và công trình xây dựng đây sẽ không hàm mang một danh nghĩa cá nhân nào cả. Ngược lại chúng con muốn cầu thỉnh Chư Tôn Đức chứng nhận cho dự án này như là một dự án và công trình của Giáo Hội, mà chúng con là những

người có nhân duyên sống và tu học tại Ấn Độ có bốn phận và trách nhiệm thừa hành thực hiện dự án. Việc này được tôi và thầy Hạnh Tấn nêu lên trong các cuộc họp chung và riêng với các bậc Tôn Đức trên vào hai đợt hành hương cuối năm 97 vừa qua. Các Ngài dạy rằng nên làm với tính cách cá nhân và sau khi hoàn tất công trình sẽ chính thức hiến cúng cho Giáo Hội. Như vậy việc làm này sẽ vượt khỏi một số trở ngại thời gian qua các thủ tục hành chánh của Giáo Hội.

Thế theo sự đồng tình của Chư Tôn Đức, tháng 10 năm 97 vừa qua, tôi đã ứng trước số tiền 5000US\$ cho vị thầy Tây Tạng và nhờ các thủ tục mua đất, mặc dù cũng khu đất ấy sau 1 năm đã lên giá đến 65.000 US\$. Nhưng rồi việc này cũng không thành công mấy vì khi thì chủ đất đi vắng, khi thì một người trong nhóm họ không đồng tình bán và đòi lên giá cao, và việc này cứ dang dở đến hơn ba tháng mà vẫn chưa đi đến đâu.

Trong thời gian này tôi trở lại Tu viện Sera và tiếp tục việc học của mình. Một hôm nhân có vị thầy bạn đi xem bà tiên tri được biết dưới cái tên lạ lùng là Mirror Lady, tôi tò mò xin đi theo luôn tiện để hiểu biết thêm về một trong những sự bói toán có tính cách huyền bí và lòng tin cổ truyền lạ lùng của người dân Tây Tạng. Từ Tu viện chúng tôi đến nhà bà độ khoảng nửa giờ xe, lối đi gập ghềnh khúc khuỷu vì nhà bà nằm trong một ngôi làng nhỏ nghèo nàn. Người ta đến với bà đông lắm nên chúng tôi phải chờ, mà chờ đến nửa giờ sau chúng tôi mới được vào. Bên trong căn phòng có ánh sáng mờ mờ tối tối ra một vẻ gì huyền bí. Các mùi hương, nhang trầm phảng phất thoang thoang và không khí trang nghiêm với nhiều linh tượng trong phòng ngay phút đầu đã tạo cho tôi một cảm giác tin sùng thiêng liêng nào đó, dù rằng tôi không mấy tin vào các việc bói toán này. Vị thầy bạn tôi cúi chào bà ra một vẻ kính trọng và xin phép ngồi trên một vạc giường gần đó. Bà già tuổi độ trên 60, các nếp nhăn hiện đầy trên khuôn mặt và tay luôn luôn lần chuỗi niệm chú niệm Phật gì đó. Bạn tôi bắt đầu câu hỏi về sự tái sanh của người chết, một vị Lama có đức trụ trì một ngôi chùa bên Thụy Sĩ vừa mới mất cách đó vài tháng. Sau các nghi lễ và tụng niệm hương về một linh tượng, phía trước có một chiếc bát gạo và trên có đựng một chiếc gương bằng đồng được mài sáng choang; bà ta cũng dường rải gạo vung vãi đầy căn phòng và sau một hồi dòm ngó xem những hình ảnh gì trong chiếc gương đồng kia hiện ra bà ta nói rằng vị Lama kia đã tái sanh vào một gia đình người Thụy Sĩ, con của một Phật Tử trong chùa. Bà ta cũng dặn thực hiện các nghi thức cúng lễ cần thiết để tạo thêm phúc đức tương lai cho vị Lama nhỏ này. Tiếp tục thầy bạn tôi hỏi một đống trên mười câu hỏi khác mà những người bên Thụy Sĩ muốn hỏi. Thủ tục bà ta đáp khá rõ ràng và sau cùng bạn tôi dâng bì thư cúng dường. Trước khi ra về tôi dõm hỏi thủ về sự thành tựu hay thất bại trong việc mua đất. Bà đáp, trong năm nay, việc mua đất sẽ không thành và không tốt đâu. Sang năm thì sẽ được tốt hơn. Không muốn hỏi gì hơn, tôi tặng bà ít tiền rồi theo thầy bạn ra về và lòng không mấy tin tưởng. Vì thủ nhất tôi đã giao tiền mua đất cho vị thầy Lama Tây Tạng vào tháng 10, và thầy ấy hứa là trong vòng 2 tuần tất cả các thủ tục giấy tờ mua đất sẽ hoàn tất. Nay đã cả tháng rồi thì có lẽ việc đất đai đã xong. Vậy mà nói sự việc không thành cũng là một điều lạ, mà thành thì sẽ không tốt. Tôi đâm ra phân vân với những tiên đoán không mấy tốt đẹp ấy dù rằng không tin cho lắm.

Nhưng rồi do một nhân duyên gì đó khó hiểu mà mãi đến khi đi Bồ Đề Đạo Tràng lần này, tháng 3 năm 98, tôi vẫn chưa nhận được tin tức và kết quả gì trong việc mua đất mà tôi đã ứng tiền 5000 US\$ vào tháng 10 năm 97 và thầy ấy hứa là sẽ hoàn tất các giấy tờ đất đai trong vòng hai tuần sau đó. Trên đường đi đến Bồ Đề Đạo Tràng, tôi nói với thầy Hạnh Tấn: "lần này nếu thầy ấy không làm được gì, công việc chưa tiến hành thì mình lấy tiền lại. Cứ cho là nhân duyên không có vậy!".

Thầy Lama Tây Tạng mừng rỡ ra mặt khi gặp lại tôi và thầy Hạnh Tấn vì một số vấn đề khó khăn mà chính tự thầy ấy không thể giải quyết. Đó là các chủ đất đột nhiên không bán và đòi tăng giá tiền đất lên, từ 65.000 US\$ lên đến 110.000 US\$ cho 2 mẫu. Thầy không thể giải quyết được việc này nên muốn gặp chúng tôi để trình bày và giải thích sự việc. Nếu với số tiền ấy, chúng ta có thể mua một khu đất tốt hơn nhiều nằm rất gần dự án Phật Di Lặc, thầy ấy nói và hỏi chúng tôi muốn đi xem không.

Vậy là sự việc bắt đầu bằng con số không, vì khu đất khi trước cũng có đi coi, cũng nói chuyện và thương lượng với chủ đất và cũng đồng ý rằng trong vòng hai tuần mọi việc giấy tờ sẽ hoàn tất. Nhưng rồi đã kéo dài và kéo dài đến 5 tháng sau, đến khi nếu muốn mua và chạy theo cho kịp cái giá ngày càng tăng -đôi khi không tưởng của đám chủ đất Ấn Độ- cũng phải thấm mệt.

Dự án tượng đại Phật Di Lặc vẫn như xưa với khoảng 40 mẫu tây, rộng thênh thang nằm đối diện với đại học Ma Kiệt Đà. Khu đất lần này thầy Tây Tạng chỉ cho chúng tôi xem nằm thật gần dự án vĩ đại này, độ khoảng 5 phút đi bộ. Chúng tôi hài lòng lắm vì không những rất gần dự án tượng đại Phật, có mặt tiền là đại lộ chính dẫn về thành phố Gaya, mà khu đất cũng quay mặt về hướng Đông thấp Đại giác, (cách đó khoảng 5 km và 8 phút đi xe) một hướng lý tưởng mà nếu bất cứ ai muốn xây dựng một công trình Phật Giáo đều mong có được.

Khu đất thật đẹp nhưng số tiền đất lên đến 110.000 US\$ thì không phải là nhỏ nếu so với dự chỉ lúc ban đầu là 40.000 US\$. Nhưng đây là cơ hội cuối cùng mà chúng ta có thể với đến được. Nếu 30 năm về trước, các dự án xây cất phát triển và sự sinh hoạt tu tập chung quanh khu vực thấp Đại Giác còn lưa thưa và đất đai ở đó lúc bấy giờ dù rất rẻ tẻ, mà người Phật Tử và quý Thầy của chúng ta vẫn không mua được một mảnh đất có vị trí thích hợp; thì ngày nay một công trình Phật Giáo vĩ đại nhất thế giới đang sắp sửa hình thành, sự chậm trễ với tính e ngại, sợ khó, sợ đắt sẽ cho chúng ta cơ hội nào nếu một khi công trình vĩ đại kia hình thành và một khi tất cả người Phật Tử trên thế giới để về đây để chiêm bái và tu tập. Sự tính toán của chúng tôi không phải là không có cơ sở khi đất đai chung quanh dự án Di Lặc ngày càng được thu mua bởi một công ty thường mại, tổ chức hội đoàn và tôn giáo, ngay cả một Hội thánh Tin Lành cũng đã mua một khu đất lớn cạnh khu đất chúng tôi định mua, vào 3 năm về trước. Vị Lama cho chúng tôi biết khoảng đất gần khách sạn Tây Tạng, cách thấp Đại Giác khoảng 5 phút đi bộ, 3 năm về trước giá một công (khoảng 133 m2) chỉ có 72.000 RS tức khoảng 1900 US\$, nay đã lên đến 600.000 RS tức khoảng 15.800 US\$. Những ai có kinh nghiệm mua bán về đất đai có lẽ sẽ hiểu được những vấn đề nan giải trong cái giá tăng vọt theo mỗi vài tháng ở vùng đất thánh địa linh thiêng có một không hai trên quả địa cầu này.

Buổi tối tôi và thầy Hạnh Tấn bàn luận khá lâu về việc này. Có nên tiến tôi hay là rút lui khỏi một dự án mà tương lai cũng có quá nhiều sự mơ hồ. Mua đất với số tiền 110.000 US\$ đã là khó, mà việc vận động để có một số tiền lớn khác trang trải cho việc khởi công dự tính vào cuối năm 2000 lại là một vấn đề khó hơn. Tuy nhiên vấn đề trước mắt là giải quyết cho ra số tiền lớn kia để trả cho chủ đất trong vòng 4 tháng tới. Kêu gọi cúng dường thì hình như tất cả người Phật Tử ở khắp nơi đã cảm thấy thấm mệt trong nhiều năm qua, nhất là đã liên tục cúng dường và ủng hộ cho các chùa, các sinh hoạt Phật sự địa phương. Giải pháp sau cùng mà chúng tôi sau một hồi bàn luận và nghĩ có thể thực hiện được là lên tiếng ủng hộ mượn 24 phần trong thời gian từ 1 đến 3 năm, mỗi phần là 5.000 US\$. Như vậy có thể sẽ dễ dàng hơn cho tất cả mọi người. Còn nếu mượn không được ừ! thầy Hạnh Tấn nói: "cứ coi như 5.000 US\$ ủng hộ trước là để mua một kinh nghiệm làm việc".

Sáng hôm sau, tôi trả lời vị Lama Tây Tạng rằng, chúng tôi đã suy nghĩ kỹ rồi và quyết định tiến hành. Tuy nhiên chúng tôi chỉ ở lại Bồ Đề Đạo Tràng lần này có 3 ngày, nếu thầy nhắm giải quyết tất cả mọi thủ tục giấy tờ và ký giấy cam đoan với chủ đất trong mấy ngày này thì thầy tiến hành. Còn đây đưa như ký trước thì xin hoàn tiền lại cho chúng tôi. Thầy ấy vui vẻ chấp nhận và nói thêm: "Giữ tiền của mấy thầy tôi thấy cũng đã mệt lắm rồi. Tôi sẽ cố gắng lần cuối để hoàn tất mọi giấy tờ trong ba ngày tôi trước khi thầy ra đi, cố gắng làm mà không được thì trong tương lai mình sẽ không hối tiếc một điều gì". Quả thật là sự việc suông sẽ lần này, thầy Lama đã đến phòng chúng tôi vào buổi tối trước khi chúng tôi ra đi với đầy đủ giấy tờ của chủ đất và giấy cam đoan hợp đồng giữa thầy với họ ở trên tay.

Như vậy khu đất mà chúng tôi nhờ thầy Lama ký giấy mua gồm có 2,5 mẫu tây, khoảng 10.000 m2 với giá là 110.000 US\$. Đã ứng trước 5000 US\$ và số tiền còn lại phải thanh toán trước thời hạn cuối là ngày 27.7.98. "Kể từ ngày ký giấy này, mình có thể cho xây tưởng bao bọc chung quanh khu đất được rồi. Tuy nhiên đừng xây tưởng bây giờ, vì nếu xây và mình không thể trả đủ số tiền trên trước thời hạn 27.7 thì mình sẽ mất cả 5000 US\$ và số tiền xây tưởng". Thầy ấy nói với chúng tôi như vậy.

Tôi nay lược ghi lại những sự kiện, diễn tiến trong thời gian qua để hy vọng tạo nên một sự hiểu biết, cảm thông và chia sẻ giữa những người tín cứng và kẻ thừa hành một phận sự, một trách nhiệm chung cho Giáo Hội và Đạo Pháp. Không có những sự hỗ trợ, những nhân duyên lành gieo trồng thì một việc thiện, một việc công đức cao quý nào đi nữa cũng khó được thành tựu.

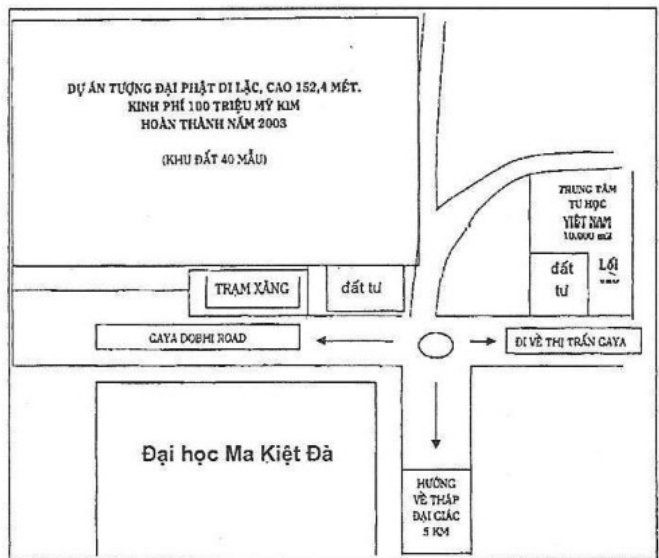
Bồ Đề Đạo Tràng, vùng đất thiêng liêng của mọi người con Phật mà trong đời cần phải một lần đi đến để chiêm nghiệm và tận

hưởng những nguồn năng lực chuyển hóa, năng lực giác ngộ của chư Phật và Bồ Tát trong quá khứ đã tu tập và thành tựu. Dự án tượng đại Phật Di Lặc tưởng lại là một nhân duyên hy hữu đáng gieo trồng và biết đâu chính nhờ một nhân duyên nhỏ nhoi này mà chúng ta sẽ gặp được đức Phật Di Lặc tưởng lại khi Ngài giáng trần. Vì tất cả những nhân duyên lành khó nghĩ bàn này mà tôi, mà quý vị cùng có một cơ hội để hưởng tâm và cầu nguyện đến vùng đất thánh địa thiêng liêng qua hơn 2500 năm nay.

Sau cùng dường như tôi thấy mình đã bắt đầu có sự nghĩ ngợi khi trực tiếp hay gián tiếp bước chân vào quỹ đạo của một kẻ được truyền thừa hay mang trách nhiệm tiếp nối những ân phúc của chư Phật. Việc Phật sự thì có muôn ngàn, còn thời gian tu tập và mạng sống của một con người lại quá giới hạn. Tôi chưa từng bao giờ thích dẫn mình vào một đời sống có nhiều cứu mạng dù là sự cứu mạng công việc có tính cách Phật sự, vì người và lo cho người. Vì sao, vì sự cứu mạng mà ta thường hay làm và nói: "Vi người và lo cho người ấy, biết đâu chỉ là lời lẽ và mặt trái của bản ngã trong ta". Do đó mà tôi thường hay sợ hãi với chính mình, sợ hãi với bản ngã.

Những nếu chối từ tất cả, không dám dấn thân, bỏ mặc và cầu tìm một đời sống nhẹ nhàng, thành thời trên bước đường tu học phiêu bạt xử người, thì không phải sao đâu đó cũng là một lời ru êm dịu của bản ngã. Tôi vẫn chưa thật sự biết mình và thấy nơi mình dù đã lang thang tu học nhiều năm trường ở xứ Phật. Lăng xăng cũng nhiều mà trong đó sự năng động và tích cực của tuổi trẻ đôi lúc làm người ta thấy mèn cũng có, nhưng kẻ cười chê thì chẳng thiếu gì. Thế rồi sau bao năm tu học và lưu lạc đó đây trên đất Ấn, bỗng dưng ngày nay, dù muốn dù không đang phải vướng vào một trách nhiệm, một trách nhiệm mà dường như chính mình tự đưa cả hai vai gánh lấy. Nhưng nếu do vì một nhân duyên lành nào đó có lợi lạc cho người và cho Đạo Pháp, tôi nguyện xin hồi hưởng phúc đức trong từng ý niệm lành, công việc lành này đến khắp mọi loài chúng sinh và cầu cho mọi loài được vui bất khổ đau. Còn nếu công việc này mang lại sự tổn hại, chỉ trích và tạo nghiệp ác của một số chúng sanh, tôi cũng xin nguyện được thay họ mà sám hối tất cả, để đời đời chúng ta đều cùng là pháp tử, cùng nhau tu tập và sớm được giác ngộ ●

### Sơ đồ tổng thể : Dự án tượng Di Lặc Đại Phật và Khu đất trung tâm tu học Việt Nam



### ■ KHÓA HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU KỲ 10

#### 1. Địa điểm:

Tại một vùng đồi núi Thụy Sĩ, phong cảnh rất đẹp, có tên là Glaubenberg  
6061 Sarne - Switzerland  
Tel. (041) 660-2222  
(từ nước ngoài gọi vào Thụy Sĩ: 0041)

#### 2. Thời gian: Từ 23/7 đến 01/8/98

Tề tựu: Thứ Năm 23.7.98  
Khai giảng: Thứ Sáu 24.7.98 (15 giờ)

Bế giảng: Thứ Sáu 31.7.98 (15 giờ)  
Du ngoạn: Thứ Bảy 01.8.98

### 3. Đường đi đến:

#### a/- Bằng xe lửa:

Từ ngoài vào Thụy Sĩ, lấy tàu về ga Luzern. Từ ga Luzern cứ 30 phút có 1 chuyến xe lửa đi Sarnen Bahnhof. (Xin để ý có 1 ga Sarnen trước ga Sarnen Bahnhof). Xưởng ga Sarnen Bahnhof xin gọi phone số 660-2222 cho Ban Tổ Chức để có xe đến đón về Glaubenberg.

#### b/- Bằng xe nhà:

\* Tùy theo địa phương xuất phát có thể lấy hướng Basel -> Luzern hoặc hướng Bern -> Luzern khi gần đến Luzern, theo hướng Gotthard -> Interlaken -> Sarnen -> exit (ausfahrt) Sarnen Sud ra khỏi, quẹo mặt, hướng Wiel Glaubenberg. Trên đường lên núi sẽ gặp Hotel Langis. Nơi tổ chức Khóa Học nằm cách Hotel chừng 300m.

#### c/- Bằng máy bay:

Xưởng phi trường Zurich, lấy xe lửa về Luzern, đổi tàu đi Sarnen Bahnhof. Xưởng ga gọi phone 660-2222 cho Ban Tổ Chức để có xe đến đón về Glaubenberg.

### 4. Học phí suốt khóa:

250 quan Thụy Sĩ (tương đương 1000 quan Pháp) gồm ăn, ở và du ngoạn tại Thụy Sĩ.

- Gia đình đi dự đông, từ người thứ hai trở đi được bớt 20%  
- Đoàn sinh các GĐPT (dưới 18 tuổi) được khuyến khích chi đóng 100 quan Thụy Sĩ. Không phải cắm trại mà ở trong trường học.

Học viên nên đem theo túi ngủ cá nhân vì nhà trường không đủ mền.

### 5. Chương trình học:

Giống như năm vừa qua (1997):

#### a/- Phật pháp phổ thông, cơ bản:

Cấp 1 và Cấp 2

Cấp 1: Những học viên mới bắt đầu.

Cấp 2: Những học viên đã học qua.

#### b/- Phật pháp chuyên khoa: Cấp 3

(học một bộ Kinh hay một chuyên đề trong giáo lý do ban giảng huấn chọn).

#### c/- Lớp xuất gia:

Lớp Tăng, Ni, ngoài những giờ giới luật phải học riêng. Giờ giáo lý, kinh điển tham dự chung với Cấp 3.

Ngoài ra, còn có lớp về Hành Chánh, Tổ Chức và diễn giảng cho quý vị giảng sư, trụ trì (theo quyết định của Giáo Hội trong Đại Hội kỳ 2 tại Oslo).

#### d/- Lớp cho Oanh Vũ:

Như mọi năm, quý Đạo Hữu có con em (từ 8 tuổi trở lên) có thể đem theo. Quý thầy và các anh chị Trưởng sẽ trực tiếp hướng dẫn sinh hoạt cho "Đại Học Oanh Vũ" này.

Theo lệ hàng năm, giữa khóa học, còn có các kỳ họp của Giáo Hội Âu Châu. Vì lẽ đó, Giáo Hội kêu gọi mỗi địa phương nên đề cử ít nhất 1 người, trước là để học Phật Pháp, sau là tham dự vào các buổi họp của Giáo Hội.

### 6. Tổ chức và điều hành:

- Điều hành chương trình khóa học: GHPGVNTN Âu Châu.

- Tổ chức địa phương: GHPGVNTN tại Thụy Sĩ đảm nhiệm.

- Tài chánh: Ngoài học phí và cúng dường, nếu thiếu, GH Âu Châu sẽ bổ túc.

Muốn biết thêm chi tiết có thể liên lạc với quý thầy trong nước mình cứ ngụ hay 2 địa điểm sau đây:

#### - Chùa TRÍ THỦ (địa chỉ tạm)

Belpstr. 45 - 3007 Bern - Switzerland

Tel. (031) 382 59 41

#### - Chùa KHÁNH ANH

14 Av Henri Barbusse

92220 Bagneux - FRANCE

Tel. 01 46 55 84 44 Fax: 01 47 35 59 08

## Sinh Hoạt Cộng Đồng

### 1. Nguyễn Trãi - Thơ & Văn Hóa

Ông Võ Văn Ái sẽ nói chuyện về Chí sĩ Nguyễn Trãi - THƠ & VĂN HÓA.

Địa điểm tổ chức :

Ngày 02.5.1998 lúc 15 giờ 00. Tại Hội Trường Sankt Michael

Reisestr. 8 - 64683 Einhausen

Mọi tin tức xin liên lạc với Ông Hồ Văn Thái - Tel. 0621 - 315896.

### 2/ Giải khản xô cho Huế

Văn Sĩ kiêm Thi Sĩ Nhà Ca và Ông Nguyễn Lý Tường sẽ nói chuyện về "Thảm trạng Tết Mậu Thân 1968". Là chứng nhân trong thảm trạng Tết Mậu Thân, Chị Nhà Ca sẽ nói lên sự thật về cách giết người tàn bạo dã man của tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Hà Nội trên con đường Nam tiến mà họ gọi là "Giải phóng Miền Nam".

Địa điểm tổ chức :

Ngày 06.6.1998 lúc 10 giờ 00. Tại Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover. Tel - 0511 - 879630

● **THŨ MỜI** của Ban Tổ Chức Đại Hội Công Giáo Việt Nam kỳ 22 trân trọng kính mời: Quý Cha, Quý Nam Nữ Tu sĩ, Quý Ông Bà Anh Chị Em đến tham dự Đại Hội Công Giáo Việt Nam kỳ 22 với chủ đề "**Mừng 200 năm Mẹ La Vang và 10 năm phong Thánh Tử Đạo Việt Nam**", được tổ chức từ ngày 30-31 tháng 5 đến ngày 01.6.1998 tại :

Unterfrankenhalle & Berufsschule

Seidelstr.2 - 63741 Aschaffenburg

Với sự hiện diện và hướng dẫn của Đức Tổng Giám Mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Đức Giám Mục Địa phận Würzburg, Đức Ông Vinc. Trần Ngọc Thu, Đức Ông Philip Trần Văn Hoài, Đức Ông Barnabê Nguyễn Văn Phương, Đức Ông Jos. Đình Đức Đạo và Quý Cha Tuyên Úy Linh Hưởng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Lệ phí tham dự (gồm ăn và ở)

- Từ 10 tuổi trở lên 45 Đức mã

- Từ 9 tuổi trở xuống 35 Đức Mã

Xin ghi danh tại Cộng Đoàn địa phương và gửi về Ông Phó Chủ Tịch Nội Vụ Liên Đoàn trước ngày 15.5.1998, theo địa chỉ:

Đình Kim Tân

An der Beverbaeke Str. 5 - 26123 Oldenburg

Tel. 0441 / 383838 - Fax 0441 / 27721

TM. Ban Tổ Chức : Nguyễn Văn Sĩ

Chủ Tịch LĐCGVN tại Đức

**GHI CHÚ:** Muốn biết thêm Chương Trình và chi tiết xin liên lạc về địa chỉ trên.

## Giới thiệu sách mới

### ■ CÂU CHUYỆN TỬ CON TÀU CAP ANAMUR

Nhà văn Vũ Nam vừa hoàn thành tác phẩm thủ năm "**Câu chuyện tử con tàu Cap Anamur**". Câu chuyện nói lên cảnh lén lút vượt biên, cảnh hải hùng trên biển cả, hải tặc... rồi được con tàu nhân đạo Cap Anamur cứu vớt. Đến cảnh tạm trú trên các đảo ở Phi Luật Tân, mà tác giả đã có mặt của chuyến đi ấy.

Sách dày 260 trang. Bìa 7 màu rất đẹp. Giá 18 Đức Mã (chưa kể cước phí). Phát hành tại chùa Viên Giác.

### ■ TỬ MIỀN ĐẤT LẠNH

Kỷ sự về Canada và người Việt của nhà văn Nguyễn Văn Ba vừa hoàn thành để kỷ niệm một thời viết báo.

Nói đến Canada hay Gia Nã Đại, nhiều người liên tưởng ngay đến... tuyết. Không sai! Ai có sống ở Canada mới biết, đúng nơi này đích thị là miền "đất lạnh" nhưng... "tinh nóng" ...

Sách dày 260 trang. Bìa 5 màu thật đẹp. Giá 24 Đức Mã (chưa kể cước phí). Phát hành tại Chùa Viên Giác hoặc liên lạc Nguyễn Văn Ba - 4126 Degeer St.# 3 - Saskatoon, SK - Canada S7H 4S8.

■ **DÒNG SÔNG TRẦM LẶNG** của Mạnh Bích  
 Bạn Văn xuất bản - Phát hàng tháng 11.97

Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng sống lại "một giai đoạn đời sôi động, giữa một thời cuộc bế đàu làm sống sót mọi người trong cuộc" (Giáo Sư Vũ Kỳ)

Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng nhớ lại "khía cạnh đạo lý của cách giáo dục con cái đã được gia đình tác giả làm nổi bật" (Duy Lam trong Tự-Lực văn đoàn)

Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng sống lại những thử thách, gian truân của những Người Cộng-Hòa đã tìm đủ cách để đến bến bờ Tự Do.

*Dòng Sông Trầm Lặng* là một cuốn truyện rất dễ làm say lòng người đọc vì người đọc tưởng như "chuyện lòng" của tác giả cũng là chuyện lòng của chính mình (Thi sĩ Hồ Trọng Khôi).

Đặt mua tại: Nguyễn Mạnh Bích - 25 rue de Vaucouleurs - 75011 Paris - France - hay Trần Văn Ngô - 59 Ave Jean Jaurès - 94250 Gentilly - France.

Giá tại Pháp: 70 Quan Pháp (bao cước phí). (Nếu muốn có bút ký của tác giả, xin ghi rõ họ tên trong thư).

**Tìm Con - Tìm Thân Nhân**

■ Bà Đặng Thị Đàm, ở 293 Trần Hưng Đạo Long Xuyên, Việt Nam, tìm con tên **Nguyễn Quang Đức**, 36 tuổi, sống chỗ Cha Quy tại Paris, đến khoảng đầu năm 1997 thì cho gia đình ở Việt Nam hay là sang Tây Đức sống.

Nay Đức ở đâu, xin liên lạc gấp với TRÚC ở Münster, Tel. 0251 - 23 37 14 để biết tin Mẹ. Bà con nào biết Đức ở đâu xin cho hay dùm. Cảm tạ.

Tìm chị **Trịnh thị Minh Tuyết** (Chồng là Anh Cường) trước ở Berlin, nay ở đâu, xin liên lạc Nguyễn Thế Thịnh, Tel. 0821 - 41 80 352.

**CẢM TẠ**

Thay mặt đại gia đình ở Việt Nam, chúng tôi thành kính tri ân Quý Thầy, Quý Cụ - bạn của Thân phụ chúng tôi -, Quý thân hữu, Quý bằng hữu tại hải ngoại đã cầu siêu, thấp hương; điện thoại, điện tin, gửi thư chia buồn sau tin Thân phụ chúng tôi là :

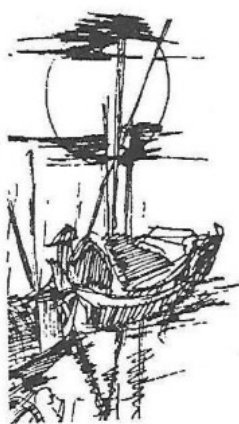
**CỤ TRẦN TẮT ĐẠT**

Qui tiên ngày 15.02.1998 (19 tháng Giêng năm Mậu Dần) tại Sài Gòn. Thượng thọ 95 tuổi.

Kính bái

- Trần Hữu Lê (Thụy Sĩ) và vợ Trần Thị Nhật Hứng

**Cõi Tam**



Nửa vầng trăng lơ lửng  
 Cũng soi sáng mặt hồ  
 Nửa đời anh hồ hững  
 Chỉ tạm kiếp hư vô

Thăm bạn bệnh tâm thần  
 Nhìn ra thuyết Sắc - Không  
 Chút nghiệp dư quanh quẩn  
 Trả bao giờ cho xong ?

Soi gương đầu bạc trắng  
 Hóa ra mình đã già  
 Cử ngỡ đời là mộng  
 Quên không nhìn cái ta !

● thơ của Ep

**Hộp Thư Viên Giác**

**T**rong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

● **THỦ TÍN**

Vi Khuê (Mỹ), Phan Hưng Nhơn (Đức), Trần Hân; Trình Chung (Canada), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Vũ Thị Dạ Thảo (Mỹ) Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Hồ Trường An (Pháp), Người Tỵ Nạn (Đức), Đỗ Văn Đức (Đức), Cù Ngọc Hứng; Bà Văn Nương (Pháp), Dư Thị Diễm Buồn (Mỹ), Huyền Thanh Lữ (Đức), Chi Điền Hoàng Duy Tử; Mạnh Bích (Pháp), Bảo Văn Bùi Văn Bảo (Canada), Cử sĩ Tâm Quang (Pháp), Lê Ngọc Anh Dũng (Đức), Tâm Trạng Ngô Trọng Anh (Mỹ), Thanh Nguyên (Thụy Sĩ), Đỗ Cao (Thụy Sĩ), Ý Nga (Ý), Đồng Châu (Canada), Hà Thượng Nhân (Mỹ), Trần Trung Đạo (Mỹ) Tùy Anh (Đức), Cử sĩ Chính Trực (Canada), Gs. Lê Văn Mão (Canada), Vũ Thị Thơm (Đức), T.T. Lê Ngọc (Đức), Nguyễn Việt Nga (Đức), Thái Tú Hạp (Mỹ), Nguyễn Văn Đại (Đức), Nguyễn Cầu Luyến (Đức), Trần Hoài Nam (Đức), Đặng Thanh Hòa (Đức), Nguyễn Việt Cường (Đức), Tót Đen Hoàng Văn Khoa (Canada), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên (Úc), Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc), Hồng Nhiên + Thiện Căn (Đức), Ds. Bùi Kim Tùng, Phan Ngọc (Đức), Người Giám Biên (Đức), Phủ Văn (Đức), Thiện Nguyễn Hoàng Đôn Trình (Đức), Nhứt Trọng Trần Văn Minh (Đức), Nguyễn Văn Tân (Đức), Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover & VPC (Đức), Vũ Kỳ (Bi), Quang Tuấn (Mỹ), Lê Trung Thu (Bi), EP (Thụy Sĩ), Võ Thu Tịnh (Pháp), Một Phật Tử (Pháp), Nguyễn Huy Diệm (Đức), Đỗ Văn Phương (Đức), Phạm Thắng (Canada), Trương Đức Hạnh (Hòa Lan), Lê Mỹ Như Ý (Mỹ), Nguyễn Thị Hoa; Nguyễn Thành Nhân; Thiện Xuân (Nga), Hoàng Đức (Đức), Bích Xuân (Pháp); Giang Phúc Đông Sơn; Từ Hùng Trần Phong Lưu + Quỳnh Hoa (Đức); Huy Giang - Bé Ngọc (Đức).

● **KINH, SÁCH, BÁO CHÍ**

\* **Đức:** Journal für Deutschland 2/3; Expo direkt Hannover; Tạp Chí Việt Nam Hòa Bình số 9, 10; Đoàn Kết số 21; Hội Ái Hữu Pétrus Trương Vĩnh Ký; Dân Chủ cho Việt Nam số 20; Tiếng Nói Tự Do số 9; Thiện Chí số 56, 57; Tuổi Trẻ số 26; Diên Hồng số 24, 25; Thờ Thế Dũng - Tử Tâm; Vietnam Forum Nr. 14; Bản Tin Phật Sự liên vùng Aschaffenburg + Frankfurt + Wiesbaden số 2; Đất Nước số 24, 25. - Dân Chúa Âu Châu số 185, 186; Phục Hưng số 13, 14; Entwicklung und Zusammenarbeit 3/98, 4/98; Development and Cooperation 2; Nhiệt Huyết số 15; Thông Tin số 1; Khát Vọng số 6; Dân Văn số 62; Open Letter to Young Vietnamese; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 108; Việt Nam Đi Tới 3/98; Cánh én số 76; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 19; Thời Báo số 62; Dân Việt số 29; VIDİ số 1, 2; Tiến Bộ số Xuân; Phương Đông số 1; Hướng Việt số 10; Bản Tin Tâm Giác 3/98; Việt Nam Dân Chủ số 18; Buddhistische Monatsblaetter Nr.2; Bản Tin Đức Quốc số 142; Quê Hương số 21; Betrifft Nr. 1/98; Việt Nam số 82; Bản Tin Phật Sự Tuttlingen-Rottweil; Tibetisches Heilwissen - Yeshi Donden; Leben ist jetzt - Alan Watts. Lotusblaetter Nr. 2/98.

\* **Pháp:** Quê Mẹ số 142, 143; Thời Báo Marseille số 61; Nghi Thức Tụng Niệm và Vía Phật Nhập Diệt; Tiếng Dân số 13; Nhân Bản số Xuân, Nhân Bản số 18.

\* **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 165. Die Kunst des Lebens.

\* **Hòa Lan:** Việt Nam Nguyệt San số 128; Buddhayana Zeitung số 4.

\* **HOA KỲ:** Bồ Đề Hải số 36, 37. Phật Quang Thế Kỳ số 30; Chân Trời Mới số 2/98, 3/98; Phật Giáo Việt Nam số 100, 101, 102, 103; Hoa Sen số 33; Đẹp số 332; Giai Phẩm Xuân Mậu Dần; Hải Ngoại Nhân Văn số 7; Kinh Pháp Cú - dịch giả Thích Trí Đức. Giao điểm số 28.

\* **CANADA:** Pháp Âm số 60; Nắng Chiều - Thi tập 2 - Trình Chung; Đối Lực số 23; Đi Tới số 7, 8; Tử Ân.

\* **ĐÀI LOAN:** Thiên Phật Sơn số 106, 107; Zen Now số 25; Modern Buddhism monthly; Ch'ien Fo Shan Magazin; Hiện Đại Phật Giáo số 202.

\* **SINGAPOR:** Ca khúc Trường ca Phật Sử + Niệm Phổ Hiền Bồ Tát - Võ Tá Hân.

# CÁO TRI

Ngưỡng bạch Chủ Tôn Thiên Đức:

Chúng con xin thành tâm kính cáo đến Chủ Tôn Hòa Thượng, Chủ Thượng Tọa, Chủ Đại Đức Tăng Ni trong hàng Chủ Tôn Giáo Phẩm, Bốn Sứ chúng con là:

## Hòa Thượng thượng THIÊN hạ ĐỊNH

Viện chủ Pháp Hoa Thiên Tự tại Marseille, Pháp Quốc, đã viên tịch ngày 30.03.1998 (03.03. Mậu Dần) lúc 2 giờ sáng. Lễ Trà tỳ đã được cử hành vào ngày 02.04.1998 (06.03 Mậu Dần), vào lúc 9 giờ 30 sáng tại Nghĩa trang Saint-Pierre Marseille Pháp Quốc.

### Association culturelle Bouddhiste de Marseille

Chùa Pháp Hoa - 3, Chemin de la Pagode. 13015 Marseille - France - Tel. 4.91.65.59.49

Chùa Thiện Hòa  
Dahlener Str. 617  
41239 Mönchengladbach  
Tel. 02166/ 340637  
Germany

Quan Thế Âm Ni Tự  
Otto Str. 79  
52070 Aachen  
Tel. 0241/ 541275  
Germany

Chùa Phật Bảo  
Emil Zeis Str. 8  
32683 Barntrup  
Tel. 05263/ 3601  
Germany

Tịnh thất Pháp Hoa  
Rontgen Str. 2  
32756 Detmold  
Tel. 05231/ 38249  
Germany

Hiếu Đồ :

● Tỳ kheo Thích Minh Phú, chùa Thiện Hòa, Đức Quốc. ● Tỳ kheo Thích Thiện Sơn, Hội Chí Thiện, Đài Loan. ● Tỳ kheo Thích Thiện Tâm, chùa Khánh Hòa, Đức Quốc. ● Tỳ kheo Thích Từ Trí, Tịnh Thất Pháp Hoa, Đức Quốc. ● Tỳ kheo ni Thích Nữ Diệu Ân, chùa Quan Thế Âm, Đức Quốc. ● Tỳ kheo ni Thích Nữ Diệu Hạnh, chùa Phật Bảo, Đức Quốc. ● Tỳ kheo ni Thích Nữ Huệ Định, chùa Pháp Hoa, Pháp Quốc. ● Tỳ kheo ni Thích Nữ Giác Tử, chùa Pháp Hoa, Pháp Quốc. ● Sa Di Ni Thích Nữ Diệu Linh, chùa Quan Thế Âm, Đức Quốc.

## CẢM TẠ

Chúng con xin thành tâm cảm tạ đức lành của Chủ Tôn Thiên Đức trong phần Chủ Tôn Giáo Phẩm GHPGVNTN Âu Châu, Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn, Chủ Tôn Hòa Thượng, Chủ Thượng Tọa, Chủ Đại Đức Tăng, Chủ Đại Đức Ni, các Chùa và Tự Viện đã không quảng ngại đường sá xa xôi quang lâm đến Pháp Hoa Thiên Tự hộ niệm và cung tiễn Tôn Sứ của chúng con là:

### Hòa Thượng thượng THIÊN hạ ĐỊNH

Tân viên tịch 03.03 Mậu Dần (30.03.1998)

Trụ Tạ Bà vi hóa Đạo 75 tuổi, được hồi tịnh độ hiển vô sanh.

Trong lúc đa đoan tang lễ hàng hậu học chúng con không làm sao chu viên được hiếu sự, cũng như cung nghinh Chủ Tôn Đức nếu có điều chi sơ suất ngưỡng mong Chủ Tôn từ bi lân mẫn hỷ thủ cho.

Chúng con xin thành tâm đồng kính bái.

- Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Viện chủ chùa Khánh Anh, Paris
- Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Viện chủ chùa Thiện Minh, Lyon
- Thượng Tọa Thích Trí Minh, Viện chủ chùa Khuông Việt, Na Uy
- Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Đan Mạch
- Thượng Tọa Thích Minh Đức, Viện chủ chùa Phước Bình & Siêu Nhứt Nguyệt, Pháp Quốc
- Thượng Tọa Thích Bửu Thanh, Pháp Quốc
- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác, Đức Quốc
- Thượng Tọa Thích Tâm Trường, Trụ Trì chùa Trúc Lâm, Marseille, Pháp Quốc
- Thượng Tọa Thích Minh Giác, Viện chủ chùa Vạn Hạnh, Hòa Lan
- Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, Viện chủ chùa Trí Thủ, Thụy Sĩ
- Thượng Tọa Thích Viên Diệu, Viện chủ chùa Thuyền Tôn, Canada
- Đại Đức Thích Giác Thanh, Na Uy



- Đại Đức Thích Thông Trí, chùa Vạn Hạnh, Hòa Lan
- Đại Đức Thích Quảng Đạo, chùa Khánh Anh, Paris
- Đại Đức Thích Hạnh Bảo, chùa Viên Giác, Đức Quốc
- Đại Đức Thích Thanh Khánh, Hòa Lan
- Đại Đức Thích Trí Liên, Tu Viện Linh Sơn
- Đại Đức Thích Đức Thắng, chùa Hoa Nghiêm, Pháp Quốc
- Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn, Viện chủ chùa Phổ Đà, Marseille
- Sư Bà Thích Nữ Phước Liên, Marseille, Pháp Quốc
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Viện chủ chùa Bảo Quang, Đức Quốc
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Viện chủ chùa Linh Thủy, Đức Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Diệu Minh, Trụ Trì chùa Quan Âm, Paris, Pháp Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Diệu Tràm, chùa Khánh Anh, Pháp Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Trí Hải, Trụ Trì chùa Hoa Nghiêm, Grenoble, Pháp Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân, chùa Viên Giác, Đức Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Huệ Hòa, chùa Khánh Anh, Paris, Pháp Quốc
- Sư Cô Thích Nữ Như Quang, chùa Phổ Đà, Pháp Quốc
- Chú Thích Hạnh Hòa, chùa Viên Giác. ● Chú Thích Viên Đại, chùa Khuông Việt. ● Chú Thích Viên Duy, chùa Khuông Việt. ● Chú Thích Viên Tịnh, chùa Khuông Việt. ● Chú Thích Hạnh Định, chùa Viên Giác. ● Ni Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Vân, chùa Bảo Quang. ● Ni Cô Thích Nữ Đàm Đoan, chùa Quan Âm. ● Ni Cô Thích Nữ Trí Minh.

### Chúng con cũng cùng một dạ cảm niệm vô vàn và trọng ân Chư Tôn Giáo Phẩm:

- Hòa Thượng Thích Phước Huệ, Pháp chủ Phước Huệ Công Đức Tông Lâm Úc Châu
- Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo VN tại Hoa Kỳ Viện chủ chùa Việt Nam Los Angeles
- Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
- Hòa Thượng Thích Ngộ Minh, Chủ Tịch Giáo Hội Tăng Già Thế Giới
- Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Giáo Hội PGVNTN Viện chủ chùa Pháp Bảo Úc Châu
- Thượng Tọa Thích Phước Bốn, Tịnh Nghiệp Liên Hữu Hóa Chủ Phước Huệ Đạo Tràng
- Thượng Tọa Thích Trí Hoằng, Viện chủ chùa Hải Ấn Mỹ Quốc
- Đại Đức Thích Trường Phước và Thích Nhật Trí, Hội Phật Giáo Quan Âm Canada
- Ni Sư Thích Nữ Như Hòa và Ni Chúng, GHPGVNTN Ni Bộ Bắc Tông tại Hoa Kỳ Viện chủ chùa Dược Sư
- Sư Cô Thích Nữ Như Ngọc, chùa Di Đà

đã từ bi lân mẫn ngàn dặm xa xôi gửi điện văn điều tế, điện thoại phân ưu cúng dường tràng hoa cùng hương đăng quả phẩm cho Tôn Sư chúng con, nguyên là Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương của GHPGVNTN, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh và Kiến Thiết, Cố Vấn GHPGVNTN Âu Châu, Phó Chủ Tịch Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới, Phó Chủ Tịch Tăng Già Thế Giới, Viện chủ Pháp Hoa Thiền Tự là:

## Hòa Thượng thượng THIỀN hạ ĐỊNH thế thọ 75 lập thọ 53 vừa viên tịch ngày 03.03 Mậu Dần.

Chúng con là Môn Nhân hiếu đồ thành tâm dành lễ tạ ơn Chư Tôn Giáo Phẩm. Ngưỡng mong Chư Tôn thù từ lân mẫn chứng minh cho chúng con được chu viên hiếu sự.

Chúng con thành kính tri ơn quý Ngài trong thành phần lãnh đạo tôn giáo bạn, Tổng Giám Mục Thiên Chúa Giáo, Tin Lành Giáo, Hồi Giáo và Do Thái Giáo cũng như Chánh quyền và ông Thị Trưởng Thành Phố Marseille.

Chúng tôi cũng không quên cảm tạ quý Hội Phật Tử, quý Hội Đoàn, các Gia Đình Phật Tử Âu Châu, các Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên thế giới cùng quý Đạo Hữu, Phật Tử, quý Đồng Hương, quý Quan Khách đã đến tham dự cũng như phân ưu và cử hành lễ truy điệu khắp các nơi. Trong lúc chu viên hiếu sự nếu có điều chi sơ suất kính mong quý liệt vị niệm tình hỷ thủ cho chúng tôi.

### ASSOCIATION CULTURELLE BOUDDHISTE DE MARSEILLE

Chùa Pháp Hoa - 3, Chemin de la Pagode. 13015 Marseille - France - Tel. 04.92.65.59.49

|   |   |  |  |
|---|---|--|--|
| Chùa Thiện Hòa<br>Dahlener Str. 617<br>41239 Mönchengladbach<br>Tel. 02166 / 340637 - Germany | Quán Thế Âm Ni Tự<br>Otto Str. 79<br>52070 Aachen<br>Tel. 0241 / 541275 - Germany | Chùa Phật Bảo<br>Emil Zeis Str. 8<br>32683 Barntrup<br>Tel. 05263 / 3601 - Germany | Tịnh Thất Pháp Hoa<br>Rontgen Str. 2<br>32756 Detmold<br>Tel. 05231 / 38249 -<br>Germany |
|---|---|--|--|

#### Môn nhân hiếu đồ chúng con đồng kính bái

- Tỷ kheo Thích Minh Phú, chùa Thiện Hòa, Đức Quốc. ● Tỷ kheo Thích Thiện Sơn, Hội Chí Thiện, Đài Loan. ● Tỷ kheo Thích Thiện Tâm, chùa Khánh Hòa, Đức Quốc. ● Tỷ kheo Thích Từ Trí, Tịnh Thất Pháp Hoa, Đức Quốc. ● Tỷ kheo ni Thích Nữ Diệu Ân, chùa Quan Thế Âm, Đức Quốc. ● Tỷ kheo ni Thích Nữ Diệu Hạnh, chùa Phật Bảo, Đức Quốc. ● Tỷ kheo ni Thích Nữ Huệ Định, chùa Pháp Hoa, Pháp Quốc. ● Tỷ kheo ni Thích Nữ Giác Tử, chùa Pháp Hoa, Pháp Quốc. ● Sa Di ni Thích Nữ Diệu Linh, chùa Quan Thế Âm, Đức Quốc.

# Phương Danh Cúng Đường

Tính đến ngày 16.02.1998

(Tiếp theo VG 103)

## ■ AN TỐNG

ĐH. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 25DM, HHHL ĐH Phan Thị Muội. Lâm Xuân Quang (Canada) 50Can. Diệu Thành (\*) 20DM. Nguyễn Thị Mai (Vs-Villingen) 10DM. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal) 30DM. Hoàng Khánh Duy (Aachen) 20DM. Đào Thị Chuyển (Urbar) 50DM. Vương Thiên Lập (München) 20DM. Lê Quang Tường (Fallingb.ostel) 900DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 75Guld. Phan Phước (\*) 25DM. Đặng Đại Nghĩa (Guzzenhausen) 20DM. Lê Thị Liên 50DM. Thái Kim Huệ (Duisburg) 120DM. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 60DM. Phạm Thị Bưởi 30DM. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 20DM.

## ■ KINH PHÁP HOA

ĐH. Quảng Ngộ & Diệu Hiền (Laatzten) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Trung Thành Pd Nguyễn Bình. Ấn danh 100DM 100DM. Đỗ Nguyễn Vi Phượng (Stuttgart) 2.000DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 100DM. Nguyễn Thị Tiến (\*) 20DM. Lê Trần Thủy Phượng (Pforzheim) 150DM. Võ Thị Thu (Neutershausen) 20DM. Diệp Mỹ Quang (Ludwigshafen) 50DM (PH + TMNT + NTTN). Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Tịnh (Gießen) 2.000DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Tịnh. Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Niệm (Hannover) 2.000DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Niệm. Nguyễn Ngọc Tuấn (Boblingen) 80DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Tịnh. Lâm Kim (M'Gladbach) 270DM (PH + TMNT + NTTN) Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Thị Chánh + Thiện Tâm (Laatzten) 200DM, HH Pháp giới chúng sanh. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 30DM. Đặng Thị Liên (Pháp) 100DM (PH + TMNT + NTTN). ĐH Diệu Anh (Fürth) 200DM. Diệu Kim (\*) 200DM. Diệu Hương (\*) 200DM. Diệu Thông (\*) 200DM. Minh Ngọc (Hamburg) 200DM. Minh Tấn 200DM. Minh Hiếu 200DM. Nhan Tăng Lan 200DM. Diệu Hằng (Frankfurt) 200DM. Diệu Đạt 200DM. Lâm Kim Loan (Neu-Ulm) 40DM. Trần Thị Tú (Đan Mạch) 500Kkr. Đoàn Thị Đoàn Trang (\*) 500Kkr. Huỳnh Muối (\*) 1.000Kkr. Hồ Vinh Giang Pd Thiện Giác & Châu Hồ Duệ Phần Pd Thiện Phúc (Hannover) 300DM, HH cho con: Hồ Robin bệnh tật tiêu trừ. Đặng Văn Hoa (Herne) 50DM. Lý Mỹ Quỳnh (Hannover) 60DM. Lý Mỹ Phượng (\*) 60DM. Lý Mỹ Linh (\*) 60DM. Lý Thanh Hùng (\*) 60DM. Bành Thị Sum (\*) 80DM. Lý Quốc Lương (\*) 80DM. Lưu Thị Phúc Pd Nguyễn Tuệ, Nguyễn Văn Tấn Pd Nguyễn Trí, Nguyễn Thị Hồng Thủy Pd Nguyễn Tịnh (Wilhelmshaven) 150DM. Trần Đình Thắng (Deltoid) 1.000DM. Võ Văn Hùng (Tuttlingen) 15DM. Hồ Thị Thanh Đam (Gomaringen) 150DM. Trần Thị Phước (Reutlingen) 50DM. Dương Thị Loan (Rottenburg) 50DM. Lê Văn Trường (Düsslingen) 50DM. Trương Thị Mạnh (Pháp) 200DM. Châu Thị Nguyễn (Việt Nam) 40DM. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 100DM (PH + TMNT). Lê Thị Văn (Velpeke) 50DM (PH + TMNT + NTTN). Lương Thị Búp (Bochum) 45DM (PH + TMNT + NTTN). Gđ. Thiện Ý (Hannover) 150DM, HH Pháp giới chúng sanh và HHHL cứu huyền thất tổ. Thiện Tú 60DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 100DM. Vũ Tiến Mạnh + Lê Thị Bội Khánh (Dresden) 50DM (PH + TMNT + NTTN). Thiện Lộc (Hannover) 30DM. Hứa Kỳ Năng (Wilhelmshaven) 50DM. Đồng Hạnh (Mühlheim) 100DM. Dương Anh Tuấn (Rottenburg) 250DM (PH + TMNT + NTTN). Thiện Thanh (Karlsruhe) 20DM. Thiện Thọ (\*) 20DM. Thiện Trọng (\*) 20DM. Thiện Huệ (\*) 40DM. Thiện Thành (\*) 20DM. Huỳnh Thanh Loan 20DM, HHHL ĐH Phan Thị Hạnh. Thiện Pháp (Stuttgart) 200DM. Vũ Văn Thành (Leipzig) 100DM. Nguyễn Thị Khánh (Aue) 200DM. Ngô Bạch Gina Phương Uyên (Hannover) 50DM. Thái Lê 20DM. Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 20DM.

## ■ THIÊN MÔN NHỰT TUNG

ĐH. Quảng Ngộ & Diệu Hiền (Laatzten) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Trung Thành Pd Nguyễn Bình. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Tiến (\*) 20DM. Huỳnh Thị Thu Thủy 50DM. Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Tịnh (Gießen) 1.500DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Tịnh. Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Niệm (Hannover) 1.500DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Niệm. Nhứt Trọng (Mannheim) 50DM. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 20DM. Lâm Kim Loan (Neu-Ulm) 30DM. Hồ Vinh Giang Pd Thiện Giác & Châu Hồ Duệ Phần Pd Thiện Phúc (Hannover) 150DM, HH cho con: Hồ Robin bệnh tật tiêu trừ. Nguyễn Thành Trúc (Suisse) 30FS. Mạc Thiện Đạt (Wittmund) 150DM. Gđ. Lê Gia Tuyền (Hannover) 50DM. Gđ. Phan Công Độ (Laatzten) 100DM (TMNT + NTTN).

## ■ NGHI THỨC TỤNG NIỆM

ĐH. Quảng Ngộ & Diệu Hiền (Laatzten) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Trung Thành Pd Nguyễn Bình. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Tiến (\*) 20DM. Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Tịnh (Gießen) 500DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Tịnh. Gđ. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Niệm (Hannover) 500DM, HH Giác Linh Sư Cô T.N. Hạnh Niệm. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 10DM. Diệu Thông (Fürth) 150DM. Lâm Kim Loan (Neu-Ulm) 20DM. Bành Thám Cường (Wiesbaden) 100DM. Hồ Vinh Giang & Châu Hồ Duệ Phần (Hannover) 150DM, HH cho con: Hồ Robin bệnh tật tiêu trừ. Lâm Trần T. Thủy (Berlin) 10DM.

## ■ KINH ĐƯỢC SỬ

ĐH. Ngô Quang Huy (Mannheim) 20DM.

## ■ KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld.

## ■ XÂY CHÙA

ĐH. Hà Văn Đức 30DM. Phan Công Chử (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 30DM. Jörg Lindner (Hannover) 2.000DM. Linh Lê Mỹ (Hòa Lan) 20DM. Liêm + Tân (Gehrden) 100DM. Nguyễn Văn Chuẩn 30DM. Trương Lê Hồng (Salzhausen) 20DM. Trần Minh Phượng 20DM. Đỗ Như Lạc (Dortmund) 50DM. Nguyễn Vũ Bằng (St. Wendel) 20DM. China Inter (Hannover) 2.000DM. China Rest. Thảo (Wolfsburg) 500DM. Nguyễn Văn Phụng 500DM. Đặng Anh Tuấn (Stralsund) 30DM. Lê Trung Ứng (Michelstadt) 50DM. Trần (Hamburg) 30DM. Hy Đan Đại (Krefeld) 50DM. Đặng Văn Hoa (Herne) 30DM. Huỳnh Thị Kim Hà (Cloppeburg) 20DM. Ngọc Ruân Vũ (Suisse) 40FS. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM. Lay Ngọc Trường 2.000DM. Vũ Văn Thành (Leipzig) 50DM. Đỗ Văn Thanh (Waldkappel) 50DM. Mạnh Toàn Tạ (Wardenburg) 20DM. Hai Trần O (Spaichingen) 20DM. Nguyễn Mạnh Nhật (Bad. Hönningen) 20DM. Trần Minh Tú 200DM. Trương Thị Kim (Dingolfingen) 150DM. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 20DM. Phạm Đoàn Dường 50DM.

## ■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Trần Quỳnh Nga (Suisse) 120DM, HHHL ĐH Đào Thị Hiếu Pd Diệu Niệm. Trương Ngọc Phúc tự Hùng (Friesoythe) 120DM.

## ■ TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Nguyễn Thế Dũng (Münster) 50DM. Dương Anh Tuấn 20DM. Lê Thị Hoàn (Doberberg) 10DM. Ấn danh 50DM. Trần Hữu Nghiệp (Münster) 20DM. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM. Lay Văn Pong (Moers) 500DM. Gđ. Lê Gia Tuyền (Hannover) 50DM. Đào Thiện Mẫn (Empelde) 40DM. Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 20DM.

## ■ TƯỢNG PHẬT QUAN ÂM

ĐH. Diệu Văn (Pháp) 100FF. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 20DM. Tam Krings 20DM. Lâm Bửu Hoàng (Kempten) 100DM. Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 40DM.

## ■ TRAI TẶNG

ĐH. Giác An (Hamm) 50DM. Vũ Thị Xuyên (Marktheidenfeld) 100DM. Lưu Ngọc Lan (Speyer) 50DM, HHHL ĐH Lâm Minh Bót. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM. Phan Huy Hiến 100DM.

## ■ QUỸ GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

ĐH. Vương Nguyệt Anh (Kempen) 40DM. Liêm + Tân (Gehrden) 50DM.

## ■ TRAI CÙI, MÙ, CÔ NHI VIỆN, DƯỜNG LÃO

ĐH. Vũ Quốc Dụng 50DM. Hà Văn Đức 20DM. Ngọc Liên (Köln) 10DM. Giác An (Hamm) 50DM. Nhan Văn Tú (München) 100DM. Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Phật Quang (Pháp) 10DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM. Bành Thám Cường (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Nhân Lộc (USA) 120US. Thiện Kiến + Thiện Nhật (Laatzten) 50DM. Liêm + Tân (Gehrden) 50DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 50.000Lire. Huỳnh Thị Thu Thủy 50DM. Hoàng Khánh Duy (Aachen) 20DM. Vũ Quốc Dụng 50DM. Trần Kiến Bình 100DM. Đỗ Như Lạc (Dortmund) 100DM. Phạm Hoài Trang (Irrel) 10DM. Trần Thị Xuân Thủy (Eilwangen) 20DM. Bành Chúc Quán (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 70DM. Liêm + Tân 100DM. Huỳnh Thị Kim Hà (Cloppeburg) 10DM. Bùi Văn Lập (Sigmaringen) 20DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 50DM. Nguyễn Khắc Hải (Mainz) 30DM. Thanh Vũ 30DM. V.D. Bùi (Hòa Lan) 200Guld. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM. Nguyễn Thị Thủy (Bernkate) 30DM. Nguyễn Ngọc Cẩm (München) 50DM. Hoàng Dung Nguyễn (Mettmann) 30DM. Thị Mai Biên 150DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 15DM. Nguyễn Văn Phát 50DM.

Bùi Duy Nguyễn (Gros um Stadt) 40DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld.

## ■ TRAI CÙI, MÙ, CÔ NHI VIỆN SÓC TRĂNG

ĐH. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 100DM. Ngọc Ruân Vũ (Suisse) 60FS.

## ■ NGƯỜI NGHÈO Ở VIỆT NAM

ĐH. Phùng Thị Thành (Stockach) 20DM.

## ■ GIÚP NẠN LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐH. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 200DM. Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Phật Quang (Pháp) 10DM. Nguyễn Thái Lan (Suisse) 100DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Lê Thị Văn (Velpeke) 50DM.

Chi Hội PTVNTN tại Erlangen, Fürth, Nürnberg 1.200DM. Chi Hội PTVNTN tại Karlsruhe 600DM. (Số tiền này đã chuyển qua Ni Sư T. N. Diệu Tâm để chuyển về Việt Nam). Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 10DM.

## ■ HỖNG LINH KÝ TỰ

ĐH. Lương Văn Khoa (Bielefeld) 150DM, HHHL ĐH Lương Văn Khoa. Ký tự HLĐH Viên Nhuận Lâm 200DM. Trần Minh Tuấn (Zwickau) 150DM. HL ĐH Trần Thị Thu Pd Diệu Thuận. Thiện Nam (Hamm) 150DM, HL cứu huyền thất tổ họ Nguyễn + Đồng. Lê Thị Thu (Hungen) 150DM, HL ĐH Nguyễn Hồng Phượng. Lay Chung Fong (Bremen) 150DM, HL ĐH Lai Vinh Lâm. Nguyễn Thanh Nam (Speyer) 150DM.

## ■ QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TRONG & NGOÀI NƯỚC

ĐH. Ấn danh (Reutlingen) 200DM. Nguyễn Nhân Lộc (USA) 80US. Trần Thị 50DM. Trần Thị 50DM. Lý Thị Hoa (Pforzheim) 40DM. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 300DM. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM.

## ■ PHẬT ĐÀN

ĐH. Trương Thị Hà Thanh (Đan Mạch) 50Kkr.

## ■ VU LAN

ĐH. Trương Thị Hà Thanh (Đan Mạch) 50Kkr. Đào Trọng Cường (Canada) 20Can. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM.

## ■ CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Thị Bè (Köln) 50DM. Thanh Vũ 30DM. V.D. Bùi (Hòa Lan) 200Guld. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM.

## ■ QUỸ MÁY IN

ĐH. Huệ (Bi) 500FB. Trịnh Tuấn Hùng (Salzbergen) 20DM.

## ■ QUẦY HÀNG TÌNH THƯƠNG

ĐH. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM.

## ■ TRAI TỶ NẠN

ĐH. Nguyễn Thái Đức Việt (Weilburg) 10DM.

## ■ LỄ VÍA QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

ĐH. Diệu Thiện 30DM.

## Phương danh phật tử cúng đường kiến lập chùa Linh Thứu - Berlin

Thượng Tọa Viên Giác (Hannover) 5000DM. Lưu Đức Vũ (Berlin) 1.000DM. Nguyễn Thị Lưu (\*) 1000DM. Bùi Thủy Danh (\*) 1050DM. Phi Thị Lan Hương (\*) 1000DM. Đỗ Thị Thuận (\*) 2000DM. Lâm Thị Múi (\*) 1000DM. Cao Thị Lan (\*) 1000DM. Roãn Thị Luân (\*) 1000DM. Huỳnh Thị Chi (\*) 1000DM. Nguyễn Văn Mỹ (\*) 500DM. Trương Thị Thu Thủy (\*) 1000DM. Trần Thị Hồng Hương (\*) 1000DM. Đinh Đình Tuấn (\*) 500DM. Phạm Nhân + Thúy Phượng (\*) 1000DM. Lâm Liêng Nguyệt (\*) 1000DM. Trần Thị Kim Lan (\*) 500DM. Lê Văn Hoàn (\*) 1000DM. Trần Thị Ý Nhi (\*) 1000DM. Nguyễn Văn Mỹ (\*) 500DM. Võ Văn Mai (\*) 500DM. Nguyễn Văn Nhiêu (\*) 1000DM. Cao Minh Miên (\*) 1000DM. Thiện Tịnh (\*) 1000DM. Thiện Hiền (\*) 500DM. Phan Thị Minh (\*) 5000DM. Nguyễn Thị Thảo (\*) 1000DM. Diệu Thiện (\*) 200DM. Diệu Phan (\*) 200DM. Nguyễn Thị Diệu Hạnh (\*) 1000DM. Trịnh Kim Minh (\*) 1000DM. Trần Thọ Huân (\*) 1000DM. Trần Hồng Đức (Hannover) 300DM. Đặng Tú Dũng (Berlin) 1000DM. Võ Thị Song (\*) 300DM. Huỳnh Quang Đăng (\*) 1000DM. Nguyễn Tặng (\*) 1000DM. Phạm Thị Bích Phượng (\*) 1000DM. Trần Thị Búp (\*) 1000DM. Diệu Thiện (\*) 200DM. Đặng Mộng Thu (\*) 1000DM. Nguyễn Thanh Tùng (\*) 100DM. Quách Ủy Trung (\*) 600DM. Huỳnh Hữu

Quy (\*) 500DM. Lê Thị Thanh (\*) 500DM. Diệu Tịnh (\*) 1000DM. Nguyễn Trung Ngồn (\*) 1000DM. Đỗ Thị Thanh Hòa (\*) 200DM. Trần Việt Hùng (\*) 500DM. Trần Việt Hải (\*) 500DM. Phạm Thị Lâm (Norddeich) 500DM. Chĩ Tý (\*) 100DM. Dũng Lam (\*) 100DM. Danh Thị Cẩm Dung (\*) 20DM. Bích Trâm + Ngọc Trâm (\*) 50DM. Trần Thị Khỏe (\*) 10DM. Phạm Văn Tuấn (\*) 300DM. Lý Thị Du (\*) 50DM. Anh Biên (\*) 50DM. Nguyễn Thị Chi (\*) 10DM. Thái Văn Anh (Aurich) 50DM. Đào + Oanh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Trung (\*) 40DM. Danh Thị Loan (\*) 10DM. Mai Xuân (Bremen) 20DM. Vũ Trọng Anh (\*) 50DM. Trương Công Thiện (\*) 50DM. Thái Đình Hải (\*) 20DM. Nguyễn Ngọc Hiếu (\*) 20DM. Hồ Quang Dũng (\*) 20DM. Tôn (\*) 20DM. Trần Văn Các (\*) 50DM. Nghiêm Thị Khanh (Berlin) 50DM. Lê Duy Phong (\*) 50DM. Nguyễn Thị Toàn (\*) 20DM. Chĩ Linh (\*) 3DM. Anh Thàng (\*) 3DM. Hoàng Thị Huyền (\*) 100DM. Chuyên Chuyên (\*) 30DM. Nguyễn Phương Chi (\*) 50DM. Nguyễn Thế Nghiệp (\*) 30DM. Ông Vũông (\*) 10DM. Nguyễn Thị Thu Hà (\*) 50DM. Nguyễn Thị Minh (\*) 30DM. Đào Bích Lan (\*) 20DM. Chu Văn Toàn (\*) 50DM. Chu Văn Hòa (\*) 20DM. Đỗ Thị Hằng Nga (\*) 10DM. Vũ Xuân Hải (\*) 50DM. Lê Thị Thu Hà (\*) 60DM. Nguyễn Thị Hai (\*) 200DM. Đào Thị Thanh Khiêm (\*) 50DM. Nguyễn (\*) 20DM. Trịnh Hoa Linh (\*) 50DM. Đinh Thị Xếp (\*) 200DM. Lâm Thị Thu Tâm (\*) 50DM. Phạm Thị Trúc Phương (\*) 50DM. Bắc Sáu Lão (\*) 50DM. Phan Kim Núi (\*) 100DM. Nhung (\*) 50DM. Lê Thành Phương (\*) 20DM. Nguyễn Phát Cường (\*) 50DM. Bích Thủy (\*) 10DM. Nguyễn (\*) 50DM. Lâm Kim Chung (\*) 20DM. Trang Hiệp (\*) 50DM. Nguyễn Đức Khánh (\*) 100DM. Võ Thành Tín + Nguyễn Thị Nghĩa (\*) 100DM. Trần Văn Em (\*) 100DM. Gđ. Nguyễn (\*) 50DM. Ngô Đình Đạo (\*) 50DM. Cao Đắc (\*) 50DM. Ngô Thị Hải (\*) 100DM. Đinh Văn Tuấn + Cao Thị Bích Liên (\*) 100DM. Bùi Thị Xuân (\*) 50DM. Ấn danh (\*) 200DM. Trang Kim Huệ (\*) 100DM. Phạm Thị Thọ (\*) 100DM. Oanh + Suốt (\*) 100DM. Phương Thái (\*) 100DM. Trương Minh Hương (\*) 20DM. Dương Công Bình (\*) 20DM. Nguyễn Văn Tiến (\*) 20DM. Lê Văn Giung (\*) 200DM. Trần Thị Phước (\*) 500DM. Hồng Sơn (\*) 50DM. Bình Trang (\*) 50DM. Bến Phước (\*) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (\*) 50DM. Nguyễn Thế Thụy (\*) 200DM. Vũông Khả Nhan (\*) 20DM. Vũ Văn Cường + Quý (\*) 20DM. Tiêu Cẩm Thảo (\*) 200DM. Ngô Ngọc Hiếu (\*) 100DM. Huỳnh Thị Thu Thủy (\*) 1000DM. Vũ Kim Hồng (\*) 50DM. Huỳnh Hiệp Khoái (\*) 50DM. Trần Thị Minh Tâm (\*) 50DM. Trần Văn Thượng (\*) 50DM. Trần Thọ Tùng (\*) 50DM. Bắc Lộc (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc Linh (\*) 10DM. Nguyễn Đình Hiền (\*) 100DM. Nguyễn Văn Quang + Ngọc (\*) 20DM. Phạm Thị Vinh (\*) 20DM. Nguyễn Mưa (Norddeich) 50DM. Huỳnh Trung Liệt 50DM. Nguyễn Tấn 100DM. Hồng Văn Nam (Berlin) 100DM. Lê Thị Thu Nga (\*) 200DM. Đặng Thành Long (\*) 100DM. Trần Nghiênn (\*) 50DM. Thái Văn Múc (\*) 100DM. Nguyễn Chin (\*) 50DM. Lai Nhân (\*) 100DM. Vũông Thủy Hà (\*) 200DM. Thái Văn Sơn (\*) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Trang (\*) 100DM. Nguyễn Thị Thối 50DM. Nguyễn Văn Quang 50DM. Phan Văn Lý 10DM. Ông Lê Tích 30DM. Nguyễn Anh Vũ 20DM. Nguyễn Tuyết Vân 10DM. Nguyễn Thị Lưu 100DM. Bắc Năm 100DM. Bắc Tâm Mết 100DM. Lê Trung Hiếu 100DM. Nguyễn Hữu Tài 100DM. Nguyễn Thị Nguyệt 30DM. Tứ Hại 20DM. Thái Chí 30DM. Lê Thị Thoa 100DM. Nguyễn Song Nga 100DM. Lê Thị Kim Thẩm 100DM. Huỳnh Tấn Thành 100DM. Ngô Văn Mến 20DM. Phan Thanh Hùng 20DM. Liên Tuấn Việt 300DM. Trần Văn Mẫn 500DM. Huỳnh Hữu Quốc 100DM. Hải 10DM. Tiến Dũng 5DM. Lê Thủy Kiều 10DM. Bùi Tiến Khấn 10DM. Nguyễn Ngọc Tiến 10DM. Nguyễn Văn Thắng 10DM. Hồng, Tuyết, Sơn 30DM. Công, Khoa 15DM. Nguyễn Văn Mỏ 10DM. Linh, Tâm, Téo 20DM. Trần Văn Kha 10DM. Nguyễn Mạnh 10DM. Trương Minh Mười 10DM. Hằng, Việt Đức 10DM. Đức 10DM. Quốc 10DM. Huỳnh 50DM. Sáu, Có 20DM. Tiến và Vi 10DM. Thế, Ba, Bảo, Ngọc Anh 100DM. Nguyễn Thị Tuyết Khê 20DM. Trần Thị Giang 20DM. Ngô Thị Thuông 20DM. Nguyễn Tiến Dũng 15DM. Nguyễn Thị Kim Mai 90DM. Trần Thị Hồng Văn 5DM. Nguyễn Thị Phụng 5DM. Nguyễn Văn Dũng 20DM. Vũ Anh Thắng 10DM. Đinh Quang Hợp 20DM. Lê Thị Toàn 20DM. Hương 10DM. Dương Thị Lưu 20DM. Nguyễn Thị Mai Phương 30DM. Hoàng Thị Hà 10DM. Dương Văn Kha 20DM. Vinh 10DM. Nguyễn Hải Sơn 10DM. Vũ Thủy Hương 10DM. Bùi Hồng Hà 10DM. Trần Văn Anh 20DM. Nguyễn Tuấn Cường 10DM. Dương Thị Minh Ngọc 10DM. Trương Tú 20DM. Trần Thị Tuyết 20DM. Mai Văn Lộc 20DM. Hoàng Hoa Nam 50DM. Ấn danh 10DM. Sáu Căn 20DM. Phan Thị Ánh Tuyết 50DM. H. Bat Ngàn - Nguyễn Văn Hùng 20DM. Phương Anh 10DM. Gđ. họ Lê 20DM. Đặng Huy Dũng 50DM. Nguyễn Đình Hùng Liên 20DM. Đỗ Tùng Sơn 50DM. Phạm Khánh 5DM. Tuấn Anh 20DM. Tô Vinh Hòa 500DM. Trần Tuấn Đức 200DM. Ngô Tài 100DM. Ngô Thành 100DM. Ngô Cẩm Ngồn 100DM. Phòng Chí Quy 100DM. Đào Thị Thanh Thủy 200DM. Ấn danh 45DM. Nguyễn Đình Hoàng 1000DM. Nguyễn Văn Long 100DM. Phạm Vinh Tuấn 30DM. Trong Xuân, Minh Vũông 20DM. Thịnh Thuận Kim Anh 50DM. Đạt Nhung 30DM. Nhung Công 20DM. Trung Lương 50DM. Mai 20DM. Ấn danh 10DM. Phong Nghĩa 50DM. Chuyên 10DM. Ấn danh 40DM. Văn Tú 50DM. Bắc Sáu 50DM. Anh Thi 20DM. Hùng Minh 50DM. Chĩ Nga 50DM. Anh Thanh 20DM. Phương Lan 50DM. Tuấn Hoa 200DM. Loan Hội 100DM. Thái Hà 50DM. Chĩ Nghi

50DM. Hồ Cường 50DM. Tâm Anh 50DM. Oanh 20DM. Loan Nguyễn 10DM. Thịnh 10DM. Nguyễn Thị Ngân 100DM. Nguyễn Ngọc Bích 20DM. Nguyễn Thị Huệ 200DM. Con có Tâm Mết 150DM. Phạm Quốc Phong 1200DM. Ngân quý công Trai 120 1050DM. Nguyễn Hoàng Kiệt 100DM. Vũông Minh Đăng 100DM. Nguyễn Văn Quang 500DM. Đỗ Thị Dàn 40DM. Hoàng Văn Phúc 100DM. Đỗ Thị Mai 100DM. Trương Thị Hoa 500DM. Bửu Cầu 100DM. Lương Nghĩa 50DM. Lao Kim Chi 200DM. Lương Thị Phần 50DM. Đinh Anh Tuấn, Nam 100DM. Nguyễn Thanh Long 600DM. Hà Thúc Trí 150DM. Trần Văn Phi 50DM. Trần Ngọc Đức 50DM. Nguyễn Thị Hiền 100DM. Trần Văn Ba 100DM. Hãnh Suegmund Taden 30DM. Đoàn Văn Hùng 100DM. Mustafa-Nollas 30DM. Nguyễn Thị Hùng 20DM. Đinh Anh Dũng 50DM. Ngô Thị Bích Liên 100DM. Huỳnh Quang Ủ 20DM. Huỳnh Anh Thư 50DM. Võ Văn Trúc 100DM. Chiêu Văn Mười 50DM. Bùi Minh Thủy (Hamburg) 1000DM. Lê Thủy Lan 50DM. Thu Thảo 100DM. Trần Hoàng Minh 50DM. Nguyễn Thị Hộ 50DM. Ấn danh 250DM. Sầm Minh Hiếu 50DM. Đặng Thị Mỹ Dung 400DM. Hiếu Đình 100DM. Hương 100DM. Nguyễn Thị Thu Hà 100DM. Đặng Văn Tuấn 100DM. Thúc 100DM. Sudda 50DM. Nguyễn Thị Thu Thủy 500DM. Nguyễn Ngọc Anh 200DM. Nguyễn Thị Thanh Trang 50DM. Nguyễn Quốc Việt 10DM. Tôn Thất Quốc Mẫn 100DM. Tú Phước 200DM. Cao Hợp Đức 50DM. Bùi Thu Tâm 20DM. Phan Thu Huyền 20DM. Nguyễn Mạnh Hùng 100DM. Nguyễn Quang Bình 500DM. Nguyễn Kim Đốc 500DM. Đoàn Thị Thẩm 20DM. Lai Diệu Chinh 100DM. Dương Cẩm Toàn 100DM. La A Xú 100DM. Lành Tuyết Nhung 20DM. Lê Thanh Thủy 10DM. Bùi Thị Hào 10DM. Nguyễn Quốc Anh 10DM. Nguyễn Thị Lan 100DM. Nguyễn Ngọc Hậu Linh 100DM. Nguyễn Thị Vân 100DM. Trần Văn Minh 50DM. Đào Thị Hạnh 50DM. Đoàn Thị Thanh Tâm 100DM. Nguyễn Thanh Thủy 500DM. Lê Thị Lan (Diệu Cam) 500DM. Nguyễn Thị Thiệp 1000DM. Lê Thị Anh Châu, Vinh 100DM. Phan Thị Xuân Lộc 500DM. Liên, Huệ, Ngọc 500Kr. Nguyễn Thị Tâm 50DM. Nguyễn Xuân Nghiênn 100DM. Đàm Bích Thủy 500DM. Nguyễn Thị Trí 200DM. Dương Cam Toàn 200DM. DEVECO (Tiệm) 200DM. Phan Thu Nhi 500DM. Gđ. họ Đàm 150DM. Phạm Thị Nhâm 1000DM. Nguyễn Quang Thịnh, Mỹ Ngọc 200DM. Vũ Ngọc Đào Thủy, Tiffany 200DM. Quách Xuân Hà, Phạm Thị Hoa 200DM. Quách Nguyễn Kỳ 200DM. Quách Tý 200DM. Quách Xuân Thành 20DM. Đàm Văn Ba 100DM. Có Mỹ 10DM. Có Mai 10DM. Có Tinh 10DM. Vũ Quốc Thanh 20DM. Hôn Hók Lau 1200DM. Ông Bà Vinh Lợi 1000DM. Anh Đức 50DM. Phạm Thị Thu Thủy 50DM. Nguyễn Liên 200DM. Dương Thanh 100DM. Đinh Anh Tú 50DM. Lâm Quang Nam 100DM. Văn Công Trâm 3000DM. Huỳnh Sơ Khanh 1000DM. Nguyễn Văn Hiền 100DM. Nguyễn Hữu Lộc 1000DM. Có Hạnh Ân 500DM. Có Hạnh Châu 500DM. Gđ. Diệu Anh 400DM. Lê Thanh Hải 20DM. Trần Thiệp Kỳ 30DM. Anh Thanh 10DM. Ấn danh 200DM. Lê ThịDET 30DM. Ấn danh 10DM. Đỗ Bích Lê 20DM. Ấn danh 50DM. Ấn danh 10DM. Chĩ Chuy 10DM. Ấn danh 10DM. Ấn danh 10DM. Restaurant ấn danh 60DM. Trần Minh Hải 100DM. Nguyễn Hoa Phương 100DM. Bert, Tuyết Bình 100DM. Dương Thị Bình 30DM. Nguyễn Văn Bé 200DM. Võ Văn Thịnh 50DM. H/L Vũ Thị Mùi 500DM. Trần Thị Cẩm Hoa 200DM. Sứ Có Minh Hiếu 100DM. Sứ Có Đạt Phương 100DM. Phạm Ngọc Sơn 100DM. Phạm Thị Đội 150DM. Ngô Giàu 200DM. Hồ Đắc Minh Thống 100DM. Đ-H. Phong 10DM. Nguyễn Thanh Thu 30DM. Ngô Đổng Sĩ 20DM. Nguyễn Chí Công 20DM. Ngô Hải Linh 20DM. Lý Tuyết Ngọc 20DM. Ngô Sĩ Hiền 20DM. Ngô Hoàng Tuấn, Thu, Trí, Tú Anh 30DM. Trần Thiệp Đạo 100DM. Hứa Văn Đức 20DM. Đào Kim Huệ 85DM. Trí Thông (China Haus) 2000DM. Trần Ngọc Văn 20DM. Nguyễn Thị Lan 10DM. Nguyễn Thủy Trang 100DM. Huỳnh Văn Bông 200DM. Nguyễn Văn Huệ 50DM. Trần Kim Yên 50DM. Nguyễn Thị Kim Sa 100DM. Huỳnh Thu Hằng - Kỳ Lân 50DM. Đặng Thị Quyên 10DM. Nguyễn Văn Quy 10DM. Nguyễn Văn Sinh 10DM. Phạm Văn Nho 10DM. Trần Ngọc Hải 50DM. Nguyễn Minh Quân 10DM. Lê Văn Tâm 50DM. Nguyễn Quốc Anh 10DM. Nguyễn Ngọc Hậu Linh 100DM. Nguyễn Thị Vân (Diệu Hằng) 100DM. Nguyễn Thị Văn, Kim Oanh 100DM. Nguyễn Văn Chiến 50DM. Cao Thị Ánh Tuyết 50DM. Phùng Hoàng Thúc 100DM. Gđ. Nguyễn Văn Bình 100DM. Gđ. Đào Mộc 100DM. Gđ. Tiểu Gia Mạch 200DM. Trần Long 100DM. Nguyễn Mạnh 1000DM. Đinh Hoàng Ngô 50DM. GĐPT Chánh Niện (Nĩ Liên) 400DM. Huỳnh Thị Hiệp Hùng 20DM. Trần Thủy Nam 50DM. Nguyễn Khai Tâm 50DM. Trần Thị Mỹ Phương 50DM. Nguyễn Trần Thy Thị Sessice 50DM. Nguyễn Anh Tuấn 50DM. Thiệp Bách - Lệ Thị 50DM. Bùi Thiệp Thu 30DM. Nguyễn Thu Anh 59DM. Chùa Phật Quang Sơn 1000DM. Vũ Thị Tâm 200DM. Phạm Đăng Hiếu 500DM. Lê Thị Cúc 20DM. Lê Việt Tiến 1000DM. Đinh Thị Nghĩa 50DM. Trần Ngọc Quang 5DM. Nguyễn Thị Mai Thủy 5DM. Khoa Việt Thịnh 30DM. Thu Hương 50DM. Đỗ Thu Hương Diệu Hoa 300DM. Nguyễn Tác Chiến 100DM. Phùng Kim Liên 50DM. Bắc Trúc (Diệu Tinh) 100Fr. Lý Thị Hiền 50Fr. Lê Thị Thảo 50Fr. Lưu Huệ Trinh 100Fr. Nguyễn Mỹ Hoa 100Fr. Tủy Hồng (Diệu Viên) 100Fr. Xuân Hương (Châu Thọ) 199Fr. Diệu Huệ 50Fr. Thanh Mai 50Fr. Trịnh Quang Chất 100Fr. Lý Mỹ Liên (Diệu Tâm) 50Fr. Diệu Đạt 50Fr. Hôn 10DM. Bùi Thị Ngủ 10DM. Đào Thị Lan 10DM. Huỳnh Thị Luân 80DM.

Trần Thị Phương Nga 50DM. Nguyễn Xuân Cường 400DM. Cao Hợp Đức 20DM. Phun Vong Ca Khoan 100DM. Đinh Thị Hạnh 199DM. Lê Thị Thoa 20DM. Trần Thị Xuân Mai 20DM. Nguyễn Thị Thịnh 20DM. Phạm Thế Hiệp Hòa 200DM. Hà Thị Tú Hoa 50DM. Thiệp Chính 100DM. Bùi Quang Hiền 50DM. Nguyễn Thị Sanh 100DM. Nguyễn Thanh Thảo 20DM. Lê Thanh Tâm 20DM. Bùi Thanh Dũng 20DM. Bùi Anh Đào 20DM. Bùi Ngọc Liên 20DM. Bùi Huy Thiện (Phúc Lương) 50DM. Dương Ngọc Quang 50DM. Chĩ Huyện 50DM. Đào Xuân Phương 20DM. Huỳnh Quang Tùng 100DM. Huỳnh Quang Yên 50DM. Huỳnh Quang Hồng 50DM. Huỳnh Quang Diệp 20DM. Nguyễn Tăng Tâm 50DM. Nguyễn Thị Thanh 50DM. Phan Đăng Quyền 100DM. Huỳnh Văn Điền 50DM. Thái Văn Phước 50DM. Trần Mỹ Lệ 200DM. Tạ Thu Hiền 200DM. Trần Khánh Mỹ 100DM. Lê Pao Sỹ 100DM. ĐH. Hà Phước Nhuận + Tôn Nữ T. Xuyen (Hannover) 50DM. Hà Phước Minh Thảo + Hà Thị Minh Tâm + Hà Thị Minh Cẩm (\*) 50DM. Trần Thị Hiền (Latzten) 100DM \*

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin cùng quý bà con thân hữu; Chồng, Cha, Ông của chúng tôi là:

### ÔNG THÁI PHI LONG

Pháp danh **Thiện Nhơn**

Sinh ngày 01.02.1932. Mất ngày

13.3.1998 . nhằm ngày 15.02 năm Mậu

Dần. Hưởng thọ 66 tuổi.

Gia đình chúng con xin cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác

- Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Arhus - Đan Mạch

- Đại Đức Thích Hạnh Bảo, chùa Viên Giác

Đồng thời chúng tôi cũng xin cảm tạ:

- Ban Trị Sự và Ban Hộ Niệm chùa Quảng Hương Arhus, Đan Mạch.

- Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam Arhus và bạn bè, thân hữu Việt Nam, Đan Mạch đã đến chia buồn, hộ niệm và tham dự lễ hỏa táng của Chồng, Cha, Nội Tổ chúng tôi.

Trong lúc tang gia hữu sự, chắc chắn có nhiều điều sơ sót. Kính mong quý vị niệm tình hi thứ cho.

Tang gia đồng bái tạ

- Vợ Trần Thị Liên

- Trưởng nam Thái Phi Khanh, Vợ và con, Đan Mạch. - Thủ nam Thái Phi Loan và Vợ - Đan Mạch. - Thủ nữ Thái Thị Đoàn Trang, Chồng và con, Đan Mạch.

## PHÂN ƯU

Được tin buồn: Thân & Nhạc Mẫu Đạo Hữu Đoàn Thành Hưng & Thiện Sơn Hùng Thục Kim (Troissinger) là:

### CỤ BÀ ĐOÀN THỊ YẾN

Pháp danh **Thiện Tịnh**

sinh năm 1925 tại Hà Nội đã mệnh chung vào ngày 16.3.1998 nhằm ngày 18 tháng Hai năm Mậu Dần tại Frankfurt-Fechenheim. Hưởng thọ 74 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng gia đình Đạo Hữu & Tang quyến. Nguyên cầu hưởng linh Cụ Bà Thiện Tịnh Đoàn Thị Yến được vàng sanh về Cực Lạc Quốc.

- Chi Hội PTVNTN tại Tuttlingen-Rottweil & VPC

- Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen & VPC.



## VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-  
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

### CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

### CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

### QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

### BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỬ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điện - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh  
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -  
Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù  
Vân

Hồ Trường An (Pháp) - Tụy Anh (Đức) - Nguyễn Văn Ba  
(Canada) - Từ Xung Roland Berthold (Đức) - Thanh Bình  
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý  
Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - H.T. Thích Trí Chơn  
- Dr. Phan Quang Đán (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đạu Đồng (Đức) -  
D.S. Trương Thị Mỹ Hà (Đức) - Phương Hà (Bi) - Thái Tú  
Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan) - Nguyễn Tấn  
Hung (Mỹ) - Trần Thị Nhật Hùng (Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn  
Kiêm (Pháp) - Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ) - Quang Kính (Đức) -  
Nguyễn Minh Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu  
Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện Mẫn  
(Nga) - Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức)  
- Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong  
Hùng Lưu Nhôn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng  
Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhôn (Đức) -  
Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nương LNC (Pháp) - G.S. Lê  
Văn Quoi (Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S.  
Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trương Ngọc Thanh (Đức) - Phạm  
Thắng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn  
Thủy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài Việt (Pháp) - Yên Tú  
Cú Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp), Dr. Võ Thu Tịnh (Pháp).

### KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

### CÙNG SỬ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức  
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

### TÒA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail pagode-vien-giac @oln.comlink.apc.org

### VIÊN GIÁC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover

## MỤC LỤC

## Trang

Thủ tòa soạn

1

### ● TÔN GIÁO

Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp - Đoàn Văn Thông

2 - 7

Luận về đời tiếp nối đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

8 - 10

Tỉnh thức trong hiện tại sát na - Tâm Trạng Ngô Trọng Anh

11 - 15

### ● AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes ... - Tu Xung Roland Berthold

16 - 17

### ● VĂN NGHỆ

Hai ngày với chánh pháp - Huy Giang

18 - 20

Nguồn gốc của khổ đau - Cú sĩ Chính Trực

20 - 22

Vườn Thơ Viên Giác - Phù Vân

23 - 28

Trang Hoa Phượng - Hồng Nhiên phụ trách

29 - 33

Công Chúa Kim Cương - Hồng Nhiên sưu tầm

Chim thiên đường - T.T. Lê Ngọc

Trịnh Nguyễn phân tranh - Bé Ngọc

■ Gia Đình Phật Tử - Thiện Căn

Độc sách : Dòng sông trầm lặng - Đan Hà

34 - 35

Gặp gỡ - Mạnh Bích

36 - 37

Phùng Cung - Nguyễn Chí Thiện

38 - 41

Còn nhỏ không anh ? - Vũ Thị Dạ Thảo

42 - 44

Con mắt của số tâm hồn - Thiện Nghĩa

44 - 45

Đức tin và Khoa học

45 - 46

Vài ý kiến của Vũ Hoàng Chương về thí nghiệm Nguyễn Du - Thiện Hỷ

47 - 48

Cao Bá Quát với cuộc "cách mệnh Thang, Võ" - Võ Thu Tịnh

49 - 51

Chất chịu kỷ niệm - Hồ Trường An

52 - 55

Tỏi Bắc Kinh - Trần Phong Lưu

56 - 61

Tìm lại mùa Xuân đã mất - Nguyễn Quý Đại

62 - 64

Biên Khảo : Từ miền đông Hoa Kỳ xa xôi .... Yên tử cú sĩ Trần Đại Sỹ

65 - 70

Bi kịch của một tâm hồn vĩ đại - Thiện Xuân & Thiện Mẫn

70 - 75

Việt Nam : Một bình minh kinh tế và nhiều bóng tối về xã hội - V.K

76

Diễn đàn dân chủ : Hà Văn Hón - Nguyễn Văn Tân - Lê Minh Huy - Nguyễn

77 - 79

Ngọc Lai - Nguyễn Anh Quân - Đặng Thanh Hoài .

Thế Thao - Người Giám Biên

80 - 82

Thờ sự thể giới - Phan Ngọc

83 - 88

Tin Phật Sự - Thông Báo - Sinh hoạt cộng đồng - Giới thiệu sách - Nhắn tin

89 - 96

- Hộp thư Viên Giác - Phấn Ưu - Cáo phó.

Phương danh cúng dường

97 - 98

### ● THỞ :

7. Tâm tình gửi Huế (Dư thị Diễm Buồn) - 10. Phật và Chùa (Vi Khuê) - 35. Đã mòn con mắt (Thanh Nguyên) - 41. Lời hay ý đẹp (Hà Đạu Đồng) - 44. Tâm Hú (Hà Huyền Chi) - 48. Đêm ngắm Quỳnh hoa (Lê Thị Bạch Nga) - Thăm Nuôi (Đông Châu) - 51. Đòi hủ ào & Buốc vào chùa (Trịnh Chung) - 55. Hủ, Xuân lại đến (Dương Huệ Anh) - 75. Thiếu mùa trăng quê ngoại (Tùy Anh) - 88. Thương về cố quốc (Trần thị Kim Chung) - 94. Cõi tạm (EP)

### ● HÌNH BÌA : Huyền Việt

# Beauty-Center Kosmetik

## Thẩm Mỹ Viện

# Thị Thanh

Với bằng cấp tại Đức và được tu bổ nghề nghiệp tại Hoa Kỳ "California" đại diện cho Trung Tâm Thẩm Mỹ Giải Phẫu tại Hoa Kỳ và Đức.

Trang điểm vĩnh viễn đẹp tự nhiên, gây tê ít đau, mực tốt không phai xâm viên mắt trên, mắt dưới, viền môi, nguyên đôi môi xâm lông mày tự nhiên, pha màu để hợp với màu tóc, nhận xóa vết xâm hủ và bị phai màu, nhận xâm cho khách hàng ở xa, chỉ cần xâm một lần là hoàn toàn đẹp và bảo đảm.

**CHỮA TRỊ CÁC VẾT NHĂN :** Trên mặt để kéo lại tuổi xuân từ 10 - 15 tuổi, trị má hóp, hóp 2 bên thái dương, rãnh sâu 2 bên khóe miệng.

**CÀM :** Chừa cảm lẹm, cảm quá ngắn, làm cảm chề.

**MŨI :** Làm mũi cao, trị mũi bị nhân ngay sống mũi, hoặc mũi bị lõm ngay sống, sẽ đầy đặn và cao tự nhiên.

**MÔI :** Môi trái tim, và làm môi mỏng đầy đặn quyến rũ đẹp thật tự nhiên bảo đảm không đau không cần giải phẫu.

**TRỊ GIƯỜNG MẶT QUÁ MẬP :** Sau 10 lần massage và chạy máy sẽ đem lại cho các bạn 1 gương mặt thon gọn khả ái.

**THÂN HÌNH QUÁ MẬP :** Sau 10 - 15 lần chạy máy sẽ đem lại một thân hình rắn chắc hấp dẫn và chỉ dẫn cách thức ăn uống và có các loại thuốc sinh tố "Vitamin" để giữ sự cân bằng cho cơ thể không bị quá mập.

**LỘT DA VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC LOẠI DA :** Da mụn, mụn cám, mụn bọc, khô nhờn cần côi dị ứng ời mụn thâm đen nám, tàn nhang trong vòng 2 đến 4 tháng kết quả tốt đẹp từ 80% đến 100%.

Có bán nhiều loại mỹ phẩm được chọn lọc kỹ qua nhiều nước : Pháp, Đức, Đại Hàn, Nhật. Đặc biệt độc quyền đại lý mỹ phẩm trộn vàng LAC của Nhật "Mỹ Phẩm Vàng là một kho tàng của sắc đẹp" và mỹ phẩm trộn vàng hiệu Oscar Japan đang được ưa chuộng nhất hiện nay.

**Beauty-Center Thị Thanh** còn có rất nhiều mỹ phẩm khác để chọn lọc kỹ cho hợp với các loại da người Á Đông. Xin mời các bạn ghé qua để chủ nhân tận tay hướng dẫn các bạn chăm sóc làn da.

*Trang điểm cô dâu và dạ hội.*

### GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU

**Một bộ kem dưỡng da bằng thảo mộc của Pháp "Jean D'arcel"**

- Dành cho da khô (4 loại) 179 DM
- Dành cho da dị ứng (5 loại) 199 DM
- Dành cho da bình thường (4 loại) 179 DM
- Dành cho da nhờn mụn cám (5 loại) 199 DM
- Dành cho da mụn mủ, mụn bọc (6 loại) 199 DM
- Dành cho da có tuổi nhân nhiều (5 loại) 220 DM

**Một bộ kem dưỡng da bằng sâm nhung của Đại Hàn "Sami"**

- Dành cho da bình thường (4 loại) 180 DM
- Dành cho da khô (4 loại) 180 DM
- Dành cho da có tuổi và khô (4 loại) 220 DM

Vien Giac, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt H 46298

**Một bộ kem nguyên chất "Vitamin C". Đặc biệt làm khít lỗ chân lông.**

- Dành cho da bình thường (4 loại) 170 DM
- Dành cho da khô cần nhiều vết nhân (5 loại) 200 DM
- Dành cho da nhờn lỗ chân lông to (5 loại) 198 DM

**Mỹ phẩm trộn vàng là một kho tàng của sắc đẹp của Oscar Japan dành cho da hơi dị ứng và hơi nhờn ít mụn.**

- Gold Skin Lotion "làn khít lỗ chân lông" 180 DM
- Gold Milk Moisturizer (cho da khô & dị ứng) ban ngày 180 DM
- Gold Rejuvenating (ban đêm cho da bình thường & hơi nhờn) 220 DM
- Xà bông trộn vàng (cho da bình thường & nhờn) 50 DM
- Oscar Honey (mật ong chứa trộn vàng ít và nhân sâm) dùng để bồi dưỡng cơ thể, làm hồng làn da giúp tóc óng mượt và trị rụng tóc cho lứa tuổi vừa 75 DM

**Cùng là kem vàng hiệu "LAC" được gọi là cái lão hoàn đông**

- Gold Skin Lotion "làm khít lỗ chân lông" 180 DM
- Gold Skin Milk (dành cho da khô bình thường) 180 DM
- Gold Night (cho ban đêm, dành cho da có tuổi và rất khô) 320 DM
- "LAC" mật ong chứa trộn nhiều vàng và nhân sâm dành cho da có tuổi bồi dưỡng khí huyết, sống động của sắc hồng da, tóc ít bạc & trị rụng tóc, kéo lại tuổi xuân 320 DM
- Peeling tẩy trắng mịn da 37 DM
- Thuốc mọc lông mày và lông mi 34 DM
- Sơn môi giữ được 24 tiếng đồng hồ (có 4 màu) 18 DM
- Thuốc lột nhẹ (có 4 loại) 250 DM
- Thuốc lột mạnh (có 6 loại) 580 DM
- Thuốc trị nám, tàn nhang (5 loại) 300 DM

**Nhận gửi hàng đi khắp nơi  
Quý vị cần giá biểu xin liên lạc 2 địa chỉ  
trên chúng tôi sẽ gửi đến cho quý vị.**



1. Beauty-Cente Thị Thanh.  
Voigtstr.40 . 10247 Berlin

2. Kosmetik Thị Thanh  
Gross Ziethner Chausee 21 C  
12355 Berlin

Tel. : (030) 426 6371. Tel. & Fax : (030) 663 7874

Điện thoại cầm tay (Handy) : 0172 - 88 6 99 99

Thứ Hai đến thứ Sáu : 9:30 đến 18:30

Thứ Bảy : 9:00 đến 14:30